MARISTELLA BOTTICINI và ZVI ECKSTEIN

SỐ ÍT ĐƯỢC LỰA CHỌN

Giáo dục định hình nên lịch sử Do Thái như thế nào (70-1492)?

SỐ ÍT ĐƯỢC LỰA CHỌN

Giáo dục định hình nên lịch sử Do Thái như thế nào (70-1492)

Tác giả: Maristella Botticini, Zvi Eckstein
Dịch giả: Đặng Việt Vinh
Thái Hà Books

CUỐN SÁCH NÀY DÀNH TẶNG CHO
Bố mẹ tôi: Silvana và Giuseppe
Gia đình tôi: Dassie, Galia, Guy và Gil

https://thuviensach.vn

Foreword

AS THE AMBASSADOR OF THE STATE OF ISRAEL TO VIETNAM, I am often asked about Israeli education and how it paved the way to Israel's economic success in the 21st century.

The *Chosen Few* provides a unique understanding as to the Jewish history from economic perspective and the transformation of the Jewish people occupations from an agrarian society, farmers who worked the land, to an urban population of traders, entrepreneurs, bankers, financiers, lawyers, physicians and scholars.

The book demonstrates how education shaped our history and was a key factor in the transformation. The religious norm mandating universal Jewish education in which Jewish children had to learn how to read and write was already enacted in the first century and later on provided them with an advantage in the marketplace.

Further to education, the book describes how the Jewish religious norm intertwined with global developments has influenced the Jewish demography, mobility and the choice of occupation.

The authors applied the lens of economic analysis to the key facts of fifteen formative centuries of Jewish history, enabling readers to comprehend how the Jewish community voluntarily sought out economic opportunities while using their relative advantages.

Vietnamese, very much like to Israelis, value education and the need to invest in it. This book will enable Vietnamese readers to learn about the Jewish history and through it, to better understand modern-day Israel.

https://thuviensach.vn

Meirav Eilon Shahar
Ambassador of Israel to Vietnam
http://embassies.gov.il/HANOI
www.facebook.com/IsraelinVietnam

https://thuviensach.vn

Lời mở đầu

VỚI TƯ CÁCH LÀ ĐẠI SỨ ISRAEL tại Việt Nam, tôi thường nhận được những câu hỏi về nền giáo dục của Israel và nền tảng mà nó đã tạo dựng cho thành công của nền kinh tế Israel trong thế kỷ 21.

Số ít được lựa chọn cung cấp những kiến thức đặc sắc về lịch sử Do Thái trên khía cạnh kinh tế và sự chuyển đổi trong nghề nghiệp chuyên môn của người Do Thái từ những nông dân thành những cư dân thành thị làm việc trong các lĩnh vực tài chính, thương mại, ngân hàng, luật và nghiên cứu khoa học.

Cuốn sách diễn giải quá trình giáo dục đã định hình nên lịch sử Do Thái và tính then chốt của yếu tố giáo dục trong sự chuyển đổi về chuyên môn nói trên. Quy tắc tôn giáo quy định nền giáo dục Do Thái phổ thông, trong đó mọi trẻ em Do Thái phải học đọc và viết, đã được ban hành từ thế kỷ đầu tiên. Chính điều này đã đem lại lợi thế cho người Do Thái trên thương trường sau này.

Bên cạnh khía cạnh giáo dục, cuốn sách viết về sự ảnh hưởng của quy tắc tôn giáo Do Thái đặt trong sự phát triển toàn cầu tới các yếu tố nhân khẩu học, phân bố dân cư và lựa chọn nghề nghiệp của người Do Thái.

Qua lăng kính kinh tế, các tác giả đã phân tích những yếu tố then chốt trong mười lăm thế kỷ hình thành của lịch sử Do Thái, qua đó cho người đọc hiểu được cách cộng đồng người Do Thái tận dụng những lợi thế tương đối của mình để tìm kiếm cơ hội phát triển nền kinh tế.

Cũng giống như những người Israel, người Việt Nam hiểu được tầm quan trọng của giáo dục và việc đầu tư vào lĩnh vực này. Cuốn sách *Số ít được lựa chọn* sẽ giúp độc giả Việt Nam tìm hiểu thêm về lịch sử Do Thái, qua đó hiểu hơn về đất nước Israel hiện đại ngày nay.

https://thuviensach.vn

Meirav Eilon Shahar
Đại Sứ Israel tại Việt Nam
http://embassies.gov.il/HANOI
www.facebook.com/IsraelinVietnam

https://thuviensach.vn

Lời tựa

HÃY TƯỞNG TƯỢNG HAI NHÀ KINH TẾ HỌC ĐI NGƯỢC THỜI gian, đặt chân đến thị trấn Sepphoris ở Galilee năm 200. Khi bước vào một giáo đường, họ thấy một cậu bé người Do Thái chín tuổi, là con trai của một người nông dân, đang đọc kinh Torah trước người dân địa phương. Hai nhà kinh tế học này vốn có hiểu biết về cấu trúc nghề nghiệp và nhân khẩu học của người Do Thái thời nay phân vân liệu có mối quan hệ nào giữa những gì họ thấy trong chuyến hành trình ngược thời gian với lịch sử kinh tế và nhân khẩu học Do Thái sau này hay không.

Dự án nghiên cứu này là một cuộc hành trình nghiên cứu, học hỏi kéo dài 12 năm bắt đầu từ một cuộc nói chuyện trong bữa trưa ở căng-tin trường Đại học Boston, khi đó chúng tôi đặt mình vào vị trí của hai nhà kinh tế học du hành ngược thời gian. Chúng tôi chưa bao giờ tưởng tượng được rằng suy nghĩ của chúng tôi lại là một đề tài thú vị cho một bài báo mà sau này mở rộng thành hơn một thập kỷ vùi đầu vào một chồng sách vở khổng lồ, gặp gỡ các chuyên gia, học giả về Do Thái giáo và lịch sử người Do Thái, viếng thăm các giáo đường Do Thái cổ ở Galilee, suy nghĩ, thảo luận làm thế nào để diễn giải những thông tin, vấn đề chủ chốt về lịch sử người Do Thái thông qua lăng kính của lý thuyết kinh tế và cuối cùng là viết một cuốn sách. Cuốn sách dựa vào hai trụ cột kiến thức: 1) kho tài liệu khổng lồ mà các thế hệ sử gia và học giả Do Thái giáo đã xây dựng, 2) tư duy mà các nhà kinh tế học sử dụng khi nghiên cứu một loạt các chủ đề rộng lớn bao gồm lựa chọn nghề nghiệp, quyết định đầu tư cho giáo dục, tác động mà một chuẩn mực xã hội có thể gây ra đối với cách cá nhân đưa ra lựa chọn, cách tổ chức cộng đồng hay sự lựa chọn tôn giáo.

Trong suốt chuyến hành trình này, chúng tôi rất biết ơn các đồng nghiệp, học giả, các viện nghiên cứu, đặc biệt là Joel Mokyr ở Đại học Northwestern. Ngay từ khi mới bắt đầu, Joel Mokyr đã khích lệ chúng tôi bằng một lòng nhiệt tình vô hạn, cho chúng tôi những gợi ý quý giá và nhận xét vô cùng sâu sắc. Joel vô cùng hào phóng đọc bản thảo của chúng tôi vài lần, đóng góp lớn cho việc định hình cuốn sách. Ông cũng đóng vai trò chủ

https://thuviensach.vn

chốt trong việc tổ chức một cuộc hội thảo ở Đại học Tel Aviv tháng 12 năm 2010. Tại hội thảo, một nhóm các học giả thuộc nhiều lĩnh vực đã đọc bản thảo của chúng tôi và cho nhiều phản hồi vô cùng quý giá.

Ở các giai đoạn khác nhau của dự án này, nghiên cứu và bản thảo của chúng tôi nhận được sự giúp đỡ hào hiệp và gợi ý rất bổ ích của Mark Cohen, Moshe Gil, Claudia Goldin, Rachel McCleary, Aharon Oppenheimer, Peter Temin và Michael Toch. Đặc biệt, cuốn sách sắp ra mắt của Michael Toch về lịch sử kinh tế của người Do Thái ở châu Âu thời Trung cổ là một bạn đồng hành quan trọng với những lập luận chúng tôi đưa ra trong các chương 2, 7 và 8.

Chúng tôi vô cùng biết ơn những nhận xét sâu sắc của các học giả: Ran Abramitsky, Robert Barro, Albert Baumgarten, Menahem Ben-Sasson, Benni Bental, Eli Berman, Batsheva Bonné-Tamir, Robert Brody, Barry Chiswick, Carmel Chiswick, Sergio DellaPergola, Mauricio Drelichman, Jonathan Eaton, Stanley Engerman, Stefano Fenoaltea, Israel Finkelstein, Simha Goldin, Avner Greif, Nachum Gross, Elhanan Helpman, Philip Hoffman, Edi Karni, Aryeh Kasher, Steven Katz, Ephraim Kleiman, Timur Kuran, Larry Iannaccone, Kevin Lang, Uzi Leibner, Bernard Lewis, Ora Limor, Erzo Luttmer, Michael Manove, Robert Margo, Jacob Metzer, Jacob Neusner, Roberto Perotti, Yossef Rapoport, Zeev Safrai, Kenneth Sokoloff, Yannay Spitzer, Nathan Sussman, Manuel Trajtenberg, Yoram Weiss và Jeffrey Williamson. Chúng tôi cũng xin cám ơn các đồng nghiệp đã cho những gợi ý bổ ích khi chúng tôi trình bày nghiên cứu của mình tại các xê-mi-na và hội thảo.

Chúng tôi đã làm việc cật lực để đọc sàng lọc khối lượng tài liệu khổng lồ liên quan đến chủ đề cuốn sách nhằm đảm bảo đưa vào sử dụng những tài liệu phù hợp nhất. Danh mục tài liệu tham khảo của chúng tôi khá dài song cũng không thể nào trích dẫn được tất cả các cuốn sách và bài báo viết về 15 thế kỷ lịch sử Do Thái mà chúng tôi sử dụng trong cuốn sách của mình. Trong số hàng trăm cuốn sách và bài báo chúng tôi đọc, tác phẩm của hai học giả: Salo Baron, với sự uyên thâm của ông, và Shelomo Dov Goitein,

https://thuviensach.vn

với công trình bậc thầy của ông về tư liệu kho lưu trữ Cairo, là những ngôi sao dẫn đường cho dự án này. Khi nghiên cứu kho tài liệu lịch sử khổng lồ, Dalit Engelhardt, Dan Goldenberg, Polina Kroik, Eliezer Moav, Claudia Rei và Maria Cecilia Vieira da Silva đã hỗ trợ nghiên cứu đắc lực cho chúng tôi.

Chúng tôi vô cùng biết ơn các viện nghiên cứu và tổ chức đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu của chúng tôi trong suốt những năm qua. Đặc biệt, chúng tôi xin cám ơn Quỹ Khoa học Quốc gia (khoản tài trợ 0318364), Quỹ Khoa học Israel (khoản tài trợ 815-04), Đại học Boston (tài trợ khởi sự), Quỹ Collegio Carlo Alberto ở Torino (tài trợ khởi sự), Đại học Bocconi (tài trợ cho việc sửa chữa biên tập bản thảo). Riêng với Botticini, xin cám ơn quỹ học bổng Khoa John M. Olin Junior và quỹ nghiên cứu Alfred P. Sloan. Chúng tôi chịu trách nhiệm về mọi dữ liệu, phát biểu hay quan điểm trình bày trong cuốn sách này.

Chúng tôi cũng xin ghi nhận sự hỗ trợ hậu cần và lòng hiếu khách của khoa kinh tế các trường Đại học Bocconi, Đại học Boston, Đại học Tel Aviv, Đại học Minnesota, Đại học Torino cũng như Ngân hàng Israel, Quỹ Collegio Carlo Alberto và Dự trữ Liên bang Minneapolis. Chúng tôi vô cùng biết ơn Trung tâm nghiên cứu Phát triển Pinhas Sapir thuộc Đại học Tel Aviv đã tài trợ và đăng cai hội thảo do Joel Mokyr tổ chức tháng 12 năm 2010.

Chúng tôi vô cùng cám ơn Peter Dougherty và Seth Ditchik ở Nhà xuất bản Đại học Princeton, hai biên tập viên thực sự tuyệt vời, luôn ủng hộ chúng tôi, kiên nhẫn chờ đợi bản thảo của chúng tôi trong suốt những năm qua. Chúng tôi xin cám ơn Janie Y. Chan, Kathleen Cioffi và Dimitri Karetnikov đã giúp đỡ nhiệt tình trong giai đoạn sản xuất. Chúng tôi cũng cám ơn ba tác giả ẩn danh đã có những nhận xét sâu sắc và phê bình có tính xây dựng.

Chúng tôi vô cùng biết ơn Barbara Karni đã tư vấn, giúp đỡ vượt xa nhiệm vụ biên tập thông thường. Barbara đã đưa ra một danh sách dài bất tận những gợi ý sâu sắc, thực chất cho toàn bộ bản thảo, giúp chúng tôi định hình bản thảo tốt hơn, cải thiện văn phong bản thảo. Chúng tôi cũng vô cùng

https://thuviensach.vn

cám ơn Molan Goldstein đã biên tập bản thảo kỹ lưỡng, công phu. Bằng việc kiểm tra một số lượng chi tiết không lổ và đưa ra những gợi ý tuyệt vời, Molan đã góp phần lớn giúp cho bản thảo chính xác, tinh tế hơn. Chúng tôi cám ơn Richard Comfort đã giúp làm phần tra cứu nhanh.

Với bản tiếng Việt, chúng tôi chân thành cảm ơn bà Vũ Thị Thủy vì đã hỗ trợ kết nối liên tục trong quá trình xuất bản, ông Đặng Việt Vinh – dịch giả, các ông Phạm Nguyên Trường, Đặng Hoàng Xa – hiệu đính, và sự trợ giúp tuyệt vời của toàn bộ nhóm thực hiện của Thái Hà Books. Chúng tôi cũng bày tỏ sự biết ơn với Nguyễn Hồng Hạnh và Đàm Thị Trà My, hai sinh viên đang theo học tại Đại học Bocconi ở Milan, vì đã vui lòng kiểm tra giúp bản bông biên tập.

Chúng tôi xin được kết thúc danh sách dài những lời cảm ơn này bằng lời cám ơn dành cho người thân. Trong suốt 12 năm chúng tôi vất vả viết sách, những người bạn đời của chúng tôi: Massimo và Dassie đã kiên nhẫn lắng nghe hai chúng tôi tranh cãi, thảo luận hàng giờ trong các cuộc họp ở Israel, Ý và Mỹ. Họ là những người ủng hộ chính đối với cuốn sách này, theo cả cách hữu hình lẫn vô hình. Không lời nào là đủ để cám ơn họ.

Milan và Tel Aviv, 9/2014

https://thuviensach.vn

Lời nói đầu

CUỐN SÁCH NÀY LÀ MỘT HÀNH TRÌNH NGƯỢC THỜI GIAN nhằm tìm hiểu lịch sử hình thành của người Do Thái. Cuộc hành trình bắt đầu từ Jerusalem ở Judea và từ Sepphoris và Tiberias ở Galilee trong các thế kỷ 1 và 2. Cuộc hành trình đưa chúng tôi tới Babylon ở Mesopotamia vào các thế kỷ 5 và 6; tới Baghdad, Cairo, Córdoba và Palermo, những trung tâm đô thị mới của vùng Trung Đông và Địa Trung Hải, vào các thế kỷ 9 và 10; tới Tudela ở Tây Ban Nha và Mangalore ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ 12; và quay trở lại Baghdad vào những năm 1250 trước khi kết thúc ở Seville năm 1492.

Mục đích của chuyến hành trình xuyên suốt 1.500 năm lịch sử người Do Thái này là để nêu ra và trả lời một loạt các câu hỏi. Tại sao lại có ít người Do Thái làm nghề nông đến vậy? Tại sao người Do Thái lại cư trú ở đô thị và chủ yếu là làm các nghề như lái buôn, doanh nghiệp, ngân hàng, tài chính, luật sư, bác sỹ, học giả? Từ khi nào và tại sao những mô hình nghề nghiệp và cư trú này lại trở thành những nét đặc trưng của người Do Thái? Tại sao dân số Do Thái giảm từ 5-5,5 triệu người thời Jesus xuống còn 1-1,2 triệu người thời Muhammad? Tại sao dân số Do Thái giảm xuống mức thấp nhất (dưới một triệu người) trước khi bị trục xuất hàng loạt khỏi bán đảo Iberia những năm 1492-1497? Tại sao người Do Thái lại là một trong những cộng đồng phiêu bạt nhất trong lịch sử thế giới, sinh sống như một nhóm thiểu số ở các thành phố, thị trấn trên khắp thế giới trong hàng nghìn năm? Từ khi nào, như thế nào và tại làm sao người Do Thái lại trở thành "Số ít được lựa chọn"?[1]

Hầu hết mọi người cho rằng họ biết câu trả lời cho những câu hỏi trên. Khi được hỏi để giải thích những hiện tượng này, một người Do Thái ở Israel sẽ nói: "Chúng tôi không làm nghề nông vì thời Trung Cổ, tổ tiên chúng tôi bị cấm sở hữu đất. Chúng tôi phiêu bạt khắp nơi suốt gần hai nghìn năm sau khi Đền Thờ thứ hai ở Jerusalem bị phá hủy.[2] Chúng tôi bị đàn áp, trục xuất khỏi đất nước mình và ở nhiều nước khác. Dân số chúng tôi giảm dần qua các thế kỷ bởi tổ tiên của chúng tôi liên tục bị thảm sát".

https://thuviensach.vn

Một người châu Âu sẽ cho rằng ở châu Âu thời Trung Cổ, người Cơ đốc bị cấm cho vay lấy lãi, và người Do Thái không được phép tham gia vào các hội nghề hay phường buôn. Do những hạn chế này, qua thời gian, người Do Thái trở thành một nhóm dân làm nghề cho vay lấy lãi, ngân hàng, tài chính. Giống như người Israel được hỏi ở trên, người châu Âu này sẽ cho rằng đàn áp, trục xuất, thảm sát là nguyên nhân khiến người Do Thái phải tứ tán và suy giảm dân số.

Một nhà kinh tế học sẽ cho rằng giống như các dân tộc và tôn giáo thiểu số khác, người Do Thái liên tục bị ngược đãi, nên họ không muốn đầu tư vào vốn vật chất (chẳng hạn như đất đai), mà tập trung đầu tư vào vốn con người, dễ mang theo và không có nguy cơ bị tước đoạt hay sung công. Việc người Do Thái chuyển sang làm các công việc ở đô thị và công việc đòi hỏi có tay nghề cũng là kết quả của chuỗi các sự kiện này.

Câu trả lời từ ba nhóm người trên rất giống nhau và nhất quán với hầu hết các giải thích trong sách vở. Nhưng đó có phải là những câu trả lời đúng không?

Phân tích từ quan điểm của một nhà kinh tế học, sử liệu cho thấy những quan điểm lâu đời này không đúng. Theo chúng tôi, lời giải thích đích thực nằm ở chỗ khác. Như chúng tôi sẽ chỉ ra trong các chương tiếp theo, những đặc trưng này của người Do Thái là kết quả của một quá trình chuyển biến sâu sắc trong đạo Do Thái sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy vào năm 70 sau CN.[3] Quá trình chuyển biến này làm thay đổi giới lãnh đạo tôn giáo trong cộng đồng Do Thái, biến Do Thái giáo từ một tín ngưỡng dựa trên nghi lễ hiến sinh trong Đền Thờ thành một tôn giáo với chuẩn mực chính là yêu cầu tất cả người Do Thái phải đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew, gửi con trai của mình từ 6 đến 7 tuổi tới trường tiểu học hoặc giáo đường để học kinh Torah.

Việc áp dụng chuẩn mực tôn giáo mới này trong kỷ nguyên Talmud (thế kỷ 3 đến thế kỷ 6), cộng với việc thành lập các thiết chế thúc đẩy việc thực thi giao ước, quyết định ba mô hình chính trong lịch sử Do Thái:

https://thuviensach.vn

- Tỷ lệ biết đọc, biết viết trong số dân Do Thái chủ yếu sống ở nông thôn gia tăng cộng với quá trình cải đạo ra khỏi Do Thái giáo diễn ra chậm nhưng với số lượng lớn đã gây ra sự sụt giảm dân số Do Thái đáng kể trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất
- Lợi thế so sánh trong các công việc đòi hỏi tay nghề ở đô thị (ví dụ như làm hàng thủ công, buôn bán, cho vay lãi) mà người Do Thái biết đọc, biết viết chọn làm khi quá trình đô thị hóa và phát triển nền kinh tế thương mại mang lại cho họ cơ hội thu hồi vốn sau khi đã đầu tư vào học hành, giáo dục
- Sự tha hương tự nguyện của người Do Thái nhằm tìm kiếm cơ hội trên khắp thế giới trong các lĩnh vực thủ công, buôn bán, thương mại, cho vay lãi, ngân hàng, tài chính và y tế.

Cuốn sách được tổ chức như sau.[4] Chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình trong chương 1 bằng cách mô tả có bao nhiêu người Do Thái, họ sống ở đâu, họ kiếm sống như thế nào từ khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy cho tới lúc họ bị trục xuất hàng loạt ra khỏi bán đảo Iberia. Chúng tôi xem xét ba giai đoạn nhỏ hơn, mỗi giai đoạn được đánh dấu bằng một "biến cố lịch sử" (nghĩa là một sự kiện ngoại sinh):

- Quân đội La Mã phá hủy Đền Thờ thứ hai trong cuộc Đại Nổi dậy của người Do Thái vào các năm 66-70 sau CN
- Thành lập Đế chế Hồi giáo dưới triều Umayyad và Abbasid trong hai thế kỷ 7 và 8, xảy ra đồng thời với quá trình đô thị hóa và tăng trưởng của một nền kinh tế thương mại trên một vùng lãnh thổ rộng lớn
- Các cuộc xâm lăng của Mông Cổ tàn phá Mesopotamia và Ba Tư, góp phần làm diệt vong Đế chế đô thị và thương mại Abbasid trong thế kỷ 13.

Những sự kiện ngoại sinh này tương tác với biến động nội tại của đạo Do Thái, làm nên những đặc trưng nhân khẩu học và kinh tế của người Do Thái trước năm 1500.

https://thuviensach.vn

Trong sáu thế kỷ từ thời Jesus tới thời Muhammad, số lượng người Do Thái giảm mạnh, từ 5-5,5 triệu hồi đầu thế kỷ 1 xuống còn 1-1,2 triệu vào đầu thế kỷ 7. Các vụ thảm sát liên quan đến chiến tranh và suy giảm dân số tự nhiên chỉ chiếm khoảng gần một nửa sự sụt giảm này. Trong thế kỷ 1, cộng đồng Do Thái lớn nhất (khoảng 2,5 triệu người) sống ở Xứ Israel (tiếng Hebrew là *Eretz Israel*, như đã được đề cập đến trong các nguồn tư liệu của Kinh Thánh).[5] Sáu thế kỷ sau, trung tâm của đời sống Do Thái đã chuyển về Mesopotamia (và, ở một mức độ thấp hơn, Ba Tư), tại đó có khoảng 75% dân số Do Thái của toàn thế giới sinh sống. Trong suốt sáu thế kỷ này, nông nghiệp là nghề của tuyệt đại đa số dân số thế giới. Giống như hầu hết mọi người, đa số người Do Thái kiếm sống từ nông nghiệp, như là làm trang trại, lính canh, thuê ruộng hay làm ruộng thuê.

Trong hai thế kỷ sau khi Muhammad qua đời vào năm 632, triều đại Hồi giáo Umayyad và sau này là Abbasid chinh phục nhiều vùng đất, thiết lập một đế chế rộng lớn trải dài từ bán đảo Iberia tới Ấn Độ với ngôn ngữ chung (tiếng Ả-rập), tôn giáo chung (đạo Hồi), luật pháp và thể chế chung. Cùng với sự mở rộng của đế chế này, năng suất nông nghiệp gia tăng, các ngành công nghiệp mới phát triển nhờ vào tiến bộ công nghệ trong một loạt các lĩnh vực, mậu dịch địa phương và thương mại đường dài phát triển mạnh, các thành phố, thị trấn mới mọc lên ở Mesopotamia, Ba Tư và sau này là ở Bắc Phi, Syria, bán đảo Iberia và Sicily. Những thay đổi này làm gia tăng chóng mặt nhu cầu đối với công việc đòi hỏi tay nghề ở những trung tâm đô thị mới thành lập, mở ra nhiều điểm đến mới cho thương mại từ bán đảo Iberia đến Ấn Độ.

Những sự kiện này tác động như thế nào đối với người Do Thái trên toàn thế giới? Từ năm 750 đến năm 900, đa số người Do Thái sinh sống ở Mesopotamia và Ba Tư, chiếm gần 75% dân số Do Thái trên thế giới, rời bỏ nông nghiệp, chuyển ra sống ở các thành phố, thị trấn ở Đế chế Abbasid mới thành lập, tham gia vào vô số các công việc đòi hỏi tay nghề. Rất nhiều người trong số họ bắt đầu di cư tới Yemen, Syria, Ai Cập và vùng Maghreb. Làn sóng di cư của người Do Thái tìm kiếm cơ hội làm ăn cũng vươn tới cả

https://thuviensach.vn

châu Âu. Những đợt di cư bên trong Đế chế Byzantine, vốn bao gồm cả miền Nam nước Ý, và ra ngoài nó có thể đã đặt nền móng cho người Do Thái ở châu Âu. Tương tự như vậy, người Do Thái từ Ai Cập và Maghreb chuyển đến định cư ở bán đảo Iberia và sau này là ở Sicily và nhiều nơi ở miền Nam nước Ý.

Vào giữa thế kỷ 12, khi nhà du hành Do Thái Benjamin xứ Tudela mạo hiểm đi một hành trình dài từ bán đảo Iberia tới Trung Đông, ghi chép về các cộng đồng Do Thái mà ông tới thăm hoặc nghe nói tới, người Do Thái lúc này đã có mặt ở hầu khắp các nơi từ Tudela ở Tây Ban Nha cho tới Mangalore ở Ấn Độ. Vào lúc này, người Do Thái đã chuyển hết sang làm những công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị. Việc chuyên làm những nghề này là một đặc điểm nổi bật của người Do Thái cho tới tận ngày nay.

Đầu năm 1219, người Mông Cổ xâm chiếm Bắc Ba Tư và Armenia, tàn phá những vùng đất này. Người Mông Cổ tiếp tục chinh phục Ba Tư và Mesopotamia trong ba thập kỷ tiếp theo, khiến các trung tâm đô thị và mậu dịch sụp đổ, gây ra tổn thất nặng nề đối với dân số. Cú đấm cuối cùng giáng xuống Đế chế Abbasid là vào năm 1258 khi quân Mông Cổ phá hủy thành Baghdad. Sau cuộc chinh phạt của quân Mông Cổ, nền kinh tế ở Mesopotamia và Ba Tư quay trở lại giai đoạn nông nghiệp tự cung tự cấp, du mục.

Trong suốt hai thế kỷ sau cú sốc Mông Cổ, số lượng người Do Thái giảm xuống mức thấp nhất kể từ thế kỷ 1. Vào năm 1450, hơn một nửa trong tổng số một triệu người Do Thái trên thế giới sống ở châu Âu Cơ đốc. Vào thời Trung Cổ, người Do Thái ở bán đảo Iberia, Sicily và Nam Ý vẫn tham gia vào một loạt các ngành nghề đô thị. Ngược lại, người Do Thái ở Anh, Pháp, Đức, Bắc và Trung Ý chuyên làm nghề cho vay lãi. Trong khi người Do Thái ở Trung Đông đang phải đối mặt với hậu quả của việc bị người Mông Cổ xâm lược, người Do Thái ở châu Âu phải đương đầu với sự hạn chế và đàn áp ngày càng gia tăng, đỉnh điểm là những vụ trục xuất người Do Thái hàng loạt ra khỏi Anh (1290), Pháp (1306, 1321-1322, 1394), Tây Ban Nha

https://thuviensach.vn

(1492), Sicily (1492-1493), Bồ Đào Nha (1496-1497) và các vụ trục xuất quy mô nhỏ hơn tại nhiều nơi ở Ý và Đế chế La Mã Thần Thánh.

Trong Chương 2, chúng tôi xem xét các lập luận được đưa ra để giải thích tại sao người Do Thái lại trở thành thợ thủ công lành nghề, nhà buôn, chủ ngân hàng, bác sỹ và tại sao họ lại tạo ra cộng đồng đô thị trên khắp thế giới. Những lập luận này được chia thành hai nhóm chính: nhóm thứ nhất đề cao các yếu tố ngoại sinh (như phân biệt đối xử, hạn chế, đàn áp, thảm sát), nhóm thứ hai nhấn mạnh lựa chọn nội sinh (như tự nguyện tách biệt nhằm duy trì nghi lễ tôn giáo, tự nguyện di cư ra thành phố để duy trì bản sắc nhóm). Dựa vào các dữ liệu trong Chương 1, chúng tôi chỉ ra rằng những giả thuyết này không ăn nhập với bằng chứng lịch sử: những lập luận này không thể giải thích tại sao người Do Thái lại tự nguyện rời bỏ nông nghiệp, tại sao họ lại tự nguyện trở thành một dân tộc bỏ xứ phiêu bạt.

Sau đó chúng tôi trình bày luận điểm của mình: trong một thế giới của những người không biết đọc, biết viết – như thế giới của thiên niên kỷ thứ nhất – thì khả năng biết đọc, biết viết hợp đồng, lập thư từ giao dịch, sổ sách kế toán sử dụng bảng chữ cái thông dụng mang lại cho người Do Thái một lợi thế so sánh so với các dân tộc khác. Người Do Thái cũng lập ra một bộ quy tắc pháp luật thống nhất (bộ luật Talmud) và một hệ thống các thiết chế (như tòa án giáo sỹ, thư từ phúc đáp) khuyến khích mọi người làm việc thông qua hợp đồng, mở rộng mạng lưới quan hệ nghề nghiệp, trọng tài tranh chấp ở những nơi cách xa nhau. Tỷ lệ biết đọc, biết viết cao cộng với sự tồn tại của các thiết chế giám sát việc thực thi giao ước trở thành đòn bẩy cho người Do Thái.

Tại sao người Do Thái biết đọc, biết viết, có trình độ giáo dục cao hơn so với phần còn lại của dân số thế giới trong suốt thiên niên kỷ đầu tiên? Trong Chương 3, chúng tôi mô tả sự thay đổi chuẩn mực tôn giáo được ghi chép nhiều trong sử liệu, sự thay đổi đã biến người Do Thái thành *Dân tộc của Sách*. Trong thiên niên kỷ đầu tiên trước CN, Đền Thờ ở Jerusalem và kinh Torah là hai trụ cột của Do Thái giáo. Nghi lễ ở đền thờ và lễ hiến sinh do

https://thuviensach.vn

các bậc giáo sỹ cao kính tiến hành là những điểm chung cho mọi tôn giáo. Do Thái giáo là tín ngưỡng độc thần duy nhất dựa trên một văn bản viết.

Trong thế kỷ 1 trước CN, một số học giả Do Thái và lãnh tụ tôn giáo thúc đẩy việc thành lập trường phổ thông miễn phí. Một thế kỷ sau, họ ban hành một sắc lệnh tôn giáo yêu cầu tất cả các ông bố Do Thái phải gửi con trai từ 6-7 tuổi đến trường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew. Trong suốt thiên niên kỷ thứ nhất, không có dân tộc nào trên thế giới trừ người Do Thái có yêu cầu cha phải giáo dục con trai.

Với sự kiện Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, tín ngưỡng Do Thái vĩnh viễn mất đi một trong hai trụ cột (Đền Thờ), chỉ còn trụ cột là kinh Torah và bắt đầu đi trên một con đường độc đáo. Học giả và giáo sỹ – các lãnh tụ tôn giáo nổi lên sau cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã lần thứ nhất – thay thế lễ đền và lễ hiến sinh bằng việc nghiên cứu kinh Torah trong giáo đường – thiết chế trung tâm mới của Do Thái giáo. Chức năng cốt lõi của kinh Torah là dạy tôn giáo cho cả người lớn và trẻ em. Một người Do Thái mộ đạo là một người đọc, nghiên cứu kinh Torah và đưa con mình tới trường để học kinh Torah. Trong thế kỷ tiếp theo, giáo sỹ, học giả tại các học viện ở Galilee diễn giải Kinh Luật, thảo luận chuẩn mực tôn giáo cũng như các vấn đề kinh tế xã hội liên quan đến cuộc sống hàng ngày, lập ra phần chính yếu của Luật Truyền miệng được tích lũy qua nhiều thế kỷ. Vào khoảng năm 200, giáo sỹ Judah haNasi hoàn thành công trình này bằng cách biên tập sáu cuốn Mishna. Mishna sau này phát triển thành Talmud, trở thành bộ luật chính cho tất cả người Do Thái trên thế giới. Dưới sự lãnh đạo của các học giả trong học viện, người không biết đọc, biết viết bị ruồng rẫy.

Việc thực thi chuẩn mực tôn giáo mới tập trung vào việc đọc và nghiên cứu kinh Torah đã mang lại lợi ích và chi phí tiềm tàng cho người Do Thái sống vào thời giáo sỹ Judah haNasi và các học giả đồng nghiệp của ông. Việc thực thi chuẩn mực tôn giáo mới này có tác động như thế nào đối với hành vi của người Do Thái trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất? Để trả lời câu hỏi này, ở Chương 4, chúng tôi đưa ra giả thuyết kinh tế mô tả sự lựa chọn tôn giáo, đầu tư như thế nào cho việc học hành, giáo dục của con cái

https://thuviensach.vn

trong một thế giới của nông dân Do Thái và phi Do Thái, giống như Xứ Israel hồi đầu thiên niên kỷ thứ nhất. Để giải thích cơ sở cho giả thuyết, chúng tôi đặt mình vào vị trí của nông dân Do Thái thời đó nhằm tìm hiểu sự lựa chọn tôn giáo và kinh tế trong bối cảnh có chuẩn mực tôn giáo mới do các giáo sỹ Do Thái giáo áp đặt.

Giả thuyết của chúng tôi có hai hàm ý chính. Một là, do mỗi cá nhân có lựa chọn tôn giáo, kỹ năng, chi phí giáo dục, thu nhập khác nhau nên một số nông dân Do Thái đầu tư cho việc giáo dục tôn giáo của con cái mình trong khi những người khác thì không. Hai là, những người nông dân Do Thái thấy quá tốn kém để tuân thủ các quy định của Do Thái giáo (bao gồm cả quy định buộc phải đưa con trai đi học) nên cải sang đạo khác. Nếu kinh tế vẫn chủ yếu mang tính nông nghiệp thì những người biết đọc, biết viết không thể nào tìm được công việc ở đô thị đòi hỏi tay nghề để giúp hoàn lại chi phí họ đã đầu tư cho việc học hành. Do đó, dân số Do Thái tiếp tục giảm đồng thời họ có tỷ lệ biết đọc, biết viết cao hơn. Về lâu về dài, do quá trình cải đạo, Do Thái giáo không thể tồn tại trong một nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp.

Trong Chương 5, chúng tôi chứng minh giả thuyết của mình phù hợp với những gì đã xảy ra với người Do Thái trong suốt năm thế kỷ sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy. Thời Talmud là thời mà người Do Thái trở thành một nhóm nhỏ người biết đọc, biết viết.

Một nhóm bằng chứng ấn tượng từ bộ luật Talmud và các phát hiện khảo cổ học cho thấy thời Talmud, người Do Thái ở Xứ Israel và Mesopotamia – hai trung tâm chính của đời sống Do Thái – bắt đầu tuân thủ nghĩa vụ giáo dục con trai do tôn giáo họ đặt ra. Ngày càng có nhiều nông dân Do Thái gửi con trai mình tới trường tiểu học đặt trong hoặc gần giáo đường. Những từ như “lương giáo viên”, “nghĩa vụ của giáo viên”, “học sinh”, “thời gian học ở trường”, “trường học”, “sách”, “thuế giáo dục” xuất hiện dày đặc trên các trang thảo luận, phán quyết trong bộ luật Talmud. Không một nền văn minh cổ đại nào có các cuộc thảo luận tương tự liên quan đến việc tổ chức hệ thống giáo dục tiểu học. Những người Do Thái quyết định không tuân thủ

https://thuviensach.vn

quy định tôn giáo về việc học hành, giáo dục con cái sẽ bị gạt ra ngoài xã hội Do Thái.

Về vấn đề cải đạo, nhiều nguồn tư liệu và khảo cổ chứng minh rằng vào thời Talmud, rất nhiều nông dân Do Thái ở Xứ Israel, Mesopotamia, Ai Cập, Syria, Tiểu Á, vùng Balkan và Tây Âu đã cải đạo sang Cơ đốc giáo. Bằng cách theo Cơ đốc giáo, những người Do Thái cải đạo vẫn giữ niềm tin cốt lõi rằng chỉ có duy nhất một Chúa trên đời và vẫn tin vào Kinh Luật, chứ không buộc phải tuân thủ luật lệ, giáo lý của Do Thái giáo, bao gồm quy tắc gây tốn kém là đòi hỏi các ông bố phải đưa con trai mình đến trường. Làn sóng cải đạo tự nguyện thời Talmud này cùng với các vụ thảm sát liên quan đến chiến tranh và suy giảm dân số nói chung chút nữa làm biến mất người Do Thái ở Xứ Israel, Ai Cập, Syria, Tiểu Á, vùng Balkan và Tây Âu vào năm 600. Cộng đồng Do Thái duy nhất sống sót và duy trì được dân số là cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia. Mesopotamia trở thành trung tâm kinh tế, tôn giáo mới của người Do Thái trên thế giới.

Ai đó có thể lập luận rằng nếu việc có con trở nên tốn kém sau khi có quy định tôn giáo là các ông bố phải gửi con tới trường tiểu học thì một số gia đình có lẽ đã quyết định có ít con hơn để có thể tuân thủ quy định tôn giáo mới này. Theo những gì chúng tôi biết, không có bằng chứng lịch sử cho thấy các hộ gia đình Do Thái giảm tỷ suất sinh sau khi Do Thái giáo chuyển thành một tôn giáo dành cho người biết đọc, biết viết.

Tuy việc gửi con cái tới trường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah là một sự hi sinh không thể thu hồi vốn trong nền kinh tế nông nghiệp của người Do Thái nhưng vào thời Talmud, có một tỷ lệ người Do Thái không cải đạo, tuân thủ quy định này, đầu tư cho việc học hành của con họ. Theo thời gian, điều gì xảy ra với những người nông dân Do Thái biết đọc, biết viết? Trong Chương 6, chúng tôi chỉ ra rằng họ từ bỏ nông nghiệp, trở thành nhóm dân đô thị nhỏ làm nghề thủ công, bán hàng, lái buôn, đổi tiền, cho vay lãi, học giả, bác sỹ. Việc thiết lập thể chế Caliphate[6] thế kỷ 7-8, quá trình đô thị hóa và tăng trưởng sản xuất, thương mại diễn ra cùng thời gian ở

https://thuviensach.vn

Trung Đông là chất xúc tác để người Do Thái chuyển dịch hàng loạt từ nghề nông sang nghề thủ công và buôn bán.

Việc người Do Thái biết đọc, biết viết cộng với một hệ thống thiết chế giám sát thực thi giao ước được lập ra trong suốt năm thế kỷ sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy mang lại cho người Do Thái một lợi thế so sánh trong các ngành nghề như thủ công, buôn bán, cho vay lãi – những nghề được hưởng lợi từ việc biết đọc, biết viết, cơ chế giám sát thực thi giao ước, mạng lưới quan hệ nghề nghiệp. Một khi đã tham gia vào những ngành nghề này thì người Do Thái hiếm khi cải đạo, điều này nhất quán với thực tế là dân số Do Thái tăng nhẹ từ thế kỷ 7-12.

Trong Chương 7, chúng tôi chỉ ra một khi người Do Thái biết đọc, biết viết, sống ở đô thị, làm những công việc đòi hỏi tay nghề thì họ bắt đầu di cư trong lãnh thổ rộng lớn dưới triều đại Hồi giáo, trải dài từ bán đảo Iberia tới Ấn Độ từ thế kỷ 8-12, di cư từ Đế chế Byzantine tới Tây Âu qua ngả Ý và trong nội vùng Tây Âu từ thế kỷ 9-13. Ở châu Âu giai đoạn đầu thời Trung Cổ, mậu dịch hồi sinh cùng với cuộc cách mạng thương mại và kinh tế đô thị, thương mại phát triển giống với quá trình đô thị hóa rộng lớn và tăng trưởng mậu dịch diễn ra ở các triều đại Umayyad và Abbasid bốn đến năm thế kỷ trước. Việc người Do Thái tha hương giai đoạn đầu thời Trung Cổ chủ yếu là do những người thợ thủ công, bán hàng, lái buôn, học giả, giáo viên, bác sỹ, người cho vay lãi biết đọc, biết viết di cư để tìm kiếm cơ hội kinh doanh nhằm thu hồi lại vốn họ đã đầu tư cho việc học hành.

Vào thế kỷ 12-13, cho vay lãi là nghề tuyệt vời cho người Do Thái ở Anh, Pháp, Đức và là một trong những nghề chính của người Do Thái ở bán đảo Iberia, Ý và các nơi khác ở Tây Âu. Tại sao lại như vậy? Một quan điểm phổ biến cho rằng việc không cho phép người Do Thái ở châu Âu tham gia hội nghề, phường buôn và lệnh cấm người Cơ đốc cho vay lãi đã đẩy người Do Thái ở châu Âu vào nghề cho vay lãi trong suốt thời Trung Cổ. Trong Chương 8, chúng tôi chứng minh quan điểm này không đứng vững. Dựa trên thông tin lịch sử và giả thuyết kinh tế ở các chương trước, chúng tôi đưa ra một giải thích thay thế phù hợp với những đặc trưng của lịch sử người Do

https://thuviensach.vn

Thái: Người Do Thái ở châu Âu thời Trung Cổ tự nguyện tham gia và sau này chuyên làm nghề cho vay lãi bởi vì họ có những thế mạnh để có thể thành công trong thị trường tín dụng, đó là: vốn, mạng lưới quan hệ, biết đọc, biết viết, biết làm tính, có các thiết chế giám sát việc thực thi giao ước.

Người Do Thái có lợi thế so sánh trong những ngành nghề có thu nhập cao so với các cộng đồng địa phương khác, nhưng tại sao dân số Do Thái trên thế giới lại giảm xuống mức thấp nhất vào cuối thế kỷ 15? Giả sử, một cú sốc tiêu cực (chẳng hạn như chiến tranh hay đại dịch) tàn phá nền kinh tế đô thị và thương mại, khiến nó quay trở lại giai đoạn nông thôn, nông nghiệp trong đó việc biết đọc, biết viết không có mấy giá trị gì. Về lâu dài, điều gì sẽ xảy ra với người Do Thái và Do Thái giáo? Giả thuyết của chúng tôi dự đoán trong một xã hội nông nghiệp tự cung tự cấp, một số người Do Thái thấy việc tuân thủ các quy định tôn giáo trong đó có chi phí đầu tư cao cho việc học của con cái là quá tốn kém nên họ cải đạo. Cuối cùng, Do Thái giáo có thể biến mất.

Trong Chương 9, chúng tôi chỉ ra việc Mông Cổ xâm chiếm Ba Tư và Mesopotamia bắt đầu từ năm 1219 và đỉnh điểm là việc san phẳng thành Baghdad năm 1258 góp phần bóp chết nền kinh tế đô thị và thương mại của Đế chế Abbasid, đưa kinh tế Mesopotamia và Ba Tư quay trở về thời kỳ nông nghiệp, nông thôn trong một khoảng thời gian dài. Do đó, một tỷ lệ nhất định người Do Thái ở Ba Tư, Mesopotamia, rồi ở Ai Cập, Syria từ bỏ Do Thái giáo – mà nguyên nhân chủ yếu là do những quy định của tôn giáo này, nhất là quy định bắt buộc các ông bố phải đưa con trai tới trường, một lần nữa trở thành gánh nặng lớn mà không có cách gì bù đắp về mặt kinh tế – để cải sang Hồi giáo. Quá trình cải đạo này của người Do Thái ở Trung Đông và Bắc Phi cũng như các vụ đàn áp, thảm sát, dịch bệnh (chẳng hạn như trận Đại Dịch hạch năm 1348) ở những khu vực này và Tây Âu giải thích lý do tại sao dân số Do Thái trên thế giới giảm xuống mức thấp nhất vào cuối thế kỷ 15.

Trong Chương 10, chúng tôi kết thúc chuyến hành trình ngược thời gian bằng cách nhấn mạnh các câu hỏi làm nên lịch sử của người Do Thái, từ các

https://thuviensach.vn

vụ trục xuất người Do Thái hàng loạt khỏi bán đảo Iberia giai đoạn 1492-1497 cho đến ngày nay. Trả lời các câu hỏi này sẽ là nhiệm vụ cho chuyến hành trình tiếp theo của chúng tôi, là nội dung cuốn sách tiếp theo của chúng tôi.

Trong những năm gần đây, các nhà kinh tế học và sử gia kinh tế đã nhấn mạnh và phân tích nhiều mối tương tác giữa giá trị văn hóa, chuẩn mực xã hội và hậu quả kinh tế.[7] Các vấn đề được nghiên cứu bao gồm lý giải sự thành công của các lái buôn Maghreb ở Địa Trung Hải giai đoạn đầu thời Trung Cổ, giải thích sự trỗi dậy của tinh thần tư bản chủ nghĩa ở châu Âu thời tiền hiện đại, sự thay đổi công nghệ kỳ diệu khởi nguồn cho cuộc Cách mạng Công nghiệp ở Anh thế kỷ 18, những thăng trầm kinh tế của Đế chế Hồi giáo, tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động ở Mỹ gia tăng trong thế kỷ 20, những cách thức mà sự chia rẽ sắc tộc ảnh hưởng đến hành vi kinh tế, tương tác hai chiều giữa niềm tin và hiệu suất kinh tế theo thời gian và giữa các nước. Cuốn sách của chúng tôi đóng góp cho tư liệu nghiên cứu trong lĩnh vực này hiểu biết đúng đắn như sau: Các giá trị văn hóa và chuẩn mực xã hội mà Do Thái giáo nuôi dưỡng hai nghìn năm trước định hình lịch sử dân số và kinh tế của người Do Thái tới tận ngày nay.

Ngày càng có nhiều học giả nghiên cứu về tác động lâu dài của thể chế bằng cách chứng minh một số mô hình kinh tế đương đại chịu ảnh hưởng của các thể chế được thiết lập cách đây hàng thế kỷ.[8] Các thiết chế kinh tế chính trị, hệ thống pháp lý, bộ luật, cơ chế giám sát thực thi giao ước đóng một vai trò quan trọng trong: 1) định hình con đường hiệu suất kinh tế của các nhóm nắm vai trò chủ đạo trong thương mại thời Trung Cổ, 2) phát triển kinh tế của các quốc gia Đại Tây Dương ở Tây Âu sau năm 1500, 3) tình trạng khó khăn kinh tế của Trung Đông Hồi giáo sau hàng thế kỷ kinh tế, trí tuệ phát triển huy hoàng, 4) động lực của sáng tạo khoa học công nghệ dẫn tới cuộc Cách mạng Công nghiệp, 5) những đặc điểm lý thú của nông trang tập thể Israel, 6) thành bại kinh tế của các khu vực trên thế giới trong suốt chiều dài lịch sử. Chúng tôi đóng góp cho tư liệu nghiên cứu trong lĩnh vực này bằng cách chỉ ra sự chuyển dịch của người Do Thái từ nghề nông sang

https://thuviensach.vn

nghề thủ công, buôn bán, tài chính và các công việc đòi hỏi tay nghề cao khác cũng do có các thiết chế giám sát thực thi giao ước được định hình bởi các đặc điểm độc đáo của đạo Do Thái.

Các nhà khoa học xã hội luôn quan tâm đến nghiên cứu tín ngưỡng, ảnh hưởng và quy định tín ngưỡng có thể có đối với hành vi của con người. Trong hai thập kỷ qua, các nhà kinh tế học ngày càng chú ý tới mối liên hệ giữa tín ngưỡng và hệ quả kinh tế.[9] Các vấn đề được nghiên cứu bao gồm phân tích mối liên hệ giữa đạo Tin lành và tích lũy vốn con người ở châu Âu hiện đại, nền tảng tín ngưỡng của chủ nghĩa cực đoan và chủ nghĩa khủng bố, di sản lâu dài của Do Thái giáo, cách thức tôn giáo hoạt động như câu lạc bộ, mối quan hệ hai chiều giữa giá trị văn hóa và hệ quả kinh tế ở một nhóm tiêu biểu các nước trên thế giới. Chúng tôi đóng góp cho kho tư liệu nghiên cứu đang nhiều lên trong trong lĩnh vực này bằng cách kết nối các nét đặc trưng của Do Thái giáo với các đặc điểm dân số và kinh tế độc đáo đã định hình lịch sử người Do Thái trong hai thiên niên kỷ qua.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 1.
70 SAU CN – 1492: CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI DO THÁI? HỌ SỐNG Ở ĐÂU, SỐNG NHƯ THẾ NÀO?

> Chúng ta không phải là một quốc gia biển; sự giao lưu với thế giới bên ngoài mà thương mại mang lại không hấp dẫn chúng ta. Các thành phố của chúng ta được xây dựng trong lục địa, cách xa biển, và chúng ta làm việc hết mình để vun đắp một đất nước sản suất.
>
> *—Flavius Josephus, khoảng năm 96 sau CN*

> Con đường đi của các thương nhân Rādhānite [lái buôn Do Thái thời Trung Cổ] – những người nói tiếng Ả-rập, Ba Tư, Rūmī (Hy Lạp), Ifranjī (La-tinh), Andalusī (Tây Ban Nha), Xla-vơ. Họ đi từ Đông sang Tây, từ Tây sang Đông, trên đất liền và trên biển… Họ vận chuyển từ Trung Hoa… đôi khi họ sang Constantinople với món hàng hóa của mình…; đôi khi họ mang hàng tới nhà vua xứ Firanja (vương quốc của người Frank) và bán hàng ở đó. Và nếu muốn, họ vận chuyển hàng từ Firanja… tới Baghdad, và từ đó… tới Sind, Hind và Trung Hoa.
>
> *—Ibn Khordadbeh, khoảng năm 850*

QUAY QUẢ ĐỊA CẦU, ĐỢI CHO NÓ DỪNG, RỒI ĐẶT NGÓN TAY lên nơi đầu tiên bạn thấy. Một cộng đồng Do Thái rất có thể đã từng sống ở đó trong quá khứ xa xôi hoặc thời gian gần đây. Người Do Thái đã sống ở rất nhiều nơi trong các môi trường chính trị, kinh tế, tôn giáo vô cùng đa dạng, nên để tóm tắt lịch sử của họ trong vài tập sách là điều rất khó, huống hồ chỉ trong một chương. Tuy nhiên, để hiểu xem tại sao người Do Thái có một số đặc điểm chung nhất định, chúng ta cần phải làm quen với các sự kiện cơ bản của lịch sử Do Thái, từ việc Đền Thờ thứ hai ở Jerusalem bị phá hủy cho tới việc trục xuất hàng loạt người Do Thái ra khỏi bán đảo Iberia. Do đó, trong chương này, chúng tôi minh họa và nghiên cứu dân số Do Thái cũng như các xu hướng nghề nghiệp của họ.

Suốt nhiều thế kỷ, người Do Thái sống ở Judea, Samaria và Galilee – ba vùng chính của Xứ Israel. Trung tâm thực hành tín ngưỡng Do Thái là Đền Thờ ở Jerusalem xây trong thế kỷ 10 hoặc thế kỷ 9 trước CN. Năm 586

https://thuviensach.vn

trước CN, trong chiến dịch quân sự nhằm mở rộng đế chế, quân đội Babylon dưới sự chỉ huy của vua Nebuchadnezzar Đệ nhị đã phá hủy Đền Thờ và lưu đày nhiều người Do Thái từ Judea tới Mesopotamia, nhất là tới kinh đô Babylon (xem Bản đồ 1.1). Sự kiện này đánh dấu sự kết thúc thời kỳ Đền Thờ thứ nhất.[10]

Cuộc đi đày ở Babylon mang lại một số thay đổi quan trọng như kinh Torah nổi lên với vai trò trung tâm trong đời sống người Do Thái, học giả tôn giáo, nhà hiền triết trở thành lãnh tụ của người Do Thái. Kinh Luật bao gồm Năm cuốn sách hay Ngũ kinh Moses (Sách Sáng Thế, Sách Xuất Hành, Sách Lê-vi, Sách Dân Số, Sách Đệ Nhị Luật).[11] Năm 538 trước CN, hoàng đế Ba Tư là Cyrus – người đã chinh phục Mesopotamia – ban hành chỉ dụ cho phép người Do Thái quay trở lại Judea và xây dựng lại Đền Thờ ở Jerusalem. Trong các làn sóng di cư sau đó, gần 40.000 người Do Thái quay trở lại Xứ Israel. Tuy nhiên, một số lượng lớn người Do Thái ở lại Mesopotamia, nơi mà trong các thế kỷ sau là chốn cư trú của một trong những cộng đồng người Do Thái nổi bật và đông đúc nhất trong kỷ nguyên Phiêu bạt – tức là bên ngoài Xứ Israel.

https://thuviensach.vn

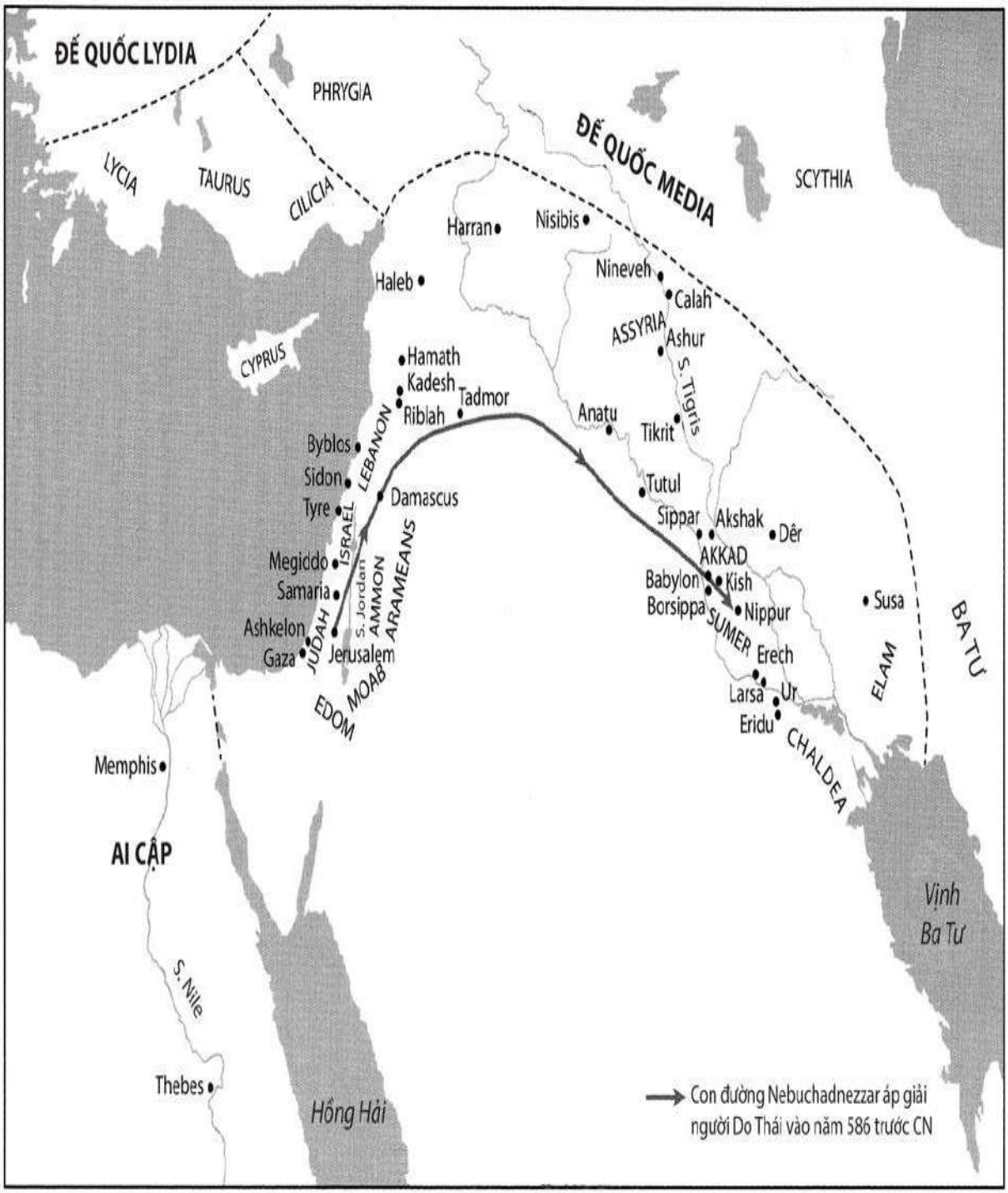

Bản đồ 1.1. Đế chế Babylon của Nebuchadnezzar Đệ nhị (604-562 trước CN). *Nguồn*: Vẽ lại và phỏng theo Beek (1962).

https://thuviensach.vn

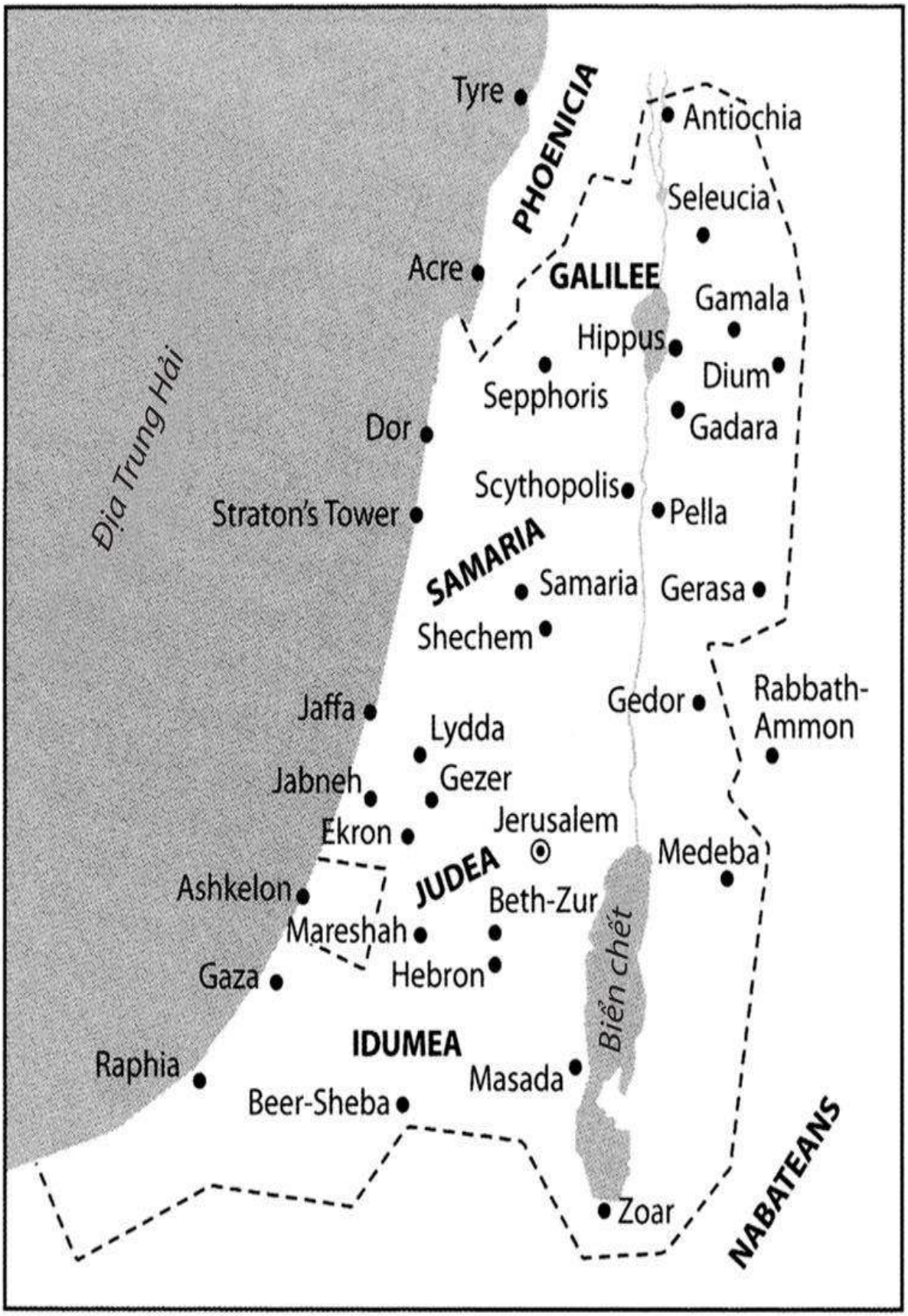

https://thuviensach.vn

Bản đồ 1.2. Xứ Israel thế kỷ 1 trước CN.
Nguồn: Vẽ lại và phỏng theo Aharoni và cộng sự (2002). *Chú ý*: Đường đứt đoạn là biên giới vương quốc Hasmonaean của Alexander Yannai (103-76 trước CN), người cai trị Xứ Israel vào thế kỷ 1 trước CN.

Việc xây dựng lại Đền Thờ mất khoảng 20 năm; lễ khánh thành đền năm 515 trước CN đánh dấu sự bắt đầu giai đoạn Đền Thờ thứ hai.[12] Trong bốn thế kỷ tiếp theo, Xứ Israel lần lượt nằm dưới quyền kiểm soát của nhà cai trị Hy Lạp cổ đại là Alexander Đại đế, vương triều Plotemy cai trị Ai Cập và vương triều Seleusid của Hy Lạp cổ đại. Trong thời kỳ này, nhất là giai đoạn về sau, thế hệ các nhà tiên tri, học giả và đại tư tế nghiên cứu, giải thích, bổ sung cho Kinh Luật. Các cuộc thảo luận, đánh giá, quyết định của họ được gọi là Khẩu Luật mà cùng với Kinh Luật tạo thành xương sống cho toàn bộ luật pháp Do Thái (halakha) trong các thế kỷ sau. Halakha quy định những điều người Do Thái được và không được làm, những điều họ nên và không nên làm trong mọi khía cạnh của cuộc sống thường nhật, từ việc thực hiện nghĩa vụ tôn giáo, lễ nghi cho tới quan hệ hôn nhân, từ ứng xử trong cộng đồng cho tới luật dân sự và hình sự.

Người Hy Lạp trao cho người Do Thái một kiểu tự chủ tập thể và tự do tín ngưỡng nhưng bị ngắt quãng bởi một vụ đàn áp khoảng năm 167 trước CN khiến người Do Thái nổi dậy. Từ năm 140 trước CN, Judea hưởng tự do trong gần một thế kỷ dưới triều Hasmonaean (Bản đồ 1.2).[13] Năm 63 trước CN, La Mã bắt đầu gây ảnh hưởng và sau đó thống trị khu vực này. Tuy nhiên, Rome trao quyền tự trị tôn giáo cho người Do Thái cũng như một số quyền tư pháp, lập pháp thông qua Sanhedrin ở Jerusalem, một cơ quan có chức năng như nghị viện, tòa án tối cao và viện hàn lâm (yeshiva).

Thời kỳ Đền Thờ thứ hai kết thúc bi thảm vào năm 70 sau CN. Cuốn sách của chúng tôi bắt đầu từ thời điểm này. Trọng tâm là ba thời kỳ, mỗi thời kỳ được đánh dấu bằng một "biến cố lịch sử": quân La Mã phá hủy Đền Thờ thứ hai trong cuộc chiến Do Thái – La Mã thứ nhất (còn được gọi là cuộc Đại nổi dậy); sự vươn lên của Hồi giáo thế kỷ 7 dẫn tới việc sau này thành lập một trong những đế quốc lớn nhất, thành thị nhất, thương mại nhất trong

https://thuviensach.vn

lịch sử; quân Mông Cổ chiếm Mesopotamia và Ba Tư đầu và giữa thế kỷ 13 góp phần làm sụp đổ nền kinh tế thương mại và thành thị của triều Abbasid. Những sự kiện ngoại sinh này tương tác với động lực nội sinh của đạo Do Thái để định hình nên những đặc điểm dân số, kinh tế độc đáo đặc trưng cho lịch sử người Do Thái trước năm 1500.

https://thuviensach.vn

TỪ JESUS ĐẾN MUHAMMAD (1-622): THẾ GIỚI CỦA NÔNG DÂN

Người Do Thái thời kỳ Đền Thờ thứ hai là người như thế nào?[14] Cho tới tận khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, cuộc sống thường nhật của người Do Thái giống như những sắc dân khác: ăn mặc giống nhau, nói cùng các thứ tiếng địa phương (như tiếng Aram hay tiếng Syria cổ, tiếng Hebrew, tiếng Hy Lạp) và kiếm sống bằng những nghề tương tự nhau (chủ yếu là nông nghiệp). Giống như ở các tôn giáo khác, bao gồm cả những tín ngưỡng đa thần, đặc điểm trung tâm của đời sống tín ngưỡng Do Thái gồm lễ đền và hiến sinh do một nhóm nhỏ đại tư tế thực hiện.

Người Do Thái khác với người đa thần ở ba điểm chính: tin vào một Thượng đế; đời sống tín ngưỡng, xã hội, kinh tế của họ được định hình bởi kinh Torah; họ có tập tục cắt bao quy đầu cho nam giới, ăn thức ăn kiêng và nghỉ ngày Sabbath hay ngày thứ Bảy cuối tuần.[15] Cuối thời kỳ Đền Thờ thứ hai (300 trước CN – 65 sau CN), Do Thái giáo chứng kiến sự hình thành nhiều giáo phái (như Sadducee, Pharisee, Essene, Samaritan, Zealot, Sicarii) ngày càng trở nên khác biệt với các quy định tín ngưỡng của mình. Cơ đốc giáo cũng phát triển từ Do Thái giáo trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 1. Tất cả các giáo phái Do Thái này có chung ba đặc điểm khiến chúng khác biệt với các tôn giáo đa thần. Do đó, cho tới tận năm 70 sau CN, tất cả những người theo các giáo phái này được coi là người Do Thái. Sau này, nhất là sau năm 200, câu trả lời cho câu hỏi “Thế nào được coi là người Do Thái?” đã thay đổi ghê gớm (xem Chương 3 và Chương 5).

https://thuviensach.vn

Dân số Do Thái giảm mạnh

Các con số ước lượng số dân Do Thái thời cổ đại giỏi lắm cũng chỉ gần đúng. Salo Baron, một trong những học giả xuất chúng nhất về lịch sử Do Thái, đoán có khoảng 8 triệu người trước cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất vào năm 65 sau CN. Sergio DellaPergola, một trong những học giả hàng đầu về dân số học Do Thái, ước tính số dân Do Thái thế kỷ 1 trước CN vào khoảng 4,5 triệu người và từ 4-5 triệu người vào thế kỷ 1 sau CN (Bảng 1.1). Các học giả danh tiếng khác như Magen Broshi, Gildas Hamel hay Seth Schwartz thậm chí còn đưa ra con số thấp hơn, cho rằng số dân Do Thái trên thế giới hồi đầu thế kỷ 1 sau CN chỉ từ 2-2,5 triệu người. Chúng tôi đồng ý với ước tính của DellaPergola, còn vào năm 65 sau CN chúng tôi ước tính có từ 5-5,5 triệu người Do Thái, chiếm 9-10% dân số Đế chế Ba Tư ở phương Đông và toàn bộ Đế chế La Mã.[16]

Con số 5-5,5 triệu người Do Thái này phân bố như thế nào trước cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất? Số dân Do Thái lớn nhất là ở Xứ Israel, tại đó có khoảng 2,5 triệu người Do Thái, bao gồm cả 300.000 người Samaritan sinh sống. Hai cộng đồng cùng chung sống bên nhau. Vùng ven biển có các thị trấn Hy Lạp cổ đại, ở đó ngôn ngữ chính là tiếng Hy Lạp; vùng Galilee (ở phía Bắc), thung lũng Jordan và miền Nam Judea là nơi sinh sống của người Do Thái chủ yếu nói tiếng Aram. Tình hình chính trị tương đối yên ả, kinh tế phát triển tốt trong thời kỳ Hasmonaean (140-63 trước CN) cộng với làn sóng người đa thần giáo cải đạo sang Do Thái giáo suốt 200 năm trước khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy chắc chắn góp phần vào sự gia tăng dân số Do Thái ở Xứ Israel, vùng đất mà vào năm 65 sau CN mở rộng nhất từ trước tới nay.

Các trung tâm dân số Do Thái chính khác là Bắc Phi thuộc La Mã và Mesopotamia thuộc Parthia. Khoảng 1 triệu người Do Thái Hy Lạp cổ sống ở Bắc Phi (chủ yếu ở Ai Cập) trong những thập niên đầu của thế kỷ 1 sau CN. Cùng thời kỳ đó, khoảng 1 triệu người Do Thái nói tiếng Aram sống ở Đế chế Parthia, đế chế cai trị Mesopotamia và Ba Tư.

https://thuviensach.vn

Bảng 1.1. Dân số Do Thái và tổng dân số theo khu vực, 65 sau CN – 650 (đơn vị: triệu, trừ trường hợp đặc biệt)

	Dân số Do Thái						Tổng số dân					
Khu vực	Khoảng năm 65 sau CN	Khoảng năm 100	Khoảng năm 150	Khoảng năm 300	Khoảng năm 550	Khoảng năm 650	Khoảng năm 65 sau CN	Khoảng năm 100	Khoảng năm 150	Khoảng năm 300	Khoảng năm 550	Khoảng năm 650
Xứ Israel	2,5	1,8	1,2	0,5	0,2	0,1	3	2,3	1,8	1,1	1,5	1-1,5
Mesopotamia và Ba Tư[a]	1	1	1-1,2	1-1,2	0,8-1	0,7-0,9	7	7,3	7,5	8,8	10,5	11,8
Bắc Phi (chủ yếu ở Ai Cập)	1	0,8-1	0,5	—	—	0,004	8,2	8,4	8,8	8,2	6,2	7,8
Syria và Lebanon	0,2-0,4	—	—	—	—	0,005	2,3	2,3	2,3	2	1,5	2
Tiểu Á và Balkan	0,2-0,4	—	—	—	—	0,040	10,3	11	11,5	11	8,5	8,9
Tây Âu	0,1-0,2	—	—	—	—	0,001	21,1	22,6	23	22	17	17
Đông Âu	…	…	…	…	…	…	3,1	3,3	3,3	3,3	2,7	3
Tất cả các khu vực	5-5,5	—	—	—	—	1-1,2	55	57,2	58,2	56,4	47,9	51,5-52
Tỷ lệ dân số Do Thái trên tổng dân số	9-10	—	—	—	—	1,9-2,3						

Nguồn: Ước tính của các tác giả, có giải thích ở phụ lục.

Chú ý: Tiểu Á là tên gọi lịch sử của vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Khu vực Balkan bao gồm Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ. Đông Âu gồm Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ. Tây Âu gồm Italia, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Áo và Anh, tất cả đều bị La Mã cai trị trong hầu hết bốn thế kỷ đầu.

… Số lượng không đáng kể.

__ Không có dữ liệu.

a Bao gồm cả bán đảo Ả-rập.

https://thuviensach.vn

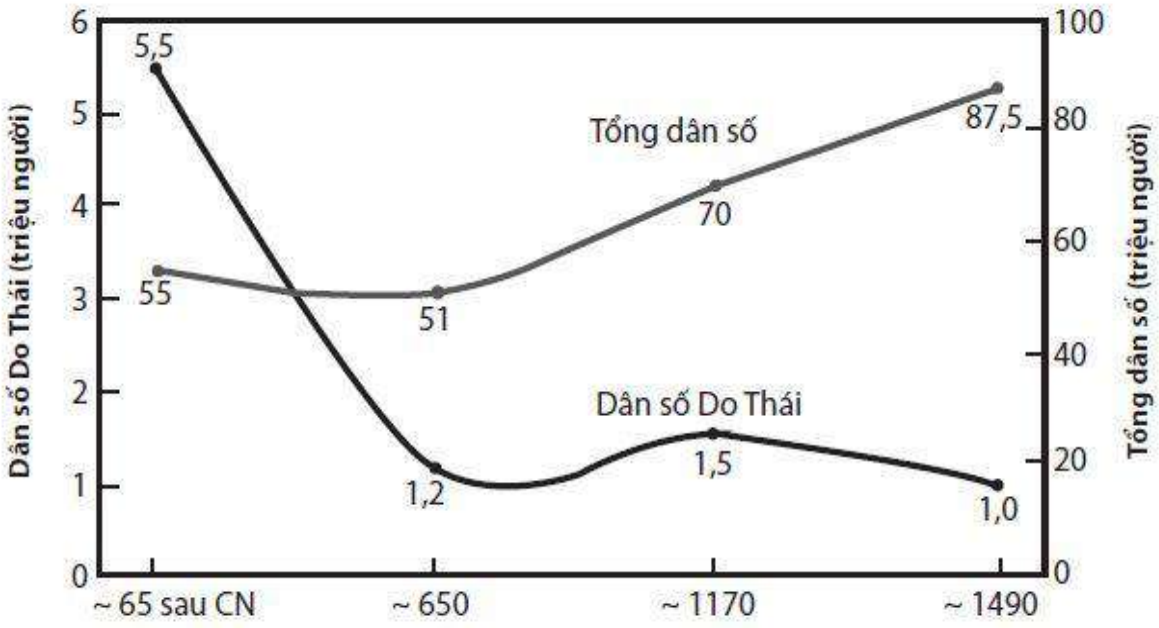

Hình 1.1. Dân số Do Thái và tổng dân số, vào khoảng năm 65 sau CN, năm 650, năm 1170 và năm 1490 (đơn vị tính: triệu người).
Nguồn: Ước tính của các tác giả,có giải thích ở phụ lục.
Chú ý:Ước tính dân số Do Thái và tổng dân số là của các khu vực địa lý sau: Xứ Israel, Syria, Lebanon, Mesopotamia, Ba Tư, bán đảo Ả-rập, Bắc Phi, Tiểu Á (tên gọi lịch sử vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay), khu vực Balkan (Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ), Đông Âu (Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ), Tây Âu (Italia, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Áo, Đức và Anh).

Người Do Thái cũng sống khắp Đế chế La Mã rộng lớn. Khoảng năm 65 sau CN, khu vực tương ứng với Syria và Lebanon ngày nay có khoảng 200-400 nghìn người Do Thái sinh sống. Tương tự như vậy, Tiểu Á (khu vực tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) và vùng Balkan (Albania, Bulgaria, Hy Lạp, Nam Tư cũ) là nơi sinh sống của khoảng 200-400 nghìn người Do Thái. Từ 100-200 nghìn người Do Thái khác sống ở Tây Âu (nhất là miền Trung và Nam Ý, Pháp và bán đảo Iberia). Các thành phố có cộng đồng Do Thái lớn còn có Rome, Corinth, Ephesus, Antioch và Damascus.

Cho dù có bao nhiêu người Do Thái trước cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất đi nữa thì *tất cả* các học giả đều thống nhất là dân số Do Thái

https://thuviensach.vn

bắt đầu giảm mạnh.[17] Vào thời Muhammad đầu thế kỷ 7, chỉ có khoảng 1-1,2 triệu người Do Thái trên thế giới, chiếm 1,9-2,3% tổng số dân của những khu vực nơi họ sinh sống (Hình 1.1).

Các cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel, Bắc Phi, Syria, Lebanon, Tiểu Á, khu vực Balkan và Tây Âu giảm xuống còn vài nghìn người. Cộng đồng Do Thái duy nhất tương đối ổn định là cộng đồng ở Mesopotamia (và ở một mức độ thấp hơn là ở Ba Tư), nơi đây vào thời Muhammad trở thành trung tâm Do Thái giáo và là nơi sinh sống của gần 75% người Do Thái trên thế giới.

Điều gì giải thích cho sự sụt giảm ghê gớm của dân số Do Thái thế giới trong sáu thế kỷ này? Có phải các vụ thảm sát liên quan đến chiến tranh và suy giảm dân số tự nhiên gây ra sự sụt giảm này? Hay có cái gì khác gây ra sự sụt giảm gần 80% dân số này?

https://thuviensach.vn

XỨ ISRAEL

Vào các thế kỷ 1 và 2, người Do Thái ở Judea có hai cuộc nổi dậy lớn chống lại Đế chế La Mã. Cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất nổ ra do căng thẳng tôn giáo và động cơ kinh tế vào thời điểm Judea trở thành một tỉnh thuộc La Mã hồi đầu thế kỷ 1. Những hình thức lạm thu thuế và việc chính quyền La Mã thiết lập điều tra nhân khẩu ở Judea, rồi vụ quan tổng trấn La Mã Gessius Florus biển thủ lượng lớn tiền bạc trong ngân khố Đền Thờ, và việc can thiệp vào những vấn đề tôn giáo (như việc bổ nhiệm đại tư tế hay sắc lệnh yêu cầu dựng tượng hoàng đế La Mã Caligula ở các đền thờ trên toàn bộ lãnh thổ đế chế), tất cả đều làm cho giáo phái Zealot[18] ngày càng trở nên phổ biến. Giáo phái này xúi giục người Do Thái của mình nổi dậy giành độc lập chính trị và tôn giáo.[19]

Cuộc nổi dậy bắt đầu năm 66 sau CN ở thị trấn Caesarea, rõ ràng là do quân La Mã đồn trú ở đó không ngăn được người Hy Lạp mang chim chóc ra hiến tế trước một ngôi đền Do Thái địa phương. Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, quân nổi dậy đánh bại quân La Mã.

Vận may của những người nổi dậy thay đổi khi Hoàng đế Nero bổ nhiệm tướng Vespasian làm chỉ huy quân La Mã ở Xứ Israel. Năm 67 sau CN, với gần 60.000 binh sỹ chuyên nghiệp trong tay, Vespasian đập tan cuộc nổi dậy ở Galilee bằng cách chinh phục các đồn lũy của người Do Thái như Gamla và Jotapata. Jotapata là nơi Flavius Josephus (từ đây về sau gọi là Josephus), chỉ huy của quân Do Thái, bị bắt làm tù binh.[20] Sau đó Vespasian tiến về Jerusalem là nơi mà các lãnh đạo của cuộc nổi dậy đang ẩn trốn, và bắt đầu chuẩn bị cho cuộc bao vây. Khi những sự kiện này diễn ra thì Nero qua đời năm 68 sau CN, buộc Vespasian phải quay trở lại Rome vì lúc này ở đây tình hình chính trị đang hỗn loạn, đe dọa xảy ra nội chiến. Với cái chết của Otho, Galba và sự thất bại của Vitellius sau đó, Vespasian lên ngôi hoàng đế La Mã vào ngày 21 tháng 12 năm 69 sau CN. Năm này về sau được gọi là "Năm tứ đế" (năm của bốn vị hoàng đế).

Để dập tắt cuộc nổi dậy ở Judea, Vespasian cử con trai là Titus chỉ huy cuộc vây hãm và tấn công cuối cùng. Quyết định của Titus là nhanh chóng

https://thuviensach.vn

tung ra đòn quyết định vào Jerusalem thay vì chờ đợi dân Jerusalem chết đói. Đấu đá nội bộ giữa hai giáo phái Zealot và Sicarii, phe muốn tiếp tục chiến đấu, với người Do Thái bao gồm nhiều người Pharisee, phe muốn đầu hàng người La Mã, góp phần định đoạt số mệnh của Jerusalem. Cuộc chiến kết thúc khi quân La Mã do Titus dẫn đầu kéo vào phá hủy Jerusalem, cướp bóc, đốt cháy Đền Thờ, thảm sát người Do Thái.[21] Kể cả nếu con số 600.000 người Do Thái thiệt mạng trong cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất do sử gia La Mã Tacitus đưa ra không được chấp nhận thì con số thương vong chắc chắn là rất cao.[22] Mặc dù có một số người Do Thái bị bắt tới Rome làm nô lệ (như mô tả trên Cổng vòm Titus) nhưng không có bằng chứng về việc lưu đày hàng loạt hay di cư cưỡng bức người Do Thái tới Rome sau cuộc Đại nổi dậy.[23]

Cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất làm thay đổi sâu sắc cán cân quyền lực giữa các nhóm tín ngưỡng Do Thái. Người Sadducee, nhóm ưu tú giàu có chi phối hoạt động tín ngưỡng ở Đền Thờ, mất đi nguồn của cải và quyền lực. Người Zealot và Sicarii, những người xúi giục, ủng hộ cuộc nổi dậy, bị tiêu diệt trong cuộc vây hãm thành Jerusalem và cuộc vây hãm pháo đài Masada diễn ra sau đó ba năm. Ngược lại, giáo phái Pharisee của các học giả và nhà thông thái hàng đầu của các học viện ở Jerusalem lại không tham gia vào cuộc chiến. Họ sống sót sau các vụ thảm sát và nổi lên thành các lãnh tụ tôn giáo và lãnh tụ chính trị. Một trong những nhân vật chủ chốt là giáo sỹ Johanan ben Zakkai được người La Mã cho phép tái lập Hội đồng Sanhedrin ở thị trấn Jabneh ven biển, trung tâm học hành quan trọng nhất của người Do Thái cho tới tận năm 135. Thành phần lãnh đạo mới của người Do Thái gồm giáo viên, học giả, giáo sỹ đã thay thế các nghi lễ đền thờ và lễ hiến sinh bằng việc học và nghiên cứu Kinh Thánh.[24]

Kết cục của cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ nhất củng cố sự cai trị của người La Mã ở Judea và các khu vực ven Địa Trung Hải và Trung Đông. Hoàng đế Trajan gia tăng sức ép lên người Do Thái, gây ra cuộc nổi dậy năm 115 nhưng bị dập tắt năm 117.[25] Cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ hai ở Xứ Israel – còn được gọi là cuộc nổi dậy Bar Kokhba, đặt theo tên

https://thuviensach.vn

người lãnh đạo cuộc nổi dậy Simon bar Kokhba – nổ ra năm 132 khi hoàng đế La Mã Hadrian chuyển tới Hy Lạp sau ba năm ở Xứ Israel.[26] Sử gia La Mã Cassius Dio – nguồn cung cấp thông tin chính về sự kiện này – cho rằng cuộc nổi dậy trầm trọng thêm là do một vài sắc lệnh mang tính chất đàn áp người Do Thái như sắc lệnh cấm cắt bao quy đầu của bé trai. Cũng theo Cassius Dio, tia lửa châm ngòi cuộc nổi dậy là quyết định của Hadrian xây dựng một thành phố mới ở Jerusalem gọi là Aelia Capitolina (đặt theo tên của chính ông, Aelius), tại đó sẽ dựng một đền thờ thờ Jupiter Capitolinus. Khác với cuộc Đại nổi dậy mà người Pharisee phản đối, cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thứ hai do người Pharisee cầm đầu trong đó có cả người đứng đầu Hội đồng Sanhedrin là giáo sỹ Akiva, ông này tuyên bố Bar Kokhba là Đấng cứu thế của người Do Thái.

Giai đoạn đầu tiên của cuộc nổi dậy thành công. Người Do Thái vây hãm các thị trấn, củng cố lực lượng và gây ra tổn thất nặng nề cho quân La Mã, tiêu diệt cả một binh đoàn quân La Mã (binh đoàn Deiotariana XXII). Hoàng đế Hadrian đáp lại bằng việc cử một số binh đoàn dưới sự chỉ huy của một trong những vị tướng tài ba nhất của mình, tướng Julius Severus người xứ Britain. Severus bao vây các pháo đài của người Do Thái và đánh bại quân nổi dậy sau ba năm rưỡi chiến đấu. Cassius Dio cho biết quân La Mã đã phá hủy 50 pháo đài, hàng trăm ngôi làng, giết chết khoảng 580.000 người. Tuy con số ước tính người chết của Cassius Dio chắc chắn là sự phóng đại thái quá nhưng đây là một vụ thảm sát lớn. Bộ luật Talmud (Tanit 4:5) ghi rằng số người Do Thái bị người La Mã giết nhiều đến nỗi "máu ngập đến mũi những con ngựa của họ". Giáo sỹ Akiva và các lãnh tụ tôn giáo Do Thái khác bị hành quyết.

Judea không còn là một nhà nước độc lập nữa mà trở thành tỉnh Syria Palestina thuộc La Mã. Trung tâm của người Do Thái dịch lên Galilee ở phía Bắc; trung tâm giáo dục của người Do Thái cũng vậy. Học viện Jabneh chuyển tới Usha, rồi tới Shefaram, Bet Shearim, Sepphoris, Caeasarea và Tiberias. Chính tại những học viện này, nhóm học giả Tanna và sau này là nhóm Amora soạn ra hai văn bản luật pháp Do Thái quan trọng nhất:

https://thuviensach.vn

Mishna (khoảng năm 200) và Talmud của Xứ Israel (350-400) còn được gọi là Talmud Jerusalem hay Yerushalmi Talmud.[27] Cả hai nhóm Tanna và Amora đều coi cuộc nổi dậy chống La Mã là một sai lầm khủng khiếp của lãnh đạo Do Thái. Danh sách các ngày lễ tôn giáo ghi trong Mishna không có ngày lễ kỷ niệm cuộc nổi dậy Bar Kokhba.

Cuộc nổi dậy thất bại không ảnh hưởng gì đến người Samaritan, những người vốn về phe La Mã, nhưng lại làm trầm trọng thêm mối quan hệ thù địch giữa người Samaritan và người Do Thái. Các giáo phái Do Thái – Cơ đốc xuất hiện ở thế kỷ 1 và 2 không tham gia vào cuộc Đại nổi dậy (họ rời Jerusalem khi Jerusalem bị vây hãm) mà cũng chẳng can dự vào cuộc nổi dậy Bar Kokhba. Ý nghĩa của các sự kiện này đối với động lực nội sinh của Do Thái giáo và dân số Do Thái sẽ được giải thích sau.

Ghi chép của Josephus, Tacitus, Cassius Dio cũng như các khai quật khảo cổ học cho thấy mức độ hủy diệt làng xã, thị trấn và suy giảm dân số Do Thái ở Xứ Israel. Theo ước tính của các sử gia cổ đại, hơn một triệu người Do Thái đã chết trong các cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã.[28] Do đó, số người chết do chiến tranh chiếm gần 40% lượng sụt giảm dân số Do Thái ở Xứ Israel trong thế kỷ 1 và thế kỷ 2 (xem Bảng 1.2). Do chiến tranh, một số người Do Thái bị đưa tới Rome làm nô lệ, nhưng con số này không lớn. Vì kinh tế của Xứ Israel bắt đầu suy thoái vào thế kỷ 3 nên một số người Do Thái chuyển tới sống ở Mesopotamia.[29] Giáo sỹ và lãnh tụ tôn giáo tìm cách nhưng không ngăn được làn sóng di cư này.

Lập luận này sẽ không thay đổi nếu, như Broshi, Hamel và Schwartz đã chỉ ra, ta bắt đầu bằng con số ước tính dân số Do Thái khoảng năm 65 sau CN thấp hơn và cho rằng số người chết do các cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã thế kỷ 1 và 2 thấp hơn nhiều so với con số do Josephus, Tacitus và Cassius Dio đưa ra.[30] Do đó, gần một nửa lượng sụt giảm dân số Do Thái ở Xứ Israel từ thế kỷ 1 tới thế kỷ 7 cần phải được giải thích. Chiến tranh hay di cư không thể giải thích đầy đủ cho sự sụt giảm gần 96% số dân Do Thái vào thời điểm mà dân số không phải Do Thái tăng gấp đôi hoặc gấp ba, từ gần 500.000 người Hy Lạp, người đa thần giáo, một số ít người Cơ đốc giáo

https://thuviensach.vn

thế kỷ 1 lên khoảng 0,9-1,4 triệu người, chủ yếu là người Cơ đốc giáo, vào đầu thế kỷ 7.

https://thuviensach.vn

AI CẬP VÀ BẮC PHI

Khi Hồi giáo ra đời giữa thế kỷ 7, người Do Thái ở Ai Cập – một trong những cộng đồng lớn và thịnh vượng nhất thời Jesus với dân số lên tới khoảng một triệu người – chỉ gồm có vài nghìn người. Điều gì giải thích cho sự sụt giảm đáng kinh ngạc này?

Năm 115, Hoàng đế Trajan tiến hành một chiến dịch lớn chống lại Đế chế Parthia để bảo vệ vững chắc biên giới phía Đông của Đế chế La Mã. Trong chiến dịch này, người Do Thái ở Mesopotamia nổi dậy chống lại người La Mã để ủng hộ Ba Tư nhưng bị Lucius Quietus đàn áp tàn nhẫn. Nhờ chiến công này, Lucius Quietus được phong làm tổng trấn Judea và Galilee.

Cuộc nổi dậy nhanh chóng lan sang Xứ Israel và, ở một mức độ lớn hơn nhiều, sang cả những nơi có người Do Thái sinh sống. Đám đông Do Thái có vũ trang thảm sát công dân La Mã và Hy Lạp ở đảo Síp, Alexandria và Cyrene ở bờ biển Bắc Phi cũng như việc phá hủy các Đền Thờ đa thần giáo khiến Trajan trả thù tàn bạo. Năm 117, sau gần một năm giao chiến, Marcius Turbo, vị tướng của Trajan, dập tắt cuộc nổi dậy. Rất nhiều nơi bị tàn phá nặng nề. Cộng đồng Do Thái ở đảo Síp bị tiêu diệt, người Do Thái bị cấm định cư ở đó. Người Do Thái ở Cyrenaica và Libya cũng tổn thất nặng nề. Cộng đồng Do Thái ở nhiều vùng nông thôn của Ai Cập bị thảm sát. Ở Alexandria, tòa giáo đường và thư viện lớn bị phá. Một số lớn trong tổng số 150-200 nghìn người Do Thái ở Alexandria bị thảm sát. Một số người Do Thái ở Ai Cập bỏ chạy sang Mesopotamia (nhất là Babylon), giống như cách người Do Thái ở Xứ Israel đã làm sau hai cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã.[31]

Trong suốt sáu thế kỷ từ năm 65 sau CN đến năm 650, người Do Thái ở Ai Cập gần như biến mất. Cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã năm 115-117 gây ra gần 25% sự sụt giảm này (Bảng 1.2). Các cuộc di cư của người Do Thái ở Ai Cập tới Mesopotamia cũng gánh chịu tổn thất về người. Nhưng điều gì giải thích cho 60-70% sự sụt giảm mà các vụ thảm sát hay các cuộc di cư không thể giải thích được? Việc cộng đồng Do Thái ở Bắc Phi gần như

https://thuviensach.vn

biến mất rất đáng ngạc nhiên vì số lượng người không phải Do Thái tăng gần 8,3% từ thế kỷ 1 đến đầu thế kỷ 7.

Bảng 1.2. Tác động của chiến tranh đối với dân số Do Thái, 65 sau CN – 650, theo khu vực (đơn vị tính: triệu, trừ trường hợp đặc biệt)

	Số dân Do Thái				Số dân không phải người Do Thái		
Khu vực	Khoảng năm 65 sau CN	Khoảng năm 650	Thay đổi do chiến tranh gây ra (%)	Tổng mức thay đổi (%)[b]	Khoảng năm 65 sau CN	Khoảng năm 650	Tổng mức thay đổi (%)[b]
Xứ Israel	2,5	0,1	-40	-96	0,5	0,9-1,4	+130,0
Mesopotamia và Ba Tư[a]	1	0,7-0,9	-10	-20	6,0	11,0	+83,4
Bắc Phi (chủ yếu là Ai Cập)	1	0,004	-25	-99	7,2	7,8	+8,3
Syria và Lebanon	0,2-0,4	0,005	-10	-98	2,0	2,0	…
Tiểu Á và Balkan	0,2-0,4	0,040	-10	-87	9,8	8,4	-14,3
Tây Âu	0,1-0,2	0,001	-10	-99	20,9	16,9	-19,1
Đông Âu	…	…	—	—	3,1	3,0	-3,2
Tất cả các khu vực	5-5,5	1-1,2	—	-79	55	51,5-52	-6,9

Nguồn: Ước tính của các tác giả, có giải thích ở phụ lục.

Chú ý: Tiểu Á là tên gọi lịch sử của vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Khu vực Balkan bao gồm Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ. Đông Âu gồm Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ. Tây Âu gồm Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Áo và Anh, tất cả đều bị La Mã cai trị trong hầu hết bốn thế kỷ đầu.

… Số lượng không đáng kể.

__ Không có dữ liệu.

a Bao gồm cả bán đảo Ả-rập.

b Khi con số ước tính dân số có dạng từ giá trị này đến giá trị kia (ví dụ: từ 5-5,5 triệu) thì phần trăm thay đổi ở cột này được tính bằng cách lấy giá trị ở giữa (ví dụ: 5,25 triệu).

https://thuviensach.vn

SYRIA, LEBANON, TIỂU Á, VÙNG BALKAN, TÂY ÂU

Bảng 1.1 và 1.2 cho thấy sự sụt giảm đáng kinh ngạc về quy mô các cộng đồng Do Thái lớn ở các khu vực khác của Đế chế La Mã (Syria, Lebanon, Tiểu Á, vùng Balkan, Tây Âu). Hàng ngàn người Do Thái từng sống ở Đế chế La Mã thế kỷ 1 sau CN. Trong các thế kỷ tiếp theo, người Do Thái ở Tây Âu gần như biến mất, khan hiếm thông tin về người Do Thái ở châu Âu trong thế kỷ 7 và 8 chỉ ra điều này.[32] Các cộng đồng Do Thái rất đông ở Lebanon, Syria, Tiểu Á và vùng Balkan thế kỷ 1 cũng thu nhỏ quy mô. Điều gì giải thích cho sự sụt giảm mạnh này?

Các vụ đàn áp và cưỡng ép người Do Thái cải đạo, chẳng hạn như ở Tây Ban Nha của người Visigoth thế kỷ 6 và đầu thế kỷ 7, góp phần khiến dân số Do Thái sụt giảm ở những vùng này, tuy không thể xác định được mức độ ảnh hưởng như thế nào. Những sự kiện này thật khủng khiếp nhưng cũng không thể xóa sổ được người Do Thái ở châu Âu. Cho rằng người Do Thái và người không phải Do Thái có cùng tuổi thọ bình quân trong suốt thiên niên kỷ thứ nhất, nên sụt giảm dân số nói chung ở Tiểu Á và Balkan (14,3%) và ở Tây Âu (19,1%) trong sáu thế kỷ đầu chắc chắn có tác động đối với người Do Thái sinh sống ở đó (Bảng 1.2). Giống như phần còn lại của thế giới, dân số Do Thái gánh chịu hậu quả của trận đại dịch hạch Justinian. Trận đại dịch này có lẽ xuất phát từ Ai Cập qua đường Trung Á và nổ ra ở Constantinople năm 541 dưới triều Hoàng đế Justinian trước khi lan sang Syria, Lebanon, Xứ Israel, Bắc Phi, Tiểu Á, vùng Balkan, Tây Âu tới tận Đan Mạch, Anh, Ireland. Sụt giảm 22-23% dân số Tiểu Á, vùng Balkan, Tây Âu từ năm 300 tới năm 550 (Bảng 1.1) phù hợp với ý kiến cho rằng đại dịch hạch Justinian gây ra tổn thất lớn về người.

Trong thời kỳ này, người Do Thái tản mát khắp nơi trong Đế chế Byzantine, nhưng không có ghi chép gì về việc người Do Thái di cư hàng loạt, tự nguyện hay cưỡng ép, từ Syria, Lebanon, Tiểu Á, vùng Balkan hay Tây Âu tới Mesopotamia từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7.[33] Phải có điều gì khác giải thích sự sụt giảm dân số Do Thái choáng váng ở những khu vực này.

https://thuviensach.vn

MESOPOTAMIA VÀ BA TƯ

Đế chế La Mã với lãnh thổ vô cùng rộng lớn trải dài từ Britain tới Ba Tư là một trong hai đế chế hùng mạnh vào thế kỷ 1. Đế chế còn lại là Đế chế Parthia, trải dài từ Armenia tới Afghanistan. Trước cuộc chiến Do Thái – La Mã thứ nhất vào thế kỷ 1, Mesopotamia (và ở phạm vi nhỏ hơn là Ba Tư) dưới triều Parthia là nơi sinh sống của một trong những cộng đồng Do Thái lớn nhất thế giới, với gần một triệu người sống ở các làng hay thành phố như Babylon, Edessa, Nehardea, Nisibis, Pumbedita, Seleucia trên sông Tigris, Sura.[34] Cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia duy trì khá ổn định và tiếp tục tăng sau khi người Parthia chấm dứt cai trị Mesopotamia năm 224 và triều Ba Tư Sassanid tiếp quản, mở rộng lãnh thổ đế chế.[35] Trong bốn thế kỷ dưới triều Sassanid (224-651), dân số Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư giảm ít hơn so với ở Xứ Israel và Ai Cập (Bảng 1.1 và 1.2) nên vào đầu thế kỷ 7, gần 75% dân số Do Thái thế giới sống ở Mesopotamia và Ba Tư.

Trong thời kỳ này, trung tâm học vấn của người Do Thái trước đặt ở Judea và Galilee nay chuyển về các học viện ở Mesopotamia (nổi tiếng nhất là các học viện ở Sura, Pumbedita, Nehardea) nơi các học giả Amora viết một lượng chú giải khổng lồ gọi là Talmud Babylon (hay Bavli Talmud). Cuốn Talmud này về sau làm lu mờ cuốn Talmud của Xứ Israel và được hầu hết các cộng động Do Thái công nhận là tài liệu pháp lý và tín ngưỡng Do Thái quan trọng nhất.

Tuy không có thảm sát hàng loạt, nhưng dân số Do Thái nói chung không tăng mạnh (Bảng 1.1). Đầu thế kỷ 7, dân số Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư giảm gần 20% so với thế kỷ 1. Vậy tại sao dân Do Thái trong giai đoạn này lại giảm?

https://thuviensach.vn

Thế giới của nông dân

Vào thế kỷ 1, hầu hết người Do Thái ở khắp thế giới kiếm sống bằng nghề nông (Bảng 1.3). Tuyệt đại đa số người Do Thái ở Xứ Israel là nông dân.[36] Các bài viết của Josephus và Kinh Tân Ước đều mô tả rõ ràng đặc tính nông thôn của Xứ Israel.

Những mô tả này trùng khớp với mô tả trong Mishna, bộ luật Do Thái do giáo sỹ Judah haNashi soạn đầu thế kỷ 3.[37] Mỗi *seder*, một trong sáu tập Mishna, bao gồm các bài viết nhỏ hơn, tổng số lên tới 63 bài viết về nông nghiệp, lễ hội, luật gia đình, luật dân sự, thuần khiết lễ nghi, hiến sinh. Thậm chí các tập không chuyên về nông nghiệp cũng thảo luận, phán quyết về nghề nông và các hoạt động ở thôn quê. Ví dụ, rất nhiều trong số các thiệt hại được nói đến trong tập mang tên đó (*Nezikim*) nhắc tới thiệt hại nông nghiệp. Rất nhiều thảo luận, phán quyết về lễ hội trong tập *Moed* ("mùa được chỉ định") nói về tiệc tùng, ăn kiêng, ngày thánh diễn ra vào các thời gian cụ thể trong mùa vụ. Trong 39 loại hoạt động bị cấm vào ngày Sabbath, 11 hoạt động liên quan đến nông nghiệp như cày, gặt, bó, đập, quạt, lựa chọn, nghiền, sàng.

Bảng 1.3. Tỷ lệ lực lượng lao động Do Thái làm nông và các công việc đòi hỏi tay nghề, 1 sau CN – 650, theo khu vực

https://thuviensach.vn

	1 sau CN đến 400		400 - 650	
Khu vực	Nông nghiệp[a]	Thủ công, buôn bán, cho vay lãi[a]	Nông nghiệp[a]	Thủ công, buôn bán, cho vay lãi[a]
Xứ Israel	85 - 90	10 - 15	80 - 85	15 - 20
Mesopotamia và Ba Tư[b]	85 - 90	10 - 15	70 - 80	20 - 30
Bắc Phi (chủ yếu Ai Cập)	70 - 80	20 - 30	—	—
Syria và Lebanon	85 - 90	10 - 15	—	—
Tiểu Á và Balkan	40 - 50	50 - 60	30 - 40	60 - 70
Tây Âu	70 - 80	20 - 30	—	—
Đông Âu	—	—	—	—

Nguồn: Ước tính của các tác giả, có giải thích ở phụ lục.

Chú ý: Tiểu Á là tên gọi lịch sử vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Khu vực Balkan bao gồm Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ. Đông Âu gồm Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ. Tây Âu gồm Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Áo và Anh, tất cả đều bị La Mã cai trị trong hầu hết bốn thế kỷ đầu.

__ Không có dữ liệu

a Phân loại nghề nghiệp sau được dùng để xếp hàng trăm nghề nghiệp vào một vài nhóm để có thể trình bày trong bảng. “Nông nghiệp” bao gồm tất cả các nghề nghiệp liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi, đánh cá cũng như lao động không có tay nghề không liên quan đến nông nghiệp. “Thủ công” gồm nghệ nhân và lao động có tay nghề như thợ may, thợ nhuộm, thợ rèn, thợ làm áo giáp, thợ sản xuất thủy tinh, thợ khắc bia mộ, thợ vàng, thợ làm dụng cụ khoa học, thợ mộc, thợ khóa. “Buôn bán” gồm chủ hiệu, lái buôn địa phương, thương lái đường dài, những người thường mua bán hàng hóa do nghệ nhân và thợ thủ công làm ra. “Cho vay lãi” gồm người đúc tiền, người đổi tiền, người cho vay lãi, chủ nhà băng, người thu thuế cũng như tất cả

https://thuviensach.vn

những người học cao khác như nhà luật học, công chứng viên, giáo viên, học giả, bác sỹ.
b Bao gồm cả bán đảo Ả-rập.

Số trang dành cho các vấn đề nông nghiệp trong *Zeraim* (“hạt giống”), tập đầu tiên của Mishna, có lẽ minh họa tốt nhất cho mức độ Do Thái giáo vươn ra ngoài một xã hội nông nghiệp. Giáo sỹ, hiền nhân thời Đền Thờ thứ hai và sau này là các học giả Tanna thế kỷ 1 và 2, không dành thời gian, tâm sức cho các cuộc thảo luận triết học. Họ ra phán quyết về các vấn đề thực tiễn như quy định về việc mọi người phải dành một góc ruộng cho người nghèo; những kết hợp bị cấm trong nông nghiệp, ăn mặc, nuôi con; luật *Shemitah* trong năm Sabbath bị cấm khi làm nông; các nhóm việc nhà nông không được phép làm, lệnh cấm không được ăn quả từ những cây dưới ba năm tuổi.[38]

Sự chú ý tương tự dành cho nông nghiệp xuất hiện trong các cuộc thảo luận, phán quyết của những người kế nghiệp Tanna là Amora, tức học giả trong các học viện ở Galilee từ đầu thế kỷ 3 đến cuối thế kỷ 5. Kết quả của quá trình này là bộ luật Talmud của Xứ Israel đầy những thảo luận, phán quyết, chuẩn mực đối với nông nghiệp và các vấn đề liên quan đến nông nghiệp.

Các cuộc khai quật khảo cổ học càng xác nhận thêm bức tranh về một Xứ Israel nông thôn trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất. Bằng chứng khảo cổ cho thấy đa phần dân số Israel sống ở làng quê và làm nông nghiệp; còn các thị trấn ven biển là nơi sinh sống của người Hy Lạp vốn làm nghề thủ công và buôn bán.[39]

Sự phân bố nghề nghiệp này có giống như ở hai trung tâm đời sống Do Thái chính là Bắc Phi (chủ yếu là Ai Cập) và Mesopotamia không, nơi mà người Do Thái tuy đông nhưng cũng chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong dân số địa phương? Ai Cập là một tỉnh La Mã thịnh vượng, nơi nông nghiệp tạo ra phần lớn của cải. Buôn bán với khu vực Trung Phi, bán đảo Ả-rập và Ấn Độ phát triển mạnh dọc theo sông Nin, sa mạc và các tuyến hàng hải từ Biển Đỏ. Thu nhập của Rome từ Ai Cập cao hơn so với ở Judea. Alexandria với

https://thuviensach.vn

thư viện tuyệt vời và cộng đồng nhà văn, triết gia, nhà khoa học được cả thế giới cổ đại biết đến là trung tâm kinh tế, văn hóa của Ai Cập.

Theo như ghi chép của triết gia Do Thái Philo và các bằng chứng trong sách giấy cói thì người Do Thái ở Bắc Phi thế kỷ 1 làm ăn rất phát đạt ở tỉnh La Mã giàu có này.[40] Giống như người Do Thái ở Xứ Israel, hầu hết người Do Thái ở Ai Cập thế kỷ 1 kiếm sống bằng nghề nông. Tuy vậy, người Do Thái cũng làm nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi giống như những người khác ở Alexandria. Trong các thế kỷ sau cuộc chiến Do Thái – La Mã năm 115, dân số Do Thái giảm xuống chỉ còn vài nghìn người. Người ta không biết mấy về cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái ở Bắc Phi giai đoạn cuối thế kỷ 2 tới đầu thế kỷ 7.

Trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất, hầu hết người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư cũng kiếm sống bằng nghề nông giống như phần còn lại của dân số. Khu vực này được trời phú cho đất đai màu mỡ. Người Parthia và sau này là tầng lớp cai trị Sassanid đầu tư rất mạnh cho thủy lợi, vì vậy người dân được canh tác trên một vùng đất đai rộng lớn.

Người Do Thái đã bắt đầu làm nông kể từ khi họ bị giam cầm vào thế kỷ 6 trước CN. Các bài viết của các nhà tiên tri Jeremiah, Ezra và Nehemiah chỉ ra rằng người Do Thái tha hương không bị cấm sở hữu đất và thực sự làm nghề nông. Josephus cho rằng khi người Do Thái tha hương được phép quay trở về Judea thì nhiều người quyết định ở lại vì không muốn từ bỏ tài sản đất đai của mình. Sự thống trị của nông nghiệp có vẻ như tiếp diễn ở các thế kỷ sau đó theo như một bức thư của vị vua Seleucid của Hy Lạp cổ là Antiochus Đệ tam (giữa năm 210 và 205 trước CN) gửi cho một viên quan của mình là Zeuxis, trong thư Antiochus ghi rằng người Do Thái ở Mesopotamia từ lâu đã là nông dân.[41]

Vô số tranh luận của các giáo sỹ trong bộ luật Talmud Babylon đề cập tới nhiều làng xã và địa danh nông thôn. Các cuộc tranh luận nhắc tới việc người Do Thái kiếm sống từ nông nghiệp như làm địa chủ, lĩnh canh (*arisim*), thuê ruộng (*hokerim*) hay làm công (*kablanim*). Kể cả học giả các học viện ở Mesopotamia hay nhóm Amora cũng là địa chủ. Một số tự làm

https://thuviensach.vn

ruộng; số khác thuê lao động ngoài. Quan tâm của họ đối với nông nghiệp thể hiện qua các thảo luận và phán quyết trong Talmud về những vấn đề như canh tác đúng cách để tối đa hóa lợi nhuận, cho phép mua đất của người không phải Do Thái, tranh giành đất do áp lực dân số.

Ngoài việc sở hữu đất và làm nông, nhiều học giả Amora còn buôn rượu và dầu vừng. Một số có vẻ như làm nghề cho vay lãi. Tuy một số học giả Amora công nhận lợi thế của thương mại so với nông nghiệp tại thời điểm này nhưng không có bằng chứng trực tiếp cho thấy trong ba thế kỷ đầu, người Do Thái ở Mesopotamia tham gia sâu vào nghề thủ công hay buôn bán.[42]

Mô hình nghề nghiệp này bắt đầu thay đổi vào cuối thời Talmud, nhất là ở Mesopotamia (Bảng 1.3). Thế kỷ 5 và 6, một số người Do Thái từ bỏ nông nghiệp, chuyển đến sống ở thị trấn, làm chủ hiệu nhỏ, thợ thuộc da, dệt lanh, dệt lụa, nhuộm, làm đồ thủy tinh. Học giả các học viện là những người đầu tiên làm những công việc đòi hỏi tay nghề cao nhất, họ trở thành thương gia, lái buôn.[43]

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Lịch sử người Do Thái từ thời Jesus tới thời Muhammad được đánh dấu bằng ba sự kiện chính. Một là, số lượng người Do Thái trên thế giới giảm 4 triệu người, từ 5,5 triệu đầu thế kỷ 1 xuống chỉ còn 1-1,2 triệu đầu thế kỷ 7. Các vụ thảm sát liên quan đến chiến tranh và sụt giảm dân số nói chung chiếm khoảng một nửa con số này. Chương 5 giải thích những người Do Thái khác biến mất như thế nào và tại sao họ lại biến mất.

Hai là, trung tâm đời sống Do Thái chuyển từ Xứ Israel sang Mesopotamia (và ở một mức độ thấp hơn là Ba Tư) nơi gần 75% dân số Do Thái thế giới sinh sống khi Hồi giáo mới ra đời. Chương 5 xem xét liệu sự chuyển dịch này là kết quả của lựa chọn tự nguyện vì động cơ kinh tế hay là do bị đàn áp.

Ba là, hầu hết người Do Thái làm nông nghiệp trong suốt sáu thế kỷ từ thời Jesus tới thời Muhammad. Ở các thành phố như Alexandria, Babylon, Jerusalem hay Rome, người Do Thái cũng làm nhiều nghề thủ công và buôn bán, nhưng hầu hết người Do Thái và người không phải Do Thái mọi nơi kiếm sống bằng việc mở trang trại, lĩnh canh, tá điền, cày thuê. Ngày nay, tuyệt đại đa số người Do Thái trên thế giới kiếm sống bằng buôn bán, ngân hàng, tài chính, công nghiệp công nghệ cao, y tế, luật và các công việc đòi hỏi tay nghề và thu nhập cao khác. Phần tiếp theo giải thích cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái thay đổi từ khi nào và thay đổi như thế nào.

https://thuviensach.vn

TỪ MUHAMMAD TỚI HÚC LIỆT NGỘT (622-1258): NÔNG DÂN TRỞ THÀNH THƯƠNG NHÂN

Việc Đền Thờ thứ hai bị phá hủy là "biến cố lịch sử" đầu tiên trong các thế kỷ lịch sử Do Thái được nói đến ở đây. Biến cố thứ hai là sự xuất hiện của Hồi giáo và việc hình thành một trong những đế chế lớn nhất, thành thị nhất và thương mại nhất trong lịch sử. Sự kiện ngoại sinh này tương tác với động lực nội sinh của Do Thái giáo, dẫn tới sự thay đổi chưa từng có tiền lệ và kéo dài trong cấu trúc nghề nghiệp, cư trú của người Do Thái trên thế giới.

https://thuviensach.vn

Sự xuất hiện của các vua Hồi

Châu Âu, Bắc Phi và Trung Đông trông như thế nào khi Muhammad xuất hiện trên "sân khấu lịch sử" đầu thế kỷ 7? Trong suốt năm thế kỷ sau khi La Mã sụp đổ năm 476 và sau khi người German từ Trung và Bắc Âu xâm lăng, Tây Âu cơ bản trở thành một nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp, chia thành nhiều vương quốc đối địch.

Ngược lại, nửa phía Đông của Đế chế La Mã vẫn tồn tại dưới tên Đế chế Byzantine, là thành trì Cơ đốc giáo trong hàng thế kỷ. Tại đỉnh điểm bành trướng thời Justinian (527-565), lãnh thổ Đế chế Byzantine bao gồm Nam Tây Ban Nha, hầu hết Ý, vùng Balkan, Tiểu Á, Bắc Phi, Lebanon, Syria và Xứ Israel. Thủ đô Constantinople là thành phố của gần 1 triệu dân. Kế thừa nền văn minh của kỷ nguyên Hy Lạp cổ, Đế chế Byzantine là một nền kinh tế thương mại, thành thị. Constantinople thống trị các tuyến thương mại giữa châu Âu và châu Á, khiến cho khu vực Địa Trung Hải trở nên phồn thịnh, là một trung tâm văn hóa sôi động.[44]

Kẻ thù chính của Đế chế Byzantine là Đế chế Sassanid cai trị Mesopotamia, Ba Tư, vùng Cáp-ca-dơ, một số nơi ở Trung Á từ năm 224-651. Constantinople mất một số lãnh thổ vào tay cường quốc Ba Tư này, nhưng dưới thời Hoàng đế Heraclius (610-641), Constantinople giáng cho Đế chế Sassanid một đòn chí mạng. Do đó, sự yếu ớt của Đế chế Sassanid một thời hùng mạnh tạo điều kiện cho việc xâm chiếm Trung Đông của các bộ tộc Ả-rập thống nhất dưới tôn giáo mới thành lập: Hồi giáo.

Sau khi Muhammad qua đời năm 632, các vua Hồi dưới triều đại Umayyad chinh phạt Syria, Mesopotamia, Xứ Israel, Ai Cập, Lybia, đảo Síp, Ba Tư, Tunisia, Cappadocia và Cilicia ở Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, Algeria, Morocco. Sau khi kiểm soát Nam Tây Ban Nha năm 711-712, người Hồi giáo vượt dãy Pyrenee, chiếm Narbone, Autun, Bordeaux, vây hãm Tours năm 732. Cùng năm đó, tức là đúng 100 năm sau khi Muhammad qua đời, họ bị quân đội của người Frank do Charles Martel chỉ huy đánh bại trong trận Poitiers gần Tours. Kết cục của trận đánh là một thời khắc quyết định

https://thuviensach.vn

trong lịch sử khi mà cuộc chinh phạt châu Âu qua dãy Pyrenee của người Ả-rập kết thúc.

Năm 750, triều Abbasid lên nắm quyền. Trong 200 năm tiếp theo, triều Abbasid mở rộng các cuộc chinh phạt của đế chế tới Sicily và nhiều nơi ở miền Nam Ý, toàn bộ Ba Tư, Afghanistan, một phần lớn Ấn Độ. Vào đỉnh điểm công cuộc bành trướng, vua Abbasid nắm giữ một lãnh thổ rộng lớn, trải dài từ bán đảo Iberia tới Ấn Độ, vùng lãnh thổ tương đối dễ di chuyển và di cư. Sự cai trị của người Hồi giáo áp đặt ngôn ngữ chung (tiếng Ả-rập) cùng hệ thống thể chế và pháp luật thống nhất dựa trên các nguyên tắc của Kinh Koran mang lại thuận lợi lớn cho sản xuất công nghiệp, buôn bán, thương mại.

Các vương quốc Hồi giáo phát triển mang lại nhiều tiến bộ công nghệ trong nông nghiệp và sản xuất công nghiệp, làm bùng nổ thương mại địa phương, thương mại đường dài trên một vùng rộng lớn. Tăng trưởng kinh tế song hành với tốc độ đô thị hóa chóng mặt (xem Chương 6).[45] Các thành phố mới được thành lập ở Mesopotamia. Triều đại Umayyad với thủ đô ở Damascus lập ra các trung tâm chính Basra và Kufa năm 638; các vua Abbasid mở mang Baghdad năm 762 và Samarra năm 836. Dân số bốn thành phố này đạt mức đáng kinh ngạc vào thời đó, ở Kufa là 400.000 người, ở Baghdad là gần 1 triệu người (Bảng 1.4). Các thành phố cũng mọc lên ở Ba Tư, một vài nơi như Isfahan là nơi sinh sống của hơn 100 nghìn người.[46] Đô thị hóa thời Abbasid thế kỷ 8-9 thậm chí còn ấn tượng hơn khi so sánh với đô thị hóa ở châu Âu cùng thời điểm. Khoảng năm 1050, không thành phố nào trong tám thành phố lớn nhất châu Âu là Córdoba, Palermo, Seville, Salerno, Venice, Regensburg, Toledo, Rome có dân số trên 150.000 người.[47]

Bảng 1.4. Đô thị hóa ở Trung Đông, Bắc Phi và châu Âu, 850-1050 (đơn vị tính: nghìn)

https://thuviensach.vn

Thành phố	Tổng dân số
Các thành phố lớn nhất ở Mesopotamia, Ba Tư, Ai Cập và Tunisia, khoảng năm 850	
Baghdad	600 - 1.000
Samarra	500 +
Basra	200 - 600
Kufa	400
Cairo	300
Nishapur	100 - 500
Isfahan	100
Qayrawan	100
Các thành phố lớn nhất ở châu Âu, khoảng năm 1050	
Córdoba	150
Palermo	115
Seville	90
Salerno	50
Venice	45
Regensburg	40
Toledo	37
Rome	35

Nguồn: Với các thành phố ở Mesopotamia và Ba Tư, Ashtor (1976, tr. 254), Lapidus (1981, tr. 203) và Watson (1981, tr. 56, chú thích 45). Với Cairo và Qayrawan, Ashtor (1976, tr. 89). Với các thành phố châu Âu, DeLong và Shleifer (1993, Bảng 1).

Từ quan điểm kinh tế, hệ quả chủ yếu của đô thị hóa ở Trung Đông và phát triển công nghiệp mới, thương mại trên một vùng rộng lớn là nhu cầu đối với công việc đòi hỏi tay nghề ở các trung tâm đô thị mới thành lập tăng mạnh. Những sự kiện này ảnh hưởng như thế nào đối với người Do Thái sống dưới ách cai trị Hồi giáo?

https://thuviensach.vn

Chuyển dịch nghề nghiệp của người Do Thái (750-900)

Sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang thủ công, buôn bán bắt đầu từ cuối thời kỳ Talmud (thế kỷ 5-6) diễn ra chủ yếu ở Mesopotamia, đỉnh điểm là việc thành lập chế độ vua Hồi.

Từ giữa thế kỷ 8, người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư rời bỏ làng quê, chuyển tới sống ở các thị trấn, trung tâm đô thị mới thành lập. Sự chuyển dịch này lớn đến mức vào cuối thế kỷ 9, người Do Thái ở Trung Đông hầu hết là cư dân thành thị.[48] Di cư ra đô thị diễn ra đồng thời với việc nông nghiệp không còn là nghề nghiệp hay nguồn thu nhập chính của người Do Thái ở Trung Đông nữa (Bảng 1.5). Người Do Thái ở thành thị làm nhiều nghề khác như thủ công, buôn bán, cho vay lãi, thu thuế, công chức nhà nước, y tế.

Sự chuyển dịch nơi ở và nghề nghiệp của người Do Thái diễn ra trong khoảng 150 năm; vào năm 900, hầu hết người Do Thái ở Mesopotamia, Ba Tư, Syria, Lebanon, Bắc Phi không còn làm nghề nông. Lúc này, họ bán rượu, buôn ngô, buôn gia súc, làm thợ xây, bán quần áo, bán sách, làm đại lý, môi giới, làm đồng hồ nước, buôn bán nhà cửa, cho thuê nhà trọ, thuộc da, dệt lụa, dệt vải tía, sản xuất thủy tinh, làm thợ thủ công, chủ tàu thuyền, buôn ngọc trai, chủ tiệm, thợ vàng, đúc tiền, đổi tiền, nhà tài phiệt, chủ ngân hàng, dược sỹ, bác sỹ, thương lái địa phương, lái buôn đường dài.[49]

Nguồn tư liệu gốc chính mô tả sự chuyển dịch nghề nghiệp của người Do Thái ở Trung Đông và Bắc Phi Hồi giáo là tư liệu của kho lưu trữ Cairo, thư từ phúc đáp của Gaon, nhật ký, báo cáo của nhà văn, nhà triết học, nhà lữ hành. Kho lưu trữ Cairo là nơi cất giữ hàng nghìn bản hợp đồng (mua bán, kết hôn, cho vay, đối tác kinh doanh), di chúc, thư từ, sổ sách kế toán, hồ sơ tòa án.[50] Rất ít trong số những tài liệu này nhắc đến những người Do Thái làm nông dân, tá điền, lĩnh canh, cày thuê mà chủ yếu mô tả người Do Thái ở các quốc gia Địa Trung Hải (chủ yếu là Ai Cập, vùng Maghreb, Sicily, bán đảo Iberia) làm khoảng 450 nghề khác nhau như chủ tiệm, buôn bán, làm hàng thủ công, y tế, dạy học, đổi tiền và cho vay lãi. Cấu trúc nghề nghiệp

https://thuviensach.vn

tương tự cũng thấy có trong các tư liệu của kho lưu trữ Cairo nói về các cộng đồng Do Thái lớn ở Mesopotamia và Ba Tư.[51]

Bảng 1.5. Tỷ lệ lực lượng lao động Do Thái làm nghề nông và các công việc đòi hỏi tay nghề, 400-1250, theo khu vực

	400 - 650		650 - 1250	
Khu vực	Nông nghiệp	Thủ công, buôn bán, cho vay lãi	Nông nghiệp	Thủ công, buôn bán, cho vay lãi
Xứ Israel	80 - 85	15 - 20	20 - 30	70 - 80
Mesopotamia và Ba Tư[a]	70 - 80	20 - 30	10 - 20	80 - 90
Bắc Phi (chủ yếu Ai Cập)	__	__	10 - 20	80 - 90
Syria và Lebanon	__	__	10 - 20	80 - 90
Tiểu Á và Balkan	30 - 40	60 - 70	10 - 20	80 - 90
Tây Âu	__	__	1 - 5	95 - 99
Đông Âu	__	__	1 - 5	95 - 99

Nguồn: Ước tính của các tác giả, có giải thích ở phụ lục.
Chú ý: Tiểu Á là tên gọi lịch sử vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Khu vực Balkan bao gồm Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ. Đông Âu gồm Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ. Tây Âu gồm Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Áo và Anh. Xem Bảng 1.3 về cách phân loại nghề nghiệp.
__ Không có dữ liệu.
a Bao gồm cả bán đảo Ả-rập.

Có thể vì nông dân và các hộ gia đình sinh sống ở nông thôn hiếm khi để lại tài liệu viết – có thể là do họ mù chữ hoặc tính chất công việc không đòi hỏi phải viết hợp đồng hay thư từ – nên tư liệu trong kho lưu trữ Cairo chủ yếu đại diện cho các hộ gia đình sinh sống ở thành thị, tạo ra hình ảnh méo mó về cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái. Nguồn thông tin gốc chủ yếu còn lại, thư từ phúc đáp của Gaon (chủ các học viện Do Thái ở Mesopotamia từ thế kỷ 6 tới cuối thế kỷ 11), không thiên vị như vậy.[52] Thư

https://thuviensach.vn

từ phúc đáp của Gaon là hàng nghìn văn bản nêu ý kiến, phán quyết của các Gaon gửi trả lời các lá thư họ nhận được từ những người Do Thái sống cả ở thành thị và nông thôn trên khắp vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị.

Hai thông tin chủ chốt là từ những văn bản phúc đáp này. Thứ nhất, năm 787, chủ hai học viện hàng đầu bãi bỏ một điều luật Talmud khi họ phán rằng nợ của trẻ mồ côi và của hồi môn của phụ nữ có thể được đòi bằng cách lấy động sản của họ (trước phán quyết này, chủ nợ chỉ có thể lấy bất động sản). Phán quyết này được gửi tới tất cả các nước có người Do Thái sinh sống. Vài thập kỷ sau, vào đầu thế kỷ 9, giáo sỹ Moses Gaon giải thích "tình hình hiện tại khi mà hầu hết người Do Thái ở đây không sở hữu bất động sản" là nguyên nhân khiến chủ các học viện Do Thái đưa ra phán quyết này. **[53]**

Thứ hai, thư từ phúc đáp của Gaon cũng trả lời một số câu hỏi của nông dân; điều này cho thấy có một tỷ lệ nhất định người Do Thái ở vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị vẫn làm nông nghiệp. Tuy nhiên, những tư liệu này chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số thư phúc đáp, cho thấy nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi, nghề y là những ngành nghề phổ biến hơn của người Do Thái ở Trung Đông Hồi giáo.

Các vấn đề nghề nghiệp thời kỳ Mishna và thời kỳ Talmud có xu hướng liên quan đến nông nghiệp. Trái lại, những vấn đề đặt ra trong thư từ phúc đáp của Gaon liên quan đến nghề thủ công và buôn bán. Hơn nữa, trong nửa đầu thiên niên kỷ, các câu hỏi chủ yếu do nông dân đặt ra; nửa sau thiên niên kỷ, hầu hết các câu hỏi đến từ lao động lành nghề, thợ thủ công, chủ tiệm, lái buôn ở các khu vực thành thị. Cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái ở lãnh thổ rộng lớn của vua Hồi Abbasid không còn là cấu trúc được Josephus hay Philo mô tả hồi đầu thế kỷ nữa.

https://thuviensach.vn

Di cư bên trong Đế chế Hồi giáo (800-1200)

Vua Hồi Umayyad và Abbasid đã tạo ra một vương quốc rộng lớn với thể chế, luật pháp, ngôn ngữ chung, khiến cho việc di cư giữa các vùng lãnh thổ của vương quốc tương đối dễ dàng. Đầu thế kỷ 9, để tìm kiếm cơ hội làm ăn, người Do Thái di chuyển tự do từ Mesopotamia và Ba Tư tới Yemen, Syria, Lebanon, Xứ Israel. Những người di cư Do Thái này đóng một vai trò quan trọng trong thương mại toàn vùng Địa Trung Hải. Ai Cập và vùng Maghreb cũng trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với nhiều thương lái Do Thái đến từ Mesopotamia, những người đồng thời cũng là các học giả uyên bác. [54]

Cuộc chinh phạt miền Nam Tây Ban Nha năm 711-712 của Umayyad kéo theo một số lượng đáng kể người Do Thái tới định cư ở vùng đất này.[55] Khi vương quốc Córdoba của Umayyad thành lập năm 756, Córdoba là thành phố lớn nhất châu Âu với dân số khoảng 100.000 người. Hai thế kỷ sau, Córdoba có dân số gần nửa triệu người, hàng nghìn cửa hàng, rất nhiều thư viện (chỉ riêng thư viện của vua Hồi đã có 400 nghìn cuốn sách). Córdoba nằm trong mạng lưới thương mại kết nối Constantinople, Alexandria, Baghdad và Damascus với Ấn Độ và Trung Hoa.[56]

Người Do Thái định cư ở bán đảo Iberia làm rất nhiều nghề thủ công và công việc đòi hỏi tay nghề, nắm giữ vai trò quan trọng trong thương mại địa phương, gần như độc quyền thương mại quốc tế. Một số di cư tới các thành phố, thị trấn sôi động ở Ai Cập và vùng Maghreb, tạo ra mối thông thương giữa Nam Âu và Bắc Phi. Người Do Thái di cư sống trong vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị cũng tạo ra một mạng lưới trao đổi trí thức và văn hóa; điều này được ghi lại trong thư từ giữa chủ các học viện ở Mesopotamia với giáo sỹ, học giả ở các thị trấn có nhiều người Do Thái sinh sống như Qayrawan ở Tunisia, Barcelona, Granada, Lucena và Tarragona ở Tây Ban Nha.[57]

Từ thế kỷ 9 trở đi, Sicily và nhiều vùng miền Nam Ý bị người Ả-rập chinh phục cũng trở thành những điểm đến ưa thích của người di cư Do Thái sống ở Ai Cập, vùng Maghreb và bán đảo Iberia. Người Do Thái ở Sicily và

https://thuviensach.vn

Nam Ý phát triển thành một trong những cộng đồng giàu có, trí thức nhất trong thời kỳ này.[58]

https://thuviensach.vn

Người Do Thái Byzantine ở giữa Đông và Tây (600-1200)

Lịch sử người Do Thái ở các vùng đất của Đế chế Byzantine[59] từ triều Heraclius Đệ nhất (610-641) tới cuối cuộc Thập tự chinh lần thứ tư năm 1204 chồng lên lịch sử dân số Do Thái ở vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị và lịch sử cộng đồng Do Thái ở châu Âu Cơ đốc thời Trung Cổ. Một mặt, người Do Thái ở Byzantine có liên hệ kinh tế và tương tác văn hóa liên tục với những người đồng đạo ở thế giới Hồi giáo, nhất là những người ở Bắc Phi và lòng chảo Địa Trung Hải. Mặt khác, qua các đợt di cư tới Nam Ý từ thế kỷ 9 trở đi, người Do Thái ở Byzantine thiết lập mối quan hệ lâu bền với châu Âu.[60]

Đầu thế kỷ 7, người Do Thái sống ở các vùng đất thuộc quyền cai trị của Byzantine không còn là một cộng đồng lớn từng sống ở Tiểu Á, Balkan và Nam Ý vào thế kỷ 1 sau CN nữa (xem Bảng 1.1). Họ giờ là một thiểu số tôn giáo nhỏ xíu với địa vị pháp lý phần nào giống với địa vị thời La Mã.

Trong sáu thế kỷ kể từ triều đại Heraclius, hầu hết người Do Thái Byzantine sống ở thị trấn và trung tâm thành thị. Rất ít người trong số họ làm trong những ngành xương sống của kinh tế Byzantine như nông nghiệp, quân đội, chính quyền hoàng gia. Tuyệt đại đa số người Do Thái Byzantine làm nghề thủ công, thương mại địa phương, thương mại đường dài. Trong một số ngành như dệt hay thương mại, người Do Thái Byzantine chiếm tỷ lệ áp đảo so với phần còn lại của dân số. Vai trò thống trị của họ trong thương mại địa phương và thương mại đường dài thậm chí còn gia tăng khi Pisa, Genoa, Venice nổi lên như những trung tâm thương mại và thế lực lớn mạnh trong thế kỷ 12-13 và khi thương mại phát triển khắp vùng Địa Trung Hải về sau này. Có một điều thú vị là người Do Thái Byzantine không chuyên nghề cho vay lãi.

Từ thế kỷ 8 tới cuối thế kỷ 10, một vài làn sóng di cư của người Do Thái bên trong Đế chế Byzantine và từ Đế chế Byzantine vươn tới bờ biển phía Bắc và phía Nam Địa Trung Hải. Xu hướng này bị đảo ngược trong ba thế kỷ sau đó. Constantinople và các trung tâm thành thị khác nằm dưới sự cai trị của Constantinople trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với thợ thủ

https://thuviensach.vn

công, lái buôn và học giả Do Thái đến từ Ai Cập và vùng Maghreb (xem Chương 7).

https://thuviensach.vn

Di cư tới châu Âu Cơ đốc giáo và di cư bên trong châu Âu Cơ đốc giáo (850-1250)

Làn sóng người Do Thái di cư tìm kiếm cơ hội kinh doanh cũng vươn tới châu Âu.[61] Một mặt, theo Michael Toch, những đợt di cư của người Do Thái bên trong Đế chế Byzantine và từ những vùng đất của Đế chế Byzantine vốn gồm cả Nam Ý có thể đã đặt nền móng cho người Do Thái ở châu Âu qua đường Ý. Mặt khác, trong thế kỷ 8-9, người Do Thái từ Maghreb và Ai Cập đến định cư ở bán đảo Iberia và sau này ở Sicily. Đầu thế kỷ 9 và nhất là trong thế kỷ 10-11, các cộng đồng Do Thái lớn nhỏ xuất hiện ở miền Nam Pháp và sau này ở miền Trung và miền Bắc Pháp.

Sự phát triển của cộng đồng Do Thái ở Bắc Pháp diễn ra song song với một diễn biến tương tự ở Đức nơi người Do Thái có lẽ có nguồn gốc từ Pháp và Ý bắt đầu định cư và lập ra các cộng đồng từ thế kỷ 10 trở đi. Lái buôn Do Thái từ Pháp bắt đầu di cư tới Anh từ cuối thế kỷ 11, đặt nền móng cho người Do Thái Anglo Trung Cổ. Tương tự như vậy, các đợt di cư của người Do Thái từ Đế chế Byzantine và Đức tới Đông Âu thiết lập cơ sở cho sự hình thành của các cộng đồng Do Thái Ashkenazi ở những khu vực này vào các thế kỷ sau đó.

Nếu như ở các vương quốc Hồi giáo, người Do Thái có thể tự do đi lại trong khối thịnh vượng chung thì việc đi lại của họ ở châu Âu Cơ đốc giáo lại bị vua chúa các vương quốc kình địch quản lý. Giống như các thợ thủ công, lái buôn, người cho vay lãi ngoại quốc khác, người Do Thái có ý định sinh sống và khởi nghiệp ở một trị trấn cần giấy phép đặc biệt được ghi chi tiết trong giao kèo song phương giữa họ với người đứng đầu thị trấn đó (Chương 7).

Người Do Thái định cư ở Tây và sau này là Trung Âu đầu thời kỳ Trung Cổ kể cả những người sở hữu đất gần như chỉ làm những nghề phi nông nghiệp.[62] Họ nắm giữ vị trí quan trọng trong những ngành nghề chuyên môn hóa, kỹ thuật cao như nhuộm, dệt lụa, thuộc da. Nhiều người làm thợ thủ công như thợ rèn, điêu khắc, làm áo giáp, khắc đá, làm dụng cụ khoa học, thợ may, thợ vàng, thợ tráng men, thợ xay, đóng sách, nhưng phần lớn

https://thuviensach.vn

là thương lái địa phương, thương lái đường dài, cho vay lãi, thu thuế, chủ ngân hàng, quản lý ngân khố hoàng gia, thợ đúc tiền, nhập khẩu gia vị, học giả, nhà luật học, nhà thiên văn học, bác sỹ, bán sách. Thế kỷ 11-12, người Do Thái ở Pháp, Anh, Đức, Bắc và Trung Ý ngày càng chuyên về cho vay lãi tới mức nhắc tới người Do Thái là người ta nhắc đến cái nghề đòi hỏi tay nghề cao và nhiều lợi nhuận này (Chương 8).[63]

Việc người Do Thái châu Âu đầu thời kỳ Trung Cổ chuyên làm nghề thủ công, thương mại, cho vay lãi không có nghĩa họ là người duy nhất làm những việc này. Người không phải Do Thái cũng làm thợ thủ công, lái buôn, cho vay lãi. Điều đặc biệt về người Do Thái là hầu hết họ làm những nghề này trong khi hầu hết dân số châu Âu Trung Cổ chủ yếu là nông dân lĩnh canh, cày thuê mù chữ.

https://thuviensach.vn

Nhân khẩu học Do Thái

Thời Muhammad, gần 75% người Do Thái trên thế giới sống ở Trung Đông, chủ yếu ở Mesopotamia và Ba Tư (Bảng 1.6). Cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel, Syria, Lebanon, Tiểu Á, Balkan và Bắc Phi từng là những cộng đồng lớn nhất thì bây giờ mỗi cộng đồng chỉ còn khoảng 4.000 đến dưới 100.000 người. So với hàng nghìn người Do Thái sống ở nửa Tây của Đế chế La Mã hồi thế kỷ 1 thì người Do Thái ở châu Âu đã gần như biến mất, bằng chứng là có rất ít thông tin về cộng đồng Do Thái châu Âu thế kỷ 7-8.[64] Người Do Thái trên thế giới giữa thế kỷ 7 chỉ khoảng 1-1,2 triệu người.

Bảng 1.6. Dân số Do Thái và tổng dân số, khoảng 650 và khoảng 1170, theo khu vực (đơn vị tính: triệu, trừ trường hợp ngoại lệ)

	Dân số Do Thái		Tổng dân số	
Khu vực	Khoảng năm 650	Khoảng năm 1170	Khoảng năm 650	Khoảng năm 1170
Xứ Israel	0,1	0,006	1 - 1,5	0,5
Mesopotamia và Ba Tư[a]	07 - 0,9	0,8 - 1	11,8	10,8
Bắc Phi (chủ yếu Ai Cập)	0,004	0,07	7,8	8,5
Syria và Lebanon	0,005	0,055	2	1,5
Tiểu Á và Balkan	0,04	0,04	8,9	11
Tây Âu	0,001	0,103	17	32,4
Đông Âu	…	0,007	3	5,3
Tất cả các khu vực	1 - 1,2	1,2 - 1,5[b]	51,5 - 52	70
Tỷ lệ % dân số Do Thái so với tổng dân số	1,9 - 2,3	1,7 - 2,1		

Nguồn: Ước tính của các tác giả, có giải thích ở phụ lục.

Chú ý: Tiểu Á là tên gọi lịch sử vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Khu vực Balkan bao gồm Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ. Đông Âu gồm Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ. Tây Âu gồm Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Áo và Anh.

https://thuviensach.vn

… Không đáng kể.
a Bao gồm cả bán đảo Ả-rập.
b Bao gồm cả 157 nghìn người Do Thái ở Trung Á, Ấn Độ và Đông Á.

Năm thế kỷ sau, Benjamin xứ Tudela, một trong những nhà lữ hành nổi tiếng nhất mọi thời đại, thực hiện chuyến đi kéo dài tám năm (khoảng 1165-1173). Khởi hành từ bán đảo Iberia, ông đi qua Pháp, Ý, Hy Lạp, Tiểu Á, Lebanon, Xứ Israel, Syria, Mesopotamia, Ai Cập, qua Sicily quay về châu Âu. Trong nhật ký hành trình, ông mô tả quy mô và cấu trúc nghề nghiệp của những người Do Thái mình trông thấy hoặc nghe thấy trong chuyến đi (Bản đồ 1.3 và phụ lục, Bảng A.2).[65] Cuộc "điều tra dân số" của ông cũng như các nguồn thông tin thời đó ghi rằng phân bố địa lý của người Do Thái trên thế giới khoảng năm 1170 tương tự với năm thế kỷ trước. Cộng đồng Do Thái lớn nhất vào khoảng năm 650 từ 700 nghìn đến 900 nghìn người ở Mesopotamia và Ba Tư vẫn là cộng đồng lớn nhất vào khoảng năm 1170 (Bảng 1.6 và phụ lục, Bảng A.1). Thời kỳ này, một cộng đồng Do Thái đông đảo và thịnh vượng (có lẽ khoảng 100 nghìn đến 200 nghìn người) cũng sống ở Yemen và các khu vực khác ở bán đảo Ả-rập, Aden, Sana'a, còn các thành phố khác là trung tâm thương mại của thương gia người Do Thái và không phải người Do Thái từ Địa Trung Hải tới tận Ấn Độ Dương.

Tuy nhiên vào năm 1170, số dân Do Thái ở Xứ Israel đã co lại chỉ còn 6.000 người. Gần 70 nghìn người Do Thái sống ở Ai Cập và vùng Maghreb, gần 55 nghìn người ở Syria và Lebanon, gần 40 nghìn người ở Tiểu Á và Balkan, gần 103 nghìn người ở Tây Âu. Tính chung, số dân Do Thái trên thế giới cuối thế kỷ 12 đã tăng về giá trị tuyệt đối so với đầu thế kỷ 7, đạt từ 1,2-1,5 triệu người (chiếm 1,7-2,1% tổng dân số).[66] Đại đa số người Do Thái sống vào thời diễn ra chuyến đi của Benjamin xứ Tudela kiếm sống bằng nhiều nghề thủ công, thương mại địa phương, thương mại đường dài, cho vay lãi, thu thuế, y tế, dạy học.

Trong khi dân số Do Thái trên thế giới trải qua những thay đổi này thì tổng dân số tăng khoảng 37%, từ gần 51 triệu lên xấp xỉ 70 triệu người. Hầu hết sự gia tăng dân số này xảy ra ở Tây Âu đầu thiên niên kỷ cùng lúc với

https://thuviensach.vn

quá trình đô thị hóa và tái sinh kinh tế thương mại. Dân số Do Thái tăng vừa do xu hướng chung của thế giới vừa do mức sống cao của chính họ. Sự gia tăng dân số này chững lại vì nhiều người chết trong làn sóng bất khoan dung quét qua Tây Ban Nha thời Visigoth, Pháp thời Merovingian, Ý thời Lombard thế kỷ 7 và sau này là cuộc tắm máu Thập tự chinh, khiến một số cộng đồng Do Thái ở Đức giảm mạnh trong các thập kỷ sau năm 1096.

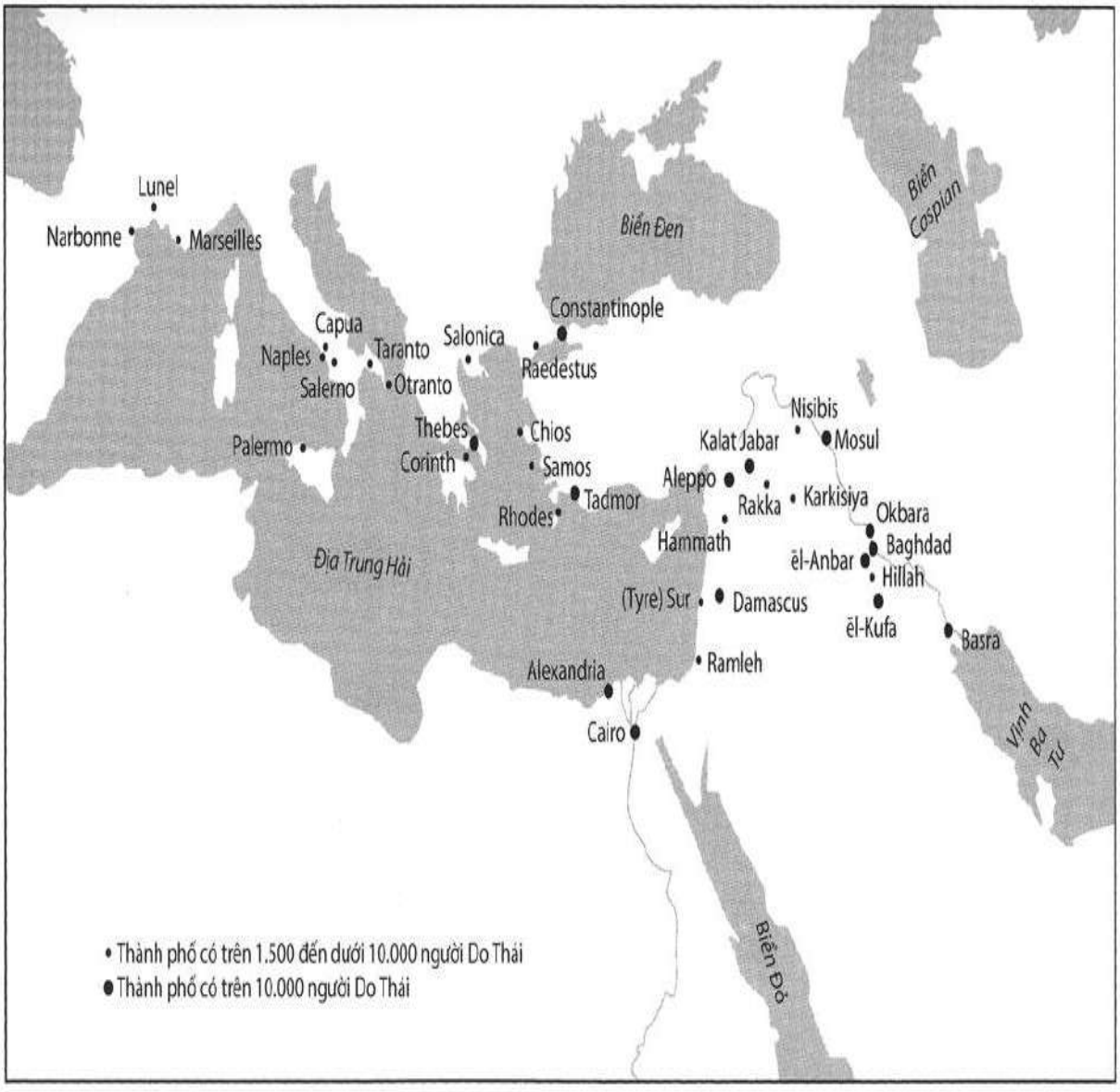

Bản đồ 1.3. Dân di cư Do Thái, dựa trên nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela, khoảng năm 1165-1173.
Nguồn: Vẽ và sửa lại từ Roth (2007).

https://thuviensach.vn

Chú ý: Ước tính số dân Do Thái ở những nơi được chọn là ước tính của các tác giả, được giải thích ở phụ lục, tr. 429- 445. Trong nhật ký hành trình từ bán đảo Iberia tới Mesopotamia, Benjamin xứ Tudela nhắc tới hơn 300 thành phố, thị trấn, làng mạc có người Do Thái sinh sống. Ông đặt chân tới nhiều nơi trong số này nhưng có nhiều nơi ông chỉ nghe nói tới. Bản đồ chỉ vẽ những nơi ông đặt chân tới, những nơi ông cho biết có cộng đồng Do Thái lớn (từ 10.000 người trở lên) hay nhỏ (từ 1.500 đến 10.000 người) sinh sống.

Khoảng năm 1170 tức là năm thế kỷ sau khi Hồi giáo ra đời, người Do Thái trên thế giới phân bố ở ba trung tâm: (a) Mesopotamia, Ba Tư, bán đảo Ả-rập (chủ yếu ở Yemen) do người Hồi giáo cai trị, chiếm 70% dân số Do Thái toàn thế giới: (b) bán đảo Iberia (vừa do người Hồi giáo vừa do người Cơ đốc giáo cai trị) nơi các cộng đồng giàu có sinh sống ở hàng trăm thành phố, thị trấn; (c) Pháp, Anh, Đức, Ý của người Cơ đốc giáo có các cộng đồng nhỏ (từ vài hộ tới vài trăm hộ) nhưng quan trọng sinh sống ở hàng trăm địa điểm. Các cộng đồng Do Thái nhỏ sống ở nhiều nơi ở Bohemia, Ba Lan, Balkan, các khu vực nằm giữa Biển Đen và Biển Caspian, Tiểu Á, Lebanon, Syria, Xứ Israel, Ai Cập, vùng Maghreb cho tới tận Trung Á, Trung Hoa, Ấn Độ.[67]

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Từ quan điểm sức mạnh dân số, thành tựu kinh tế, ưu thế trí tuệ, giai đoạn 800-1200 là giai đoạn hoàng kim của lịch sử Do Thái. Từ các cộng đồng Do Thái lớn ở Trung Đông và Bắc Phi Hồi giáo, người Do Thái ở bán đảo Iberia dưới ách cai trị của người Cơ đốc và người Hồi giáo cho tới các cộng đồng Do Thái ở châu Âu Cơ đốc giáo, tất cả đều có mức sống cao và để lại một di sản trí tuệ vĩnh cửu cho Do Thái giáo.

Kỷ nguyên vàng của lịch sử Do Thái được đánh dấu bằng ba thay đổi chính đặt ra một vài câu hỏi được giải đáp trong cuốn sách này. Một là, từ năm 750 đến năm 900, hầu hết người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư (gần 75% dân số Do Thái thế giới) rời bỏ nông nghiệp, chuyển tới sống ở các thành phố, thị trấn của vương quốc Abbasid mới thành lập. Tại sao người Do Thái có sự chuyển dịch nghề nghiệp ngoạn mục như vậy, từ nông dân chuyển thành thợ thủ công lành nghề, lái buôn địa phương, thương gia đường dài, người cho vay lãi, học giả, bác sỹ? Khó hiểu hơn nữa, tại sao họ là những người duy nhất làm như vậy?

Hai là, sau khi rời bỏ nông nghiệp, nhiều người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư di chuyển bên trong lãnh thổ các vương quốc Hồi giáo, nhất là Yemen, Syria, Lebanon, Ai Cập, Maghreb. Người Do Thái ở Bắc Phi định cư ở bán đảo Iberia rồi Sicily. Người Do Thái từ Đế chế Byzantine định cư ở Nam Ý. Những làn sóng di cư Do Thái này tạo ra các cộng đồng Do Thái thành thị nhỏ khắp thế giới. Nếu lấy bản đồ thế giới, gắn đinh ghim đỏ lên những nơi có người Do Thái sinh sống vào năm 1170 thì tấm bản đồ đó sẽ rực một màu đỏ từ Anh, bán đảo Iberia cho tới Ấn Độ, Trung Hoa. Kỷ nguyên vàng của lịch sử người Do Thái trùng với đỉnh điểm của cuộc đại di cư của chính họ.

Tại sao người Do Thái di cư khắp nơi? Tại sao họ lại di cư thay vì ở lại Mesopotamia trong một cộng đồng nông dân lớn đồng chủng như họ đã tồn tại trong hàng thế kỷ? Tại sao người Do Thái trên thế giới vào thời gian diễn ra cuộc hành trình của Benjamin xứ Tudela lại trở thành một cộng đồng di

https://thuviensach.vn

dân đô thị làm những nghề thu lãi nhiều nhất từ Trung Đông cho tới châu Âu?

Ba là, từ năm 650 đến năm 1170, số lượng người Do Thái trên thế giới tăng nhẹ và gần 70% tổng số dân Do Thái thế giới vẫn sống ở Mesopotamia và Ba Tư. Các đợt di cư của người Do Thái từ Bắc Phi tới bán đảo Iberia và Sicily, từ Đế chế Byzantine tới châu Âu qua ngả Ý cũng như tăng trưởng dân số tự nhiên khiến cho số lượng người Do Thái ở châu Âu tăng mạnh từ thế kỷ 9 tới thế kỷ 12. Giới lãnh đạo trí thức và tôn giáo Do Thái cũng chuyển từ Trung Đông sang phương Tây. Tại sao dân số Do Thái thế giới lại tăng trong giai đoạn này, sau khi giảm mạnh trong sáu thế kỷ từ thời Jesus tới thời Muhammad? Tại sao trung tâm đời sống Do Thái và trung tâm Do Thái giáo lại chuyển từ Mesopotamia sang phương Tây?

https://thuviensach.vn

TỪ HÚC LIỆT NGỘT TỚI TOMÁS DE TORQUEMADA (1258-1492): CHẤM DỨT KỶ NGUYÊN VÀNG

Cuộc chinh phạt Trung Đông của người Mông Cổ là "biến cố lịch sử" thứ ba trong lịch sử Do Thái được bàn ở đây. Đó là một trong những cú sốc lớn nhất để lại hậu quả lớn đối với dân số và kinh tế của một vùng lãnh thổ rộng lớn. Sự kiện ngoại sinh này tương tác với động lực nội sinh của Do Thái giáo mang lại thay đổi lớn cho các cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia, Ba Tư, Bắc Phi, Syria, Lebanon. Một điều đáng ngạc nhiên là, hầu hết các học giả nghiên cứu lịch sử Do Thái không nhắc tới sự kiện này trừ Eliyahu Ashtor và Salo Baron.

Trong khi người Do Thái ở Trung Đông đang phải đối mặt với hậu quả của cuộc xâm lăng của người Mông Cổ thì người Do Thái ở châu Âu lại phải đương đầu với ngày càng nhiều hạn chế, cấm đoán, tịch thu tài sản, đàn áp, bị ép buộc cải đạo, thảm sát. Những thay đổi này lên đến đỉnh điểm với các vụ trục xuất người Do Thái hàng loạt ra khỏi Anh (năm 1290), Pháp (1306, 1321-1322, 1394), Tây Ban Nha (năm 1492), Sicily (1492-1493), Bồ Đào Nha (1496-1497).

https://thuviensach.vn

Cú sốc Mông Cổ ở Trung Đông

Trong thế kỷ 12 và đầu thế kỷ 13, tình hình chính trị của vương quốc Abbasid suy yếu, rối loạn. Trong bối cảnh này, các cuộc xâm lăng của người Mông Cổ vào đầu thế kỷ 13 đã giáng cho đế chế này một cú đấm chí tử.[68]

Sau khi chinh phục hầu hết Trung Á, năm 1219, Thành Cát Tư Hãn xâm lược Bắc Ba Tư và Armenia. Với cuộc chinh phục của người Mông Cổ, các trung tâm thành thị sụp đổ, sản xuất nông nghiệp sa sút, dân số khu vực bị xâm lược giảm mạnh do bị thảm sát, dịch bệnh, nạn đói.[69]

Khi Thành Cát Tư Hãn qua đời năm 1227, con trai ông là Oa Khoát Đài (Oged) tiếp tục xâm lược Ba Tư, vươn tới Nga và Đông Âu. Năm 1252, Mông Kha Hãn (Mongke Khan), một người cháu nội của Thành Cát Tư Hãn, giao cho người em trai của mình là Húc Liệt Ngột (Hulagu) quyền chỉ huy quân đội với nhiệm vụ chinh phục Trung Đông, giành kiểm soát toàn bộ lãnh thổ của người Hồi giáo. Sau khi vua Hồi al-Mustasim từ chối tối hậu thư kêu gọi đầu hàng, năm 1258, quân Mông Cổ phá hủy Baghdad, một trong những thành phố lớn nhất thế giới và là trung tâm hàng đầu của giáo dục Hồi giáo. Thất bại này chấm dứt sự cai trị Trung Đông kéo dài gần năm thế kỷ của vương quốc Abbasid. Từ Baghdad, quân Mông Cổ nhanh chóng chinh phục các thành phố chính ở Mesopotamia và Syria rồi kéo tới Ai Cập. Tuy nhiên, ở Ai Cập, quân Mông Cổ bị quân Mamluk kìm chân, bị thua trong trận Ain Jalut năm 1260 ở Đông Galilee. Chiến thắng của quân Mamluk đánh dấu một bước ngoặt vì nó chấm dứt sự xâm lăng của người Mông Cổ ở Bắc Phi và vùng Levant.

Cuộc xâm lăng của người Mông Cổ là một bước ngoặt trong lịch sử dân số của Trung Đông (Bảng 1.7). Trong khi dân số ở Tây Âu tăng gần 47% từ năm 1170 đến năm 1490 thì dân số ở Mesopotamia, Ba Tư và bán đảo Ả-rập giảm gần 35%. Các cuộc tàn phá của người Mông Cổ, nạn đói, dịch bệnh (như trận Đại dịch hạch năm 1348) đều góp phần gây ra sự suy giảm dân số kinh hoàng này. Khoảng năm 1170, từ 800 nghìn đến một triệu người Do Thái (gần 70% dân số Do Thái toàn thế giới) sống ở Mesopotamia, Ba Tư và

https://thuviensach.vn

bán đảo Ả-rập (chủ yếu ở Yemen). Ba thế kỷ sau, dân số Do Thái ở đó giảm xuống chỉ còn từ 250 nghìn đến 350 nghìn người (giảm hai phần ba).[70]

Cuộc chinh phạt của người Mông Cổ cũng để lại nhiều hậu quả kinh tế thảm khốc. Nền kinh tế đô thị và thương mại từng thịnh vượng dưới triều Umayyad và Abbasid nay sụp đổ hoàn toàn. Nông nghiệp, nhất là chăn nuôi du mục trở thành nguồn thu nhập của hầu hết các hộ gia đình. Sự tàn phá của các cuộc xâm lược, hệ thống thủy lợi bị phá, sưu cao thuế nặng khiến nhiều nông dân phải sống ở mức tồn tại. 80 năm sau các cuộc xâm lược của người Mông Cổ, nguồn thu từ thuế ở Baghdad chỉ bằng 10% so với trước kia. Ở toàn cõi Mesopotamia, nguồn thu từ thuế giảm 80%.[71]

Trong quá trình xâm lược, người Mông Cổ tàn sát người Hồi giáo nhưng lại tha chết cho người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư. Không có tài liệu sơ cấp nào của người Do Thái cũng như của người không phải Do Thái (như nhật ký của người du hành, thư từ, thư phúc đáp, kho lưu trữ Cairo) cho thấy người Do Thái bị quân xâm lược Mông Cổ tàn sát.[72] Dịch bệnh, nạn đói giết chết nhiều người Do Thái cũng như các sắc dân khác. Nhưng không có lý do nào để cho rằng người Do Thái chịu nạn đói và dịch bệnh nhiều hơn người Hồi giáo hay các nhóm dân thiểu số khác.

Trong và sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ, một số người Do Thái bỏ chạy tới Ai Cập và Syria thuộc quyền cai trị của quân Mamluk. Tuy nhiên, như Bảng 1.7 cho thấy, số lượng người Do Thái ở Ai Cập và Syria cũng giảm tuy không có bằng chứng nào về các vụ trục xuất hàng loạt hay cưỡng ép người Do Thái cải đạo ở đó.[73]

Một số người Do Thái rời bỏ Bắc Phi di cư tới châu Âu. Tuy nhiên, không giống như nguồn tư liệu phong phú về các đợt di cư hàng loạt của người Do Thái ở bán đảo Iberia sau khi bị trục xuất những năm 1490, không có nguồn thông tin nào của người Do Thái hay của người không phải Do Thái nhắc đến các đợt di cư hàng loạt của người Do Thái từ Trung Đông do hậu quả của cuộc chinh phạt của người Mông Cổ. Như mô tả ở trên, người Do Thái ở các vương quốc Hồi giáo không thể tự do di cư, định cư ở các nước châu Âu Cơ đốc nơi các vị vua, hoàng tử, giám mục, chính quyền địa phương kiểm

https://thuviensach.vn

soát hoạt động định cư, kinh tế của người Do Thái thông qua hiến chương, đặc quyền. Bản thân các cộng đồng Do Thái cũng kiểm soát nghiêm ngặt những người đồng hương Do Thái nhập cư, những đối thủ cạnh tranh tiềm tàng.

Bảng 1.7. Dân số Do Thái và tổng dân số, 1170-1490, theo khu vực (đơn vị tính: triệu, trừ trường hợp ngoại lệ)

	Dân số Do Thái				Tổng dân số			
Khu vực	Khoảng 1170	Khoảng 1300	Khoảng 1400	Khoảng 1490	Khoảng 1170	Khoảng 1300	Khoảng 1400	Khoảng 1490
Xứ Israel	0,006	…	…	…	0,5	0,5	0,5	0,5
Mesopotamia và Ba Tư[a]	0,8-1	__	__	0,25-0,35	10,8	__	__	7
Ai Cập	0,040	__	__	0,005	4	5	3,5	4
Bắc Phi (trừ Ai Cập)	0,030	…	…	…	4,5	5,2	4	4
Syria và Lebanon	0,055	__	__	0,007	1,5	1,8	1,3	1,5
Tiểu Á, Balkan, Đông Âu	0,047	0,065	__	0,090	16,3	23,3	18,3	22,8
Tây Âu	0,103	0,385	0,3	0,510	32,4	49,6	34,9	47,7
Tất cả các khu vực	1,2-1,5[b]	__	__	0,8-1	70	__	__	87,5
Tỷ lệ % dân số Do Thái so với tổng dân số	1,7-2,1	__	__	0,9-1,1				

Nguồn: Ước tính của các tác giả, có giải thích ở phụ lục.

Chú ý: Tiểu Á là tên gọi lịch sử vùng đất tương ứng với Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Khu vực Balkan bao gồm Albania, Bulgaria, Hy Lạp và Nam Tư cũ. Đông Âu gồm Hungary, Romania, Ba Lan và Tiệp Khắc cũ. Tây Âu gồm Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Đức, Áo và Anh.

… Không đáng kể.

__ Không có dữ liệu.

a Bao gồm cả bán đảo Ả-rập.

b Bao gồm cả 157.000 người Do Thái ở Trung Á, Ấn Độ và Đông Á.

Cũng không có dữ liệu nào nói đến các cuộc di cư hàng loạt của người Do Thái từ Mesopotamia, Ba Tư, Armenia, Khazaria tới Đông Âu trong hay sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ. Người Do Thái ở Bắc Ba Tư và Khazaria bị người Mông Cổ cai trị từ năm 1220; số phận họ tương tự như

https://thuviensach.vn

người Do Thái ở phần còn lại của Ba Tư và Mesopotamia. Do đó, việc suy giảm dân số Do Thái ở Trung Đông do hậu quả của các cuộc xâm lăng của người Mông Cổ không thể gắn với gia tăng dân số Do Thái ở Đông Âu các thế kỷ sau này (xem Chương 9, 10).

Theo ghi chép của các nhà lữ hành Do Thái trên đường từ Ý tới Jerusalem những năm 1480, hầu hết người Do Thái ở Ai Cập, Syria và Xứ Israel là thợ thủ công lành nghề, lái buôn, thương gia, bác sỹ, người cho vay lãi, học giả. Đời sống của người Do Thái vẫn xoay quanh giáo đường dưới sự lãnh đạo tôn giáo, trí tuệ của các giáo sỹ, học giả. Tuy nhiên, nhìn chung, nhật ký hành trình và thư từ cuối thời Trung Cổ tạo ra ấn tượng về các cộng đồng nhỏ hơn, nghèo hơn, phù hợp với dữ liệu dân số trình bày trong Bảng 1.7. Nếu đây là những cộng đồng nhỏ và các nơi khác không thu nhận người Do Thái sống ở Mesopotamia và Ba Tư trước khi bị quân Mông Cổ chinh phạt thì hàng trăm nghìn người Do Thái đi đâu?

https://thuviensach.vn

Người Do Thái ở châu Âu cuối thời Trung Cổ

Từ năm 1250 đến năm 1492, người Do Thái ở bán đảo Iberia, Sicily, Nam Ý, Balkan vẫn làm các ngành nghề thành thị như thợ thủ công, buôn bán, thương mại đường dài, cho vay lãi, thu thuế, y tế, dạy học. Vào khoảng năm 1100, cho vay lãi là nghề đặc quyền của người Do Thái ở Anh và vị thế đó được duy trì cho tới khi người Do Thái bị trục xuất năm 1290 (Chương 8). Vào thời gian này, cho vay lãi là một nghề rất quan trọng của người Do Thái ở Pháp; trong thế kỷ sau đó cho tới khi bị trục xuất năm 1394, người Do Thái ở Pháp ngày càng chuyên sâu và thống trị lĩnh vực này. Trong hai thế kỷ kể từ khoảng năm 1300, hầu hết người Do Thái ở Đức, Bắc và Trung Ý làm nghề cho vay lãi.[74]

Từ khoảng năm 1250, xảy ra tình trạng người Do Thái bị đàn áp hay bị ép buộc cải đạo sang Cơ đốc giáo, luôn bị đe dọa bị đi đày tạm thời hoặc trục xuất vĩnh viễn, khiến lịch sử người Do Thái châu Âu bị ngắt quãng. Đợt trục xuất khỏi nước Anh năm 1290 là đợt trục xuất hàng loạt người Do Thái khỏi châu Âu đầu tiên. Đợt trục xuất này có những đặc điểm lý thú càng khẳng định cách chúng tôi diễn giải những sự kiện và câu hỏi chủ chốt trong lịch sử Do Thái ở phần sau cuốn sách. Năm 1275, vua nước Anh Edward Đệ nhất ra sắc lệnh cấm người Do Thái cho vay lãi nhưng cho phép họ buôn bán, làm nghề thủ công, thậm chí là cho thuê trang trại. Đáp lại lời từ chối (hay không có khả năng) làm nông, nghề thủ công, buôn bán của người Do Thái, năm 1290, nhà vua ra lệnh trục xuất người Do Thái khỏi nước Anh. Gần 15 nghìn người Do Thái ở nước Anh thà rời bỏ đất nước này di cư sang Flanders, Pháp, Ý, Đức, bán đảo Iberia, một số nhỏ hơn muốn di cư sang vùng Maghreb và Ai Cập, còn hơn là từ bỏ nghề cho vay lãi để làm nông dân hay thợ thủ công.[75]

Ở Pháp, bắt đầu từ năm 1182 dưới triều vua Philip Augustus, người Do Thái đối mặt với lệnh trục xuất, nhiều lệnh trong số này về sau bị rút lại. Chính Philip Augustus cho phép nhận lại người Do Thái vào Pháp năm 1198; vua Louis X kêu gọi người Do Thái quay trở lại năm 1315, chỉ chín năm sau sắc lệnh trục xuất do người tiền nhiệm của ông là Philip the Fair

https://thuviensach.vn

(Philip Đệ tứ) ban hành. Cuộc trục xuất người Do Thái ở Pháp cuối cùng diễn ra năm 1394 dưới triều vua Charles VI, sau đó người Do Thái không được phép quay trở lại Pháp trong hơn hai thế kỷ.[76]

Lịch sử các cuộc trục xuất ở Đức còn phức tạp hơn vì người Do Thái bị trục xuất khỏi một thị trấn hoặc công quốc thường được mời tới định cư ở một thị trấn tự trị hoặc công quốc khác, những nơi trao cho họ đặc quyền đặc lợi. Giống như các nơi khác ở châu Âu, các cuộc trục xuất lớn xảy ra sau trận Đại dịch hạch năm 1348 và năm 1394. Nhưng con số lớn những lệnh trục xuất người Do Thái khỏi các thị trấn của Đức trong thế kỷ 15-16 cho thấy người Do Thái chưa bao giờ rời nước Đức trong một quãng thời gian dài như ở nước Anh.[77]

Một làn sóng lớn người Do Thái di cư từ Đức tới Bohemia, Moravia, Ba Lan diễn ra trong thế kỷ 14-15. Làn sóng di cư này góp phần gia tăng số dân Do Thái ở Đông Âu, lên tới gần năm triệu người trong khoảng năm 1880.[78]

Cuộc trục xuất người Do Thái châu Âu tồi tệ nhất xảy ra ở bán đảo Iberia cuối thế kỷ 15. Một cộng đồng Do Thái lớn đã sinh sống khắp châu Âu từ cuộc chinh phạt của người Ả-rập năm 711. Người Do Thái ở bán đảo Iberia làm ăn rất phát đạt, bán đảo Iberia trở thành một trong ba trung tâm đời sống kinh tế, trí tuệ Do Thái hàng đầu vào đầu thời Trung Cổ. Bạo lực chống lại người Do Thái ở một số thị trấn – như cuộc thảm sát ở Granada năm 1066 – diễn ra trong suốt bảy thế kỷ rưỡi sau cuộc chinh phạt của người Ả-rập. Bất chấp những biến cố này, cộng đồng Do Thái ở bán đảo Iberia vẫn đông đảo, giàu có và giữ vai trò quan trọng với sự phát triển văn hóa ở đây.[79]

Thái độ đối với người Do Thái ở Tây Ban Nha bắt đầu trở nên cứng rắn hơn trong thế kỷ 14-15. Tình hình trở nên tồi tệ hơn khi vua Ferdinand Đệ nhị của xứ Aragon cưới bà hoàng Isabella xứ Castile năm 1469, sáp nhập hai vương quốc lại, tạo ra Vương quốc Tây Ban Nha thống nhất. Ngày 31/3/1492, với sự hỗ trợ của Tomás de Torquemada, chánh án tòa dị giáo Tây Ban Nha, vương quốc này ra chỉ dụ Alhambra, lệnh cho người Do Thái hoặc là cải đạo sang Cơ đốc giáo hoặc là bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Vương quốc Tây Ban Nha và các vùng lãnh thổ của vương quốc trong vòng ba

https://thuviensach.vn

tháng. Do đó, một số người Do Thái ở lại Tây Ban Nha với tư cách là người cải đạo hoặc sống trong vòng bí mật, nhưng đa số di cư tới Maghreb, Ý và các vùng đất của Đế chế Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ và Balkan ngày nay), nơi họ lập ra các cộng đồng thịnh vượng. Nhiều người Do Thái ở Tây Ban Nha di cư tới Bồ Đào Nha. Năm 1496 khi vua Bồ Đào Nha là Manuel Đệ nhất ra sắc lệnh trục xuất người Do Thái, một số người Do Thái cải đạo ở lại Bồ Đào Nha, nhưng nhiều người di cư sang Ý, Vùng đất thấp (tương ứng với Bỉ, Luxemburg và Hà Lan ngày nay), Trung Đông Hồi giáo, Đế chế Ottoman. Di cư từ bán đảo Iberia tăng trong những thập kỷ sau đó khi mà nhiều người Do Thái trước giấu giếm nguồn gốc Do Thái nay quay trở lại với Do Thái giáo, rời bỏ bán đảo Iberia, di cư tới Amsterdam, Anh, Đế chế Ottoman, Ý, Ai Cập, Maghreb, Tân Thế Giới.[80]

Vào năm 1500, số lượng người Do Thái trên thế giới đã giảm xuống dưới một triệu người, sống rải rác chủ yếu ở Tây và Đông Âu, Balkan, Bắc Phi, Trung Đông. Số lượng người Do Thái chiếm khoảng 1% tổng dân số ở những khu vực này – tỷ lệ thấp nhất trong 1.500 năm.[81]

Trong tổng số một triệu dân Do Thái trên thế giới, khoảng một nửa theo truyền thống tín ngưỡng Sephardim xoay quanh sự diễn giải halakha của các học viện ở Tây Ban Nha. Họ sống chủ yếu ở Hy Lạp và Balkan dưới sự cai trị của Ottoman, Ai Cập, Maghreb, Trung Đông, một số nơi ở Ý, Flanders. Họ cũng sống ở bán đảo Iberia nhưng giấu giếm nguồn gốc Do Thái. Họ sinh sống ở thành thị, chuyên làm những công việc đòi hỏi tay nghề (thủ công, thương mại, cho vay lãi, y tế) như người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư từng làm dưới triều Abbasid. Nửa còn lại gồm người Do Thái Ashkenazi theo truyền thống tín ngưỡng, văn hóa xoay quanh sự diễn giải halakha của các học viện ở Pháp, Đức. Họ sống chủ yếu ở Đức, Áo, Bắc và Trung Ý, Đông Âu nơi họ chuyên làm nghề cho vay lãi, tài chính.[82]

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Cuộc chinh phạt Trung Đông của người Mông Cổ từ những năm 1220 tới những năm 1250 khiến dân số, kinh tế sụp đổ, đưa nền kinh tế khu vực trở lại thời kỳ nông nghiệp tự túc. Dân số Do Thái ở Mesopotamia, Ba Tư, Syria, Ai Cập giảm mạnh sau cuộc chinh phạt, những người ở lại vẫn sống chủ yếu ở thành phố.

Từ cuối thế kỷ 13 đến hết thế kỷ 15, hầu hết người Do Thái sống ở châu Âu. Người Do Thái ở bán đảo Iberia, Sicily, Nam Ý, Balkan vẫn làm nhiều nghề thủ công và các công việc thành thị đòi hỏi tay nghề như thương mại, buôn bán. Ngược lại, người Do Thái ở Anh, Pháp, Đức, Bắc và Trung Ý ngày càng chuyên làm nghề cho vay lãi.

Ở châu Âu cuối thời kỳ Trung Cổ, người Do Thái phải đối mặt với hạn chế ngặt nghèo hơn, bị đàn áp, bị ép cải đạo, bị đi đày, đỉnh điểm là bị trục xuất hàng loạt khỏi bán đảo Iberia năm 1492-1497. Với những sự kiện này, kỷ nguyên vàng của lịch sử Do Thái chấm dứt đầy bi thảm.

https://thuviensach.vn

LỊCH SỬ DO THÁI TỪ NĂM 70 SAU CN ĐẾN NĂM 1492: NHỮNG CÂU HỎI

Việc lướt nhanh qua các thế kỷ của lịch sử Do Thái như thế này đặt ra một số câu hỏi thú vị. Cuốn sách này trả lời những câu hỏi đó bằng một sự diễn giải mới mẻ về lịch sử người Do Thái.

Loạt câu hỏi thứ nhất là về cấu trúc nghề nghiệp độc đáo của người Do Thái. Tại sao hầu hết người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư dưới ách cai trị của người Hồi giáo thế kỷ 8-9 (tức là gần 75% tổng dân số Do Thái thế giới) rời bỏ nông nghiệp, trở thành thợ thủ công, chủ tiệm, lái buôn địa phương, thương gia đường dài, bác sỹ, người đổi tiền, người cho vay lãi, chủ ngân hàng? Tại sao người Do Thái ở hầu khắp mọi nơi vẫn tiếp tục làm những nghề này? Tại sao hầu hết người Do Thái ở Anh, Pháp, Đức, Bắc và Trung Ý thời Trung Cổ chuyên làm nghề cho vay lãi?

Loạt câu hỏi thứ hai là về lý do tại sao người Do Thái di cư bên trong lãnh thổ rộng lớn của người Hồi giáo, bên trong Đế chế Byzantine và Địa Trung Hải, di cư tới châu Âu Cơ đốc và bên trong châu Âu Cơ đốc từ giữa thế kỷ 9. Tại sao người Do Thái tạo ra các cộng đồng thành thị nhỏ khắp nơi trên thế giới, từ Anh cho tới Ấn Độ? Những mô hình di cư này có liên quan gì tới việc người Do Thái chuyên làm những công việc đòi hỏi tay nghề không?

Loạt câu hỏi thứ ba là về lịch sử dân số của người Do Thái. Điều gì giải thích cho sự sụt giảm ghê gớm dân số Do Thái thế giới từ đầu thế kỷ 1 tới đầu thế kỷ 7? Điều gì xảy ra với số dân Do Thái biến mất không phải do chiến tranh, thảm sát, nạn đói, dịch bệnh hay suy giảm dân số tự nhiên? Tại sao dân số Do Thái tăng nhẹ từ năm 650 đến năm 1250? Điều gì xảy ra với người Do Thái ở Mesopotamia, Ba Tư, Ai Cập, Syria sau khi người Mông Cổ xâm chiếm Trung Đông hồi đầu và giữa thế kỷ 13? Sự biến mất của họ có liên quan gì không tới cơ cấu nghề nghiệp của người Do Thái trên thế giới trong những thế kỷ đó? Trong những chương tiếp theo, chúng tôi lần lượt giải đáp những câu hỏi này.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 2.
NGƯỜI DO THÁI CÓ PHẢI LÀ DÂN TỘC THIỂU SỐ BỊ ĐÀN ÁP?

> Người Do Thái không may bị hoàn cảnh lịch sử xô đẩy trở thành người thành thị. Họ phải tìm kiếm trong tuyệt vọng một lối ra trong mọi ngành nghề của kinh tế thành thị.
>
> *—Cecil Roth, 1938*

> Tại sao có rất ít người Do Thái làm nông nghiệp?… Reuben Kessel đưa ra một giải thích hấp dẫn: Do người Do Thái thường xuyên bị đàn áp và luôn bị buộc phải bỏ chạy sang các nước khác nên họ không đầu tư vào bất động sản mà đầu tư vào động sản là con người… Tất nhiên, ai đó có thể hỏi lại: Nhưng tại sao lại là người Do Thái mà không phải người Cơ đốc giáo hay người Hồi giáo?
>
> *—George J. Stigler và Gary S. Becker, 1977*

LIỆU HẠN CHẾ PHÁP LUẬT HAY VIỆC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ (vốn giới hạn các hoạt động kinh tế của người Do Thái trong nhiều giai đoạn lịch sử) có lý giải được cơ cấu nghề nghiệp của họ không? Phong tục tín ngưỡng của người Do Thái có khiến họ chuyên làm một số nghề nhất định? Có phải người Do Thái chọn đầu tư vào con người thay vì đầu tư vào vật chất là do họ là sắc dân thiểu số bị đàn áp, số phận bấp bênh, nên phải từ bỏ nông nghiệp để làm những công việc thành thị đòi hỏi tay nghề như thợ thủ công, buôn bán, y tế, cho vay lãi?

https://thuviensach.vn

HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA NGƯỜI DO THÁI

Thời Trung Cổ và cận hiện đại, vua chúa, chức sắc tôn giáo, tầng lớp cai trị địa phương áp đặt nhiều quy định kinh tế đối với người Do Thái ở châu Âu. Dựa trên quan sát này, các học giả thế kỷ 19-20 cho rằng người Do Thái chuyên làm nghề buôn bán và cho vay lãi là vì những hạn chế, cấm đoán đó. [83] Tuy giới sử học gần đây, như Toch đã chỉ ra, không còn coi đây là một quan điểm thuyết phục nữa[84] nhưng quan điểm này đã bám rễ quá sâu trong sách vở nên vẫn được dạy trong trường học, vẫn phổ biến bên ngoài giới học thuật.

Giả thuyết về hạn chế, cấm đoán có tới vài "cha đẻ" chẳng hạn như nhà sử học lừng danh Cecil Roth. Roth cho rằng lệnh cấm sở hữu đất hoặc do chức sắc tôn giáo hoặc do chức sắc thế tục áp đặt khiến người Do Thái rời bỏ ruộng vườn, trở thành dân thành thị chuyên làm nghề thủ công, buôn bán. Sau này, phường nghề, hội buôn không kết nạp hội viên là người Do Thái khiến người Do Thái phải làm nghề duy nhất nằm ngoài sự kiểm soát của phường nghề, hội buôn là nghề cho vay lãi.[85] Các học giả khác cũng đưa ra những lập luận tương tự.[86]

Tạm thời chúng tôi đặt những quan điểm này sang một bên để xem xét cách kinh tế học nhìn nhận việc chọn lựa nghề nghiệp. Các nhà kinh tế học coi việc chọn lựa nghề nghiệp là một quyết định cá nhân dựa trên hai biến số chính: giáo dục/tay nghề và thu nhập. Các nghề như thủ công, thương mại, đổi tiền, cho vay lãi, ngân hàng, tài chính, y tế đòi hỏi học vấn, tay nghề cao hơn so với các ngành nghề nông thôn như làm ruộng, nhưng cũng mang lại thu nhập cao hơn. Một người có đủ học vấn, tay nghề để trở thành chủ ngân hàng hay nhà buôn kim cương nói chung sẽ muốn trở thành chủ ngân hàng hay nhà buôn kim cương hơn là trở thành nông dân. Tương tự như vậy, những người không có đủ học vấn, tay nghề để trở thành chủ ngân hàng hay nhà buôn kim cương sẽ trở thành nông dân hoặc công nhân thành thị không có tay nghề, kể cả nếu họ không bị cấm làm những công việc đòi hỏi tay nghề cao.

https://thuviensach.vn

Giả sử lệnh cấm người Do Thái sở hữu đất mà Cecil Roth và các học giả khác cho là tồn tại vào thời Trung Cổ và cận hiện đại ở châu Âu chưa bao giờ tồn tại hoặc đã được bãi bỏ vào một lúc nào đó. Dựa trên tư duy kinh tế học về chọn lựa nghề nghiệp, liệu người Do Thái có đủ học vấn, tay nghề để trở thành thợ thủ công, nhà buôn, người cho vay lãi, bác sỹ có chọn nghề nông không? Rõ ràng là không. Do đó, để tìm hiểu xem liệu hạn chế, cấm đoán có đóng vai trò then chốt trong việc người Do Thái chuyển sang và chuyên làm các công việc thành thị đòi hỏi tay nghề hay không, chúng tôi nghiên cứu những câu hỏi sau:

- Các hạn chế hoạt động kinh tế của người Do Thái có tồn tại ở Đế chế La Mã, Byzantine hay Ba Tư không?
- Những lệnh cấm này có tồn tại ở các vương quốc Hồi giáo không?
- Các hạn chế này bị áp đặt lên người Do Thái khi họ di cư tới châu Âu hay đã tồn tại ở bên trong châu Âu giai đoạn đầu thời kỳ Trung Cổ?
- Về sau, những hạn chế này có còn tồn tại không, ví dụ như ở nước Mỹ thế kỷ 20?

Trái ngược với hiểu biết truyền thống và các thế hệ nghiên cứu hàn lâm, chúng tôi chỉ ra rằng không có sự hạn chế đáng kể nào đối với các hoạt động kinh tế của người Do Thái tồn tại ở bất cứ nơi nào, thời kỳ nào nêu trên.

https://thuviensach.vn

Các đế chế La Mã, Byzantine, Ba Tư

Hầu hết người Do Thái sống ở các đế chế La Mã, Ba Tư, Byzantine là nông dân (xem Bảng 1.3). Việc rời bỏ nông nghiệp bắt đầu vào thế kỷ 5-6 trong các cộng đồng Do Thái lớn ở Mesopotamia và Ba Tư, lên tới đỉnh điểm vào thế kỷ 8-9. Sự chuyển dịch nghề nghiệp này không phải do luật pháp vì luật pháp gần như không giới hạn gì các hoạt động kinh tế của người Do Thái thời Parthia hay thời Sassanid. Người Do Thái có thể sở hữu đất đai, thuê nô lệ, làm nông hay bất cứ nghề nào trừ dân chính (Bảng 2.1).

Dưới thời La Mã, pháp luật không ngăn cấm người Do Thái làm những nghề nông như lĩnh canh, thuê ruộng, cày thuê hay bất cứ nghề nào khác. Trước hai cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã (66-73 sau CN, 132 -135), người Do Thái ở Đế chế La Mã cũng được phép sở hữu đất đai. Sau hai cuộc chiến, người La Mã tịch thu một số mảnh đất ở Judea. Một số mảnh chỉ bị tịch thu tạm thời, một số khác bị tịch thu để trao cho công dân La Mã hoặc cựu binh nhưng chủ Do Thái cũ của các mảnh đất này vẫn làm nông dân. Tuy nhiên, rất nhiều diện tích đất không hề bị tịch thu.[87]

Tương tự như vậy, luật pháp không cấm cộng đồng Do Thái lớn ở Đế chế Byzantine làm nông hay bất cứ nghề nào (Bảng 2.2). Người Do Thái có thể sở hữu, mua, bán đất với điều kiện mảnh đất đó không thuộc về Nhà thờ. Họ có thể sở hữu, thuê nô lệ làm việc trong trang trại của mình với điều kiện những người nô lệ này không phải là người Cơ đốc giáo. Họ có thể là thợ thủ công, chủ tiệm, nhà buôn, bác sỹ, người cho vay lãi.[88] Ngành duy nhất người Do Thái bị cấm làm ở cả ba đế chế này là ngành dân chính, ngành mà quốc tịch và tôn giáo thường là những điều kiện tiên quyết.

Bảng 2.1. Các hoạt động kinh tế mà người Do Thái ở Đế chế La Mã và Ba Tư được và không được phép làm, 1 sau CN – 650

https://thuviensach.vn

Hoạt động	Đế chế La Mã	Đế chế Ba Tư
Sở hữu đất đai[a]	√	√
Làm nông[a]	√	√
Sở hữu nô lệ	√[d]	√
Làm thợ thủ công, chủ tiệm, buôn bán, y tế, dạy học	√	√
Làm nghề cho vay lãi[b]	√	√
Làm việc trong ngành dân chính[c]	x	x

Nguồn: Với Đế chế La Mã, Juster (1914), Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1, 2; 1971a), Tcherikover (1945, 1961), A. Jones (1964), M. Stern (1974, 1976), Applebaum (1976a, 1976b), S. Safrai (1976b), Avi-Yonah (1984), Kasher (1985), Hamel (1990), L. Jacobs (1990), Z. Safrai (1994), Goodman (1998). Với Đế chế Ba Tư, Newman (1932), Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1, 2; 1971a), Neusner (1965-1970, tập 1, tr. 94-99; tập 2, tr. 14; tập 3, tr. 24-25; tập 5, tr. 134; 1990c; 1990e), Beer (1974). M. Stern (1974), Applebaum (1976b), Jacobs (1990).

Ghi chú: Đế chế La Mã bao gồm Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Anh, vùng Balkan, nhiều vùng ở Đức, Tiểu Á, Xứ Israel, Syria, Lebanon, Ai Cập, một số nơi ở Bắc Phi. Đế chế Ba Tư (dưới thời Parthia và sau này là thời Sassanid) gồm toàn bộ Syria ngày nay, Iraq, Iran, Afghanistan, vùng Cáp-ca-dơ, Tây Nam Trung Á, một phần Thổ Nhĩ Kỳ, một số khu vực ven biển của bán đảo Ả-rập, vùng vịnh Ba Tư, một số nơi ở Tây Nam Pakistan.

a "Sở hữu đất" khác với "làm nông" vì một người có thể sở hữu đất nhưng thuê người khác trồng trọt trên mảnh đất của mình. Ngược lại, một người không sở hữu đất có thể đi thuê đất, làm lĩnh canh, cày thuê cho địa chủ. Do đó, "làm nông" xác định công việc của một người nông dân chính xác hơn so với "sở hữu đất".

b Cho vay lãi cũng bao gồm mở nhà băng, đúc tiền, thu thuế, làm việc cho ngân khố hoàng gia.

c Ngành dân chính gồm những người trực tiếp tham gia vào công việc quản trị nhà nước, quản trị công như quan tòa, quan lại nhà nước, quan lại địa

https://thuviensach.vn

phương, viên chức quân sự.

d Hoàng đế Constantius (khoảng 337-361) ra sắc lệnh cấm người Do Thái sở hữu, buôn bán nô lệ.

Bảng 2.2. Các hoạt động kinh tế mà người Do Thái ở Đế chế Byzantine được và không được phép làm, 350-1250

Hoạt động	350 - 650	650 - 1250
Sở hữu đất đai	√	√
Làm nông	√	√
Sở hữu nô lệ	√	√
Làm thợ thủ công, chủ tiệm, buôn bán, y tế, dạy học	√	√
Làm nghề cho vay lãi	√	√
Làm việc trong ngành dân chính	x	x

Nguồn: Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1, 2; 1971a), Sharf (1966, 1971), Holo (2009), Jacoby (2008, 2011).

Ghi chú: Cho tới năm 650, Đế chế Byzantine bao gồm Xứ Israel, Syria, Lebanon, Ai Cập, Tiểu Á, vùng Balkan, dưới triều Justinian Đệ nhất (527-565) thì có thêm cả Ý, một vùng nhỏ ở Nam Tây Ban Nha, một số khu vực ở Bắc Phi. Sau năm 650, Đế chế Byzantine chủ yếu bao gồm Tiểu Á, Hy Lạp, tới đầu thế kỷ 9 thì có thêm miền Nam và một số nơi ở miền Trung Ý. Về mô tả các hoạt động, xin xem ghi chú Bảng 2.1.

https://thuviensach.vn

Các vương quốc Hồi giáo (622-1258)

Cuộc chuyển dịch hoàn chỉnh của người Do Thái từ làm nông sang làm nghề thủ công và buôn bán diễn ra ở Mesopotamia và Ba Tư (nơi đa phần dân số Do Thái sinh sống) từ khoảng năm 750 đến khoảng năm 900, rồi lan sang vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị (xem Chương 1). Có phải các vua Hồi Umayyad, Abbasid, Fatimid ban hành luật buộc người Do Thái phải từ bỏ nông nghiệp? Câu trả lời dứt khoát là không: Không có hạn chế pháp luật nào đối với hoạt động kinh tế của người Do Thái ở vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị cả (Bảng 2.3). Người Do Thái được luật pháp cho phép sở hữu đất đai, được làm nông dân, được sở hữu và thuê nô lệ trong nông nghiệp, được làm bất cứ nghề gì họ muốn.[89]

Lĩnh vực duy nhất người Do Thái và người không phải người Hồi giáo bị cấm làm là ngành dân chính vốn thường dành cho người Hồi giáo.[90] Mỉa mai thay, giống như ở Đế chế La Mã, Ba Tư, Byzantine, hạn chế pháp luật duy nhất đối với người Do Thái ở các vương quốc Hồi giáo không liên quan đến sở hữu đất đai mà cũng chẳng liên quan đến nông nghiệp mà là một trong những công việc đòi hỏi tay nghề đặc chất thành thị, công việc mà sau này người Do Thái rất giỏi.

Mọi người có thể phản đối, cho rằng quy định luật pháp không thể hiện hành vi thực sự của con người và rằng các chuẩn mực xã hội bất thành văn có lẽ đã khiến cho người Do Thái khó mà sở hữu đất đai, trang trại ở Trung Đông Hồi giáo. May thay, có bằng chứng ghi lại hành vi thực sự và cuộc sống thường nhật của người Do Thái. Nhiều tài liệu trong kho lưu trữ Cairo (bao gồm hàng nghìn hợp đồng, thư từ, hợp đồng hợp tác kinh doanh, sổ sách kế toán, hợp đồng mua bán bất động sản, di chúc) và thư từ phúc đáp của giáo sỹ (bao gồm tranh luận và các vụ xét xử ở tòa án) có nói tới việc mua, bán đất đai và các giao dịch khác liên quan đến đất đai.[91] Số lượng bằng chứng đồ sộ này cho thấy sở hữu đất đai không chỉ được pháp luật cho phép mà thực tế đã xảy ra với người Do Thái sống ở vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị. Quyền sở hữu đất đai và thực tế sở hữu đất đai của người Do Thái không làm gián đoạn quá trình chuyển dịch nghề nghiệp mà

https://thuviensach.vn

trong vòng chưa đầy hai thế kỷ đã biến đổi người Do Thái ở Trung Đông từ nông dân giống như phần còn lại của dân số trở thành thợ thủ công, nhà buôn, nhà môi giới, người cho vay lãi, chủ ngân hàng, bác sỹ ở thành thị.

Bảng 2.3. Các hoạt động kinh tế mà người Do Thái ở các vương quốc Hồi giáo được và không được phép làm, theo khu vực, 650-1250

Hoạt động	Xứ Israel	Mesopotamia, Ba Tư, bán đảo Ả-rập	Bắc Phi	Syria, Lebanon	Bán đảo Iberia, Sicily
Sở hữu đất đai	√	√	√	√	√
Làm nông	√	√	√	√	√
Sở hữu nô lệ	√	√	√	√	√
Làm thợ thủ công, chủ tiệm, buôn bán, y tế, dạy học	√	√	√	√	√
Làm nghề cho vay lãi	√	√	√	√	√
Làm việc trong ngành dân chính	x	x	x	x	x

Nguồn: Mann (1920-1922), Baron (1952, tập 3; 1971a), Goitein (1967-1988, tập 1), Ashtor (1973-1984, 1976, 2007), H. Ben-Sasson (1976), Morony (1981), Udovitch (1981), Lewis (1984), Gil (1992, 2004). M. R. Cohen (1994), M. Ben-Sasson (1992, 1996).

Ghi chú: Về mô tả các hoạt động, xin xem ghi chú Bảng 2.1.

https://thuviensach.vn

Châu Âu Cơ đốc giáo thời Trung Cổ (850-1492)

Không có hạn chế nào đối với thợ thủ công, chủ tiệm, nhà buôn, người cho vay lãi, học giả, bác sỹ người Do Thái di cư tới châu Âu Cơ đốc giáo và bên trong châu Âu Cơ đốc giáo trong suốt giai đoạn đầu thời kỳ Trung Cổ. Rất nhiều chính sách đặc quyền ban hành trong giai đoạn đầu thời kỳ Trung Cổ (từ giữa thế kỷ 9 tới cuối thế kỷ 13) chỉ ra rằng các bậc vua chúa mời người Do Thái tới định cư trên lãnh thổ của mình để thúc đẩy nghề thủ công và buôn bán (xem Chương 7).

Theo như ghi chép cẩn thận của Toch, các chính sách đặc quyền thời Trung Cổ, tài liệu tòa án, thư từ phúc đáp của giáo sỹ xác nhận rằng người Do Thái ở châu Âu được phép sở hữu đất, một số lượng lớn người Do Thái nhất là ở Ý, Nam Tây Ban Nha, Nam và Trung – Đông Pháp, Đức sở hữu ruộng, vườn, vườn nho, sở hữu, chuyển nhượng, đặt cọc đất đai. Nếu muốn, họ cũng có thể trở thành nông dân giống như đa số người dân châu Âu thời Trung Cổ.[92]

Việc hạn chế người Do Thái sở hữu đất bắt đầu xuất hiện trong một số chính sách đặc quyền ban hành cuối thời Trung Cổ và thời cận hiện đại – hàng thế kỷ *sau khi* người Do Thái chuyên về nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi, y tế. Thời điểm ban hành các hạn chế này cho thấy chúng không thể giải thích tại sao người Do Thái châu Âu tham gia và sau này thống trị những nghề trên, đồng thời đặt ra câu hỏi tại sao người Do Thái bị cấm sở hữu đất đai ở một số nơi nhất định ở châu Âu cuối thời Trung Cổ và thời cận hiện đại. Chúng tôi sẽ giải quyết câu hỏi này trong Chương 8. Cũng trong Chương 8, chúng tôi nghiên cứu quan điểm cho rằng các phường nghề thủ công và phường buôn ở châu Âu Trung Cổ không cho người Do Thái tham gia làm việc, khiến người Do Thái ngày càng chuyên sâu vào lĩnh vực cho vay lãi.

https://thuviensach.vn

THUẾ MÁ BẤT CÔNG

Vua chúa có lẽ đã tác động đến sự lựa chọn nghề nghiệp bằng cách sử dụng hệ thống thuế má phân biệt đối xử khiến một số ngành nghề trở nên thất bát đối với người Do Thái. Baron, Ben-Sasson và Gil cho rằng các vua Hồi đã hủy hoại nền nông nghiệp ở Mesopotamia và Ba Tư bằng cách đánh thuế theo diện tích thay vì đánh thuế theo sản lượng. Thuế đất đánh vào nông dân không phải Hồi giáo cao hơn nông dân Hồi giáo. Hậu quả là người Do Thái phải rời bỏ nông thôn, chuyển ra thị trấn, thành phố, và bắt đầu làm những công việc đòi hỏi tay nghề.[93]

Cách giải thích này có vài vấn đề. Thứ nhất, quá trình đô thị hóa rộng lớn ở Trung Đông diễn ra cùng với việc thành lập các vương quốc Hồi giáo không thể cứ mãi duy trì được nếu nông thôn không cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho thị trấn, thành phố (xem Chương 6). Nếu nông nghiệp ở Mesopotamia và Ba Tư giảm sút thì làm sao các thị trấn, thành phố phát triển mạnh được? Thứ hai, nếu thuế đất đánh vào người không phải Hồi giáo nặng như vậy thì nhẽ ra phải khiến tất cả các cộng đồng tôn giáo thiểu số khác chứ không chỉ mỗi người Do Thái phải từ bỏ nông nghiệp để tham gia vào các ngành nghề thành thị.

Liệu có một hình thức thu thuế bất công khác khiến người Do Thái phải chuyển đổi nghề nghiệp? Người Do Thái và các cộng đồng tôn giáo thiểu số khác (*dhimmis*) phải trả thuế thân đánh lên tất cả đầu người trong gia đình. Nhưng thuế thân không phải là phát minh của vua Hồi Umayyad hay Abbasid mà những người tiền nhiệm của họ là vua chúa Sassanid đã đánh loại thuế này lên những người không phải người Ba Tư hay người Magi bao gồm cả người Do Thái.[94] Hơn nữa, thuế thân khiêm tốn hơn nhiều so với các loại thuế khác. Ví dụ, trong thế kỷ 11, thuế thân là 3,4 dirham một tháng, tương đương khoảng 5% lương tháng giáo viên thời đó. Quan trọng nhất là người ta đánh thuế thân không theo nghề nghiệp của chủ hộ. Cho dù chủ hộ Do Thái là nông dân, thợ rèn hay người buôn lụa, người đó vẫn phải trả loại thuế này.[95] Do vậy, thuế thân không thể là nguyên nhân khiến người Do

https://thuviensach.vn

Thái từ bỏ nông nghiệp để trở thành thợ thủ công, chủ cửa tiệm, nhà buôn, người cho vay lãi.

https://thuviensach.vn

VỐN CON NGƯỜI DỄ MANG THEO HƠN VỐN VẬT CHẤT

Giống như giải thích dựa trên hạn chế pháp luật, quan điểm cho rằng các cộng đồng thiểu số bị đàn áp thích đầu tư vào con người hơn đầu tư vào vật chất cũng rất phổ biến. Các học giả như Werner Sombart, Reuven Brenner, Nicolas Kiefer, Yuri Slezkine cho rằng người Do Thái giống như thành viên các cộng đồng tôn giáo, sắc tộc thiểu số bị đàn áp khác thích đầu tư vào giáo dục hơn là đầu tư vào đất đai vì nguồn vốn con người dễ mang đi và do đó không thể bị tịch thu.[96] Hệ quả tất yếu của lập luận này là: do không đầu tư vào đất đai nên người Do Thái thôi không làm nông dân nữa, đầu tư vào giáo dục cho phép họ chuyên sâu làm nghề thủ công, buôn bán, ngân hàng, tài chính, luật, y.

Giả thuyết này không có vấn đề gì nếu nhìn từ quan điểm nhất quán bên trong nhưng lại có vấn đề khi xem xét các sự kiện nổi bật trong lịch sử Do Thái, khi mà sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang các công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị diễn ra ở Mesopotamia và Ba Tư thế kỷ 8-9, nơi cuộc sống người Do Thái thiểu số được đảm bảo đáng kể. Bắt đầu từ giữa thế kỷ 9 khi người Do Thái di cư từ Mesopotamia và Ba Tư tới Yemen, Ai Cập, Lybia, Maghreb, họ đã là thợ thủ công, nhà buôn biết đọc, biết viết, là người cho vay lãi có năng lực, là học giả, bác sỹ có học vấn cao. Người Do Thái di cư từ Bắc Phi tới bán đảo Iberia rồi Sicily, những người di cư bên trong lãnh thổ Đế chế Byzantine bao gồm cả Nam Ý và con cháu của họ, những người chuyển lên phía Bắc, tạo lập nền tảng cho phần lớn dân số Do Thái châu Âu đều là thợ thủ công, lái buôn biết đọc, biết viết hay là học giả. Tương tự như vậy, người Do Thái từ Pháp tới định cư ở Anh, Đức thế kỷ 11-12 cũng là những lái buôn, thương gia biết đọc, biết viết, có giáo dục.

Đàn áp có hệ thống và trục xuất hàng loạt xảy ra về sau ở châu Âu cuối thời Trung Cổ và cận hiện đại khi dân số Do Thái thế giới đã bao gồm một tỷ lệ nhỏ thợ thủ công, lái buôn, người cho vay lãi, bác sỹ có trình độ học vấn, tính di động cao (xem Chương 7, 8). Hơn nữa, nếu người Do Thái muốn duy trì quyền sở hữu và canh tác đất đai thì có lẽ họ đã cải đạo. Việc cải đạo sang theo các tôn giáo khác vì động cơ kinh tế không phải là không

https://thuviensach.vn

nghe nói tới ở người Cơ đốc giáo và một số người Samaria ở Xứ Israel cải sang Hồi giáo để trốn tránh đàn áp. Một số người Do Thái nổi tiếng cũng làm như vậy để gia nhập vào hàng ngũ viên chức nhà nước cao cấp của các vương quốc Hồi giáo.[97]

Cuối cùng, có rất nhiều các cộng đồng thiểu số đã bị đàn áp trong suốt lịch sử nhưng không từ bỏ nông nghiệp. Vào thế kỷ 1, người Samaria có cùng chuẩn mực, quy tắc tôn giáo như người Do Thái và làm nông nghiệp như người Do Thái. Thế kỷ 5-6, vua chúa Byzantine đàn áp, ép buộc cải đạo, thảm sát, tịch thu đất đai của người Samaria. Hàng thế kỷ sau, người Samaria chịu số phận tương tự dưới triều Abbasid[98] nhưng họ vẫn làm nông, không hề đầu tư vào nguồn vốn con người dễ mang theo, không hề trở thành dân thành thị làm nghề thủ công, buôn bán, không hề di cư khỏi Xứ Israel, không hề tạo ra làn sóng di cư khắp thế giới như người Do Thái.

Người Cơ đốc giáo thời kỳ đầu cũng vẫn làm nông bất chấp các vụ đàn áp, thảm sát ở cả Đế chế La Mã lẫn Đế chế Ba Tư. Hoàn cảnh không khiến họ phải đầu tư vào học hành, giáo dục, phải cơ động hay phải trở thành dân thành thị. Gần đây, người Gypsy bị đàn áp, trục xuất khỏi nhiều nước nhưng chưa bao giờ trở thành một dân số biết đọc, biết viết, nói gì đến trở thành nhà buôn, chủ ngân hàng, nhà tài phiệt, luật sư, bác sỹ.

Như chúng tôi sẽ chỉ ra chi tiết trong Chương 3, 5, 6, 7, quyết định đầu tư vào học hành, giáo dục của người Do Thái (thế kỷ 1-6) diễn ra hàng thế kỷ *trước khi* họ di cư khắp thế giới (từ thế kỷ 9 trở đi). Như vậy, quan hệ nhân quả phải là như thế này: Đầu tư cho giáo dục, cho con người dẫn tới việc tự nguyện từ bỏ đầu tư cho đất đai, làm nông, tham gia làm các công việc thành thị, trở nên cơ động, rồi di cư, chứ không phải chiều ngược lại.

https://thuviensach.vn

CỘNG ĐỒNG TÔN GIÁO THIỂU SỐ TỰ CÔ LẬP

Max Weber ghi nhận vai trò vô cùng to lớn của Do Thái giáo trong lịch sử thế giới. Đồng thời, ông đưa ra câu hỏi người Do Thái trên thế giới trở thành một "dân tộc bị ruồng bỏ" với các đặc điểm rất cụ thể như thế nào?[99] Quan điểm của ông là các nhà tiên tri và hiền nhân thời kỳ Đền Thờ thứ hai (năm 515 trước CN – năm 70 sau CN) chuyển trọng tâm ra khỏi các cuộc thảo luận thần học, để lại cho Do Thái giáo một hệ thống các nguyên tắc đạo đức lý trí hứa hẹn tưởng thưởng cho những người Do Thái tuân thủ chặt chẽ chuẩn mực lễ nghi, cư xử được ghi trong Kinh Luật và Khẩu Luật.[100] Tự nguyện cô lập vì mục đích tôn giáo có những tác động kinh tế sâu sắc đối với người Do Thái về lâu dài. Lời của Weber:[101]

> Làm lễ sao cho thật đúng với người nông dân là điều vô cùng khó khăn… Làm theo các lời răn thuần khiết Levi đích thực mà những người ngoan đạo mẫu mực ngày càng truyền bá là điều gần như không thể đối với người nông dân, ngược lại với người thành thị… Hơn nữa, người Do Thái sống giữa những dân tộc nước ngoài gần như không thể duy trì lối sống chuẩn mực lễ nghi ở nông thôn. Người Do Thái ngày càng phải chuyển trọng tâm, biến mình thành người bị ruồng bỏ ở thành thị, đúng như sự việc đã diễn ra.

Theo Weber, người Do Thái tự nguyện lựa chọn trở thành người thành thị, chỉ làm một số ngành nghề nhất định nhằm duy trì lễ giáo, chế độ ăn kiêng, quy định Sabbath, mà nếu sống ở nông thôn thì họ không thể nào làm được.

Mọi người có thể phản bác lập luận của Weber. Thứ nhất, trong hàng thế kỷ sau thời kỳ các nhà tiên tri thế kỷ 6 trước CN, người Do Thái duy trì lối sống của họ khi làm nông dân ở Xứ Israel nơi họ chiếm đa số. Đầu thế kỷ 4 khi trở thành một cộng đồng tôn giáo thiểu số thời La Mã, họ vẫn chủ yếu là nông dân nhưng vẫn tuân thủ quy định lễ nghi mà tôn giáo của họ đề ra. Người Do Thái luôn là cộng đồng tôn giáo thiểu số ở Mesopotamia và Ai Cập (là hai trong số các cộng đồng Do Thái quan trọng thời cổ đại) nơi họ kiếm sống bằng nghề nông đồng thời vẫn bảo tồn nghi lễ, phong tục Do Thái.

https://thuviensach.vn

Hơn một nghìn năm chia cách thời kỳ Đền Thờ thứ hai với cuộc chuyển dịch của người Do Thái từ nông nghiệp sang nghề thủ công, buôn bán, ngân hàng. Cuộc chuyển dịch nghề nghiệp bắt đầu từ Mesopotamia và Ba Tư của người Hồi giáo thế kỷ 8-9 rồi lan sang tất cả những nơi có người Do Thái sinh sống. Trong suốt thời kỳ dài này, các thế hệ người Do Thái tuân thủ những quy định ngặt nghèo của tôn giáo họ trong khi kiếm sống bằng nghề nông.

Thứ hai, các cộng đồng tôn giáo thiểu số khác cũng có những quy định lễ nghi ngặt nghèo như vậy nhưng lại không trở thành thợ thủ công, nhà buôn hay người cho vay lãi. Người Samaria là ví dụ rõ ràng nhất vì họ theo phong tục Do Thái như ăn kiêng, làm lễ Sabbath tuần, tổ chức năm Sabbath, tuân thủ kinh Torah. Họ làm nông trong hàng thế kỷ trong khi vẫn tuân thủ hầu hết quy định, chuẩn mực tôn giáo của người Do Thái. Việc một cộng đồng tôn giáo thiểu số với các quy định nghiêm ngặt vẫn có thể làm nông được minh họa trong thời nay qua cộng đồng người Amy ở Mỹ.

https://thuviensach.vn

TÍNH KINH TẾ CỦA CÁC NHÓM THIỂU SỐ NHỎ

Một số học giả cho rằng người Do Thái chỉ là một trong nhiều ví dụ về người di cư vì lý do buôn bán, thương mại – các nhóm sắc tộc hoặc tôn giáo không có lãnh thổ cố định, với mạng lưới xã hội, kinh tế, chính trị xuyên quốc gia, sinh sống ở thành thị, chuyên về buôn bán và các hoạt động thương mại.[102] Từ góc nhìn này, người Do Thái không khác gì dân di cư Parsi (đạo Zoroastrian) từ Ba Tư, người Huguenot ở Tây Âu thời cận đại và thời hiện đại, người Trung Quốc ở Đông Nam Á thế kỷ 15-20, người Armenia và người Hy Lạp của Đế chế Ottoman, người Đức ở Đông Âu thời nay, người Cơ đốc Lebanon ở Ai Cập, Tây Phi thế kỷ 18, cộng đồng môi giới buôn bán thiểu số Ấn Độ của Đông Phi hay người Pakistan ở Anh.[103]

Baron chia sẻ phần nào quan điểm này, cho rằng người Do Thái với tư cách là một cộng đồng tôn giáo thiểu số chuyển ra thành phố nhằm bảo vệ mình khỏi nguy cơ bị tầng lớp cai trị thù địch hay người dân địa phương không thân thiện tấn công bạo lực và cũng là để bảo vệ bản sắc văn hóa của mình. Sống ở các làng nông thôn hẻo lánh, họ có nguy cơ bị tấn công và đánh mất sự thống nhất tôn giáo của mình.[104]

Nhà kinh tế học Simon Kuznets đưa ra nhiều dữ liệu ủng hộ cho giả thuyết này.[105] Không giống các học giả khác tập trung nghiên cứu người Do Thái châu Âu cuối thời kỳ Trung Cổ và thời cận hiện đại, Kuznets phân tích cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái trên thế giới trong các năm từ 1920 -1940, chỉ ra sự phân bố nghề nghiệp độc đáo của lực lượng lao động Do Thái. Ở những nước có cộng đồng Do Thái lớn nhất (các quốc gia Đông Âu, Liên Xô, Mỹ, Argentina, Canada), một tỷ lệ đáng kinh ngạc 91-99% lực lượng lao động Do Thái làm những nghề không liên quan đến nông nghiệp (Bảng 2.4).

Kuznets không thể giải thích dựa vào việc hạn chế sử dụng đất vì ở những nước này đầu thế kỷ 20, pháp luật cho phép người Do Thái sở hữu, canh tác đất đai, làm bất cứ nghề gì họ muốn. Do đó, ông phải tìm một giải thích khác – cái ông gọi là "tính kinh tế của các nhóm thiểu số nhỏ". Quan sát cơ

https://thuviensach.vn

bản là người Do Thái dù ở đâu cũng là dân tộc thiểu số như cột cuối cùng Bảng 2.4 chỉ ra.

Giống Weber, Kuznets cho rằng cấu trúc nghề nghiệp và cư trú của người Do Thái là kết quả của lựa chọn tự nguyện. Về cơ bản, lập luận của Kuznets cho rằng vì lý do phi kinh tế mà một nhóm thiểu số chẳng hạn như người Do Thái có những đặc trưng văn hóa trong một cộng đồng dân cư lớn hơn. Mục tiêu duy trì thống nhất và bản sắc nhóm khiến họ thích tập trung trong một số ngành nghề nhất định hơn. Kết quả là, các thành viên nhóm chuyển đến sống ở thành phố nơi có những ngành nghề này. Kuznets cho rằng giải thích của ông có thể dùng cho bất cứ nhóm thiểu số sắc tộc hay tôn giáo nào chứ không chỉ riêng người Do Thái.[106]

Ý tưởng cho rằng người Do Thái chỉ là một trong số các ví dụ về nhóm thiểu số sắc tộc hay tôn giáo chuyên di cư ra đô thị làm thương mại không qua được bài kiểm tra sự kiện lịch sử. Trong thiên niên kỷ thứ nhất, người Do Thái ở Xứ Israel làm nông nghiệp cả khi họ chiếm đa số dân số (cho tới tận thế kỷ 4) lẫn khi họ trở thành nhóm tôn giáo thiểu số. Trở thành nhóm tôn giáo thiểu số không biến họ thành dân di cư và làm các công việc đòi hỏi tay nghề.

Người Do Thái ở Mesopotamia, Ba Tư, Ai Cập cũng chủ yếu là nông dân cho dù họ là các nhóm tôn giáo thiểu số ở Đế chế Ba Tư và Đế chế La Mã. Người Do Thái là nhóm tôn giáo thiểu số ở vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị trong thế kỷ 8-9 khi họ trở thành dân thành thị chuyên làm nghề thủ công, buôn bán, bác sỹ, người cho vay lãi (xem Bảng 1.3, 1.5). Do đó, việc là nhóm tôn giáo thiểu số để bảo vệ bản sắc văn hóa có lẽ không thể khiến họ chuyển dịch ngành nghề.

Hơn nữa, các nhóm sắc tộc và tôn giáo thiểu số khác duy trì các nét đặc trưng của mình trong khi vẫn sống ở làng quê, kiếm sống bằng nghề nông trong suốt thiên niên kỷ thứ nhất. Ví dụ điển hình nhất là người Druse và người Samaria ở Xứ Israel. Những người này giữ bản sắc tôn giáo của mình khi vẫn làm nông dân và không hề trở thành dân di cư thành thị hay thương

https://thuviensach.vn

mại. Người thiểu số Coptic ở Ai Cập cũng vẫn làm nông và bảo tồn bản sắc tôn giáo của mình dưới ách cai trị của người Hồi giáo.

Gần đây hơn, người Do Thái cũng có một vài đặc điểm giống với các cộng đồng sắc tộc hoặc tôn giáo di cư vì mục đích thương mại khác chuyên làm các công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị. Sự khác biệt cơ bản là toàn bộ người Do Thái chứ không phải chỉ một nhóm nhỏ chọn làm những nghề này. Ngược lại, các cộng đồng sắc tộc hoặc tôn giáo di cư vì mục đích thương mại khác như cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á hoặc cộng đồng người Ấn Độ ở Đông Phi chiếm một tỷ lệ nhỏ trong số dân nơi họ sinh sống.

Bảng 2.4. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong lực lượng lao động, khoảng 1930

Nước	Năm	Người Do Thái	Người không phải Do Thái	Tỷ lệ % người Do Thái trong tổng dân số
Argentina	1935	94	—	2,0
Bulgaria	1926	99	31	0,9
Canada	1931	99	71	1,5[a]
Tiệp Khắc	1930	91	73	2,4
Đức	1933	99	83	0,8
Hungary	1930	97	52	5,1
Latvia	1930	99	47	4,8[a]
Litva	1937	96	—	7,6[a]
Ba Lan	1931	96	47	9,8
Romania	1930	96	37	4,2
Liên Xô	1926	96	27	2,1
Mỹ	1940	98	82	3,7

Nguồn: Kuznets (1960, tr. 1608, Bảng 1, 2).

Ghi chú: Dân số Do Thái ở những nước này (gần 13 triệu người) chiếm 87% dân số Do Thái thế giới (xem Baron 1971b, Bảng 3). Lao động phi nông nghiệp gồm người làm trong lĩnh vực công nghiệp và thủ công nghiệp, thương mại và tài chính, giao thông vận tải, dân chính, y, luật, giúp việc nhà và giúp việc cá nhân.

https://thuviensach.vn

__ Không có dữ liệu.
a Với Canada, Latvia và Litva, tỷ lệ phần trăm lần lượt là của các năm 1941, 1935 và 1923.

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Tại sao có rất ít người Do Thái làm nông nghiệp? Tại sao người Do Thái tạo ra một cộng đồng di cư thành thị khắp thế giới? Các giả thuyết được đưa ra để giải đáp những câu hỏi này có thể được chia thành hai nhóm chính: Nhóm giả thuyết đề cao các yếu tố ngoại sinh (hạn chế của pháp luật, phân biệt đối xử, đàn áp, thảm sát) và nhóm giả thuyết nhấn mạnh lựa chọn nội sinh (tự cô lập do quy định tôn giáo, di cư tự nguyện tới thành phố để bảo tồn bản sắc nhóm). Cả hai nhóm giả thuyết này đều không khớp với bằng chứng lịch sử. Cả hai đều không thể giải thích vì sao người Do Thái rời bỏ nông nghiệp hay trở thành dân di cư tứ tán.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 3.
NGƯỜI CỦA SÁCH (200 TRƯỚC CN – 200 SAU CN)

> Hãy biến việc nghiên cứu Torah thành nghề nghiệp chính của bạn.
>
> *—Shammai, khoảng năm 10 trước CN*

> Người Do Thái coi việc sinh con không phải là dịp ăn mừng hay lý do để uống rượu thỏa thích. Luật pháp… quy định họ phải được dạy đọc, sẽ học cả pháp luật lẫn việc làm của cha ông mình để có thể noi gương cha ông, và với nền tảng kiến thức pháp luật, họ sẽ không phạm tội, không bào chữa cho việc mình không hiểu biết pháp luật.
>
> *—Flavius Josephus, khoảng năm 96 sau CN*

NGƯỜI DO THÁI CÓ NGOẠI HÌNH, CÁCH ĂN MẶC, NÓI chuyện, kiếm sống chủ yếu từ nông nghiệp giống như những dân tộc khác ở Đế chế Hy Lạp cổ đại, Đế chế La Mã, Đế chế Ba Tư.[107] Khác biệt chính giữa người Do Thái với người không phải Do Thái là tôn giáo của họ. Do đó, để giải quyết vấn đề lịch sử kinh tế, dân số Do Thái đòi hỏi phải nghiên cứu những sự kiện chủ chốt, các lãnh tụ tôn giáo, đặc trưng chính của tín ngưỡng Do Thái từ khi thành lập Đền Thờ thứ hai năm 515 trước CN tới khi Mishna ra đời khoảng năm 200.

https://thuviensach.vn

HAI TRỤ CỘT CỦA DO THÁI GIÁO TỪ EZRA TỚI HILLEL (500-50 TRƯỚC CN): ĐỀN THỜ VÀ KINH TORAH

Trong thiên niên kỷ thứ nhất trước CN, hai trụ cột của Do Thái giáo là Đền Thờ ở Jerusalem và kinh Torah. Trụ cột thứ nhất làm cho tín ngưỡng Do Thái tương tự như các tín ngưỡng đa thần giáo phổ biến ở Địa Trung Hải và Trung Đông. Vào cả thời Đền Thờ thứ nhất (khoảng thế kỷ 10 hoặc thế kỷ 9 trước CN đến năm 586 trước CN) lẫn thời Đền Thờ thứ hai (năm 515 trước CN đến năm 70 sau CN), lễ hiến sinh của một nhóm nhỏ đại tư tế là phương thức tế thần thống trị người Do Thái.[108] Hành hương tới Jerusalem và dâng lễ vật ở Đền Thờ được coi là những nghĩa vụ tín ngưỡng cao nhất mà tất cả người Do Thái phải thực hiện.[109]

Trụ cột thứ hai của Do Thái giáo, kinh Torah, đặt nền móng cho toàn bộ luật pháp Do Thái (halakha). Niềm tin vào sự tồn tại của một Chúa duy nhất và món quà Torah mà Chúa ban tặng cho người Do Thái thông qua thỏa ước Moses làm cho Do Thái giáo khác biệt so với các tín ngưỡng đa thần giáo. Kinh Luật (Ngũ Kinh Moses) đóng vai trò trung tâm trong việc định hình tất cả các khía cạnh của đời sống Do Thái trong và sau cuộc đày ải Babylon (586-538 trước CN).[110] Bên cạnh Kinh Luật, Khẩu Luật phát triển dựa trên các cuộc thảo luận, phán quyết, phân xử của các thế hệ nhà tiên tri, học giả, nhà hiền triết, những người nổi lên như những lãnh tụ tôn giáo mới thời kỳ Đền Thờ thứ hai.[111]

Sách Phúc âm minh họa rõ nét hai trụ cột Do Thái giáo này trong thời kỳ Đền Thờ thứ hai. Trong một số đoạn, Jesus bước vào Đền Thờ, giảng truyện ngụ ngôn để làm rõ kinh Torah.

Đền Thờ và nhất là kinh Torah là lực đẩy đằng sau sự phát triển các thiết chế giáo dục Do Thái. Kinh Torah đề cao tầm quan trọng của học hành suốt đời, quy định bắt buộc là người cha phải có nghĩa vụ dạy con mình luật Do Thái giáo.[112] Tuy nhiên, kinh Torah không có điều khoản cụ thể nào yêu cầu các ông bố Do Thái phải gửi con tới trường để học đọc và nghiên cứu kinh.

https://thuviensach.vn

Một bước quan trọng trong việc biến đọc trở thành một đặc điểm trung tâm của Do Thái giáo diễn ra khi nhà luật học Ezra (khoảng thế kỷ 5 trước CN) khởi xướng việc đọc kinh Torah nơi công cộng như là một thành tố mới của đời sống Do Thái. Kể từ đó, kinh Torah được đọc và giải thích thường xuyên nơi công cộng. Trước thời Ezra, hầu hết các phần trong kinh Torah thuộc kiểm soát độc quyền của các đại tư tế.[113]

Quá trình thành lập các thiết chế giáo dục Do Thái diễn ra chậm và kéo dài. Giai đoạn đầu tiên bắt đầu từ thời Soferim (nhà luật học) khoảng năm 515 đến năm 200 trước CN với việc thành lập các học viện chuyên đào tạo đại tư tế cho Đền Thờ ở Jerusalem. Vì lý do này, chỉ một nhóm rất nhỏ người ưu tú được nhận vào học.[114] Vào thế kỷ 1 trước CN, học viện được thành lập ở Jerusalem rồi ở các thị trấn khác dưới sự lãnh đạo của hai trong số các nhà hiền triết chính thời đó là Hillel và Shammai.[115] Học phí, chi phí sinh hoạt, đi lại, yêu cầu đầu vào khắt khe trở thành những rào cản lớn đối với đa số người Do Thái muốn theo học các trường này.[116]

Dưới ảnh hưởng của Chủ tịch Hội đồng Sanhedrin là Simeon ben Shetah (khoảng năm 65 trước CN), trường trung học miễn phí dành cho học sinh 16-17 tuổi được lập ra trên khắp Xứ Israel. Hệ thống trường học hai cấp hình thành. Ở Jerusalem, có trường cao đẳng dành cho học sinh giỏi, đào tạo sinh viên cho các học viện; khắp Xứ Israel, các trường dự bị cung cấp giáo dục miễn phí, bắt buộc cho tất cả nam sinh từ 16-17 tuổi. Hệ thống trường trung học có một vấn đề căn bản: Trẻ mồ côi và trẻ mà cha chúng không có thời gian hay kiến thức để dạy chúng một số kỹ năng đọc viết cơ bản do không được học tiểu học nên không đáp ứng được yêu cầu đầu vào bắt buộc của các trường trung học. Do đó, tuy miễn phí song những trường trung học này chỉ thu hút một số lượng nhỏ học sinh.[117]

https://thuviensach.vn

ĐÒN BẨY CỦA DO THÁI GIÁO: GIÁO DỤC NHƯ LÀ MỘT CHUẨN MỰC TÔN GIÁO

Bất kỳ hàng hóa hay dịch vụ nào đều có thị trường, nơi cung, cầu tương tác với nhau để xác định số lượng trao đổi và giá cả thanh toán. Liệu có chính xác không nếu nói về thị trường tôn giáo vào thời Hillel, Shammai, Josephus, Jesus, một thị trường nơi các nhóm, giáo phái cạnh tranh nhau để thu hút tín đồ, nơi các cá nhân tìm nhóm tôn giáo phù hợp với sở thích, nhu cầu của mình nhất.

Giống hầu hết các tôn giáo ngày nay, Do Thái giáo thời Đền Thờ thứ hai là một nhóm gồm nhiều tôn giáo. Trong đó, người Sadducee và người Pharisee, hai nhóm Do Thái chính, tranh giành vị trí lãnh đạo. Người Essene, Sicarii, Zealot, Samaritan và rất nhiều giáo phái Do Thái – Cơ đốc giáo bổ sung cho nhóm Do Thái sống ở Xứ Israel thế kỷ 1. Thành viên của các nhóm này sống kề bên dân số đa thần giáo vốn thờ chúa, thần Hy Lạp – La Mã, Semite, Ai Cập, Syria trong các Đền Thờ.[118]

Thành viên của các giáo phái Do Thái gần như không có khác biệt gì về mặt ngôn ngữ, ăn uống, trang phục, làm việc, cưới hỏi hay các vấn đề thường nhật khác. Nhưng mỗi nhóm ngày càng đặt ra các chuẩn mực tôn giáo khác biệt làm yêu cầu chính để gia nhập nhóm. Sự khác biệt về chuẩn mực tôn giáo này đóng một vai trò quan trọng trong giả thuyết của chúng tôi, sẽ được chúng tôi chỉ ra sau.

Các tác phẩm của Josephus và sách Phúc âm vẽ nên một bức tranh sống động về các giáo phái Do Thái ở Xứ Israel thế kỷ 1, chỉ ra mỗi giáo phái có chuẩn mực, yêu cầu gia nhập riêng, giống như khi gia nhập một câu lạc bộ vậy. Josephus mô tả ba nhóm chính của Do Thái giáo:[119]

> Khi đó có ba giáo phái của người Do Thái. Họ có quan điểm khác nhau về hành động của con người. Một nhóm gọi là Pharisee, một nhóm là Sadducee, nhóm còn lại là Essene…

… Và năm 16 tuổi, tôi quyết định thử gia nhập nhiều giáo phái khác nhau… vì tôi nghĩ bằng cách đó tôi có thể chọn được giáo phái phù hợp nhất

https://thuviensach.vn

với mình… Và năm 19 tuổi, tôi quay trở lại thành phố, bắt đầu khép mình vào các quy định của giáo phái Pharisee.

Vào cuối cuộc nổi dậy Hasmonaean, giáo phái Essene được coi là giáo phái khổ hạnh, theo chủ nghĩa công xã. Nhóm chính – những người nông dân ở bờ Tây Bắc Biển Chết – tự nhận mình là thế hệ cuối cùng trước khi xuất hiện Chúa cứu thế. Việc phát hiện ra các cuộn giấy ở Qumran cho thấy có thể có nhiều giáo phái nhỏ bao gồm cả giáo phái Essene mong đợi Chúa cứu thế xuất hiện và có liên hệ với những giai đoạn đầu tiên của Cơ đốc giáo.[120] Cạnh tranh tôn giáo, chính trị để giành vị trí lãnh đạo trong cộng đồng Do Thái xảy ra giữa giáo phái Sadducee và giáo phái Pharisee. Xuất hiện vào khoảng thế kỷ 3 trước CN, giáo phái Sadducee lấy tên từ Zadok, đại tư tế thời vua David và vua Solomon. Giáo phái Sadducee chủ yếu bao gồm tầng lớp giàu có, quyền quý (thầy tu, lái buôn, quý tộc), gắn với trụ cột thứ nhất của Do Thái giáo: Đền Thờ. Họ thống trị việc thờ cúng nơi giáo đường, lễ nghi, hiến sinh. Quyền lực của họ gắn chặt với tín ngưỡng đền. Một trong những giáo lý chính của họ là chỉ Kinh Luật mới có giá trị mà thôi. Về mặt văn hóa, họ bị ảnh hưởng của làn sóng Hy Lạp cổ đại ở Địa Trung Hải.[121]

Giáo phái Pharisee gắn với trụ cột thứ hai của Do Thái giáo: kinh Torah. Hiện chưa chắc chắn nghĩa của từ "Pharisee" nhưng nhiều người tin rằng "Pharisee" bắt nguồn từ chữ parash trong tiếng Hebrew (nghĩa là "bị chia cắt"). Giáo phái Pharisee xuất hiện như một nhóm tôn giáo, chính trị khác biệt ngay sau cuộc nổi dậy thành công do Judah Maccabee dẫn đầu chống lại tầng lớp cai trị Seleucid Hy Lạp cổ đại (165-160 trước CN) và việc thành lập triều đại Hasmonaean sau đó (140 sau CN) cai trị Judea trong 80 năm. Tự xem mình là con cháu của các giáo sỹ Ezra hay thời vua David, họ là những người bảo vệ tôn giáo, truyền thống Do Thái cứng rắn nhất. Không giống người Sadducee, họ phản đối mạnh mẽ ảnh hưởng của ngôn ngữ Hy Lạp và khai hóa Xứ Israel.[122]

Người Pharisee tin rằng cả Kinh Luật lẫn Khẩu Luật đều có giá trị. Một trong những giáo lý chính của họ là Chúa có ở khắp mọi nơi, có thể được

https://thuviensach.vn

thờ cúng cả trong lẫn ngoài Đền Thờ, không được gọi Chúa về chỉ bằng cách hiến tế. Người Pharisee coi học hành, giảng dạy, truyền bá luật của Chúa là sứ mệnh tối thượng. Do đó, họ lập giáo đường làm nơi thờ cúng, học hành, tụng kinh. Họ làm như vậy nhằm phá vỡ thế độc quyền của Đền Thờ, để thách thức vai trò lãnh đạo chính trị, tôn giáo của người Sadducee. [123]

Phải thận trọng khi vạch ra những khác biệt rõ rệt giữa các nhóm tôn giáo Do Thái (ví dụ, trong hàng ngũ người Pharisee, chắc chắn có đại tư tế). Tuy vậy, sẽ là chính xác khi cho rằng thời kỳ Đền Thờ thứ hai chứng kiến sự phát triển các câu lạc bộ (giáo phái) ngày càng khác nhau trong Do Thái giáo, mỗi câu lạc bộ (giáo phái) có quy định tôn giáo, chuẩn mực xã hội riêng.

Chính trong môi trường cạnh tranh tôn giáo, văn hóa này giữa những người lãnh đạo Do Thái đã diễn ra bước ngoặt mang tính cách mạng đưa đến việc hình thành một hệ thống giáo dục Do Thái độc đáo. Khoảng năm 63-65 sau CN, đại tư tế của phái Pharisee là Joshua ben Gamla ban hành sắc lệnh tôn giáo yêu cầu tất cả các ông bố Do Thái phải gửi con trai 6-7 tuổi tới trường tiểu học.[124] Khoảng 200-300 năm sau, bộ luật Talmud của Babylon mô tả sự kiện này như sau:[125]

> Tuy nhiên, người đó phải được ghi nhớ đời đời, tên người đó là Joshua ben Gamla; vì nếu không có Joshua ben Gamla thì kinh Torah sẽ bị lãng quên ở Israel. Vì ban đầu, ai có cha thì được cha truyền dạy cho kinh Torah, còn ai không có cha thì không được học kinh Torah. Sau đó có lệnh rằng giáo viên dạy trẻ con nên được chỉ định ở Jerusalem. Tuy nhiên, ai có cha thì được cha đưa tới Jerusalem để học, còn ai không có cha sẽ không tới Jerusalem để học. Sau đó có lệnh rằng giáo viên dạy bọn trẻ nên được chỉ định ở tất cả các quận khắp cả nước. Nhưng các cậu trai nhập trường năm 16-17 tuổi, nếu giáo viên mắng mỏ chúng thì chúng sẽ tức giận và bỏ trường. Do đó, đến thời Joshua ben Gamla mới có lệnh giáo viên dạy bọn trẻ nên được chỉ định ở tất cả các quận, tất cả các thành phố và các cậu trai phải nhập trường từ năm 6-7 tuổi.

https://thuviensach.vn

Tại sao Do Thái giáo coi trọng việc giáo dục tôn giáo như vậy? Sắc lệnh tôn giáo của Joshua ben Gamla có được nhanh chóng thi hành không?

Sử gia Moshe Aberbach cho rằng tình hình kinh tế vững mạnh từ thế kỷ 3 đến thế kỷ 1 trước CN tạo điều kiện mở mang việc học kinh Torah và hệ thống giáo dục.[126] Baron cho rằng việc chú trọng giáo dục tôn giáo là do cạnh tranh vị trí lãnh đạo cộng đồng Do Thái giữa người Sadducee và người Pharisee.[127] Để đạt mục đích mở rộng việc học Kinh Luật và Khẩu Luật trong cộng đồng Do Thái, người Pharisee cho xây dựng hệ thống trường tiểu học, trung học ở Xứ Israel. Giải thích thứ ba cho rằng các giáo sỹ Pharisee ủng hộ cải cách giáo dục và mở mang trường học là vì họ vừa có thể kiếm thêm thu nhập từ việc dạy học vừa gia tăng vị thế trong cộng đồng Do Thái.[128]

Dù Josephus tuyên bố trang trọng vào cuối thế kỷ 1 sau CN: "Giáo dục trẻ em là mối quan tâm hàng đầu của người Do Thái"[129] nhưng không có bằng chứng trực tiếp cho thấy giáo dục tiểu học được phổ cập trong cộng đồng Do Thái lớn ở Xứ Israel hay trong các cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia và Ai Cập. Trên thực tế, đại đa số người Do Thái ở Xứ Israel trong hai thế kỷ đầu có lẽ không biết đọc, biết viết.[130]

Việc thi hành chậm chạp sắc lệnh giáo dục trẻ em của Joshua ben Gamla là có thể hiểu được xét trong bối cảnh lịch sử khi đó. Vị đại tư tế Pharisee ban hành sắc lệnh vào lúc việc lãnh đạo người Do Thái bị chia đôi giữa người Sadducee và người Pharisee. Bản thân Joshua bị buộc rời khỏi vị trí đại tư tế sau một năm. Không có bằng chứng nào cho thấy các vị đại tư tế Sadducee lúc đó đang nắm quyền chấp nhận và ủng hộ sắc lệnh này. Trong ghi chép lịch sử chi tiết của mình, Josephus, người gọi Joshua ben Gamla là bạn không ghi lại bất cứ thông tin gì về việc thành lập trường tiểu học thời ông sống. Hơn nữa, cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã đầu tiên nổ ra trong vòng vài năm sau sắc lệnh của Joshua ben Gamla gây khó khăn cho việc thực thi ngay lập tức cuộc cải cách giáo dục do vị đại tư tế Pharisee vạch ra.

Việc sắc lệnh của Joshua ben Gamla có được thi hành nhanh chóng trong các cộng đồng Do Thái trên thế giới thời đó hay không không liên quan đến

https://thuviensach.vn

giả thuyết chúng tôi trình bày ở chương tiếp theo. Điều quan trọng là sắc lệnh này được ban hành dưới dạng *takkanah*, một điều luật tôn giáo bắt buộc mọi người cha Do Thái phải tuân theo. Giáo dục tôn giáo (tức học đọc và nghiên cứu kinh Torah) cho cả trẻ em và người lớn trở thành một chuẩn mực tôn giáo, rồi mấy thế kỷ sau trở thành "đòn bẩy cho Do Thái giáo".

https://thuviensach.vn

ĐỀN THỜ THỨ HAI BỊ PHÁ HỦY: TỪ LỄ HIẾN SINH TỚI ĐỌC VÀ NGHIÊN CỨU KINH TORAH

Việc đốt phá Đền Thờ thứ hai là sự kiện bi thảm nhất trong lịch sử Do Thái tính tới trước thời điểm diễn ra cuộc tàn sát người Do Thái hồi Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Ghi chép lịch sử chi tiết, chính xác của Josephus về cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã đầu tiên chỉ ra rằng với động lực nội sinh của Do Thái giáo, cả cuộc chiến tranh lẫn việc phá hủy Đền Thờ là những sự kiện chính làm thay đổi sâu sắc cạnh tranh và cân bằng giữa các nhóm tôn giáo.[131] Người Zealot và người Sicarii, những người thúc giục, ủng hộ chính cho cuộc nổi dậy, bị tàn diệt trong cuộc vây hãm Jerusalem năm 70 sau CN và hãm thành Masada ba năm sau đó. Chiến tranh kết thúc không mang lại bất cứ thay đổi lớn nào cho người Essene vốn chưa bao giờ đóng vai trò tích cực trong địa hạt kinh tế hay chính trị. Người Sadducee, với ban lãnh đạo phụ thuộc vào tín ngưỡng Đền Thờ dựa trên lễ hiến sinh, đánh mất nguồn của cải, sức mạnh và biến mất nhanh chóng sau cuộc nổi dậy.[132]

Người Pharisee (bao gồm cả người Tannaim, các học giả của các học viện ở Jerusalem), vốn không tham gia vào cuộc nổi dậy, sống sót sau cuộc thảm sát, giành lấy vị trí lãnh đạo tôn giáo, chính trị người Do Thái ở Xứ Israel. Một thành viên chủ chốt của nhóm Pharisee là giáo sỹ Jonahan ben Zakkai, một trong những học giả ưu tú nhất đồng thời cũng là một trong những người phản đối nhóm Sadducee mạnh mẽ nhất. Trong cuộc vây hãm Jerusalem, ông lên tiếng ủng hộ hòa bình nhưng không có kết quả. Có lẽ để ghi nhận nỗ lực của ông, người La Mã cho phép ông rời thành phố, và sau này xây dựng lại học viện (yeshiva) Jerusalem ở thị trấn ven biển Jabneh, trung tâm học hành Do Thái quan trọng nhất giai đoạn năm 70 đến năm 135 sau CN.[133]

Việc thành lập học viện ở Jabneh thực tế là tái thành lập Hội đồng Sanhedrin ở Jerusalem. Một trong những vấn đề chính Jonahan ben Zakkai và môn đồ của ông là Tannaim tranh luận và đưa ra phán quyết là Do Thái giáo nên làm như thế nào khi mà các ban thờ dùng làm lễ hiến sinh của Đền Thờ không còn nữa. Rõ ràng ông đã giúp thuyết phục các học giả, giáo sỹ

https://thuviensach.vn

khác trong học viện thay thế động vật để tế lễ bằng lời nguyện. Ban lãnh đạo Do Thái mới thành lập bao gồm các học giả, giáo sỹ Pharisee, do đó thay thế việc hành hương tới Jerusalem, lễ hiến sinh và các nghi lễ chỉ có thể do thầy tu của Đền Thờ tiến hành bằng việc nghiên cứu kinh Torah và việc học.[134] Những sự kiện xảy ra trong thế kỷ sau đó thúc đẩy mạnh mẽ tiến trình này.

Giáo dục là giáo dục tôn giáo để chuẩn bị cho các cậu bé khi trưởng thành phải đọc kinh trong giáo đường, trung tâm việc đọc và học kinh Torah.[135] Giáo đường tồn tại ở Xứ Israel rất lâu trước khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy.[136] Tuy nhiên, sau năm 70 sau CN, rất nhiều giáo đường được xây ở các thị trấn, thậm chí các làng ở Xứ Israel, nhất là ở Galilee nơi hầu hết người Do Thái chuyển tới sống sau hai cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã.[137]

https://thuviensach.vn

DI SẢN CỦA DO THÁI GIÁO DÒNG GIÁO SỸ: MISHNA VÀ GIÁO DỤC TIỂU HỌC PHỔ CẬP, 10-200 SAU CN

Sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, giáo phái Pharisee được tái lập thành Do Thái giáo dòng giáo sỹ từ đó sinh ra Do Thái giáo chuẩn mực, cơ sở cho mọi hình thức Do Thái đương thời.[138] Mối quan hệ giữa giáo phái Pharisee và Do Thái giáo dòng giáo sỹ (qua ví dụ điển hình là bộ luật Talmud) gần gũi đến mức nhiều người không có ý phân biệt chúng.

Do Thái giáo dòng giáo sỹ có tác động sâu sắc, lâu dài đối với người và tôn giáo Do Thái. Ở cấp độ giáo lý, các học giả, giáo sỹ học viện ở Galilee để lại cho người Do Thái một di sản bất diệt, đó là Mishna, trụ cột luật pháp Do Thái và cơ sở cho mọi chú giải, văn học giáo sỹ sau này. Ở cấp độ thể chế, di sản của người Pharisee là thực hiện sắc lệnh tôn giáo của Joshua ben Gamla bằng cách phổ cập gần như hoàn toàn giáo dục tiểu học trong các cộng đồng Do Thái trên thế giới.[139] Quyền lực của các giáo sỹ ở Xứ Israel được cải thiện và được cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia và trên thế giới công nhận.

https://thuviensach.vn

Judah haNasi và thế giới Mishna

Sau các sự kiện năm 70 sau CN, Khẩu Luật không ngừng phát triển khi giáo sỹ Jonahan ben Zakkai chuyển học viện từ Jerusalem tới Jabneh. *Yeshiva* có chức năng như một học viện, tòa án tối cao, cơ quan lập pháp nơi các thế hệ Tannaim thảo luận các vấn đề tôn giáo, chính trị, kinh tế do người dân thường chuyển tới; dịch Kinh Thánh và luật Thánh; ban hành quyết định. Nổi bật trong những Tannaim là giáo sỹ Akiva và đệ tử của ông là giáo sỹ Meir – những người bắt đầu tổ chức có hệ thống Luật bất thành văn Do Thái đồ sộ được tích lũy qua nhiều thế kỷ.

Sau cuộc nổi dậy Bar Kokhba năm 135, học viện Jabneh bị đóng cửa, công việc của Tannaim không kết thúc mà đơn giản là chuyển sang trung tâm mới của Do Thái giáo ở Galilee, nơi các học viện nhanh chóng trở thành trung tâm học vấn Do Thái. Đây là bối cảnh tri thức để giáo sỹ Judah haNasi biên soạn cuốn Mishna vào khoảng năm 200.

Sinh khoảng năm 135, Judah là con trai giáo sỹ Simeon ben Gamliel Đệ nhị, hậu duệ của Hillel và do đó, của Vua David.[140] Ông của Judah, giáo sỹ Gamliel Đệ tam lừng danh (cháu trai của Hillel) là lãnh tụ chính trị (*nasi*) của cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel, đồng thời là chủ học viện ở Jabneh. Gamliel Đệ nhị được con trai là giáo sỹ Simeon kế vị. Simeon cho chuyển học viện giáo sỹ tới thị trấn Usha và sau này tới Shefar'am ở Galilee sau kết cục bi thảm của cuộc nổi dậy Bar Kokhba.

Judah kế vị cha, Simeon, trong vai trò lãnh tụ chính trị (*nasi*) của cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel và trong vai trò tôn giáo quan trọng là chủ học viện giáo sỹ. Dưới sự lãnh đạo của ông, học viện ban đầu chuyển tới Beth She'arim, sau này chuyển tới Sepphoris, đều ở Galilee. Do những phẩm chất ấn tượng như sự uyên thâm, uy tín chính trị, sự giàu có mà ông được gọi là *ha nasi* ("hoàng tử"), *rabbi* ("người thầy"), *rabbenu* ("người thầy của chúng ta"), rabbenu ha qadosh ("người thầy thần thánh của chúng ta").

Di sản của Judah đối với Do Thái giáo và người Do Thái nằm ở Mishna, được hoàn thành vào khoảng năm 200. Sáu tập Mishna tạo thành bộ luật tôn giáo, pháp lý mà dựa vào đó mọi luật lệ Do Thái và văn học halakha về sau

https://thuviensach.vn

được xây dựng. Kể từ thời Judah haNasi, chủ các học viện có tầm ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với hàng loạt các vấn đề liên quan đến cuộc sống thường nhật của toàn thể cộng đồng Do Thái.

Để hệ thống hóa và kết hợp truyền thống Khẩu Luật Do Thái được tích lũy qua hàng thế kỷ và để đảm bảo luật được truyền lại cho các thế hệ sau, Judah dành nhiều năm sàng lọc khối lượng khổng lồ các tranh luận, phán xét, phân xử của các thế hệ nhà tiên tri và hiền triết đi trước. Sau đó, ông biên soạn thành sáu bộ luật là nông nghiệp (*Zeraim*), lễ hội (*Moed*), cưới xin (*Nashim*), luật dân sự và hình sự (*Nezikin*), hiến sinh và lễ đền (*Kodashim*), thuần khiết nghi lễ (*Tohorot*).[141]

Mục đích của Judah không phải chỉ bảo tồn kho truyền thống và học vấn mà còn để xác định xem tuyên bố halakhot (luật) nào là chuẩn mực. Ông tìm ra những quan điểm giáo sỹ mà ông cho là xác đáng, cẩn trọng giữ lại những quan điểm thiểu số phòng khi luật thay đổi và khi cần phải có một tiền lệ để thay đổi. Ông bãi bỏ những luật đã lỗi thời hoặc không xác đáng. Việc biên soạn Mishna không chấm dứt việc phát triển luật Do Thái mà tạo nền tảng vững chắc để các thế hệ học giả sau này dựa vào đó tranh luận, làm rõ, ra tiếp quyết định.[142]

Judah haNasi cũng như các thế hệ học giả học viện từ trước và về sau cũng đóng vai trò ảnh hưởng với tư cách một nhà cải cách giáo dục có thái độ cứng rắn đối với người thất học cả trong lời nói lẫn hành xử. Ví dụ, ông miễn thuế cho các hiền nhân, làm gia tăng thù địch giữa hiền nhân và người thất học.[143] Vào thời ông, khái niệm *am ha-aretz* (“người của vùng đất”) trước đây dùng để chỉ người Do Thái coi thường thuế thập phân và các chuẩn mực thuần khiết lễ nghi và hiến sinh (*am ha-aretz le-mitzvot*) giờ có nghĩa mới là “người không biết cách và không dạy kinh Torah cho con trai mình” (*am ha-aretz le-Torah*). Đối với Judah haNasi và các học giả đồng môn của mình, người *am ha-aretz* là người bị ruồng bỏ trong cộng đồng Do Thái. Là người bị ruồng bỏ kéo theo một danh sách dài các trừng phạt xã hội như không được bầu làm quan tòa, các ông bố không được khuyến khích gả con gái mình cho con trai của những người *am ha-aretz*.[144]

https://thuviensach.vn

Judah haNasi là một trong những tượng đài trí thức và tôn giáo trong Do Thái dòng giáo sỹ. Ông và các thế hệ học giả trước và cùng thời ông – người Tannaim ở các học viện – đóng góp cho sự phát triển của Do Thái thành một dạng "câu lạc bộ" áp đặt một nghĩa vụ độc đáo đối với các thành viên: yêu cầu mọi người phải đọc, nghiên cứu kinh Torah và phải gửi con mình tới giáo đường hoặc trường học để đọc, nghiên cứu kinh Torah.

https://thuviensach.vn

Giáo dục tiểu học Do Thái thời Tannaim

Thời Tannaim (khoảng năm 10 đến năm 200 sau CN), trường tiểu học dành cho trẻ em trai bắt đầu được thành lập ở Xứ Israel nhưng các cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã chắc chắn đã chấm dứt quá trình này. Chỉ từ đầu thế kỷ 3, sự lãnh đạo và ảnh hưởng của Judah haNasi và của các thế hệ học giả, giáo sỹ về sau góp phần thực thi hệ thống giáo dục tiểu học có tổ chức ở Xứ Israel và những nước có người Do Thái lưu vong.[145]

Nội dung giáo dục tiểu học Do Thái thời Tannaim chủ yếu là đọc, hiểu, nghiên cứu kinh Torah, học *mitzvot* (hành động, cư xử đúng mực). Khi mới bắt đầu tiểu học (*bet hasefer* trong tiếng Hebrew nghĩa là "nhà của sách"), trẻ em được dạy bảng chữ cái Hebrew, sau đó là dạy đọc kinh Torah cả bằng tiếng Hebrew và tiếng Aram (là tiếng có bảng chữ cái tương tự tiếng Hebrew). Lúc này, tiếng Hy Lạp, địa lý, số học, khoa học tự nhiên không nằm trong chương trình học. Mọi kiến thức thu nạp chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu kinh Torah.

Về viết, các học giả còn tranh cãi về quy mô trẻ em Do Thái được học viết ở trường tiểu học thời Tannaim. Một số học giả cho rằng viết có thể được dạy ở một số trường, một số giai đoạn nào đó. Các học giả khác cho rằng viết cơ bản (sử dụng chữ cái Hebrew) được dạy ở nhiều trường nhưng viết như một môn nghệ thuật như ở các trường Hy Lạp không có chỗ đứng ở các trường tiểu học Do Thái.

https://thuviensach.vn

DO THÁI GIÁO VÀ GIÁO DỤC: MỐI QUAN HỆ ĐỘC ĐÁO TRONG THẾ GIỚI MISHNA

Sau năm 70 sau CN, Do Thái giáo không còn xoay quanh lễ đền và lễ hiến sinh nữa. Thay vào đó, Do Thái giáo yêu cầu tín đồ đọc, nghiên cứu kinh Torah, giáo dục con trai mình và đầu tư cho việc học chữ.

Không có tôn giáo nào khác yêu cầu các ông bố dạy dỗ con trai mình. Các đạo đa thần tiếp tục thờ thần của họ thông qua lễ hiến sinh, dâng đồ cúng ở đền (các tín ngưỡng đa thần Hy Lạp và La Mã, tín ngưỡng song thần Zoroastrianism), gia nhập các nghi lễ tôn giáo bí mật và phép thuật (nghi lễ tôn giáo bí mật Eleusis, đạo thờ Dionysus và Orpheus, đạo thờ Mithras) hay thông qua cầu nguyện, ăn kiêng (đạo Manichaeism).[146]

Ngay cả những tôn giáo độc thần gần gũi nhất với Do Thái giáo như Cơ đốc giáo hay đạo Samaritan cũng không quy định các ông bố phải giáo dục con cái mình. Sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy và tín ngưỡng Do Thái chuyển thành Do Thái giáo dòng giáo sỹ, khác biệt chủ yếu giữa người Do Thái với người Samaritan và người Cơ đốc giáo là ở chỗ người Do Thái coi việc đọc, nghiên cứu kinh Torah và việc giáo dục con cái là nghĩa vụ tôn giáo cơ bản đối với bất kỳ người Do Thái trưởng thành nào, người Do Thái lấy Mishna làm khung tôn giáo, pháp lý dẫn đường cho mình. Theo Mishna thì "Kinh Torah, làm việc, từ thiện" là ba nghĩa vụ quan trọng nhất của các ông bố Do Thái. Ngược lại, người Samaritan hay người Cơ đốc giáo không phải đọc hay nghiên cứu kinh Torah, không phải gửi con trai tới trường tiểu học, không coi Mishna là khung tôn giáo, pháp lý dẫn đường. Người Samaritan duy trì chế độ đại tư tế và nghi lễ hiến sinh động vật ở Đền Thờ trên đỉnh Gerizim (trong khi đó người Do Thái không còn đền nữa), không thiết lập bất cứ thiết chế giáo dục tiểu học nào.[147]

Judah haNasi coi những người Do Thái thất học là kẻ bị xã hội ruồng bỏ trong cộng đồng Do Thái. Paul (khoảng năm 5 đến năm 67 sau CN), một người Do Thái dòng Pharisee, đẩy Cơ đốc giáo đi hướng ngược lại. Sau lần cải đạo sang Cơ đốc giáo nổi tiếng của mình, Paul quyết định rằng những người Cơ đốc giáo không phải người Do Thái không nên theo luật Do Thái.

https://thuviensach.vn

Dưới ảnh hưởng của ông, Cơ đốc giáo bãi bỏ nhiều yêu cầu bắt buộc của Do Thái giáo bao gồm cả việc cắt bao quy đầu ở bé trai và việc đọc, nghiên cứu kinh Torah. “Niềm tin, hy vọng, từ thiện” trở thành ba yêu cầu chính để trở thành một tín đồ Cơ đốc giáo mộ đạo.[148]

“Đột biến” trong các chuẩn mực tôn giáo Do Thái này là một trong các trụ cột trong giả thuyết của chúng tôi. Để hiểu rõ lập luận của chúng tôi ở chương sau, chúng tôi nhấn mạnh một vài điểm quan trọng ở đây. Quá trình biến đổi Do Thái giáo phản ánh sự thay đổi trong lựa chọn tôn giáo không bắt nguồn từ lý do kinh tế. Trước khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, người Sadducee và người Pharisee đã tranh cãi về các vấn đề tôn giáo. Vấn đề tranh cãi chính là liệu cốt lõi tôn giáo Do Thái là lễ hiến sinh của các đại tư tế ở Đền Thờ hay là việc đọc, nghiên cứu kinh Torah của bất kỳ người Do Thái nào. Cạnh tranh giữa hai nhóm kết thúc bằng cuộc vây hãm Jerusalem và đốt phá Đền Thờ thứ hai của quân La Mã vào năm 70 sau CN, sau đó người Pharisee trở thành lãnh tụ tôn giáo.

Mục đích của người Pharisee là trang bị cho mọi đàn ông Do Thái khả năng đọc kinh Torah bằng tiếng Hebrew để họ có thể học và tuân theo tất cả các luật lệ của tôn giáo mình. Chú trọng tiếng Hebrew chứ không phải ngôn ngữ nói ở các cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel và những nước có người Do Thái lưu vong (tiếng Aram, tiếng Hy Lạp, tiếng La-tinh) phù hợp với quan điểm cho rằng mục đích của giáo dục Do Thái là tôn giáo chứ không phải trần tục. Kể cả nếu lợi ích kinh tế là nguyên nhân đằng sau quyết định giáo dục trẻ em thì học đọc có lẽ không mang lại nhiều tác dụng lắm vì cả Xứ Israel lẫn Mesopotamia đều không phải là các nền kinh tế đô thị hay thương mại trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất. Hầu hết dân số Do Thái bao gồm nông dân không biết đọc, biết viết, những người mà với họ việc đầu tư giáo dục tôn giáo cho con cái mình là một sự hy sinh không mang lại lợi ích kinh tế.

Liệu sự khác biệt giữa người Pharisee và người Sadducee có thật sự lớn như vậy không hay liệu người Do Thái có thực sự coi mình là người thuộc nhóm này hay nhóm kia không, điều này không quan trọng. Điều quan trọng

https://thuviensach.vn

đối với lập luận được trình bày ở chương sau là trong thời kỳ Đền Thờ thứ hai, các nhóm Do Thái giáo khác nhau lựa chọn chuẩn mực tôn giáo, quy tắc ứng xử xã hội khác nhau để tạo ra câu lạc bộ tôn giáo của riêng mình. Kết cục bi thảm của cuộc vây hãm Jerusalem và việc đốt phá Đền Thờ thứ hai của quân La Mã cho phép một nhóm – nhóm coi việc đọc, nghiên cứu kinh Torah là nghĩa vụ quan trọng nhất của mọi nam giới trưởng thành và trẻ em trai Do Thái – đứng lên làm lãnh tụ tôn giáo trong Do Thái giáo. Các thế hệ học giả, giáo sỹ học viện trong hai thế kỷ đầu, điển hình là giáo sỹ Judah haNasi, đặt nền móng cho việc thực thi câu lạc bộ tôn giáo mới này với chuẩn mực quan trọng nhất là biết đọc, biết viết, giáo dục.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 4.
TÍNH KINH TẾ CỦA VIỆC BIẾT CHỮ HEBREW TRONG THẾ GIỚI CỦA NHỮNG NGƯỜI NÔNG DÂN

> Giáo sỹ Yose nói: Hãy tìm học kinh Torah vì kinh không đến với bạn qua con đường thừa kế.
>
> —*Mishna, Pirkei Avot* (Đạo đức người cha) 2:1

CÓ THỂ HÌNH DUNG TÔN GIÁO NHƯ MỘT MÓN HÀNG TIÊU thụ: mọi người có được sự thỏa mãn – cái mà các nhà kinh tế học gọi là "tính thỏa dụng" – bằng cách tuân theo các chuẩn mực và nghi lễ đã được tôn giáo thiết lập.[149] Tuân thủ các chuẩn mực này có thể kéo theo chi phí (dành thời gian trong một đền thờ thay vì làm các việc khác, góp phần bảo dưỡng nhà thờ, đền thờ, giáo đường, hạn chế ăn uống). Nếu những chi phí này thấp hơn tính thỏa dụng của việc tuân thủ chuẩn mực tôn giáo thì mọi người sẽ tuân thủ các chuẩn mực đó. Nếu chi phí cao hơn tính thỏa dụng thì mọi người có thể chọn theo tôn giáo khác hoặc quyết định không theo tôn giáo nào hết.[150] Nhằm tạo ra các câu lạc bộ độc đáo và khác biệt, các tôn giáo khác nhau có thể áp đặt các chuẩn mực khác nhau đối với tín đồ của mình.[151]

Sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy và nhất là sau cuộc nổi dậy ở Bar Kokhba năm 135, người Do Thái có thể vẫn giữ Do Thái giáo dòng giáo sỹ (từ đây về sau gọi là Do Thái giáo)[152] hoặc cải sang đạo Samaritan hay Cơ đốc giáo trong đó có các giáo phái Do Thái – Cơ đốc giáo khác nhau. Lựa chọn cấp tiến hơn là trở thành tín đồ đa thần giáo tương tự như nhiều người trong thế giới Hy Lạp – La Mã ở Địa Trung Hải. Một đặc điểm chính phân biệt Do Thái giáo với các tôn giáo khác lúc này là quy định bắt buộc các ông bố phải đưa con trai 6-7 tuổi tới giáo đường hoặc trường học để học đọc và nghiên cứu kinh Torah (xem Chương 3).

Nhà kinh tế học diễn giải các chuẩn mực khác nhau của những tôn giáo chính ở Xứ Israel từ thời giáo sỹ Judah haNasi tới thời Muhammad như thế nào? Cụ thể là, quy định bắt buộc các ông bố phải giáo dục con trai của mình có tác động đến dân số và kinh tế như thế nào? Liệu tất cả người dân

https://thuviensach.vn

Do Thái có tuân thủ quy định này hay không? Nếu không đầu tư cho việc học hành của con thì hậu quả sẽ ra sao? Liệu có khả năng là người Do Thái sẽ cải sang các tôn giáo khác hay người Cơ đốc giáo, người Samaritan, người theo đa thần giáo sẽ cải sang Do Thái giáo? Trong dài hạn, điều gì sẽ xảy ra với Do Thái giáo và người Do Thái?

Để trả lời những câu hỏi này, chương này mô tả lý thuyết kinh tế của chúng tôi theo lối kể chuyện; phụ lục của chương này sẽ trình bày mô hình hình thức. Để giải thích căn cứ cho lý thuyết của chúng tôi, chúng tôi đặt mình vào vị trí của người nông dân Do Thái sống ở Galilee (trung tâm đời sống kinh tế và tri thức Do Thái ở Xứ Israel) từ năm 200 đến năm 650 nhằm tìm hiểu những lựa chọn kinh tế và tôn giáo của họ trong bối cảnh quy định mới của Do Thái giáo.

Có hai điều cần báo trước. Một là, chúng tôi tập trung phân tích những lựa chọn của người nông dân vì tuyệt đại đa số người Do Thái lúc này sống bằng nông nghiệp và các nghề nghiệp liên quan đến nông nghiệp. Hai là, mục đích của chúng tôi không phải là giải thích tại sao các học giả và giáo sỹ Do Thái ở các học viện lại thúc đẩy Do Thái giáo theo hướng trở thành một thứ tôn giáo dành cho người biết đọc, biết viết, lại đề ra quy định bắt buộc các ông bố phải giáo dục con trai mình.[153] Như đã chỉ ra trong Chương 3, Do Thái giáo biến thành tôn giáo dành cho người biết đọc, biết viết là do một sự kiện đến từ bên ngoài (việc phá hủy Đền Thờ thứ hai) phá sập một trụ cột của Do Thái giáo (Đền Thờ), biến trụ cột kia (kinh Torah thành văn và kinh Torah truyền khẩu) thành trụ cột duy nhất còn sót lại của việc thực hành tôn giáo. Ban lãnh đạo tôn giáo mới của người Do Thái nằm trong tay các học giả Pharisee và các giáo sỹ đã biến việc đọc và nghiên cứu kinh Torah thành quy định chính để gia nhập câu lạc bộ của họ. Liệu họ làm việc đó là vì lý do tôn giáo thuần túy hay vì động cơ kinh tế (là giáo viên dạy bọn trẻ họ có thể kiếm được thu nhập) không liên quan đến luận cứ của chúng tôi. Điều quan trọng là Do Thái giáo đã chuyển thành một thứ tôn giáo dành cho người biết đọc, biết viết. Câu hỏi mà chúng tôi tìm cách trả

https://thuviensach.vn

lời là sự chuyển biến này ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống của hàng triệu nông dân Do Thái sống ở Xứ Israel và ở các nơi khác.

https://thuviensach.vn

TÍNH HỖN TẠP VÀ CÁC LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI DO THÁI KHOẢNG NĂM 200

Mỗi người có sở thích, nguyện vọng, kỳ vọng, niềm tin và giá trị khác nhau. Mỗi người cũng có khả năng, tính khí, thu nhập, mức độ giàu có khác nhau. Trong suốt cuộc đời, mỗi người cũng trải qua những cú sốc khác nhau (chiến tranh, hạn hán, lũ lụt, nạn đói, dịch bệnh). Theo ngôn ngữ của kinh tế học, khác biệt về sở thích, tôn giáo, đất đai, vốn liếng ban đầu, sinh suất, tử suất, năng suất, thu nhập, thuế khóa, vận may, tất cả đều được gói gọn trong chữ "tính hỗn tạp". Tính hỗn tạp trong đặc điểm của dân cư có nghĩa là trong cùng một môi trường, những người khác nhau sẽ có các lựa chọn khác nhau.

Muốn biết tính hỗn tạp giúp giải thích lịch sử người Do Thái trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất như thế nào, hãy xem xét một ngôi làng giả định ở Galilee vào khoảng năm 200. Một cư dân, tên Simeon, là một nông dân giàu có và một người Do Thái mộ đạo.[154] Ông dành thời gian trong giáo đường địa phương, nơi tuần nào ông cũng nghe giáo sỹ đọc và thảo luận một đoạn kinh Torah. Với hy vọng rằng ba người con trai thông minh, chăm chỉ của mình sẽ học và nghiên cứu kinh Torah và tuân theo mọi điều luật Do Thái giáo, ông cho chúng tới trường tiểu học trong giáo đường chứ không bắt chúng đi làm trong trang trại của mình. Simeon chưa bao giờ có ý nghĩ sẽ chọn một tôn giáo khác vì nếu theo đạo Samaritan hay Cơ đốc giáo thì các con ông sẽ không học và không nghiên cứu kinh Torah, điều đó sẽ làm ông không vui.

Một nông dân khác, Reuven, làm thuê trong trang trại của Simeon, kiếm được 26 đồng denarius một tháng.[155] Ông chi khoảng 24 đồng cho thực phẩm và nhà ở cho gia đình. Con trai ông sẽ kiếm được 8 đồng mỗi tháng nếu nó đi làm. Với thu nhập ít ỏi này, Reuven không đủ tiền cho con đi học: một quyển sách có giá 200 đồng, học phí thì đắt đỏ. Reuven cũng sẽ mất số tiền mà con trai mình có thể kiếm được. Người có học gọi Reuven là vô học (*am ha-aretz le-Torah*) và nói với ông ta rằng theo quy định của đại giáo sỹ Judah haNasi, họ sẽ không bao giờ gả con gái của mình cho đứa con trai thất học của một người đàn ông thất học. Mặc dù vậy, Reuven không bao giờ rời

https://thuviensach.vn

bỏ Do Thái giáo vì họ hàng, bạn bè ông sẽ không nói chuyện với ông nữa hoặc sẽ không giúp nếu ông mất việc làm.

Gần trang trại của Simeon là đất của một địa chủ giàu có khác, tên là Elisha, ông này thuê rất nhiều lao động nông nghiệp. Elisha thấy những buổi thảo luận của các học giả trong giáo đường tẻ ngắt, ông muốn dành thời gian trong nhà tắm tuyệt đẹp do người La Mã xây dựng ở thị trấn Beth Shean gần đó. Ông hy vọng hai đứa con trai của mình sẽ làm việc trong trang trại của ông chứ không mất thời gian trong giáo đường. Ông không hiểu tại sao vị giáo sỹ cứ khăng khăng nói rằng tất cả trẻ em trong làng đều phải học đọc và phải nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew, một thứ ngôn ngữ vô tích sự trong cuộc sống thường nhật vì hầu hết mọi người đều nói tiếng Hy Lạp hay tiếng Aram. Kể cả nếu dân làng ông có thể đọc sách bằng tiếng Hebrew hay bất cứ ngôn ngữ nào khác thì họ cũng không trở thành nông dân giỏi hơn, không kiếm được nhiều tiền hơn. Elisha đang cân nhắc liệu có nên rời bỏ Do Thái giáo hay vẫn cứ là người Do Thái nhưng phớt lờ hầu hết các quy định của Do Thái giáo.

Ven rìa làng là nhà của hai anh em Eliezer và Thryphon. Hai người này có một mảnh đất nhỏ. Mỗi người đều có một đứa con trai rất ham học và thích được đến trường. Tuy không biết chữ nhưng Eliezer cố gắng tới giáo đường bất cứ khi nào có thể vì ông rất thích nghe giáo sỹ giảng kinh Torah. Một nửa số thu nhập ít ỏi của ông thường được dành để mua thực phẩm, khoảng một phần ba dùng để đóng thuế đất hàng năm.[156] Mặc dù thu nhập ít ỏi, nhưng vẫn ông cố gắng cho đứa con trai 6 tuổi của mình đi học. Để được chứng kiến con trai đọc và nghiên cứu kinh Torah trong giáo đường trước toàn thể cộng đồng trong dịp lễ Sabbath thì cũng đáng để ông bỏ tiền ra cho con đi học. Eliezer tự hào là một người Do Thái mộ đạo và sẽ không bao giờ từ bỏ tôn giáo của mình.

Người anh trai của Eliezer, Thryphon, không thích đọc kinh Torah nơi công cộng và cũng không muốn cho con trai đi học. Ông rất ghét bị giáo sỹ và những người biết chữ khác trong làng gọi là *vô học*. Ông đang cân nhắc

https://thuviensach.vn

việc tham gia giáo phái Ebionim vốn đối xử tốt với người nghèo, người mù chữ và không yêu cầu các ông bố phải giáo dục con cái.[157]

Tại sao Simeon, một người nông dân Do Thái giàu có, lại quyết định đầu tư cho việc học chữ của con trai mình trong khi Elisha giàu có thì lại không? Tại sao Eliezer, một nông dân nghèo, làm mọi thứ có thể để cho con đi học trong khi Reuven và Thryphon, cũng nghèo như vậy, lại không đầu tư cho việc học của con trai họ? Tại sao Elisha và Thryphon cân nhắc việc cải sang tôn giáo khác trong khi Simeon, Reuven và Eliezer lại không? Khái niệm tính hỗn tạp giúp giải thích những lựa chọn khác nhau của các nông dân Do Thái trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất.

https://thuviensach.vn

LÝ THUYẾT KINH TẾ: THIẾT LẬP CƠ BẢN

Cách các nhà kinh tế học lập luận khi họ trình bày mô hình giải thích việc cá nhân đưa ra lựa chọn tương tự như cách nghĩ và cách lập luận "điều-gì-sẽ-xảy-ra-nếu" thường thấy trong các cuộc bàn bạc và tranh luận trong kinh Mishna và Talmud. Với bất cứ khả năng nào có thể xảy ra trong một tình huống cụ thể của cuộc sống hàng ngày, thì các vị giáo sỹ và học giả trong các học viện ở Xứ Israel và Lưỡng Hà (Mesopotamia) cũng đều đã tranh luận về ưu và nhược điểm của các lựa chọn, cũng đều đã phân tích điều gì vừa xảy ra hay điều gì có thể xảy ra nếu một sự kiện nào đó diễn ra. Tương tự như vậy, khi các nhà kinh tế học trình bày mô hình giải thích quyết định của các cá nhân thì họ cũng đưa ra giả định về sở thích, tay nghề, thu nhập, môi trường kinh tế của những cá nhân đó rồi đặt câu hỏi "điều gì" sẽ xảy ra "nếu" giả định của họ là đúng.

Các nhà kinh tế học giả định rằng khi tiến hành lựa chọn, cá nhân cũng so sánh lợi ích và chi phí của các giải pháp khác nhau với mục đích là chọn ra giải pháp mang tính thỏa dụng cao nhất.[158] Một người nông dân Do Thái (tức một người nông dân đánh đồng mình với Do Thái giáo) sống ở một ngôi làng ở Galilee khoảng năm 200 phải thực hiện hai lựa chọn chính. Thứ nhất, anh ta phải quyết định nên cho con trai mình đi làm hay cho đi học (tới giáo đường) để học đọc và nghiên cứu kinh Torah. Thứ hai, anh ta phải chọn ở lại với Do Thái giáo hay cải đạo để trở thành người Samaritan, người Cơ đốc giáo hoặc người đa thần giáo. Chúng tôi xin bắt đầu bằng cách mô tả lợi ích và chi phí liên quan đến lựa chọn thứ nhất.

Cả người Do Thái và người không phải Do Thái đều tìm thỏa dụng qua việc tiêu thụ. Người Do Thái khác với người không phải Do Thái ở một khía cạnh chính: họ còn tìm thỏa dụng qua việc biết đọc và nghiên cứu kinh Torah, qua việc có những người con trai biết chữ, có thể đọc và nghiên cứu kinh Torah.[159] Như đã mô tả ở trên, con người thể hiện tính hỗn tạp theo nhiều chiều khác nhau, trong đó cả sự sùng đạo của họ (tức sự gắn kết các quy định do tôn giáo họ đặt ra). Tùy vào việc liệu nông dân Do Thái có (hay không có) sự gắn kết chặt chẽ với Do Thái giáo, anh ta có thể có được thỏa

https://thuviensach.vn

dụng nhiều hơn hay ít hơn qua việc biết đọc và nghiên cứu kinh Torah, qua việc con trai anh ta biết chữ, biết đọc và nghiên cứu kinh Torah vì nhiều lý do khác nhau.[160] Khi được giáo dục tôn giáo, trẻ em học các điều luật Do Thái giáo và chắc chắn sẽ tuân thủ luật tốt hơn, điều này khiến bố mẹ chúng hạnh phúc. Khi lớn lên, các cậu con trai có thể đứng trước đám đông trong giáo đường để đọc kinh Torah mỗi tuần, làm cho cha mẹ chúng cảm thấy tự hào.

Chọn lựa tôn giáo có thể được truyền từ cha mẹ sang con cái, và cha mẹ thường áp đặt chọn lựa tôn giáo của mình cho các con. Tương tự như vậy, lòng mộ đạo trong một giáo phái có thể truyền từ cha mẹ sang con cái. Điều này có nghĩa là con một ông bố Do Thái thừa hưởng sự gắn kết tích cực với quy định tôn giáo về việc tiếp nhận giáo dục tôn giáo và học đọc, qua việc nghiên cứu kinh Torah; với tính hỗn tạp thì mức độ gắn kết/mộ đạo này ở mỗi cá nhân khác nhau là khác nhau. Con một ông bố theo đạo Samaritan, Cơ đốc giáo hay đa thần giáo không thừa hưởng bất cứ gắn kết nào đối với quy định của đạo Do Thái về giáo dục vì những tôn giáo trên không áp đặt quy định này đối với tín đồ của mình. Bằng cách tuân thủ quy định tôn giáo và giáo dục con mình, người nông dân Do Thái có thêm lợi ích: ông không bị cộng đồng Do Thái áp dụng những biện trừng phạt đối với người vô học (*ammei ha-aretz*).[161]

Để học đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew, các cậu bé cần phải được đưa tới trường tiểu học (thường nằm trong hoặc ngay sát giáo đường), một việc khá tốn kém. Với cách tổ chức hoạt động trồng trọt và chăn nuôi trong thiên niên kỷ thứ nhất, người nông dân Do Thái không thu được lợi ích kinh tế gì từ việc cho con trai đi học, cho chúng học đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew. Nông dân cần con cái có sức khỏe để làm việc đồng áng.[162] Có con trai biết chữ không làm cho người nông dân có năng suất cao hơn hay giàu có hơn.

Người nông dân Do Thái kiếm thu nhập hàng năm từ hoạt động nông nghiệp. Nếu anh ta sở hữu và điều hành trang trại thì thu nhập là lợi nhuận (tổng thu trừ chi phí). Nếu không sở hữu trang trại thì anh ta có thể làm thuê

https://thuviensach.vn

cho địa chủ, lĩnh canh, thuê ruộng để cày cấy, thu nhập lúc này phụ thuộc vào loại hợp đồng mà anh ta kí kết.[163]

Người nông dân Do Thái mua thực phẩm, quần áo cho gia đình, đóng thuế bằng thu nhập của mình. Nếu quyết định cho con đi học thì anh ta phải chịu những chi phí phát sinh. Anh ta phải trả tiền mua sách vở, phải đóng góp tiền để trả lương cho giáo viên, cho việc bảo dưỡng giáo đường là nơi thường diễn ra các hoạt động của nhà trường. Ở những cộng đồng nhỏ, những chi phí này có thể là gánh nặng đối với các chủ hộ. Do khả năng cũng như tính khí của các cá nhân khác nhau cho nên chi phí giáo dục con cái có thể giảm nhờ vào khả năng và sự cần cù của anh ta. Chi phí cho giáo dục con cái cũng bao gồm cả thu nhập phải hy sinh, do con anh ta có thể kiếm được từ việc đi làm đồng thay vì tới trường học – điều này các nhà kinh tế học gọi là "chi phí cơ hội". Kể cả nếu giáo dục miễn phí (chẳng hạn nhà nước cung cấp sách vở, thanh toán toàn bộ học phí) thì chi phí cơ hội của việc đi học vẫn khiến cho việc giáo dục con cái trở thành một gánh nặng đối với người nông dân, nhất là người nghèo và người có thu nhập trung bình. (Thậm chí ngày nay, nhiều nông dân ở các nước đang phát triển, nơi có giáo dục tiểu học phổ cập miễn phí, cũng không cho con đi học để chúng có thể ở nhà giúp việc đồng áng).[164]

Tiếp theo, hãy xem xét lợi ích và chi phí liên quan đến lựa chọn thứ hai của người nông dân Do Thái: ở lại với Do Thái giáo hay cải sang tôn giáo khác. Nông dân Do Thái có thể không cần tuân theo các quy định của Do Thái giáo, trong đó có quy định phải giáo dục con cái, bằng cách cải sang đạo khác. Làm như vậy anh ta sẽ không mất chi phí giáo dục con cái hay phải gánh chịu hình phạt xã hội đối với người vô học. Tuy nhiên, nếu cải đạo, anh ta có thể phải chịu những mất mát về mặt tinh thần hay tiền bạc, trong đó có cả việc mất sự ủng hộ của bạn bè và họ hàng Do Thái của mình. Chúng tôi gọi những chi phí này là "chi phí cải đạo".

Gia nhập tôn giáo thường đòi hỏi một số chi phí nhất định, giống như khi tham gia một câu lạc bộ hay mạng lưới; các tôn giáo khác nhau có thể yêu cầu tín đồ tuân thủ các nghi lễ và những quy định khác nhau như là một cách

https://thuviensach.vn

báo hiệu rằng tôi là thành viên của câu lạc bộ này.[165] Đầu tư cho học chữ và giáo dục theo quy định của Do Thái giáo rất tốn kém đối với các cá nhân, hộ gia đình sống trong các nền kinh tế nông nghiệp, nơi biết chữ không mang lại lợi lộc kinh tế gì. Như vậy, quyết định đầu tư cho con trai học chữ và quyết định ở lại hay gia nhập một tôn giáo khác có liên quan với nhau.

https://thuviensach.vn

LÝ THUYẾT KINH TẾ: NHỮNG DỰ ĐOÁN

Đầu tiên chúng tôi xem xét quyết định đầu tư hay không đầu tư cho việc giáo dục con cái. Do sở thích, lòng mộ đạo, thu nhập, chi phí giáo dục con cái khác nhau nên lý thuyết của chúng tôi dự đoán có một số nông dân Do Thái không cho con đi học ở giáo đường vì đối với họ, chi phí biên tế cho con đi học vượt xa lợi ích biên tế mà nó mang lại. Cụ thể là, nông dân ít gắn bó với Do Thái giáo sẽ có ít động cơ đầu tư cho việc học của con trai họ. Nông dân có thu nhập thấp hoặc chi nhiều hơn cho việc học của con (ví dụ như nông dân có con học không phải là người học nhanh hoặc không ham học; nông dân sống ở các cộng đồng nhỏ nên phải góp tiền trả lương giáo viên nhiều hơn) sẽ đầu tư ít hơn cho việc học của con, đến một lúc nào đó họ sẽ không giáo dục con cái nữa. Theo cách này, họ sẽ tiết kiệm chi phí với mục đích mang lại mức độ học vấn cơ bản (tối thiểu). Không tính tới tính hỗn tạp, trong tình hình kinh tế xấu (như một trận hạn hán hoặc chiến tranh gây ra một cú sốc tiêu cực cho toàn bộ cộng đồng), sẽ có ít nông dân đầu tư cho việc học của con hơn.

Tiếp theo, chúng tôi xem xét quyết định cải đạo. Người nông dân Do Thái cải sang đạo khác nếu thỏa dụng của việc ở lại Do Thái giáo thấp hơn thỏa dụng của việc gia nhập đạo Samaritan, Cơ đốc giáo hay đa thần giáo. Người nông dân Do Thái cho con đi học có ít động cơ cải đạo hơn vì các tôn giáo khác gán cho học vấn tôn giáo của con họ một giá trị bằng không. Người nông dân Do Thái không cho con đi học có thể bỏ hoặc không bỏ Do Thái giáo. Người nông dân có chi phí cải đạo cao hơn hình phạt xã hội mà cộng đồng Do Thái dành cho người vô học chắc chắn sẽ ở lại với tôn giáo của mình (đây là những người *ammei ha-aretz*). Ngược lại, nông dân có chi phí cải đạo thấp hơn hình phạt xã hội chắc chắn sẽ rời bỏ Do Thái giáo để gia nhập một tôn giáo khác có ít quy định bắt buộc hơn.

Dự đoán chính trong lý thuyết của chúng tôi liên quan đến việc cải đạo là trong xã hội nông nghiệp, nơi biết chữ mang lại rất ít hoặc không mang lại lợi ích kinh tế gì thì với tính hỗn tạp, trong mỗi cộng đồng Do Thái có một tỷ lệ nhất định người cải đạo. Nếu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp – nghĩa là

https://thuviensach.vn

đầu tư cho việc học chữ, cho giáo dục không đem lại hiệu quả kinh tế trực tiếp – thì quy mô dân số Do Thái sẽ ngày càng nhỏ đi.

Động lực của quá trình cải đạo mà lý thuyết của chúng tôi dự đoán là gì? Thứ nhất, vì ban đầu tỷ lệ người Do Thái không biết đọc, biết viết hoặc ít tuân thủ quy định tôn giáo mới là cao nên tỷ lệ cải đạo tuyệt đối và tương đối cũng cao. Cùng với thời gian, tỷ lệ người Do Thái biết đọc, biết viết tăng. Tỷ lệ cải đạo vì thế giảm, nhưng khi sự cách biệt trong tính cách cá nhân đủ lớn thì những vụ cải đạo sẽ tiếp diễn.

Thứ hai, mỗi khi có một cú sốc tổng hợp (lớn), ảnh hưởng tiêu cực tới thu nhập của mọi người thì tỷ lệ cải đạo tăng vì chi phí biên tế của việc cho con đi học tăng so với lợi ích biên tế mà nó mang lại. Sẽ có nhiều nông dân không cho con đi học hơn và họ sẽ cải sang các tôn giáo không áp đặt quy định tốn kém này. Quá trình này có tác động đối với thế hệ tiếp theo, khi có nhiều người Do Thái mù chữ và cải đạo hơn. Do đó về lâu dài, Do Thái giáo không tồn tại nổi trong các nền kinh tế nông nghiệp phải chịu những cú sốc mang tính tiêu cực lớn, nơi mà đầu tư cho việc học chữ nói chung và giáo dục tôn giáo nói riêng không mang lại lợi ích kinh tế.

Thế còn nông dân không phải người Do Thái thì sao? Lý thuyết của chúng tôi dự đoán rằng nông dân Cơ đốc giáo, Samaritan, đa thần giáo sẽ không cho con đi học vì đầu tư cho việc học hành rất tốn kém, không mang lại lợi ích kinh tế mà cũng chẳng mang lại sự hài lòng hay tự hào gì cho những người theo những tôn giáo này. Hơn nữa, nông dân theo các tôn giáo khác sẽ không cải sang Do Thái giáo vì là người không biết đọc, biết viết, không cho con đi học, họ sẽ phải chịu hình phạt xã hội của các cộng đồng Do Thái đối với người mù chữ, họ sẽ chẳng thu được lợi ích gì từ việc trở thành viên “câu lạc bộ” Do Thái.

https://thuviensach.vn

CUỘC SỐNG Ở MỘT NGÔI LÀNG Ở GALILEE KHOẢNG NĂM 200 QUA LĂNG KÍNH LÝ THUYẾT NÀY

Bây giờ chúng tôi quay trở lại ngôi làng giả định ở Galilee khoảng năm 200 khi giáo sỹ Judah haNasi đang soạn bộ kinh Mishna, để xem xem lý thuyết kinh tế giúp giải thích lựa chọn của Simeon, Reuven, Elisha, Eliezer, Thryphon như thế nào. Simeon rất mộ đạo – anh ta có được thỏa dụng cao từ việc đọc và nghiên cứu kinh Torah, có con trai biết đọc và nghiên cứu kinh Torah – đến mức anh quyết định cho con đi học. Anh không muốn cải đạo vì làm theo các quy định của Do Thái giáo trong đó có quy định bắt anh cho con đi học mang lại cho anh mức độ thỏa dụng cao.

Reuven không cho con đi học vì chi phí bổ sung (biên tế) của việc cho con đi học cao hơn lợi ích bổ sung (biên tế) mà nó mang lại, đấy là xét theo thu nhập ít ỏi của anh. Vì anh quyết định không cho con đi học nên phải chịu hình phạt xã hội của cộng đồng Do Thái đối với người vô học (*ammei ha-aretz*). Anh vẫn quyết định không cải đạo vì chi phí cải đạo cao hơn hình phạt xã hội đối với việc không cho con đi học.

Elisha giàu có, chắc chắn đủ điều kiện cho các con đi học. Tuy nhiên, anh ta lại không mộ đạo lắm, do đó đọc và nghiên cứu kinh Torah hay có con biết đọc và nghiên cứu kinh Torah gần như không mang lại cho anh thỏa dụng nào. Vì vậy anh quyết định không cho con đi học. Với hình phạt xã hội và chi phí cải đạo dành cho anh là tương đương nhau, anh đang cân nhắc xem có nên cải đạo hay không.

Tuy chu cấp cho việc học của con là gánh nặng đối với Eliezer nghèo túng, nhưng anh sùng đạo đến mức sẵn sàng chi tiền. Do đó, anh quyết định cho con đi học. Với quyết định này, anh không phải chịu hình phạt xã hội dành cho người *ammei ha-aretz* nên vẫn ở lại Do Thái giáo chứ không cải đạo.

Anh trai Eliezer là Thryphon cũng nghèo như vậy nhưng không sùng đạo lắm nên quyết định không cho con đi học. Với quyết định này, anh ta phải chịu hình phạt xã hội đối với người mù chữ không cho con đi học. Vì với anh, hình phạt lớn hơn chi phí cải đạo nên anh cân nhắc khả năng bỏ Do

https://thuviensach.vn

Thái giáo và gia nhập Ebionim (một giáo phái Do Thái – Cơ đốc giáo) nơi anh sẽ không bị coi khinh vì mù chữ và vì không cho con đi học.

Qua lăng kính của lý thuyết kinh tế, có thể lý giải hành vi của những người nông dân Do Thái nói trên trong chuyến hành trình giả định ngược thời gian này. Nhưng bằng chứng lịch sử thì sao? Liệu bằng chứng lịch sử có ủng hộ những dự báo chính trong lý thuyết của chúng tôi về việc cho con đi học và cải đạo không? Có phải chỉ có một tỷ lệ nhỏ người Do Thái đầu tư cho việc học của con hay không? Tỷ lệ này có tăng theo thời gian không? Nông dân Do Thái có cải sang các tôn giáo khác không? Dân số Do Thái có giảm không? Nếu đúng vậy thì giáo sỹ Judah haNasi và các học giả đồng môn của ông sẽ không thể dự báo được kết cục này, sẽ lo lắng rằng Do Thái giáo sẽ biến mất do hiện tượng cải đạo nếu các quy định của Do Thái giáo, trong đó có cả quy định tốn kém, bắt các ông bố phải cho con đi học được thực thi nghiêm chỉnh? Trong các thế kỷ sau người không phải Do Thái có trở thành người Do Thái hay không? Có phải người Do Thái vẫn chủ yếu làm nông nghiệp, mặc dù họ biết đọc, biết viết? Điều gì sẽ xảy ra nếu đột nhiên nền kinh tế biến thành kinh tế thành thị, nhu cầu đối với công việc đòi hỏi người lao động phải biết đọc, biết viết và có tay nghề, gia tăng mạnh mẽ? Đây là những điều chúng tôi sẽ thảo luận chi tiết trong hai chương tới.

https://thuviensach.vn

PHỤ CHƯƠNG 4.A:
MÔ HÌNH GIÁO DỤC CHÍNH QUI VÀ HIỆN TƯỢNG CẢI ĐẠO TRONG NÔNG DÂN

Chúng tôi giả định rằng cho tới năm 200 – tức là trước cuộc cải cách giáo dục của Do Thái giáo – cả người Do Thái lẫn người không phải Do Thái có được thỏa dụng chỉ bằng cách tiêu thụ vì không có tôn giáo nào đòi hỏi họ phải biết đọc, biết viết. Vì mục đích tranh luận, chúng tôi giả định rằng người Do Thái và người không phải Do Thái có cùng trình độ học vấn và thu nhập.

Chúng tôi mô hình hóa quá trình chuyển hóa đạo Do Thái với giả định rằng người nông dân Do Thái có được thỏa dụng nhờ họ và con trai họ biết đọc, biết viết tiếng Hebrew. Do đó, sau năm 200, người Do Thái nhận thông số sở thích ngoại sinh (chỉ số gắn bó) $x > 0$, tức là thông số đo giá trị của việc là thành viên của đạo Do Thái của người "biết chữ" trong hàm thỏa dụng, tương tác với trình độ học vấn của gia đình. Thông số sở thích được đặt bằng 0 cho cá nhân có bố không phải là người Do Thái (sinh ra trong gia đình không phải là người Do Thái hoặc đã cải đạo).

Thiết lập cơ bản là mô hình chồng lấn thế hệ hai thời kỳ không có tăng dân số.[166] Giả định cá nhân sống trong hai thời kỳ. Thời kỳ đầu, anh ta sống với (và có lẽ làm việc cho) gia đình mình, có giáo dục tôn giáo là es. Thời kỳ sau, anh ta trưởng thành có trình độ giáo dục *e*, là người quyết định giữ nguyên tôn giáo hay cải đạo *r* (*j* = người Do Thái, *n* = không phải người Do Thái), quyết định có nên cho con đi học không và nếu cho đi học thì cho học đến đâu.

Tương tự như Iannaccone (1992), chúng tôi giả định rằng thỏa dụng đến từ việc tiêu dùng và tham gia tôn giáo.[167] Thỏa dụng của người trưởng thành có cấu trúc đơn giản như sau:

https://thuviensach.vn

$$u^{j}(c, e_s; e, x) = \log c + x(e+1)e_s - \varepsilon h \quad (4.1)$$

$$u^{jn}(c, e_s; e, x) = \log c - \pi x \quad (4.2)$$

$$u^{n}(c, e_s; e, x) = \log c \quad (4.3)$$

trong đó c là tiêu dùng của gia đình, uj là thỏa dụng của cá nhân một người Do Thái, ujn là thỏa dụng của một người Do Thái cải sang đạo khác, un là thỏa dụng của người không phải người Do Thái. Trong phương trình 4.1, thỏa dụng của việc là người Do Thái tăng theo trình độ học vấn của anh ta và con anh ta. (Chỉ định của chúng tôi ngụ ý là nếu es = 0 thì cá nhân không thu được khả dụng từ việc là người Do Thái. Đây là phiên bản cực đoan của mô hình nhưng nó mô tả tầm quan trọng tột bậc của việc giáo dục con cái trong Do Thái giáo sau cải cách giáo dục.) Tương tác giữa thông số sở thích *x* với trình độ học vấn trong gia đình là cách chúng tôi mô tả sự chuyển hóa của Do Thái giáo từ một tôn giáo dựa trên lễ hiến sinh thành một tôn giáo lấy giáo dục làm cốt lõi. Số hạng *εh* mô tả sự phát triển của Do Thái giáo về sau (đầu thế kỷ 3), dưới sự lãnh đạo của giáo sỹ và học giả, đã áp đặt hình phạt xã hội đối với người Do Thái không biết chữ. Chúng tôi đặt *h = 1* nếu một ông bố Do Thái quyết định không đầu tư cho việc học của con (tức là nếu anh ta là *am ha-aretz*), *h = 0* nếu ngược lại. Hình phạt cộng đồng đối với người Do Thái không biết chữ được diễn đạt bằng ε > 0.[168]

Học vấn không tham gia vào hàm thỏa dụng của những người Do Thái cải đạo (phương trình 4.2) hay của người không phải người Do Thái (phương trình 4.3). Giả định này mô phỏng thực tế ở thiên niên kỷ thứ nhất, không có tôn giáo nào, trừ Do Thái giáo, gán trị số dương cho trình độ học vấn của các tín đồ của mình. Số hạng *πx* thể hiện tính bất thỏa dụng do cải đạo *(π ≥ 0)*.[169] Việc một người không phải người Do Thái cải đạo sang Do Thái giáo được giả định có chi phí bằng không.[170]

https://thuviensach.vn

Người Do Thái tuân thủ quy định tôn giáo về việc giáo dục con cái phải cung cấp cho con mình ít nhất một trình độ học vấn tối thiểu (emin > 0) trong đó trình độ tối thiểu biểu thị khả năng đọc và nghiên cứu kinh Torah. Nếu 0 < e < emin thì trình độ học vấn bằng 0. Chúng tôi tiêu chuẩn hóa emin = 1 mà không mất đi tính tổng quát.

Chi phí đầu tư cho việc học (tôn giáo) của con cái tính bằng γ(es)θ trong đó γ > 0, θ> 1. Chi phí cung cấp trình độ học vấn tối thiểu bằng y có thể được hiểu là lương giáo viên, tiền mua sách vở và các chi phí liên quan. Có thể y giảm theo quy mô cộng đồng Do Thái vì mỗi gia đình sẽ đóng góp một phần nhỏ hơn cho việc trả lương giáo viên. Từ quan điểm đứa trẻ đi học, y có thể được hiểu là năng lực nhận thức hay chuyên cần của trẻ (đứa trẻ có năng lực cao và/hoặc chuyên cần thì y nhỏ hơn), là thu nhập mất đi vì đứa trẻ phải đi học chứ không đi làm, và/hoặc chi phí thuê giáo viên dạy riêng. [171]

Hạn chế ngân sách của người nông dân là

$$c + \gamma(e_s)^{\theta} + \tau^{rF} \leq w^{F} \qquad (4.4)$$

trong đó τrF là thuế mà người nông dân theo tôn giáo *r* phải trả, wF là thu nhập của người nông dân đó. Với phương thức canh tác ở thiên niên kỷ thứ nhất (thậm chí cả phần lớn thiên niên kỷ thứ hai) thì biết đọc, biết viết không làm tăng năng suất, không làm tăng thu nhập của nông dân. Vì thế, giáo dục không ảnh hưởng tới thu nhập của nông dân; mô hình thể hiện đặc điểm của nền sản xuất nông nghiệp trong thiên niên kỷ thứ nhất bằng cách cho wF là ngoại sinh.

https://thuviensach.vn

Giáo dục

Từ phương trình 4.3, 4.4, lựa chọn tối ưu của người nông dân Do Thái là không cho con đi học $(e_s^* = 0)$ vì học vấn không mang lại lợi ích gì cho họ (cả trong thỏa dụng hay trong tiêu dùng). Để tìm trình độ học vấn tối ưu cho con nông dân Do Thái, chúng tôi để hạn chế ngân sách trong phương trình 4.4 đúng với đẳng thức. Mức tối ưu của es tính bằng $e^*_s = 0$ nếu

$$x(e+1) < \frac{\gamma^{\theta}}{w^F - \gamma - \tau^{jF}} \text{ và } x(e+1) < log\left[\frac{w^F - \tau^{jF}}{w^F - \gamma - \tau^{jF}}\right] - \varepsilon \quad (4.5)$$

Nếu phương trình 4.5 không có giá trị thì mức tối ưu của es tính bằng $e_s^* \geq 1$, là nghiệm của

$$x(e+1) = \frac{\gamma\theta(e_s)^{\theta-1}}{w_F - \gamma(e_s)^{\theta} - \tau^{jF}} \quad (4.6)$$

Bất đẳng thức thứ nhất trong phương trình 4.5 là kết quả của nghiệm góc tại es = 1. Bất đẳng thức thứ hai theo sau từ điều kiện thỏa dụng của một người Do Thái với es = 0 phải lớn hơn thỏa dụng của một người Do Thái với es = 1. (Mô hình có thể được đơn giản hóa bằng cách giả định rằng giáo dục dành cho nông dân là lựa chọn tách bạch hoặc bằng 0 hoặc bằng 1. Mức tối ưu của es tính bằng $e^*_s = 0$ nếu bất đẳng thức thứ hai trong phương trình 4.5 có giá trị và tất cả các tác động đã được thảo luận trước đây có giá trị. Chúng tôi thích mô phỏng giáo dục như một biến liên tục hơn chủ yếu là để tương thích với mô hình cho lái buôn Do Thái sẽ trình bày sau.)

Hai điều kiện này cho thấy tác động đối với việc giáo dục trẻ em có thể kiểm chứng được. Các ông bố Do Thái sẽ không đầu tư cho việc học của con nếu chi phí biên tế cho giáo dục cơ bản (γθ) lớn và/hoặc mức tiêu thụ

https://thuviensach.vn

gia đình (wF – γ – τrF) khi cung cấp trình độ học vấn tối thiểu (es = 1) thấp. Khi nào thì những điều kiện này xảy ra?

Ở cấp độ cộng đồng, γ là lớn khi cộng đồng Do Thái nhỏ. *γ* cũng lớn khi tình hình kinh tế của cộng đồng không tốt. Các cú sốc tiêu cực khiến thu nhập từ nông nghiệp (wF) giảm, dẫn đến giảm tiêu thụ gia đình xuống mức thấp làm cho họ không thể đầu tư cho việc học hành của con cái.

Ở cấp độ cá nhân, những gia đình có con dốt nát, không thích học (*γ* lớn) hay gia đình có chi phí cơ hội cao khi cho con đi học thay vì đi làm (lại *γ* lớn) sẽ ít có khả năng đầu tư vào việc học của con hơn. Các ông bố có mức độ gắn kết Do Thái giáo thấp (*x* thấp), trình độ học vấn thấp (*e* thấp) cũng sẽ ít có khả năng đầu tư vào việc học của con hơn.

https://thuviensach.vn

Cải đạo

Cải đạo xảy ra có thể do nhiều yếu tố như mô phỏng của chúng tôi dưới đây. Nông dân Do Thái cải đạo nếu thỏa dụng với tư cách người Do Thái thấp hơn thỏa dụng với tư cách một người cải đạo – tức là, nếu

$$u^{j}(c, e_s^*; e, x) < u^{jn}(c, e_s^*; e, x) \quad (4.7)$$

hay

$$\log(w^F - \gamma(e_s^*)^{\theta} - \tau^{jF}) + x(e+1)e_s^* - \varepsilon h < log(w^F - \tau^{nF}) - \pi x, \quad (4.8)$$

trong đó thỏa dụng của nông dân Do Thái được đánh giá ở mức tối ưu học vấn của con anh ta e_s^* như đã thảo luận ở trên. Giả sử τjF = τnF. Vậy có ba trường hợp xảy ra:

- Nông dân Do Thái với thông số (wF, *γ*, *θ*, *x*) ở mức khiến họ cho con đi học ($e_s^* \geq 1$) không cải đạo kể cả nếu *π* = *0* vì $u^{j}(c, e_s^* \geq 1; e, x) > u^{jn}(c, e_s^* = 0; e, x)$
- Nông dân Do Thái với thông số (wF, *γ*, *θ*, *x*) ở mức khiến họ không cho con đi học ($e^*_s = 0$) cải đạo nếu *0*≤*πx*≤*ε*.
- Nông dân Do Thái với thông số (wF,*γ*, *θ*, *x*) ở mức khiến họ không cho con đi học ($e^*_s = 0$) không cải đạo nếu *πx* > *ε*.

Khác biệt giữa các cá nhân *(x, e, y)* khác nhau trong mỗi nhóm cũng như tình hình kinh tế gộp thay đổi theo thời gian (thay đổi trong wF,τrF,*γ*) mang đến tác động có thể kiểm chứng đối với các trường hợp cải đạo. Thứ nhất, do khác biệt giữa các cá nhân cho nên tại một thời điểm nhất định, một sồ nông dân Do Thái cho con đi học và không cải đạo, một số không cho con đi học và không cải đạo, một số không cho con đi học và cải đạo. Điều này khiến dân số Do Thái giảm tại bất cứ thời kỳ nào. Tỷ lệ cải đạo nhiều hơn khi tình hình kinh tế ảm đạm (wF thấp, τrF cao) và khi quy mô cộng đồng nhỏ (*γ* cao).[172]

https://thuviensach.vn

Thứ hai, về lâu dài, Do Thái giáo không thể tồn tại trong một xã hội nông nghiệp tự cấp được vì dân số nông thôn Do Thái qua mỗi thế hệ lại giảm vì một số người cải đạo. Quá trình này có thể chấm dứt nếu nông dân Do Thái có thể di cư tới những nơi có kinh tế sáng sủa hơn hay có cộng đồng Do Thái lớn hơn, chi phí cho con đi học thấp hơn hay nơi có mức độ đô thị hóa cao, thương mại phát triển giúp nông dân Do Thái tìm được công việc đòi hỏi tay nghề cao, mang lại thu nhập bù đắp cho chi phí cho việc học hành của con cái.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 5.
NGƯỜI DO THÁI THỜI TALMUD, 200-650 SỐ ÍT ĐƯỢC LỰA CHỌN

> Theodotos, con trai Vettenos, tu sỹ và là người cai quản giáo đường, cho xây lại giáo đường để đọc Luật và nghiên cứu giới luật…
>
> —Bia của Theodotos, Jerusalem, khoảng năm 50
>
> Nhân danh giáo sỹ Hosea, người ta phán rằng trong mỗi giáo đường đều có một trường tiểu học và một trường học kinh Talmud.
>
> —Talmud của Xứ Israel, Megilla 3:1, 73-74

LIỆU QUY ĐỊNH CỦA TÔN GIÁO VỀ VIỆC ĐỌC VÀ NGHIÊN CỨU kinh Torah trong giáo đường có được thực thi trong các thế kỷ sau khi kinh Mishna được biên soạn hay không? Người Do Thái trên thế giới đã tiến hành phổ cập giáo dục tiểu học trước các dân tộc khác hàng thế kỷ? Dữ kiện lịch sử có ủng hộ cho dự đoán của chúng tôi rằng, do đầu tư cho giáo dục tôn giáo là một hy sinh to lớn trong các nền kinh tế nông nghiệp, nơi học vấn và giáo dục mang lại rất ít hoặc không mang lại lợi ích kinh tế gì cho nên có một số người Do Thái cải đạo, khiến dân số Do Thái giảm theo thời gian?

Chúng tôi xem xét liệu lý thuyết của chúng tôi có phù hợp với bằng chứng lịch sử hay không bằng cách nghiên cứu lịch sử người Do Thái thời Talmud và giai đoạn đầu thời Gaon mà các học giả xác định là nằm trong giai đoạn từ thế kỷ 3 đến giữa thế kỷ 7. Trong giai đoạn này, Xứ Israel giữ vai trò là trung tâm của các học viện, nhưng Mesopotamia nổi lên trong vai trò là trung tâm của đời sống tôn giáo và kinh tế Do Thái, và chẳng bao lâu sau đã làm lu mờ Xứ Israel.[173]

Chính trong bối cảnh tôn giáo và xã hội thời kỳ Talmud và Gaon này mà người Do Thái trên thế giới trở thành nhóm những người biết đọc, biết viết ("một ít kẻ được chọn"). Hậu quả không mong muốn của quy định tôn giáo, tức là yêu cầu các ông bố Do Thái phải đầu tư cho việc học của con thể hiện

https://thuviensach.vn

rõ trong các thế kỷ từ khi kinh Mishna được biên soạn cho tới khi Hồi giáo ra đời.

Bảng 5.1. Ước tính chi phí sinh hoạt ở Xứ Israel, Ai Cập và Mesopotamia, thế kỷ 1 – thế kỷ 3 (đơn vị tính: đồng denarius)

Mục ngân sách gia đình	Xứ Israel	Ai Cập	Mesopotamia
Lương tháng lao động nông nghiệp	24 - 48	4 - 32	72 - 96
Lương tháng lao động có tay nghề ở thành thị	48 - 72	6 - 40	—
Lương tháng trẻ em trai làm việc ở trang trại	—	2 - 10	—
Tiền bánh mỳ hàng tháng (gia đình 4 người)	10 - 20	5 - 10	—
Gia súc (bò, bò sữa)	100 - 200	15 - 100	—
Quần áo/áo choàng	30	—	—
Tiền thuê nhà hàng tháng	4	—	—
Sách	200	—	80 - 120

Nguồn: Sperber (1965, 1966).

Ghi chú: Dãy giá trị bao gồm các con số khác nhau được đề cập trong các nguồn tài liệu gốc cũng như tăng lương, tăng giá từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 3.

__ Không có dữ liệu.

https://thuviensach.vn

XÃ HỘI NÔNG NGHIỆP NGÀY CÀNG CÓ NHIỀU NGƯỜI BIẾT CHỮ

Khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, nông dân vốn chiếm đa số dân cư, hầu như đều là những người mù chữ. Nông dân theo đa thần giáo ở Tây Âu dưới thời La Mã, nông dân Cơ đốc giáo ở Judea, nông dân theo bái hỏa giáo (Zoroastrianism) ở Mesopotamia, nông dân Do Thái ở Galilee, ở Mesopotamia và Ai Cập có chung một đặc điểm: tất cả đều mù chữ.[174] Đối với hầu hết những người nông dân này, đầu tư cho việc học chữ của con trai là một sự hy sinh: cả chi phí trực tiếp (tiền mua sách vở, tiền lương giáo viên) lẫn chi phí cơ hội (thu nhập bị mất vì con đi học chứ không để chúng làm việc ở trang trại) rất cao so với thu nhập trung bình (Bảng 5.1).

Biết chữ không làm cho nông dân năng suất hơn hay giúp anh ta kiếm được nhiều tiền hơn. Hơn nữa, trong các nền kinh tế nông thôn nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất, có rất ít cơ hội cho người biết chữ làm nghề thủ công hay buôn bán. Do đó, với hầu hết các hộ gia đình kiếm sống bằng nghề nông thì "đầu tư" cho việc học hành của con cái chỉ là gánh nặng, không mang lại lợi ích kinh tế gì. Không có gì ngạc nhiên khi đại đa số nông dân – Do Thái lẫn không phải Do Thái – đều mù chữ giống như nông dân ở hầu hết các nước đang phát triển ngày nay, tức là những nước có nền kinh tế chủ yếu là kinh tế nông thôn và nông nghiệp.

https://thuviensach.vn

Cam kết giáo dục

Những ông thày (Tannaim) trong các học viện ở Xứ Israel trong hai thế kỷ đầu sau CN khuyến khích thành lập trường tiểu học. Nhưng, những cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã không tạo ra môi trường lý tưởng để quá trình này phát triển, cho tới tận cuối thế kỷ thứ hai mù chữ vẫn là hiện tượng phổ biến. Đầu thế kỷ thứ ba, giáo sỹ Judah haNasi cùng những học giả cộng sự của ông và những thế hệ giáo sỹ sau này trong các học viện ở Xứ Israel và Mesopotamia chuyển trọng tâm sang xây dựng hệ thống giáo dục tiểu học phổ cập có tổ chức (xem Chương 3).

Chúng tôi tập trung vào bằng chứng từ thế kỷ 3 đến đầu thế kỷ 7. Ba nguồn tư liệu độc lập – kinh Talmud, thư từ phúc đáp giai đoạn đầu Gaon và ghi chép khảo cổ học – chỉ rõ rằng một tỷ lệ lớn người Do Thái đầu tư cho việc học của con trai mình.[175] Bằng cách này, giáo dục tôn giáo và việc học chữ đã lan ra trong các cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel và những nơi có người Israel di cư sinh sống khác trên thế giới trong thời Talmud.

https://thuviensach.vn

BẰNG CHỨNG TỪ KINH TALMUD

Kinh Talmud gồm Mishna và Gemara (Gemara có các chú giải chủ yếu về Mishna, do các thế hệ học giả và giáo sỹ các học viện ở Xứ Israel và Mesopotamia viết).[176] Talmud của Xứ Israel (Talmud Yerushalmi) được thể chế hóa khoảng năm 350-400; Talmud của Babylon (Talmud Bavli) được thể chế hóa khoảng năm 450-550.[177] Talmud của Babylon – bao quát hơn Talmud của Xứ Israel – cuối cùng đã trở thành trụ cột của Do Thái giáo dòng giáo sỹ đối với người Do Thái trên toàn thế giới.

Ngày nay, mỗi bộ Talmud gồm nhiều tập viết bằng tiếng Hebrew và tiếng Aram. Tranh luận trong Talmud bắt đầu bằng một đoạn Mishna (tiếng Hebrew), tiếp đến là một đoạn Gemara (thường viết bằng tiếng Aram). Hai bên lề có chú giải của hầu hết các học giả ưu tú nhất của châu Âu thời Trung Cổ như Rashi và các giáo sỹ Tosafist,[178] cũng như trong một số bài viết, có chú giải của R. Hananel, một người viết chú giải ở Bắc Phi trong thời kì Hồi giáo.[179]

Việc biên soạn Mishna không ngăn cản các hoạt động tôn giáo, học thuật hay pháp lý của các học viện. Vì Mishna trở thành Luật Truyền Miệng chính thống nên hoạt động của nhóm Amora(các học giả kế nghiệp những ông thày (Tannaim) dành chủ yếu cho việc diễn giải bộ luật này. Nhóm Amora làm công việc diễn giải bộ luật ở các học viện (yeshivot) Caesarea, Sepphoris và Tiberias ở Xứ Israel, vá các học viện Nehardea, Sura, Pumbedita và các trung tâm học thuật khác ở Mesopotamia.[180]

Lúc này, các học viện không chỉ là trường học cao cấp, dành cho sinh viên xuất sắc mà còn là cơ quan lập pháp và tòa án tôn giáo để người dân thường có vấn đề liên quan đến bất cứ khía cạnh nào trong đời sống thường nhật đến để xin ý kiến hay phán quyết từ các học giả và các chức sắc tôn giáo. Các vấn đề hay câu hỏi họ đặt ra rất đa dạng, từ nông nghiệp, phân chia đất cát, phân chia thiệt hại, cho đến các vấn đề về gia đình (kết hôn, con cái, ly hôn, góa bụa, di chúc), ăn uống, vệ sinh, từ thiện hay lễ nghi tôn giáo. Các câu hỏi về giáo dục con cái, thực tế giáo dục nằm trong số những vấn đề quan trọng, thu hút sự chú ý của các học giả, được thảo luận ở các học viện.[181]

https://thuviensach.vn

Hai chức năng của học viện liên quan chặt chẽ với nhau. Mục đích chính của các bài giảng và những cuộc thảo luận của học giả là tìm ra phán quyết thích hợp trong Mishna để giải quyết những vấn đề của người dân, diễn giải những câu chữ, những phán quyết ngắn gọn, súc tích trong Mishna, tìm ra nguyên nhân, ngọn nguồn vấn đề, dung hòa mâu thuẫn bề ngoài, so sánh luật của học viện với luật của các bậc hiền nhân không có trong Mishna và áp dụng những quyết định và nguyên tắc lâu đời cho các trường hợp mới, vẫn chưa có chế tài.

Phần lớn Gemara bao gồm các phân tích pháp lý. Xuất phát điểm cho việc phân tích thường là một tuyên bố pháp lý trong Mishna. Tuyên bố này sau đó được phân tích và so sánh với các tuyên bố khác thường dưới dạng một cuộc tranh luận giữa hai người (thường ẩn danh, đôi khi ẩn dụ) gọi là *makshan* (người hỏi) và *tartzan* (người trả lời). Gemara cũng xác định cơ sở mang tính kinh thánh cho các luật trong Mishna và quy trình lôgic kết nối hai bộ luật với nhau.

Ví dụ, Mishna (Baba Batra 20b – 21a) cho thấy thông tin liên quan đến việc giáo dục trẻ em như sau:[182]

> Nếu một người muốn mở xưởng ở sân trong, hàng xóm có thể phản đối với lý do không thể ngủ được vì người ra vào ồn ào. Tuy nhiên, anh ta có thể làm hàng trong sân để mang ra chợ bán, khi đó hàng xóm không thể ngăn anh ta với lý do không ngủ được do tiếng quai búa, tiếng cối đá, tiếng trẻ em.

Về phán quyết này, Gemara (Talmud Babylon, Baba Batra 20b – 21a) nhận xét:[183]

> Tại sao quy định trong trường hợp thứ hai không giống trường hợp thứ nhất? Abaye [học giả Amora ở Babylon, thế kỷ 3-4] trả lời: Vế thứ hai hẳn phải nói đến người ở cái sân khác. Raba [học giả Amora ở Babylon, thế kỷ 3-4] nói với Abaye: Nếu thế thì Mishna phải nói là: "Ở sân khác có được phép không?"-Không, Raba nói: Mấy chữ cuối nói đến trẻ em ở trường học, từ thời quy định của Joshua ben Gamla… Từ

https://thuviensach.vn

khi Joshua ben Gamla tới và ra lệnh huyện nào, thị trấn nào cũng phải cử giáo viên dậy cho trẻ em, trẻ em 6-7 tuổi phải phải đi học.

Rab [học giả Amora ở Babylon, thế kỷ 2-3] nói với giáo sỹ Samuel ben Shilath [học giả Amora ở Babylon, nửa đầu thế kỷ 3]: Không nhận học sinh trước 6 tuổi; từ 6 tuổi giáo sỹ có thể nhận bọn trẻ, nhồi kinh Torah cho chúng như nhồi bò ấy… Raba nói tiếp: Số lượng học sinh giao cho một giáo viên là 25. Nếu có 50 học sinh, chúng ta chỉ định 2 giáo viên. Nếu có 40 học sinh, chúng ta chỉ định một trợ lý, chi phí thị trấn trả… Raba nói tiếp: Người dạy bọn trẻ, người trồng nho, người mổ thịt tế lễ, nhà luật học của thị trấn tất cả đều bị cho nghỉ ngay lập tức nếu làm việc không hiệu quả. Nguyên tắc chung là bất cứ ai phạm lỗi không thể sửa được sẽ bị cho nghỉ ngay lập tức.

Kinh Talmud không có những thảo luận về những vấn đề nặng tính lý thuyết hay những cuộc tranh luận thần học trừu tượng mà tập trung vào các vấn đề liên quan đến cuộc sống thường nhật, điều đó làm cho cuốn kinh này trở thành một nguồn thông tin quan trọng về đời sống của người Do Thái ở Xứ Israel và Mesopotamia nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất.[184] Talmud cung cấp bằng chứng rõ ràng về sự gia tăng số lượng sinh viên trong các học viện, về số lượng lớn các phán quyết chi tiết đối với việc cung cấp giáo dục, về việc lên lịch cho một sự kiện quan trọng trong đời sống tôn giáo Do Thái, gọi là *kallah* (được thảo luận dưới đây). Việc phát triển các học viện ở Mesopotamia được ghi lại trong nhiều đoạn Talmud gián tiếp gợi ý rằng có nhiều trẻ em Do Thái được đi học tiểu học hơn – một điều kiện tiên quyết để vào trường trung học rồi học viện.

Cả Talmud của Xứ Israel lẫn Talmud của Babylon chứa đầy những cuộc thảo luận và phán quyết liên quan tới trường học, giáo đường, học sinh, sách vở, nghĩa vụ và lương bổng của người thày, nghĩa vụ của cha mẹ trong việc chu cấp cho con cái học kinh Torah, nghĩa vụ học sinh đối với thày giáo. Những vấn đề này không thấy nói đến trong các nền văn minh nông thôn khác cùng thời kỳ.[185]

Bức tranh hiện ra từ số lượng những cuộc thảo luận và phán quyết khổng lồ này là bức tranh của một xã hội nông nghiệp đang tổ chức các công cụ

https://thuviensach.vn

kinh tế, pháp lý và xã hội nhằm thực thi sắc lệnh tôn giáo của Joshua ben Gamla và nhằm phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em trai Do Thái. Ví dụ, Talmud của Xứ Israel ghi rằng Hillel, con trai của Hillel Đệ tam và cháu trai của giáo sỹ Judah haNasi, tìm cách thiết lập một hệ thống giáo dục bất chấp những khó khăn tài chính thời đó. Để đạt được mục tiêu này, ông yêu cầu ba học giả lỗi lạc đi nhiều nơi và chỉ định thày giáo ở nhiều thị trấn và làng mạc.[186] Một số cuộc tranh luận và quyết định trong Talmud điều chỉnh việc tổ chức giáo dục tiểu học trên thực tế. Ví dụ, có một quyết định đề ra một loại thuế cộng đồng để giải quyết chuyện tiền lương cho người dạy kinh Torah và Mishna. Một quyết định khác yêu cầu người chưa kết hôn chưa có con sống ở thị trấn phải trả lương cho giáo viên. Một quyết định khác cho phép cộng đồng sa thải giáo viên nếu người này không làm theo yêu cầu cha mẹ học sinh.[187]

Cả hai phiên bản Talmud đều cho thấy cam kết của các cộng đồng Do Thái trong việc thi hành cải cách giáo dục. Tuy nhiên, các bậc hiền nhân của Xứ Israel có quan điểm khác với các bậc hiền nhân ở Mesopotamia. Talmud của Xứ Israel mô tả tổ chức cộng đồng của giáo dục tiểu học (trong đó có một loại thuế cộng đồng để trả lương cho người dạy), trong khi đó, Talmud của Babylon chú trọng hơn đến trách nhiệm của cha mẹ trong việc chi trả cho việc học của con như được chỉ rõ trong sắc lệnh, yêu cầu các ông bố phải trả tiền cho việc học của con, phải dạy nghề cho con mình hoặc thuê ai đó dạy nghề cho con mình.[188]

Tương tự như vậy, Talmud của Xứ Israel quy định "lương thực cho một người được quy định cho năm tới trừ chi phí mua đồ ăn cho lễ Sabbath, lễ hội… trừ những thứ tinokot [trẻ dưới 7-8 tuổi] mang tới nhà thầy làm học phí". Cũng về vấn đề này, Talmud của Babylon có cách trình bày khác: "Toàn bộ phần chia cho một người năm đó được xác định từ ngày đầu năm mới tới ngày Chuộc tội, trừ chi phí lễ Sabbath, tổ chức lễ hội và chi phí cho việc dạy kinh Torah cho con".[189]

Sự khác biệt giữa việc cung cấp giáo dục ở Xứ Israel và Mesopotamia phù hợp với điều kiện kinh tế khác nhau ở hai khu vực này. Ở Xứ Israel,

https://thuviensach.vn

việc cung cấp giáo dục được cộng đồng tổ chức công khai, mọi người đều phải nộp thuế giáo dục, cộng đồng trợ cấp cho việc học tập của trẻ em nghèo và trẻ mồ côi. Ngược lại, giáo dục cho trẻ em ở Mesopotamia chủ yếu do người dạy tư nhân cung cấp cho cá nhân và nhóm hộ gia đình cho nên hầu như mọi gia đình đều phải chịu toàn bộ chi phí học hành.[190]

Thiết chế gọi là *kallah* cũng cho thấy rằng ngày càng có nhiều người Do Thái biết đọc, biết viết. *Kallah*, có lẽ bắt nguồn từ Babylon thế kỷ 3, là một trong những hoạt động trung tâm ở học viện.[191] Vào tháng 3 và tháng 8 (Elul, Adar), mọi người tập trung đông, nam giới nghiên cứu kinh Torah trong các học viện ở Mesopotamia và nghe các vị học giả và các bậc hiền nhân đọc và thảo luận một đoạn trong Talmud.[192] Trong *kallah* mùa xuân, ngoài một đoạn Talmud, các vị học giả còn thảo luận và trả lời câu hỏi do các cộng đồng Do Thái từ khắp nơi gửi tới. Các câu hỏi liên quan đến mọi vấn đề, từ các vấn đề kinh tế, chính trị cho tới các vấn đề tôn giáo và lễ nghi. Những câu trả lời bằng văn bản (tiếng Hebrew là *teshuvot*, tiếng La-tinh là *responsa*) cho những câu hỏi này được gửi về cộng đồng Do Thái, thông qua các thương nhân Do Thái. Những câu trả lời bằng văn bản này là một đặc điểm độc đáo của Do Thái giáo, cùng với thời gia, chúng có vai trò quan trọng trong việc định hình lịch sử kinh tế và xã hội của người Do Thái.

https://thuviensach.vn

BẰNG CHỨNG TỪ NHỮNG PHÚC ĐÁP THÀNH VĂN ĐẦU TIÊN CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CÁC HỌC VIỆN (GAON)

Phúc đáp thánh văn có từ thời Talmud nhưng đấy không phải là một phần tư liệu tách biệt với kinh Talmud. Phải sau khi Talmud của Babylon được biên soạn và sau khi các những người đứng đầu các học viện (Gaon) kế tục các thày đọc và giảng kinh Torah (Amoraim) thì phúc đáp thành văn mới trở thành một phần tư liệu tách biệt với kinh. Trong hơn 500 năm (từ giữa thế kỷ 6 tới thế kỷ 11), thư từ phúc đáp Gaon là một trong những nguồn thông tin chính về đời sống xã hội, kinh tế và tôn giáo của người Do Thái.[193]

Những tư liệu này cho thấy sự truyền bá việc học đọc, học viết và giáo dục tiểu học trong thế kỷ 6-7 trong các cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia, nơi sinh sống của hầu hết người Do Thái vào thế kỷ trước khi Hồi giáo ra đời, cũng như ở nhiều nơi có người Do Thái di cư sinh sống. Một số thư phúc đáp nói rằng thày giáo dạy trẻ em ở cả thành thị và nông thôn.[194] Một số thư khác chỉ ra rằng cùng với giáo sỹ, quan tòa và người đứng đầu giáo đường, giáo viên cũng nằm trong số những quan chức cộng đồng được liệt kê cuối thư rút phép thông công mà một Genoim (số ít của từ Gaon – ND) gửi cho nhiều cộng đồng Do Thái trên thế giới.[195] Thày giáo cũng được tính là quan chức của giáo đường cùng với học giả, bậc huynh trưởng, nhà quản lý (*parnasim*), người điều khiển hát đồng ca (*hazzanim*), quản gia (*shammashim*).[196]

Phúc đáp thành văn Gaon đầu tiên ghi lại một sự kiện chính: trong giai đoạn trước khi Hồi giáo ra đời và đô thị hóa diễn ra ồ ạt ở các vương quốc Hồi giáo mới được thành lập, ngày càng có nhiều nông dân Do Thái cho con đi học. Đầu tư của một số nông dân Do Thái cho việc học của con cái họ trong giai đoạn này nên được xem như sự hy sinh về mặt tài chính nhằm tuân thủ sắc lệnh tôn giáo do lãnh tụ Pharisee ban hành. Lợi ích kinh tế không thể là nguyên nhân khiến nông dân Do Thái, trong giai đoạn từ thế kỉ thứ 3 đến thế kỉ thứ 7, đầu tư cho việc học của con vì biết đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew không mang lại bất cứ lợi ích gì về mặt tiền

https://thuviensach.vn

bạc (tất nhiên ngoại trừ giáo sỹ, giáo viên và các nhà lãnh đạo cộng đồng khác, những người ủng hộ chính cho phổ cập giáo dục tiểu học).

https://thuviensach.vn

GIÁO ĐƯỜNG

Loại bằng chứng thứ ba của việc thực thi sắc lệnh tôn giáo về giáo dục trẻ em đến từ nguồn văn học và hàng loạt phát hiện khảo cổ ghi lại thời gian xây dựng các giáo đường (synagogue).[197] Như chúng tôi sẽ chỉ ra sau đây, nhiều cuộc thảo luận và phán quyết trong các cuốn kinh Mishna, *Tosefta*, Talmud chỉ ra rằng giáo đường chủ yếu là nơi trẻ em và người lớn đến đọc và nghiên cứu kinh Torah.[198]

Nguồn gốc và lịch sử ban đầu của giáo đường (*bet knesset*, hay "nhà tụ họp" trong tiếng Hebrew) vẫn là đối tượng tranh luận của giới học giả. Người ta chỉ nhất trí là việc xây dựng giáo đường diễn ra sau khi Đền Thờ (temple) thứ nhất bị phá hủy vào năm 586 trước CN, trong giai đoạn người Do Thái bị đày đi Babylon hoặc ngay sau đó, khi người Do Thái quay trở về Judea thời Khôi phục. Trong khoảng 500 năm, giáo đường (Synagogue) dường như phát triển song song với Đền Thờ (Temple) ở Jerusalem, là nơi cung cấp bổ sung các buổi lễ tôn giáo và dịch vụ xã hội. Tuy nhiên, đến thời kỳ Đền Thờ thứ hai, giáo đường không hề thay thế Đền Thờ trong vai trò trung tâm thờ phượng của Do Thái giáo.

Một dòng chữ khắc bằng tiếng Hy Lạp được tìm thấy ở Jerusalem (được gọi là dòng chữ khắc Theodotos, lấy theo tên người được nhắc tới trên dòng chữ đó) cung cấp bằng chứng khảo cổ sớm nhất (có lẽ là giữa thế kỷ thứ nhất) về sự tồn tại của giáo đường ở Xứ Israel.[199] Nguồn văn học sớm nhất nhắc tới giáo đường có từ thế kỷ 1, trong đó mô tả giáo đường cả ở Xứ Israel lẫn ở những nơi có người Do Thái di cư sinh sống trong Đế chế La Mã.

Các học giả nhất trí rằng, vì nhiều lý do, sự xuất hiện của giáo đường là một bước phát triển mang tính cách mạng trong lịch sử Do Thái giáo.[200] Không giống như Đền Thờ chỉ có thể tồn tại ở Jerusalem, giáo đường có thể được xây ở bất cứ đâu, ở thành phố, thị trấn và làng mạc ở Xứ Israel cũng như ở những nơi có người Do Thái di cư sinh sống. Việc xây dựng giáo đường giúp người Do Thái tổ chức cuộc sống cộng đồng, thờ phượng và nghiên cứu kinh Torah ở bất cứ đâu.

https://thuviensach.vn

Việc tu hành ở Đền Thờ ở Jerusalem chỉ dành cho một nhóm nhỏ nam giới ưu tú xuất thân từ tầng lớp thầy tu (*Cohenim*). Ngược lại, về nguyên tắc, bất cứ ai cũng có thể làm người đứng đầu giáo đường. Giáo đoàn những người Do Thái mộ đạo không còn bị đẩy ra sân ngoài Đền Thờ, nơi họ chỉ có thể nhìn từ xa người ta làm lễ ở bên trong, giờ đây họ có thể trực tiếp tham gia vào tất cả các nghi lễ trong giáo đường, nhất là đọc và nghiên cứu kinh Torah.

Giáo đường cung cấp cho toàn thể cộng đồng Do Thái sống ở làng, thị trấn hay thành phố nhiều loại lễ hội tôn giáo và dịch vụ công cộng, trong đó có lễ Sabbath, nghỉ lễ, cầu nguyện, bữa ăn thánh, bữa ăn chung, hoạt động từ thiện, xử án, giáo dục tôn giáo cho trẻ em và người lớn. Giáo đường là nơi để mọi người hội họp, cũng là nơi giữ quỹ của cộng đồng, thư viện, nhà trọ. Một số giáo đường làm tất cả những việc này; một số khác chỉ làm một số việc mà thôi.[201]

Trong thế kỉ 1, đọc kinh Torah nơi công cộng trở thành một phần quan trọng của nghi lễ tại giáo đường. Dòng chữ khắc Theodotos giữa thế kỷ 1 nói rằng việc nghiên cứu kinh Torah và thực hiện những điều răn là những hoạt động chính của giáo đường. Josephus (37-100 CN) và kinh Tân Ước ghi lại rằng trong thế kỷ I, đọc kinh Torah ở giáo đường là hoạt động thường thấy ở Xứ Israel. Philo, triết gia Do Thái sinh khoảng năm 20 trước CN ở Alexandria, có nhận xét tương tự như vậy về Ai Cập.[202] Các học giả nhất trí rằng tuy một số các hoạt động này diễn ra xung quanh giáo đường thậm chí trước năm 70 sau CN nhưng giáo đường trở thành nơi cả trẻ em lẫn người lớn đọc và nghiên cứu kinh Torah sau khi Đền Thờ bị phá hủy.

Thời Talmud, dưới sự lãnh đạo của Do Thái giáo dòng giáo sỹ, sứ mệnh giáo dục và sự chú tâm vào giáo dục của giáo đường còn trở nên mạnh mẽ hơn. Giáo đường trở thành trung tâm học tập và nghiên cứu kinh Torah. Giảng dạy nghĩa là giảng dạy về tôn giáo nhằm chuẩn bị cho trẻ em trai khi trưởng thành sẽ đọc kinh ở giáo đường. Trong kinh Mishna có hẳn một luận văn (Megilla), còn trong kinh Tosefta thì có nhiều đoạn nói về các quy định về việc đọc kinh Torah trước mọi người trong giáo đường.

https://thuviensach.vn

Nghiên cứu kinh Torah trong giáo đường diễn ra dưới nhiều hình thức. Với người lớn, vào các ngày thứ Hai, thứ Năm và ngày Sabbath, tấm giấy cuộn chép kinh Torah được lấy ra, một phần được đọc trước toàn thể mọi người. Vào ngày Sabbath, việc đọc và giảng kinh dài hơn các ngày khác trong tuần. Ai muốn học kinh Torah có thể tới giáo đường tự học, học với người khác hoặc với một bậc hiền nhân.[203]

Ở *bet ha-sefer* (trường tiểu học) và *bet ha-midrash* (trường trung học cũng như phòng học cho người lớn), trẻ em và thanh niên được dạy đọc và nghiên cứu kinh Torah (và Talmud, những người quyết định học thêm về văn bản tôn giáo). Các cộng đồng lớn có đủ điều kiện xây trường riêng biệt, nhưng ở hầu hết các cộng đồng, lớp học cho trẻ em nằm bên trong giáo đường.[204] Ở Xứ Israel, nơi có tổ chức giáo dục tiểu học của cộng đồng, người lãnh đạo làng và thị trấn coi việc tổ chức, điều phối và chi tiền cho hệ thống giáo dục bên trong hoặc gần giáo đường là một trong những nhiệm vụ chính của họ.[205]

Trong số hơn 100 giáo đường được khai quật ở Xứ Israel, đa số được xây sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, nhất là trong giai đoạn từ thế kỷ 3 đến thế kỉ 5 (Bảng 5.2, Bản đồ 5.1). Các giáo đường được xây ở các thị trấn và ở nhiều làng quê và ở những cộng đồng nông thôn nhỏ bé ở Judea, Galilee và Golan. Chi phí cho việc xây dựng giáo đường chủ yếu là do nông dân, những người chiếm tuyệt đại đa số dân số Do Thái ở nông thôn, đóng góp.[206] Những người nông dân này sau đó lại dựa vào những dịch vụ và tiện ích công cộng do giáo đường cung cấp, trong đó có giáo dục tiểu học cho con họ và giáo dục tôn giáo cho chính bản thân họ.

Di chỉ khảo cổ của hơn 200 giáo đường đã được tìm thấy ở những nơi có người Israel di cư sinh sống (Bản đồ 5.2).[207] Bằng chứng khảo cổ cũng được tìm thấy ở Mesopotamia (ví dụ như Dura-Europos), nhưng có thể suy ra rằng số giáo đường ở đó còn lớn hơn vì Talmud của Babylon nhắc nhiều tới chúng.

Việc cung cấp và tổ chức giáo dục tiểu học phổ cập cho trẻ em là mục tiêu chính của các lãnh tụ tôn giáo ở Babylon được thể hiện qua quyền lực và

https://thuviensach.vn

chức năng rộng lớn được giao cho các giáo sỹ. Thời Talmud, việc lãnh đạo các cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia được giao toàn bộ cho các lãnh tụ tôn giáo và các học giả ở học viện. Exilarch, tức là người Do Thái nắm giữ quyền lực chính trị và hành chính trong cộng đồng Do Thái bị đày biệt xứ, dùng giáo sỹ làm quan tòa trong tòa án địa phương, làm người thanh tra thị trường, người thu thuế thân, trao cho họ trách nhiệm quản lý các thiết chế cộng đồng như giáo đường và trường học.[208]

Bảng 5.2. Mẫu giáo đường được xây dựng ở Xứ Israel, 200-550

Khu vực/thế kỷ	Địa điểm
Galilee/Golan	
thứ ba	Gush Halav, Kefar Bar'am, Kefar Hananyah, Kefar Kana, Nabratein (Nevoraya)
thứ ba - thứ tư	Chorazin, Dabura, Hammat Gader, Hammath Tiberias, Khirbet Shema, Kokhav Ha-Yarden, Meiron, Rehov
thứ tư	Arbel, Beth Alpha, Beth Shean, Beth She'arim, Caesarea, Capernaum, Horvat Ammudim, Merot, Ma'oz Hayyim
thứ tư - thứ năm	Aphik, Assalieh, Ein Neshut, Horvat Kanef, Qatzrin, Zumimra
thứ năm	Huseifa, Sepphoris, Yafia
thứ sáu	Dalton, Horvat Dikke, Umm el-Kanatir
Judea	
thứ ba	Beth Gurvin, Ein-Gedi, Eshtemoa
thứ tư	Anim, Ashkelon, Gaza, Horvat Rimmon, Ma'on (Nirim), Susiya, Na'aran

Nguồn: Levine (1982, 2005), Hachlili (1989), E. Stern (1993), Urman và Flesher (1998), Fine (1999).

Ghi chú: Các nhà khảo cổ học vẫn tranh cãi về thời gian chính xác một số giáo đường được xây dựng. Do đó, cách phân loại giáo đường theo thế kỷ có thể có những thay đổi nhỏ. Tuy nhiên, có sự đồng thuận rằng giáo đường được xây vào nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất ở các địa danh ghi trong bảng (cũng như ở nhiều địa danh khác ở Xứ Israel không đề cập đến trong bảng này).

https://thuviensach.vn

Người Do Thái biết chữ trong thế giới mù chữ

Tỷ lệ biết chữ cao trong dân số Do Thái nông thôn rất ấn tượng khi so với tình trạng mù chữ của nông dân không phải người Do Thái trong thời gian đó. Trong đế chế Ba Tư dưới dưới thời Sassanid, giáo dục tiểu học chủ yếu do tư nhân kinh doanh, tổ chức tại nhà và trong các trường ngoài trời dành cho con cái tầng lớp thượng lưu.[209] Trong đế chế La Mã, "mù chữ là hiện tượng phổ biến khắp vùng Địa Trung Hải… và chính kinh đô của đế chế cũng chỉ mới bắt đầu thành lập trường công cho người giàu và tầng lớp trung lưu mà thôi".[210] Các thành phố có trường tiểu học, nhưng giáo dục tiểu học là không bắt buộc cũng không phổ cập. Các nhóm kinh tế xã hội thấp hơn ở thành phố và hầu hết dân nông thôn đều mù chữ.[211]

Tỷ lệ biết chữ không tăng khi Đế chế La Mã sụp đổ và Tây Âu quay về với nền kinh tế nông nghiệp vào đầu thế kỷ thứ 5. Trừ thầy tu và tu sỹ, gần như toàn bộ dân Tây Âu mù chữ. Giáo hội nhận thức được rằng gần như toàn bộ dân số mù chữ là một vấn đề lớn. Ở các hội đồng và hội nghị tôn giáo khác nhau trong giai đoạn từ thế kỷ 7 đến thế kỉ 9, Giáo hội khuyến khích các giám mục thành lập trường tiểu học ở các thị trấn và các huyện.[212] Nhưng mãi tới năm 1500, số người biết chữ ở Tây Âu vẫn không vượt quá 10%.[213] Khi so với những con số này, sự gia tăng tỷ lệ biết chữ trong cộng đồng người Do Thái thời Talmud – khi tuyệt đại đa số dân số Do Thái là nông dân, những người mà đối với họ biết chữ không giúp tăng năng suất hay thu nhập – là rất đặc biệt.

https://thuviensach.vn

Người Do Thái vô học (Ammei ha-Aretz)

Theo lý thuyết của chúng tôi, được trình bày trong Chương 4, những người nông dân Do Thái mà chi phí cho việc học hành của con lớn hơn hẳn lợi ích mà nó mang lại sẽ không cho con trai đi học tiểu học. Có bằng chứng lịch sử nào chứng minh cho dự đoán này không?

Trong kinh Talmud có nhiều đoạn chỉ trích những người *ammei ha-aretz*, thời Tannaim (danh hiệu các giáo sỹ trong thế kỷ 1 và 2 – ND), đấy là cách gọi những người Do Thái không biết đọc và không nghiên cứu kinh Torah, không dạy con trai họ kinh Torah.[214] Đối với giáo sỹ Judah haNasi và các học giả đồng sự trong các học viện, *ammei ha-aretz* phải bị coi là những người vứt đi trong cộng đồng Do Thái. Sau này, những học giả thời Amoraim có cùng thái độ hà khắc đối với các ông bố Do Thái mù chữ lại không cho con tới giáo đường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah.

Thái độ tiêu cực này được thể hiện rõ trong các đoạn trích trong kinh Torah, thí dụ như yêu cầu các ông bố không cho con gái mình lấy con trai người *ammei ha-aretz*, cấm *ammei ha-aretz* làm quan tòa, khuyên người Do Thái (biết chữ) tránh ăn cùng hay giao tiếp với *ammei ha-aretz*.[215] Những chi tiết này chỉ ra rằng việc nam giới Do Thái biết chữ và được giáo dục tôn giáo vẫn là một trong những mối quan tâm và mục tiêu chính của ban lãnh đạo Do Thái thời Talmud. Đồng thời, nó cũng cho thấy rằng một tỷ lệ nhất định người Do Thái không tuân thủ sắc lệnh tôn giáo về việc cho con đi học tiểu học, điều này nhất quán với hàm ý của lý thuyết của chúng tôi: một số người Do Thái nhận thấy tuân theo sắc lệnh tôn giáo này là việc làm quá tốn kém và không đầu tư cho việc học chữ và giáo dục cho con.

https://thuviensach.vn

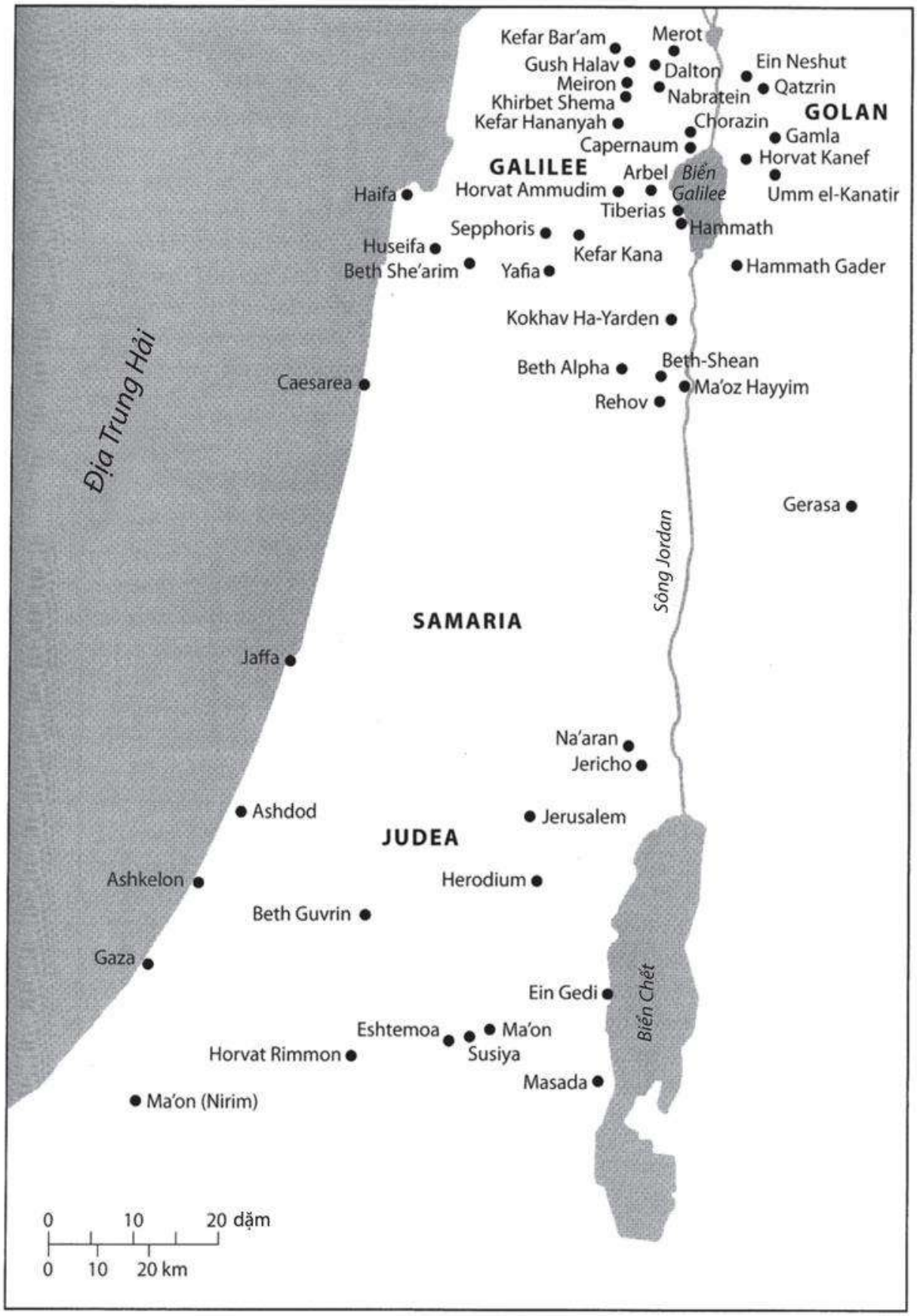

https://thuviensach.vn

Bản đồ 5.1. Các giáo đường cổ ở Xứ Israel, địa danh chọn lọc.
Nguồn: Vẽ lại, chỉnh sửa lại từ Fine (1999).

Bản đồ 5.2. Các giáo đường cổ ở những nơi có người Do Thái di cư sinh sống, địa danh chọn lọc. *Nguồn*: Vẽ lại, chỉnh sửa lại từ Fine (1999).

https://thuviensach.vn

Thực hiện cải cách giáo dục Do Thái: Tóm tắt

Khi Hồi giáo mới chớm hình thành vào đầu thế kỷ 7, khác biệt chính giữa người Do Thái và người không phải Do Thái là một tỷ lệ lớn dân cư Do Thái – chủ yếu là nông dân – biết đọc (một số còn biết cả viết) trong khi nông dân không phải là người Do Thái là những người mù chữ. Tỷ lệ người biết chữ trong dân Do Thái cao hơn là do cuộc cải cách về tôn giáo và giáo dục do giáo phái Pharisee khởi động trong thế kỷ 2-3 trước CN. Sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, khi việc biên soạn kinh Mishna đặt nền móng cho Do Thái giáo dòng giáo sỹ thì biết chữ và học vấn trở thành những mục tiêu chính của các lãnh tụ tôn giáo Do Thái. Mặc dù không có bằng chứng chứng tỏ rằng sắc lệnh của Joshua ben Gamla (khoảng năm 65 sau CN) buộc các ông bố Do Thái phải cho con trai từ 6-7 tuổi tới giáo đường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah được thi hành ngay lập tức – hầu hết các học giả đều cho rằng đại đa số dân số Do Thái ở Xứ Israel trong hai thế kỷ đầu mù chữ – nhưng sắc lệnh của ông trở thành một giáo luật mà tất cả các ông bố Do Thái đều phải tuân theo.[216]

Bốn thế kỷ từ lúc biên soạn Mishna, khoảng năm 200, cho tới khi Hồi giáo ra đời vào giữa thế kỷ 7 chứng kiến việc thực thi sắc lệnh của Joshua ben Gamla và việc thành lập hệ thống giáo dục tiểu học phổ cập với giáo đường làm trung tâm. Thay đổi sâu rộng này đã biến đổi hoàn toàn Do Thái giáo, làm cho nó trở thành một thứ tôn giáo mà trung tâm là đọc, nghiên cứu và thực hiện các quy định của kinh Torah và Talmud. Hình ảnh một người nông dân Do Thái hành hương đến và cúng dường ở Đền Thờ ở Jerusalem là biểu tượng của Do Thái giáo cho tới tận năm 70 sau CN. Đầu thế kỷ 7, biểu tượng trong cộng đồng người Do Thái là hình ảnh một người nông dân Do Thái đang đọc và nghiên cứu kinh Torah trong giáo đường và cho con trai tới trường hoặc giáo đường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah.

https://thuviensach.vn

Cải đạo trong nông dân Do Thái

Một điểm chính khác trong lý thuyết của chúng tôi là có một số nông dân Do Thái mù chữ sẽ cải sang các tôn giáo khác để tránh phải chi phí cho việc tuân theo luật lệ, quy định của Do Thái giáo, trong đó có quy định các ông bố phải cho con đi học. Bằng chứng lịch sử có ủng hộ cho điểm này không? Có bằng chứng về các trường hợp cải đạo của người Do Thái thời Talmud không?

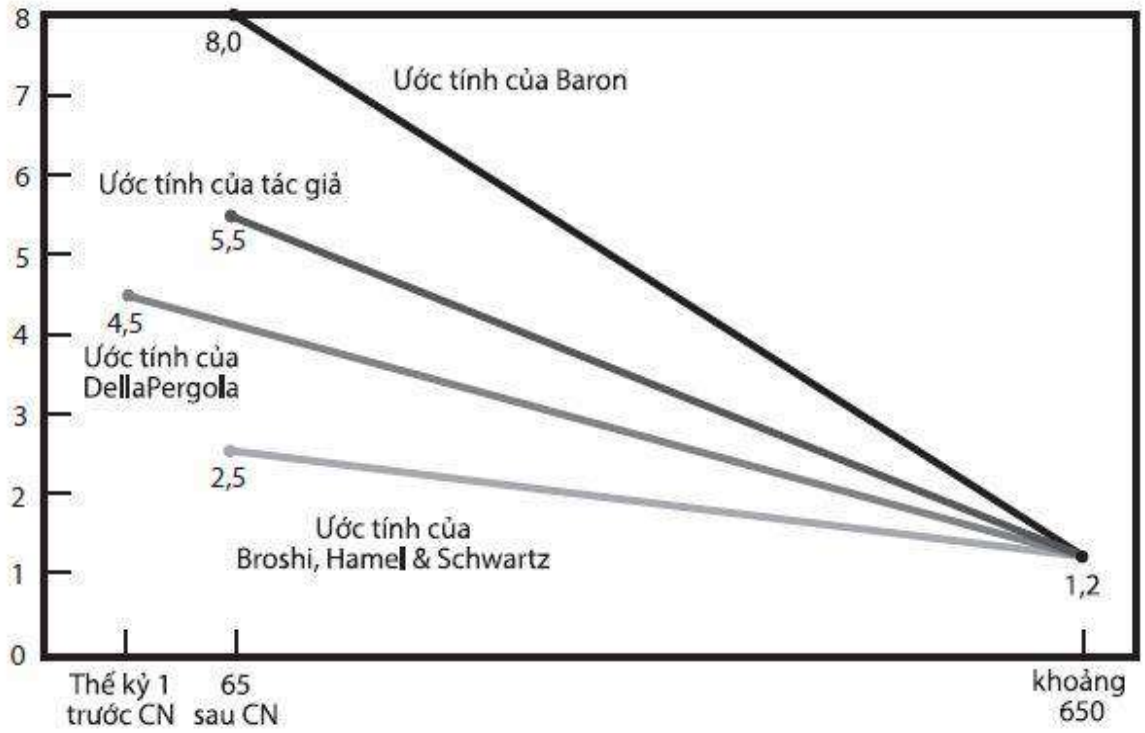

Hình 5.1. Ước tính dân số Do Thái, khoảng năm 65 và 650 (đơn vị tính: triệu). *Nguồn và ghi chú*: xem Bảng 1.1.

https://thuviensach.vn

Biến động trong dân số Do Thái

Trong Chương 1, chúng tôi chỉ ra rằng những con số ước tính số dân thời cổ đại, trong trường hợp tốt nhất, cũng chỉ là những con số tạm tính, thô sơ. Cho dù mọi người có thể chấp nhận con số của Baron là khoảng năm 65 sau CN, dân Do Thái có 8 triệu người, nhưng Broshi, Hamel và Schwartz lại đưa ra con số thấp hơn nhiều, chỉ 2-2,5 triệu người; DellaPergola và chúng tôi đưa ra con số trung bình là 4,5 đến 5,5 triệu, thì các học giả đều nhất trí với xu hướng chủ yếu sau đây: sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, dân số Do Thái đã giảm mạnh suốt 6 thế kỷ (hình 5.1).[217]

Baron đưa ra con số ước tính dân số Do Thái trong thế thế kỷ 1 sau CN cao hơn và chấp nhận ước tính người chết do chiến tranh cao do các sử gia cổ đại Josephus, Tacitus, Cassius Dio đưa ra. Các học giả như Broshi, Hamel, Schwartz, những người cho rằng dân số Do Thái thế kỷ 1 sau CN nhỏ hơn nhiều so với ước tính của Baron và cùng nhất trí rằng các vụ thảm sát trong ba cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã không gây ra tổn thất ghê gớm về người như các sử gia cổ đại ước tính. Tuy nhiên, *tất cả* các học giả có cùng kết luận: dân số Do Thái giảm mạnh trong sáu thế kỷ, sau năm 70 sau CN, mà chết chóc do chiến tranh, suy giảm dân số tự nhiên không thể giải thích được hết. Do đó, chúng tôi quay trở lại ước tính số dân chúng tôi được đưa ra trong Chương 1 (Bảng 1.1, 1.2) và tìm cách giải thích bài toán dân số này.

Trong năm thế kỷ, từ khi cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã cuối cùng chấm dứt (cuộc nổi dậy Bar Kokhba) vào năm 135 cho tới khi Hồi giáo ra đời, khoảng năm 650, số lượng người Do Thái trên thế giới giảm hai phần ba, từ khoảng 3,1-3,3 triệu người xuống còn 1-1,2 triệu người (Bảng 1.1). Tính theo giá trị tương đối, dân số Do Thái cũng giảm, từ 5,3% xuống còn khoảng 1,9-2,3% tổng dân số.[218] Số lượng người Do Thái giảm ở tất cả những nơi có người Do Thái sinh sống.

Điều gì có thể giải thích cho sự sụt giảm dân số Do Thái ghê gớm này? Có thể có ba nhân tố sau: tử vong do thảm sát và chiến tranh, suy giảm dân số nói chung (như chết đói, dịch bệnh), sinh suất giảm. Chiến tranh và các

https://thuviensach.vn

vụ thảm sát liên quan đến chiến tranh giúp giải thích sụt giảm dân số Do Thái chủ yếu *trước* năm 150 (xem Chương 1). Tuy nhiên, sau năm 150, không có cuộc thảm sát quy mô lớn nào diễn ra ở các vùng đất do người La Mã hay người Parthia cai trị.

Suy giảm dân số nói chung – do thảm họa thiên nhiên, nạn đói, dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm – có thể giải thích sụt giảm dân số Do Thái tuyệt đối thời Talmud. Trên thực tế, năm thế kỷ, từ năm 150 tới năm 650, chứng kiến một vài sự kiện bi thảm cho toàn bộ dân cư như vụ đại dịch hạch ở Justinian năm 541. Trong những thế kỷ này, người Do Thái bị nạn đói, dịch bệnh hoành hành giống như các sắc dân khác. Nhưng trong cùng khoảng thời gian, tổng dân số giảm khoảng 12%, trong khi dân số Do Thái giảm tới hai phần ba (Bảng 1.1). Không có lý do nào để nghĩ rằng người Do Thái gánh chịu hậu quả nạn đói và dịch bệnh nặng nề hơn so với các sắc dân khác.

Ứng cử viên thứ ba cho sự sụt giảm dân số Do Thái tuyệt đối và tương đối thời Talmud là sinh suất ở phụ nữ Do Thái giảm. Tại sao các gia đình Do Thái lại có ít con hơn những gia đình không phải người Do Thái? Người ta có thể lập luận rằng nếu có con trở nên tốn kém hơn sau khi thực hiện quy định tôn giáo, yêu cầu các ông bố cho con trai đi học – ngoài việc cho con cái ăn uống, quần áo, các ông bố còn cho con tới trường hoặc giáo đường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah – một số gia đình, nhất là những gia đình có thu nhập thấp, có thể đã quyết định có ít con hơn để có thể tuân thủ quy định tôn giáo này. Điều đó có nghĩa là, theo thuật ngữ kinh tế, Do Thái giáo dòng giáo sỹ buộc các bậc cha mẹ phải cân nhắc giữa chất lượng và số lượng.[219]

Theo chúng tôi biết, không có bằng chứng lịch sử nào chứng tỏ rằng các gia đình ở Israel giảm tỷ lệ sinh sau cuộc cải các của Do Thái giáo. Talmud – vốn chứa nhiều cuộc thảo luận và phán quyết chi tiết về tuổi kết hôn, hành vi tình dục của vợ chồng, mang thai, nạo thai, vô sinh, ly dị, và đòi hỏi phải "sinh sôi nảy nở" (*peru urevu*) – lại không thảo luận gì về việc giảm số lượng con để thực hiện nghĩa vụ tôn giáo là giáo dục con cái. Nếu đây là vấn

https://thuviensach.vn

đề chính của các cộng đồng Do Thái thì nó phải cho làm học giả ở các học viện chú ý và phải được thảo luận, phải được đưa vào Talmud.

Chắc chắn là một tác nhân hay một số tác nhân khác sẽ giải thích được sự sụt giảm lớn hơn trong dân số Do Thái. Không tính đến sinh suất giảm, cải đạo là yếu tố khác duy nhất có thể giải thích được sự sụt giảm rất lớn dân số Do Thái thời Talmud.[220]

Ở Xứ Israel, từ khoảng năm 150 đến khoảng năm 650, dân số không phải người Do Thái (người Hy Lạp, người theo đa thần giáo, một số người Cơ đốc giáo) đã tăng từ 500.000-600.000 lên 0,9-1,4 triệu người (chủ yếu là người Cơ đốc giáo). Cũng trong thời kỳ này, dân số Do Thái (trong đó có 300.000 người Samaritan) giảm từ 1,2 triệu xuống còn 100.000 người (Bảng 1.1, 1.2). Trong năm thế kỉ đó, dân số Cơ đốc giáo diễn ra xu hướng ngược lại, tức là tăng hơn hai lần; trong khi dân Do Thái giảm gần 92%, điều này dường như ủng hộ cho lập luận cho rằng một tỷ lệ đáng kể người Do Thái đã cải sang Cơ đốc giáo.[221]

Người Do Thái ở Bắc Phi (chủ yếu là Ai Cập), hầu hết là người Do Thái nói tiếng Hy Lạp, gần như biến mất – khoảng năm 150, ở đây có khoảng 500.000 người thì đến trước cuộc bành trướng Ả-rập – Hồi giáo chỉ còn khoảng 4.000 người mà thôi (Bảng 1.1). Đây là thời kỳ Cơ đốc giáo lan tràn ở Ai Cập, đặt nền móng cho Giáo hội Thiên chúa Ai Cập. Nhiều người Cơ đốc giáo Hy Lạp cổ đầu tiên có gốc là người Do Thái.[222]

Số lượng người Do Thái ở Mesopotamia tăng trong thế kỷ 3-4, đấy là do tình hình kinh tế sáng sủa hơn đã thôi thúc người Do Thái từ Xứ Israel và Ai Cập di cư tới Mesopotamia.[223] Tuy nhiên, trong ba thế kỷ sau đó, số người Do Thái ở Mesopotamia giảm mặc dù không xảy ra vụ thảm sát nào (Bảng 1.1, 1.2).[224] Cùng lúc đó, dân số Cơ đốc giáo đông ngang dân số Do Thái, cho thấy một tỷ lệ nhất định người Do Thái thời Sassanid đã cải đạo sang Cơ đốc giáo.[225]

Trong thời kỳ này, dân số Do Thái ở châu Âu, Syria, Lebanon, Tiểu Á, Balkan cũng giảm. Khoảng năm 650, số người Do Thái ở Tây Âu vào khoảng vài nghìn người (Bảng 1.1, 1.2).[226] Giai đoạn đầu thời Byzantine ở

https://thuviensach.vn

Syria, Lebanon, Tiểu Á, Balkan và dưới thới thời Visigoth ở bán đảo Iberia đã có một số vụ đàn áp, ép buộc người Do Thái cải đạo. Nhưng, dân số Do Thái ở những khu vực này bắt đầu giảm sớm hơn nhiều, từ thế kỷ 2 đến thế kỷ 5. Cùng lúc đó, Cơ đốc giáo lan tràn rất nhanh ở những khu vực này.

Cơ đốc giáo giữ trụ cột thứ hai của Do Thái giáo – những điều luật ghi trong kinh Torah thành văn với niềm tin vào một Chúa Trời duy nhất. Nhưng, Cơ đốc giáo thay đổi một số luật lệ và quy định tôn giáo mà Do Thái giáo áp đặt. Ví dụ, người Cơ đốc giáo không phải cắt bao quy đầu cho con trai họ hay không phải ăn kiêng. Ngoài ra, giữa thế kỷ thứ nhất, dưới sự lãnh đạo của Thánh Paul, Cơ đốc giáo không yêu cầu tín đồ phải cho con trai từ 6-7 tuổi tới trường hoặc giáo đường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah như Do Thái giáo.

Với nhiều người Do Thái thời Talmud, cải đạo sang Cơ đốc giáo dường như không phải là một thay đổi lớn: Cơ đốc giáo giống như một phiên bản hơi khác của Do Thái giáo, có cùng niềm tin cốt lõi vào một Chúa Trời và kinh Torah, nhưng có ít quy định khắt khe hơn. Với nhiều gia đình Do Thái kiếm sống bằng nghề nông – và nhất là những người nghèo khổ hơn phải vật lộn kiếm sống để nuôi gia đình và vì mù chữ nên bị các giáo sỹ và người Do Thái biết chữ ở địa phương coi như những kẻ vô học (*ammei ha-aretz*) – thì Cơ đốc giáo dường như là một sự thay đổi dễ chịu: nó cho phép họ tin vào cùng một vị Chúa mà không phải tuân thủ các quy định tốn kém, trong đó có quy định yêu cầu các ông bố giáo dục con trai mình.

https://thuviensach.vn

Nguồn thông tin từ văn chương, bia đá

Sụt giảm dân số Do Thái ở tất cả mọi nơi cho ta bằng chứng gián tiếp về một tỷ lệ lớn người Do Thái cải đạo sang các tôn giáo khác, chủ yếu là Cơ đốc giáo. Ngoài ra, số lượng lớn bằng chứng văn chương, lời khắc trên bia đá cho thấy một tỷ lệ tương đối lớn người Do Thái từ bỏ Do Thái giáo sang các tôn giáo khác trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất, cả trước và sau khi có Chỉ dụ Milan và Hội đồng Nicaea.[227]

https://thuviensach.vn

GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1 ĐẾN NĂM 325

Hai đối thủ cạnh tranh chính của Do Thái giáo là đa thần giáo của người Hy Lạp cổ đại và Cơ đốc giáo. Trước khi có Chỉ dụ Milan, năm 313, người Cơ đốc giáo ở Đế chế La Mã bị đàn áp suốt ba trăm năm. Vì thế, việc cải đạo sang Cơ đốc giáo hẳn phải là tự nguyện. Bằng chỉ dụ này, Hoàng đế Constantine Đệ nhất và Hoàng đế Licinius, những người cai trị vùng phía Tây và phía Đông của đế chế, đã thể hiện lòng khoan dung tôn giáo. Sau này, khi Constantine trở thành hoàng đế duy nhất, Cơ đốc giáo vươn lên thành tôn giáo chủ đạo ở Đế chế La Mã.

Như đã nhấn mạnh trong Chương 3, Do Thái giáo thế kỷ 1 là một tập hợp nhiều nhóm tín ngưỡng có chung một số đặc điểm cơ bản, nhưng ngày càng có những quy định khác biệt, như yêu cầu các ông bố phải cho con trai từ 6-7 tuổi tới giáo đường để học đọc và nghiên cứu kinh Torah. Cơ đốc giáo xuất hiện như một trong nhiều nhóm bên trong Do Thái giáo thế kỷ thứ nhất; trước khi trở thành một tôn giáo thuần túy Cơ đốc, tín đồ Cơ đốc giáo chủ yếu gồm người Cơ đốc gốc Do Thái.[228] Cộng đồng Cơ đốc giáo đầu tiên ở Jerusalem gồm toàn người Do Thái và người cải đạo sang Do Thái giáo.

Người Do Thái và các giáo phái Do Thái – Cơ đốc giáo đầu tiên khác nhau ít nhất ở một điểm chính: giáo sỹ Judah haNasi gạt người Do Thái mù chữ ra khỏi cộng đồng Do Thái trong khi Thánh Paul cố gắng làm cho các tầng lớp kinh tế-xã hội thấp hơn cảm thấy được chào đón trong cộng đồng Cơ đốc giáo.[229] Cộng đồng Cơ đốc gốc Do Thái chia thành một vài nhóm nhỏ hơn – một số gần Do Thái giáo, số khác gần Cơ đốc giáo hơn.[230] Ví dụ, người *Ebionim* (“người nghèo”) chấp nhận hình thức Do Thái giáo Pharisee (Torah thành văn và Torah truyền khẩu), thực hành cắt bao quy đầu cho bé trai, duy trì lễ Sabbath. Họ phản đối giáo lý của Thánh Paul, nhưng công nhận Jesus là một nhà tiên tri và là Chúa cứu thế. Họ nói tiếng Aram Do Thái và sử dụng cả Kinh Thánh bằng tiếng Hebrew lẫn một phiên bản tiếng Hebrew của sách *Phúc âm*. Người Nazarene là những người Do Thái ngoan đạo, họ chấp nhận giáo lý của Thánh Paul và cũng có thái độ thù địch đối với các học giả Do Thái và người Pharisee. Các nhóm khác, gọi chung là

https://thuviensach.vn

những người Ngộ đạo Cơ đốc gốc Do Thái, tuân theo luật lệ Torah nhưng không theo một số phần trong Kinh Thánh (như phần nói về hiến sinh), họ tin rằng Jesus là Chúa cứu thế, có cùng đặc điểm ngộ đạo với các giáo phái không phải của người Do Thái. Một khối lượng đáng kể văn chương Cơ đốc gốc Do Thái (như văn chương Giả Clementine) được viết cho những nhóm Cơ đốc Do Thái này, trong đó nói rằng có những người Do Thái bỏ Do Thái giáo để đến với Cơ đốc giáo.[231]

Cho tới trước khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, các lãnh tụ tôn giáo Do Thái có tình cảm lẫn lộn, nhưng chủ yếu là có thái độ khoan dung, đối với các giáo phái Cơ đốc gốc Do Thái. Sau cuộc nổi dậy Bar Kokhba, các học giả Do Thái tuyên bố rằng các giáo phái của người Cơ đốc gốc Do Thái nằm ngoài cộng đồng Do Thái. Tuyên bố từ bỏ Do Thái giáo để chuyển sang Cơ đốc giáo là đáng bị lên án, còn những ai cải đạo thì thường xuyên bị nguyền rủa trong giáo đường.[232]

Dựa trên nguồn tư liệu văn chương khổng lồ (trong đó có Công vụ của các Tông đồ (trong kinh Tân Ước – ND), những lá thư của Thánh Paul (trong Tân Ước – ND), tác phẩm của các nhà văn Cơ đốc giáo và cha cố thời kỳ đầu, Kinh Thánh tiếng Coptic, biên bản hội nghị tôn giáo, Lời chứng của Bốn mươi thánh tử đạo người Armenia, Đạo luật Meletian, sắc lệnh hoàng gia), rất nhiều bằng chứng từ hàng trăm dòng chữ khắc trên bia đá và phát hiện khảo cổ học ở các nhà thờ, giới học giả đã ghi lại ba mô hình chính, mô phỏng quá trình truyền bá Cơ đốc giáo từ Trung Đông sang phương Tây, trong giai đoạn trước năm 325, năm ra đời Hội đồng Nicaea, hội đồng đầu tiên trong các đại hội đồng của Giáo hội Cơ đốc giáo.[233]

Thứ nhất, Cơ đốc giáo xâm nhập sâu vào các thị trấn và làng mạc ở những nơi có cộng đồng Do Thái lớn sinh sống như Xứ Israel, Syria, Armenia, Tiểu Á, Ai Cập, một số vùng ở Bắc Phi (vùng thuộc địa châu Phi và Numidia), Arbela và Edessa ở Tây Mesopotamia (Bảng 5.3, Bản đồ 5.3). Ngược lại, trước năm 325 ở những nơi có ít hoặc không có người Do Thái định cư (như Đông Ba Tư, Mauretania và Tripolitania ở Bắc Phi, Trung và Bắc Gaul, Bỉ, Anh, Đức, Raetia, Đông Âu) thì Cơ đốc giáo truyền bá rất chậm hoặc không

https://thuviensach.vn

được truyền bá. Thực tế này cho thấy Cơ đốc giáo phát triển một phần là nhờ vào người Do Thái, những người từ bỏ Do Thái giáo để đến với tôn giáo mới.

Thứ hai, Cơ đốc giáo phát triển trước hết ở những nơi có người Do Thái gốc Hy Lạp cổ cũng như người theo đa thần giáo hay con cháu những người trước kia theo đa thần giáo đã cải đạo sang Do Thái giáo (như Syria, Lebanon, Tiểu Á, Hy Lạp, Bắc Phi, bán đảo Iberia, Trung và Nam Ý, Nam Gaul) sinh sống. Do các cộng đồng đông người Do Thái gốc Hy Lạp cổ ở Bắc Phi, Syria, Tiểu Á ít tuân thủ điều luật Do Thái hơn những nơi khác cũng như việc họ sống gần xã hội mà tín ngưỡng và văn hóa Hy Lạp giữ thế thượng phong cho nên họ thích cải đạo sang đa thần giáo Hy Lạp (nhất là trong thế kỷ 1 và 2) và sang Cơ đốc giáo. Cả Tiểu Á lẫn Ai Cập, những nơi có các cộng đồng Do Thái lớn sinh sống, đều chưa từng có học viện Torah, tương tự như các học viện ở Xứ Israel và Mesopotamia. Trong số những sinh viên theo học tại các học viện này, không thấy nhắc tới sinh viên nào đến từ Tiểu Á. Những sự kiện này phù hợp với phỏng đoán trong mô hình của chúng tôi (xem phụ chương Chương 4) rằng người Do Thái nào cảm thấy ít gắn bó với tôn giáo của họ (tức là có thông số gắn bó với Do Thái giáo thấp) sẽ có sắc suất cải đạo cao hơn.

Bảng 5.3. Quy mô Cơ đốc giáo ở Trung Đông, Bắc Phi, châu Âu, năm 1 sau CN – 325

https://thuviensach.vn

Nhóm	Địa điểm	Quy mô
I	Tất cả các tỉnh ở Tiểu Á (Armenia, Bithynia, Cappadocia, Caria, Diospontus, Galatia, Isauria, Lycaonia, Lycia, Lydia, Mysia, Pamphylia, Paphlagonia, Pisidia, Phrygia, Pontus); đảo Síp; Thracia; các thị trấn, làng mạc ở Xứ Israel; Arbela và Edessa ở tay Mesopotamia	Gần một nửa dân số là người Cơ đốc, Cơ đốc giáo là tôn giáo phổ biến nhất
II	Các làng ở Xứ Israel; Syria, Ai Cập, Cyrenaica, vùng thuộc địa châu Phi và Numidia, Achaia, Thessaly, Macedonia, Trung và Nam Ý, bán đảo Iberia, Nam Gaul	Một phần lớn dân số là người Cơ đốc
III	Galilee, Phoenicia, Mesopotamia, tây Ba Tư, Mauretania và Tripolitania, Epirus, Dardania, Dalmatia, Moesia, Pannonia, Bắc Ý	Cơ đốc giáo ít phổ biến
IV	Đông Ba Tư, Philistia, Dacia và bờ biển phía Bắc Bắc Hải, Đông Âu, Đức, Raetia, Trung và Bắc Gaul, Bỉ	Một phần nhỏ dân số là người Cơ đốc

Nguồn: Dựa trên Harnack (1908, tập 2, tr. 89-337), Wolfson (1947, Chương 1), Baron (1952, tập 2), Neusner (1965-1970, tập 1, tr. 166-169), Latourette (1975, Chương 1, 5), E. Sanders (1980), Stevenson (1987), Stark (1986, 1996), Feldman (1993, Chương 2), Barclay (1996, 1998), Isaac (1998), J. Sanders (1999, 2000), E. Ferguson (2003), Zetterholm (2003, Chương 3, tr. 216-235), Mullen (2004).

Thứ ba, Cơ đốc giáo thu hút người cải đạo từ tất cả nhóm dân cư, trong đó có những người có thu nhập trung bình và người giàu có.[234] Nhưng, các bài viết của các nhà văn Cơ đốc giáo và cha đạo thời kỳ đầu chỉ ra rằng hầu hết người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo là người mù chữ và nghèo túng.[235] Đây không phải là điều ngạc nhiên, nếu biết rằng cho tới tận thế kỉ 4, đa số người Do Thái vẫn là những người nông dân mù chữ. Do đó, hầu hết

https://thuviensach.vn

người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo hẳn phải là những người nông dân mù chữ.

Thời gian xây dựng giáo đường trong các vùng nông thôn ở Xứ Israel cũng ủng hộ quan điểm cho rằng việc cải đạo của người Do Thái chủ yếu xảy ra ở những người sống ở nông thôn, có thu nhập thấp. Hầu hết giáo đường được xây vào lúc kinh tế Xứ Israel khó khăn nhất – giai đoạn giữa từ thế kỷ 3 và 5 – khi một số người Do Thái di cư tới Mesopotamia.[236] Điều này cho thấy những người Do Thái tài trợ cho việc xây dựng giáo đường ở nhiều ngôi làng ở Xứ Israel là những người giàu hơn so với những người từ bỏ Do Thái giáo sang Cơ đốc giáo. Tất cả những sự kiện này phù hợp với dự đoán trong lý thuyết của chúng tôi (xem Chương 4) rằng nông dân Do Thái có thu nhập thấp và các ông bố Do Thái ít có khả năng chi trả cho việc học của con có sắc suất cải đạo cao hơn.

Nhóm thứ hai ở Xứ Israel tách ra khỏi Do Thái giáo trong thời kỳ này là người Samaritan. Trong thế kỷ 2, một số giáo sỹ và học giả Do Thái vẫn coi người Samaritan là những người thuộc giống Do Thái. Nhưng giáo sỹ Judah haNasi và các học giả sau này lại coi họ là người Cơ đốc giáo. Thời Talmud, các học giả Do Thái đã tranh luận xem liệu có thể coi người Samaritan là *haverim* (“thành viên cộng đồng”) hay là *ammei ha-aretz*. Số lượng người Samaritan giảm vì hai lý do: bị thảm sát và cải đạo sang Cơ đốc giáo.[237]

https://thuviensach.vn

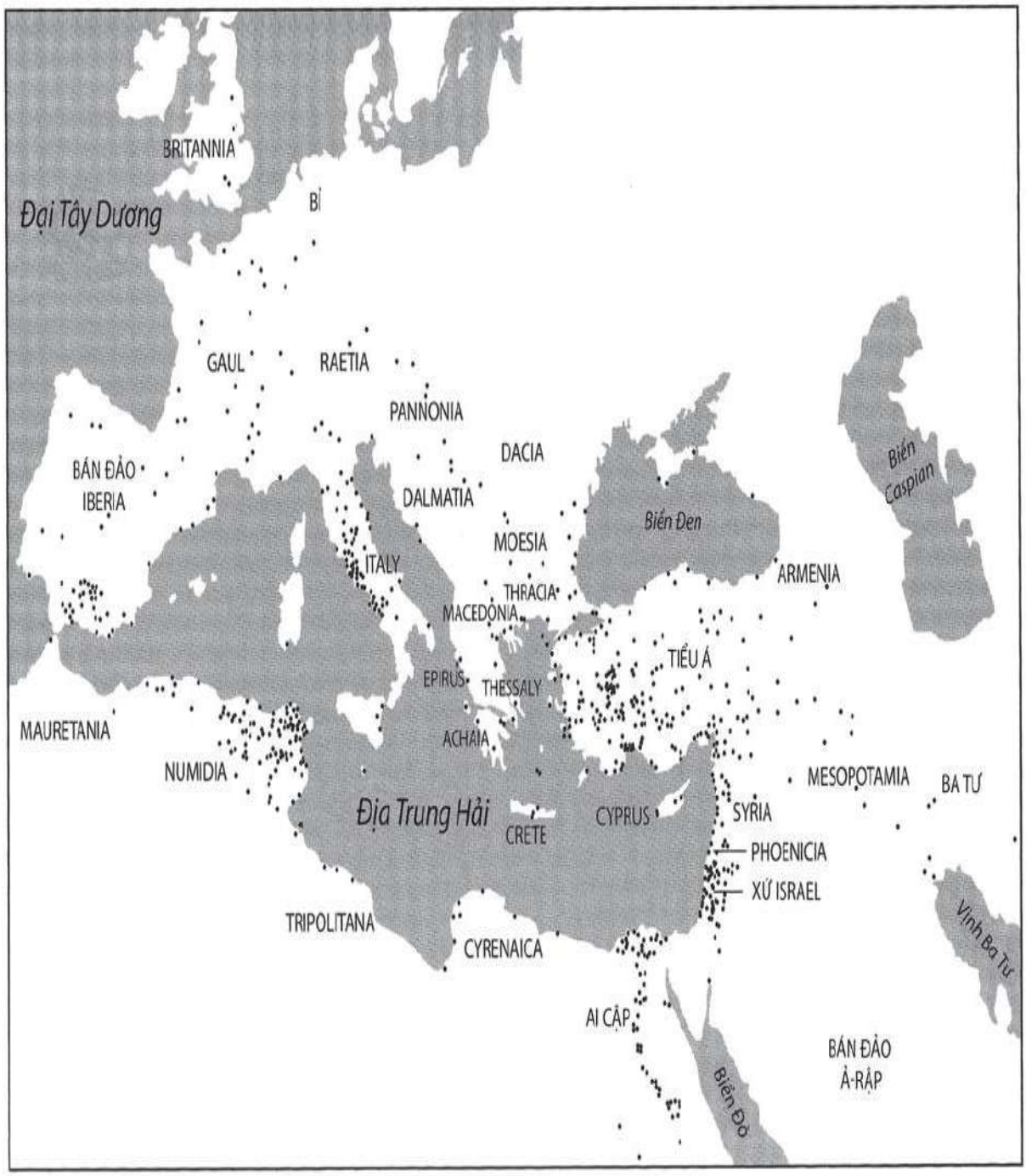

Bản đồ 5.3. Phân bố địa điểm Cơ đốc giáo trước năm 325. *Nguồn*: Vẽ và sử dụng lại từ Mullen (2004).

Về việc cải đạo của người không thuộc giống Do Thái sang Do Thái giáo, các học giả đã từng tranh luận về việc liệu lãnh tụ tôn giáo Do Thái trong thời Talmud có khuyến khích cải đạo hay không.[238] Vào thế kỷ 1 trước CN và thế kỷ 1 sau CN, người theo đa thần giáo đã từng chuyển sang Do Thái

https://thuviensach.vn

giáo.[239] Ngược lại, dường như sau thế kỷ 3 (tức là sau khi biên soạn xong kinh Mishna và củng cố quyền lãnh đạo của các học giả và giáo sỹ trong các học viện), việc cải đạo sang Do Thái giáo thường xảy ra ra do bị ép buộc, ví dụ như những nô lệ của người Do Thái.[240] Việc người theo đa thần giáo cải đạo sang Do Thái giáo trước chứ không phải sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy – khi ban lãnh đạo của các giáo sỹ áp đặt nhiều quy định tôn giáo khắt khe hơn – phù hợp với dự đoán trong lý thuyết mà chúng tôi trình bày trong Chương 4.

https://thuviensach.vn

GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 325 ĐẾN NĂM 700

Bằng Đạo dụ Milan (năm 313) và Hội đồng Nicaea (năm 325), Hoàng đế Constantine đã mở đường cho Cơ đốc giáo truyền bá khắp Đế chế La Mã. [241] Trước năm 325, ở rất nhiều khu vực do La Mã cai trị, Cơ đốc giáo bị cấm, còn người Cơ đốc giáo thì bị đàn áp. Sau năm 325, Cơ đốc giáo được phép hoạt động ở Đế chế La Mã và dần nhận được sự ủng hộ của các hoàng đế La Mã sau này và các hoàng đế Byzantine thời kỳ đầu đến mức là Đế chế Byzantine – vùng phía Đông của Đế chế La Mã – đã trở thành thành trì của tôn giáo mới. Trong giai đoạn này, những người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo không bị ép buộc phải làm như thế: Constantine và các hoàng đế sau này không ép buộc người Do Thái cải đạo. Tất cả các hoàng đế trong đế chế La Mã và đế chế Byzantine thời kỳ đầu từng áp đặt một số hạn chế đối với người Do Thái (như cấm mua nô lệ Cơ đốc giáo hay xây giáo đường) nhưng không bao giờ áp đặt Đức tin Cơ đốc giáo đối với người Do Thái.

Từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 7, có một số người Do Thái tự nguyện bỏ đạo Do Thái. Các vị hoàng đế La Mã và hoàng đế Byzantine thời kỳ đầu đã ban hành sắc lệnh nhằm bảo vệ người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo (Bảng 5.4). Không cần phải ban hành những sắc lệnh này trừ phi khả năng người Do Thái có thể gây hại cho những người Do Thái đã cải đạo sang Cơ đốc giáo được coi là vấn đề lớn.

Trong thế kỷ 5 và 6, khi các vị hoàng đế Byzantine thời kỳ đầu đàn áp các cuộc nổi dậy của người Samaritan thì người Samaritan đã bị ép cải đạo và bị thảm sát. Một trong những vụ đàn áp tàn bạo nhất xảy ra dưới triều Hoàng đế Justinian Đệ nhất, năm 529, khi hàng chục nghìn người Samaritan bị giết hay bị bắt làm nô lệ. Sau đó, ở Đế chế Byzantine Cơ đốc giáo, đức tin của người Samatitan gần như bị đặt ra ngoài vòng pháp luật, khiến dân số họ giảm xuống mức gần như tuyệt chủng.[242]

Như đã nói ở trên, trong hai thế kỷ đầu tiên, đã từng có người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo, nhưng việc này chỉ diễn ta trong một số khu vực như Arbela và Edessa ở Tây Mesopotamia (Bảng 5.3). Trong thế kỷ 4 và 5, Cơ đốc giáo thâm nhập cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia sâu hơn và rộng

https://thuviensach.vn

hơn.[243] Tuy có người Do Thái di cư từ Xứ Israel và Ai Cập tới Mesopotamia do tình hình kinh tế ngày càng tồi tệ, nhưng số lượng người Do Thái ở đây vẫn giảm. Số người Cơ đốc giáo ở Mesopotamia, trong đó có cả người Do Thái cải đạo, đông bằng dân Do Thái.[244]

Bảng 5.4. Luật pháp về người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo, 300-600

Năm	Hoàng đế	Sắc lệnh
311 - 337	Constantine	Phạt tử hình đối với người Do Thái làm hại người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo
364 - 375	Valentinian	Cha mẹ Do Thái bị cấm tước quyền thừa kế của con cải đạo sang Cơ đốc giáo
379 - 395	Theodosius	Phạt tử hình bằng thiêu sống đối với người Do Thái làm hại người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo
395 - 423	Honorius	Người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo được phép quay trở lại Do Thái giáo
395 - 408	Arcadius	Người Do Thái bị cấm cải đạo sang Cơ đốc giáo vì lý do kinh tế
527 - 565	Justinian	Cha mẹ Do Thái bị cấm tước quyền thừa kế của con cải đạo sang Cơ đốc giáo

Nguồn: Parkes (1934), Alon (1980-1984), Linder (1987; 1997).
Ghi chú: Số năm là năm trị vì của hoàng đế. Hoàng đế có thể phê chuẩn hoặc bãi bỏ sắc lệnh của các hoàng đế trước và ban hành sắc lệnh mới.

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Bằng chứng từ kinh Talmud, những thư từ phúc đáp ban đầu của những người đứng đầu các học viện (Gaon) và tài liệu văn học có nhắc đến các giáo đường, cũng như di chỉ khảo cổ học ở các giáo đường cho thấy rằng trong thời Talmud (thế kỷ 3 đến thế kỷ 6), cộng đồng Do Thái ở các làng quê, thị trấn và thành phố ở Xứ Israel, Syria, Lebanon, Mesopotamia, Bắc Phi, Tiểu Á, Balkan, Tây Âu đã thực hiện quy định tôn giáo có từ thế kỉ thứ nhất, yêu cầu các ông bố phải giáo dục con trai mình. Trong những thế kỷ này, ngày càng có nhiều nông dân Do Thái đầu tư cho việc học kiến thức tôn giáo của con cái bằng cách cho con trai từ 6-7 tuổi tới trường tiểu học, được xây bên trong hoặc ngay cạnh giáo đường. Sự gia tăng kiến thức về tôn giáo và kiến thức nói chung trong dân Do Thái, những người sống chủ yếu ở nông thôn diễn ra trong thời kì dân số Do Thái trên thế giới đang giảm.

Tỷ lệ người Do Thái biết chữ tăng và số lượng người Do Thái giảm trong thời Talmud phù hợp với những phỏng đoán của lý thuyết của chúng tôi: (a) một số nông dân Do Thái tuân thủ quy định tôn giáo, cho con tới trường, (b) một số nông dân Do Thái không cho con đi học và cải đạo sang một tôn giáo khác. Trong lịch sử, đây là điều đã xảy ra trong khoảng bốn thế kỷ, từ khoảng năm 200 tới năm 600. Trong giai đoạn này, có một số người Do Thái cho con đi học và không bỏ Do Thái giáo, trong khi một số đáng kể người Do Thái tự nguyện cải đạo sang Cơ đốc giáo giáo – hiện tượng này, cùng với số người chế do chiến tranh và suy giảm dân số nói chung, khiến dân số Do Thái ở Xứ Israel, Syria, Lebanon, Ai Cập, Tiểu Á, Balkan, Tây Âu gần như biến mất vào năm 650. Cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia cũng bị ảnh hưởng bởi làn sóng cải đạo sang Cơ đốc giáo, nhưng vẫn tồn tại và trở thành trung tâm tôn giáo và kinh tế mới của người Do Thái trên thế giới khi Hồi giáo ra đời.

Trong các nền kinh tế nông nghiệp thời Talmud, dân số Do Thái trên thế giới giảm mạnh một phần là do người Do Thái tự nguyện cải đạo sang Cơ đốc giáo, điều này ủng hộ cho phỏng đoán chính trong lý thuyết của chúng tôi, được trình bày trong Chương 4, về sự biến động của Do Thái giáo: về

https://thuviensach.vn

lâu dài, Do Thái giáo dòng giáo sỹ, chú tâm vào việc đọc và nghiên cứu kinh Torah ở giáo đường, không thể sống sót trong các xã hội nông nghiệp tự cung tự cấp. Chi phí cao mà các gia đình Do Thái phải bỏ ra nhằm thực hiện những quy định tôn giáo, trong đó có quy định khá tốn kém, yêu cầu các ông bố cho con đi học, đầu tư cho việc học hành không mang lại lợi ích kinh tế sẽ khiến một số người Do Thái rời bỏ Do Thái giáo sang các tôn giáo khác với ít quy định tôn giáo hà khắc hơn.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 6.
TỪ NÔNG DÂN TỚI THƯƠNG NHÂN, 750-1150

> Hầu hết người Do Thái không có đất là lí do vì sao năm 787 người đứng đầu học viện Sura và học viện Pumbedita bãi bỏ một điều luật Talmud, cho phép thu nợ của trẻ mồ côi và của hồi môn của phụ nữ bằng động sản, trong khi trước đó chủ nợ chỉ được phép lấy bất động sản.
>
> —R. Moses b. Jacob, đứng đầu học viện Sura, khoảng năm 832
>
> Cha mẹ khắp nơi bị ràng buộc bởi giáo luật và áp lực xã hội yêu cầu họ cho con đi học, ít nhất là vài năm. Cộng đồng đã có những cố gắng to lớn nhằm cung cấp học vấn cho trẻ mồ côi và con nhà nghèo.
>
> —Shelomo Dov Goitein, 1971

VÀO NĂM 650, XỨ ISRAEL, SYRIA, LEBANON, TIỂU Á, BẮC PHI (chủ yếu Ai Cập) không còn các cộng đồng Do Thái lớn sinh sống như sáu thế kỷ trước nữa. Gần 75% của khoảng 1-1,2 triệu người Do Thái trên thế giới sinh sống ở Mesopotamia và Ba Tư khi Muhammad (khoảng năm 570-632) đặt nền móng cho một trong những đế chế rộng lớn nhất trong lịch sử.

Đâu là những đặc điểm chính của thế giới Do Thái khi Hồi giáo ra đời? Hầu hết người Do Thái vẫn là nông dân giống như phần còn lại của dân cư. Ở Mesopotamia và Ba Tư, họ là nhóm thiểu số tôn giáo trong một xã hội chủ yếu theo Bái hỏa giáo, sống bên cạnh các nhóm thiểu số tôn giáo khác như người Cơ đốc giáo với số lượng đông như người Do Thái.[245]

Sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang nghề thủ công và thương mại bắt đầu vào cuối thời Talmud (thế kỷ 5-6) – chủ yếu ở Mesopotamia, nơi một số người Do Thái từ bỏ nông nghiệp, chuyển ra thị trấn làm chủ tiệm nhỏ và nghệ nhân trong các ngành thuộc da, dệt lanh, dệt lụa, thổi thủy tinh và nhuộm vải.[246] Các học giả (Amoraim) trong các học viện, là những người đầu tiên tham gia vào các hoạt động thương mại và buôn bán, đòi hỏi phải biết chữ.

https://thuviensach.vn

Việc chuyên môn hóa vào những công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị phát triển cao nhất sau khi vương quốc Hồi giáo Abbasid ra đời, đấy cũng là lúc người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư di cư tới các thành phố và các trung tâm đô thị mới được thành lập. Việc di chuyển này mạnh mẽ tới mức vào cuối thế kỷ 9, gần như toàn bộ dân số Do Thái ở những khu vực này là dân thành thị.[247] Di cư từ nông thôn ra thành thị trùng hợp với việc người Do Thái rút ra khỏi nông nghiệp, nguồn thu nhập chính của họ trong hàng thế kỷ. Quá trình chuyển dịch nghề nghiệp này diễn ra trong khoảng 150 năm: vào năm 900, tuyệt đại đa số người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư làm các nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi và nghề y.[248] Một khi đã bắt đầu, sự chuyển dịch này không bao giờ quay ngược trở lại. Những từ như "thành thị", "có giáo dục cao", "lái buôn", "thương gia", "nhà môi giới", "chủ ngân hàng", "bác sỹ", "học giả" gắn bó mật thiết với người Do Thái cho tới tận ngày nay.

Lý thuyết trình bày ở Chương 4 áp dụng như thế nào cho bối cảnh trong đó hầu hết người Do Thái đã trở thành thợ thủ công và thương gia? Nếu người nông dân Do Thái biết chữ thích làm thương nhân hơn – như một lập luận kinh tế đơn giản cho thấy – thì tại sao vào năm 650 hầu hết người Do Thái biết chữ vẫn làm nông nghiệp? Tại sao, thay vào đó, từ khoảng năm 750 tới năm 900 hầu hết người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư lại chuyển từ nông nghiệp sang nghề thủ công và buôn bán? Lý thuyết của chúng tôi nói lên điều gì về việc đầu tư của người Do Thái cho việc học của con và về tình trạng cải đạo trong môi trường thành thị? Sự kiện lịch sử có ủng hộ cho lý thuyết của chúng tôi về đầu tư cho việc học chữ và giáo dục và cải đạo của những thương nhân Do Thái?

https://thuviensach.vn

TÍNH KINH TẾ CỦA VIỆC BIẾT CHỮ HEBREW TRONG THẾ GIỚI CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN

Để trả lời những câu hỏi nêu trên, chúng ta hãy tưởng tượng mình đang đi ngược thời gian, đặt mình vào vị trí người Do Thái sống ở Mesopotamia và Ba Tư từ năm 650 tới năm 900. Hai nơi này là quê hương của gần 75% dân số Do Thái thời kỳ đó.

Trong Chương 4, chúng tôi giả định những người nông dân Do Thái sống ở một ngôi làng ở Galilee vào khoảng năm 200 CN đối mặt với hai quyết định chính: con trai mình cần biết chữ, giáo dục bao nhiêu là đủ và liệu có nên tiếp tục theo Do Thái giáo dòng giáo sỹ hay cải đạo. Chúng tôi đi sâu phân tích về mặt kinh tế bằng cách bổ sung thêm quyết định thứ ba: liệu có nên tiếp tục làm nông hay chuyển sang các nghề khác như nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi. Để làm cho phân tích đơn giản nhất có thể mà không bỏ qua tầm quan trọng của các sự kiện lịch sử mà chúng tôi muốn giải thích, chúng tôi đưa ra một số giả định. Những sự đơn giản hóa này hóa ra lại phù hợp với những tác phẩm trình bày về nền kinh tế của vùng Địa Trung Hải và Trung Đông trong giai đoạn từ thế kỷ 8 đến thế kỉ 12 của Goitein và Gil.[249]

https://thuviensach.vn

Lý thuyết kinh tế: Thiết lập cơ bản

Tương tự như nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất, được trình bày trong chương 4, hỗn tạp là đặc điểm quan trọng nhất của dân cư thế giới nửa sau thiên niên kỷ thứ nhất. Con người khác nhau về sở thích, niềm tin, tôn giáo, năng lực, thái độ làm việc, sức khỏe cũng như đời sống và thu nhập.

Tương tự như các cá nhân sống ở nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất, người Do Thái và người không phải Do Thái ở nửa sau thiên niên kỷ thứ nhất tìm thỏa dụng qua tiêu thụ. Như trước kia, nông dân và thương nhân Do Thái khác nông dân và thương nhân không phải người Do Thái ở một đặc điểm chính: họ còn tìm thỏa dụng trong việc biết đọc và nghiên cứu kinh Torah, trong việc có con trai biết chữ, biết đọc và nghiên cứu kinh Torah.[250] Họ tiếp tục áp đặt hình phạt xã hội đối với người Do Thái không tuân thủ quy định tôn giáo về việc cho con tới trường học đọc và nghiên cứu kinh Torah. Người *ammei ha- aretz* tiếp tục bị gạt ra ngoài xã hội. Nói theo thuật ngữ kinh tế học, hình phạt xã hội mang lại bất thỏa dụng (thiệt hại) cho những người Do Thái không đầu tư cho việc học chữ và giáo dục của con mình.

Người nông dân Do Thái ở Mesopotamia năm 650 hoặc năm 850 không khác nhiều so với người nông dân Do Thái ở Galilee năm 200.[251] Sức khỏe, vốn hiểu biết về đất trồng trọt, sử dụng kỹ thuật canh tác là những thứ cha truyền con nối, muốn trở thành người nông dân có năng suất cao thì phải cần cù lao động. Trong các nền kinh tế tự cung tự cấp của thiên niên kỷ thứ nhất, hầu hết nông dân trồng trọt và chăn nuôi chủ yếu để tiêu dùng, họ chỉ bán đi phần còn lại sau khi đã để dành nuôi gia đình. Họ sản xuất rất ít hàng hóa để bán lấy tiền. Họ hiếm khi thành lập đối tác kinh doanh, soạn thảo hợp đồng hoặc tham gia giao dịch, đòi hỏi những tính toán phức tạp. Theo ngôn ngữ kinh tế học, biết chữ và có học vấn không phải là các chi phí đầu vào quan trọng cho hoạt động sản xuất của nông dân và do đó, không làm cho nông dân – Do Thái hay không phải Do Thái – có năng suất cao hơn và giàu có hơn.

Biết chữ ảnh hưởng tới người thành thị làm các công việc đòi hỏi kỹ năng như thế nào? Thậm chí người thợ thủ công và thương nhân mù chữ cũng có

https://thuviensach.vn

thể có thu nhập tốt: một người đóng giày có thể đóng giày mà không cần biết đọc hay biết viết. Để đơn giản, chúng tôi giả định rằng thợ thủ công và thương nhân mù chữ có thu nhập chỉ bằng nông dân.[252] Giả định này nghe có vẻ hợp lý vì nếu không đúng, nông dân sẽ bỏ nghề nông để trở thành thợ thủ công và thương nhân (mù chữ).[253]

Bản chất công việc của họ khiến việc biết chữ trở nên vô cùng giá trị đối với những người thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi, tức là những người sản xuất hàng hóa và cung cấp dịch vụ để bán trên thị trường. Bán hàng hóa hay dịch vụ, mua nguyên liệu thô, sử dụng hợp đồng, hiểu biết tình hình thị trường, tất cả đều rất quan trọng đối với thu nhập của họ. Nhiều thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi có lợi từ việc thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh và tìm được người cung cấp tài chính. Soạn thảo và đọc hợp đồng, thư từ, giấy tờ chuyển nhượng nhà đất, sổ sách kế toán, bảng kiểm kê, bảng giá, tỷ giá hối đoái có thể cải thiện đáng kể cách làm việc của những người làm trong những ngành nghề này. Nói theo ngôn ngữ kinh tế học, biết đọc, biết viết và kiến thức của người lớn và con trai của người đó có tham gia vào hoạt động sản xuất của thợ thủ công, lái buôn và người cho vay lãi, làm tăng năng suất và thu nhập của họ.

Tương tự như ngày nay, việc biết đọc biết viết và kiến thức của một người lớn ở thiên niên kỷ thứ nhất được quyết định bởi đầu tư của cha mẹ ngay từ khi người đó còn bé. Anh ta có thể quyết định học cao hơn nhưng nếu không có khoản đầu tư ban đầu của cha mẹ thì khi trưởng thành anh ta không thể học cao hơn được.

Do đó, kiến thức tôn giáo bằng tiếng Hebrew có tác động như vết dầu loang đối với kiến thức nói chung, như lời khẳng định đầy thuyết phục của nhà kinh tế học Carmel Chiswick.[254] Người Do Thái nào tuân thủ quy định tôn giáo của Do Thái giáo và cho con trai từ 6-7 tuổi tới giáo đường hoặc trường tiểu học để học đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew đều cải thiện đáng kể khả năng đọc và nghiên cứu bất kì văn bản viết nào khác bằng tiếng Hebrew (sau này là các ngôn ngữ khác nữa) của cậu bé. Hơn nữa, học đọc giúp người ta học viết. Học đọc cũng giúp phát triển khả năng tính

https://thuviensach.vn

toán, tính giá cả, chi phí, lãi suất, tỷ giá hối đoái, do đó giúp phát triển khả năng kế toán. Vì các lý do đã nêu, đây là những kỹ năng vô dụng đối với người nông dân hoạt động trong các nền kinh tế nông nghiệp của thiên niên kỷ thứ nhất. Nhưng đây lại là những tài sản quan trọng cho thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi.

Nhờ vào sự uyên bác trí tuệ của các học giả trong các học viện ở Xứ Israel và Mesopotamia từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 6 mà người Do Thái có kinh Talmud, có thư từ phúc đáp và tòa án giáo sỹ (xem Chương 5). Một bộ luật được tất cả các cộng đồng Do Thái trên thế giới chấp nhận (Talmud); bổ sung cho bộ luật là kho thư từ phúc đáp do những người đứng đầu các học viện viết, những người đã điều chỉnh halakha (những điều luật từ kinh Torah thành văn và truyền khẩu – ND) của người Do Thái để đối phó với những tình huống mới, chưa từng gặp; và tòa án giáo sỹ đảm bảo rằng hợp đồng được thực hiện – tất cả những thiết chế này đều là những tài sản vô giá cho những người Do Thái làm những công việc thu lợi từ việc thực hiện hợp đồng như nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi.[255] Biết chữ rõ ràng là điều kiện tiên quyết đối với những thiết chế này.

Các ông chủ gia đình Do Thái sống ở Mesopotamia và Ba Tư từ giữa thế kỷ 7 đến cuối thế kỷ 9 dùng thu nhập trong khi hành nghề để mua hàng hóa tiêu dùng cho gia đình (thức ăn, chỗ ở, quần áo); đóng thuế; nếu cho con đi học tiểu học thì họ mất chi phí trực tiếp (sách vở, học phí) cũng như chi phí cơ hội là tiền con họ nhẽ ra có thể kiếm được nếu để chúng đi làm. Nói theo ngôn ngữ kinh tế học, mỗi hộ gia đình có một hạn chế về ngân sách, họ phân bổ ngân sách theo nhiều cách khác nhau.

Với những cơ hội và hạn chế mà họ phải đối mặt, cũng như những sở thích, nguyện vọng, tín ngưỡng, người Do Thái sống ở Mesopotamia và Ba Tư do người Hồi giáo cai trị sẽ lựa chọn công việc, tôn giáo, đầu tư cho việc học chữ và giáo dục của con như thế nào?

https://thuviensach.vn

Lý thuyết kinh tế: Những dự đoán

Trước tiên, chúng tôi phân tích lựa chọn công việc bằng cách áp dụng lôgic trong mô hình chọn lựa nghề nghiệp của Roy.[256] Người Do Thái biết chữ sẽ chọn nghề gì? Khi mà thu nhập từ nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi gia tăng cùng với việc biết chữ và có kiến thức, với thiết chế thi hành hợp đồng mang lại lợi ích lớn cho các giao dịch thương mại và kinh doanh cho nên tất cả những người Do Thái biết chữ đều thích làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi hơn vì họ có thể thu được nhiều hơn nếu theo đuổi những nghề này thay vì làm nông.[257] Điểm đầu tiên trong lý thuyết của chúng tôi là người Do Thái biết chữ sẽ luôn tìm kiếm cơ hội tìm công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị, tức là những nghề mang lại lợi nhuận cao cho khoản tiền họ đầu tư vào việc học chữ và giáo dục.

Ai sẽ làm những ngành nghề này đầu tiên? Khi nền kinh tế chuyển từ nông thôn và nông nghiệp sang thành thị và thương mại thì người nông dân Do Thái biết chữ sẽ là người đầu tiên trở thành thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi. Người nông dân không phải Do Thái, không được cha mẹ đầu tư cho việc học chữ thì việc học để làm một nghề đòi hỏi phải biết chữ là việc gần như bất khả thi.

Bao nhiêu người Do Thái sẽ trở thành cư dân thành thị làm những công việc đòi hỏi tay nghề? Nhu cầu đối với những công việc đòi hỏi tay nghề là yếu tố quyết định bao nhiêu người Do Thái biết chữ có thể làm những công việc này. Khi có rất ít công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị do nền kinh tế chủ yếu vẫn là kinh tế nông nghiệp, thì nhiều người Do Thái biết chữ sẽ buộc phải tiếp tục làm ruộng. Khi quá trình đô thị hóa diễn ra, các ngành công nghiệp mới hình thành, hoạt động buôn bán và thương mại phát triển, nhu cầu đối với một loạt các công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị tăng thì nhiều người Do Thái biết chữ sẽ có thể tham gia làm những công việc này. Do đó, điểm thứ hai trong lý thuyết của chúng tôi là đô thị hóa và quá trình bành trướng thương mại sẽ tạo điều kiện cho một tỷ lệ lớn dân số Do Thái rời bỏ nông nghiệp và chuyên làm nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi và

https://thuviensach.vn

những công việc đòi hỏi tay nghề khác trước bất cứ nhóm sắc tộc hay tôn giáo nào khác.

Tiếp theo, chúng tôi xem xét quyết định có nên đầu tư và đầu tư bao nhiêu cho việc học chữ và giáo dục con cái. Hàm ý thứ ba trong lý thuyết của chúng tôi là việc biết chữ mang lại lợi ích cho thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi nhưng không có ích đối với nông dân (không cần biết họ theo tôn giáo nào) có nghĩa là thợ thủ công, thương và người cho vay lãi có động cơ trong việc đầu tư cho việc học chữ và giáo dục cho con cao hơn nông dân. Hàm ý thứ tư trong lý thuyết của chúng tôi là, những người thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi Do Thái sẽ có khả năng đầu tư cho việc học chữ và giáo dục của con nhiều hơn – và sẽ đầu tư nhiều hơn – so với người thuộc sắc dân khác vì ngoài lợi thế thu nhập do việc biết chữ mang lại, người Do Thái tuân thủ quy định tôn giáo của Do Thái giáo còn thu được thỏa dụng từ việc biết đọc và nghiên cứu kinh Torah ở giáo đường và từ việc con trai họ cũng biết đọc và nghiên cứu kinh Torah.

Cuối cùng, chúng tôi xem xét lựa chọn theo tôn giáo nào. Liệu một số người thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi Do Thái có tự nguyện cải đạo như lý thuyết của chúng tôi phỏng đoán về người nông dân Do Thái hay không? Câu trả lời là không. Để hiểu tại sao, chúng tôi quay trở lại lý do cải đạo của người nông dân Do Thái (xem Chương 4). Người biết chữ luôn luôn muốn làm những công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị hơn là làm ruộng, họ sẽ luôn luôn đầu tư cho việc học chữ và giáo dục con cái. Giả sử chi phí cho việc học chữ và giáo dục của người Do Thái và người không phải Do Thái là như nhau, lợi ích kinh tế từ việc biết chữ và có học là như nhau, thì người Do Thái sẽ đầu tư nhiều hơn cho việc học chữ và giáo dục của con, vì là thành viên của tôn giáo đề cao học vấn cho nên họ có thêm lợi ích từ việc tuân thủ quy định tôn giáo và trở thành người biết chữ.[258]

Ngoài ra, do biết chữ cho nên người Do Thái không phải chịu hình phạt xã hội mà cộng đồng Do Thái áp đặt đối với người Do Thái mù chữ. Do đó, kể cả không gắn bó gì với Do Thái giáo thì người Do Thái làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi không có lý do gì để cải đạo chừng nào họ

https://thuviensach.vn

không bị phân biệt đối xử. Trừ phi người Do Thái làm những công việc đòi hỏi tay nghề phải trả thuế cao hơn người không phải Do Thái (hoặc bị các hình thức phân biệt đối xử khác) thì họ cũng sẽ chẳng có lợi lộc gì từ việc cải sang một tôn giáo khác.[259] Phỏng đoán cuối cùng trong lý thuyết của chúng tôi là cùng với thời gian, số lượng người Do Thái sinh sống ở thành thị, có học vấn cao, làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi sẽ duy trì ổn định hoặc tăng vì có rất ít người tự nguyện cải đạo.

https://thuviensach.vn

THỜI KỲ VÀNG SON CỦA NGƯỜI DO THÁI BIẾT CHỮ Ở CÁC VƯƠNG QUỐC HỒI GIÁO

Những giả định của chúng tôi có phù hợp với những đặc điểm chính của xã hội và của nền kinh tế, nơi người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư sinh sống từ giữa thế kỷ 7 tới cuối thế kỷ 9 không? Lịch sử kinh tế và nhân khẩu học của người Do Thái thời kỳ đó có ủng hộ cho năm hàm ý của lý thuyết của chúng tôi không?

https://thuviensach.vn

Biết chữ Hebrew

Hàm ý đầu tiên của lý thuyết của chúng tôi là học vấn tôn giáo bằng tiếng Hebrew (khả năng đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew) có tác động như vết dầu loang đối với học vấn nói chung (biết đọc, rồi biết viết bất cứ tài liệu nào bằng tiếng Hebrew hay bất cứ ngôn ngữ nào khác). Bảng chữ cái Hebrew, Aram, Hy Lạp, La-tinh rất giống nhau.[260] Do đó, việc đi học tiếng Hebrew ở giáo đường từ nhỏ giúp các cậu bé Do Thái tăng khả năng học các bảng chữ cái khác và đọc những ngôn ngữ được sử dụng ở những nơi có người Do Thái sinh sống.

Học đọc chữ Hebrew cũng giúp phát triển khả năng viết chữ Hebrew (và các ngôn ngữ khác). Tư liệu trong kho lưu trữ ở Cairo khắc họa rõ việc người Do Thái biết viết trước hầu hết các dân tộc khác khi mô tả giao dịch kinh tế của thợ thủ công, chủ tiệm, thương nhân đường dài, người cho vay lãi Do Thái ở Trung Đông, Bắc Phi do người Hồi giáo cai trị.[261] Hầu hết hợp đồng kinh doanh, thư từ cá nhân được viết bằng một thứ tiếng Ả-rập bình dân, bị ảnh hưởng nặng của khẩu ngữ và được viết bằng chữ Hebrew (gọi là Do Thái – Ả-rập). Biết viết tạo điều kiện cho thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi Do Thái tiến hành giao dịch kinh doanh với người không có nguồn gốc Do Thái vì họ biết khẩu ngữ địa phương (tiếng Ả-rập ở các vương quốc Hồi giáo) kể cả nếu họ sử dụng ký tự Hebrew để viết văn bản.[262]

Hàm ý thứ hai của lý thuyết của chúng tôi là biết chữ (khả năng đọc và viết) nâng cao thêm năng suất lao động và thu nhập cho thợ thủ công, thương nhân và người cho vay lãi vì nhiều lý do. Ở thiên niên kỷ thứ nhất, hầu như mọi loại hàng hóa đều được làm theo đơn đặt hàng. Các nghệ nhân và người làm nghề thủ công như thợ vàng bạc, thợ làm đồ trang sức, thợ rèn, người sản xuất vũ khí, thợ giày, thợ nhuộm, thợ dệt, thợ may đều có lợi thế từ việc biết đọc và soạn thảo hợp đồng, trong đó ghi rõ đặc điểm nguyên liệu thô và thành phẩm. Những hợp đồng như vậy được sử dụng trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa khách hàng và người bán.

https://thuviensach.vn

Lợi ích kinh tế mà thợ thủ công và thương nhân có được từ việc biết chữ được minh họa bằng ba trong số rất nhiều bức thư được tìm thấy trong kho lưu trữ ở Cairo. Bức thư đầu tiên được lái buôn Do Thái gốc Tây Ban Nha, tên là Jacob b. Samuel sống ở Palermo, viết vào khoảng năm 1030 cho người anh rể Do Thái gốc Tây Ban Nha là Joshua b. Nathan, sống ở Fustat (Cairo cũ), Ai Cập:[263]

> Làm ơn mua cho em một tấm áo choàng mặc ngày lễ có khăn trùm đầu bằng lanh mịn, màu xanh lá đính sợi chỉ vàng, giá từ 8-10 dinar, dệt bằng sợi dày mặc cho bền. Mua thêm hai cái khăn trùm đầu màu trắng, dài sáu cubit, giá từ 2¼ – 2½ dinar, một đôi… giày.

Bức thư thứ hai được một lái buôn Do Thái sống ở Tyre, Lebanon, viết hồi thế kỷ 11:[264]

> Trong thư trước, em đã thông báo với anh là sợi đã về… ngay sau khi sợi về, em đã giao cho một người thợ thủ công Do Thái đáng tin cậy. Trước đó, em đã cho một số thợ thủ công xem, họ bảo rằng số sợi này làm được một nghìn cái áo choàng hàng chợ và hơn một nghìn cái một chút nếu làm ở nhà. Trong các cuộn sợi, có bốn cuộn bị hỏng vì sợi bị xù, biến dạng. Theo chỉ dẫn của anh, em cũng đưa cho người thợ dệt hai cái áo choàng loại hàng chợ.

Sau khi xong mỗi cuộn, người thợ thủ công được nhận ¾ dinar. Khâu thêu sẽ tốn 1/6 dinar và ½ qīrāt, tẩy trắng và đập 5 qīrāt, tổng cộng (cho một cuộn) là 1⅛ dinar Nizāriyya…

Công đoạn tẩy trắng phải qua lễ Quá hải mới xong. Vì bây giờ đang là mùa đông, Chúa không cho tẩy trắng vào mùa đông, nó sẽ không sáng như làm vào mùa hè…

Bức thư thứ ba do Moses, con trai Barhūn, người lớn tuổi nhất trong gia đình Tāhertī, một trong những gia đình giàu có, thế lực nhất ở Qayrawan, viết. Bức thư được gửi cho Sahl, người lớn tuổi nhất trong gia đình Tustarī, một trong những gia đình giàu có và danh giá nhất ở Ai Cập:[265]

> Tôi muốn chiếc áo choàng có màu đỏ sẫm, càng đỏ càng tốt, chiếc màu trắng và chiếc màu vàng cũng phải có màu thật đẹp.

https://thuviensach.vn

Tôi không thích màu chiếc áo vàng lần trước. Chiếc áo choàng màu trắng dùng làm áo khoác dài không tay phải có cùng chất lượng. Áo choàng tốt nhất là áo choàng cũ. Phải cắt làm hai miếng. Giá phải là 2[5 dinar], hoặc tùy anh định giá; thêm 1 dinar cho chiếc áo nào được anh duyệt còn hơn là một chiếc không đẹp lắm.

Cái áo lụa Đ[a-mát] tuyệt đẹp nhưng không đúng màu người ta đặt. Cái áo này màu trắng và xanh lơ, nhưng tôi muốn áo màu xanh côban, màu mở, tùy theo ý thích của anh mà làm. Tôi m[ong có] chiếc áo đẹp nhất, do anh chọn.

Tôi cũng mong có hai chiếc áo choàng màu xám chì có viền, mỗi chiếc giá khoảng 25 dinar hoặc hơn một ít cũng được miễn là áo loại một…

Biết chữ – và do đó biết đọc/soạn thảo hợp đồng, giấy tờ chuyển nhượng, thư từ – cũng góp phần đẩy mạnh việc thành lập đối tác kinh doanh giữa các thương nhân, như một bức thư điển hình trong kho lưu trữ Cairo cho thấy. Được nhà buôn Do Thái Abraham viết khoảng năm 1020 cho lái buôn Do Thái Joseph Ibn Awkal ở Fustat, bức thư nói tới 12 nhà buôn (11 người Do Thái, một người Hồi giáo) là đối tác kinh doanh của Abraham:[266]

> Tôi thông báo với anh rằng tôi đã tới [Alexandria] an toàn… Tôi chất 9 miếng antimon (phấn côn), năm miếng để trong giỏ, bốn miếng để riêng, lên thuyền của Ibn Jubār… Mūsā Ibn al-Majjānī gửi riêng cho anh đấy. Trên con thuyền này, tôi có chung với anh một lượng đồng đúc, một giỏ đựng mẩu (đồng), hai miếng antimon…

Tôi cũng gửi theo [thủy thủ] Banāna một số lạc đà Ibn al-Majjānī gửi cho anh, một số lạc đà của tôi chung với anh… Anh ta cũng chở một số hàng khác của tôi chung với Ammār Ibn Yijū, bốn bình nhỏ (dầu).

Với Abū Zayd tôi có một tàu thiếc chung với Salāma al-Mahdawī. Phần của anh trong số hàng này là 50 cân Anh. Tôi cũng có 17 bình x[à phòng] nhỏ… Đây là hàng của một người [tên là]r b. Salmūn, nhờ tôi gửi, rủi ro anh ta tự chịu. Ngoài ra còn có một bó đồng của một người [Hồi giáo] ở Maghreb, tên là Abū Bakr Ibn Rizq Allah. Hai bó khác, một bó có ghi Abraham, bó kia ghi chữ M… Tôi đồng ý với chủ tàu là anh ta sẽ trở hàng tới nơi…

https://thuviensach.vn

Làm ơn bán chỗ thiếc cho tôi với bất cứ giá nào Chúa cho và để lại tiền khi tôi tới. Tôi sẵn sàng đi nhưng phải ở lại để dỡ hắc ín với dầu khỏi thuyền.

Biết chữ tạo thuận lợi cho việc học các kỹ năng khác như làm tính, tính tỷ giá hối đoái, ghi chép giao dịch kinh doanh. Tài liệu trong kho lưu trữ ở Cairo đầy những mô tả các phép tính phức tạp liên quan đến hợp đồng hôn nhân, quyên góp cho người nghèo, bản kê chi trả của cộng đồng, di chúc, định cư và rất nhiều các hoạt động kinh doanh khác.[267] Điều ngạc nhiên là, tuy từ thế kỷ 9, người đọc sách khoa học đã biết đến chữ số Ả-rập[268] và đại số, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy thương nhân, thợ thủ công, bác sỹ, người cho vay lãi, giáo viên hay học giả Do Thái nào sử dụng chữ số Ả-rập.[269]

Thư từ và sổ sách kế toán trong kho lưu trữ Cairo cho thấy phép cộng và trừ chỉ dựa vào ký tự Hebrew và Hy Lạp. Những người Do Thái cũng như không phải người Do Thái làm những nghề này có lẽ tính nhẩm trong đầu và khi cần thì dùng bàn tính.

Biết chữ tạo điều kiện cho người Do Thái đọc và soạn thảo hợp đồng, thư từ, đồng thời giúp họ giao tiếp từ xa. Tin tức về điều kiện đi lại, trong đó có cả việc có an toàn trước bọn cướp biển và các mối nguy khác; nhu cầu về sản phẩm ở một địa điểm cụ thể; thay đổi giá cả; cơ hội ăn chênh lệch giá; khối lượng lớn thông tin bổ sung có thể được truyền bằng thư từ nơi này tới nơi khác. Ví dụ, đây là một bức thư viết ở Jerusalem giữa thế kỷ 11:[270]

> Anh hỏi về lụa. Ở đây, màu đen và màu xanh da trời đắt hàng nhất, và thực ra là tất cả các màu. Tuy nhiên, đỏ thẫm không bán được ở Jerusalem, nhưng có thể bán được ở Tamle hay Ascalon. Đỏ san hô bán chậm ở Jerusalem vì Jerusalem là thị trấn nghèo. Trong bất cứ trường hợp nào, cứ mang hết hoặc một phần hàng tới đây vì thành công nằm trong tay Chúa. Nếu dịp này người Ba Tư tới thì họ có thể mua…

Một bức thư khác được thương nhân Do Thái gốc Tunisia, tên là Yahyā, con trai của Mūsā, gửi vào khoảng năm 1040 cho người học việc trước kia và giờ là đối tác của ông ta, đang sống ở Ai Cập:[271]

https://thuviensach.vn

> Trong thư anh viết về phần chỗ đồng bị mất – cầu Chúa thương xót chúng ta – ban cho chúng ta ít lãi từ chỗ antimon, cánh kiến đỏ và gỗ thơm anh cho chất lên hai con tàu Mi'dād và 'Abūr. (Anh nói rằng) kiện hàng trên tàu Mi'dād sau đó được dỡ xuống; tôi tin chắc kiện hàng kia cũng sẽ được dỡ. Tuy nhiên, tôi hy vọng có thuyền bè qua lại trên tuyến Barqa. Do đó, hãy đóng lại các kiện hàng thành kiện hàng cho lạc đà chở – một nửa kích cỡ ban đầu – và gửi hàng qua đường Barqa. Có lẽ tôi sẽ bán được giá và dùng tiền mua antimon trong mùa đông này. Người anh em thân mến, vì nếu hàng năm nào cũng tồn ở Alexandria thì chúng ta sẽ không có lãi.

Chỉ cần lượng nhỏ gỗ thơm ở đây thôi, nhu cầu cao lắm. Một lần nữa, đừng có lơ đễnh, cố gắng gửi hàng trên tuyến Barqa – cầu Chúa phù hộ cho anh và tôi và cả Xứ Israel làm điều tốt.

Ngoài khả năng đọc viết cơ bản, người Do Thái học kinh Talmud còn có kỹ năng tư duy duy lý và phân tích vấn đề. Những kỹ năng phân tích này có thể có ích khi giải quyết các giao dịch thương mại và kinh doanh.[272] Trên thực tế, nhiều thương nhân đồng thời cũng là người có học; một số thậm chí còn là học giả, thông thạo luật pháp và văn hóa Do Thái, điều này được chứng minh qua những quan điểm về pháp luật mà họ ghi trên mặt sau những bức thư kinh doanh mà họ nhận được, hiện được giữ trong kho lưu trữ Cairo.[273]

Tóm lại, học vấn tôn giáo – khả năng đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew – có tác động như vết dầu loang tích cực đối với học vấn nói chung; nó giúp người Do Thái ăn nên làm ra với nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi. Mối quan hệ chặt chẽ giữa sùng đạo và kỹ năng buôn bán của thương nhân Do Thái được thể hiện trong một bức thư do một thương nhân Do Thái gốc Ba Tư tên là Isaac ben Simhā al-Nīsābūrī, sống ở Alexandria, viết khoảng năm 1120 cho một người Do Thái gốc Syria (Damascus) là Abu el-Alā Sāid ha-Levi, con trai của Joseph, người phát chẩn và giữ quỹ của tòa án ở Fustat:[274]

https://thuviensach.vn

> Abu ‘l-Hasan Caleb b. Nathan đến cách đây một thời gian và nói với tôi là anh ta có mang theo thư có ghi kích thước đôi chiếu mà ngài đặt làm; anh ta đã đánh mất bức thư và cũng không nhớ kích thước…

Cũng xin đề nghị ngài gặp R. Abraham the Rūmī, vị học giả viết cuộn kinh Torah ở Tinnīs và năm nay nghe nói ông ta viết hai cuộn nữa ở Fustat. Trước nay, chúng ta chưa có cuộn kinh Kinh Luật trên da cừu. Nhưng bây giờ, với sự trợ giúp của Đấng tạo sinh, chúng ta đã có da và quyết… giải quyết chuyện này. Do đó, tôi đề nghị ngài gặp quý ông R. Abraham nói trên và thỏa thuận với ông ta về tiền thù lao và toàn bộ chi phí. Ông ta tới đây càng sớm càng tốt. Ở đây có nhiều học giả nhưng trong chuyện này chúng ta cố gắng làm sao để cuộn kinh của giáo đoàn được viết bằng chữ đẹp nhất…

Tôi biết việc ngài đã làm để giải phóng lượng cây vang đó. Cầu cho lòng tốt của ngài mãi phù hộ tôi.

https://thuviensach.vn

Các thiết chế thực thi giao ước

Hàm ý thứ ba trong lý thuyết của chúng tôi là người Do Thái có các thiết chế thực thi hợp đồng, tuy không có ích với người nông dân, nhưng rõ ràng mang lại ích lợi cho những giao dịch kinh doanh của những người làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi. Trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất, học giả ở các học viện ở Xứ Israel và Mesopotamia ban cho người Do Thái ba đòn bẩy dùng để thực hiện hợp đồng: bộ luật Talmud, học viện và tòa án giáo sỹ, thư từ phúc đáp (xem Chương 5). Thông qua Talmud, giới lãnh đạo Do Thái đã tạo ra một khối lượng lớn chuẩn mực, quy định tôn giáo và tiền lệ pháp lý, tạo điều kiện cho các cộng đồng Do Thái sống rải rác trong khu vực Địa Trung Hải và Trung Đông chia sẻ chữ viết chung (chữ Hebrew) và một khuôn khổ pháp lý chung, không phụ thuộc vào môi trường chính trị, kinh tế và tôn giáo nơi họ sống.

Các học viện đồng thời cũng là các tòa án giáo sỹ, các học viện này tư vấn cho người Do Thái về những vấn đề cụ thể và giúp giải quyết tranh chấp pháp lý hay kiện tụng liên quan đến các vấn đề kinh tế, xã hội và tôn giáo diễn ra hàng ngày. Cho dù người Do Thái sinh sống ở đâu – ở Babylon thế kỷ 6, ở Fustat thế kỷ 8 hay ở Córdoba thế kỷ 11 – thì các tòa án giáo sỹ vẫn cung cấp được một bộ máy tư pháp và trọng tài lấy Talmud làm bộ luật ràng buộc, nhưng họ đã sửa đổi các quy định trong Talmud cho phù hợp với môi trường kinh tế và xã hội của người Do Thái lúc đó.

Thư từ phúc đáp của giáo sỹ tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng Talmud cho các vấn đề mới và tình huống bất trắc.[275] Trong các học viện hàng đầu của Sura và Pumbedita ở Mesopotamia, các học giả thảo luận từng vấn đề, họ dùng Talmud làm kim chỉ nam trước khi ra phán quyết bằng văn bản, sau đó, thông qua mạng lưới các thương nhân Do Thái, được gửi tới tất cả các cộng đồng Do Thái ở những nơi có người Do Thái di cư sinh sống.[276] Cấu trúc cơ bản của một bức thư phúc đáp gồm một phán quyết, lý do ngắn gọn cho phán quyết đó, trích dẫn ủng hộ từ Talmud, và thường kèm lời bác bỏ bất cứ lời phản đối có thể có nào. Đây là dịch vụ phải trả tiền: người gửi câu hỏi phải trả tiền cho thư phúc đáp. Số tiền này giúp nuôi học viện và các học

https://thuviensach.vn

giả. Thư từ phúc đáp chỉ ra rằng một số hợp đồng giữa người Do Thái và người thuộc sắc dân khác có điều khoản nói tới việc dùng giáo sỹ làm trọng tài trong trường hợp xảy ra bất đồng. Giá trị của những dàn xếp và thỏa thuận này là rất cao vì các giáo sỹ có thành tích từ các quyết định trước, là những người quen thuộc với hoạt động của các thương nhân, có thể chuyển thư trả lời an toàn thông qua những thương nhân đi lại giữa hai nơi.

Có chung bảng chữ cái (chữ Hebrew) có thể được dùng để viết bất cứ ngôn ngữ nào, biết đọc, biết viết, một bộ luật (Talmud) và tòa án (tòa giáo sỹ) chung, quá trình sửa đổi Talmud cho phù hợp với môi trường kinh tế, xã hội và chính trị nơi họ sống (thư từ phúc đáp) tạo ra một cơ chế mang tính mạng lưới đầy sức mạnh, giúp người Do Thái thành đạt trong một loạt ngành nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi và những công việc đòi hỏi tay nghề khác.

Avner Greif đã chỉ ra cách thức mà mạng lưới này cho phép các thương nhân ở Maghreb (các thương nhân Do Thái ở Bắc Phi) thế kỷ 11 và 12 vượt qua được tình trạng thiếu vắng nhà nước, đóng vai trò cơ chế thực thi hợp đồng, nhằm áp đặt hình phạt tập thể trong cộng đồng thương nhân Do Thái, và để thực thi luật Talmud trong các cộng đồng Do Thái sinh sống rải rác khắp vùng Địa Trung Hải.[277] Theo Greif, những thương nhân Do Thái này thành công là do, tuy là một cộng đồng nhỏ nhưng khác biệt, nên họ có thể giảm thiểu hành vi mang tính cơ hội của thành viên cộng đồng bằng cách khai trừ những người đi chệch khỏi các chuẩn mực hành vi kinh tế đã được mọi người thảo thuận hoặc lạm dụng lòng tin của các thành viên khác trong cộng đồng Do Thái trên thế giới. Một khi có lòng tin giữa các thành viên một nhóm nhỏ và các chuẩn mực hợp tác được lập ra, thì thành viên của cộng đồng Do Thái trên toàn thế giới đã được trang bị tốt để thực hiện những chuyến buôn bán đường dài vì họ có thể tìm được đồng hương ở nước ngoài mà họ biết là sẽ không cư xử theo kiểu cơ hội chủ nghĩa.

Chỉ có các thương nhân Do Thái biết đọc mới có thể phạt các thương nhân Do Thái lừa dối, cư xử theo lối cơ hội chủ nghĩa với thương nhân Do Thái khác mà thôi. Do đó, biết chữ là điều kiện tiên quyết để áp dụng hình

https://thuviensach.vn

phạt của cộng đồng, phán quyết của tòa án Do Thái và phán quyết của các học giả tại các học viện ở Mesopotamia.

https://thuviensach.vn

Thu nhập theo ngành nghề

Hàm ý thứ tư của lý thuyết của chúng tôi là việc biết chữ tham gia vào các hoạt động sản xuất và làm gia tăng thu nhập cho những người làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi trong khi không mang lại lợi ích gì cho nông dân. Do đó, tính trung bình, thu nhập từ nghề nông thấp hơn thu nhập từ những công việc được hưởng lợi từ việc biết chữ.

Bảng 6.1 cho thấy một số dữ liệu ủng hộ cho giả định này. Ở Xứ Israel trong những thế kỷ đầu của thiên niên kỷ thứ nhất, công nhân có tay nghề ở thành thị có thu nhập gấp đôi công nhân nông nghiệp. Điều này cũng đúng đối với những khu vực khác và thời kỳ khác.[278]

Bảng 6.1. Chênh lệch tiền lương nông thôn – thành thị ở một số địa điểm, một số năm

Địa điểm/thời kỳ	Công nhân nông nghiệp	Công nhân có tay nghề ở thành thị
Trung Đông		
Xứ Israel, 1 sau CN-300	24 - 48	48 - 72
Mesopotamia, 1 sau CN-300	72 - 96	—
Ai Cập, 1 sau CN-300	4 - 32	6 - 40
Tuscany		
Khoảng 1290	35	60
Khoảng 1350	30	90
Khoảng 1430	120	240
Anh		
1750 - 1759	5,57[a]	11,14 - 16,70[b]
Nhật Bản		
1880 - 1884	4,94	7,44

Nguồn: Với Xứ Israel, Mesopotamia, Ai Cập: Sperber (1965, 1966). Với Tuscany thời Trung Cổ: Malanima (2005, 2007). Với Anh và Nhật Bản:

https://thuviensach.vn

Allen (2001, Bảng 1, 2; 2005, phụ lục, Bảng 5.3, 5.4).

Ghi chú: Các con số ở Xứ Israel, Mesopotamia và Ai Cập là trung bình lương tháng danh nghĩa tính bằng đồng denarius. Các con số ở Tuscany là trung bình lương năm tính bằng đồng lia. Các con số của Anh và Nhật Bản là trung bình lương ngày tính bằng lạng bạc mỗi ngày.

__ Không có dữ liệu.

a Con số của Oxford.

b Hai con số lần lượt của Oxford và London.

https://thuviensach.vn

Quá trình chuyển dịch chậm chạp sang các ngành nghề ở thành thị

Với bốn hàm ý trên, lý thuyết của chúng tôi dự đoán rằng người nông dân Do Thái biết chữ muốn từ bỏ nghề nông nghiệp để làm những nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi hơn, vì họ có thể kiếm được nhiều tiền hơn. Tại sao quá trình nông dân Do Thái biết chữ trở thành cư dân đô thị làm những ngành nghề mang lại nhiều lợi nhuận này lại kéo dài đến như vậy? Tại sao quá trình chuyển dịch nghề nghiệp hoàn toàn từ nông nghiệp sang nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi lại diễn ra ở Trung Đông Hồi giáo thế kỷ 8-9 chứ không phải thế kỷ 5-6, khi mà hầu hết người Do Thái đã biết chữ trong một thế giới gần như toàn người mù chữ?

Bằng chứng lịch sử giúp trả lời câu hỏi này. Ngoại trừ Constantinople phát triển rực rỡ và trở thành trung tâm của nền kinh tế thương mại sôi động dưới sự cai trị của đế chế Byzantine, giai đoạn từ thế kỷ 3 đến đầu thế kỷ 7, ở Mesopotamia, Ba Tư, Xứ Israel, Syria, Bắc Phi hay Tây Âu, đã không xảy ra quá trình đô thị hóa lớn nào. Nền kinh tế Mesopotamia và Ba Tư dưới sự cai trị của Sassanid vẫn chủ yếu là kinh tế nông thôn và nông nghiệp và không có thành phố mới nào được xây dựng. Trong giai đoạn từ thế kỷ 5 và 6, các học giả (Amoraim) trong các học viện ở Mesopotamia, với trình độ học vấn cao và nguồn nhân lực dồi dào, là những người đầu tiên từ bỏ nông nghiệp để trở thành thợ thủ công và thương nhân. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch nghề nghiệp này chỉ tác động tới một bộ phận nhỏ người Do Thái sống ở Mesopotamia mà thôi.[279]

Cuối thời La Mã và sau đó là thời Byzantine, Xứ Israel bước vào thời kỳ suy thoái: thị trấn và làng mạc dần biến mất dần chứ không phát triển (xem Chương 1). Nền kinh tế của Ai Cập và của Đế chế Tây La Mã cũng suy thoái.[280] Sự sụp đổ của đế chế La Mã vào năm 476 đưa nửa phía Tây Đế chế La Mã đến chỗ cáo chung; những cuộc xâm lăng sau này của người Giéc-manh từ Trung và Đông Âu dẫn đến cái gọi là Kỷ nguyên đen tối ở Tây Âu với đặc trưng là kinh tế nông nghiệp và có rất ít trung tâm thương mại đô thị.

https://thuviensach.vn

Do không có quá trình đô thị hóa lớn nào diễn ra trong giai đoạn từ năm 200 đến năm 650 cho nên nhu cầu đối với các công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị năm 650 cũng chỉ bằng năm 200 hay năm 400. Trong khi đó, từ thế kỷ 3 tới cuối thế kỷ 6, do việc thực hiện quy định tôn giáo yêu cầu các ông bố giáo dục con trai là nguồn cung người Do Thái biết chữ, có khả năng trở thành thợ thủ công và thương nhân, lại tăng lên nhanh chóng. Do không có thành phố mới nào được xây dựng và từ thời giáo sỹ Judah haNasi tới thời Muhammad, nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp cho nên xảy ra tình trạng dư thừa nguồn cung các nông dân Do Thái biết chữ, muốn làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi, không thể tìm được việc làm trong những ngành nghề này. Tình hình này thay đổi mạnh vào thế kỷ 7, đấy là khi Muhammad đặt nền móng cho một trong những đế chế lớn nhất, phần nhiều đã đô thị hóa và cũng là đế chế thương mại nhất trong lịch sử cận hiện đại.

https://thuviensach.vn

Đô thị hóa, sự bành trướng của thương mại và quá trình chuyển dịch nghề nghiệp của người Do Thái

Từ quan điểm của người Do Thái, việc thành lập các vương quốc Hồi giáo là một "tai nạn lịch sử" – một sự kiện bên ngoài do người Ả-rập tiến hành dưới sự lãnh đạo của Muhammad. Tai nạn lịch sử này tương tác với động lực nội sinh của Do Thái giáo dẫn tới một thay đổi chưa từng có tiền lệ và kéo dài trong cấu trúc nghề nghiệp và nơi cư trú của người Do Thái trên thế giới.

Sau khi Muhammad qua đời năm 632, các lãnh tụ Hồi giáo mong muốn biến Hồi giáo thành tôn giáo phổ quát cũng như một đế chế toàn cầu. Vào đỉnh điểm công cuộc bành trướng lãnh thổ dưới triều Umayyad và sau này là triều Abbasid, đế chế Hồi giáo có lãnh thổ vô cùng rộng lớn, trải dài từ bán đảo Iberia tới Ấn Độ, việc đi lại hay di cư bên trong phạm vi lãnh thổ tương đối dễ dàng. Chế độ cai trị Hồi giáo áp đặt ngôn ngữ chung (tiếng Ả-rập) và một hệ thống thiết chế và luật pháp thống nhất trên một khu vực vô cùng rộng lớn đã tạo rất nhiều thuận lợi cho buôn bán và thương mại.[281]

Thời kỳ Abbasid chứng kiến sự phát triển rực rỡ của khoa học, công nghệ, nghệ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Triều đại Harun al-Rashid (786-809) và Mamun (813-833) là thời kỳ hoàng kim của kinh tế, công nghệ, khoa học, triết học và văn chương. Thế giới Hồi giáo học cách làm giấy của người Trung Hoa, cải tiến công nghệ Trung Hoa bằng việc phát minh ra nhà máy giấy nhiều thế kỷ trước khi phương Tây biết tới giấy.[282] Các kỹ sư Hồi giáo biết sử dụng một cách sáng tạo năng lượng thủy điện, năng lượng thủy triều, năng lượng gió, năng lượng hơi nước và nhiên liệu hóa thạch. Việc sử dụng theo lối công nghiệp cối xay chạy bằng sức nước có từ thế kỷ 7; cối xay nước có bánh xe nằm ngang, bánh xe nằm dọc được sử dụng rộng rãi ít nhất từ thế kỷ 9. Vào thế kỷ 11, cối xay theo lối công nghiệp đã được sử dụng trong tất cả các tỉnh trong thế giới Hồi giáo. Các kỹ sư Hồi giáo đã phát minh ra trục khuỷu, tuốc bin nước, sử dụng bánh răng trong cối xay và các cỗ máy đưa nước lên cao, họ là những người tiên phong trong việc sử dụng đập nước làm nguồn cung cấp sức nước. Những tiến bộ này giúp cơ giới hóa nhiều việc mà trước kia phải làm bằng tay.[283]

https://thuviensach.vn

Tưới tiêu và trồng trọt có những bước tiến bộ quan trọng, người ta sử dụng những công nghệ mới, thí dụ như cối xay gió. Người Ả-rập vận chuyển quả hạnh và cam quýt tới châu Âu qua bán đảo Iberia và đưa ngành trồng cây lấy đường vào châu Âu.[284] Năng suất nông nghiệp gia tăng đẩy nhanh tốc độ phát triển các thành phố và các ngành công nghiệp trên khắp vùng Trung Đông.[285] Những tổ hợp nhà máy lớn được xây dựng cho những ngành công nghiệp này. Sau này, kiến thức về những ngành công nghiệp này được truyền sang châu Âu thời Trung Cổ.

Cùng với tiến bộ công nghệ, mở mang thương mại và tăng trưởng kinh tế, quá trình đô thị hóa diễn ra trên một vùng rộng lớn.[286] Các thị trấn và thành phố mới được thành lập ở cả Mesopotamia và Ba Tư, trong thế kỷ 9, Baghdad – thủ đô của đế chế mới – trở thành một trong những thành phố lớn nhất thế giới (dân số khoảng 1 triệu người – xem Bảng 1.4). Từ quan điểm kinh tế, hậu quả chủ yếu của quá trình đô thị hóa vùng Trung Đông là nhu cầu đối với những công việc đòi hỏi tay nghề ở các thành phố mới thành lập – nơi người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư đổ tới – gia tăng mạnh mẽ. Phong trào di cư này lớn đến mức vào cuối thế kỷ 9 gần như toàn bộ dân số Do Thái ở Trung Đông là cư dân thành thị.[287] Người Do Thái chuyển tới sống ở các thành phố và thị trấn tham gia làm trong hàng trăm ngành nghề thành thị như nghề thủ công, mở cửa hàng, buôn bán, cho vay lãi, thu thuế, dạy học và nghề y. Tài liệu trong kho lưu trữ Cairo nói đến khoảng 450 ngành nghề (trong đó có khoảng 265 ngành nghề thủ công; 90 ngành nghề liên quan đến thương mại và ngân hàng; khoảng 90 ngành nghề hành chính hoặc giáo dục bao gồm nghề chép kinh sách, viên chức, quan chức hành chính nhà nước và địa phương, chức sắc tôn giáo, giáo viên, giáo sỹ, nhà giáo dục). Chưa bao giờ ở một nơi mà lại có nhiều ngành nghề đến như thế.[288]

Quá trình dịch chuyển nơi ở và ngành nghề này diễn ra trong khoảng 150 năm; vào năm 900, rất ít người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư làm nông như tổ tiên họ đã làm trong nhiều thế kỷ. Lúc này, họ bán rượu, buôn bán ngô, gia súc, làm thợ xây, thợ may, bán sách, làm đại lý và môi giới kinh

https://thuviensach.vn

doanh, làm đồng hồ nước, buôn bán nhà cửa, làm chủ nhà trọ, thợ thuộc da, dệt lụa và vải tía, thổi thủy tinh, làm thợ thủ công lành nghề, chủ tàu thuyền, buôn bán ngọc trai, chủ tiệm, thợ vàng bạc, bác sỹ, thương nhân tại chỗ, thương lái đường dài và chủ ngân hàng.[289]

Thời gian (thế kỷ 8-9) và địa điểm (Trung Đông Hồi giáo) của quá trình dịch chuyển nghề nghiệp của người Do Thái trùng với hai hàm ý đầu tiên của lý thuyết của chúng tôi về lựa chọn nghề nghiệp: khi đô thị hóa bắt đầu, giao thương và các hoạt động thương mại phát triển mạnh, xuất hiện một loạt công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị thì nhiều người Do Thái biết chữ có thể tham gia làm những công việc này *trước* bất kỳ nhóm sắc dân hay tôn giáo nào khác.

Theo nhà kinh tế học Robert Lucas, quá trình chuyển dịch nghề nghiệp của người Do Thái – khoảng 150 năm – trùng với quá trình chuyển dịch từ những công việc nông thôn sang những công việc thành thị thời Cách mạng công nghiệp ở Tây Âu thế kỷ 18-19.[290] Lucas xây dựng luận cứ của mình trên lý thuyết cho rằng tích lũy vốn con người là cơ chế chủ yếu cho sự chuyển dịch từ xã hội nông thôn sang xã hội thành thị. Nhận thức theo lối trực giác trong mô hình của Lucas là phải mất một thời gian thì người biết chữ mới học được những kỹ năng tạo điều kiện cho họ chuyển từ ngành nghề nông thôn sang ngành nghề thành thị. Kết quả là, có một độ trễ từ lúc họ biết chữ tới lúc họ thay đổi địa điểm (nông thôn ra thành thị) và nghề nghiệp (không có tay nghề sang có tay nghề).

https://thuviensach.vn

Giáo dục tiểu học phổ cập của người Do Thái

Hàm ý thứ ba của lý thuyết của chúng tôi là một khi đa số người Do Thái là cư dân thành thị làm nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi và nghề y thì họ tăng đầu tư cho việc học chữ và giáo dục con cái. Bằng chứng lịch sử hoàn toàn ủng hộ hàm ý này. Giáo dục tiểu học gần như phổ cập hoàn toàn trong các cộng đồng Do Thái ở Trung Đông Hồi giáo. Như Goitein ghi nhận: "Gần như tất cả nam giới Do Thái… đều biết chữ Hebrew, ít nhất là biết đọc Kinh Thánh, vốn là cốt lõi của giáo dục tiểu học của người Do Thái".[291]

Hai nguồn tư liệu quan trọng chính ghi lại sự truyền bá của việc biết chữ và học vấn của người Do Thái là thư từ phúc đáp của những người đứng đầu các học viện và tài liệu trong kho lưu trữ Cairo. Sự tồn tại và quy mô của kho lưu trữ thư từ phúc đáp tự nó đã là bằng chứng cho sự truyền bá của việc biết chữ trong các cộng đồng Do Thái trên khắp thế giới. Nhiều bức thư phúc đáp nói đến trường học, giáo viên và lương giáo viên, học sinh, sách vở. Một số bức thư nói đến việc giáo viên và trợ giảng được chỉ định thậm chí ở những thị trấn nhỏ hay làng quê. Một số thư cho thấy rằng trẻ em Do Thái ở giáo đường học chữ Hebrew, chữ Ả-rập cũng như số học.[292] Các bức thư khác đề cập tới việc các gia đình không phải người Do Thái quan tâm đến việc đưa con tới giáo đường để học các chủ đề phi tôn giáo.[293]

Kho lưu trữ Cairo cũng có rất nhiều thông tin xác nhận sự phổ cập giáo dục tiểu học trong trẻ em Do Thái. Ngân sách, thư từ và hợp đồng của cả những gia đình giàu lẫn những gia đình bình thường, thậm chí những gia đình từ những thị trấn nhỏ hay làng quê cũng nhắc nhiều tới giáo viên và học phí.[294]

Nhiều bức thư và ghi chép của tòa án chứng minh vai trò trung tâm của giáo dục trong đời sống của gia đình người Do Thái. Ví dụ, một người phụ nữ đến từ một gia đình bình thường cố gắng chứng minh trong một phiên xử rằng chồng bà ta không có quyền làm chồng vì ông ta không trả tiền cho con ăn học (bà tự trả hết). Trong một thỏa thuận, một người phụ nữ khẳng định rằng bà ta đã trả chi phí cho thức ăn, đồ uống, quần áo, nhà ở và học hành của ba đứa con chung. Một bức thư của một người đàn ông Do Thái, dường

https://thuviensach.vn

như là để trả lời than phiền của bà vợ rằng khối lượng bài tập giáo viên giao cho con họ quá nhiều, ghi nhận rằng: "kiến thức chúng ta thu nhận được khi còn nhỏ là thứ duy nhất khiến người khác tôn trọng chúng ta… Nên kính trọng ông thày giáo này, sáng nào và tối nào cũng phải đưa mấy đứa trẻ tới trường (trong giáo đường)".[295]

Trong một bức thư kinh doanh, một thương nhân Do Thái khuyên đối tác không nên để con trai mình bỏ học; nếu cần nhờ thì bạn ứng trước tiền học phí. Một vài bức thư của những ông bố đang ở nước ngoài dặn dò vợ hay họ hàng giáo dục con họ cho đàng hoàng. Một thương nhân Do Thái than phiền về việc vợ để cho con lỡ buổi học và chơi trên phố. Trong bức thư đó, ông ta gửi cho người em trai mình 15 dirham để đóng tiền học cho con trai mình và một bộ quần áo đẹp cho con trai nhằm động viên nó đi học.[296]

Các cộng đồng Do Thái đã có những cố gắng to lớn nhằm cung cấp việc giáo dục cho trẻ mồ côi và con nhà nghèo. Ngoài học phí cho con mình, người ta còn yêu cầu các chủ hộ đóng một loại thuế giáo dục nhằm chi trả cho giáo dục tiểu học của trẻ mồ côi và trẻ em nghèo. Những ghi chép từ Fustat, Jerusalem, Damascus, Baghdad nói rằng "các thày giáo dạy trẻ mồ côi" được loại thuế cộng đồng này hỗ trợ.[297] Mỗi chủ hộ, đã sống từ 12 tháng trở lên ở một nơi, phải đóng thuế giáo dục để chi trả cho việc đi học của trẻ mồ côi và trẻ em nghèo. Tài liệu trong kho lưu trữ Cairo cung cấp bằng chứng về chi phí của các hộ gia đình cho con họ cũng như cho trẻ mồ côi và trẻ em nghèo trong một cộng đồng Do Thái:[298]

> Giải trình về việc dạy trẻ em học ở trường Torah của R. Nisim, con trai của Ibrahim, người lãnh đạo cộng đồng, từ ngày lễ Shabat Bereshit tới ngày lễ Shabat Va-Yoshea -16 tuần… 8 dirham

Con trai người thợ mộc, tên là Chayoun the Mugrahbi 4 tháng… 8 dirham

Ba người con trai của Calaf người thị trấn Almachla 12 tuần… 15 dirham

Trẻ mồ côi tên là Chayoun the Mugrahbi, từ tháng Av tới cuối ngày lễ Shabat Va-Yoshea – 5 tháng… 10,5 dirham

Mấy đứa con trai của vợ người đóng giầy và một đứa bé con tên là R. Yehosua, 10 tuần kết thúc vào ngày lễ Shabat Va-Yoshea… 15 dirham

https://thuviensach.vn

Con trai của Mechsan, người trông nom giáo đường (shamash) và con trai của Baha, người giám sát [giám sát thi hành luật ăn kiêng] (shomer), 12 tuần kết thúc cùng thời gian… 12 dirham

Goitein giải thích bức thư như sau. Người giáo viên này nhận lương vào cuối kỳ dạy. Thông thường, giáo viên quy định trẻ em học một thời gian nhất định và tiền công thanh toán vào cuối đợt dạy. Tiền công dạy một đứa trẻ là 0,5 dirham/tuần. Nếu giáo viên có 40 học sinh thì ông ta sẽ nhận 20 dirham vào cuối tuần. Cộng đồng trả tiền cho con trai người trông nom giáo đường (*shamash*) cũng như con trai của một trong những người lãnh đạo cộng đồng.

Kho lưu trữ Cairo mô tả việc dạy trẻ con và người lớn được tổ chức như thế nào? Xin nhớ rằng mục tiêu chính của việc giáo dục trẻ em Do Thái là chuẩn bị cho chúng tham gia tích cực trong các buổi lễ trong giáo đường. Năm Quyển Sách của Moses [Pentateuch: năm cuốn đầu tiên trong Kinh Cựu Ước – ND] được đọc và nghiên cứu trọn vẹn từ một cuộn da thiêng liêng, viết theo kiểu cổ, không có nguyên âm hay dấu hiệu để ngâm nga. Một người Do Thái muốn tham gia vào những buổi lễ trong giáo đường còn phải đọc trôi chảy Các Sách Tiên Tri [phần thứ tư trong Kinh Cựu Ước – ND], bản dịch tiếng Aram (Targūm) Các Sách Tiên Tri và một số cuốn khác trong Kinh Thánh. Một cậu bé ngâm nga bản dịch tiếng Aram (Targūm) "về kinh Torah" – tức là ngâm bản dịch tiếng Aram cổ của bài giảng bằng tiếng Hebrew mà người lớn đọc từng dòng – là niềm tự hào của cha mẹ cậu. Điều này được nói tới trong một bức thư khá dài, gửi từ Cairo cho một thương nhân đang trên đường tới Ấn Độ, trong đó tác giả ghi nhận rằng: "Cậu con trai, Faraj, của ông hiện đã đọc được Targūm kèm theo những bài giảng – như tôi đã bảo đảm với ông là cậu sẽ làm được".[299]

Mối quan hệ mật thiết như thế giữa tôn giáo và việc biết chữ là lí do vì sao nền giáo dục của người Do Thái lại được tổ chức theo cách mà những ghi chép của kho lưu trữ Cairo mô tả. Con trai dành cả tuổi thơ trong một ngôi trường gắn với giáo đường hoặc trong một nhà học tư tại nhà riêng của thày giáo; con cái các gia đình giàu có theo học trường tư.[300] Trường tiểu

https://thuviensach.vn

học thường nhận trẻ em đủ mọi lứa tuổi nhằm chuẩn bị cho các em tham gia vào việc thờ phụng trong giáo đường. Học đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew là phần chính của chương trình. Những cuốn sách được tìm thấy trong kho lưu trữ Cairo cho thấy việc đọc được dạy bằng cách dạy chữ cái và những ký hiệu khác được sử dụng trong tiếng Hebrew và các kết hợp giữa chữ cái với ký hiệu. Nhằm làm cho việc dạy học thú vị hơn, đảm bảo trẻ tiếp thu được nhiều hơn, giáo viên vẽ nét chữ lớn còn học sinh thì tô lại bằng màu đỏ và màu nâu.[301]

Có một số bằng chứng cho thấy, ít nhất là ở Alexandria, trẻ em gái được đi học cùng trẻ em trai. Ở những gia đình danh giá, đặc biệt là khi không có con trai, con gái được dạy chữ và được giáo dục đến nơi đến chốn. Kho lưu trữ Cairo có một vài ghi chép về những người phụ nữ làm giáo viên.[302]

Quy mô của cộng đồng Do Thái có ảnh hưởng tới cách tổ chức giáo dục tiểu học. Ở các cộng đồng nhỏ, người ta thuê một giáo viên và cả cộng đồng góp tiền trả lương. Ở các cộng đồng lớn hơn, giáo viên tự do cạnh tranh nhằm thu hút học sinh. Đôi khi cộng đồng trả lương cố định cho giáo viên; đôi khi họ trả lương dựa trên số lượng trẻ mồ côi và học sinh nghèo trong lớp.

Tài liệu trong kho lưu trữ Cairo cũng cho thấy những địa vị xã hội khác nhau được trao cho *melamedei tinokot* (người dạy bọn trẻ), *talmidim* (học giả), *haverim* (người uyên bác "được thừa nhận"). *Melamedei tinokot* tuy được tôn trọng, nhưng lại có địa vị xã hội thấp nhất; *haverim* có địa vị xã hội cao nhất trong các cộng đồng Do Thái được mô tả trong kho lưu trữ Cairo.[303] Cộng đồng Do Thái kiểm soát giáo viên rất cẩn thận, họ chu cấp cho việc học của trẻ em nghèo và trẻ mồ côi, và điều chỉnh lương của các giáo viên.

Sau khi đến trường tiểu học, nơi một cậu bé Do Thái đã đọc thông viết thạo chữ Hebrew và chữ Ả-rập, đã có khả năng đọc và nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew và biết làm tính, cậu còn phải học một nghề thủ công hoặc buôn bán như được thể hiện trong một đoạn trong kinh Talmud (Kiddushin 19a), yêu cầu ông bố Do Thái phải chi trả cho việc học của con

https://thuviensach.vn

và dạy con một nghề thủ công hay buôn bán nào đó. Quy định này không yêu cầu ông bố tự mình dạy nghề cho con mình. Nghề thủ công thường do thợ thủ công dạy, người này được trả tiền. Do nghề thủ công thường được dạy theo lối truyền miệng cho nên trong kho lưu trữ Cairo có rất ít bằng chứng về việc dạy nghề thủ công. Vì bản chất công việc đòi hỏi thương nhân phải viết nhiều hơn cho nên những tài liệu này cung cấp nhiều bằng chứng hơn về việc dạy nghề buôn bán.[304]

Các kỹ năng như làm những phép tính phức tạp về giá cả, giá trị trong tương lai của hàng hóa được mua và bán ở những thời điểm khác nhau, lãi suất, tỷ giá hối đoái, là những thứ không được dạy ở trường tiểu học (hay thậm chí ở học viện). Thanh thiếu niên học những kỹ năng tính toán này trong khi học kinh doanh trong doanh nghiệp của cha mình hoặc từ các nghệ nhân, thương nhân và người cho vay lãi, tức là học từ những người được thuê để dạy chúng nghề thủ công và buôn bán.[305]

Các tài liệu đó không không cho biết nhiều về những giai đoạn học hành (tôn giáo hoặc thế tục) cao hơn mà thanh niên Do Thái theo học sau giai đoạn tiểu học. Tài liệu không có thông tin về những học viện dành cho thanh niên. Đây là điều không đáng ngạc nhiên vì khởi thủy, học viện được lập ra làm nơi hội họp của học giả. Ngôn ngữ dùng trong các học viện là tiếng Aram pha với tiếng Hebrew. Những công trình nghiên cứu thế tục cao hơn thường được tiến hành bằng tiếng Ả-rập (tuy kho lưu trữ Cairo có một số tài liệu về ngành y và khoa học viết bằng tiếng Hebrew). Những công trình nghiên cứu này dùng chung cho các tôn giáo khác nhau. Người Do Thái học với giáo viên Hồi giáo và Cơ đốc giáo, còn bác sỹ Do Thái dạy người của những tôn giáo khác.[306]

Học tập dường như không phải là trách nhiệm của riêng trẻ em. Được cho là hành động kính Chúa, học tập gắn bó với đàn ông Do Thái trong suốt cuộc đời. Tài liệu trong kho lưu trữ Cairo cung cấp nhiều bằng chứng về cam kết của người trưởng thành Do Thái đối với việc đọc và nghiên cứu kinh sách. Lãnh tụ tinh thần thời kho lưu trữ Cairo được gọi là *dayyan* (quan tòa) chứ không phải giáo sỹ. Nhiệm vụ chính của *dayyan* là dạy những

https://thuviensach.vn

người đàn ông trưởng thành. Việc dạy học được tiến hành vào ngày Sabbath, ngày nghỉ lễ; ngoài ra, còn có các lớp học thường xuyên vào các ngày trong tuần, nhất là vào buổi tối. Trong một tài liệu của kho lưu trữ Cairo, một người Do Thái thế kỷ 11 viết: "Cũng như cơ thể cần thức ăn, tâm hồn cần được học. Do đó, một người phải dành một phần thời gian cho việc học, nghĩa là thời gian rảnh rỗi, ngày lễ Sabbath và các ngày nghỉ lễ".[307] Trong một bức thư từ Tunisia, một người Do Thái viết: "Con viết là con đã đọc Kinh Thánh đến lần thứ hai và hiểu được Kinh, rồi lại còn học cả kinh Mishna và Talmud nữa. Con làm cho ta vô cùng hạnh phúc…"[308]

Những người là ở hầu hết các ngành nghề đều tham gia hoạt động học hành và giáo dục. Goitein mô tả chi tiết quá trình học tập của các học giả, quan tòa, người thuyết giáo, người điều khiển ca đoàn, các chức sắc tôn giáo khác, nhà luật học, người chép kinh, bác sỹ, dược sỹ, người làm nước hoa, người chế thuốc nước, v.v.[309] Đa số người biết chữ đều thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu, nhưng tài liệu trong kho lưu trữ Cairo cũng cung cấp bằng chứng cho thấy thợ thủ công được công nhận là người có học. Các thương nhân Do Thái thường là học giả uyên thâm nhất trong cộng đồng Do Thái.

Thế kỷ 9 đến thế kỷ 12 còn chứng kiến sự phát triển của thi ca và văn chương viết bằng tiếng Hebrew, những thành tựu này đến nay vẫn là một cột mốc trong giáo dục bậc cao Do Thái.[310] Như vậy là, sự phát triển và phổ biến kiến thức bằng tiếng Hebrew không chỉ hạn chế trong các mục đích thương mại hay kinh tế.

Quá trình đô thị hóa và phát triển của thương mại địa phương và thương mại đường dài khiến việc biết chữ và học vấn trở nên có giá trị hơn đối với cả người Do Thái lẫn người của các sắc dân khác ở các vương quốc Hồi giáo rộng lớn. Do đó, cả hai nhóm này đều tăng cường đầu tư cho giáo dục. Nhằm phổ biến Hồi giáo, các vua chúa Hồi giáo khuyến khích việc thành lập trường tiểu học (*maktab* hay *kuttab*); vào cuối thế kỷ 8, số trường tiểu học đã gia tăng.[311] Tuy nhiên, khác với Do Thái giáo, Hồi giáo không yêu cầu tín đồ cho con học tiểu học cho nên trong khi tất cả người Do Thái đều đầu

https://thuviensach.vn

tư cho việc học của con thì chỉ một số ít người thuộc sắc dân khác làm như vậy mà thôi. Hơn nữa, hầu hết các trường tiểu học Hồi giáo đều chuyên tâm vào việc học thuộc lòng kinh Cô-ran; rất ít trường dạy trẻ em đọc hay viết.

https://thuviensach.vn

Tầm vóc trí tuệ: Người đứng đầu hai học viện Do Thái Sura và Pumbedita (Genoim)

Vị trí trung tâm của việc học tập và nghiên cứu trong các cộng đồng Do Thái thời Hồi giáo được thể hiện bởi vai trò đầy quyền lực của những người đứng đầu các học viện Do Thái Sura và Pumbedita (Geonim) ở Mesopotamia.[312] Từ cuối thế kỷ 6 tới giữa thế kỷ 11, họ được công nhận là những người có quyền lực cao nhất trong lĩnh vực giáo dục trong thế giới Do Thái.

Giai đoạn Talmud (thế kỷ 3 đến thế kỷ 6), học giả của các học viện bổ nhiệm người đứng đầu học viện. Ngược lại, người đứng đầu Sura và Pumbedita lại do người lãnh đạo cộng đồng Do Thái ở Babylon (exilarch) – đồng thời là lãnh tụ chính trị của cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia – bổ nhiệm, sau khi đã tham vấn nhóm học giả. Nếu exilarch và các học giả không thống nhất được với nhau về ứng cử viên thì việc bổ nhiệm có thể kéo dài cho tới khi một trong các ứng cử viên qua đời. Người đứng đầu học viện Sura và Pumbedita đóng vai trò rất quan trọng bên cạnh exilarch Babylon. Sự thừa nhận vai trò chính trị quan trọng của họ được chứng minh bằng sự kiện là nếu exilarch Babylon chết thì thu nhập của ông ta được chuyển cho người đứng đầu học viện Sura cho tới khi một exilarch mới được bổ nhiệm. Thông qua cộng đồng Do Thái ở Baghdad, vốn có đại diện tại cung đình của các ông vua Hồi giáo, những người đứng đầu học viện Sura và Pumbedita cũng tìm cách gây ảnh hưởng lên chính sách của các ông vua Hồi giáo đối với người Do Thái trong toàn bộ đế chế rộng lớn này.

Các học viện cung cấp rất nhiều dịch vụ căn bản cho thế giới Do Thái. Trước tiên, họ diễn giải kinh Talmud với mục đích biến Talmud trở thành bộ luật được chấp nhận trong tất cả các vấn đề xã hội và tôn giáo và phổ biến kiến thức trong kinh Talmud tới tất cả các cộng đồng Do Thái.

Các học viện còn là tòa án tối cao và nhà cung cấp các dịch vụ pháp lý. Các học viện ban hành những quy định và chuẩn mực mới nhằm điều chỉnh các tình huống bất trắc mà Talmud chưa nói tới. Sắc lệnh của họ (*takkanot*), thông qua hệ thống thư từ phúc đáp, được gửi tới các cộng đồng Do Thái

https://thuviensach.vn

trên cả vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị, có giá trị tôn giáo hợp pháp trong toàn thể thế giới Do Thái. Các học viện cũng có quyền tài phán đối với việc tổ chức tòa án giáo sỹ địa phương trên khắp vùng Mesopotamia. Với sự đồng ý của người đứng đầu học viện, exilarch bổ nhiệm thẩm phán cho những tòa án này.[313] Do phải làm rất nhiều việc cho nên người đứng đầu học viện cần một đội ngũ nhân viên đông đảo và có học. Chi phí cho đội ngũ nhân viên này lấy từ tiền đóng thuế do giới chức Do Thái thu ở những khu vực thuộc quyền tài phán của họ. Ngoài ra, các cộng đồng gửi câu hỏi cho người đứng đầu học viện phải trả tiền cho những dịch vụ này. Trong những trường hợp hiếm hoi, người đứng đầu học viện còn kêu gọi cộng đồng Do Thái hỗ trợ tài chính, những lời kêu gọi như thế thường được hưởng ứng nhiệt liệt. Nhà đất cũng là một nguồn thu nhập của các học viện.

https://thuviensach.vn

Dân số Do Thái ổn định

Hàm ý cuối cùng trong lý thuyết của chúng tôi là cư dân thành thị Do Thái, những người làm nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi không có ý định cải sang tôn giáo khác trừ phi có một sự khác biệt đáng kể giữa tiền thuế họ phải trả và tiền thuế đánh vào người không phải người Do Thái (hoặc họ bị phân biệt đối xử theo cách khác). Do đó, một khi người Do Thái đã hoàn tất quá trình chuyển dịch từ nông nghiệp sang những ngành nghề này thì sẽ có rất ít hoặc không có trường hợp cải đạo nào xảy ra và dân số Do Thái sẽ ổn định hoặc gia tăng.

Từ giữa thế kỷ 7 đến giữa thế kỷ 12, tổng dân số ở Mesopotamia, Ba Tư, Xứ Israel, Syria, Lebanon, Bắc Phi, Tiểu Á, Balkan và châu Âu tăng từ khoảng 51 triệu lên gần 70 triệu người (Hình 1.1 và Bảng 1.6). Hầu hết sự gia tăng dân số này diễn ra ở Tây Âu, hồi đầu thiên niên kỷ, khi đô thị hóa mở rộng và thương mại bùng nổ. Dân số Do Thái ở những khu vực này cũng tăng (từ 1-1,2 triệu và khoảng năm 650, lên 1,2-1,5 triệu người vào khoảng năm 1170). Tăng dân số tự nhiên do mức sống cao của nhiều người Do Thái ở các vương quốc Hồi giáo (gọi là thời kì vàng son của lịch sử Do Thái) được bù trừ bằng con số người chết và bị cưỡng ép cải đạo. Thế kỉ 7, những khu định cư của người Do Thái đã phải chịu những cú giáng mạnh khi làn sóng bất dung quét qua bán đảo Iberia vương triều Visigoth, qua nước Pháp vương triều Merovingian và nước Ý vương triều Langobard. Ở Đức, thời các cuộc Thập tự chinh, cuối thế kỷ 11 đầu thế kỷ 12, một số cộng đồng Do Thái còn bị thảm sát.[314]

Cải đạo bắt buộc cũng là một nhân tố gây ảnh hưởng đến một số cộng đồng Do Thái. Ở Ai Cập, đầu thế kỷ 11, dưới triều vua al-Hakim của vương quốc Fatimid, đã diễn ra những vụ đàn áp và ép buộc người Do Thái (và nhất là người Cơ đốc giáo) cải đạo nghiêm trọng nhất. Ở bán đảo Iberia và Bắc Phi, do người Hồi giáo cai trị, vua chúa triều đại Almohad đã thảm sát người Cơ đốc giáo, người Do Thái và người Hồi giáo chống đối, và ép buộc người Cơ đốc giáo và người Do Thái cải đạo sang Hồi giáo.[315]

https://thuviensach.vn

Ngược lại, khi người Do Thái bắt đầu tham gia làm những công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị thì không xảy ra tình trạng người Do Thái ồ ạt tự nguyện cải đạo sang Hồi giáo. Hàng nghìn bức thư và tài liệu trong kho lưu trữ Cairo và kho thư từ phúc đáp, trong đó có các trường hợp ngoại lệ người Do Thái tự nguyện cải sang Hồi giáo nhằm nắm giữ những vị trí có uy tín trong bộ máy hành chính của vương quốc Hồi giáo, ủng hộ cho nhận xét này.[316] Những trường hợp cải đạo đó là hiếm và khác xa so với những người nông dân Do Thái, trong các nền kinh tế nông nghiệp thời Talmud, cải đạo sang Cơ đốc giáo – những vụ cải đạo mà theo chúng tôi là hệ quả của việc phải thực hiện quy định tôn giáo tốn kém, yêu cầu các ông bố phải giáo dục con trai mình.

Thuế thân (theo tài liệu trong kho lưu trữ Cairo, tương đương khoảng 5% lương của một giáo viên) là khoản tiền tương đối lớn đối với các hộ nghèo, bằng chứng là có tài liệu mô tả các trường hợp cả cộng đồng Do Thái giúp các hộ nghèo đóng thuế.[317] Tuy nhiên, thuế thân không phải là một gánh nặng quá lớn đối với thợ thủ công, thương nhân, người cho vay lãi, chủ ngân hàng, người thu thuế, bác sỹ Do Thái; với số tiền thuế phải đóng như vậy, thuế thân không thể là nguyên nhân khiến số lượng lớn người Do Thái trung lưu và giàu có cải đạo. Phù hợp với hàm ý cuối cùng của giả thuyết của chúng tôi, cư dân thành thị Do Thái, những người làm những công việc đòi hỏi tay nghề như nghề thủ công, buôn bán và cho vay lãi không cải sang các tôn giáo khác, nhất là trong bối cảnh người Do Thái có mạng lưới buôn bán rộng rãi mà Greif đã chỉ ra.[318]

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Khi quá trình đô thị hóa mạnh mẽ và thương mại phát triển ở các vương quốc Hồi giáo, mới được thành lập trong thế kỷ 8 và 9, tạo ra nhu cầu khổng lồ đối với những ngành nghề trong lĩnh vực thủ công nghiệp, thương mại và cho vay lãi thì tỷ lệ biết chữ cao hơn của người Do Thái cộng với hệ thống thiết chế thực thi hợp đồng (bộ luật Talmud, tòa án giáo sỹ, thư từ phúc đáp) mang lại cho người Do Thái lợi thế so sánh trước những người thuộc sắc dân khác cùng làm những ngành nghề này.

Từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 12 đánh dấu thời kỳ hoàng kim về mặt tri thức của các cộng đồng Do Thái ở Trung Đông, thời kỳ của giáo dục tiểu học phổ cập, của sự gia tăng những khoản đầu tư của một bộ phận lớn dân số Do Thái cho việc học chữ và giáo dục, của uy danh của các học viện Sura và Pumbedita do các Geonim đứng đầu.

Quá trình đô thị hóa và bành trướng thương mại ở các vương quốc Hồi giáo cũng giúp dân số Do Thái ổn định. Từ thế kỷ 8 tới thế kỷ 12, dân số Do Thái tăng, vì, với tư cách là các thành viên của cùng một cộng đồng tôn giáo, một khi họ đã trở thành cư dân thành thị và biết chữ, làm nhiều nghề thủ công và buôn bán, có sự hỗ trợ của các thiết chế thực thi hợp đồng thì người Do Thái gần như không có lý do gì để tự nguyện cải sang các tôn giáo khác.

Một khi sự chuyển đổi nghề nghiệp và nơi cư trú được khởi động thì nó sẽ không bao giờ quay ngược trở lại mà còn tiến nhanh hơn. Từ đó trở đi, người Do Thái trở thành một nhóm nhỏ những người có trình độ học vấn cao, họ tiếp tục tìm kiếm cơ hội nhằm gặt hái lợi nhuận từ tiền đầu tư cho việc học chữ và cho các thiết chế thực thi hợp đồng.

https://thuviensach.vn

PHỤ CHƯƠNG 6.A:
MÔ HÌNH GIÁO DỤC CHÍNH QUI VÀ CẢI ĐẠO CỦA CÁC THƯƠNG NHÂN

Quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của người Do Thái đã hoàn tất vào thế kỷ 8 và 9, hầu hết người Do Thái lúc này đều làm những nghề thủ công và buôn bán. Để xem xét sự chuyển đổi này, chúng tôi cải biến mô hình được trình bày ở phần phụ chương Chương 4 nhằm nghiên cứu những lựa chọn của người Do Thái khi hoàn cảnh thay đổi. Với thực trạng là sau năm 200, một số người Do Thái đã thay đổi lựa chọn tôn giáo, không phụ thuộc vào nghề nghiệp của họ, những giả định của chúng tôi về hàm thỏa dụng của các thương nhân Do Thái và thương nhân của các sắc dân khác giống như những giả định được thảo luận ở phần phụ chương Chương 4 trong mô hình cho những người nông dân.

Học vấn và kiến thức tôn giáo bằng tiếng Hebrew có tác động vết dầu loang đối với học vấn và kiến thức nói chung, điều này làm tăng năng suất của người công nhân có tay nghề ở thành thị. Như trước đây, chúng tôi giả định wF là thu nhập (năng suất) của những người không biết chữ hoặc người làm những nghề mà học vấn và kiến thức không giúp tăng năng suất. Chúng tôi lập mô hình cho những giả định về tác động của việc biết chữ và kiến thức bằng cách cho thu nhập phụ thuộc vào học vấn của người lớn và con trai họ, nhưng không phụ thuộc vào chọn lựa tôn giáo:

$$w^M(e, e_s) = w^F\left(1 + Ae_s^{\alpha} e^{1-\alpha}\right) \qquad (6.1)$$

trong đó $Ae_s^{\alpha} e^{1-\alpha}$ là thu nhập (năng suất) phụ trội của một thương nhân biết chữ và có kiến thức, A là tham số năng suất ngoại sinh, e và es là học vấn và kiến của một người trưởng thành và của con trai anh ta, α đo mức độ đóng góp của học vấn và kiến thức của người con trai vào năng suất của cha mình. Ràng buộc/hạn chế ngân sách của người thương nhân này được tính bằng

https://thuviensach.vn

$$c + \gamma(e_s)^{\theta} + \tau^{rM} \leq w^F (1 + A e_s^{\alpha} e^{1-\alpha}) \qquad (6.2)$$

trong đó τrM là thuế thương nhân theo tôn giáo r trả.

https://thuviensach.vn

Giáo dục

Dự đoán chính của chúng tôi là thương nhân Do Thái đầu tư cho việc học chữ và kiến thức của con nhiều hơn so với thương nhân của các sắc dân khác vì thông số đo sở thích Do Thái giáo của thương nhân Do Thái (tức thông số gắn bó với Do Thái giáo của anh ta), x, là dương. Điều kiện cao nhất mang đến trình độ học vấn và kiến thức tối ưu cho bất cứ thương nhân nào (người Do Thái hay không phải người Do Thái) có thể được viết như sau

$$x(e+1)+(-\theta\gamma(e_s)^{\theta-1}+w^F\alpha Ae_s^{\alpha-1}e^{1-\alpha})\frac{1}{w^M-\gamma(e_s)^{\theta}-\tau^{rM}}\leq 0. \quad (6.3)$$

Trước tiên hãy xem xét trình độ giáo dục ở trạng thái ổn định (e = es = e∗) của những thương nhân không phải người Do Thái có thông số sở thích ngoại sinh đối với Do Thái giáo là (theo định nghĩa) 0. Từ phương trình 6.3,e = es = e∗ = (wFAα/θγ)1/θ-1 Ở trạng thái ổn định, thương nhân không phải người Do Thái giáo dục con trai họ (tức e∗ ≥ emin = 1) nếu các tham số thỏa mãn wFAα > θγ -nghĩa là nếu sản phẩm giáo dục biên tế lớn hơn hoặc bằng chi phí giáo dục biên tế tại e = es = emin = 1. Tình hình kinh tế chung càng tốt thì thu nhập của thương nhân càng cao và do đó cả thương nhân Do Thái lẫn thương nhân không phải Do Thái sẽ càng có khả năng đầu tư cho việc học chữ và giáo dục của con trai họ hơn.

Giả định rằng trước khi thực hiện quy định tôn giáo yêu cầu các ông bố giáo dục con thì trình độ khả năng đọc viết và kiến thức của cả lái buôn Do Thái lẫn lái buôn không phải người Do Thái là dương. Biết đọc biết viết và kiến thức có tác động tích cực đối với năng suất và thu nhập của thương nhân, bất kể người đó theo tôn giáo nào. Tuy nhiên, sau sự chuyển biến tôn giáo của Do Thái giáo thì thương nhân Do Thái sẽ đầu tư cho việc học chữ và học vấn của con mình nhiều hơn so với thương nhân thuộc các sắc dân khác vì họ cũng có được khả dụng trực tiếp từ học vấn và kiến thức của con

https://thuviensach.vn

cái tại hệ số x (xem phương trình khả dụng của một ông bố Do Thái trong phần phụ chương Chương 4).

https://thuviensach.vn

Cải đạo

Dự đoán chính về cải đạo là nếu có một sự khác biệt nhỏ hoặc không có khác biệt nào về thuế giữa thương nhân Do Thái với thương nhân không phải Do Thái thì sẽ không có thương nhân Do Thái nào cải đạo hết. Nếu thuế đánh vào thương nhân Do Thái cao hơn đáng kể so với thuế đánh vào thương nhân không phải Do Thái thì thương nhân Do Thái có mức độ gắn bó với Do Thái giáo thấp (x thấp) sẽ cải đạo. Do đó, với thực trạng là một số nông dân Do Thái cải đạo (xem phụ chương Chương 4) và thương nhân Do Thái không cải đạo (trừ phi có khác biệt lớn về thuế), mô hình của chúng tôi dự đoán là tỷ lệ thương nhân trong dân Do Thái sẽ tăng theo thời gian.

Về mặt hình thức, thương nhân Do Thái biết chữ (ej ≥ 1) sẽ cải đạo nếu tính thỏa dụng của việc ở lại Do Thái giáo thấp hơn tính thỏa dụng của việc cải sang một tôn giáo khác – nghĩa là nếu

uj(c,es;e,x) < ujn(c,es;e,x)

hoặc

$$\log[w^F(1+A(e_s^j)^\alpha(e^j)^{1-\alpha})-\gamma(e_s^j)^\theta-\tau^{jM}]+x(1+e^j)e_s^j <$$
$$\log[w^F(1+A(e_s^n)^\alpha(e^n)^{1-\alpha})-\gamma(e_s^n)^\theta-\tau^{nM}]-\pi x. \qquad (6.4)$$

Cho rằng trình độ học vấn và kiến thức của thương nhân Do Thái trước khi có quy định tôn giáo, yêu cầu các ông bố giáo dục con trai mình, e∗, lớn hơn hoặc bằng 1 thì phương trình 6.4 cho thấy nếu thuế đánh vào thương nhân Do Thái và thương nhân không phải Do Thái bằng nhau (τnM = τjM thì thương nhân Do Thái sẽ không cải đạo.

https://thuviensach.vn

Để chứng minh tại sao điều này đúng, chúng tôi bắt đầu với trường hợp cực đoan x = 0, khi người Do Thái không coi trọng quy định giáo dục con cái của Do Thái giáo. Trong trường hợp này, bằng phương trình 6.4, đầu tư của một thương nhân Do Thái cho việc học chữ và giáo dục của con sẽ bằng với đầu tư của một thương nhân không phải Do Thái và thương nhân Do Thái sẽ không quan tâm đến chuyện cải đạo vì thỏa dụng không đổi dù ông ta có theo tôn giáo nào thì cũng thế. Khi chỉ số gắn bó Do Thái giáo x tăng thì thỏa dụng từ việc là người Do Thái sẽ tăng theo trình độ học vấn và giáo dục của con e_s^j. Do đó, thương nhân Do Thái cho con đi học sẽ không cải đạo. Hơn nữa, chỉ số gắn bó càng cao thì chi phí cải đạo càng lớn (πx). Kết quả là sẽ không có thương nhân Do Thái nào cải đạo, nếu khác biệt về thuế giữa người Do Thái và người thuộc sắc dân khác bằng không hoặc rất nhỏ.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 7.
NGƯỜI DO THÁI LANG THANG CÓ GIÁO DỤC, 800-1250

> Thông báo cho người anh em của tôi, tôi đã rời Ấn Độ và tới Aden… Tất cả đồ dùng và mạng sống của tôi và gia đình đều an toàn… Tôi phải trách anh… vì đã tới tận Ai Cập mà lại không đi Aden. Tôi cử anh tới Ai Cập với một chuyến hàng của chủ tôi, Sheikn Madmûn, khoảng 50 ao-xơ xạ hương giá 40 dinar… Sau đó, tôi được biết… chỗ xạ hương đã tới Fustat đúng giờ; tuy nhiên, vì không thấy anh ở đó nên họ đã chuyển món hàng cho anh tới Sicily qua một người Do Thái đáng tin cậy là Samuel, người Sicily.
>
> —Abraham Ben Yijū, 1149

> Bất hạnh lớn nhất đời tôi… là sự băng hà của đức thánh… chết đuối ở biển Ấn Độ, mang theo nhiều tiền của tôi, của đức thánh, của người khác… Tôi phải an ủi mình như thế nào bây giờ? Đức thánh lớn lên trên đầu gối tôi, là người anh em của tôi, là học sinh tôi; đức thánh buôn bán trên thị trường, kiếm tiền, còn tôi chỉ việc ung dung ngồi nhà. Đức thánh thông thạo Talmud và Kinh Thánh, giỏi ngữ pháp Hebrew nữa… Mỗi khi nhìn thấy chữ viết hay thư của đức thánh, lòng tôi lại nhói đau…
>
> —Moses Maimonides, khoảng năm 1170

VÀO CUỐI THẾ KỶ 12, KHOẢNG 1,2-1,5 TRIỆU NGƯỜI DO THÁI trên thế giới sống rải rác ở ba trung tâm kinh tế, độc lập về tri thức là Mesopotamia, Ba Tư và bán đảo Ả-rập của người Hồi giáo, nơi sinh sống của khoảng 70% dân số Do Thái thế giới; bán đảo Iberia (một nửa của người Cơ đốc giáo, một nửa của người Hồi giáo) nơi các cộng đồng giàu có sinh sống ở hàng trăm thành phố, thị trấn; Pháp, Anh, Đức, Ý Cơ đốc giáo nơi các cộng đồng Do Thái nhỏ quy mô từ vài hộ tới vài trăm hộ sống ở hàng trăm địa điểm (xem Bảng 1.6, Bản đồ 1.3 và phụ lục, Bảng A.1, A.2). Các cộng đồng Do Thái nhỏ sống ở rất nhiều nơi ở Bohemia, Ba Lan, Hungary, vùng Balkan, Tiểu Á, các khu vực nằm giữa Biển Đen và Biển Caspian,

https://thuviensach.vn

Syria, Lebanon, Xứ Israel, Ai Cập, vùng Maghreb, Trung Á, Trung Hoa, Ấn Độ.

Việc người Do Thái sống rải rác giai đoạn đầu thời Trung Cổ có phải là bị hạn chế, đàn áp, trục xuất hay liệu tình trạng này phản ánh tự do, tự nguyện lựa chọn của một dân tộc có một số đặc điểm nổi bật? Liệu có mối liên hệ kinh tế, văn hóa nào không giữa người Do Thái sống ở Baghdad và người Do Thái sống ở Alexandria, giữa người Do Thái sống ở Tangiers, Palermo và Salonica với người Do Thái sống ở Granada, Troyes và Mainz?

Chúng tôi giải đáp những câu hỏi này bằng cách trình bày một số lượng lớn bằng chứng lịch sử. Trước tiên chúng tôi lần theo những "người Do Thái lang thang có giáo dục" trong các cuộc di cư của họ bên trong lãnh thổ rộng lớn của các vương quốc Hồi giáo, sau đó trong các cuộc di cư bên trong Đế chế Byzantine, từ Đế chế Byzantine ra bên ngoài, từ bên ngoài tới Đế chế Byzantine, rồi các cuộc di cư tới châu Âu Cơ đốc giáo và bên trong châu Âu Cơ đốc giáo. Cuộc hành trình này – cùng với lái buôn, thương gia, người đúc tiền, bác sỹ, thợ thủ công lành nghề, người cho vay lãi, học giả Do Thái – tiết lộ một số diễn biến trong lịch sử người Do Thái ủng hộ cho giả thuyết của chúng tôi là Do Thái giáo dòng giáo sỹ thế kỷ 1-2 vốn chú trọng việc học đã trang bị cho người Do Thái một số kỹ năng đặc trưng giúp họ di chuyển dễ dàng hơn, tạo thuận lợi cho việc di cư của họ.

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI LANG THANG TRƯỚC THỜI MARCO POLO

Trước khi mô tả đặc điểm nổi bật của các cuộc di cư của người Do Thái trên thế giới giai đoạn đầu thời Trung Cổ, chúng tôi khắc họa chân dung một nhóm Do Thái và ba cá nhân Do Thái, biểu tượng cho sự thay đổi triệt để biến người Do Thái từ những người nông dân, người đánh cá, người chăn cừu không biết chữ như Josephus mô tả hồi thế kỷ 1 thành một nhóm nhỏ cư dân thành thị biết chữ, di chuyển nhiều, làm những công việc đòi hỏi tay nghề.

https://thuviensach.vn

Các nhà buôn Radhanite thế kỷ 9

Thế kỷ 9 – tức hơn bốn thế kỷ trước chuyến đi của Marco Polo tới Trung Hoa – các nhà buôn Do Thái gọi là Radhanite, rất có thể gốc ở Mesopotamia, đi qua một vùng lãnh thổ rộng lớn, kết nối Trung Đông với châu Âu, Bắc Phi, châu Á qua các tuyến đường giao thương của họ.[319] Hoạt động của các Radhanite được Abū al-Qasim Ubaid ibn Khordadbeh, giám đốc quân đội và cảnh sát tỉnh Jibal dưới triều vua Abbasid al-Mu'tamid ghi lại trong cuốn sách của ông *Kitab al-Masalik wal-Mamalik (Sách về đường đi và vương quốc)* khoảng năm 850. Ibn Khordadbeh mô tả bốn tuyến chính được các nhà buôn Radhanite sử dụng trong hành trình của họ, kết nối những miền đất rất xa nhau như Trung Hoa, Ấn Độ ở phương Đông với Pháp ở phương Tây. Các nhà buôn Radhanite mang theo hàng hóa có giá trị cao như gia vị, nước hoa, lông thú, trang sức, vũ khí bằng sắt, dầu, hương, lụa, nô lệ.

Theo ibn Khordadbeh,[320]

> Đường đi của các lái buôn Radhanite Do Thái nói tiếng Ả-rập, Ba Tư và Rūmī (= tiếng Hy Lạp), Ifranjī (có lẽ là tiếng La-tinh), Andalusī (= tiếng Tây Ban Nha), Xla-vơ. Họ đi từ Đông sang Tây, Tây sang Đông, đi bằng đường bộ, đường biển. Họ tiếp thị nô lệ phương Tây, hầu gái, hầu trai, vải lụa, da thỏ, lông chồn và gươm kiếm. Họ giong thuyền từ Firanja ở biển phía Tây[321] và xuất phát từ Faramā [= Pelusium ở Đông Bắc Ai Cập], chở hàng trên lưng (những con vật mang vác nặng) tới Qulzum [= ngôi làng ở Đông Bắc Ai Cập gần kênh đào Suez] trong khi khoảng cách (giữa hai nơi này) là 25 parasang (khoảng 150 km); rồi họ đi thuyền ở biển phía Đông, từ Qulzum tới al-Jār và tới Judda [ở bán đảo Ả-rập], rồi đi qua Sind, rồi Hind [= vùng bắc Ấn Độ] rồi tới Trung Hoa. Họ chở từ Trung Hoa xạ hương, trầm hương, long não, quế, chở nhiều hơn (hàng hóa so với bình thường) từ những khu vực này; rồi họ quay về Qulzum và chở hàng tới Faramā, rồi lại giong buồm ở biển phía Tây; đôi khi họ quặt sang Constantinople bán hàng cho người Byzantine; đôi khi họ mang hàng tới cho nhà vua Firanja và bán hàng ở

https://thuviensach.vn

đó. Và nếu muốn, họ chở hàng từ Firanja ở biển phía Tây tới Antioch (ở Tiểu Á) rồi đi bằng đường bộ mất ba *marhala* (khoảng cách đi trong một ngày, khoảng 50 km) tới Jābiya [ở Syria], từ đó họ đi thuyền dọc sông Euphrates tới Baghdad, cũng từ đó họ đi thuyền dọc sông Tigris tới Ubulla [ở Mesopotamia], từ Ubulla tới Ummān, tới Sind, tới Hind, rồi tới Trung Hoa. Tất cả được tiến hành tuần tự, việc này xong tới việc kia. Ai đi từ Andalus [= bán đảo Iberia] hoặc Firanja vượt (biển) tới Sūs al-Aqsā [ở Bắc Phi] rồi tới Tanja [= Tangiers], từ đó tới Ifrīqiya rồi từ đó tới Ai Cập (hoặc: Fustat), từ đó tới Ramla, từ đó tới Damascus, từ đó tới Kūfa, từ đó tới Baghdad, từ đó tới Basra, từ đó tới al-Alwāz [ở Ba Tư], từ đó tới Fāris, từ đó tới Kirmān [ở Ba Tư], từ đó tới Sind, từ đó tới Hind, rồi từ đó tới Trung Hoa. Một số quay qua thành phố Byzantium tới vùng đất của người Xla-vơ, từ đó tới Khamlīj là thành phố của người Khazar, từ đó tới biển Jurjān (= biển Caspian), từ đó tới Balkh, tới một nơi bên kia sông (= Transoxania), từ đó tới Wurut Tughuz Ghuzz, rồi từ đó tới Trung Hoa.

Mở đầu đoạn mô tả chỉ ra một đặc điểm quan trọng của các nhà buôn Do Thái này: họ có thể nói vài thứ tiếng. Nhật ký đi đường của họ cho thấy từ giữa thế kỷ 9 họ đã thiết lập một mạng lưới buôn bán hàng hóa ở vương quốc Hồi giáo Abbasid; vương quốc Frank; Đế chế Byzantine; các nhà nước Xla-vơ bao gồm cả vương quốc Khazar, tới tận các đế chế vùng Viễn Đông.

https://thuviensach.vn

Lái buôn Do Thái ở Ấn Độ Dương: Abraham ben Yijū

Nhập khẩu gia vị, dược phẩm, thuốc nhuộm và các nguyên liệu khác từ Ấn Độ là xương sống của nền kinh tế Trung Cổ, nhất là ở thế giới Hồi giáo. Các bức thư viết bằng tiếng Do Thái – Ả – rập (tiếng Ả-rập thời trung đại viết bằng chữ cái Hebrew) thế kỷ 11-12 làm sáng tỏ rất nhiều chi tiết về các lái buôn Do Thái ở Ấn Độ Dương và gia đình họ ở các vùng lãnh thổ từ Viễn Đông tới Nam bán đảo Ả-rập và Ai Cập. Các bức thư cũng cung cấp nhiều thông tin quý giá về văn hóa Do Thái, Hồi giáo, Địa Trung Hải.[322]

Một lái buôn Do Thái có tài liệu lưu trữ trong kho lưu trữ Cairo tên là Abraham ben Yijū.[323] Sinh khoảng năm 1100 ở Mahadia, một thị trấn lớn, trung tâm chính của văn hóa Do Thái bên bờ biển Tunisia, Abraham có lẽ lấy họ ben Yijū từ một bộ tộc Berber[324] từng là người bảo hộ hay đỡ đầu cho dòng tộc của ông. Cha ông, Parahyah, là giáo sỹ và học giả đáng kính kiếm sống bằng nghề buôn bán.

Abraham được giáo dục rất tốt, điều này có thể khiến ông trở thành một học giả giáo sỹ nếu ông không bị những cơ hội kinh doanh béo bở ở phương Đông hấp dẫn. Để theo đuổi những cơ hội này, đầu tiên ông chuyển từ TuniSia tới Fustat ở Ai Cập. Vào khoảng năm 1120, ông chuyển tới Aden ở Yemen, một trong những bến cảng tấp nập nhất của tuyến đường biển quan trọng nhất từ Trung Đông tới Ấn Độ Dương. Ở Aden, Abraham gặp người chỉ giáo sau này trở thành đối tác kinh doanh chính của ông, nhà buôn Do Thái giàu có, danh giá Madmûn ibn al-Hasan ibn Bundâr. Theo bước chân của cha, Madmûn trở thành *nagid ở* Aden, người đứng đầu cộng đồng Do Thái giàu có của thành phố. Thư từ sớm nhất giữa Abraham và Madmûn là giai đoạn sau khi Abraham rời Aden khi ông khởi sự việc kinh doanh trên bờ biển Malabar ở Tây Ấn Độ. Những bức thư giai đoạn này đầy những chỉ dẫn thương mại chi tiết cũng như tình cảm yêu mến.

Abraham cũng thư từ với hai người Do Thái giàu có khác ở Aden – Yousuf ibn Abraham, viên chức tư pháp và nhà buôn, và Khalaf ibn Ishaq, nhà buôn và bạn thân của Abraham. Gia sản của hai nhà buôn này có từ việc buôn bán giữa Ấn Độ và Trung Đông, trong đó họ đóng vai trò người môi

https://thuviensach.vn

giới và tài phiệt nhiều hơn là nhà buôn. Từ những bức thư yêu cầu chuyển hàng, rõ ràng là cả hai người cũng như Abraham đều vô cùng giàu có.

Hai trong số những người bạn của Madmûn nằm trong số những người đi nhiều nhất thời Trung Cổ. Người đầu tiên là một nhân vật nổi tiếng trong cộng đồng Do Thái ở Fustat, Abû Sa'îd Halfon ben Nethan'el ha-Levi al-Dimyâti, lái buôn giàu có, học giả, nhà bảo trợ văn chương.[325] Hành trình của ông tới Ai Cập, Ấn Độ, Đông Phi, Syria, Morocco và bán đảo Iberia có thể so sánh với hành trình của Marco Polo và Ibn Battūta.[326] Người kia là Abu Zikri Judah ha-Kohen Sijilmasi. Sinh ra ở thị trấn sa mạc Sijilmasa ở Morocco, ông di cư tới Fustat rồi lên nắm quyền lãnh đạo cộng đồng Do Thái, cuối cùng trở thành đại diện chính cho lái buôn Do Thái. Ông cũng đi lại giữa Ai Cập, Yemen, bán đảo Iberia, Pháp, Ý, Hy Lạp, Ấn Độ.

Vào một lúc nào đó trước năm 1132, Abraham chuyển tới sống dọc bờ biển Malabar ở tây Ấn Độ. Một trong những bức thư của Madmûn gửi Abraham tiết lộ rằng việc Abraham chuyển tới sống lâu dài ở Ấn Độ không hoàn toàn tự nguyện (giải thích rõ ràng nhất là ông bỏ đi do nợ nần, tài chính bất thường, chưa trả thuế). Chỉ vào năm 1149 tức gần hai thập kỷ sau khi ông bỏ đi thì Abraham mới quay trở lại Aden, mang theo toàn bộ hàng hóa và hai đứa con trai tuổi thành niên.

https://thuviensach.vn

Giáo sỹ Samuel ha-Nagid và kỷ nguyên vàng của người Do Thái ở bán đảo Iberia

Abraham ben Yijū, Madmûn và giới lái buôn Do Thái có quan hệ khăng khít là sự kết hợp của sự xuất chúng trong thương mại với sự bảo trợ của giới học giả Do Thái, đặc trưng của kỷ nguyên vàng của cộng đồng người Do Thái phiêu bạt trên thế giới. Giáo sỹ Samuel ha-Nagid ("hoàng tử") là ví dụ điển hình cho sự pha trộn giữa sự uyên thâm học giả với xuất chúng chính trị, cũng là một đặc điểm chung của người Do Thái ở thế giới Hồi giáo. Samuel ha-Nagid là học giả Talmud, nhà ngữ pháp học, nhà ngữ văn học, nhà thơ, chiến binh, chính khách sống ở Córdoba và Granada.[327]

Cuộc chiếm đóng bán đảo Iberia của người Ả-rập-Hồi giáo, tiếng Ả-rập gọi là Al-Andalus, bắt đầu năm 711, mở đường cho việc thành lập một vương quốc Hồi giáo tương tự các vương quốc phát triển rực rỡ ở Damascus thời Umayyad thế kỷ 7-8. Trong vòng một thế kỷ, triều Umayyad rồi sau đó là triều Abbasid phát triển một nền văn minh tại thủ phủ Córdoba không có đối thủ ở châu Âu. Từ cuối thế kỷ 8 tới đầu thế kỷ 12, bán đảo Iberia dưới ách cai trị của người Hồi giáo là nền kinh tế đông dân, có văn hóa, thương mại phát triển bậc nhất ở châu Âu. Chính trong thời kỳ phát triển kinh tế này, thợ thủ công, nhà buôn Do Thái từ Ai Cập và Maghreb tới định cư ở đây.[328]

Không chỉ xuất chúng trong thương mại, người Do Thái cũng rất uyên bác. Một chương trình dịch thuật được ra đời ở Toledo, nơi người Do Thái dịch sách tiếng Ả-rập sang các ngôn ngữ La-tinh; họ cũng dịch cả văn bản tiếng Hy Lạp và tiếng Hebrew bao gồm nhiều tác phẩm lớn của khoa học, triết học Hy Lạp sang tiếng Ả-rập. Người Do Thái học và đóng góp cho toán học, y học, thực vật học, địa lý, thi ca, triết học. Lúc này việc nghiên cứu y học mở rộng, sản sinh ra nhiều bác sỹ Do Thái xuất chúng.[329]

Ở vương quốc Hồi giáo Córdoba, người Do Thái ngày càng có vai trò quan trọng, đỉnh cao của họ là thế kỷ 10. Người Do Thái sống trong một khu vực có tường bao quanh gọi là aljama (khu Do Thái), quản lý công việc cộng đồng thông qua tòa án giáo sỹ.

https://thuviensach.vn

Chính trong môi trường kinh tế, văn hóa này, Shmuel Halevi ben Yosef ha-Nagid, thường được gọi là giáo sỹ Samuel ha-Nagid, chào đời năm 993. Năm 1013, khi phiến quân Berber cướp phá Córdoba, Samuel bị buộc rời khỏi thành phố cùng với những người Do Thái khác. Với việc Córdoba suy tàn, thành phố Granada, thủ phủ mới của vương quốc Ả-rập, dần trở thành trung tâm học hành mới của đời sống Do Thái. Giống những người Do Thái khác, Samuel định cư ở Granada, tại đây ông tiếp tục học Talmud và các môn khoa học.

Ông nhanh chóng trở thành nhà thơ, nhà văn lớn không chỉ bằng tiếng Hebrew mà còn bằng tiếng Ả-rập và tiếng La-tinh. Sự thuần thục ngôn ngữ Ả-rập đến tuyệt vời và vốn hiểu biết sâu sắc về ngữ pháp, văn học Ả-rập của ông đã đến tai tể tướng Abu-al-Qasim-ibn-al-Arif. Tể tướng quá ấn tượng với sự uyên thâm, thông thái của ông nên bổ nhiệm ông làm thư ký, cố vấn riêng. Mấy năm sau khi tể tướng qua đời, vua Berber là Habus bổ nhiệm Samuel ha-Nagid thay vị trí của Abu-al-Qasim-ibn-al-Arif. Văn phòng tể tướng là văn phòng quốc vụ khanh, văn phòng cao nhất sau nhà vua. Samuel ha-Nagid chấp nhận vị trí đó và vẫn duy trì vị trí giáo sỹ của cộng đồng Do Thái đang thịnh vượng kiêm giám đốc học viện Talmud của Granada. Dưới sự lãnh đạo của ông, Granada trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu Talmud hàng đầu thế giới. Khi vua Berber băng hà, con trai và là người kế vị ông, Badis, giao cho vị tể tướng Do Thái quản lý mọi công việc của vương quốc. Danh tiếng của Samuel ha-Nagid tiếp tục tăng cao. Ông hỗ trợ tài chính, giúp đỡ nhiều học giả, cho mời tới Granada người thông thạo Talmud, triết gia, nhà thơ, người chép kinh để chép lại những quyển sách tiếng Hebrew quan trọng.[330]

https://thuviensach.vn

Các nhà du hành Trung Cổ vĩ đại: Benjamin xứ Tudela

Ít nhất có một vài người Do Thái giai đoạn đầu thời Trung Cổ đi rất nhiều. Việc này được một trong nhà lữ hành nổi tiếng nhất mọi thời đại là Benjamin xứ Tudela ghi lại. Sinh ở thị trấn Tudela vùng Navarre ở Tây Ban Nha, giáo sỹ Benjamin đi một chuyến hành trình dài giữa những năm 1160. Từ thành phố Saragossa ở Tây Ban Nha, ông đi lên phía Bắc tới Pháp. Từ Marseilles, ông đi thuyền tới Genoa, Pisa, Rome, Nam Ý, Hy Lạp, Constantinople trước khi đi hết Trung Đông, đến Lebanon, Xứ Israel, Syria, Bắc Mesopotamia trước khi đến Baghdad. Chắc chắn ông không đến thăm mà chỉ nghe nói tới các cộng đồng Do Thái ở Ba Tư, Yemen, Trung Á, vùng Viễn Đông của châu Á, và trên đường trở về châu Âu, ông nghe nói tới các cộng đồng Do Thái ở Đức và Bắc Pháp; mô tả của ông về những vùng này ngắn hơn nhiều, ít chi tiết hơn, và trong một số trường hợp ông thậm chí còn nhầm lẫn vùng này (Yemen) với vùng kia (Ấn Độ). Có lẽ ông đã đi tắt qua bán đảo Ả-rập tới Bắc Phi và Sicily, quay trở về bán đảo Iberia một vài năm sau, đầu những năm 1170.

Mục đích chuyến đi của ông có lẽ là hành hương tới Thánh Địa, tìm hiểu xem những người Do Thái phiêu bạt sinh sống như thế nào, mô tả các cộng đồng Do Thái thịnh vượng trên thế giới. Khi tới một thị trấn, ông tới giáo đường địa phương hỏi giáo sỹ có bao nhiêu gia đình Do Thái gia nhập giáo đường và họ làm nghề gì. Trong tác phẩm nổi tiếng của ông *Sefer ha-Masa'ot* (Du kí) viết bằng tiếng Hebrew và sau này được dịch ra tiếng La-tinh, ông ghi lại thông tin chi tiết về địa lý, kinh tế, dân số của hơn 300 thị trấn và thành phố ông tới thăm cũng như các khu vực khác ông nghe nói tới trong chuyến đi bao gồm cả Trung Hoa và Tây Tạng (xem Bản đồ 1.3 và phụ lục, Bảng A.2). Với các địa danh Benjamin thực sự tới thăm và mô tả chi tiết (châu Âu, vùng Balkan, Tiểu Á, Lebanon, Xứ Israel, Syria, Mesopotamia và một số địa danh ở Ai Cập), con số ước tính của ông nên được hiểu là số *gia đình* Do Thái sinh sống ở đó. Do đó, trong các đoạn trích từ nhật ký hành trình của ông dưới đây, cần nhân số người Do Thái

https://thuviensach.vn

Benjamin ghi lại với 5 (nghĩa là giả định mỗi gia đình lúc đó trung bình có 5 khẩu).[331]

Quyển sách của ông mô tả sống động và đôi khi đầy màu sắc về đời sống của người Do Thái và của các sắc dân khác. Mô tả các cộng đồng Do Thái nêu bật tầm quan trọng những cộng đồng này dành cho sự học, vị trí trang trọng của giáo sỹ, học giả, hiểu biết uyên bác của nhiều nhà buôn Do Thái về bộ luật Talmud, sự giàu có của các lãnh tụ Do Thái và mối quan hệ của họ với tầng lớp cai trị địa phương cũng như với các lái buôn, học giả Do Thái ở các cộng đồng khác.

Ghi chép của Benjamin về Rome rất đặc biệt khi ông mô tả sự tự do và quyền lực của cộng đồng Do Thái nhỏ bé ở đó:[332]

> Rome là đầu não của các vương quốc trong thế giới Cơ đốc giáo, có khoảng 200 người Do Thái có vị trí danh giá và không phải nộp cống, nhiều người trong số họ làm việc cho Giáo hoàng Alexander, lãnh tụ tinh thần của toàn bộ người Cơ đốc giáo. Các học giả vĩ đại sinh sống ở đây, đứng đầu là R. Daniel, giáo sỹ trưởng và R. Jechiel, viên chức làm việc cho Giáo hoàng. Ông… được ra vào cung điện của Giáo hoàng; vì ông là quản gia cho Giáo hoàng và quản lý mọi thứ mà Giáo hoàng có…

Ông cũng viết về lòng nhân từ của vua Abbasid ở Baghdad đối với người Do Thái; sự giàu có và trí tuệ xuất chúng của cộng đồng Do Thái rất lớn ở Baghdad; quyền lực của nhà vua, lãnh tụ chính trị của các cộng đồng Do Thái ở vương quốc Abbasid:

> Ở đó vị vua Hồi vĩ đại, Al Abbasi (Hafiz)… đối xử tử tế với người Do Thái, nhiều người Israel theo hầu vua; vua biết tất cả các ngôn ngữ, thông thạo luật pháp Israel. Vua đọc, viết thánh ngôn (tiếng Hebrew)…

Ở Baghdad có khoảng 40 nghìn người Do Thái, họ sống trong an bình, thịnh vượng, được trọng vọng dưới triều vua Hồi vĩ đại, trong số họ có người là hiền nhân đứng đầu các học viện nghiên cứu luật pháp. Ở thành phố này có mười học viện…

https://thuviensach.vn

Đó là mười Batlanim, không làm bất cứ việc gì khác ngoài quản lý cộng đồng; các ngày trong tuần họ phán xử người đồng hương Do Thái trừ ngày thứ hai phải trình diện trước giáo sỹ trưởng Samuel, chủ học viện (Jacob)… Và đứng trên tất cả họ là [vua] Daniel con trai của Hisdai người được mệnh danh "Chúa tể của chúng ta, người đứng đầu sự câu thúc toàn cõi Israel". Ông sở hữu một quyển gia phả ghi chép tới tận thời David, Vua Israel… và ông đã được trao quyền quản lý tất cả các giáo đoàn của Israel nhờ vào Emir al Muminin, Chúa của Hồi giáo…

Về tất cả những nước này, người đứng đầu sự câu thúc trao cho cộng đồng quyền bổ nhiệm giáo sỹ và mục sư…

Ông sở hữu nhà nghỉ chân, vườn tược, đồn điền ở Babylon, thừa kế nhiều đất từ cha, và không ai có thể lấy đi những tài sản này bằng vũ lực. Ngoài đồ cống nạp từ những vùng đất xa xôi, ông có một khoản thu nhập tuần cố định từ nhà nghỉ chân của người Do Thái, chợ búa, lái buôn. Người đàn ông này rất giàu có, thông thạo Kinh Thánh cũng như bộ luật Talmud…

Vua bổ nhiệm người đứng đầu các học viện bằng cách đặt bàn tay lên đầu họ, qua đó phong chức cho họ. Người Do Thái của thành phố là những người có học và rất giàu.

Ở Baghdad có 28 giáo đường Do Thái nằm trong thành phố hoặc ở Al-Kharkh bên kia sông Tigris…

Sự rộng lớn của lãnh thổ do người Hồi giáo cai trị mà ở đó người Do Thái sống rải rác được mô tả như sau:

> Người đứng đầu sự câu thúc có quyền lực đối với tất cả các cộng đồng Shinar, Ba Tư, Khurasan và Sheba tức El-Yemen, Diyar Kalach (Bekr), xứ Aram Naharaim (Mesopotamia), đối với cư dân vùng núi Ararat và vùng đất của người Alan, vùng đất bao quanh là núi, không có lối ra trừ mấy cái cổng sắt do Alexander làm nhưng đều đã hỏng. Người ở đây gọi là Alani. Ông còn có quyền lực đối với cả vùng đất Siberia, các cộng đồng ở vùng đất của người Togarmim cho tới tận vùng núi Asveh và xứ Gurgan, cư dân ở đó được gọi là người Gurganim sống bên bờ sông Gihon, và họ là những người Girgashite[333] theo đạo Cơ đốc. Xa

https://thuviensach.vn

hơn, quyền lực của ông còn vươn tới cổng thành Samarkand, xứ Tây Tạng, xứ Ấn Độ.

Ở nhiều nơi ông tới, Benjamin đều gặp các học giả Do Thái vĩ đại mà một vài người trong số họ có sở hữu đất đai:

> Một chuyến đi 3 ngày đưa ta tới Narbonne [ở Pháp], một thành phố tuyệt vời cho sự học; từ đó Torah (Luật) đi tới tất cả các nước. Các hiền nhân, những người nổi tiếng và vĩ đại sinh sống ở đây. Đứng đầu là R. Kalonymos, con trai của R. Todros lừng danh con cháu David… Ông sở hữu tài sản thừa kế, đất đai do người đứng đầu thành phố để lại mà không ai có thể lấy đi bằng vũ lực… Ngày nay có 300 người Do Thái sống ở đó…

… Từ Montpellier mất bốn parasang để tới được Lunel, nơi có một giáo đoàn của người Israel, những người đêm ngày học Luật. Nơi đây đại giáo sỹ quá cố Rabbenu Meshullam từng sinh sống, ông để lại năm người con trai thông minh, tài giỏi, giàu có… Ông là học giả Talmud vĩ đại… Học sinh đến từ những nơi xa xôi để học Luật được giáo đoàn chỉ dạy, cho cái ăn, cho chỗ ở, cấp quần áo mặc với điều kiện họ đến nhà học… Giáo đoàn gồm khoảng 300 người Do Thái.

… Vương quốc Pháp, tức Zarfath, trải dài từ thị trấn Auxerre tới Paris, thành phố vĩ đại – đi mất sáu ngày. Thành phố thuộc về Vua Louis… Các học giả sinh sống ở đó, không ai trên thế giới này sánh bằng, họ học Luật đêm ngày…

Cùng lúc đó, ông nhận thấy kiến thức về Talmud ở những nơi xa các trung tâm học hành Do Thái lớn là rất yếu, như mô tả về cộng đồng Do Thái dưới đây:

> Từ đó đi mất 7 ngày để tới Khulam [Quilon] là nơi bắt đầu của đất nước của những người thờ Mặt trời. Họ là con trai của Cush, đọc các vì sao, tất cả đều có màu da đen. Họ rất thật thà trong buôn bán…

… Ở đó có ớt… Cam thảo, gừng và nhiều loại gia vị khác được tìm thấy ở vùng đất này.

https://thuviensach.vn

… Và trên khắp hòn đảo, bao gồm tất cả các thị trấn ở đó, có hàng ngàn người Israel sinh sống. Người dân đều là da đen, cả người Do Thái cũng vậy. Người Do Thái tốt bụng, rộng lượng. Họ biết luật Moses và các nhà tiên tri, ở mức độ thấp hơn họ biết Talmud và *Halakha*.

Sự đa dạng các công việc đòi hỏi tay nghề của người Do Thái được chỉ ra trong mô tả của ông về Thebes, Salonica và Constantinople:

> … Thành phố Thebes vĩ đại, nơi có khoảng 2.000 người Do Thái sinh sống. Họ là những thợ dệt lụa và vải màu tía lành nghề nhất ở Hy Lạp. Họ có các học giả am hiểu Mishna và Talmud, và nhiều danh nhân khác, đứng đầu là giáo sỹ trưởng R. Kuti và người em trai R…

Từ đó đi mất 2 ngày đường thì tới thành phố Salonica… Đó là một thành phố rất lớn có khoảng 500 người Do Thái sinh sống bao gồm cả giáo sỹ trưởng R. Samuel và các con trai ông, những người cũng là các học giả… Người Do Thái bị đàn áp, sinh sống bằng nghề dệt lụa…

… Constantinople… là thủ đô của toàn cõi Javan hay còn gọi là Hy Lạp. Đây là nơi Hoàng đế Emanuel sinh sống…

… Các loại lái buôn đến đây từ Babylon, Shinar, Ba Tư, Media, Ai Cập, Canaan, đế chế Nga, Hungaria, Patzinakia, Khazaria, Lombardy, Sepharad. Đó là một thành phố tấp nập, lái buôn từ khắp nơi tới đây bằng đường biển hoặc đường bộ, không nơi nào trên thế giới giống thành phố này trừ Baghdad, thành phố vĩ đại của Hồi giáo…

… Của cải như của Constantinople trên thế gian này không đâu có…

… Không có người Do Thái sống trong thành phố, vì họ bị đẩy ra sau một lạch biển…

Ở khu Do Thái có khoảng 2.000 người Do Thái Rabbanite,[334] và khoảng 500 người Karaïte[335] có hàng rào ngăn cách họ. Trong số các học giả có một vài người thông thái, đứng đầu là giáo sỹ trưởng… Và trong số họ có thợ dệt lụa và nhiều lái buôn giàu có. Không có người Do Thái nào ở đó được phép cưỡi ngựa.

https://thuviensach.vn

Một ngoại lệ là R. Solomon Hamitsri, ngự y của vua, và nhờ ông người Do Thái cảm thấy bớt bị chèn ép rất nhiều. Vì tình trạng sức khỏe của họ rất kém, và họ bị căm ghét… Nhưng người Do Thái giàu có, lương thiện, tử tế, nhân đức…

Những mô tả về các cộng đồng Do Thái ở Thebes, Salonica, Constantinople nêu bật một đặc điểm quan trọng trong lịch sử dân tộc Do Thái mà chúng tôi sẽ trở lại trong các Chương 8 và 10: sự giàu có và mức sống cao của họ đi kèm với phân biệt đối xử và đàn áp ở một số nơi vào một số thời điểm. Ví dụ, ở Constantinople nơi người Do Thái giàu có, danh giá, họ bị cấm sống trong thành phố hay cưỡi ngựa.[336]

Danh sách dài những nơi Benjamin đi qua (xem phụ lục, Bảng A.2) cho thấy quy mô rộng lớn và sự giàu có của thế giới người Do Thái phiêu bạt cuối thế kỷ 12. Người Do Thái có mặt ở hầu hết mọi nơi, hầu hết họ dành hết thời gian cho việc học, thực hiện các điều luật ghi trong Talmud, một vài người trong số họ giàu có và quan hệ tốt với tầng lớp cai trị.

Đâu là mẫu hình chung và đặc điểm riêng của các cộng đồng Do Thái ở hàng trăm địa điểm nơi họ sinh sống? Liệu người Do Thái có thể tự do di cư bên trong lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị hay không? Liệu họ có thể dễ dàng định cư, mua đất, làm bất cứ nghề gì ở những nước châu Âu Cơ đốc giáo hay không? Người Do Thái di cư từ Đế chế Byzantine tới Ý (và từ đó tới các nơi khác ở châu Âu), từ Mesopotamia và Ba Tư tới Ai Cập và vùng Maghreb, từ Bắc Phi tới bán đảo Iberia và Sicily, từ Pháp tới Anh và Đức là vì họ bị đàn áp? Hay có một đặc điểm khác biệt nào đó của người Do Thái là động cơ thúc đẩy họ di cư thời Trung Cổ?

https://thuviensach.vn

DI CƯ CỦA NGƯỜI DO THÁI BÊN TRONG CÁC VƯƠNG QUỐC HỒI GIÁO

Sự ra đời của Hồi giáo đầu thế kỷ 7 định hình số phận cư trú, kinh tế, dân số của người Do Thái theo một cách độc đáo. Muhammad thành lập một chính thể thống nhất ở bán đảo Ả-rập, mở rộng mạnh mẽ dưới thời vương quốc Rashidun và Umayyad. Năm 750, khi vương quốc Umayyad sụp đổ và các đời vua Abbasid lên nắm quyền, đế chế trải rộng từ Tây Bắc Ấn Độ, khắp Trung Á, Ba Tư, Mesopotamia, Bắc Phi, Sicily, Nam Ý, bán đảo Iberia tới dãy Pyrenees (Bản đồ 7.1). Lãnh thổ mênh mông cộng với pháp luật, ngôn ngữ thống nhất, tự do đi lại đóng góp quan trọng cho việc hình thành và mở mang thương mại thế kỷ 7-12.

Người, hàng, tiền, sách, tri thức lưu thông rộng rãi, tự do khắp khu vực Địa Trung Hải. Theo lời Goitein: “Xét trên nhiều khía cạnh, khu vực này giống như một cộng đồng tự do thương mại”.[337] Dọc theo mạng lưới thương tuyến dày đặc ở Địa Trung Hải, các khu vực do người Hồi giáo cai trị buôn bán với nhau và sau này với chốn quyền lực của châu Âu như Genoa, Venice, Catalonia. Con đường Tơ lụa qua Trung Á đi qua vương quốc Abbasid trên đường từ Trung Hoa sang châu Âu. Thương mại cũng phát triển mạnh ở Ấn Độ Dương nơi các nhà buôn Do Thái và Hồi giáo đóng vai trò đi đầu trong nhiều thế kỷ.

https://thuviensach.vn

Thái độ của người Hồi giáo đối với các cộng đồng thiểu số tôn giáo

Trong hơn 500 năm, người Do Thái ở các vương quốc Hồi giáo có dân số ổn định, kinh tế thịnh vượng, tôn giáo tự chủ. Từ giữa thế kỷ 7, các vua Hồi quy định vị trí chính trị, kinh tế, xã hội của các cộng đồng thiểu số tôn giáo (nhất là người Cơ đốc và người Do Thái) thông qua *dhimma*, một quy chế bảo vệ các cộng đồng này để đổi lại việc họ phải trả một số loại thuế đặc biệt. Những nhóm tôn giáo được hưởng quy chế này được gọi là *ahl al-dhimma* ("những người được bảo vệ"); cá nhân thuộc những nhóm này gọi là *dhimmi*. Nếu họ đóng thuế thân (*jizia*) áp dụng cho mọi nam giới không phải người Hồi giáo từ 15 tuổi trở lên, *dhimmi* được bảo vệ cũng như được tự do thờ cúng.[338]

Tự do mở rộng sang cả lĩnh vực kinh tế. *Dhimmi* có thể mua, sở hữu hay bán đất. Họ có thể trồng trọt, chăn nuôi cũng như làm bất cứ nghề thủ công, buôn bán hay công việc thành thị đòi hỏi tay nghề cao nào khác mà họ muốn (Bảng 2.3).[339] Những công việc duy nhất người không phải người Hồi giáo không được phép làm là dân chính và các vị trí trong chính quyền (người Do Thái cũng không được làm những việc này thời đế chế La Mã, Byzantine, Ba Tư). Bất chấp lệnh cấm này, một số người Do Thái (như giáo sỹ Samuel ha-Nagid, mô tả ở trên) nắm giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy Đế chế Abbasid. Rất ít người Do Thái cải đạo sang Hồi giáo với mục đích có được những vị trí quyền lực trong bộ máy Hồi giáo.[340]

https://thuviensach.vn

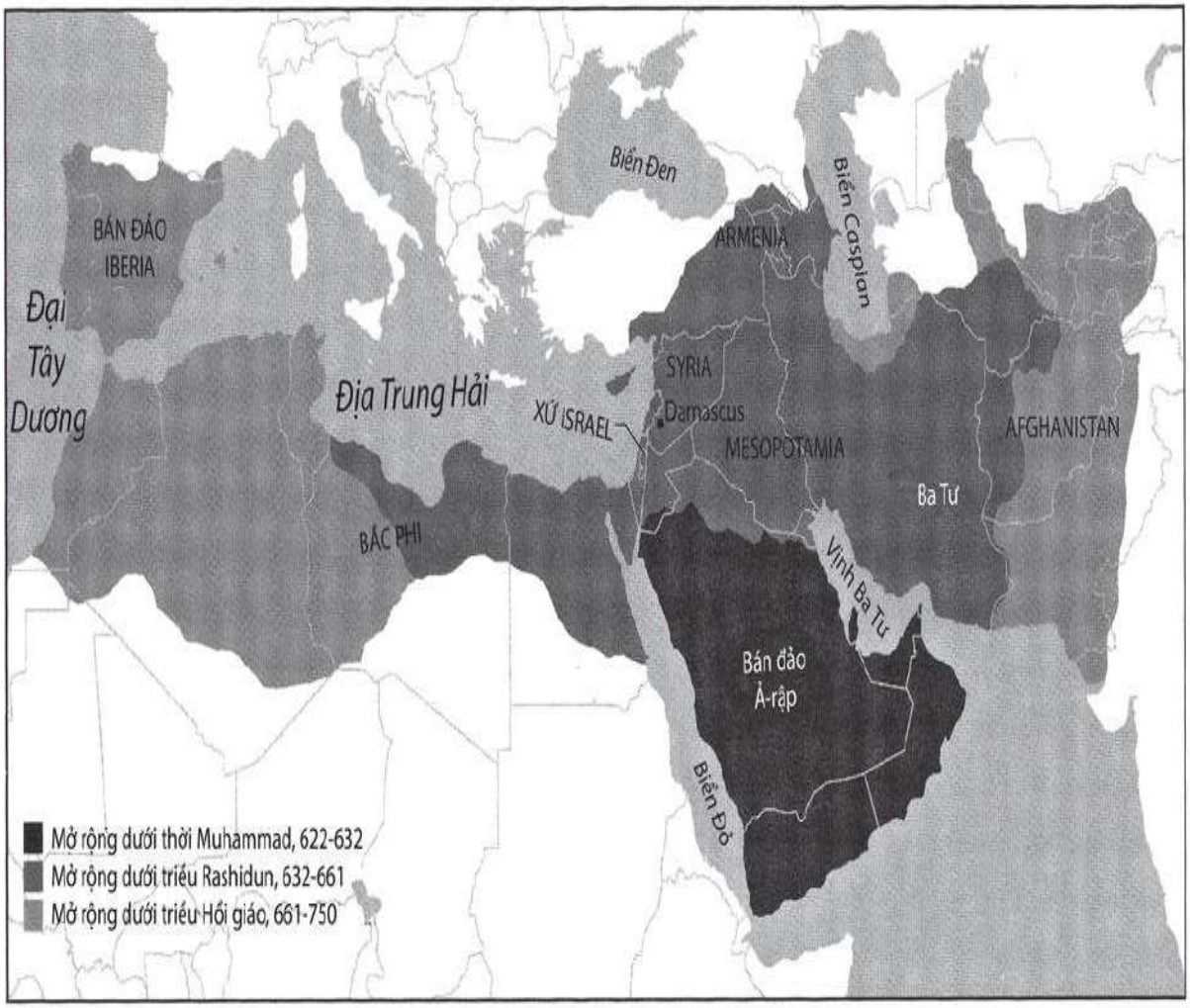

Bản đồ 7.1. Đế chế Hồi giáo trong kỷ nguyên của các vua Hồi. *Nguồn*: Vẽ lại từ Brice (1981).

https://thuviensach.vn

Người Do Thái tự do, tự nguyện di cư

Từ thế kỷ 9 trở đi, ngày càng có nhiều người Do Thái di cư từ Mesopotamia và Ba Tư tới Yemen và các khu vực khác ở bán đảo Ả-rập, Syria, Lebanon, Xứ Israel, Ai Cập, vùng Maghreb. Từ Bắc Phi, người Do Thái di cư tới bán đảo Iberia, sau này tới Sicily và Nam Ý của người Hồi giáo.[341] Phong trào di cư này là tự do, tự nguyện.

Tự do vì cả những người *dhimmi* và dân số Hồi giáo được pháp luật cho phép di chuyển chỗ ở, di cư. Nghệ nhân, học giả Do Thái từ Baghdad, hay nhà buôn, bác sỹ Do Thái từ Basra đều có thể tự do di cư tới định cư ở Damascus và Aleppo ở Syria cũng như Alexandria ở Ai Cập hay Qayrawan ở Tunisia. Ở nơi ở mới, họ nói cùng thứ ngôn ngữ, có cùng hệ thống pháp luật, thể chế, có tư cách của một cộng đồng thiểu số tôn giáo được bảo vệ như ở bất cứ đâu trong đế chế.

Tự nguyện vì với tay nghề sẵn có, người Do Thái di cư để tìm kiếm cơ hội kinh tế mới. Ví dụ, khi các vua Hồi Fatimid chuyển trung tâm quyền lực từ Tunisia tới Ai Cập thế kỷ 11 và trọng tâm chuyển dần về Ai Cập thì nhiều nghệ nhân, nhà buôn Do Thái chuyển tới sống ở đó.[342]

https://thuviensach.vn

Sự biến động của dân số Do Thái

Hồi giáo và các vương quốc Hồi giáo ra đời ảnh hưởng như thế nào đến dân số và phân bố địa lý người Do Thái trên thế giới? Đầu thế kỷ 7, gần 75% con số 1-1,2 triệu người Do Thái trên thế giới sống ở Mesopotamia và Ba Tư. Các cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel, Syria, Lebanon, Tiểu Á, Balkan, Bắc Phi (chủ yếu Ai Cập), một thời là các cộng đồng lớn nhất thế giới, có từ 4.000 đến dưới 100.000 người (Bảng 1.6).

Bốn thế kỷ sau, khi Benjamin xứ Tudela thực hiện chuyến hành trình dài từ bán đảo Iberia tới Mesopotamia, phân bố địa lý của người Do Thái trên thế giới chỉ thay đổi một ít: cộng đồng Do Thái lớn nhất năm 650 (gồm từ 700.000-900.000 người ở Mesopotamia và Ba Tư) vẫn là cộng đồng lớn nhất năm 1170, chỉ tăng nhẹ trong 500 năm (Bảng 1.6 và phụ lục, Bảng A.1). Lúc này, có một cộng đồng Do Thái tương đối lớn (có lẽ khoảng từ 100.000-120.000 người) cũng sống ở Yemen, với các thành phố như Aden và Sana'a là nơi sinh sống của các lái buôn Do Thái buôn bán từ Địa Trung Hải tới tận Ấn Độ Dương. (Chắc chắn Benjamin không tới bán đảo Ả-rập. Ông cung cấp những con số phóng đại về người Do Thái ở khu vực này trong khi không cung cấp con số ước tính dân số cho các thành phố như Aden mà theo nhiều nguồn thông tin khác thì ở đây có các cộng đồng Do Thái lớn sinh sống. Trong phần phụ lục, chúng tôi diễn giải, điều chỉnh ước tính dân số bán đảo Ả-rập của Benjamin). Vào năm 1170, dân số Do Thái ở Xứ Israel gần như biến mất (chỉ còn khoảng 6.000 người), trong khi đó số lượng người Do Thái đã tăng lên 70.000 người ở Ai Cập và gần 55.000 người ở Syria, chủ yếu là do người Do Thái di cư từ Mesopotamia và Ba Tư tới Bắc Phi và vùng Levant.

https://thuviensach.vn

AI CẬP VÀ VÙNG MAGHREB

Người Do Thái sinh sống ở Bắc Phi trước cuộc chinh phạt của người Ả-rập. Các nhà văn thời cổ đại đề cập đến việc người Do Thái ở Bắc Phi có quan hệ với người Do Thái ở Ý thời La Mã.[343] Thời Hồi giáo, các nguồn thông tin sơ cấp bắt đầu nói đến người nhập cư Do Thái. Trong thế kỷ 9, một vài nhà buôn đường dài dừng chân ở Tunisia, định cư tạm thời bên các cộng đồng Do Thái.[344]

Công việc chính của người nhập cư Do Thái tới Bắc Phi là gì? Có hạn chế nào cấm họ làm một công việc nào đó không? Đầu thế kỷ 9, hầu hết thợ thủ công, nhà buôn Do Thái đến Ai Cập và vùng Maghreb từ Mesopotamia và Ba Tư; chỉ một số ít đến từ Xứ Israel nơi có một cộng đồng Do Thái rất nhỏ sinh sống vào thời đó. Ban đầu, họ làm đại lý ở nơi ở mới trong khi gia đình vẫn ở nơi cũ. Không có bằng chứng cho thấy những đợt di cư này là do bị ép buộc hay do người Do Thái bị tầng lớp cai trị địa phương đàn áp.[345]

Trong thế kỷ 9, người nhập cư Do Thái tham gia làm nghề thủ công, buôn bán địa phương, đôi khi hợp tác với người thuộc các sắc dân khác. Bằng chứng đầu tiên cho thấy người Do Thái tham gia buôn bán đường dài ở Ai Cập và Maghreb có từ thế kỷ 9, dọc theo tuyến thương mại nối Baghdad, Morocco và bán đảo Iberia. Những nhà buôn này không sở hữu các tuyến thương mại hay đoàn buôn nào; họ gia nhập đoàn buôn của các lái buôn khác.

Người nhập cư Do Thái nhanh chóng nắm giữ vai trò chủ chốt trong thương mại đường dài, thường mua bán trả chậm, gia hạn tiền cho vay. Nhà buôn và người cho vay lãi Do Thái ghi chép tỉ mỉ các khoản tiền cho vay của họ (cho vay tiền mà không ghi chép đầy đủ bị coi là tội phạm).[346] Số lượng lớn các hợp đồng cho vay và nhu cầu ghi lại những giao dịch này gây ra vấn đề cho người dân địa phương mà hầu hết trong số họ đều mù chữ. Khả năng biết đọc, biết viết của người Do Thái – di sản của quy định tôn giáo yêu cầu các ông bố phải giáo dục con từ lúc chúng còn nhỏ – mang lại cho họ lợi thế so sánh quan trọng trong lĩnh vực bán hàng, thương mại

https://thuviensach.vn

đường dài, cho vay lãi và các công việc khác coi trọng khả năng biết đọc, biết viết.

Người nhập cư Do Thái từ Mesopotamia và Ba Tư tới Bắc Phi lập ra các giáo đường và tòa án giáo sỹ tuân thủ truyền thống văn hóa, pháp luật, tôn giáo của bộ luật Talmud của Babylon. Người nhập cư Do Thái từ Syria (và một số ít từ Xứ Israel) tới Ai Cập và Maghreb lập giáo đường và tòa án giáo sỹ của riêng họ tuân theo truyền thống ghi trong Talmud của Xứ Israel.[347] Hầu hết các nhà buôn Do Thái cũng đồng thời là học giả, thông thạo luật pháp Do Thái. Tài liệu trong kho tư liệu Cairo cho thấy các viện đại học cũng được thành lập trong giai đoạn này ở Bắc Phi. Một lúc nào đó sau năm 1057, một chánh án Do Thái của al-Mahdiyya, một thị trấn ở Tunisia, viết: [348]

> Tôi rất hài lòng khi đọc thư anh thấy con trai người chủ đáng kính đã khuất, chủ học viện của chúng ta là Nathan, rất hiếu học và chịu khó học Torah. Cầu Chúa giữ mãi lòng nhiệt thành tuổi trẻ và phù hộ cậu bé. Và có lẽ bảo vệ mạng sống cho Rāv của chúng ta, cầu cho vị trí danh dự của ngài là vĩnh viễn và luôn được Chúa phù hộ. Vì qua ngài Chúa đã làm sống lại sự học ở Ai Cập, khai sáng cộng đồng và củng cố tôn giáo.

Các vua Hồi không áp đặt hạn chế nào đối với công việc kinh doanh của người Do Thái. Tuy nhiên, người Do Thái được tôn giáo của họ yêu cầu tuân thủ các điều luật, chuẩn mực đề ra trong Talmud. Các nhà buôn Do Thái đôi khi tìm cách né tránh một số quy định này bằng cách đưa ra diễn giải mới cho các quy định của Talmud hoặc thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh với người Hồi giáo.

Điều kiện kinh tế, xã hội, tôn giáo của người Do Thái ở Ai Cập và Maghreb còn cải thiện hơn khi khu vực này bị triều đại Hồi giáo Shia của người Fatimid, đối thủ của vương quốc Abbasid, chinh phục năm 969. Ai Cập trở thành trung tâm của một vương quốc rộng lớn, hùng mạnh mà vào cuối thế kỷ 10 bao gồm hầu hết Bắc Phi, Syria, Lebanon, Xứ Israel, kéo theo một thời kỳ vĩ đại về công nghiệp, thương mại phát triển thịnh vượng cũng

https://thuviensach.vn

như khoan dung tôn giáo mà nhờ đó người Do Thái cũng được hưởng lợi. [349]

Cấu trúc kinh tế của người Do Thái ở Bắc Phi thời Fatimid cũng rất đa dạng. Theo danh sách người đóng thuế và làm từ thiện Do Thái thì đa số tham gia buôn bán tại chỗ; một số nhỏ là lái buôn đường dài, đi tới tận Ấn Độ Dương.[350] Tầng lớp cai trị Fatimid đã thành công trong việc lái thương mại giữa Ấn Độ và Trung Đông từ vịnh Ba Tư sang Biển Đỏ, biến Biển Đỏ trở thành huyết mạch thương mại quốc tế chính. Nhiều lái buôn Do Thái với mức độ giàu có khác nhau tham gia buôn bán với Ấn Độ như được minh họa trong câu chuyện của Abraham ben Yifū trình bày ở trên. Các cộng đồng Do Thái ở Bắc Phi và Syria được dẫn đầu bởi một *nagid* do vua Fatimid chọn ra từ những người Do Thái nổi tiếng, thường là ngự y triều đình. Ở một mức độ nào đó, *nagid* giống vua đứng đầu cộng đồng Do Thái ở vương quốc Abbasid rộng lớn tuy có một số khác biệt quan trọng.[351]

Vương triều Fatimid bắt đầu suy yếu vào cuối thế kỷ 11 nhưng tình hình người Do Thái lại không xấu đi. Theo như mô tả của Benjamin xứ Tudela về các cộng đồng Do Thái thì trong giai đoạn này và trong thế kỷ sau đó, người Do Thái ở Ai Cập và Maghreb làm ăn phát đạt trong mọi lĩnh vực.[352]

Với sự chấm dứt của vương triều Fatimid năm 1171, Bắc Phi, Syria và Levant rơi vào tay triều Hồi giáo Sunni của người Ayyubid thế kỷ 12-13. Vua Saladin và những người kế nhiệm ông ít khoan dung hơn với các cộng đồng thiểu số tôn giáo so với triều Fatimid tuy họ không đàn áp người không phải Hồi giáo.

Đời sống cộng đồng Do Thái, sự thịnh vượng về kinh tế, các hoạt động văn hóa tiếp diễn dưới triều Ayyubid. Trong thời kỳ này, một số học giả Do Thái từ các nước Cơ đốc giáo trong đó có Anatoli b. Joseph và Joseph b. Gershon từ Pháp tới định cư ở Ai Cập, đóng vai trò tích cực trong đời sống cộng đồng. Trong số những người Do Thái nổi tiếng nhất di cư từ bán đảo Iberia tới Ai Cập giai đoạn này có Moses Maimonides, một trong những học giả Do Thái ưu tú nhất mọi thời đại.

https://thuviensach.vn

Tóm lại, từ thế kỷ 9-13, Ai Cập và vùng Maghreb chứng kiến tình trạng nhập cư của người Do Thái từ Mesopotamia và Ba Tư; sau này, người Do Thái cũng di cư từ Syria, Sicily, bán đảo Iberia và Xứ Israel. Những người nhập cư này trở nên quan trọng trong nhiều ngành nghề thành thị, đòi hỏi tay nghề cao. Các nguồn tư liệu sơ cấp từ thế kỷ 9-11 không cho thấy có bằng chứng về việc người Do Thái làm nông nghiệp ở Bắc Phi. Tuy cần đồ ăn kiêng nhưng họ không làm nông nghiệp, chỉ mua sản phẩm từ sữa của dân địa phương.[353] Nếu họ có làm nông nghiệp thì luôn liên quan đến việc buôn bán sản phẩm nông nghiệp.[354]

Pháp luật không cấm người nhập cư Do Thái ở Bắc Phi mua đất hay làm nông. Việc biết chữ là lợi thế so sánh của họ, có tác dụng như đòn bẩy để họ thành công trong các lĩnh vực như nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi. Theo Griei,[355] học vấn cộng với các thiết chế thực thi giao ước (Talmud, thư từ phúc đáp, tòa án giáo sỹ ở mỗi địa phương) khuyến khích họ dịch chuyển nhiều hơn, dẫn đến việc thành lập các cộng đồng Do Thái mới ở nhiều nơi ở Ai Cập và Maghreb. Mạng lưới buôn bán dựa trên quan hệ đối tác kinh doanh ở những nơi này giúp người Do Thái tham gia nhiều hơn vào thương mại đường dài trong vùng lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai quản. Dịch chuyển nhiều trong đế chế cũng giúp người Do Thái sống ở các nơi khác nhau có được tin tức từ các cộng đồng Do Thái khác và trao đổi thư từ phúc đáp với các trung tâm Do Thái khác.

https://thuviensach.vn

BÁN ĐẢO IBERIA THỜI HỒI GIÁO CAI TRỊ

Sử liệu cho thấy người Do Thái có mặt ở bán đảo Iberia từ thời La Mã. Số lượng người Do Thái có lẽ giảm dần trong thế kỷ 5-6 vì ít thấy các bộ luật nói đến người Do Thái. Ngược lại, người Do Thái được nhắc tới nhiều trong giai đoạn từ khi người Visigoth cải đạo sang Cơ đốc giáo năm 589 tới cuộc chinh phạt của người Ả-rập năm 711. Di cư tới Maghreb và Ai Cập diễn ra trong thế kỷ 6-7 khi một số người Do Thái bỏ chạy sang Bắc Phi để thoát khỏi các vụ đàn áp của người Visigoth.[356]

Sau khi triều Umayyad chinh phục Nam Tây Ban Nha năm 710-712, một số lượng lớn người Do Thái từ Bắc Phi tới định cư ở đây, ban đầu là để nắm giữ đồn bốt của người Hồi giáo. Với việc thành lập vương quốc Umayyad năm 756, Córdoba trở thành thành phố lớn nhất và một trong những thành phố thương mại sầm uất nhất ở châu Âu, là nơi sinh sống của khoảng nửa triệu người cuối thế kỷ 10. Vài thập kỷ sau cuộc chinh phạt bán đảo Iberia của người Ả-rập, các nguồn tư liệu bằng ba thứ tiếng (La-tinh, Ả-rập, Hebrew) bắt đầu nói đến người Do Thái. Trong những tư liệu này, người Do Thái mang tên Ả-rập, nói và viết bằng tiếng Ả-rập.[357]

https://thuviensach.vn

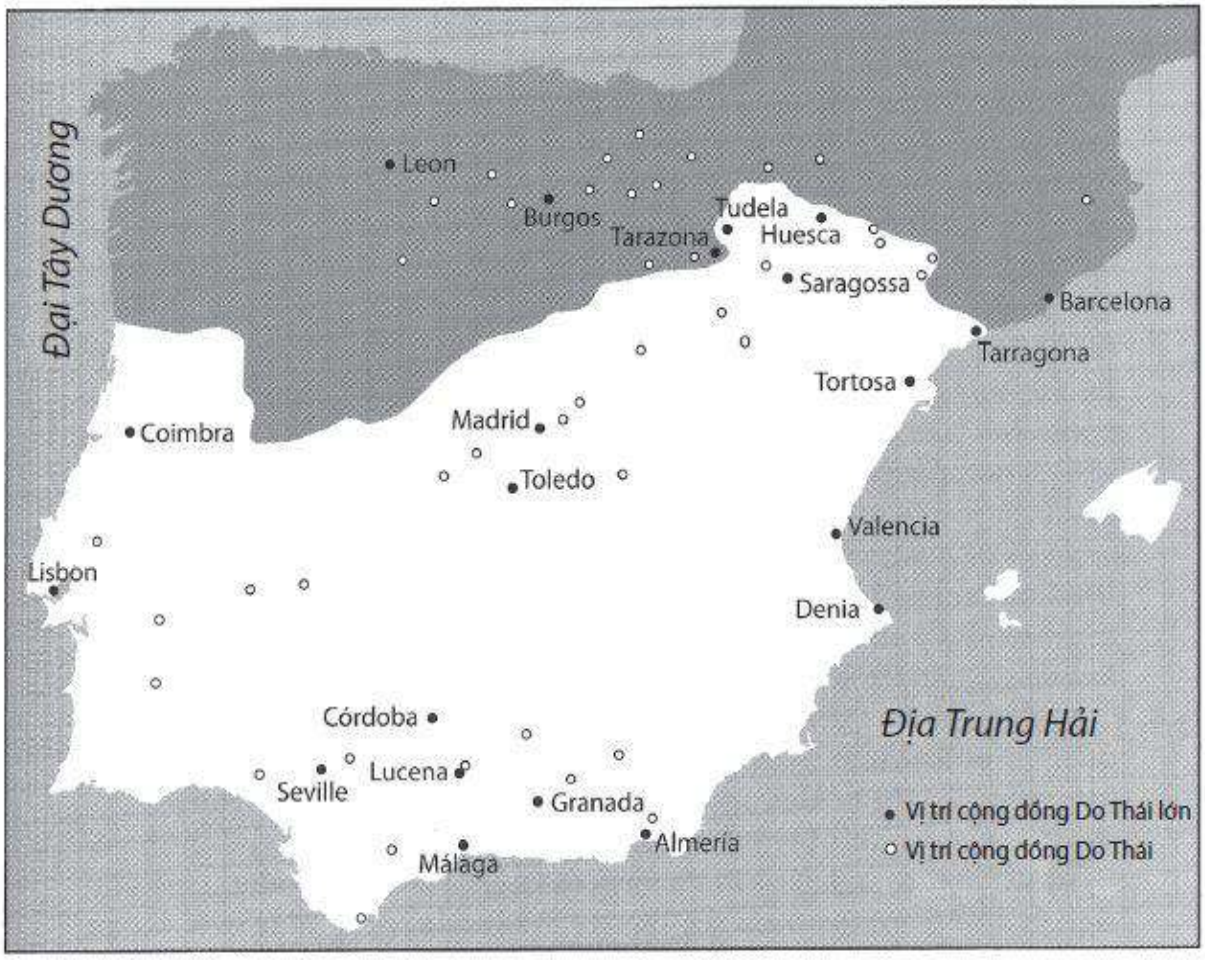

Bản đồ 7.2. Cộng đồng Do Thái ở bán đảo Iberia, khoảng năm 1030.
Nguồn: Vẽ lại từ Ashtor và cộng sự (2007). Màu trắng = vùng do người Hồi giáo cai trị. Xám sẫm = vùng do người Cơ đốc giáo cai trị.

Số lượng người Do Thái di cư tương đối lớn từ Ai Cập và Maghreb lập ra Sephardim – một cộng đồng Do Thái Iberia mới có văn hóa đặc trưng và là cộng đồng lớn nhất sau cộng đồng ở Trung Đông.[358] Rất nhanh chóng, các cộng đồng Do Thái được thành lập ở nhiều thị trấn trong đó có Badjana, Calsena, Catalayud, Córdoba, Elvira, Granada, Illiberi, Jaén, Lucena, Mérida, Pechina, Saragossa, Seville, Toledo cũng như ở các làng quê (Bản đồ 7.2).

Nhiều tài liệu nói đến sự tiếp xúc liên tục, di cư giữa người Do Thái ở bán đảo Iberia và người Do Thái ở Ai Cập và Maghreb thế kỷ 9-10. Qayrawan ở Tunisia trở thành điểm dừng chân quan trọng cho lái buôn Iberia-Do Thái đi

https://thuviensach.vn

lại giữa Trung Đông cũng như điểm tiếp xúc quan trọng giữa người Do Thái ở Iberia và các học viện Do Thái ở Mesopotamia.[359]

Người nhập cư Do Thái định cư ở bán đảo Iberia chuyên làm một số nghề thủ công và công việc đòi hỏi có tay nghề, nắm giữ các vị trí trọng yếu trong thương mại địa phương, gần như độc quyền trong thương mại đường dài.[360] Những người nhập cư Do Thái này không phải là nông dân chuyển tới đó rồi trở thành thợ thủ công và nhà buôn. Trước đó họ đã là cư dân đô thị làm những công việc đòi hỏi có tay nghề rồi tự do, tự nguyện chuyển tới bán đảo Iberia để tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

Người Do Thái cũng tham gia vào đời sống tri thức sôi động đặc trưng của bán đảo Iberia trong năm thế kỷ sau cuộc chinh phạt của người Ả-rập. Như ở Nam Ý và Sicily, văn hóa Do Thái hình thành ở bán đảo Iberia ban đầu xuất phát từ các trung tâm học hành và pháp luật ở Mesopotamia. Tuy nhiên, sau này người Do Thái ở Iberia phát triển diện mạo đặc trưng của riêng họ trong đó có ảnh hưởng đáng kể của văn hóa Ả-rập. Đây là thời điểm khởi phát kỷ nguyên vàng của người Do Thái Sephardic (sẽ thảo luận sau).[361]

Di cư giai đoạn này không mang tính chất một chiều: trong thế kỷ 10-11, thợ thủ công, giáo viên, học giả, nhà buôn, bác sỹ Do Thái cũng di cư từ bán đảo Iberia tới Maghreb, Ai Cập, Syria, tạo ra một dòng chảy cá nhân biết chữ, có tay nghề liên tục, hai chiều trong lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị.[362]

https://thuviensach.vn

DI CƯ CỦA NGƯỜI DO THÁI BYZANTINE

Từ đầu thế kỷ 7 tới cuối thế kỷ 12, dân số Do Thái Byzantine khá ổn định cả về giá trị tuyệt đối và giá trị tương đối. Khoảng năm 650, người Do Thái ở Đế chế Byzantine chiếm khoảng 0,4-0,5% tổng dân số. Năm thế kỷ sau, vào thời Benjamin xứ Tudela đi du hành, người Do Thái chiếm 0,3-0,4% tổng dân số (Bảng 1.6). Chiều hướng ngược lại của cộng đồng Do Thái ở các nước Địa Trung Hải góp phần ổn định dân số người Do Thái sinh sống dưới sự cai trị của Constantinople.

Các vụ đàn áp và ép buộc cải đạo của một số hoàng đế Byzantine từ đầu thế kỷ 7 tới cuối thế kỷ 10 cũng như sự bành trướng diễn ra đồng thời của người Ả-rập, sự hình thành các vương quốc Hồi giáo ở Mesopotamia, Bắc Phi, bán đảo Iberia, Sicily, Nam Ý khiến một tỷ lệ người Do Thái Byzantine di cư khắp thế giới Địa Trung Hải. Từ cuối thế kỷ 10, tiếp đến trong thế kỷ 11, sự suy tàn chính trị của vương quốc Abbasid ở Bắc Phi (với các vụ đàn áp người Do Thái và Cơ đốc giáo có liên quan như của vua Hồi al-Hakim ở Ai Cập đầu thế kỷ 11) và sự phục hưng kinh tế Byzantine diễn ra đồng thời đảo ngược lại làn sóng người Do Thái di cư. Constantinople và các thành phố sôi động khác thời Constantinople (như Salonica và Seleucia) trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với một số người Do Thái đến từ Ai Cập và Maghreb.[363]

Các làn sóng người Do Thái nhập cư, di cư bên trong cũng như ra khỏi Đế chế Byzantine có chung một đặc điểm: thợ thủ công, nhà buôn, bác sỹ, học giả Do Thái tạo ra làn sóng di cư Do Thái này. Các nguồn tư liệu sơ cấp trong đó có các bức thư trong kho lưu trữ Cairo cho thấy khi định cư ở nơi cư trú mới, những người nhập cư Do Thái này rất giàu có và duy trì quan hệ kinh tế, văn hóa với người Do Thái ở quê nhà.

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI NHẬP CƯ VÀ DI CƯ BÊN TRONG CHÂU ÂU CƠ ĐỐC GIÁO

Di cư của người Do Thái tới châu Âu thế kỷ 9-12 chia sẻ một số đặc điểm nổi bật với thời kỳ phiêu bạt của người Do Thái nhập cư, di cư bên trong cũng như ra khỏi các vương quốc Hồi giáo và Đế chế Byzantine. Trong mọi trường hợp, các đợt di cư này bao gồm các cá nhân có học thức, tay nghề cao nhất (nghệ nhân, giáo viên, học giả, lái buôn, người đúc tiền, người cho vay lãi, bác sỹ) chuyển tới nơi mới để tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Di cư của người Do Thái tới châu Âu cũng có một số nét riêng biệt định hình lịch sử người Do Thái châu Âu trong các thế kỷ sau đó.

https://thuviensach.vn

Josephus, nhà lãnh đạo quân sự, sử gia Do Thái, qua đời ở Rome khoảng năm 100, sau 30 năm dưới sự bảo hộ của các hoàng đế La Mã là Titus và Domitian. Josephus không phải trường hợp cá biệt. Nhiều nguồn tư liệu cũng như văn tự khắc trên đá (bi ký) và phát hiện khảo cổ học ở các tòa giáo đường ghi rằng Rome và vùng miền Trung và Nam Ý nói chung là nơi sinh sống của một cộng đồng Do Thái lớn. Thời La Mã, các cộng đồng Do Thái cũng tồn tại ở bán đảo Iberia, Nam Pháp, Đức, vùng Balkan (xem Chương 1).

Một nghìn năm sau, nhà lữ hành Do Thái Benjamin xứ Tudela tìm thấy các cộng đồng Do Thái ở Barcelona, Narbone, Marseilles, Rome, Napoli, Salerno, Palermo, Lepanto, Thebes, Corinth và nhiều nơi ông đặt chân đến (xem phụ lục, Bảng A.2). Hầu hết những người Do Thái này là thợ thủ công, nhà buôn, bác sỹ, giáo viên, học giả, người đúc tiền, người đổi tiền, người cho vay lãi, người thu thuế, nhà ngoại giao, nhà biên dịch, chủ ngân hàng. Rất ít người trong số họ là nông dân hay làm các nghề liên quan đến nông nghiệp.[364]

Những người Do Thái ở châu Âu thế kỷ 12 này có phải con cháu những người Do Thái sống ở Ý, bán đảo Iberia, Pháp, Đức và vùng Balkan thời La Mã thế kỷ 1-2 không? Đa phần có lẽ là không. Theo ghi chép cẩn thận của Toch thì chỉ ở Ý từ phía Nam Rome trở xuống và một số nơi ở Nam Pháp và Đông Tây Ban Nha, người Do Thái có vẻ như sống liên tục từ cuối thời cổ đại tới khoảng năm 800.[365]

Trong thế kỷ 9-10, số lượng người Do Thái ở châu Âu tăng đáng kể do sự thành lập vương quốc Hồi giáo Córdoba ở bán đảo Iberia và di cư của người Do Thái từ Ai Cập và Maghreb tới bán đảo Iberia, sau này tới Sicily và Nam Ý. Từ bán đảo Iberia và Nam Ý, một số người Do Thái có lẽ đã di cư tới Trung Ý và Nam Pháp. Từ giữa thế kỷ 9, những đợt di cư này mở rộng thế giới của người Do Thái qua lãnh thổ rộng lớn do người Hồi giáo cai trị, với ngôn ngữ, luật pháp, thể chế chung, tiến vào một châu Âu thành trì của Cơ đốc giáo đang bị chia rẽ về chính trị.[366] Hơn nữa, các đợt di cư của người

https://thuviensach.vn

Do Thái bên trong và từ lãnh thổ Đế chế Byzantine bao gồm cả Nam Ý có lẽ đã tạo nền tảng cho phần lớn cộng đồng Do Thái ở châu Âu thông qua con đường Ý.[367]

Cũng ở Trung và Nam Pháp, Tây Đức, có vẻ người Do Thái Trung Cổ không phải là con cháu những người Do Thái từng sống ở đó thời Đế chế La Mã. Gần như không có bằng chứng gì về việc người Do Thái sinh sống ở những khu vực này thế kỷ 7-8. Sự hiện diện của họ ở Champagne và vùng Rhineland, sau này ở Trung Âu, có lẽ là hệ quả của việc người Do Thái di cư từ Nam Âu từ thế kỷ 9-10.[368]

Mô hình định cư khác biệt của người Do Thái ở Nam, Trung và Tây Bắc Âu để lại dấu vết lâu dài cho lịch sử về sau của họ. Theo Toch, "suốt thời Trung Cổ, cộng đồng Do Thái Địa Trung Hải – Hy Lạp cổ phân chia, phát triển thành các nhánh Byzantine – Nam Ý, Rome, Catalan – Nam Pháp, Ả – rập -Sicily. Sau đó, người Do Thái ở Ashkenazi (Tây Bắc Âu và Bắc Âu) và Sephardi (Iberia) trở thành các cộng đồng khác biệt" như mô tả dưới đây. [369]

https://thuviensach.vn

Châu Âu từ thời Charlemagne tới Frederick II (800-1250)

Vào thế kỷ 9, thợ thủ công, lái buôn, bác sỹ, học giả Do Thái từ Ai Cập và Maghreb đi thuyền tới bờ biển Nam Âu với ý định định cư, khởi nghiệp ở Córdoba, Toledo hay Palermo. Trong mắt họ Nam Âu trông như thế nào? Châu Âu trong con mắt người Do Thái từ Đế chế Byzantine tới định cư ở Ý – những người mà con cháu họ sau này có lẽ di cư tới phần còn lại của châu Âu – như thế nào? Châu Âu trong con mắt các làn sóng người Do Thái di cư trong các khu vực khác nhau của châu Âu trong bốn thế kỷ sau như thế nào?

https://thuviensach.vn

HỆ THỐNG CÁC VƯƠNG QUỐC CẠNH TRANH NHAU

Với sự sụp đổ của phần phía tây Đế chế La Mã đầu thế kỷ 5, các thành phố, mạng lưới thương mại, cơ sở hạ tầng đô thị suy thoái khắp nơi ở châu Âu trong 400-500 năm tiếp theo. Không giống như các vương quốc Hồi giáo là các xã hội đậm chất đô thị và thương mại do một ban lãnh đạo chính trị thống nhất cai trị, châu Âu trở thành một nền kinh tế nông nghiệp, một xã hội nông thôn sau sự sụp đổ của Đế chế La Mã. Đất đai – nguồn chủ yếu mang lại của cải và quyền lực chính trị – bị chia lẻ cho nhiều vương quốc, công quốc, hạt, thành bang độc lập, thành phố Cơ đốc giáo.[370]

Khi Charlemagne được Giáo hoàng Leo III phong lên ngôi hoàng đế năm 800, các thế lực chính trị chủ yếu ở châu Âu là vương quốc Hồi giáo Córdoba của người Umayyad cai trị phần lớn bán đảo Iberia; nước Anh của người Anglo-Saxon; các vương quốc của người Danes và Vikings ở bán đảo Scandinavia; Đế chế Carolingian bao phủ một khu vực rộng lớn gồm Bắc Tây Ban Nha, Pháp, các nước Vùng đất Thấp, Bắc Ý, Đức, Áo. Vùng Balkan và một số nơi ở Nam Ý thuộc về Đế chế Byzantine. Nhà thờ nắm giữ quyền lực ở Trung Ý, vùng đất của người Bun ở vương quốc Bulgaria, vùng đất của người Magyar ở Hungary. Các bộ tộc Giéc-manh và Xla-vơ ở Bohemia và Đông Âu hoàn thành địa chính trị châu Âu khi những làn sóng người Do Thái di cư đầu tiên – dù là từ Đế chế Byzantine hay từ Bắc Phi – đặt chân lên bờ biển phía bắc Địa Trung Hải vào đầu và giữa thế kỷ 9. Chia rẽ chính trị ngày càng sâu sắc do trong mỗi vương quốc, một dàn những người cai trị – hoàng tử, công tước, bá tước, quý tộc, hội đồng tự do của công dân, giám mục, cha trưởng tu viện – nắm giữ quyền lực, quyền tư pháp đối với một loạt các vấn đề kinh tế, xã hội, tôn giáo.

Chia rẽ chính trị song hành với chia rẽ ngôn ngữ, tôn giáo, pháp luật, kinh tế. Nhà buôn hay thợ thủ công Do Thái có thể đi từ Samarkand tới Córdoba mà vẫn nói, vẫn nghe cùng một thứ ngôn ngữ (tiếng Ả-rập) và lệ thuộc vào một hệ thống luật pháp, phong tục đồng nhất lấy cảm hứng từ Kinh Koran. Ngược lại, người Do Thái định cư ở Aachen, York, Trier hay Pisa nghe

https://thuviensach.vn

nhiều thứ tiếng địa phương khác nhau, chịu sự cai trị của các vua chúa khác nhau, chấp hành các bộ luật khác nhau.

Năm 1250, khi Hoàng đế La Mã Thần Thánh Frederic II băng hà, châu Âu thậm chí còn chia rẽ sâu sắc hơn so với bốn thế kỷ trước. Đế chế La Mã Thần Thánh trải dài từ Biển Bắc tới Địa Trung Hải bao gồm các nước Vùng đất Thấp, Đức, Áo, Bohemia, Đông Nam Pháp, Bắc và Nam Ý bao gồm cả Sicily và Sardinia. Phần còn lại của Ý bị chia thành nhiều vương quốc trong đó có nhà nước Giáo hoàng ở Trung Ý, vùng lãnh thổ Venice, hạt Savoy ở Tây Bắc Ý. Vương quốc Pháp chỉ bao gồm một phần của nước Pháp hiện tại do triều Capetian và nhà nước quân chủ Anjou của Anh cùng cai trị. Bán đảo Iberia bị chia thành nhiều vương quốc Cơ đốc giáo trong đó có Andalusia, Aragon, Castile, Leon, Navarre, Bồ Đào Nha, trong khi đó người Hồi giáo chỉ giữ lại duy nhất vương quốc Granada ở Đông Nam Tây Ban Nha. Ở bán đảo Scandinavia, các nhà nước Baltic, Đông Âu, vùng Balkan, có các vị vua khác nhau trị vì, người dân nói ngôn ngữ khác nhau, luật pháp cũng khác nhau.[371]

https://thuviensach.vn

QUYỀN LỰC CỦA NHÀ THỜ

Một trong những thế lực chính trị quan trọng ở châu Âu là Nhà thờ Cơ đốc giáo hoạt động thông qua chính quyền tập trung đặt ở Rome và các mạng lưới giám mục, tu viện. Giám mục thường đóng vai trò quan trọng trong điều hành trong khi tu viện đóng vai trò như tổ chức ủy thác đất đai cho các gia đình có thế lực, trung tâm tuyên truyền và hỗ trợ hoàng gia ở các vùng mới chinh phục và là cơ sở cho việc truyền đạo. Tu viện cũng là tiền đồn giáo dục, dạy chữ chính. Ở một châu Âu giai đoạn đầu thời Trung Cổ, gần như toàn người không biết chữ, Nhà thờ gánh vác vai trò quan trọng là duy trì sự học La-tinh và bảo tồn nghệ thuật viết.[372]

Ngoài giải quyết các vấn đề thực tế, Nhà thờ còn điều chỉnh nhiều khía cạnh trong cuộc sống thường nhật của hàng triệu người sinh sống ở châu Âu giai đoạn đầu thời Trung Cổ. Từ việc áp đặt chế độ một vợ một chồng cho đến bắt người Cơ đốc giáo phải trả thuế thập phân, từ việc ra lệnh cấm cho vay nặng lãi đến chống dị giáo, Nhà thờ tác động đến cuộc sống hàng ngày của người dân châu Âu, quy định những việc được phép làm và những việc không được phép làm.[373] Người Do Thái nhập cư và di cư bên trong châu Âu không thoát khỏi quyền lực kiểm soát của Nhà thờ, điều này làm gia tăng các quy định thế tục của vua, hoàng tử, tầng lớp cai trị địa phương, khiến cho các đợt di cư của người Do Thái ở châu Âu khác với các đợt di cư của người Do Thái trong các vương quốc Hồi giáo.

https://thuviensach.vn

ĐÔ THỊ HÓA VÀ CUỘC CÁCH MẠNG THƯƠNG MẠI

Sự sụp đổ của xã hội La Mã sau khi Đế chế La Mã tàn vong hồi đầu thế kỷ 5 để lại những hậu quả rất nghiêm trọng cho Tây Âu. Vua chúa lên nắm quyền không có khả năng hỗ trợ cho thư viện và các thiết chế giáo dục chính nên phát triển tri thức chịu một đòn nặng. Thiếu an toàn khiến ngành sản xuất, buôn bán địa phương, thương mại đường dài sụp đổ. Vào cuối thế kỷ 8, cái trước đây từng là Đế chế La Mã phía tây bị phân quyền về mặt chính trị và trở thành một vùng nông thôn rộng lớn.[374]

Do không có trận dịch hạch lớn nào hay các cú sốc dân số khác từ cuối thế kỷ 8 đến hết thế kỷ 9 nên dân số châu Âu tăng vào thế kỷ 10.[375] Năng suất nông nghiệp gia tăng do cải tạo đất trước đây bị bỏ hoang, tiêu nước ra khỏi đầm lầy, khôi phục các công trình thủy lợi, sử dụng nông cụ và kỹ thuật canh tác mới thúc đẩy sự hình thành thị trấn, trung tâm hội chợ, địa điểm buôn bán, thành phố.[376] Đô thị hóa, thủ công nghiệp và công nghiệp tái sinh, buôn bán địa phương và thương mại đường dài phục hồi đầu thế kỷ 10 biến châu Âu trở thành một địa điểm hấp dẫn cho những người biết chữ, có giáo dục, có tay nghề cần có để thành công trong các lĩnh vực như thủ công nghiệp, buôn bán, cho vay lãi, nghề y và các công việc đòi hỏi tay nghề cao khác.

https://thuviensach.vn

Không gian, thời gian của người Do Thái phiêu bạt

Người Do Thái Bắc Phi tới định cư ở bán đảo Iberia, Sicily, Nam Ý giai đoạn đầu thời Trung Cổ là ai? Người Do Thái Byzantine di cư tới Nam Ý (con cháu họ sau này tới định cư ở các khu vực khác ở châu Âu) là ai? Người Do Thái di cư từ Pháp tới Anh và Đức là ai? Tại sao người Do Thái nhập cư và di cư trong châu Âu? Họ thường tới và định cư bằng cách nào? Liệu họ có thể tự do định cư ở bất cứ thị trấn hay nơi nào ở châu Âu không? Liệu họ có thể mua và sở hữu đất, được làm bất cứ công việc gì không? Vua chúa ở châu Âu Trung Cổ nhìn nhận người Do Thái như thế nào? Những đợt di cư của người Do Thái trong lãnh thổ rộng lớn của người Hồi giáo giống và khác như thế nào so với những đợt di cư của người Do Thái ở châu Âu Cơ đốc giáo bị chia rẽ về chính trị?

Thời gian và hoàn cảnh định cư của người Do Thái ở mỗi nước khác biệt đáng kể. Người Do Thái châu Âu nói nhiều ngôn ngữ địa phương khác nhau, thực hành phong tục, lễ nghi tôn giáo khác nhau, làm trong nhiều ngành nghề khác nhau, có vị thế pháp lý khác nhau. Tuy nhiên, bất chấp những khác biệt này, có một số điểm chung giữa người Do Thái ở Iberia, ở Ý, ở Pháp, ở Đức, ở Anh.

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI Ở BÁN ĐẢO IBERIA THỜI CƠ ĐỐC GIÁO

Trong suốt thời kỳ Reconquista (bắt đầu từ cuối thế kỷ 8, kết thúc vào giữa thế kỷ 13), vua chúa Tây Ban Nha theo Cơ đốc giáo giành lại quyền kiểm soát và thiết lập sự cai trị Cơ đốc giáo ở các vùng trên bán đảo Iberia trước thuộc về người Hồi giáo.[377] Không giống người Visigoth đàn áp người Do Thái suốt thế kỷ 7, người Cơ đốc giáo cai trị một số nơi trên bán đảo Iberia thế kỷ 9-10 có thái độ khoan dung với người Do Thái, trên thực tế đã mời họ định cư trên lãnh thổ của mình. Từ thế kỷ 9, người Do Thái bắt đầu di cư tới các khu vực trên bán đảo Iberia của người Cơ đốc giáo. Một số ít người Do Thái, vài người trong số họ mang tên Ả-rập xuất hiện ở Đông Bắc Tây Ban Nha như Barcelona, Gerona, Tarragona, Tortosa cũng như ở vùng nông thôn; ở phía Bắc như Belorado, Castrojeriz gần Burgos, León, Puento Castro, Sahagún; ở phía tây như Béja, Coimbra, Corunna, Mérida (Bản đồ 7.2).[378]

Đầu thế kỷ 11, cùng với sự suy tàn của vương quốc Córdoba, người Cơ đốc giáo ngày càng tăng cường kiểm soát bán đảo Iberia thông qua sáng kiến của vua Alfonso V của León, ông tìm cách thu hút người tới định cư trên lãnh thổ của mình bằng cách ban cho họ đặc quyền và tự do. Trong số những người định cư mới này có rất nhiều người Do Thái (trong đó có lẽ bao gồm nhiều người từ bỏ vùng đất trên bán đảo do người Hồi giáo cai trị) có cùng quyền lợi như người Cơ đốc giáo.[379]

Thái độ của vua chúa Cơ đốc giáo đối với người Do Thái có phần lẫn lộn, hành động không nhất quán. Ví dụ, năm 1091, vua Alfonso VI rất cần tiền để huy động quân đội chống lại người Almoravid (một triều đại của người Berber ở Bắc Phi). Do đó, ông ban hành một chính sách cho người dân thị trấn Léon nhiều lợi thế so với người Do Thái để đổi lấy hỗ trợ tài chính. Một chính sách tương tự được ban hành năm 1114 cho thị trấn Tudela. Hệ quả là nhiều người Do Thái từ bỏ những thị trấn này. Nhưng, nhận ra vai trò quan trọng của người Do Thái trong nền kinh tế quốc dân và tài chính hoàng gia, Alfonso cũng ban hành nhiều chính sách giúp người Do Thái phát triển kinh tế.[380]

https://thuviensach.vn

Người Do Thái ở bán đảo Iberia đóng vai trò quan trọng như những nhà trung gian trong cuộc chuyển tiếp từ chế độ Hồi giáo sang chế độ Cơ đốc giáo. Họ giúp vua chúa Cơ đốc giáo chấp nhận sử dụng hệ thống chính quyền của vua chúa Hồi giáo trước kia.[381] Ở nhiều thị trấn, có nhiều chính sách cho phép họ được sống, làm ăn kinh doanh ở một nơi nhất định. Những chính sách giai đoạn đầu thời Trung Cổ này chẳng hạn như chính sách dành cho người Do Thái ở Barcelona năm 1053, ở Tudela năm 1116 và ở nhiều thành phố khác từ giữa thế kỷ 11 tới giữa thế kỷ 13 cho thấy người Do Thái có thể mua và sở hữu đất đai, có thể làm nông, tự do đi lại và buôn bán, được cho vay lấy lãi.[382] Sổ sách thuế má, hồ sơ xét xử ở tòa, kho thư từ phúc đáp cho thấy người Do Thái không chỉ được phép sở hữu đất và làm bất cứ nghề nào họ muốn mà trên thực tế họ đã làm như vậy. Ví dụ, vào thế kỷ 11-12, người Do Thái sở hữu khoảng một phần ba diện tích đất đai ở Barcelona, điều này giải thích tại sao Hội đồng Gerona thứ hai yêu cầu người Do Thái tiếp tục đóng thuế thập phân cho Nhà thờ đối với diện tích đất họ mua từ người Cơ đốc giáo.[383]

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI Ở Ý

Người Do Thái đã sống liên tục ở Ý suốt hai mươi mốt thế kỷ, bắt đầu từ thời Cộng hòa La Mã (thế kỷ 2 đến thế kỷ 1 trước CN). Có lẽ trước họ là những nhà buôn Do Thái ở Ý, một phái đoàn ngoại giao đã được Judah Maccabee phái đến Rome năm 161 trước CN để ký kết hiệp ước chính trị với chính quyền La Mã. Từ đó trở đi, những người nhập cư Do Thái khác tự do, tự nguyện tới Ý, thành lập các cộng đồng tương đối lớn ở phía nam Rome, nhất là ở những vùng đô thị ở Apulia, Calabria, Sicily.[384]

Một số lượng nhất định người Do Thái bị đưa sang Ý làm nô lệ sau khi Jerusalem bị vây hãm và Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, nhưng thời gian này không có các vụ trục xuất lớn nào. Hơn nữa, người Do Thái bị bán sang Ý giành lại tự do cho mình sau vài năm. Thế kỷ 1 trước CN, dân số Do Thái ở Ý lên tới gần 50.000 người, một nửa trong số đó sống tập trung ở Rome hoặc quanh Rome. Cấu trúc nghề nghiệp của họ khá đa dạng, trong đó có nông dân, thợ thủ công, lái buôn.[385]

Trung và Nam Ý là các trung tâm kinh tế, tôn giáo của đời sống Do Thái ở Ý thời La Mã và tiếp tục duy trì vị thế đó cho tới tận đầu thế kỷ 7.[386] Người Do Thái được nói đến trong sử liệu ở Lazio (Ostia, Terracina); Campania (Capua, Napoli, Nola, Pompeii, Salerno, Venafro); Apulia và Basilicata (Bari, Oria, Otranto, Taranto, Venosa); Sicily (Agrigento, Catania, Palermo, Syracuse); Sardinia (Cagliari) và các nơi khác ở Campania và Sicily dưới quyền cai trị của Giáo hoàng.

Đế chế La Mã phía tây tan rã đầu thế kỷ 5; người Hung nô, người Ostrogoth, người Vandal, người Visigoth, Đế chế Byzantine sau này chinh phạt các khu vực khác nhau ở Ý; quyền lực của Nhà thờ gia tăng dẫn tới những thay đổi liên tục trong tình hình người Do Thái ở Ý thế kỷ 5-6. Hòa bình xen kẽ những đợt cưỡng ép cải đạo (ví dụ như do một nhà cai trị của Byzantine ở một số thị trấn ở Nam Ý).[387]

Văn bia và tư liệu không nhắc gì đến người Do Thái thế kỷ 7-8, nên khó có thể xác nhận liệu họ rời những nơi này hay tiếp tục sống ở đó nhưng không để lại dấu vết gì trong sử liệu. (Trường hợp ngoại lệ là thị trấn Venosa

https://thuviensach.vn

nơi có bằng chứng khảo cổ học, bằng chứng viết gần như nguyên vẹn về định cư của người Do Thái bao gồm cả ở các ngôi làng quanh thị trấn.[388])

Các làn sóng di cư về sau của người Do Thái từ bờ biển phía đông và phía nam Địa Trung Hải góp phần làm gia tăng dân số người Do Thái ở phía nam Rome từ thế kỷ 9 trở đi. Người Do Thái tới Nam Ý từ vùng Balkan và Tiểu Á thời Byzantine.[389] Song song với làn sóng di cư này khi người Ả-rập bắt đầu chinh phục các khu vực Nam Ý và Sicily và chế độ Hồi giáo mang lại sự ổn định chính trị và thịnh vượng kinh tế cho những khu vực trên thì ngày càng có nhiều người Do Thái từ Ai Cập và Maghreb tới định cư ở Sicily và một số nơi ở Nam Ý, điều này đã được thể hiện trong kho lưu trữ Cairo. Vào thế kỷ 9-10, ngày càng có nhiều nguồn tư liệu bắt đầu nói đến sự hiện diện của các cộng đồng Do Thái ở những nơi như Bari, Benevento, Capua, Gaeta, Lavello, Napoli, Oria, Otranto, Salerno, Siponto, Trani, Taranto cũng như Catania, Palermo, Ragusa, Syracuse.[390]

https://thuviensach.vn

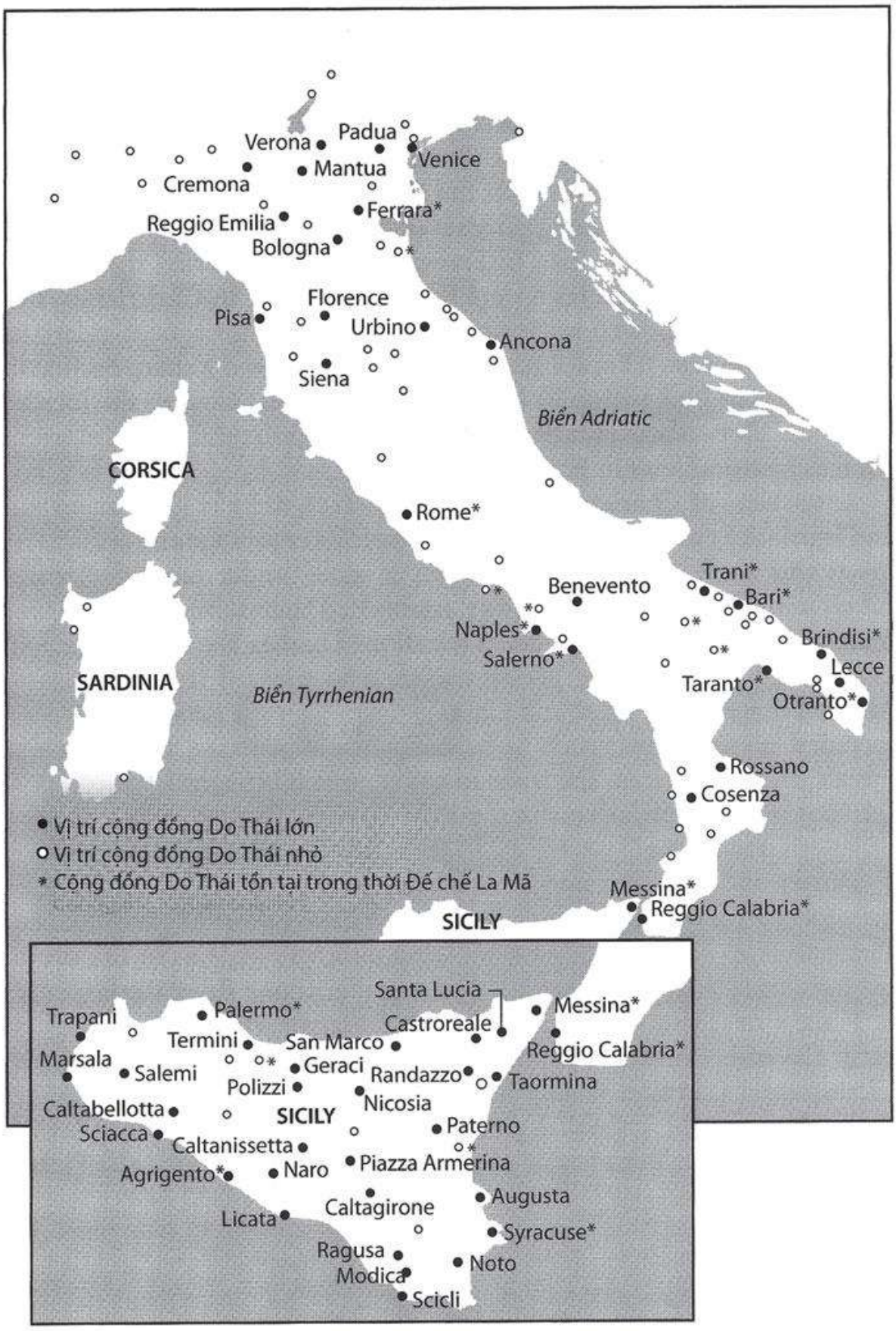

https://thuviensach.vn

Bản đồ 7.3. Các cộng đồng Do Thái chủ yếu ở Ý, 1450-1550.
Nguồn: Vẽ lại từ Milano (1963).

Là một phần của cộng đồng chung lớn, người Do Thái di cư từ Bắc Phi tới Sicily và một số nơi ở Nam Ý không cần bất cứ giấy phép hay đặc quyền nào để định cư và thành lập việc kinh doanh ở nơi ở mới. Họ có thể sở hữu và mua đất, làm bất cứ nghề nào họ muốn, điều này được thể hiện rõ qua cấu trúc kinh tế đa dạng của họ, tương tự như cấu trúc của các cộng đồng Do Thái ở Mesopotamia, Ba Tư, Bắc Phi, bán đảo Iberia. Họ là thợ thủ công lành nghề, lái buôn địa phương, nhà buôn đường dài, bác sỹ, học giả, người cho vay lãi.[391]

Các cộng đồng Do Thái ở Sicily và Nam Ý đạt đỉnh cao thịnh vượng trong nửa đầu thế kỷ 13 dưới triều Hoàng đế La Mã Thánh thần Norman, hậu duệ của Frederick II, người đích thân bảo hộ người Do Thái, cho phép họ độc quyền nghề dệt lụa, nhuộm, ngoại thương, bản thân có mối quan tâm thúc đẩy văn hóa Do Thái.[392] Nền văn hóa này đã thay đổi đáng kể từ thời cổ đại. Vào cuối thời cổ đại, người Do Thái ở Nam Ý nói tiếng Hy Lạp giống như các cộng đồng Do Thái khác ở thế giới Do Thái Hy Lạp cổ-Byzantine. Ngược lại, người Do Thái ở Sicily Hồi giáo và Nam Ý sử dụng chữ Hebrew để viết, dựa vào từ vựng giáo sỹ và truyền thống của các học viện Mesopotamia, phát triển một nền thi ca tôn giáo phong phú lấy nguồn từ Xứ Israel.[393]

Phía Bắc Rome, các cộng đồng Do Thái vẫn được nhắc tới vào đầu thế kỷ 6 ở Genoa và Milan nhưng sau đó biến mất khỏi sử liệu. Những dòng chữ khắc trên đá ở Asti và Pavia thế kỷ 8 có nhắc tới người Do Thái. Từ thế kỷ 10, người Do Thái bắt đầu được nói tới ở Ancona, Lucca, Pavia, Ravenna, Rimini, Treviso, Verona.[394] Từ thế kỷ 12, người Do Thái ở Nam Ý bắt đầu chuyển lên phía Bắc. Không giống người Do Thái ở Nam Ý và Sicily nằm dưới sự cai trị của Hồi giáo, người Do Thái có thể định cư ở các thị trấn ở Trung và Nam Ý thông qua chính sách đặc quyền và giấy phép do tầng lớp cai trị địa phương cấp. Tầng lớp người cai trị này thường tha thiết mời lái

https://thuviensach.vn

buôn Do Thái (sau này là người cho vay lãi) tới định cư ở vùng đất của họ để giúp phát triển kinh tế địa phương.[395]

Khoảng năm 1170, Benjamin xứ Tudela ghi lại sự phân bố không đồng đều này của người Do Thái ở phía Nam và phía Bắc Rome (xem phụ lục, Bảng A.2). Theo ghi chép của ông, có 3.000 người Do Thái sống ở Salerno, 7.500 người ở Palermo; Pisa và Lucca lần lượt có 100 và 200 người. Trong ba thế kỷ sau đó, các cộng đồng Do Thái quy mô từ một tới vài trăm hộ gia đình phát triển khắp Ý (Bản đồ 7.3). Người Do Thái ở Nam Ý và Sicily vẫn làm nhiều nghề thủ công, hoạt động thương mại, trong khi đó người Do Thái ở Bắc và Trung Ý ngày càng chuyên sâu về cho vay lãi (xem Chương 8).

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI Ở PHÁP

Từ thời cuộc chinh phạt La Mã của Julius Caesar năm 58-51 trước CN cho tới khi bị người Burgund, người Frank, người Hung nô, người Visigoth xâm lược thế kỷ 4-5, Gaul chia sẻ lịch sử với Rome. Các văn bia và phát hiện khảo cổ học cho thấy người Do Thái, những người có lẽ định cư ở Gaul như những lái buôn lưu động, định cư với tư cách công dân hay người được bảo trợ La Mã.[396] Họ được hưởng lợi từ những quyền, đặc quyền nhất định do có quốc tịch La Mã được Hoàng đế Caracalla ban hành năm 212 cho tất cả cư dân của đế chế. Những quyền này bao gồm quyền tự do thờ cúng, quyền được tiếp cận văn phòng công và quân đội. Từ thế kỷ 4, tài liệu nói đến sự hiện diện của người Do Thái, tuy nhỏ, ở khu vực này. Các khu định cư Do Thái khớp với các tuyến đường mà quân La Mã đi, người Do Thái đi theo những đội quân này với tư cách chiến binh, nhà buôn.[397]

Trong thế kỷ 5, người Frank, một liên bang lỏng lẻo các bộ tộc đến từ vùng hạ sông Rhine, chinh phạt Bắc Gaul. Clovis I (481-511), người sáng lập triều Merovingian, thống nhất liên bang các bộ tộc Frank thành một chỉnh thể chính trị duy nhất. Bằng cách cải đạo sang Cơ đốc giáo, ông tạo ra liên minh với Nhà thờ và mở đường cho sự phổ biến của Cơ đốc giáo ở Gaul (từ đây gọi là Pháp).

https://thuviensach.vn

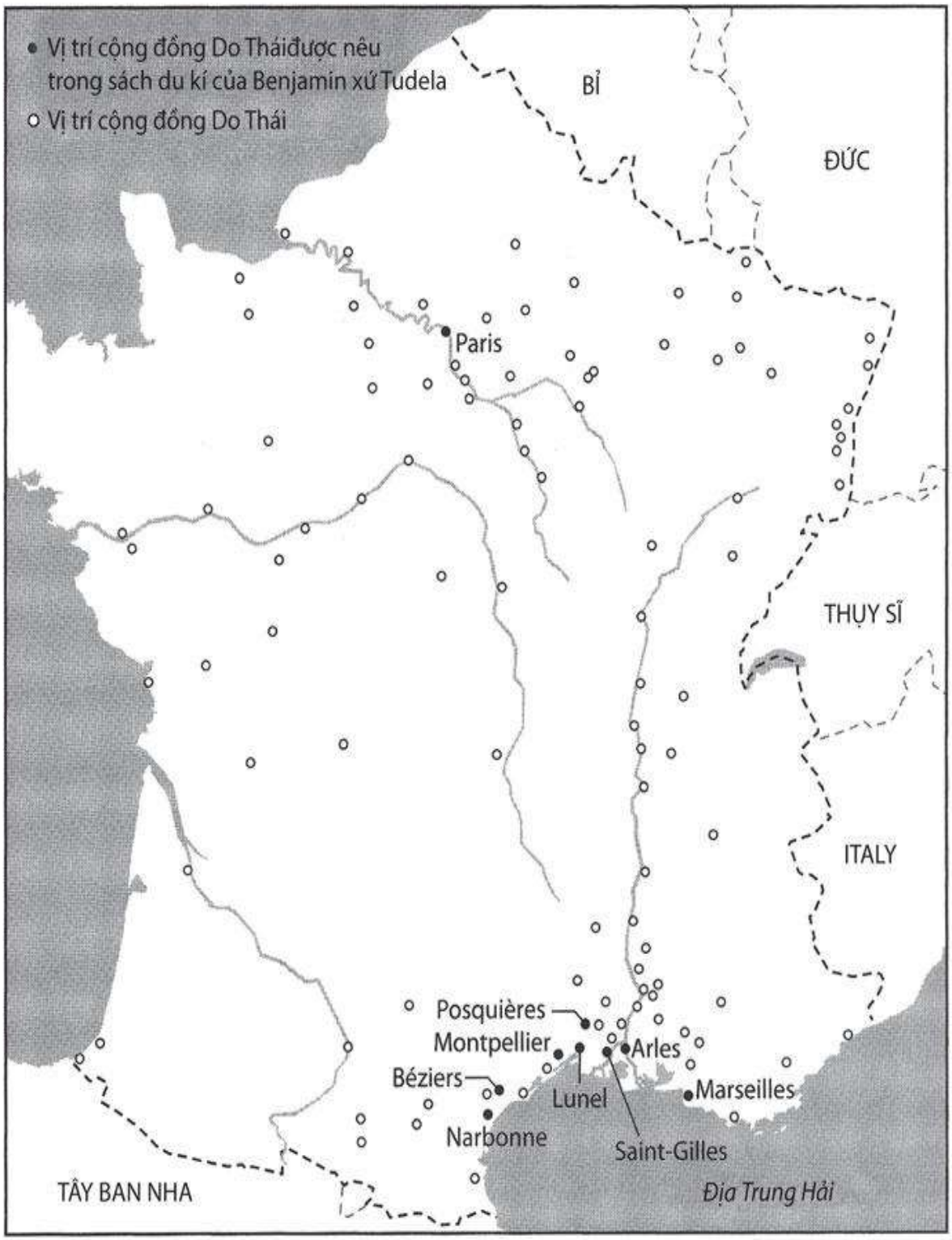

Bản đồ 7.4. Các cộng đồng Do Thái chủ yếu ở Pháp thời Trung Cổ.
Nguồn: Vẽ lại từ Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

Từ khoảng thời gian này xuất hiện nhiều tài liệu viết ghi chép về sự hiện diện của người Do Thái ở nhiều nơi ở Pháp (Agde, Arles, Avignon, Clermont-Ferrand, Marseilles, Metz, Orleans, Poitier). Người Do Thái chủ yếu làm trong lĩnh vực thương mại, nhưng lúc này đã có bác sỹ, thậm chí thủy thủ người Do Thái. Tuy Clovis đã cải đạo nhưng vị thế pháp lý của người Do Thái ở Pháp không thay đổi, và họ tiếp tục sống theo phong tục của mình.[398] Trong thế kỷ 6 và đầu thế kỷ 7, số lượng người Do Thái ở Pháp tăng nhanh, nhất là thông qua nhập cư, đầu tiên từ Ý và Đế chế Byzantine, sau này từ bán đảo Iberia, nhất là sau khi người Do Thái Iberia bị vua Visigoth là Sisebut đàn áp hồi đầu thế kỷ 7.[399]

Tình hình người Do Thái ở Pháp xấu đi trong thế kỷ 7-8. Một số người Do Thái bị ép phải cải đạo sang Cơ đốc giáo, nhưng họ thường được (các vị vua về sau hay thậm chí chính vị vua đó) cho phép quay trở lại Do Thái giáo. Có vẻ như Pháp đã chứng kiến sự sụt giảm mạnh số lượng người Do Thái trong biên giới của mình trừ những khu vực gần bán đảo Iberia. Từ giữa thế kỷ 7 đến giữa thế kỷ 8, hầu như không có nguồn tư liệu nào nói đến người Do Thái ở vùng đất của người Frank.[400]

Vào thời Charlemagne (771-814), có một số bằng chứng giai thoại và bằng chứng pháp lý về sự xuất hiện của người Do Thái trong đoàn tùy tùng của hoàng đế và ở những nơi khác. Từ lúc này, số lượng người Do Thái bắt đầu tăng trong hoàn cảnh hòa bình thuận lợi.[401] Rất nhanh chóng, người Do Thái trở thành lái buôn quan trọng. Lái buôn Radhanite nói ở những phần trước là ví dụ nổi tiếng nhất của lái buôn Do Thái thế kỷ 9, những người đi từ Mesopotamia tới Pháp ở phía Tây và Trung Hoa ở phía Đông. Hàng hóa họ buôn bán gồm các mặt hàng xa xỉ như nhựa thơm, gấm thêu kim tuyến, quả chà là, lông thú, kim loại quý, lụa, gia vị. Kinh doanh gia vị vốn giúp lái buôn Do Thái tiếp xúc với bác sỹ ở phương Đông cũng góp phần đào tạo ra bác sỹ Do Thái.[402] Trong và sau triều đại của con trai Charlemagne là Louis Sùng Đạo (814-840), dân số Do Thái ở Pháp tăng. Bằng chứng từ thế kỷ 9 cho thấy số lượng người Do Thái đáng kể, có lẽ đang tăng ở phía nam. Từ đó, các khu định cư lan ra dọc theo sông Rhone

https://thuviensach.vn

tới trung tâm Pháp, tới Châlons, Lyons, Mâcon, Vienne. Trong thế kỷ 10 và đầu thế kỷ 11, các cộng đồng Do Thái được thành lập ở Bourgogne, Champagne, Lorraine, Maine-Anjou, Normandy (Bản đồ 7.4). Song song với sự tăng trưởng dân số này, văn học pháp lý và tôn giáo của các học giả Do Thái ở Pháp bắt đầu xuất hiện. Đến thế kỷ 11, các học viện ở Pháp quan trọng tới mức được độc lập về mặt tri thức với các học viện ở Mesopotamia. [403]

Giống như ở các quốc gia châu Âu khác, người Do Thái không thể tự do tới định cư ở Pháp trừ phi họ được tầng lớp cai trị địa phương mời. Giống như ở những nơi khác, việc định cư của họ do chính sách đặc quyền quy định. Chính sách đặc quyền còn sót lại đầu tiên có từ khoảng năm 825 khi Louis Sùng Đạo ban một số đặc quyền cho người Do Thái tới Đế chế Carolingian với tư cách lái buôn trong đó có việc được miễn một số loại thuế nhất định và các nghĩa vụ khác đối với việc vận chuyển hàng hóa cũng như được hoàng gia bảo vệ cuộc sống và tài sản. Những đặc quyền này cho thấy lái buôn Do Thái đóng vai trò quan trọng trong thương mại. Tiếp nối chính sách đặc quyền đó là các chính sách tương tự ở Grenoble (894), Narbonne (899), Gironne (922), Pháp (1190). Những chính sách đặc quyền giai đoạn đầu thời Trung Cổ này cho thấy có rất nhiều cơ hội kinh tế được trao cho người Do Thái định cư ở Pháp. Bất chấp sự phản đối của nhà cầm quyền Cơ đốc giáo, họ vẫn có thể sở hữu và canh tác đất đai, tự do đi lại, tham gia vào lĩnh vực thương mại và cho vay lãi, sở hữu và nhập khẩu nô lệ từ nước ngoài (nhưng không bán lại sang các nước khác), thuê người Cơ đốc giáo.[404]

Người Do Thái ở Pháp làm nhiều nghề khác nhau. Trong thế kỷ 9, 10, 11, họ sở hữu nhà cửa, cánh đồng, vườn cây ăn quả, vườn nho, trang trại vườn, máy xay thường do người Cơ đốc giáo vận hành.[405] Một số người Do Thái quản lý tài sản của giám mục và cha trưởng tu viện, một số khác phục vụ vua. Họ đóng vai trò quan trọng trong thương mại, làm nghề y, làm việc trong ngành nhuộm vải sợi, thuộc da. Vào cuối thế kỷ 10 đầu thế kỷ 11,

https://thuviensach.vn

phân bố nghề nghiệp của người Do Thái ở Pháp đã thay đổi, với nhiều người Do Thái trở thành người cho vay lãi như Chương 8 mô tả.[406]

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI Ở ĐỨC

Các nguồn tư liệu chỉ ra sự có mặt của người Do Thái ở Cologne và Trier thời La Mã. Tuy nhiên, không có nguồn tư liệu nào cho thấy những cộng đồng Do Thái đầu tiên này có liên quan tới những người Do Thái sống ở Đức giai đoạn đầu thời Trung Cổ: ghi chép về người Do Thái ở Đức rất ít trong thế kỷ 5-6 và không có gì trong hầu hết thế kỷ 7-8.[407]

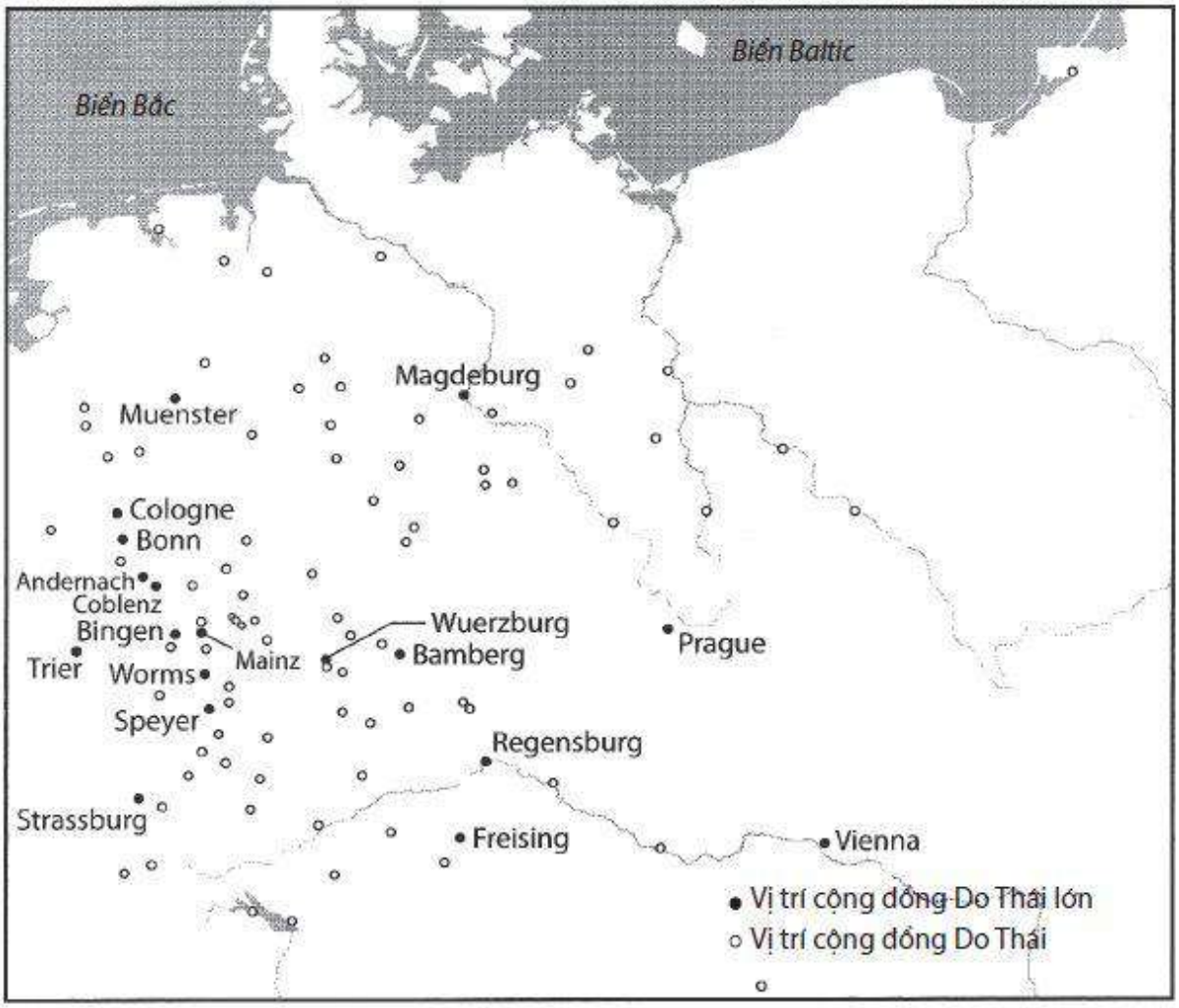

Bản đồ 7.5. Các cộng đồng Do Thái chủ yếu ở Đức thế kỷ 13. *Nguồn*: Vẽ lại từ H. Ben-Sasson và cộng sự (2007).

Dân số Do Thái Đức tăng có liên quan mật thiết tới sự phát triển của cộng đồng Do Thái ở Bắc Pháp từ thế kỷ 9. Ban đầu đến từ Ý và Pháp, định cư như những cá nhân hoặc nhóm nhỏ lái buôn lưu động thời Charlemagne (771-814) và Louis Sùng Đạo (814-840), hơn một thế kỷ sau, người Do Thái

https://thuviensach.vn

dần trở thành các cộng đồng có tổ chức tại nhiều nơi ở Đức. Những người Do Thái đầu tiên tới Đức (như gia đình nhà Kalonymos từ Lucca tới định cư ở Mainz thế kỷ 10) là những gia đình đa thế hệ của các lái buôn đường dài có người hầu và giáo sỹ tháp tùng. Những nhóm người này lập ra các cộng đồng nhỏ được tầng lớp ưu tú Cơ đốc giáo bảo hộ.[408]

Vào cuối thế kỷ 11, các cộng đồng lớn, thịnh vượng đã hình thành ở những trung tâm kinh tế, chính trị quan trọng nhất của Đức như Cologne, Magdeburg, Mainz, Regensburg, Speyer, Trier, Worms. Khoảng năm 1100, có khoảng 1.000 người Do Thái ở Mainz và 1.000 người ở Worms. Nhiều người Do Thái di cư trong nước Đức thời Trung Cổ. Thế kỷ 12 và nhất là thế kỷ 13, định cư của người Do Thái ở Đức tăng nhanh (Bản đồ 7.5). Năm 1238, người Do Thái sống ở khoảng 90 thị trấn và ngôi làng ở Đức (Bảng 7.1). Vào năm 1348, có hơn 1.000 cộng đồng Do Thái ở Đức.[409] Nửa đầu thế kỷ 14 cho tới trận Đại Dịch hạch đánh dấu cao trào định cư của người Do Thái ở nước Đức Trung Cổ, đạt quy mô địa lý lớn nhất cho tới tận thế kỷ 19.

Từ thế kỷ 10-12, người Do Thái định cư dọc theo các tuyến đường thương mại trên sông Rhine và sông Danube Ưu thế về thương mại của những cộng đồng Do Thái đầu tiên này dẫn họ tới định cư ở những nơi mà sự phát triển của thị trấn, trung tâm đô thị mới tạo ra cơ hội kinh doanh béo bở. Nguồn tài liệu tiếng Hebrew từ nửa sau thế kỷ 10 cho thấy bán hàng, buôn bán địa phương, thương mại đường dài, thu thuế, đúc tiền, đổi tiền là những ngành nghề chính của người Do Thái Đức. Họ cũng có thể và trên thực tế có sở hữu đất đai, vườn tược, vườn cây ăn quả, vườn nho, thuê nông dân Cơ đốc giáo về làm. Chẳng bao lâu sau, nhiều người Do Thái Đức chuyên làm nghề cho vay lãi (xem Chương 8).[410]

Bảng 7.1. Ước tính số địa phương ở Đức có người Do Thái sinh sống, 950-1300

https://thuviensach.vn

Năm	Số lượng địa phương mới
950	5
1050	8
1100	5
1150	11
1200	62
1250	260
1300	509

Nguồn: Blumenkranz (1966), Baron (1971b), Toch (2005, 2008), H. Ben-Sasson và cộng sự (2007).

Những báo cáo đầu tiên về sự đàn áp người Do Thái ở Đức có từ thế kỷ 11 (như trục xuất người Do Thái ra khỏi Mainz năm 1012) và những đảm bảo bằng văn bản đầu tiên về những quyền mà các hoàng đế, giám mục ban cho họ cũng có từ thế kỷ 11. Ở Đức, giống như các nơi khác ở châu Âu, người Do Thái thường được vua chúa địa phương mời ở lại định cư, hoạt động của họ được điều tiết thông qua chính sách đặc quyền như chính sách do Giám mục Rudiger xứ Speyer ban hành năm 1084, một trong những chính sách đặc quyền sớm nhất của Đức:[411]

> Nhân danh Cha, Con và Thánh Thần Không Thể Chia Rẽ, ta, Rudiger, họ Huozmann, Giám mục xứ Speyer, khi ta biến tòa biệt thự Speyer thành thị trấn, nghĩ rằng ta sẽ mang lại thêm vinh dự cho nơi này nếu đưa người Do Thái đến. Do đó ta để họ bên ngoài thị trấn, cách xa nhà người dân thị trấn, và vì họ bị người dân làm phiền, ta cho xây tường quanh nơi họ ở. Giờ đây nơi họ ở mà ta đã mua trọn (ban đầu ta mua quả đồi nửa bằng tiền nửa bằng trao đổi hàng hóa trong khi ta nhận thung lũng như món quà thừa kế) nơi đó, ta tuyên bố, trao cho họ với điều kiện hàng năm họ phải trả ba bảng rưỡi tiền Speyer để được sử dụng người anh em. Ta cũng ban cho họ toàn quyền đổi vàng, bạc, mua bán bất cứ thứ gì họ muốn trong phạm vi nơi họ cư trú, từ nơi đó bên

https://thuviensach.vn

ngoài thị trấn ra tới cảng và trong phạm vi cảng. Và ta cũng cho phép họ làm việc này trên cả nước. Ngoài ra, ta cho họ đất nhà thờ để làm nghĩa địa, có quyền thừa kế. Ta cũng bổ sung thêm là nếu bất cứ người Do Thái nào vào bất cứ lúc nào ở với họ cũng không phải đóng thuế. Rồi giống như quan tòa thành phố nghe xử kiện giữa các công dân, giáo sỹ trưởng cũng nghe xử những vụ kiện giữa người Do Thái với nhau hoặc những vụ kiện chống lại họ. Nhưng nếu vô tình không quyết được, họ sẽ tới gặp giám mục hoặc thị thần. Họ sẽ duy trì canh gác, bảo vệ, củng cố vững chắc nơi họ sống, những người bảo vệ giống như chư hầu của chúng ta. Họ có thể thuê y tá, người hầu một cách hợp pháp trong số người chúng ta. Thịt giết mổ họ không được phép ăn theo giáo luật của họ thì họ sẽ được phép bán cho người Cơ đốc giáo một cách hợp pháp, và người Cơ đốc giáo có thể mua thịt của họ một cách hợp pháp. Cuối cùng, để kết thúc những nhượng bộ này, ta cho phép họ được hưởng những đặc quyền giống như người Do Thái ở bất cứ thành phố nào khác của Đức.

Nếu bất cứ ai trong số những người kế vị ta mà cắt giảm món quà và nhượng bộ này hay bắt họ phải đóng thuế nhiều hơn vì cho rằng họ đã lạm dụng những đặc quyền này và không có sự đảm bảo của giám mục dành cho họ, thì ta đã để lại chính sách đặc quyền này như một minh chứng phù hợp cho sự ban phát đã nói. Và điều này không bao giờ được phép quên, ta đã ký rồi, và xác nhận bằng con dấu như dưới đây. Ban hành ngày 15 tháng 9 năm 1084.

Các ví dụ khác của những chính sách đặc quyền này là chính sách của Trier (919), Magdeburg (965, 973, 979), Speyer (1090), Worms (1074, 1090, 1157), Ratisbon (1182, 1216, 1230), Vienna (1238). Những chính sách đặc quyền này ghi lại rằng vào đầu thời Trung Cổ, người Do Thái Đức có thể sở hữu đất đai, tham gia thương mại (và sau này là cho vay lãi), được hưởng tự do tôn giáo, có khả năng điều tiết các vấn đề liên quan đến cộng đồng theo luật của mình. Những chính sách đặc quyền này cũng chỉ ra rằng Giám mục Rudiger cũng như các lãnh tụ thế tục, tôn giáo Đức khác tha thiết mời người Do Thái ở lại định cư vì kỹ năng và thu nhập tiềm tàng họ sẽ mang tới cho

https://thuviensach.vn

các thị trấn của họ. Năm 1090, Hoàng đế Henry IV ban hành các chính sách đặc quyền dành cho người Do Thái ở Speyer và Worms, để rồi các vị hoàng đế kế vị noi theo gương ông.[412] Một trong những cộng đồng Do Thái danh tiếng nhất ở vùng đất thuộc Đức là cộng đồng ở Vienna. Bằng chứng tư liệu cho thấy người Do Thái đầu tiên định cư ở đó vào thế kỷ 12. Họ sở hữu nhà cửa và một giáo đường, chủ yếu đi buôn, đổi tiền, cho vay lãi. Một người Do Thái nổi tiếng là Solomon, bậc thầy về đúc tiền và cố vấn tài chính cho Công tước Leopold V.[413] Từ năm 1177 tới năm 1230, ngày càng có nhiều người Do Thái tới định cư ở Vienna trong vai trò chuyên gia đúc tiền và cho vay lãi (xem Chương 8). Dưới thời Leopold (1198-1230), tòa giáo đường thứ hai được dựng. Năm 1235, một người Do Thái tên là Teka (Tecanus), sống ở Vienna, làm nhà tài phiệt và chủ ngân hàng nhà nước Áo.

Năm 1238, Hoàng đế Frederick II ban cho người Do Thái chính sách đặc quyền, chính sách này mang lại cho cộng đồng Do Thái quyền tự chủ rộng lớn. Vào cuối thế kỷ 13 và trong thế kỷ 14, Vienna là nơi sinh sống của khoảng 1.000 người Do Thái, đưa Vienna trở thành cộng đồng Do Thái Đức hàng đầu. Xuất chúng về kinh tế đi đôi với lãnh đạo về tri thức: ảnh hưởng văn hóa và pháp lý của các học giả Do Thái ở Vienna lan ra ngoài thành phố và kéo dài.

Trong thế kỷ 13, người Do Thái di cư về phía đông, tới Bohemia, Silesia, Pomerania, rồi vào thế kỷ 14, họ di cư tới một số nơi ở Ba Lan. Các đợt di cư trước đó của người Do Thái từ Đế chế Byzantine tới Đông Âu cũng như các đợt di cư của người Do Thái từ Đức về phía đông tạo nền tảng cho sự hình thành của các cộng đồng Do Thái Ashkenazi[414] lớn và quan trọng ở những khu vực này trong các thế kỷ sau đó.[415]

https://thuviensach.vn

NGƯỜI DO THÁI Ở ANH

Không giống người Do Thái ở châu Âu lục địa có lịch sử kéo dài từ đầu thời Trung Cổ tới thời cận hiện đại, lịch sử của người Do Thái ở nước Anh Trung Cổ chỉ kéo dài hơn 200 năm – từ năm 1066 tới năm 1290. Sau năm 1290, chỉ có lẻ tẻ một ít ghi chép về người Do Thái sống ở Anh; mãi tới thế kỷ 17-18 các cộng đồng Do Thái tương đối lớn mới được lập trở lại ở Anh.[416]

Các lái buôn và người cho vay lãi Do Thái từ Rouen ở Bắc Pháp – một trung tâm thương mại quan trọng thời đó – đầu tiên tới Anh không lâu sau cuộc Chinh phạt Norman năm 1066. Họ tự do di cư tới Anh để tìm kiếm cơ hội kinh doanh. “Phố Do Thái” ở London lần đầu tiên được nói tới vào năm 1128. Người Do Thái nhanh chóng tản ra khắp nước Anh, lập ra các cộng đồng tương đối lớn (nhưng nhỏ xét theo giá trị tuyệt đối) ở London và các thị trấn quan trọng khác như Bristol, Gloucester, Lincoln, Northampton, Norwich, Oxford, York, Winchester hay các cộng đồng rất nhỏ (đôi khi chỉ là một hoặc hai gia đình) ở khoảng 200 ngôi làng tại lúc này hay lúc khác (Bản đồ 7.6).[417]

https://thuviensach.vn

Bản đồ 7.6. Các cộng đồng Do Thái ở Anh trước đợt trục xuất năm 1290. *Nguồn*: Vẽ lại từ Roth và cộng sự (2007).

Người Do Thái lang thang có giáo dục, 800-1250 • 309 Thông tin đáng tin cậy về người Do Thái ở Anh bắt đầu với sự trị vì của Vua Henry I (1100-1135), ông cho ban hành một chính sách đặc quyền dành cho người Do Thái năm 1120. Văn bản gốc bị thất lạc nhưng chính sách này được nhắc tới và bắt chước trong các văn bản hoàng gia tương tự trong đó có chính sách đặc quyền của Henry II (1170), Richard I (1190), John (1201), Edward I (1275). **[418]**

Chính sách đặc quyền của Henry I năm 1120 ban cho người Do Thái quyền tự do đi lại khắp đất nước, được miễn các khoản thuế phổ thông, được

https://thuviensach.vn

bảo vệ khỏi nạn phân biệt đối xử, được tự do trông cậy vào công lý hoàng gia trong trường hợp có tranh chấp, không phải chịu trách nhiệm với ai trừ nhà vua, được phép giữ lại đất thế chấp, có những điều khoản đặc biệt đảm bảo được xét xử công bằng. Các điều khoản trong chính sách xác nhận vị thế đặc quyền của cộng đồng Do Thái.[419] Các điều khoản tương tự cũng được Vua Richard I ban cho người Do Thái. Chính sách đặc quyền này cung cấp bằng chứng sơ cấp cho thấy người Do Thái được phép sở hữu đất và tham gia lĩnh vực thương mại và cho vay lãi dưới sự bảo trợ của nhà vua:[420]

> Nhờ ơn Chúa, Richard, vua nước Anh, công tước xứ Normandy, trân trọng gửi tới các tổng giám mục, giám mục:
>
> I. Thông báo cho các khanh biết, với chính sách đặc quyền này, chúng ta ban cho và xác nhận với Isaac, con trai của giáo sỹ Joe, mọi phong tục và quyền tự do của họ giống như đức vua Henry, cha chúng ta, đã ban và bằng chính sách đặc quyền của ngài, xác nhận với người Do Thái của Anh và Normandy, cụ thể: được cư trú trên đất của chúng ta một cách tự do, vinh dự, được giữ tất cả những thứ của chúng ta mà người tên Isaac nói trên và các con trai ông đã giữ thời vua Henry, cha chúng ta, như đất đai, thái ấp, tài sản thế chấp, quà tặng, hoa lợi, mà Henry, cha chúng ta, trả cho sự phục vụ của họ, và Thurroc mà người tên Isaac nói trên mua của bá tước xứ Ferras, và tất cả các ngôi nhà, lời truyền lại, đồ cầm cố mà người tên Isaac nói trên và các con trai ông đã có thời vua Henry, cha chúng ta.
>
> II. Và nếu có tranh cãi xảy ra giữa người Cơ đốc giáo với Isaac hay bất cứ người con hay người thừa kế nào của ông, bên nào yêu cầu bên kia phân xử vụ tranh cãi sẽ phải có nhân chứng chẳng hạn như một người Cơ đốc giáo hợp pháp hoặc một người Do Thái hợp pháp. Và nếu người tên Isaac nói trên hoặc người thừa kế, hoặc con ông có trát về sự tranh cãi đó thì trát sẽ dùng làm lời chứng; và nếu một người Cơ đốc giáo tranh cãi với những người Do Thái nói trên thì hãy để cho đồng hương người Do Thái phân xử.
>
> III. Và nếu có ai trong số những người Do Thái nói trên qua đời, không được để thi hài trên mặt đất mà để cho người thừa kế giữ tiền và nợ của người đó, như thế người đó sẽ không bị quấy rầy nếu người đó có người

https://thuviensach.vn

thừa kế trả lời thay và trả nợ, trả tiền bồi thường thay, và hãy để cho những người Do Thái nói trên nhận và mua bất cứ lúc nào, bất cứ cái gì người ta mang tới trừ những thứ của nhà thờ và quần áo dính máu.

IV. Và nếu họ bị ai đó kiện mà không có nhân chứng, hãy tha bổng cho họ với điều kiện họ phải thề trước quyển sách [Luật] của họ và hãy tha bổng cho họ trong các vụ kiện liên quan tới ngôi vương của chúng ta với điều kiện họ phải thề trước sách [Luật] của họ. Và nếu có bất đồng quan điểm giữa một người Cơ đốc giáo với bất cứ ai trong số những người Do Thái nói trên hay con cái họ trong việc chia chác tiền, người Do Thái sẽ chứng minh tiền vốn còn người Cơ đốc giáo sẽ chứng minh tiền lãi.

V. Và những người Do Thái nói trên có thể bán đồ cầm cố mà không gặp rắc rối gì sau khi xác nhận họ đã giữ món đồ đó một năm một ngày…

VI. Hãy để họ đi tới bất cứ nơi đâu họ muốn với tất cả của cải của họ giống như hàng hóa của chúng ta và không để ai giữ hoặc ngăn Người Do Thái lang thang có giáo dục, họ lại. Và nếu một người Cơ đốc giáo nợ tiền một người Do Thái đã chết và người Cơ đốc này có người thừa kế thì trong khi người thừa kế đang ở tuổi vị thành niên, không được để cho người Do Thái lo lắng về số nợ trừ phi đất đai của người thừa kế nằm trong tay chúng ta.

VII. Và chúng ta lệnh rằng, người Do Thái trên khắp nước Anh và Normandy được miễn mọi loại thuế, kể cả thuế rượu giống như của cải của chúng ta…

Người Do Thái ở Anh có vai trò quan trọng trong thương mại và lĩnh vực cho vay lãi trong thế kỷ 12, có mức sống cao. Cùng lúc đó xảy ra những vụ bạo lực, đàn áp riêng rẽ (xem Chương 8). Tuy nhiên, cộng đồng Do Thái trở nên giàu có hơn, đông đúc hơn, và tầm quan trọng về tài chính của họ ngày càng được hoàng gia công nhận và khai thác.[421]

https://thuviensach.vn

Quyền của người Do Thái và việc kiểm soát người Do Thái

Tóm lại, quyền tự do đi lại trong các vương quốc Hồi giáo của người Do Thái tương phản với tình hình người Do Thái ở châu Âu bị chia rẽ về chính trị nơi di cư thường bắt đầu với việc một cá nhân hoặc gia đình Do Thái xin phép toàn quyền hoặc giám mục địa phương được sống ở một nơi nhất định hoặc một vị vua hay hoàng tử mời một hay nhiều gia đình Do Thái tới định cư ở nước hay vùng của họ. Giống như các đợt di cư của các thợ thủ công, nhà buôn, người cho vay lãi nước ngoài khác (nhà buôn Venice và Genoa, chủ ngân hàng Tuscan, lái buôn Flemish), các đợt di cư của người Do Thái tới Anh, Pháp, Đức, bán đảo Iberia, Ý được kiểm soát thông qua các chính sách đặc quyền do vua, giám mục hay quan toàn quyền địa phương ban hành.

Những chính sách đặc quyền thời đầu Trung Cổ này không đặt ra giới hạn hay cấm đoán loại hình nghề nghiệp mà người Do Thái có thể làm. Hầu hết những chính sách này cho phép người Do Thái định cư ở một thị trấn (hoặc nước), mua bất động sản, đất đai, tự do di chuyển trong biên giới nước đó, buôn bán bất cứ món hàng nào họ muốn. Theo ghi chép của Toch, những chính sách của thế kỷ 9-12, những vụ khiếu kiện được nói đến trong kho thư từ phúc đáp, tập công thức[422] chứng thư tiếng Hebrew cho thấy người Do Thái ở nam và trung đông Pháp, Đức, Ý, bán đảo Iberia sở hữu, chuyển nhượng, cầm cố đất đai. Sở hữu đất không chỉ có ý nghĩa rằng người Do Thái làm nông: ruộng đất của họ, thường là vườn nho hơn là cánh đồng, do nông dân không phải người Do Thái canh tác.[423]

https://thuviensach.vn

Mức sống

Cũng giống như ở bán đảo Iberia thời Hồi giáo, người Do Thái đạt mức sống cao ở tất cả các nước châu Âu khác nơi họ định cư. Các cộng đồng Do Thái trả 15.000 solidus tiền thuế ở Saragossa, 10.000 ở Catalayud, 5.000 ở Valencia nơi họ mới thành lập cộng đồng.[424] Ở Anh từ năm 1239 tới năm 1260, người Do Thái đóng góp từ một phần sáu tới một phần năm doanh thu của hoàng gia tuy họ chỉ chiếm có 0,01% dân số.[425] Bản kê doanh thu hoàng gia chưa đầy đủ ở Đức năm 1241 ghi rằng trong 25 cộng đồng Do Thái, người Do Thái trả 857 mark, chiếm 12% tổng doanh thu thuế hoàng gia năm đó và 20% tổng doanh thu thuế ở các thành phố Đức.[426]

Cuốn sử biên niên của thầy tu Rigord (*Gesta Philippi August*) viết năm 1186 có đưa ra bằng chứng về mức sống cao của người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ, trong đó mô tả các sự kiện dẫn tới việc trục xuất người Do Thái khỏi Pháp. Trong một đoạn, Rigord viết:[427]

> Vào lúc này [1180-1181] một số lượng rất lớn người Do Thái đã sống ở Pháp một thời gian dài, họ đến từ nhiều nơi trên thế giới, vì hòa bình ở trong lòng người Pháp, và cả tính hào phóng nữa; người Do Thái đã nghe nói các vị vua của người Pháp luôn hành động nhanh chóng chống lại kẻ thù, rất thương thần dân. Và do đó người cao tuổi và đàn ông thông thạo luật Moses, những người được người Do Thái gọi là *didascali* [giáo viên], quyết tâm tới Paris. Khi họ đã ở lại đó một thời gian dài, họ trở nên giàu có đến mức gần một nửa thành phố là của họ, thuê người Cơ đốc giáo làm người hầu trong nhà.

https://thuviensach.vn

Nhập cư và di cư trong châu Âu: Đẩy hay Kéo?

Người Do Thái tới Anh, Pháp, Đức, bán đảo Iberia, Ý từ nhiều nơi khác nhau, vào nhiều thời điểm khác nhau, dưới nhiều hoàn cảnh khác nhau. Bất chấp những khác biệt này, các cộng đồng Do Thái lập ra ở châu Âu Trung Cổ có chung một số đặc điểm nhất định.

Giống như các đợt di cư của người Do Thái trong các vương quốc Hồi giáo thế kỷ 9, 10, 11, người Do Thái nhập cư và di cư bên trong châu Âu từ năm 850 tới năm 1250 chủ yếu là một quá trình di cư tự nguyện của các cá nhân có trình độ học vấn, tay nghề cao đi tìm cơ hội kinh doanh. Người nhập cư Do Thái không phải là nông dân khi họ rời bỏ quê hương, và họ không trở thành nông dân khi đã định cư ở nơi ở mới ở châu Âu. Họ là thợ thủ công lành nghề, chủ cửa tiệm, lái buôn địa phương, nhà buôn đường dài, thợ đúc tiền, người cho vay lãi, bác sỹ, học giả tự nguyện di cư để tận dụng cơ hội của quá trình đô thị hóa đang lan rộng và sự phát triển của nền kinh tế thương mại. Người Do Thái từ châu Âu Hồi giáo và Maghreb không hề bị "đẩy" tới bán đảo Iberia và Sicily. Tương tự như vậy, người Do Thái tới Nam Ý từ Đế chế Byzantine và những người di cư giữa các nước châu Âu đều tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Là một nhóm thợ thủ công, chủ cửa tiệm, lái buôn, thợ đúc tiền, người đổi tiền, bác sỹ, học giả có trình độ học vấn, tay nghề cao, họ bị "kéo" tới các cơ hội kinh doanh béo bở do sự hình thành của nền kinh tế đô thị, thương mại ở những khu vực này.

Cũng vì động cơ kinh tế, vua chúa châu Âu từ thế kỷ 9 bắt đầu mời người Do Thái tới định cư trên lãnh thổ của họ. Giám mục, nhà vua, toàn quyền địa phương háo hức thu hút nguồn vốn con người, tay nghề người Do Thái nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, củng cố quyền lực chính trị của thị trấn, đất nước họ, để kiếm tiền đóng thuế của người Do Thái.

Kết quả của sự hấp dẫn kinh tế hai chiều này – người Do Thái bị hút về phía các nền kinh tế đô thị châu Âu đang bùng nổ, vua chúa châu Âu bị hút về phía những người Do Thái có trình độ học vấn, tay nghề cao – là ở Anh, Pháp, Đức, bán đảo Iberia, Ý, người Do Thái nắm giữ những vị trí quan trọng trong các ngành chuyên sâu, kỹ thuật cao như nhuộm, dệt lụa, thuộc

https://thuviensach.vn

da. Nhiều người trong số họ là thợ thủ công (thợ rèn, thợ đóng sách, thợ điêu khắc, thợ làm vũ khí, thợ khắc đá, thợ làm dụng cụ khoa học, thợ may, thợ vàng, thợ lắp cửa sổ, thợ xay xát); một số khác là lái buôn địa phương, lái buôn đường dài, người cho vay lãi, người thu thuế, chủ ngân hàng, thủ quỹ hoàng gia, người Người Do Thái lang thang có giáo dục, buôn rượu vang, thợ đúc tiền, nhà nhập khẩu gia vị, học giả, nhà luật học, bác sỹ, người bán sách.[428]

Từ nửa sau thế kỷ 10 trở đi, thương mại là nguồn sống chính của người Do Thái ở Pháp và Đức. Thực tế này được Gershom ben Judah (Ánh sáng của Người Tha hương) ở Mainz, chuyên gia tôn giáo Ashkenazi quan trọng nhất thời ông (khoảng năm 960-1028) tóm tắt như sau: “Kế sinh nhai [của người Do Thái] phụ thuộc vào việc buôn bán/hàng hóa của họ”.[429] Trong một châu Âu bị chia rẽ về chính trị, người Do Thái tạo ra một mạng lưới buôn bán, thông tin liên lạc bao trùm cả các vương quốc kình địch.

https://thuviensach.vn

CHUYỂN DỊCH TRUNG TÂM TÔN GIÁO DO THÁI

Từ năm 900 tới năm 1200, ba trung tâm kinh tế chính của đời sống Do Thái cũng trở thành ba trung tâm Do Thái giáo hàng đầu. Trung tâm đời sống, của cải Do Thái chuyển dịch tới bán đảo Iberia, rồi Tây Âu kéo theo sự chuyển dịch các trung tâm học hành Do Thái. Tuy các học viện ở Mesopotamia vẫn duy trì vị thế lãnh đạo trong một thời gian dài nhưng các học viện ở bán đảo Iberia, Pháp, Đức ngày càng trở nên quan trọng, tách dần khỏi các trung tâm học hành ở Mesopotamia. Giáo sỹ, học giả châu Âu đối mặt với một môi trường chính trị, kinh tế, tôn giáo hoàn toàn khác đòi hỏi phải có những câu trả lời khác nhau cho các vấn đề, câu hỏi liên quan đến cuộc sống hàng ngày của các cộng đồng Do Thái như ở Córdoba, Florence, London, Mainz, Narbonne, Praha. Khi trung tâm của cải Do Thái đã chuyển sang phía Tây, trung tâm học giả, học hành Do Thái cũng chuyển tới đó.[430]

Người Do Thái tham gia vào đời sống trí tuệ sôi động, đặc trưng của bán đảo Iberia thời Hồi giáo. Việc thành lập một học viện ở Córdoba năm 929 tạo ra sự chia rẽ dần dần giữa cộng đồng Do Thái lớn ở Mesopotamia và Ba Tư với cộng đồng Do Thái nhỏ hơn nhưng có vai trò quan trọng ở bán đảo Iberia.

Cao trào của thời kỳ hoạt động trí tuệ sôi động này là đóng góp của giáo sỹ Moses ben Maimon (hay còn gọi là Maimonides hay Rambam), một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong Do Thái giáo.[431] Maimonides sinh năm 1138 ở Córdoba nơi cha ông là dayyan (quan tòa) và học giả nổi tiếng. Do Córdoba rơi vào tay người Almohad (triều Berber) nên gia đình ông phải rời khỏi Córdoba. Trong suốt tám hay chín năm, họ cứ đi lang thang từ nơi này tới nơi khác ở bán đảo Iberia (và có lẽ cả Provence nữa) trước khi định cư tại Fez ở Morocco năm 1160.

Trong thời kỳ này, Maimonides thu được lượng kiến thức khổng lồ, đa dạng, và bắt đầu sự nghiệp văn chương của mình. Năm 1158, ông bắt đầu phác thảo cuốn *Sirāj*, bản chú giải Mishna quan trọng của ông, cũng như một bài luận ngắn về lịch Do Thái và một bài khác về lôgic. Ông hoàn thành việc chú giải một số bài viết trong Talmud của Babylon và một công trình có

https://thuviensach.vn

mục đích trích halaka từ Talmud của Xứ Israel. Trong khi đang viết chú giải cho Mishna, ông vẫn tiếp tục việc học nói chung của mình, nhất là về ngành y. Trong các tác phẩm về y học của mình, ông thường nói tới kiến thức, kinh nghiệm mà ông có được từ người Hồi giáo ở Bắc Phi.

Năm 1165, gia đình Maimonides rời Fez và sống vài tháng ở Akko (Acre). Từ đó họ tới thăm Jerusalem và một vài nơi khác trước khi đi thuyền sang Ai Cập. Sau khi ở Alexandria một thời gian ngắn, họ chuyển tới Cairo, sống ở Fustat, Thành Cổ Cairo. Với hỗ trợ tài chính của người anh là David, nhà buôn đá quý, Maimonides có thể dành toàn bộ tâm huyết trong khoảng tám năm cho việc viết lách và cho công việc lãnh đạo tôn giáo, lãnh đạo thế tục của cộng đồng. Chú giải Mishna của ông hoàn thành năm 1168.

Năm sau đó, Maimonides chịu một tổn thất nặng nề. Anh trai ông, David, chết đuối ở Ấn Độ Dương trong một chuyến đi buôn, để lại vợ và hai đứa con. Với ông không chỉ tài sản gia đình bị mất mát mà còn cả tiền của những người khác nữa (xem phần đề từ đầu chương này). Chọn theo nghề y, Maimonides trở thành bác sỹ triều đình cho tể tướng của vua Saladin và khoảng năm 1171, ông trở thành người đứng đầu (*nagid*) cộng đồng Do Thái ở Ai Cập.

Chính trong những năm này – khi ông bận rộn với công việc bác sỹ và công việc của cộng đồng Do Thái ở Ai Cập, viết thư trả lời tất cả các vùng có người Do Thái sinh sống trên thế giới (trừ khu vực Pháp-Đức – Maimonides viết hai tác phẩm đồ sộ gây dựng nên danh tiếng của ông là cuốn *Mishneh Torah* (viết năm 1180) và cuốn *Hướng dẫn* (viết trong khoảng thời gian từ năm 1185 tới năm 1190).[432] Tác phẩm văn chương của ông gần như kết thúc song ông tiếp tục thư từ qua lại với các học giả ở Provence.

Maimonides qua đời ngày 13 tháng 12 năm 1204. Toàn bộ thế giới Do Thái để tang ông. Ở Fustat, người ta để tang ông ba ngày; ở Jerusalem mọi người được lệnh ăn kiêng. Thi hài ông được đưa tới Tiberias ở Galilee, nơi mộ ông đến giờ vẫn là một địa chỉ hành hương.

Ảnh hưởng của Maimonides đối với sự phát triển tương lai của Do Thái giáo là vô cùng to lớn. Ông viết sách bằng tiếng Hebrew, tiếng Ả-rập, tiếng

https://thuviensach.vn

Do Thái – Ả – rập. Trong cuốn *Mishneh Torah* 14 tập, ông hệ thống hóa số lượng luật Do Thái khổng lồ. Tác phẩm được viết cho người Do Thái mộ đạo không quan tâm đến những mâu thuẫn hiển hiện giữa luật đã công bố với triết học đương thời. Mục đích của cuốn sách là để chỉ dạy người đó cách hành xử, sống sao cho phù hợp với pháp luật. Như cái tên chỉ ra, cuốn *Hướng dẫn* được dành cho những người bị các học thuyết triết học đương thời hay các tôn giáo khác làm suy yếu đức tin. Mục đích của cuốn sách là để giải thích tại sao người Do Thái nên theo Do Thái giáo truyền thống. Cả cuốn *Mishneh Torah* lẫn cuốn *Hướng dẫn* đều để lại một di sản sâu sắc, lâu dài trong cũng như ngoài Do Thái giáo tuy Maimonides không thành công trong việc đặt Do Thái giáo trên nền tảng Aristotle duy lý. Truyền thống tôn giáo, trí tuệ của Maimonides trở thành xương sống của môi trường văn hóa, tôn giáo của các cộng đồng Do Thái Sephardi.[433]

Ở châu Âu Cơ đốc giáo, các cộng đồng Do Thái ở Anh, Pháp, Đức, Ý phát triển mạnh mẽ về mặt tri thức.[434] Giáo dục tiểu học phổ cập – do giáo viên kèm riêng hay trường học cộng đồng cung cấp – là một nét đặc trưng của người Do Thái so với phần còn lại của dân số. Câu nói sau của một học trò của triết gia giáo dục và nhà thần học Pháp Peter Abelard (đầu thế kỷ 12) minh họa rõ nét cho điều này:[435]

> Nếu người Cơ đốc giáo giáo dục con trai họ, họ làm vậy chẳng phải vì Chúa mà vì lợi lộc, sao cho một đứa nếu trở thành tu sĩ có thể giúp đỡ cha mẹ và anh em nó… Nhưng người Do Thái với lòng thành với Chúa và tôn trọng pháp luật có bao nhiêu con trai đều cho học chữ để chúng hiểu được luật của Chúa.

Một người Do Thái dù có nghèo thế nào nếu có mười đứa con trai sẽ cho cả mười đứa học chữ, không phải vì lợi lộc như người Cơ đốc giáo mà để hiểu luật của Chúa – và không chỉ con trai mà còn cả con gái của anh ta nữa.

Sau khi học xong Torah, một số người Do Thái tiếp tục học Talmud và các chú giải tôn giáo khác tại nhà các học giả nổi tiếng hoặc ở các học viện. Phong trào tri thức quan trọng nhất của người Do Thái châu Âu bắt đầu phát triển mạnh khi Rabbenu Gershom ben Judah (960-1028) thành lập một học

https://thuviensach.vn

viện ở Mainz thu hút người Do Thái từ khắp châu Âu. Việc học Talmud trở nên thịnh hành, và vào thế kỷ 12 các học viện ở Mainz và Worms ở Đức làm lu mờ các học viện ở Mesopotamia.

Một trong những học trò nổi tiếng nhất tại các học viện ở Mainz và Worms là Solomon ben Isaac thường được biết đến với tên Rashi.[436] Rashi sinh năm 1040 ở Troyes, thủ phủ Champagne, khu vực tổ chức hội chợ hàng năm thu hút lái buôn đến từ nhiều nước. Trong bối cảnh kinh tế này, Rashi, con trai một học giả Do Thái, học về các đơn vị tiền tệ khác nhau, ngân hàng, thương mại, khắc đá, dệt vải có hình người, thêu vàng lên lụa, trồng trọt, chăn nuôi.

Sau khi học ở Troyes, ông tới học ở các học viện lớn ở Đức. Ông trở về Troyes vào khoảng năm 1065 nhưng vẫn giữ liên lạc với giáo viên ở Đức. Khoảng năm 1070, ông lập trường ở Troyes thu hút rất nhiều học sinh. Nhờ danh tiếng trí tuệ và tầm ảnh hưởng, các học viện ở Troyes và sau này ở Bắc Pháp nhanh chóng làm lu mờ các học viện ở Đức.

Ba người con gái ông lấy các học giả danh tiếng, rồi sinh ra các học giả, giáo sỹ danh tiếng không kém. Jochebed cưới giáo sỹ Meir b. Samuel, người từng theo học học viện Mainz. Tất cả bốn người con trai của họ đều trở thành các học giả nổi tiếng, là thành viên của nhóm các học giả Pháp thế hệ sau lập ra trường phái giáo sỹ Tosafist. Một người con gái khác là Miriam cưới Judah b. Nathan, người viết chú giải cho tất cả các ấn bản Talmud. Họ có một người con trai rất uyên bác tên là Yom Tov, một người con gái sau này sinh ra Dulcea, vợ giáo sỹ Eleazar ở Worms.

Di sản trí tuệ của Rashi chủ yếu nằm ở các chú giải cho hầu hết, nếu không muốn nói là tất cả các quyển Kinh Thánh. Những chú giải này, nhất là các chú giải cho Ngũ Kinh Thư, được lưu hành vô cùng rộng rãi. Ông viết hơn 200 chú giải cho Ngũ Kinh Thư. Một số chú giải được các tác giả halakha nổi tiếng viết như Joseph Caro. Chú giải của Rashi được học phổ biến tới mức ông được phong danh hiệu *Parshandata* (“nhà chú giải luật pháp” hay “nhà chú giải đệ nhất”).

https://thuviensach.vn

Các học giả Cơ đốc giáo cũng chịu ảnh hưởng từ chú giải của Rashi. Mối quan tâm của họ đối với công trình của Rashi gia tăng trong thế kỷ 15; từ thế kỷ 17 trở đi, chú giải của ông bắt đầu được dịch. Chú giải của ông cho Ngũ Kinh Thư là tác phẩm chữ Hebrew đầu tiên được in (năm 1475). Kể từ đó tới nay, hiếm có một ấn bản Kinh Thánh chữ Hebrew dành cho người Do Thái nào xuất hiện mà không có chú giải của ông.

Đóng góp quan trọng nhất của Rashi là chú giải của ông cho Talmud của Babylon được xuất bản với bản in Talmud đầu tiên. Trừ các ấn bản hiện đại của một vài bài viết, không có ấn bản Talmud nào xuất hiện mà không có chú giải của ông. Tuy mục đích chính của Rashi khi chú giải Talmud không phải là để định rõ halaka nhưng các phán quyết halakha vẫn phảng phất đâu đó. Chú giải của ông cho Talmud trở thành cơ sở cho mọi hoạt động văn chương về sau trong lĩnh vực này ở Pháp và Đức. Học trò ông và học trò của học trò ông không ngần ngại chất vấn các chú giải của ông, không đồng ý với các chú giải của ông, đưa ra phương án thay thế.

Danh tiếng trí tuệ của Rashi lớn đến mức ngay sau khi ông qua đời năm 1105, toàn bộ thư từ phúc đáp, lời răn dạy, lời truyền lại, phương pháp làm việc của ông được tập hợp lại trong các tổng tập khác nhau. Số tư liệu này mà đa số vẫn còn đến ngày nay được đặt tên "trường phái Rashi". Sự lãnh đạo của Rashi, các cháu trai ông (nhất là Rabbenu Tam), các thế hệ học giả đương thời và sau này gọi là Tosafist đã đặt nền móng cho các cộng đồng Do Thái Ashkenazi tự tách mình, cả về mặt kinh tế lẫn mặt trí tuệ, khỏi cộng đồng Do Thái lớn ở Mesopotamia, Ba Tư và Bắc Phi. Bằng cách từ chối các lời răn dạy của Maimonides, họ cũng ngày càng trở nên khác biệt so với cộng đồng Do Thái giàu có, danh giá ở bán đảo Iberia.[437] Trong thế kỷ 12-13, các giáo sỹ, học giả theo truyền thống của Rashi và Rabbenu Tam thiết lập một mạng lưới liên lạc dày đặc giữa các cộng đồng Do Thái ở Áo, Anh, Pháp, Đức, Ý.[438]

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Các đợt di cư của người Do Thái từ Đế chế Byzantine tới Nam Ý giai đoạn đầu thời Trung Cổ đặt nền móng cho sự hình thành cộng đồng Do Thái châu Âu. Từ Ai Cập và vùng Maghreb, người Do Thái di cư tới bán đảo Iberia, sau này tới Sicily và Nam Ý. Từ Nam Âu, một số họ hay con cháu họ có lẽ đã tìm đường tới Pháp, sau này từ Pháp tới Đức và Anh. Những làn sóng nhập cư và di cư bên trong châu Âu này thiết lập mối liên lạc lâu dài giữa các cộng đồng Do Thái di cư với nhau.

Điều thú vị là, nghiên cứu của các nhà sinh vật học và di truyền học chỉ ra rằng người Do Thái đương đại có quan hệ gen gần gũi hơn với người Do Thái ở những nơi xa xôi so với những người láng giềng không phải Do Thái. [439] Ví dụ, người Do Thái Ashkenazi ở Đông Âu có quan hệ gen gần hơn với người Do Thái ở Trung Đông, vùng lòng chảo Địa Trung Hải, Bắc Phi, cũng như người Trung Đông không phải Do Thái so với người không phải Do Thái ở Đông Âu. Điều này cho thấy hầu hết người Do Thái châu Âu di cư từ cùng địa điểm gốc.

Tại sao người Do Thái ở châu Âu không định cư ở một thành phố hay một số nhỏ thành phố trong một nước? Tại sao họ lại sống rải rác thành các cộng đồng nhỏ ở vô số các thành phố, thị trấn? Mô hình cư trú này liệu là kết quả của các hạn chế hay do họ lựa chọn? Chúng tôi cho rằng quy mô nhỏ của hàng trăm cộng đồng Do Thái ở châu Âu Trung Cổ là do người Do Thái tự nguyện làm những công việc thành thị đòi hỏi tay nghề cao nhất như nghề thủ công, buôn bán, đổi tiền, cho vay lãi, nghề y. Ở mỗi nơi, nhu cầu đối với những công việc này cũng như tình trạng kinh tế địa phương hạn chế số lượng cá nhân tham gia làm và kiếm tiền từ những công việc đòi hỏi tay nghề cao và mang lại nhiều lợi nhuận này. Bản thân người Do Thái có thể, và thực sự đã ngăn không cho đồng hương Do Thái định cư ở cùng một nơi và cạnh tranh với họ. Hai yếu tố này – nhu cầu đối với những công việc đòi hỏi tay nghề cao và thực trạng kinh tế địa phương – khiến người Do Thái di chuyển nhiều hơn, di cư tới những nơi có cơ hội làm và kiếm tiền từ nghề

https://thuviensach.vn

thủ công, buôn bán và sau này là làm công việc đòi hỏi tay nghề cao nhất, mang lại nhiều lợi nhuận nhất: nghề cho vay lãi.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 8.
PHÂN BIỆT HAY LỰA CHỌN? TỪ LÁI BUÔN TỚI NGƯỜI CHO VAY LÃI, 1000-1500

> Cho vay lãi mang lại nhiều lợi nhuận vì tài sản thế chấp nằm trong tay chủ nợ và tiền cho vay cứ tăng mà không phải cố gắng hay chi phí gì.
>
> *—Giáo sỹ Joseph b. Samuel Tov Elem Bonfils, khoảng năm 1040*
>
> Ngày nay người [Do Thái] thường cho người không phải Do Thái vay lãi… vì chúng ta phải đóng thuế cho nhà vua và hoàng tử và việc gì cũng giúp nuôi sống chúng ta.
>
> *—Rabbenu Tam, khoảng năm 1160*
>
> Công việc của ông là cho vay lãi, và đây là công việc chính của người Do Thái sống ở những vùng đất [ở Đức] này.
>
> *—Giáo sỹ Joseph Colon, khoảng năm 1450*

KHOẢNG NĂM 1000, CÔNG VIỆC CHÍNH CỦA CỘNG ĐỒNG Do Thái lớn ở bán đảo Iberia và các cộng đồng Do Thái tương đối nhỏ hơn ở Pháp, Đức, Nam Ý là mở cửa hàng, buôn bán địa phương, buôn bán đường dài, nghề thủ công, nghề y. Là lái buôn, chủ cửa hàng, thợ thủ công lành nghề, người Do Thái châu Âu thường tham gia giao dịch tín dụng vì vào thời Trung Cổ, người bán thường bán hàng hay dịch vụ bằng cách gia hạn tín dụng cho người mua. Chuyên về nghề cho vay lãi vẫn chưa phải là dấu hiệu đặc trưng của người Do Thái châu Âu.[440]

Khoảng năm 1100, cho vay lãi là nghề thượng hạng của người Do Thái ở Anh, nghề rất quan trọng của người Do Thái ở Pháp, một trong số nhiều nghề của người Do Thái ở Đức, bán đảo Iberia, Nam Ý. Vào năm 1300, hầu hết người Do Thái ở Pháp, Đức, Bắc và Trung Ý làm nghề cho vay lãi.[441] Đế chế ngân hàng Rothschild do chủ ngân hàng người Đức là Mayer Amschel Rothschild thành lập nửa sau thế kỷ 18 có thể được coi là người kế tục những người cho vay lãi Do Thái hoạt động ở hàng trăm ngôi làng và trung tâm thành thị ở châu Âu Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

Tại sao những từ “Do Thái”, “cho vay lãi” trở nên gần như đồng nghĩa ở châu Âu Trung Cổ? Việc tham gia, chuyên về nghề cho vay lãi có phải là kết quả của hạn chế kinh tế, cấm đoán pháp luật, phân biệt đối xử? Hay người Do Thái tự nguyện làm nghề này, sau này là ngân hàng, tài chính, vì họ có kỹ năng, tài sản giúp cho họ có lợi thế tương đối trong những ngành nghề này? Nếu vì có kỹ năng, tài sản thì kỹ năng, tài sản nào cần phải có để trở thành một người cho vay lãi thành công ở châu Âu Trung Cổ? Để trả lời những câu hỏi này và giải thích một số đặc điểm chính của lịch sử kinh tế của người Do Thái từ năm 1000 tới năm 1500, chúng tôi trước hết giải thích thị trường tiền tệ, tín dụng hoạt động như thế nào ở châu Âu Trung Cổ nơi ngày càng trở thành trung tâm kinh tế, tri thức mới của người Do Thái trên thế giới thời kỳ này, như mô tả ở Chương 7.

https://thuviensach.vn

TÍNH KINH TẾ CỦA TIỀN TỆ VÀ TÍN DỤNG Ở CHÂU ÂU TRUNG CỔ

Tuy không có một số công cụ tinh vi của thế kỷ 21 nhưng thị trường tiền tệ, tín dụng thời Trung Cổ có nhiều điểm chung với thị trường tài chính đương đại.[442] Thử xem xét một người nông dân châu Âu thế kỷ 12 hay 13 không đủ tiền nuôi gia đình hay đóng thuế trước vụ gặt hay người muốn mua một con bò hay hạt giống cho vụ năm sau. Nếu làm thuê cho địa chủ hay tu viện địa phương, anh ta có thể xin chủ đồ ăn hoặc vay tiền chủ rồi trả lại sau vụ gặt. Chủ cửa hàng và lái buôn cũng có thể bán chịu cho anh ta. Bạn bè giàu có hơn hay những người nông dân khác cũng có thể giúp người nông dân đang cần tiền. Mỗi giao dịch này đều kèm theo một khoản cho vay ngầm hoặc công khai.

Nếu các lựa chọn trên không khả thi, người nông dân có thể quay sang một người cho vay lãi Cơ đốc giáo hoặc Do Thái giáo chuyên nghiệp ở thị trấn gần đó nếu ở đó có người cho vay lãi như vậy.[443] Tương tự như vậy, công nhân đô thị, thợ thủ công, lái buôn tạm thời thiếu tiền có thể vay công nhân, thợ thủ công, lái buôn đồng nghiệp bằng cách cầm cố thiết bị hay nhà. Hoặc họ có thể vay tiền của những người cho vay lãi địa phương. Những người cho vay lãi này có thể định cư ở một nơi nhất định thông qua một loại giấy phép quy định trần tỷ giá lãi suất năm mà người cho vay lãi có thể áp dụng (từ 8% tới 133% tùy vào địa phương và thời kỳ); loại thế chấp người cho vay lãi có thể chấp nhận (đất đai, cầm đồ, người bảo lãnh, giấy bảo lãnh); các quy định về việc trả nợ; hậu quả nếu người đi vay không trả được một phần hay toàn bộ nợ (xem chi tiết bên dưới).[444]

Cho tới tận cuối thế kỷ 15, không có các thiết chế tài chính nào mà nông dân hay cư dân thành thị có thể nhờ vả đi vay. Ngân hàng chấp nhận tiền gửi của dân và cho dân vay không tồn tại cho tới tận thời cận hiện đại. Các ngân hàng như ngân hàng Bardi và Peruzzi nổi tiếng ở Florence thế kỷ 14 hay ngân hàng Medici thế kỷ 15 cung cấp tài chính cho thương mại quốc tế và cho vua chúa, giáo hoàng châu Âu vay tiền.[445]

https://thuviensach.vn

Các ngân hàng cho vay của người Cơ đốc giáo (gọi là *montes pietatis*, *monti di pietà* hay *mons de pietè*) được thành lập ở nhiều thị trấn tại Ý, sau này ở các thị trấn khác tại châu Âu dưới sức ép của các thầy tu dòng thánh Francis từ cuối thế kỷ 15; mục đích của các thầy tu là xóa bỏ cái họ coi là hành vi cho vay nặng lãi vô đạo đức gây hậu quả rất nghiêm trọng, nhất là cho người nghèo. Các ngân hàng này nhận tiền gửi của cư dân địa phương, cho vay cầm cố; họ thường tính lãi 5%/năm. Hợp tác xã tín dụng ở nông thôn chỉ xuất hiện ở châu Âu vào thế kỷ 19.[446]

Nhu cầu vay tiền và tín dụng không chỉ xuất hiện ở cộng đồng địa phương. Tăng trưởng thị trường tiền tệ, tín dụng ở châu Âu giai đoạn đầu Trung Cổ cũng do nhu cầu ngày càng tăng đối với tiền, vốn vay cũng như sự phục hồi thương mại trong suốt cái gọi là cuộc Cách mạng thương mại từ thế kỷ 10 đến hết thế kỷ 13. Nhiều giao dịch tín dụng diễn ra giữa các nhà buôn đường dài gặp nhau ở các hội chợ thường niên tại nhiều nơi ở châu Âu Trung Cổ. Trong những dịp này, các nhà buôn quyết toán bằng cách ghi chép cẩn thận các khoản mua, bán, tín dụng, nợ vào sổ sách kế toán. Họ dựa vào các khoản vay năm này qua năm khác, phải tính toán tỷ lệ lãi suất, tỷ giá hối đoái phức tạp giữa các loại tiền xu được đúc ở các nước khác nhau. Nhu cầu chuyển số tiền lớn qua không gian, thời gian để giải quyết các giao dịch kinh doanh ở các hội chợ thường niên cộng với mong muốn tránh mang theo số lượng lớn tiền xu dẫn tới sự phát triển các công cụ tài chính tinh vi như lệnh chi, giúp cho thị trường tài chính ngày càng phát triển hơn ở châu Âu thời Trung Cổ và thời cận hiện đại.[447]

Trung tâm thị trường tiền tệ, tín dụng là lãi suất. Từ quan điểm này, thợ thủ công, chủ cửa hàng, nhà buôn, người cho vay lãi chuyên nghiệp thời Trung Cổ thực hiện các hoạt động kinh tế rất giống nhau. Thợ thủ công, chủ cửa hàng, lái buôn bán chịu ngấm ngầm hoặc công khai tính lãi có tính đến ưu tiên thời gian, giá trị món hàng họ bán theo thời gian (bán hàng hôm nay và nhận tiền luôn có giá trị hơn bán hôm nay nhưng nhận tiền lúc khác), rủi ro người mua có thể không trả được một phần hay toàn bộ nợ.[448] Chủ cửa

https://thuviensach.vn

hàng, nhà buôn gia hạn nợ khi không có trao đổi hàng, tính lãi giống như khi họ bán chịu.

Tương tự như vậy, người cho vay lãi chuyên nghiệp khi tính lãi tính cả ưu tiên thời gian, khả năng hoàn vốn đối với các khoản đầu tư thay thế, rủi ro người vay không có khả năng trả một phần hay toàn bộ nợ, giá trị phát mại món hàng cầm cố thế chấp khi người vay vỡ nợ.

Tỷ lệ lãi suất bị cung, cầu vốn tác động. Như học giả nổi tiếng Giáo sỹ Abraham b. Mordecai Farissol giải thích trong một cuộc tranh luận có nhiều người nổi tiếng tới dự tại tòa án Công tước Ercole I d'Este ở Ferrara, Ý, khoảng năm 1480: "Không cần phải cân nhắc mức lãi suất vì các cộng đồng cần vay tiền của người Do Thái đồng ý rồi. Mức lãi suất dao động tùy theo… sự sẵn có hay khan hiếm, nhu cầu bạc, vàng."[449]

Tóm lại, thị trường tiền tệ, tín dụng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở châu Âu Trung Cổ. Thị trấn, thành phố hình thành, nghề thủ công phát triển, thương mại hồi phục khắp Nam và Tây Âu từ khoảng năm 950 tới năm 1350 đều do nghề đúc tiền xu phát triển, hộ gia đình, doanh nghiệp được vay tiền. Thị trường tín dụng cũng giúp nông dân, cư dân thành thị vào lúc kinh tế khó khăn. Quy mô, tình hình kinh tế địa phương cũng như những biến động do hội chợ thường niên, lễ hội tôn giáo, hành hương, chiến tranh, dịch bệnh, nạn đói gây ra, tất cả đều tác động đến nguồn cung, cầu tiền, tín dụng và do đó, tác động đến cầu dịch vụ cho vay lãi chuyên nghiệp. Giống như ngày nay, thị trường tiền tệ, tín dụng thời Trung Cổ rất yếu ớt, minh chứng là có nhiều người cho vay lãi, ngân hàng bị vỡ nợ, phá sản.[450]

https://thuviensach.vn

Đọc, viết, tính toán

Mua, bán hàng tại chỗ không cần hợp đồng viết vì giao dịch kinh tế giữa người mua và người bán kết thúc khi hàng được trao, tiền được nhận. Ngược lại, bán chịu thường đòi hỏi phải ghi lại giao dịch mà thời Trung Cổ được ghi vào sổ sách của chủ cửa hàng. Văn tự là cách tốt nhất để chứng minh rằng người mua đã vay tiền của người bán với điều khoản cụ thể. Về mặt này, người cho vay lãi không khác gì thợ thủ công, chủ cửa hàng, lái buôn địa phương, nhà buôn đường dài bán chịu. Cho vay lãi chỉ là một phiên bản tinh vi của thương mại, bán chịu.

Người cho vay lãi ghi chép cẩn thận các khoản cho vay trong sổ bằng cách ghi tên khách hàng, số tiền cho vay, loại thế chấp, lãi suất, hay bất cứ thông tin liên quan nào khác. Nếu phong tục hay luật pháp địa phương yêu cầu, người cho vay lãi sẽ ghi giấy cho người vay làm chứng cho khoản vay và đồ thế chấp.

Để cung cấp tín dụng, người cho vay phải biết đọc, am hiểu luật pháp địa phương để trong trường hợp xảy ra tranh chấp với người vay có thể yêu cầu tòa án địa phương thi hành các điều khoản ghi trong hợp đồng cho vay. Hợp đồng cho vay và sổ sách kế toán là hai bằng chứng quan trọng nhất. Người cho vay lãi thời Trung Cổ phải có khả năng ước lượng giá trị đồ thế chấp để trong trường hợp người vay vỡ nợ sẽ thu hồi được toàn bộ giá trị số tiền đã cho vay.

Giống như lái buôn, người cho vay lãi phải làm các phép tính phức tạp. Thị trường tiền tệ ở châu Âu Trung Cổ vô cùng phức tạp. Việc lưu hành đồng xu làm từ các loại kim loại khác nhau (vàng, bạc, đồng), các đơn vị tiền tệ khác nhau, chính phủ thường xuyên phá giá đồng tiền bằng cách thay đổi hàm lượng kim loại (qua đó thay đổi giá trị) của đồng xu đang lưu hành khiến cho việc tính toán tỷ giá lãi suất, tỷ giá hối đoái trở nên đầy khó khăn, thách thức.[451] (Đại số học phát triển ở châu Âu Trung Cổ nhờ công của nhà buôn, nhà toán học người Pisa là Leonardo Fibonacci cuối thế kỷ 12 đầu thế kỷ 13 là do các vấn đề toán học, tính toán mà các lái buôn Trung Cổ gặp

https://thuviensach.vn

phải trong các giao dịch kinh doanh hàng ngày). Cũng giống như ngày nay, cá nhân có tay nghề cao làm việc trong lĩnh vực môi giới tài chính.[452]

https://thuviensach.vn

Thông tin bất đối xứng, mạng lưới, đầu cơ

Thông tin bất đối xứng – tình hình khi một bên trong giao dịch kinh doanh có nhiều thông tin hơn bên kia – là điểm nổi bật của thị trường tiền tệ, tín dụng Trung Cổ, cũng giống như ngày nay. Người đúc tiền, người đổi tiền có nhiều thông tin về hàm lượng kim loại, giá trị đồng xu họ đúc ra và đổi chác hơn bất cứ người nào khác. Người đi vay có thông tin tốt hơn người cho vay về năng lực trả nợ hay việc sử dụng tiền vay của họ. Cùng lúc đó, người cho vay có thể có nhiều thông tin hơn so với phần còn lại của dân số về thị trường tiền tệ, tín dụng ở địa phương cũng như ở nơi khác. Trên thực tế, thông tin thị trường trong nền kinh tế địa phương và ở các nơi khác không phải ai cũng có được và để có được thì cũng rất tốn kém. Theo ngôn ngữ kinh tế học, tất cả những tình huống này được gọi thông tin bất đối xứng trong đó bên có nhiều thông tin hơn có thể tận dụng ưu thế này.[453]

Khi xảy ra tình trạng thông tin bất đối xứng, nhà buôn – người cho vay lãi am tường có mạng lưới, thông tin về tình hình thị trường ở nhiều nơi, có vốn, có khả năng kêu gọi vốn nhanh chóng nếu cần rồi chuyển vốn từ nơi này sang nơi khác – có thể thu được lợi nhuận khổng lồ. Nói theo ngôn ngữ kinh tế học, năng lực kết nối mạng lưới khi xảy ra tình trạng thông tin bất đối xứng tạo điều kiện cho việc đầu cơ ở những nơi tình hình thị trường có thể khác nhau (ví dụ có nơi có cầu tín dụng cao hơn do nạn đói hay do tổ chức hội chợ thường niên), cho phép nhà buôn, người cho vay lãi kiếm được những khoản lợi nhuận khổng lồ.[454]

Do các ngân hàng phát triển hoàn thiện nhận tiền gửi và cấp tín dụng không tồn tại thời Trung Cổ nên người cho vay lãi phải có khả năng gọi vốn từ nhiều nơi. Người cho vay lãi thời Trung Cổ thường phải ở một nơi cố định để có thể đánh giá khả năng thanh toán nợ của khách hàng và thu hồi nợ. Nếu không có đủ vốn đáp ứng nhu cầu địa phương, anh ta sẽ thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh với lái buôn hay người cho vay lãi địa phương có vốn đầu tư hoặc người cho vay lãi ở nơi khác. Thiết lập mạng lưới cũng rất quan trọng để có được quan hệ, thông tin về tình hình thị trường ở các nơi khác nhau và dự báo viễn cảnh kinh tế, chính trị.

https://thuviensach.vn

Để thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh, người cho vay lãi cần phải thảo hợp đồng ghi chi tiết các điều khoản quan hệ đối tác kinh doanh (số vốn mỗi bên góp, chia sẻ lỗ lãi như thế nào). Để gửi và nhận thông tin nhằm hưởng lợi từ các cơ hội đầu cơ, người cho vay lãi gửi và nhận thư từ đối tác kinh doanh.

https://thuviensach.vn

Tài chính chính phủ

Vua chúa thời Trung Cổ đôi khi cũng thiếu tiền cho cả chi tiêu bình thường như chi phí cho cung điện hoàng gia lộng lẫy lẫn chi tiêu bất thường như cung cấp thực phẩm cho thần dân khi xảy ra nạn đói hay dịch bệnh. Họ cũng thường tiến hành chiến tranh mà họ cần tiền để làm điều đó.[455]

Khi nguồn thu từ thuế (hay các nguồn thu khác như thu từ đất đai hoàng gia) không đủ chi trả cho những chi phí này thì nhà vua, hoàng tử, công tước, chính quyền thời Trung Cổ lấy tiền từ đâu? Một lựa chọn là vay tiền của các công dân giàu có hay người cho vay lãi chuyên nghiệp, sau này là ngân hàng. Ví dụ, vua chúa Anh vay những số tiền lớn từ người cho vay lãi Do Thái trong suốt thế kỷ 12-13 và từ chủ ngân hàng Florence nửa đầu thế kỷ 14. Ngân hàng Medici cấp tiền cho vua chúa châu Âu trong suốt thế kỷ 15.[456]

Một lựa chọn khác là ép buộc công dân phải cho vay tiền. Chính phủ thường trả lãi, trả hết các khoản vay đó, phân biệt cho vay ép buộc với đánh thuế. Bằng cách gộp những khoản cho vay ép buộc này vào nợ công, một vài thành bang Ý thế kỷ 14-15, sau này là các nhà nước châu Âu khác, phát hành trái phiếu chính phủ mà công dân có thể mua, bán, để lại làm của thừa kế. Những trái phiếu này thường được trả lãi từ 5-10%/năm.[457]

Chính quyền thế tục không phải là chính quyền duy nhất tìm kiếm nguồn tài chính. Các cường quốc tôn giáo – trong đó có Nhà nước Giáo hoàng – cũng tham gia vào thị trường tín dụng Trung Cổ với tư cách là người cho vay lẫn người đi vay. Để xây nhà thờ, giám mục thời Trung Cổ có thể vay tiền của người cho vay lãi Do Thái địa phương. Một số tu viện, nhà thờ ở châu Âu được tài trợ tiền một phần theo cách này. Một trong những trường hợp nổi tiếng nhất là câu chuyện của người cho vay lãi Do Thái giàu có, nổi tiếng nhất thời ông là Aaron xứ Lincoln (1123-1186). Giao dịch được ghi chép của ông bao phủ một vùng rộng lớn ở nước Anh, khách hàng của ông gồm có giám mục, bá tước, nam tước. Aaron tạm ứng tiền cho Hoàng gia Anh với đảm bảo là sẽ được hưởng tiền thu thuế quốc gia sau này; ông cũng cho các quỹ Cơ đốc giáo vay như Tu viện Thánh Alban để cấp vốn cho các

https://thuviensach.vn

chương trình xây dựng đầy tham vọng của họ. Chín tu viện dòng Cistercian nợ ông 6.400 mark để mua bất động sản mà ông giữ quyền cầm cố.[458]

https://thuviensach.vn

Các thiết chế thực thi giao ước

Đạo luật, sắc lệnh do vua chúa, chính phủ, Nhà thờ ban hành cung cấp khuôn khổ pháp lý cho thị trường tiền tệ, tài chính ở châu Âu Trung Cổ hoạt động. Sự tồn tại của tòa án, quan tòa, công chứng viên, trọng tài – những người chịu trách nhiệm thi hành những đạo luật này – giúp thị trường tín dụng vận hành suôn sẻ hơn, giúp hoạt động cho vay lãi thu về nhiều lợi nhuận hơn.[459]

Quy định bằng luật và cơ chế thực thi giao ước bao trùm một loạt chi tiết và tình huống bất trắc liên quan đến giao dịch tín dụng. Cụ thể là cả chính quyền thế tục lẫn chính quyền tôn giáo điều chỉnh tỷ giá lãi suất rất chặt chẽ. Cho vay tiền chưa bao giờ bị cấm. Từ cuối thế kỷ 12, nhà thờ ban lệnh cấm người Cơ đốc và người Do Thái cho vay tiêu dùng lấy lãi. Tuy nhiên, nhà thờ thừa nhận thương mại và các hoạt động kinh doanh khác cần tín dụng để vận hành trơn tru. Học thuyết cho vay nặng lãi của học giả mà dựa vào đó nhà thờ ban hành chính sách cho phép tính lãi đối với các khoản vay dành cho lái buôn với mục đích đầu tư. Trong những trường hợp này, rủi ro trong giao dịch là lý do tính lãi để bù đắp rủi ro cho người cho vay trong trường hợp không thu hồi được vốn.[460]

Bất chấp lệnh cấm cho vay tiêu dùng, người Cơ đốc ở châu Âu Trung Cổ vẫn cho vay và đi vay lãi cho mục đích tiêu dùng cả khi lệnh cấm cho vay nặng lãi không được thi hành nghiêm túc (từ thế kỷ 10-12 và trong thế kỷ 15) lẫn khi lệnh cấm được thi hành (thế kỷ 13-14). Di chúc thời Trung Cổ cho thấy có tình trạng người Cơ đốc lách luật cấm cho vay. Trong những di chúc này, người quá cố quyên tiền cho nhà thờ hoặc cho người nghèo như một cách cầu xin tha thứ vì tội cho vay lãi. Để tránh sự trừng phạt của nhà thờ, người cho vay đôi khi ngụy trang khoản vay bằng nhiều cách tài tình. Ví dụ, nông dân giả vờ bán một mảnh đất cho một nông dân khác hay thợ thủ công giàu có, dùng tiền bán đất giả vờ đó để tiêu dùng, rồi mua lại đúng mảnh đất đó từ đúng người đó với giá cao hơn – chênh lệch giá chính là lãi suất của khoản cho vay ngụy tạo.

https://thuviensach.vn

DANH TIẾNG CỦA NGƯỜI DO THÁI TRONG NGHỀ CHO VAY LÃI: CÁC GIẢ THUYẾT

Các học giả đã đưa ra nhiều giả thuyết để giải thích danh tiếng của người Do Thái châu Âu trong nghề cho vay lãi. Hầu hết đều cho rằng người Do Thái ở châu Âu ngày càng bị phân biệt đối xử và đàn áp nên chuyên làm nghề cho vay lãi. Trước tiên, chúng tôi trình bày những giả thuyết này và đánh giá xem liệu những giả thuyết này có vượt qua bài kiểm tra bằng chứng lịch sử không. Sau đó, chúng tôi trình bày giả thuyết của chúng tôi dựa trên giả thuyết kinh tế trình bày ở Chương 6 để giải thích tại sao người Do Thái chuyên về nghề cho vay lãi ở châu Âu Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

Phường nghề và lệnh cấm cho vay nặng lãi

Quan điểm phổ biến nhất do sử gia Cecil Roth đầu tiên đưa ra cho rằng người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ chuyên làm nghề cho vay lãi vì phường nghề, phường buôn ở nhiều thị trấn, thành phố châu Âu thời Trung Cổ với quy định thành viên độc quyền đẩy người Do Thái ra khỏi nhiều công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị mà trước đây họ đã từng làm, để lại nghề cho vay lãi là nghề duy nhất dành cho họ.[461] Bổ sung cho lập luận này, các học giả khác cho rằng hạn chế hoạt động kinh tế của người không phải Do Thái loại họ ra khỏi một số ngành nghề nhất định nên người Do Thái làm những nghề này. Ví dụ, quy định của đạo Hồi cấm người Hồi giáo cho vay lãi mở đường cho người Do Thái trở thành người cho vay lãi ở các vương quốc Hồi giáo.[462] Tương tự như vậy, lệnh cấm người Cơ đốc cho vay nặng lãi của nhà thờ ở châu Âu Trung Cổ để ngỏ ngành nghề này cho người Do Thái.[463]

https://thuviensach.vn

Đàn áp và vốn con người dễ mang theo

Một quan điểm khác trình bày chi tiết ở Chương 2 là người Do Thái, giống như thành viên các cộng đồng thiểu số tôn giáo, sắc tộc bị đàn áp khác, thường bị ép phải rời đi và di cư tới một nơi an toàn hơn để định cư và kiếm sống. Do đó, họ thích đầu tư vào vốn con người hơn vốn vật chất vì vốn con người mang theo được và do đó, không thể bị biển thủ. Bằng cách đầu tư cho học chữ, giáo dục, họ làm những nghề đòi hỏi biết chữ hoặc có lợi từ việc biết chữ như nghề cho vay lãi và tài chính.[464]

https://thuviensach.vn

Từ buôn rượu vang tới cho vay lãi

Sử gia, chuyên gia halakha Haym Soloveitchik gần đây cho rằng luật pháp Do Thái về rượu vang là mắt xích còn thiếu có thể giải thích tại sao người Do Thái Đức chuyển sang làm nghề cho vay lãi từ thế kỷ 11-14.[465] Trong suốt thời Trung Cổ, rượu vang là mặt hàng quan trọng ở Nam và Trung Pháp, đến người thường cũng uống rất nhiều rượu vang (ở Bắc Pháp, người ta chủ yếu uống bia). Buôn rượu vang là một cơ hội kinh doanh rất béo bở. Do sản xuất rượu vang có những biến động ngắn hạn nên nông dân sở hữu vườn nho và sản xuất rượu vang có nhu cầu tín dụng lớn.

Các điều luật trong Talmud cấm người Do Thái uống rượu hay chạm vào rượu vang do người không phải Do Thái sản xuất, kể cả rượu vang người đó chỉ mới chạm tay vào.[466] Sự cấm đoán này gây ra ba vấn đề tiềm tàng cho người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ. Thứ nhất, nó khiến họ mua, sở hữu vườn nho để có thể tự sản xuất rượu vang. Vào thế kỷ 11, người Do Thái ở một vài nước châu Âu thuê nông dân không phải Do Thái làm việc trên những vườn nho này.[467] Thứ hai, người Do Thái muốn gia nhập lĩnh vực bán rượu vang giàu lợi nhuận cho người không phải Do Thái ở châu Âu đã phải đối mặt với một tình huống khó xử: làm thế nào để tham gia vào ngành kinh doanh béo bở này mà không vi phạm luật Talmud? Thứ ba, làm thế nào người Do Thái có thể chấp nhận thanh toán của người không phải Do Thái bằng rượu vang chứ không phải bằng tiền mặt? Làm thế nào họ có thể chấp nhận vườn nho làm vật thế chấp mà không vi phạm các điều luật trong Talmud về uống hay chạm vào rượu vang của người không phải Do Thái?

Các học giả, giáo sỹ Do Thái nổi tiếng ở Pháp, Đức thế kỷ 11-12 bắt tay vào giải quyết những vấn đề này. Sách luật viết cuối thế kỷ 11 chỉ ra rằng người Do Thái bắt đầu buôn bán loại rượu vang đã bị người không phải Do Thái chạm tay vào. Ban đầu, việc buôn bán này chỉ giới hạn cho rượu vang bị người không phải Do Thái chạm tay vào mà người Do Thái không biết hoặc không đồng ý, nhưng về sau hạn chế này được nới lỏng.

Học giả xuất sắc Rashi (1040-1105) cho rằng người không phải Do Thái có thể trả nợ người Do Thái bằng rượu vang nhưng cấm người Do Thái

https://thuviensach.vn

uống hoặc bán thứ rượu vang này. Điều luật này có nghĩa là trả nợ bằng rượu vang của người không phải Do Thái vô giá trị đối với người cho vay lãi Do Thái. Để giải quyết mâu thuẫn này, Rashi nói trong một phán quyết sau này rằng người Do Thái nên bán số rượu vang trả nợ càng sớm càng tốt để tránh lỗ lãi trong lĩnh vực này. Gần 100 năm sau, giáo sỹ ở các trung tâm đời sống Do Thái chính ở Đức dỡ bỏ hầu hết những hạn chế liên quan đến việc dùng rượu vang để trả nợ để người Do Thái có thể nhận rượu vang làm đồ thế chấp của người không phải Do Thái.

Soloveitchik cho rằng do hạn chế của Talmud về việc uống hay chạm tay vào rượu vang của người không phải Do Thái nên người Do Thái chỉ có thể tham gia sản xuất, buôn bán rượu vang thông qua giao dịch tín dụng với người không phải Do Thái. “Mắt xích còn thiếu” này, theo Soloveitchik, giải thích sự chuyển dịch nghề nghiệp tự nguyện của người Do Thái sang nghề cho vay lãi ở Đức từ thế kỷ 11-14.

https://thuviensach.vn

ĐỘNG LỰC CỦA NGHỀ CHO VAY LÃI CỦA NGƯỜI DO THÁI Ở CHÂU ÂU TRUNG CỔ

Giải thích nào trong số ba giải thích về sự chuyên môn hóa của người Do Thái trong nghề cho vay lãi trên vượt qua được bài kiểm tra bằng chứng lịch sử? Để trả lời câu hỏi này, ta cần phải hiểu người Do Thái trở nên quan trọng trong thị trường tín dụng ở các nước châu Âu như thế nào.

Nghề cho vay lãi của người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ hình thành trong các thời kỳ khác nhau, trong các hoàn cảnh khác nhau. Các nước châu Âu trải qua quá trình đô thị hóa và phục hồi thương mại vào các thời kỳ khác nhau. Biến động trong nền kinh tế không nước nào giống nước nào. Hơn nữa, có cần đến dịch vụ của người cho vay lãi Do Thái hay không còn phụ thuộc vào việc liệu ở địa phương đó có nhà buôn hay người cho vay lãi Cơ đốc giáo có khả năng cung cấp vốn, cho vay hay không. Không có gì ngạc nhiên khi Genoa,[468] một trong những nền kinh tế thương mại sôi động nhất ở châu Âu Trung Cổ, với nhà buôn và chủ ngân hàng hải ngoại giàu có, chưa bao giờ mời người cho vay lãi Do Thái tới định cư ở thành phố mình. [469]

Người Do Thái chuyên làm nghề cho vay lãi từ khi bắt đầu định cư ở Anh sau năm 1066. Trung tâm tiếp theo của nghề cho vay lãi Do Thái là Bắc Pháp và lưu vực sông Rhine; ở phần còn lại của Đức và Trung Âu, sự chuyên môn hóa của người Do Thái trong nghề cho vay lãi diễn ra chậm hơn nhiều. Ở Trung và Bắc Ý, sự chuyên môn hóa của người Do Thái trong nghề cho vay lãi diễn ra muộn hơn nhiều. Ở Nam Ý, giống như ở bán đảo Iberia, người Do Thái chưa bao giờ chuyên làm nghề cho vay lãi; cho tới khi bị trục xuất cuối thế kỷ 15, người Do Thái làm rất nhiều nghề khác nhau trong đó có nghề thủ công, mở cửa hàng, thương mại, nghề y cũng như cho vay lãi. [470]

https://thuviensach.vn

Anh

Không bao lâu sau khi tới Anh năm 1066 trong vai trò một nhóm nhà buôn, người cho vay lãi, người Do Thái Anh bắt đầu chuyên làm nghề cho vay lãi tuy một vài người trong số họ vẫn làm thương mại. Tài liệu sớm nhất nói về sự tham gia của người Do Thái trong nghề cho vay lãi và tài chính có từ năm 1131 trong ghi chép sớm nhất của Kho bạc quốc gia là Cuộn giấy hình ống tẩu năm thứ 21 triều Henry I. Chính sách đặc quyền do vua Richard I (Trái tim sư tử) ban hành năm 1190 công nhận nghề cho vay lãi là nghề chính của người Do Thái (xem Chương 7). Chính sách đặc quyền này và chính sách do vua John ban hành năm 1201 xác nhận những đặc quyền được vua chúa Anh đời trước ban, nhấn mạnh vai trò quan trọng của người Do Thái với tư cách một nhóm người chuyên làm nghề cho vay lãi.[471]

Tầm quan trọng của hoạt động cho vay lãi của người Do Thái đối với thu ngân sách của Hoàng gia Anh được thể hiện qua mức độ Hoàng gia bảo vệ sổ sách kế toán, hồ sơ kinh doanh của người cho vay lãi Do Thái khỏi nguy cơ bị phá hủy khi xảy ra bạo lực hay bạo động. Năm 1194, *Capitula de Judaeis* được ban hành do chứng thư tiếng Hebrew bị hủy hoại trong các cuộc bạo động năm 1193. Sau này, các trung tâm đặc biệt được chỉ định đăng ký chứng thư vay nợ. Từ đây, Kho bạc của người Do Thái cuối cùng cũng hình thành.[472]

Chính sách đặc quyền, kho thư từ phúc đáp, hồ sơ tòa án cho thấy người Do Thái ở Anh cho địa chủ vay cầm cố, cung cấp các khoản vay nhỏ hơn cho hộ nghèo, hộ thu nhập trung bình với điều kiện có tài sản thế chấp. Tu viện, nhà thờ, tăng lữ nằm trong số khách hàng của người cho vay lãi Do Thái. Người Do Thái Anh cũng giúp cấp vốn cho một vài dự án của Hoàng gia, trong đó có các cuộc Thập tự chinh cũng như việc xây dựng nhà thờ, tu viện.[473]

Ngành kinh doanh này rất béo bở, điều này được thể hiện qua việc khi người cho vay lãi nổi tiếng nhất là Aaron xứ Lincoln qua đời năm 1186, ông có lẽ là người giàu nhất nước Anh tính theo tài sản tiền mặt. Tiền gửi ngân hàng của ông lên tới 15.000 bảng, tương đương ¾ thu nhập Hoàng gia trong

https://thuviensach.vn

một năm. Nghề cho vay lãi thu lời lớn nhưng cũng chịu nhiều rủi ro. Mức sống cao của người Do Thái có được từ nghề cho vay lãi không bảo vệ họ tránh khỏi các vụ bùng phát bạo lực đột ngột.[474] Nghề nghiệp, của cải họ tích lũy được có lẽ đã làm bạo lực nổ ra như vụ bôi nhọ máu đầu tiên được ghi lại ở Norwich năm 1144,[475] cuộc tấn công ở Gloucester năm 1168, vụ thảm sát gần như toàn bộ người Do Thái ở Norwich năm 1190 hay vụ thảm sát York năm 1190 khi trong một cuộc bạo động do những người nợ tiền Aaron xứ Lincoln tiến hành, gần như toàn bộ 150 người Do Thái tự sát hơn là phải đối đầu với đám đông giận dữ.[476]

Lịch sử người Do Thái ở Anh thời Trung Cổ chấm dứt năm 1290. Năm 1275, vua Edward I ban hành *Statutum de Judaismo*, cấm người Do Thái Anh cho vay lãi. Điểm đáng ngạc nhiên nhất của đạo luật này là nhà vua cho phép người Do Thái làm nghề buôn bán và nghề thủ công, thậm chí thuê trang trại với thời hạn không quá 10-15 năm. Dễ hiểu là người Do Thái từ chối (hay không) làm nông, nghề thủ công hay buôn bán. Thừa nhận chính sách của mình thất bại, ngày 18 tháng 7 năm 1290, nhà vua ban lệnh tất cả người Do Thái phải ra khỏi nước Anh trước Ngày Lễ Thánh năm đó. Một số học giả cho rằng không cần phải ra lệnh trục xuất và rằng cộng đồng vài nghìn người Do Thái ở Anh thà rời khỏi Anh và di cư tới Pháp, Đức, bán đảo Iberia và các nơi khác còn hơn là từ bỏ nghề cho vay lãi và trở thành nông dân hay thợ thủ công.[477]

Những người cho vay lãi Do Thái đầu tiên được thay thế bằng người Lombard, sau đó là nhà băng Tuscan. Sự thay đổi này diễn ra cuối thế kỷ 13 và nửa đầu thế kỷ 14, đúng vào lúc nhà thờ đang thi hành gắt gao lệnh cấm cho vay nặng lãi đối với người Cơ đốc giáo. Vào đầu những năm 1340 khi vua Edward III không trả được những khoản tiền khổng lồ vay của nhà băng Bardi và Peruzzi ở Tuscan, một lái buôn người Anh tên là William de la Pole xuất hiện và trở thành nguồn cho vay chính của Hoàng gia. Nước Anh thời Trung Cổ thu hút nhiều người cho vay lãi Cơ đốc giáo khác, những người này cho cả người giàu lẫn người nghèo vay bất chấp lệnh cấm của nhà thờ.[478]

https://thuviensach.vn

Người Lombard, nhà băng Tuscan, William de la Pole có bốn thứ giúp họ làm nên thành công trên thị trường tín dụng: vốn, mạng lưới quan hệ, biết chữ, và các thiết chế thực thi giao ước được Hoàng gia Anh đảm bảo. Nhờ đó, họ trở thành đối thủ cạnh tranh chính của người Do Thái trong lĩnh vực cho vay lãi béo bở ở nước Anh thời Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

Pháp

Các chính sách đặc quyền giai đoạn đầu thời Trung Cổ của vua chúa Pháp ban cho người Do Thái định cư ở Pháp cho phép người Do Thái làm rất nhiều nghề khác nhau (xem Chương 7). Trong vai trò nhà buôn, họ tham gia lĩnh vực cho vay lãi từ sớm bằng cách bán chịu, cho khách hàng vay tiền.

Từ cuối thế kỷ 10 đầu thế kỷ 11, người Do Thái ở Pháp ngày càng chuyên sâu trong lĩnh vực vay lãi. Sự chuyển dịch này tăng tốc trong thế kỷ 12-13 đồng thời với sự ra đời các hội chợ thường niên ở Champagne. Nhu cầu tín dụng khổng lồ mà những hội chợ này mang lại tạo ra cơ hội vô cùng lớn cho lái buôn Do Thái giàu có cung cấp tín dụng và chuyên làm nghề cho vay lãi. [479]

Nghề cho vay lãi ở Pháp bắt đầu được kiểm soát từ cuối thế kỷ 12 với các thỏa thuận giữa nhà vua, nam tước với người cho vay lãi Do Thái. Cho vay lãi nhanh chóng trở thành nghề quan trọng nhất của người Do Thái ở Pháp. Một thầy tu Cơ đốc giáo ở Hội đồng thành phố Poitiers năm 1280 than phiền rằng gần như tất cả người Do Thái ở giáo khu Poitiers đều là người cho vay lãi.[480]

Việc đánh đồng người Do Thái Pháp với nghề cho vay lãi diễn ra đồng thời với các vụ trục xuất liên tục vốn là đặc trưng lịch sử của người Do Thái Pháp thế kỷ 14. Chính sách đặc quyền đầu tiên còn sót lại là chính sách do Louis X ban hành năm 1315 sau khi người Do Thái bị trục xuất khỏi Pháp năm 1306. Người Do Thái được phép quay trở lại Pháp trong 12 năm và được hứa rằng họ sẽ được thông báo trước một năm khi bị trục xuất lại. Họ được phép định cư ở bất cứ thị trấn nào trước đây từng có người Do Thái sinh sống. Đợt trục xuất tiếp theo diễn ra năm 1322 khi Philip V băng hà. Người kế vị ông, Charles IV, trục xuất người Do Thái, thay họ bằng người Lombard cho vay lãi cho tới khi những người này cũng bị trục xuất năm 1330.[481]

Năm 1360, người Do Thái được mời tới tái định cư ở Pháp. Lúc đó, thời Cuộc Chiến Trăm Năm, vua John II của Pháp bị bắt làm tù binh ở Anh. Ông phải trả ba triệu curon vàng tiền chuộc. Để có đủ số tiền khổng lồ này,

https://thuviensach.vn

Hoàng thái tử Charles quyết định gọi lại người Do Thái, ban cho họ chính sách đặc quyền mới kéo dài 20 năm. Khi đến Pháp, mỗi chủ hộ phải trả 14 đồng florin vàng cho bản thân và vợ, một florin cho mỗi đứa con hay người phụ thuộc. Chính sách mới này cho phép họ cho vay với lãi suất bốn xu/một bảng/một tuần (khoảng 86%/năm). Họ cũng có thể mua nhà, đất, định cư ở bất cứ đâu ở Pháp, quản lý cộng đồng theo luật pháp của họ với quyền tự trị rất lớn. Những chính sách này bảo vệ người Do Thái chặt chẽ, đổi lại người Do Thái đồng ý giao nộp một phần đáng kể gia sản của họ có được từ nghề cho vay lãi cho ngân khố Hoàng gia.[482]

Tuy chính sách đặc quyền năm 1360 có giá trị tới cuộc trục xuất cuối cùng năm 1394 nhưng người Do Thái thua lỗ nặng nề trong những thập kỷ cuối thế kỷ 14 khi nhiều người vay nợ không chịu trả. Do đó, thu ngân sách Hoàng gia giảm mạnh. Nhà vua hạ lệnh cho quần thần bắt người dân phải trả nợ, nhưng chính sách này thất bại. Năm 1394, nhà vua ra lệnh trục xuất người Do Thái, thay họ bằng người Lombard.[483]

https://thuviensach.vn

Đức, Áo, Trung và Đông Âu

Trong thế kỷ 12, nhất là thế kỷ 13, cho vay lãi trở thành nghề chính của người Do Thái ở Đức. Nhà chức trách địa phương (như chính quyền thị trấn, giám mục, hoàng tử) ban hành những chính sách đặc quyền đầu tiên; sau này các hoàng đế Đức trực tiếp làm việc với người Do Thái. Năm 1090, hoàng đế Henry IV ban hành những chính sách đặc quyền tương tự cho người Do Thái ở Worms và Speyer. Năm 1157, Hoàng đế La Mã thần thánh Frederick I ban hành một chính sách, dựa trên chính sách của Henry IV, hủy bỏ các chính sách đặc quyền trước đây do nhà chức trách địa phương ban hành, bắt đầu kiểm soát việc định cư, hoạt động kinh tế của người Do Thái trên lãnh thổ Đức tập trung hơn.[484]

Khi cho vay lãi trở thành nghề chính của người Do Thái ở Đức, lịch sử của họ được đánh dấu bằng các đợt trục xuất tạm thời rồi quay lại rồi trục xuất rồi lại được tiếp nhận trở lại. Không giống các nơi khác ở Tây Âu, chưa bao giờ người Do Thái bị trục xuất toàn bộ ra khỏi Đức, có lẽ là do có sự chia rẽ chính trị ở Đức. Hầu hết người Do Thái không rời Đức mà di cư bên trong nước Đức.[485]

Ví dụ, vào thế kỷ 14, cộng đồng Do Thái ở Cologne là một trong những cộng đồng lớn nhất, thịnh vượng nhất ở Đức. Nhưng năm 1349, cùng với sự lan tràn của trận đại dịch hạch, một đám đông giận dữ tấn công khu người Do Thái, châm lửa đốt giáo đường (có người Do Thái bên trong), đốt nhà, giấy tờ nợ của người Do Thái. Năm 1372, người Do Thái được mời tái định cư ở Cologne, nơi họ sống 50 năm, cho tới khi bị trục xuất năm 1424. Trong thời kỳ này, người Do Thái được hưởng chính sách đặc quyền. Để được quyền sống ở thành phố, mỗi người Do Thái phải trả 70 mark, cộng với một khoản thuế năm. Người Do Thái được phép xây dựng lại giáo đường, được xét xử ở tòa án Do Thái, được làm nghề cho vay lãi. Cộng đồng mới nhỏ hơn nhiều (khoảng 34 gia đình) so với cộng đồng cũ. Năm 1424, lãnh đạo thành phố quyết định không gia hạn chính sách đặc quyền. Quyết định này có nghĩa là người Do Thái bị trục xuất khỏi Cologne. Họ chỉ được phép quay lại thành phố vào thế kỷ 18.[486]

https://thuviensach.vn

Từ năm 1300 tới năm 1350, Đức không còn là nơi nhập cư của người Do Thái nữa, thay vào đó trở thành nơi di cư. Một vài người Do Thái di cư tới Xứ Israel, chủ yếu vì lý do tôn giáo. Một số lượng lớn người di cư từ Đức sang Ba Lan. Điểm đến quan trọng nhất của người Do Thái rời khỏi Đức là Ý. Người Do Thái Đức ban đầu chuyển tới sống ở những thị trấn như Bassano, Cividale, Treviso, Trieste ở Đông Bắc Ý. Từ giữa thế kỷ 13, họ xuất hiện với số lượng lớn hơn, một số di cư tới tận các thuộc địa của Venice như đảo Crete. Từ giữa thế kỷ 15, một số người Do Thái thậm chí định cư ở Đế chế Ottoman. Những người di cư Do Thái này là người cho vay lãi, chuyên gia tài chính giàu có.[487]

Các diễn biến tương tự cũng xảy ra ở cộng đồng Do Thái tại Áo. Năm 1244, Công tước Frederick II của Áo hủy bỏ các đặc quyền Hoàng gia năm 1238, ban chính sách đặc quyền của riêng mình cho người Do Thái sống trên vùng đất của ông. (Chính sách đặc quyền này vốn là cơ sở cho các đặc quyền trao cho người Do Thái khắp Đông Âu ở các thế kỷ sau xuất hiện ở phần phụ chương của chương này). Chính sách đặc quyền này thừa nhận nghề chính của người Do Thái ở Áo không còn là buôn bán địa phương hay buôn bán đường dài nữa mà là nghề cho vay lãi. Người Do Thái phụ thuộc vào công tước và thị thần của công tước. Họ được tự do đi lại trên vùng đất của công tước, được miễn thuế thành phố, thuế địa phương. Họ có thể cho vay bất cứ thứ gì được mang tới họ (trừ quần áo dính máu hay ẩm ướt) mà không cần hỏi về nguồn gốc của nó. Trộm cướp, thất hứa, tấn công người Do Thái ở nhà anh ta bị trừng phạt như tội tấn công kho bạc. Người Do Thái có thể cho vay với lãi suất 173,333%/ năm (8 cent/ta-lăng hay bảng/tuần). Một loạt các điều khoản dùng để giải quyết tranh chấp về vay nợ được viết theo hướng có lợi cho người cho vay lãi Do Thái.[488]

Từ năm 1250 trở đi, người Do Thái ở Vienna ngày càng tham gia sâu vào nghề cho vay lãi, cho cả tầng lớp hạ lưu lẫn thượng lưu vay. Khi trận dịch hạch năm 1348 bắt đầu xảy ra, cộng đồng Do Thái ở Vienna là cộng đồng lớn nhất ở Đế chế La Mã Thần thánh.[489]

https://thuviensach.vn

Người Do Thái ở Đức di cư tới Trung và Đông Âu thế kỷ 13-14 vốn đã chuyên làm nghề cho vay lãi. Cùng lúc đó, sự lạc hậu của Trung và Đông Âu mang đến cho họ nhiều cơ hội để làm các công việc đòi hỏi tay nghề cao ở thành thị hơn trong đó có nghề thủ công và buôn bán. Sau này, vua chúa Bohemia, Hungary, Litva, Pomerania, Romania, Nga, Silesia ban hành chính sách đặc quyền cho người Do Thái cũng mời thợ thủ công, nhà buôn Do Thái tới định cư. Cuộc cạnh tranh này khiến người Do Thái chuyên làm trung gian tài chính cho bất động sản của Hoàng gia và quý tộc.[490]

https://thuviensach.vn

Bán đảo Iberia

Ở bán đảo Iberia thế kỷ 8-12, cho vay lãi là một trong nhiều nghề của cộng đồng Do Thái thịnh vượng. Không giống như ở Anh, Pháp hay Đức nơi cho vay lãi trở thành đệ nhất nghề của người Do Thái thời Trung Cổ, người Do Thái ở bán đảo Iberia làm nghề thủ công, mở cửa hàng, thương mại đường dài, nghề y, làm trong bộ máy nhà nước cũng như cho vay lãi.[491]

Vào giữa thế kỷ 13, khi cuộc Tái chinh phục kết thúc (trừ Granada), ở Castile và Aragon có quy định về việc định cư của người Do Thái. Trong mọi vấn đề pháp lý, người Do Thái và người Cơ đốc có quyền bình đẳng như nhau. Bầu không khí này nhanh chóng thay đổi. Giống vua Louis IX của Pháp, vương quốc Aragon bắt đầu một chiến dịch quy mô lớn cải đạo người Do Thái bằng cách tiết lộ "sai lầm của người Do Thái". Năm 1250, cuộc phỉ báng máu đầu tiên ở Tây Ban Nha được tiến hành ở Saragossa. Sau cuộc tranh luận nổi tiếng diễn ra ở Barcelona tháng 7 năm 1263, việc ép buộc người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo vẫn bị cấm nhưng người Do Thái bị buộc phải tham dự các buổi giảng đạo Cơ đốc giáo.[492]

Năm 1267, Giáo hoàng Clement IV cho phép tòa án dị giáo quyền tự do can thiệp vào công việc của người Do Thái bằng cách cho phép quan tòa án dị giáo truy đuổi người Do Thái cải đạo quay trở lại tôn giáo cũ, người Cơ đốc giáo cải đạo sang Do Thái giáo, người Do Thái bị kết tội gây ảnh hưởng thái quá đối với người Cơ đốc giáo và người anh em đã cải đạo của họ. Sự thù địch của giới chức tôn giáo đối với người Do Thái gia tăng. Tuy nhiên, tác dụng kinh tế của người Do Thái vẫn rất đáng kể: năm 1294, doanh thu của người Do Thái chiếm 22% tổng doanh thu ở Castile. Bất chấp thù địch gia tăng từ phía dân cư địa phương và nhà thờ, nhà cầm quyền thế tục vẫn chần chừ không muốn từ bỏ một nguồn thu nhập quý giá như vậy.[493]

Trong thế kỷ 14, thái độ đối với người Do Thái bắt đầu xấu đi. Khiếu kiện thương mại, tôn giáo của người Cơ đốc giáo gia tăng cho tới tận cuối thế kỷ khi bạo lực bùng phát nhằm vào người Do Thái Tây Ban Nha. Năm 1391, các vụ thảm sát diễn ra ở Castile và Aragon, sau đó hàng nghìn người Do Thái chấp nhận Cơ đốc giáo trên danh nghĩa. Hoàng gia và địa chủ – những

https://thuviensach.vn

người hưởng lợi chính từ doanh thu từ thuế, tiền cho vay của người Do Thái – gánh chịu tổn thất kinh tế. Vào đầu thế kỷ 15, một số đặc quyền được ban để khuyến khích người Do Thái tái định cư. Bất chấp những biện pháp này, vị thế kinh tế, xã hội của người Do Thái dần suy giảm, kết cục họ bị trục xuất hàng loạt vào năm 1492 như đã nói ở Chương 1.[494]

https://thuviensach.vn

NGHỀ CHO VAY LÃI CỦA NGƯỜI DO THÁI Ở NƯỚC Ý THỜI TRUNG CỔ: PHÂN TÍCH CHI TIẾT

Do có nhiều tài liệu lưu trữ nên có thể phân tích cả những chi tiết nhỏ nhất về nghề cho vay lãi của người Do Thái ở nước Ý thời Trung Cổ và tiền Phục hưng. Do đó, chúng tôi dành một phần riêng nói về lịch sử phát triển của nghề cho vay lãi của người Do Thái ở Ý, cụ thể là ở Tuscany, một trong những nền kinh tế sôi động, thương mại lớn nhất thời Trung Cổ. Những gì chúng tôi tìm ra với nước Ý Trung Cổ có thể soi rọi nghề cho vay lãi của người Do Thái ở các nước châu Âu khác khi mà thị trường tiền tệ, tín dụng có cách thức hoạt động tương tự nhau ở khắp châu Âu như đã nói tới ở phần trước chương này.

Trong thế kỷ 14-15, nhiều người Do Thái tới Ý sau khi bị trục xuất khỏi Pháp, Đức, bán đảo Iberia (xem Bản đồ 7.3). Lúc này nghề cho vay lãi của người Do Thái đạt tới đỉnh cao ở Trung và Bắc Ý. Chính quyền các thị trấn Ý kiểm soát nghề cho vay lãi của người Do Thái trên lãnh địa của họ. Người Do Thái có thể định cư và cho vay lãi thông qua *condotta*, một hợp đồng song phương giữa chính quyền thị trấn và người cho vay lãi Do Thái. *Condotte* là những chính sách đặc quyền dài hạn, ràng buộc hai bên trong thời hạn từ 5-20 năm, có thể được gia hạn. Ở nhiều nơi, người cho vay lãi Do Thái muốn thiết lập việc kinh doanh ở cùng thị trấn với một người cho vay lãi Do Thái khác phải được phép của giới chức.[495]

Người cho vay lãi Do Thái phải đóng một loại thuế năm và đồng ý cho chính quyền thị trấn vay (đôi khi với điều khoản ưu đãi).[496] Thuế thường là một khoản đóng một lần vào đầu năm hoặc vào một ngày tạm định trước. Tiền thuế dao động từ 55 đồng florin vàng ở San Gimignano năm 1425 tới 1.200 đồng florin vàng ở Florence năm 1448 tới 4.000 đồng đuca vàng ở Venice năm 1382. (Để thấy nghề cho vay lãi của người Do Thái lãi như thế nào, 1.200 đồng florin vàng ở Florence năm 1448 tương đương khoảng 40 lần mức lương năm trung bình của một người công nhân không có tay nghề ở thành thị và 20 lần mức lương năm trung bình của một người công nhân có tay nghề ở thành thị).[497]

https://thuviensach.vn

Chính sách đặc quyền cũng điều chỉnh trần lãi suất năm, như ở Venice là 10-12% năm 1382, 60% tại Città di Castello ở Umbria năm 1402, 42% ở Spoleto khoảng năm 1416, 30% ở hầu hết các thị trấn ở Tuscany, 15-20% ở hầu hết các thị trấn trên vùng đất liền của Venice thế kỷ 15. Những mức lãi suất này áp dụng cho các khoản vay dành cho cư dân địa phương; người Do Thái được phép áp dụng bất kỳ mức lãi suất nào đối với người các thị trấn khác khó đánh giá khả năng trả nợ hơn.

Ở một số thị trấn, trần tỷ giá lãi suất cũng khác nhau tùy theo quy mô khoản vay. Ví dụ, năm 1421, người Do Thái ở Gubbio có thể tính lãi 50% đối với các khoản cho vay nhỏ hơn một florin, 45% đối với các khoản vay từ một đến bảy florin, 33% đối với các khoản vay lớn hơn bảy florin. Ở các thị trấn khác, trần tỷ giá lãi suất thay đổi theo loại đồ thế chấp. Ví dụ, năm 1382, người cho vay lãi ở Venice có thể áp dụng mức 10% đối với đồ ký quỹ, 12% đối với các khoản vay được đảm bảo bằng giấy ghi nợ.

Với đồ thế chấp, mọi người có thể vay người Do Thái bằng cách thế chấp động sản như quần áo, giầy dép, trang sức, công cụ lao động. Hoặc người vay có thể viết cam kết trả nợ người Do Thái. Trong một số trường hợp, người vay tự mình viết giấy nợ; trong một số trường hợp khác, công chứng viên thảo cam kết trả nợ trước hai nhân chứng. Người vay cũng có thể chỉ định người bảo lãnh trả nợ thay trong trường hợp họ mất khả năng chi trả. Trong một số trường hợp, người Do Thái cho vay tín thác, không đòi hỏi người vay phải bảo đảm, cầm cố bất cứ thứ gì.

Nhiều chính sách đặc quyền cấm thẳng thừng người cho vay lãi Do Thái cho vay cầm cố đất. Các chính sách khác đơn giản không đề cập đến đất đai trong số các loại đồ thế chấp; bằng cách không đề cập đến cho vay cầm cố đất trong khi đề cập chi tiết các loại đồ thế chấp khác, các chính sách này loại thẳng thừng người Do Thái khỏi lĩnh vực cho vay cầm cố đất.

Bảng 8.1. Tham gia của hộ gia đình ở Tuscany trong hoạt động vay và cho vay, 1427 (% tổng số hộ)

https://thuviensach.vn

	Người cho vay	Người không cho vay	Tổng
Người đi vay	29,3	25,5	54,8
Người không đi vay	10,1	35,1	45,2
Tổng	39,4	60,6	100

Nguồn: Kho Lưu trữ Nhà nước Florence, *Catasto* 207, 208, 213, 214, 215, 216, 219, 233, 234, 235, 236, 248, 249, 252, 253, 254, 257, 258, 266, 269. Kho Lưu trữ Nhà nước Pisa, *Archivio Fiumi e Fossi*, *Serie Catasto* 532, 533, 535, 552, 557, 558.

Ghi chú: Quy mô khảo sát là 7.793, tổng số hộ gia đình cư trú ở chín trong số các thị trấn lớn nhất ở Tuscany (Arezzo, Castigion Fiorentino, Cortona, Montepulciano, Monte San Savino, Pescia, Pisa, Pistoia, San Gimignano) cũng như các thị trấn nhỏ hơn và làng mạc xung quanh những thị trấn này.

Rất ít sổ sách kế toán của người cho vay lãi Do Thái ở châu Âu Trung Cổ còn sót lại. Với Tuscany Trung Cổ, chúng tôi phát hiện vi dữ liệu chi tiết trong Kho Lưu trữ Nhà nước Florence. Nguồn dữ liệu gốc được lấy ra từ các số liệu ghi trong Catasto của Florence vào năm 1427[498] – một cuộc điều tra dân số, nhà đất gần 60.000 hộ gia đình (260.000 khẩu) sống ở Tuscany. Mỗi chủ hộ khai báo về đất đai, nhà cửa, tín dụng, tiền nợ, sở hữu nợ công, cửa hàng hay các quan hệ đối tác thương mại khác, nghề nghiệp, thành phần gia đình. Trong số những khoản nợ được ghi chép có các khoản vay từ người cho vay lãi Do Thái. Cùng với các nguồn thông tin sơ cấp mới và chưa xuất bản khác, những dữ liệu này cung cấp một bức tranh chi tiết về hoạt động của thị trường tín dụng và vai trò của người cho vay lãi Do Thái ở nước Ý cuối thời Trung Cổ đầu thời Phục hưng.[499]

Những nguồn thông tin sơ cấp mới và vi dữ liệu này nói lên những sự kiện chính gì? Bảng 8.1 chỉ ra rằng 2/3 số hộ gia đình sống ở 9 thị trấn ở Tuscany và hàng trăm ngôi làng quanh đó tham gia vào các giao dịch tín

https://thuviensach.vn

dụng (với tư cách là người cho vay, người đi vay hoặc cả hai) – dấu hiệu cho thấy tín dụng là một phần thiết yếu trong nền kinh tế thời Trung Cổ.

Hầu hết các hộ gia đình tham gia tích cực vào các giao dịch thị trường tín dụng. Người ta vay tiền vì nhiều mục đích (để mua hạt giống và công cụ lao động, mua của hồi môn cho con gái khi đi lấy chồng, mua lương thực lúc giáp hạt). Một phần ba số khoản vay cho các hộ nông dân được các hộ nông dân khác tạm ứng tùy theo các cú sốc liên quan (Bảng 8.2).

Bảng 8.2. Các khoản vay cho hộ nông dân, theo loại chủ nợ, Tuscany, 1427 (%)

Loại chủ nợ	Khoản vay cho nông dân
Nông dân	35
Lái buôn	30
Người Do Thái	22
Người khác[a]	13
Tổng	100

Nguồn: Xem Bảng 8.1.

Ghi chú: Số khoản vay = 2.587. Bảng này là về các hộ nông dân vay của người Do Thái ở các thị trấn Castiglion Fiorentino, Cortona, Montepulciano, Pescia, San Gimignano ở Tuscany.

a Bao gồm thợ thủ công, công chứng viên, tăng lữ, quý tộc, tổ chức từ thiện, tu viện.

Thị trường tín dụng ở Tuscany mang tính địa phương, biệt lập, nhất là đối với các hộ nông dân: trong 99% tổng số 2.587 khoản vay trong Bảng 8.2, người cho vay và người đi vay sống cùng thị trấn. Các hộ gia đình có nguồn thu nhập, của cải chính từ nông nghiệp và do đó chịu các cú sốc liên quan nhưng vẫn cho vay, đi vay tại chỗ. Nông dân không tiếp cận được thị trường tín dụng khu vực hoặc lớn hơn. Do đó, nông dân ở Pescia không cho người sống ở Montepulciano vay, nông dân ở Cortona hiếm khi vay của người sống ở San Gimignano, v.v…

https://thuviensach.vn

Rào cản thể chế, chi phí thông tin làm nên tính cục bộ của các thị trường tín dụng nông thôn. Trong thế kỷ 14-15, chính quyền các thị trấn làm hết sức để giữ cho nền kinh tế của họ biệt lập, vừa là để thi hành chính sách bảo hộ vừa để theo đuổi chính sách địa phương chủ nghĩa mạnh mẽ của họ. Luật cấm công dân nước ngoài cho người địa phương vay có thế chấp. Người địa phương không thể bán đất cho người nước ngoài, làm mất đi một nguồn cung tín dụng tiềm năng. Ngoài những quy định này, các chi phí giao dịch khác ngăn không cho thị trường tín dụng khu vực hình thành. Ví dụ, chi phí đi lại là mối quan tâm lớn thời kỳ này vì kể cả với quãng đường ngắn, nông dân cũng phải mất nhiều thời gian để đi.

Một lý do quan trọng hơn cho việc không có thị trường tín dụng phi địa phương là thông tin. Ở thị trấn, người dân là lượng đã biết; ở nơi khác, khả năng trả nợ của họ chủ yếu phải phỏng đoán. Không giống lái buôn đã phát triển hệ thống liên lạc tốt để truyền thông tin về uy tín các lái buôn khác, nông dân không có hệ thống liên lạc như vậy. Họ phải đợi thêm bốn thế kỷ trước khi hợp tác xã tín dụng ra đời, giúp giải quyết các vấn đề thông tin bất đối xứng ở thị trường tín dụng nông thôn.[500]

Tính chất biệt lập của thị trường tín dụng nông thôn gây ra tổn thất phúc lợi cho những nền kinh tế địa phương này, nhất là khi có các cú sốc chung. Ở Tuscany thế kỷ 15, sốc chung xuất phát từ ba nguồn. Thứ nhất, thời tiết gây ra cả sốc chung lẫn sốc riêng. Bão tố tấn công các mảnh đất cụ thể, một trận băng giá đột ngột có thể phá hủy toàn bộ vườn nho trong làng. Thứ hai, chính quyền thị trấn Florence có nhu cầu tiền mặt ngày càng cao để tiến hành chiến tranh, điều này thường dẫn tới các loại thuế mới đè lên công dân sống ở tất cả các lãnh thổ của Florence. Thứ ba, quân đội kẻ thù bao vây một thị trấn thường đốt mùa màng, giết gia súc ở vùng nông thôn xung quanh; đôi khi nông dân tự phá hủy mùa màng, gia súc để kẻ thù không bắt họ. Tất cả những sự tàn phá này là phổ biến. Khi xảy ra các sốc chung, điều tối quan trọng là tiếp cận nguồn tín dụng bên ngoài, nhưng việc này bị cản trở bởi các rào cản thể chế và vấn đề về thông tin như đã nói ở trên.

https://thuviensach.vn

Đây là lúc vai trò kinh tế của người cho vay lãi Do Thái phát huy tác dụng. Người Do Thái có hai lợi thế so với các người cho vay tiềm năng khác. Thứ nhất, tài sản của họ chủ yếu là tiền mặt và các thứ đồ dễ bán có thể mang đi cầm đồ. Vì người Do Thái không chỉ đầu tư vào đất đai nên tài sản của họ không bị ảnh hưởng của sốc chung như những người khác mà tương đối miễn dịch trước các cú sốc thời tiết, cướp bóc của kẻ địch, thuế đất của Florence.

Thứ hai, người cho vay lãi Do Thái có một thứ tài sản mà những người khác không có: quan hệ kinh tế, xã hội chặt chẽ giữa người Do Thái với nhau. Có nhiều bằng chứng ghi lại mối quan hệ gia đình, kinh tế bền chặt kết nối người Do Thái sinh sống ở các thị trấn, vùng khác nhau ở Ý.[501] Thông qua mạng lưới quan hệ xã hội và đối tác kinh tế dày đặc này, người cho vay lãi Do Thái chia sẻ rủi ro và giúp người vay tiếp cận các nguồn tín dụng bên ngoài.

Ai đó có thể cho rằng lái buôn sống ở các thị trấn khác nhau có thể đã có một mạng lưới tài chính tương tự và rằng khi khủng hoảng kinh tế lan rộng, những lái buôn này có thể đã vay của nhau và cho nhau vay, rồi cho những người đồng hương kém may mắn hơn vay bằng cách tạm ứng tiền hay bán hàng chịu. Ví dụ, lái buôn ở Montepulciano mua chịu hàng từ các lái buôn sống ở Florence và Siena. Tuy nhiên, khoảng cách có vẻ như là một trở ngại và lái buôn thường chọn cách mua chịu và vay từ những nơi gần hơn. Cùng lắm, lái buôn ở những thị trấn ngoại vi này trao đổi hàng hóa, tiền tệ với lái buôn ở các thị trấn khác ở Tuscany. Trong khi đó, người Do Thái sống ở Bologna, Mantua, Milan, Rome, các thị trấn vùng Tuscany, Venice có mối quan hệ gia đình, kinh tế chặt chẽ và thường thiết lập quan hệ đối tác kinh doanh để mở cửa hàng cầm đồ. Do đó, họ có thể nhanh chóng chuyển lượng tiền lớn từ thị trấn này sang thị trấn khác. Khi xảy ra sốc chung, người Do Thái có thể kết nối kinh tế thị trấn địa phương với các nguồn tín dụng bên ngoài.

Monti di pietà có thể đã cung cấp một nguồn tín dụng thay thế ở những nền kinh tế này. Được chính quyền thị trấn tổ chức, những thiết chế tín dụng

https://thuviensach.vn

địa phương này nhận tiền gửi của người dân muốn đầu tư một phần tài sản của họ, rồi mang tiền đó cho vay, thường với lãi suất 5%/năm. Được thiết lập dưới sức ép của những nhà truyền giáo dòng Thánh Francis muốn cấm nghề cho vay lãi của người Do Thái ở thị trấn, *monti di pietà* phải cung cấp tiền vay có thế chấp chủ yếu cho người nghèo với lãi suất ưu đãi. Tuy nhiên, như nhiều nghiên cứu chỉ ra, *monti di pietà* chưa bao giờ cạnh tranh với người cho vay lãi Do Thái – những người tiếp tục công việc kinh doanh kể cả sau khi những ngân hàng công này được thành lập. Dịch vụ của người cho vay lãi Do Thái và *monti di pietà* mang tính bổ sung hơn là thay thế nhau.[502]

Người dân và lãnh đạo các thị trấn thuộc quyền cai trị của Florence nhận thức rõ ưu điểm của việc mời người cho vay lãi Do Thái ở lại định cư. Khi đề nghị Florence cho phép nhận người cho vay lãi Do Thái vào thị trấn của họ, các đại diện luôn nhấn mạnh "cảnh túng quẫn tài chính của người nghèo khi không có người cho vay lãi Do Thái". Tập trung vào nhu cầu của người nghèo phản ánh lệnh cấm của nhà thờ áp dụng đối với việc cho vay lãi. Để tránh bị nhà thờ trừng phạt, chính quyền các thị trấn viện tới "nhu cầu của người nghèo" khi ban hành chính sách đặc quyền cho người cho vay lãi Do Thái. Một khi đã định cư ở những thị trấn này, người cho vay lãi Do Thái cấp tín dụng tới nhiều người dân hơn. Tuy nhiên, họ chưa bao giờ chạm tới vị thế độc quyền trong lĩnh vực cho vay lãi như dữ liệu dưới đây chỉ ra.

Cho vay của người Do Thái có vai trò quan trọng trong các thị trường tín dụng ở Tuscany. Một tỷ lệ lớn hộ gia đình – một phần ba ở Castiglion Fiorentino, một phần tư ở Montepulciano, gần một phần năm ở Monte San Savino, một phần năm ở Pescia, một phần sáu ở San Gimignano – vay tiền của người Do Thái (Bảng 8.3). Tiền vay từ người Do Thái chiếm gần 10% tổng số nợ của các hộ gia đình. Giá trị trung bình các khoản vay gần bằng mức lương năm trung bình của một công nhân thành thị ở Florence năm 1427.

Bảng 8.3. Quy mô cho vay của người Do Thái ở các thị trấn ở Tuscany, 1427

https://thuviensach.vn

Thị trấn	Hộ gia đình vay tiền của người Do Thái		Nợ người Do Thái	
	Số lượng	% trên tổng số	Số lượng (florin vàng)	% tổng số nợ
Arezzo[a]	217	18,2	5.261	11,6
Castiglion Fiorentino	165	30,2	1.652	14,9
Cortona	118	6,1	1.892	5,1
Montepulciano	180	26,4	2.501	14,8
Monte San Savino	62	22,4	516	25,3
Pescia	197	20,3	1.896	8,8
Pisa[a]	80	4,7	1.704	0,6
San Gimignano	99	17,2	2.456	8,4
San Miniato	44	13,6	670	4,4
Tổng	1.160	14,8	18.548	8,2
Tổng trừ Cortona và Pisa	962	23,3	14.955	10,3

Nguồn: xem Bảng 8.1.

a Con số của Pisa và Arezzo bao gồm người sống ở thành phố chứ không phải người sống ở nông thôn. Với tất cả các thị trấn khác, các con số là của người sống ở các thị trấn và ở các làng ở những vùng nông thôn tương ứng.

Ai vay tiền của người Do Thái ở Tuscany cuối thời Trung Cổ? Theo Catasto của Florence năm 1427, giá trị tài sản trung bình của những người vay tiền của người Do Thái lớn hơn giá trị tài sản trung bình của những người không vay tiền của người Do Thái (Bảng 8.4). Khoảng 13,5% các hộ gia đình vay tiền của người Do Thái có giá trị tài sản trên mức 500 florin; trong số những hộ không vay tiền của người Do Thái, con số tương ứng là 4,7%.

Bảng 8.4. Tài sản của các hộ gia đình vay và không vay của người Do Thái, Tuscany, 1429 (florin vàng)

https://thuviensach.vn

Thị trấn	Tài sản của các hộ gia đình vay của người Do Thái (N = 1.160)		Tài sản của các hộ gia đình không vay của người Do Thái (N = 6.633)	
	Giá trị trung bình	Giá trị giữa	Giá trị trung bình	Giá trị giữa
Arezzo	431,9	178	201,7	76
Castiglion Fiorentino	231,2	152,2	112	75
Cortona	181,8	114,8	115	40
Montepulciano	195,7	152,7	112	68
Monte San Savino	163,9	81,5	61,5	45
Pescia	246,4	189	164	121
Pisa	412,7	179,5	356	75,5
San Gimignano	489,3	256,4	232	58
San Miniato	280,6	113	178,3	39
Tất cả các thị trấn	239,9	132,5	200,2	55

Nguồn: Xem Bảng 8.1.

Ghi chú: Bài test chênh lệch giá trị trung bình cho ra giá trị *t* 4,33 (giá trị quan trọng 1% là 2,32)

Những phát hiện này trái ngược với quan điểm chung cho rằng người Do Thái chuyên cho người nghèo vay tiêu dùng quy mô nhỏ. Trong khi "nhu cầu của người nghèo" có thể là mối quan tâm đúng đắn của chính quyền các thị trấn khi mời người cho vay lãi Do Thái định cư ở thị trấn của họ, người dân tầng lớp trung lưu và người giàu cũng hưởng lợi từ sự có mặt của những người Do Thái này. Những phát hiện này thậm chí còn quan trọng hơn nếu xem xét cách người vay sử dụng số tiền vay được này. Dữ liệu từ Catasto của Florence năm 1427 cho thấy thợ thủ công, và ở mức độ lớn hơn là lái buôn, vay tiền để đầu tư cho sản xuất. Trong số các chủ nợ của họ có người Do Thái.

https://thuviensach.vn

Phân tích hai chỉ số kinh tế khác – nghề nghiệp và sở hữu đất – đặt ra nghi ngờ đối với quan điểm cho rằng công nhân thành thị nghèo và nông dân thấp kém là đối tượng khách hàng chính của người cho vay lãi Do Thái. Số lượng các khoản vay dành cho những hộ gia đình kiếm sống bằng nghề nông (như công nhân nông nghiệp, nông dân, người lĩnh canh, tá điền) là nhiều nhất, vượt xa các khoản vay khác (xem Hình 8.1). Với đa số hộ gia đình ở Tuscany có thu nhập, tài sản từ nông nghiệp, phát hiện này không có gì ngạc nhiên. Điều ngạc nhiên là thợ thủ công, lái buôn, công chứng viên, bác sỹ – những người giàu có nhất, có địa vị xã hội cao nhất – vay ít hơn nhưng giá trị vay khá cao.

Xem xét cấu trúc hộ gia đình của những khách hàng của người Do Thái cho thấy các hộ có con gái là những hộ vay nhiều nhất, chiếm 17% so với các hộ chỉ có con trai 12%, các hộ không có con 8%. Của hồi môn của cha mẹ dành cho con gái đến tuổi lấy chồng đóng vai trò quan trọng, làm gia tăng khả năng kết hôn.

Để đánh giá vai trò kinh tế của người Do Thái ở những nền kinh tế Trung Cổ và Phục hưng này, điều tối quan trọng là nghiên cứu chính sách cho vay của họ. Người cho vay lãi Do Thái có điều chỉnh tỷ giá lãi suất theo tài sản người vay? Họ có yêu cầu các loại đồ thế chấp khác nhau của những người vay khác nhau?

https://thuviensach.vn

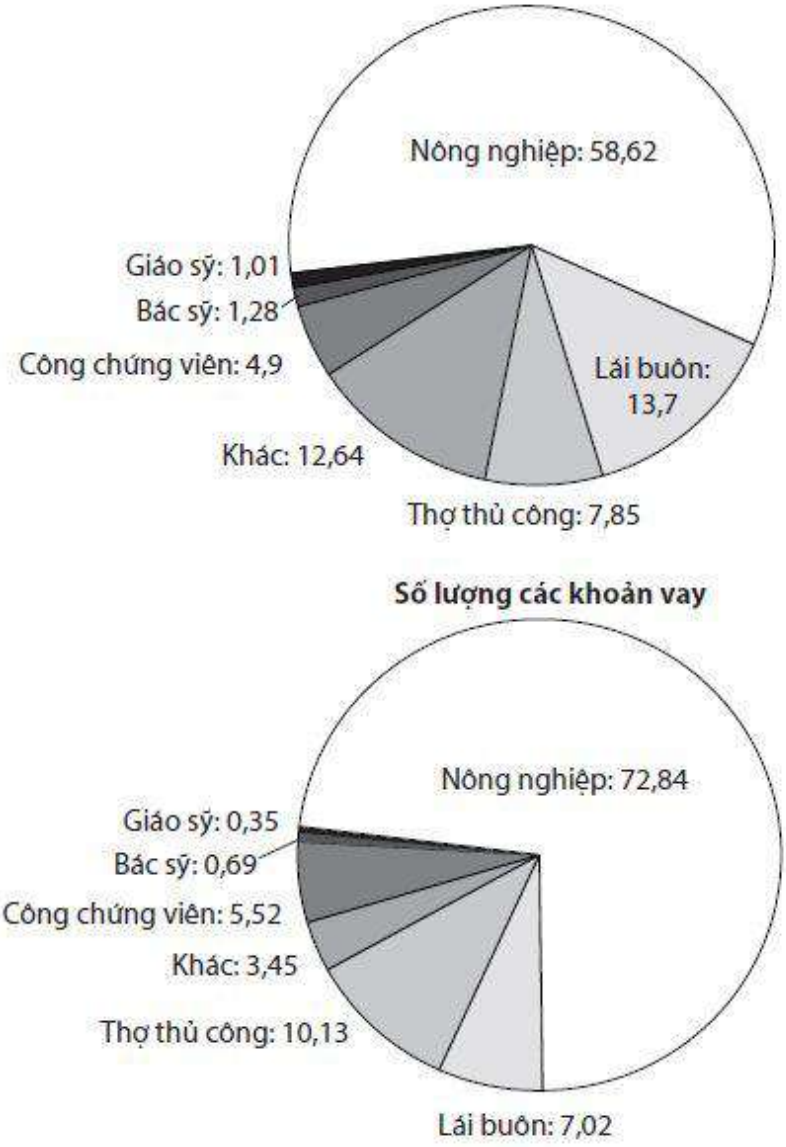

Hình 8.1. Khách hàng của người cho vay lãi Do Thái ở Tuscany năm 1427, tính theo nghề nghiệp. *Nguồn*: Chỉnh sửa lại từ hình 1 trong Botticini (2000). Dữ liệu từ Kho Lưu trữ Nhà nước Florence, *Catasto* 207, 208, 213, 214, 215, 216, 219, 233, 234, 235, 236, 248, 249, 252, 253, 254, 257, 258, 266, 269. *Ghi chú*: Dữ liệu nói về các thị trấn Castiglion Fiorentino, Cortona, Montepulciano, Pescia, San Gimignano. Mỗi con số ở biểu đồ trên chỉ ra giá trị phần trăm các khoản vay của người Do Thái cho người vay tính theo nghề nghiệp. Ví dụ, 58,62% tổng giá trị các khoản vay của người Do Thái dành cho các hộ gia đình kiếm sống bằng nghề nông. Tương tự như vậy, mỗi con số trong biểu đồ dưới chỉ ra phần trăm khoản vay của người

https://thuviensach.vn

Do Thái cho người vay tính theo nghề nghiệp. Ví dụ, 72,84% các khoản vay của người Do Thái dành cho các hộ gia đình kiếm sống bằng nghề nông.

Về nguyên tắc, không có gì cấm người Do Thái tính mức lãi suất khác nhau với người vay khác nhau. Chính sách đặc quyền đề ra trần lãi suất năm nhưng cho phép người Do Thái tự do định đoạt các mức lãi suất dưới trần. Trong Catasto của Florence năm 1427, một số người vay định rõ mức lãi suất họ trả cho khoản vay của mình. Bảng 8.5 cho thấy lãi suất đối với các khoản vay của người Tuscany cho người Tuscany dao động từ 6-15%, trong khi đó người Do Thái luôn tính mức lãi suất cao nhất mà luật cho phép. Cả rủi ro tốt lẫn rủi ro xấu đều trả cùng mức lãi suất: 59 người vay tiền người Do Thái đều trả mức lãi suất tối đa (lãi suất 30% ở tất cả các thị trấn ở Tuscany, ngoại trừ Montepulciano) có cả người giàu và người nghèo.

Bảng 8.5. Số lượng nợ của các hộ gia đình ở Tuscany, tính theo lãi suất và loại chủ nợ, 1427

Lãi suất năm (%)	Nợ người dân (N = 18)	Nợ người Do Thái (N = 69)
6	1	—
7	1	—
7,5	1	—
8	3	—
9	2	—
10	4	—
12	2	—
13	1	—
14	2	—
15	1	1
20	—	7[a]
25	—	2
30	—	59

https://thuviensach.vn

Nguồn: Xem Bảng 8.1.

a Có năm khoản vay ở Montepulciano nơi trần lãi suất đối với các khoản vay của người Do Thái là 20%.

Ngược lại, người cho vay lãi Do Thái có vẻ như đã chấp nhận các loại đồ thế chấp khác nhau dựa trên số tài sản của người đi vay. Người nghèo chủ yếu vay thế chấp, còn người giàu có thể viết cam kết trả nợ, vay có người bảo lãnh hoặc thậm chí vay tín thác mà không phải bảo đảm gì (Bảng 8.6).

Tại sao, từ góc độ người đi vay, vay thế chấp không phổ biến bằng vay có cam kết trả nợ hay vay có người bảo lãnh? Thế chấp hạn chế quy mô khoản vay vì thường số tiền cho vay không thể vượt quá 2/3 giá trị món đồ thế chấp. Tuy các đồ động sản như quần áo, gươm kiếm, giầy dép, búa có thể dễ dàng thế chấp nhưng giá trị những món đồ này không cho phép người ta vay khoản tiền lớn. Hơn nữa, người vay không được sử dụng món đồ thế chấp cho tới khi trả hết nợ. Bảng 8.6 khẳng định giá trị trung bình các khoản vay thế chấp thấp hơn các khoản vay có viết giấy nợ hoặc có người bảo lãnh.

Bảng 8.6. Loại thế chấp người cho vay lãi Do Thái đòi hỏi ở Tuscany, tính theo tài sản người đi vay và giá trị khoản vay, 1427

		Tài sản người đi vay (florin vàng)		Giá trị khoản vay	
Loại thế chấp	Số lượng khoản vay	Trung bình	Điểm giữa	Trung bình	Điểm giữa
Cầm đồ	133	365	72	46	20
Các loại bảo đảm khác	73	535	113	122,3	50

Nguồn: Xem Bảng 8.1.

Ghi chú: Bài kiểm tra chênh lệch giá trị trung bình tài sản người vay cho ra giá trị – t 2,03 (giá trị quan trọng 5% là 1,66). Bài kiểm tra chênh lệch giá trị trung bình đối với giá trị khoản vay cho ra giá trị t – 3,01 (giá trị quan trọng 5% là 1,66).

https://thuviensach.vn

Bảng 8.6 cũng cho thấy người cho vay lãi Do Thái phân biệt khách hàng bằng cách yêu cầu các hình thức thế chấp khác nhau đối với người vay khác nhau. Bằng cách yêu cầu người vay thế chấp, người cho vay lãi Do Thái gián tiếp hạn chế quy mô khoản vay. Bị cấm tính lãi suất đối với rủi ro xấu cao hơn trần lãi suất quy định trong chính sách đặc quyền, người cho vay lãi Do Thái phân bổ tín dụng cho những người vay này bằng cách yêu cầu họ có đồ thế chấp. Trong khi đó, rủi ro tốt có thể mang lại khoản vay lớn hơn vì người cho vay lãi Do Thái ít đòi hỏi thế chấp hơn với các khoản vay được đảm bảo.

Vai trò kinh tế quan trọng của người Do Thái không giới hạn trong lĩnh vực tư nhân. Tài chính công của các thị trấn Ý cũng hưởng lợi từ hoạt động cho vay lãi của người Do Thái. Thế kỷ 14-15, thu thuế và ép buộc người dân cho vay không đủ để chi trả cho những chi phí bình thường như lương quan chức. Tiền cũng cần để tiến hành chiến tranh chống lại các thị trấn láng giềng và để trợ cấp lương thực khi có đói kém. Bảng 8.7, dựa trên dữ liệu từ Perugia, chỉ ra nhiều cách các khoản vay của người Do Thái giúp nền tài chính công của chính quyền các thị trấn ở Ý. Cũng có dữ liệu tương tự cho các thị trấn khác của Ý.

Ngoài cung cấp các khoản vay lớn, người cho vay lãi Do Thái còn đóng góp cho tài chính của các thị trấn nơi họ sinh sống thông qua thuế thường niên họ đóng để đổi lấy quyền cư trú và cho vay lãi. Loại thuế này có vẻ như phụ thuộc vào cả quy mô thị trấn (và do đó lượng khách hàng tiềm năng) và trần tỷ giá lãi suất người cho vay lãi Do Thái được phép áp dụng (xem Bảng 8.8).

Bằng chứng lịch sử cho thấy trong một vài trường hợp, chính quyền các thị trấn nâng trần tỷ giá lãi suất nhằm giữ lại một phần thu nhập từ việc cho vay của người Do Thái. Lập luận này dựa trên ba phát hiện. Thứ nhất, chính quyền các thị trấn cho phép người Do Thái tính tỷ giá lãi suất trên mức quy định của luật cho vay lãi. Ví dụ, trong Catasto năm 1427, phần nợ công của Florence trả lãi là 5%, 8%, 10%. Lãi suất bình quân đối với nợ giữa công

https://thuviensach.vn

dân là gần 10% (Bảng 8.5). Trong khi đó, người cho vay lãi Do Thái được phép tính lãi 30% ở hầu hết các thị trấn ở Tuscany.

Bảng 8.7. Cho vay của người Do Thái ở Perugia, 1284-1434

https://thuviensach.vn

Năm	Quy mô khoản vay (florin vàng)	Đặc điểm khoản vay
1284	600	Được năm người bảo lãnh
1284	400	Được năm người bảo lãnh
1284	510	Được năm người bảo lãnh
1287	1.000	—
1293	150	—
1312	600	Được năm người bảo lãnh
1312	200	Để trả cho đội quân đánh thuê trong cuộc chiến chống Spoleto
1315	1.000	Để trả cho cuộc chiến chống Gubbio
1377	1.000	Cho dịch vụ hợp đồng về quyền sử dụng và sản vật khai thác từ hồ
1381	500	Nhân dịp kỷ niệm 5 năm chính sách đặc quyền cho phép người Do Thái cư trú và cho vay lãi
1384	1.000	Để trả cho lính bảo vệ thị trấn
1385	500	Để trả cho chi phí quân sự chinh phục làng Montone và làng Fratta
1385	545	Để kỷ niệm chiến thắng
1386	500	Để trả cho binh lính đã giúp đỡ Siena
1389	700	Để mua lương thực cho dân
1392	500	Để trả cho các chi phí quân sự và để cử phái viên tới Giáo hoàng Boniface IX
1392	500	Để giải quyết khó khăn tài chính
1392	500	Để tiếp đón Giáo hoàng tới thăm thị trấn và để chinh phục một pháo đài
1416	100	Để bảo vệ thị trấn khỏi Braccio Fortebracci
1423	231	Phần góp của người Do Thái trong khoản 12.000 florin Braccio Fortebracci, lãnh chúa Perugia, đòi để cung cấp vũ khí cho lính
1428	500	Để trả cho các chi phí quân sự bảo vệ thị trấn Città di Castello
1434	600	—

https://thuviensach.vn

Nguồn: Toaff (1975).

- Không có dữ liệu.

Bảng 8.8. Trần tỷ giá lãi suất và thuế thường niên do người cho vay lãi Do Thái trả ở nước Ý giai đoạn đầu Phục hưng

Khu vực	Thị trấn	Năm ban hành chính sách đặc quyền	Trần tỷ giá lãi suất (%)	Thuế thường niên[a]
Tuscany	Castiglion Fiorentino	1414, 1419	30	80
	Cortona	1422	30	150
		1466	30	150
	Montepulciano	1429	20	60
	Prato	1437	30	800
	San Gimignano	1425	30	55
	Florence	1437	20	800
		1448 - 1459	20	1.200
		1471	15	0
		1471 - 1491	20	1.200
	Volterra	1408 - 1447	30	100
Veneto	Venice	1382	11[b]	4.000
		1387	9[b]	0
		1513	17,5[b]	6.500
Romagna	Bologna	1399	30	607
		1406	30	552,5
		1418	25[b]	339

Nguồn: Với Castiglion Fiorentino, Cortona, Montepulciano và San Gimignano, dữ liệu từ Lưu trữ nhà nước Florence (Statuti 201, tờ 482; 280, tờ 251; 501, tờ 158; 759, tờ 201), từ Archivio Storico del Comune của Cortona (Bản viết tay F), và Biblioteca dell'Accademia Etrusca của Cortona (*Codice Cortonese*, Bản viết tay 520, *Capitoli del Monte Pio*). Với Florence và Prato, dữ liệu từ Cassuto (1918, tr. 85, 120). Với Volterra, dữ liệu từ Luzzati và Veronese (1993, tr. 57-87). Với Venice, dữ liệu từ Mueller (1972,

https://thuviensach.vn

tr. 63-64) và Pullan (1971, tr. 674-675). Với Bologna, dữ liệu từ Muzzarelli (1994, tr. 15-40).

a Các con số tính bằng đồng florin vàng cho các thị trấn ở Tuscany và Bologna, bằng đồng đuca vàng cho Venice.

b Những mức lãi suất này là mức trung bình của hai mức khác nhau áp dụng cho các khoản vay quy mô khác nhau hay được đảm bảo bằng các loại thế chấp khác nhau. Ví dụ, người Do Thái có thể tính lãi 30% với các khoản vay có thế chấp và 20% với các khoản vay có đảm bảo bằng văn bản hoặc có người bảo lãnh. Ở các thị trấn khác, các mức tỷ giá khác nhau được áp dụng cho các khoản vay có quy mô khác nhau: 30% đối với các khoản vay dưới một số tiền nhất định, 20% đối với các khoản vay trên một số tiền nhất định.

Thứ hai, nhờ có đặc quyền này và nhờ chính sách cho vay của mình, người cho vay lãi Do Thái chắc chắn kiếm lãi từ hầu hết các khoản vay của mình. Rủi ro tốt hay rủi ro xấu, họ đều tính lãi như nhau, nhưng giảm thiểu thua lỗ tiềm tàng đối với các khoản cho vay rủi ro cao bằng cách yêu cầu người vay thế chấp. Trong một vài trường hợp, chính quyền các thị trấn nâng trần tỷ giá lãi suất cho người cho vay lãi Do Thái với mục đích rõ ràng là cho phép họ kiếm nhiều lời hơn. Ví dụ, ở Spoleto năm 1416, người cho vay lãi Do Thái được phép tính lãi suất cao hơn (42% so với 30%) trong sáu tháng nhằm cho chính quyền thị trấn vay 50 florin vàng. Thứ ba, bằng cách đánh thuế và vay tiền của người Do Thái, chính quyền các thị trấn giữ lại một phần số tiền này.

Bảng 8.8 cho thấy một thực tế thú vị khác: trần tỷ giá lãi suất mà người Do Thái được phép áp dụng thấp hơn ở những thị trấn lớn hơn như Florence hay Venice nơi người Do Thái chắc chắn gặp phải nhiều cạnh tranh hơn từ các ngân hàng của người Cơ đốc giáo. Florence và Venice thành công trong việc đàm phán trần tỷ giá lãi suất thấp hơn cho người dân thành phố họ, nhưng họ để cho người Do Thái tính lãi suất cao hơn ở những thị trấn nhỏ hơn thuộc quyền kiểm soát của họ.

Chính sách đặc quyền và vi dữ liệu chi tiết về hoạt động cho vay lãi của người Do Thái ở các thị trấn thời Trung Cổ và tiền Phục hưng ở Ý nhấn

https://thuviensach.vn

mạnh một số sự kiện đáng ngạc nhiên. Thứ nhất, cho vay lãi là nghề nghiệp chính của người Do Thái. Thứ hai, hạn chế pháp luật ghi trong các chính sách đặc quyền quy định những điều khoản để người Do Thái tham gia trong lĩnh vực cho vay lãi. Mục đích chính của những hạn chế này không phải để cấm người Do Thái sở hữu đất hay làm nông nghiệp mà là ngăn không cho người Do Thái mua nhiều đất đai, bất động sản thông qua việc kinh doanh cho vay lãi của họ. Thứ ba, người Do Thái không độc quyền trong lĩnh vực này: tín dụng cũng còn được chủ cửa hàng, nhà buôn, công chứng viên, tổ chức từ thiện, thậm chí tu viện địa phương cung cấp. Thứ tư, người cho vay lãi Do Thái giúp tài trợ cho chính quyền địa phương thông qua các khoản cho vay trực tiếp khi cần cũng như thông qua các khoản thuế họ đóng. Thứ năm, nhờ vào mối quan hệ gia đình, quan hệ kinh doanh, người cho vay lãi Do Thái sống ở các nơi khác nhau hưởng lợi đáng kể từ mạng lưới quan hệ và cơ hội đầu cơ, điều này làm cho việc kinh doanh của họ rất lời lãi.

https://thuviensach.vn

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI NGHỀ CHO VAY LÃI

Thái độ của nhà thờ và các học giả Do Thái thời Trung Cổ đối với việc cho vay lãi vừa giống nhau vừa khác nhau. Những khác biệt về thái độ này có phải là nguyên nhân khiến người Do Thái tham gia, chuyên làm nghề cho vay lãi ở châu Âu Trung Cổ?

https://thuviensach.vn

Thái độ của người Do Thái đối với nghề cho vay lãi

Có phải người Do Thái cho vay lãi là một tội ác? Có giáo luật hay chuẩn mực xã hội trong Do Thái giáo nào chống lại việc cho người Do Thái và người không phải Do Thái vay tiền? Thái độ, phán quyết của các thế hệ giáo sỹ, học giả hàng đầu sau này đối với việc cho vay lãi có tác động gì không đối với việc tham gia của người Do Thái châu Âu trong lĩnh vực cho vay lãi thời Trung Cổ?

Lệnh cấm cho vay lãi đối với người Do Thái (cũng như với người Cơ đốc giáo và người Hồi giáo) có trong cuốn Đệ nhị luật 23:20-21, trong đó nói rằng: "Các ngươi không được cho người anh em mình vay lãi: lãi từ tiền bạc, lãi từ đồ ăn thức uống, lãi từ bất cứ thứ gì được cho vay lãi. Với người nước ngoài [người không phải Do Thái], các ngươi có thể cho vay lãi; nhưng với người anh em mình, các ngươi không được phép cho vay lãi". Còn lại, hiếm khi nghề cho vay lãi được nhắc tới trong Kinh Thánh.

Trong thời Talmud, học giả các học viện ở Xứ Israel và Mesopotamia có ý kiến khác nhau về việc cho vay lãi. Một số giáo sỹ chống lại việc lấy lãi từ bất cứ người vay nào, trong khi những người khác cho phép lấy lãi từ người không phải Do Thái. Trong một đoạn Baba Metzia[503] hay được trích dẫn, việc cho người không phải Do Thái vay lãi là vấn đề bỏ ngỏ. Điều thú vị là trong một bộ luật Talmud đầy những quy định điều chỉnh từng khía cạnh đời sống kinh tế, xã hội, tôn giáo thường nhật của người Do Thái, không có quy định cuối cùng, được chấp nhận nào cấm việc cho vay lãi.[504]

Thời Gaon (thế kỷ 7-11), một số nguồn nói rằng người Do Thái ở Mesopotamia làm nghề cho vay lãi. Kinh Koran (4:160) là nguồn đầu tiên buộc tội người Do Thái cho vay nặng lãi. Trong kho thư từ phúc đáp của giáo sỹ cũng có nhắc đến việc này. Ví dụ, bức thư phúc đáp của Amram ben Sheshna Gaon, chủ học viện Do Thái nổi tiếng ở Sura ở Mesopotamia giữa thế kỷ 9, cấm người Do Thái lấy lãi của người không phải Do Thái kể cả nếu việc đó là cần thiết về mặt kinh tế. Thế kỷ 10, một người Do Thái hỏi liệu một người Do Thái lấy lãi của người không phải Do Thái có bị rút phép thông công không. Câu trả lời – viết vào lúc người Do Thái là chủ ngân

https://thuviensach.vn

hàng ở vương quốc Hồi giáo Abbasid – là "đây là việc nhỏ, vì Chúa chưa bao giờ cấm lấy lãi của người không phải Do Thái. Tuy nhiên, nếu nghiêm khắc thì không nên làm vậy".

Nói chung, các chủ học viện có thái độ mâu thuẫn đối với việc cho vay lãi. Một mặt, họ có vẻ ủng hộ ý tưởng "kể cả nếu một người Do Thái có cơ hội cho một người không phải Do Thái vay lãi thì một người Do Thái đang cần tiền, không cần trả lãi cho người cho vay, phải được ưu tiên".[505] Mặt khác, họ cho phép học giả Do Thái lấy lãi của người không phải Do Thái vì họ cho rằng học giả không nên bị ảnh hưởng của phong tục của người không phải Do Thái khi tiếp xúc với họ.

Trong thế kỷ 11-12, khi người Do Thái ở Anh, Pháp, sau này là Đức thiết lập vị trí là những người cho vay lãi hàng đầu; giáo sỹ, học giả Do Thái ưu tú ở châu Âu định hình, điều chỉnh luật pháp Do Thái về việc tính lãi các khoản vay dành cho người không phải Do Thái nhằm phù hợp với tập quán thực tế của ngành kinh doanh cho vay lãi. Nhân vật đi đầu có ý kiến với vấn đề này là Rabbenu Gershom ben Judah (960-1040) ở Mainz, người giải quyết vấn đề cho người không phải Do Thái vay thông qua trung gian Do Thái. Vì người Do Thái bị Do Thái giáo cấm làm trung gian cho người không phải Do Thái, tình hình này tạo ra một vấn đề tiềm tàng: theo luật Kinh Thánh, việc một người Do Thái cho một người Do Thái khác vay lãi bị cấm. Rabbenu Gershom giải quyết vấn đề này bằng cách thay đổi vai trò của đối tác Do Thái thành vai trò "người dàn xếp". Đây là bước đầu tiên hướng tới việc cho vay lãi giữa người Do Thái với nhau.

Vài thập kỷ sau, Rashi (1040-1105), học giả có ảnh hưởng nhất trong số những người Do Thái Ashkenazi, đối mặt với thực tế "chúng ta [người Do Thái] không thể sống trừ phi chúng ta làm ăn với họ, vì chúng ta sống giữa những người không phải Do Thái". Thời ông sống, người Do Thái châu Âu đã tham gia rất sâu trong lĩnh vực cho vay lãi, giao dich nợ, cầm cố và các loại hình thương mại, thanh toán liên thế tục khác.

Trong số hàng trăm bức thư phúc đáp Rashi viết, nhiều bức trả lời các vấn đề liên quan đến giao dịch tín dụng và cho vay lãi.[506] Vấn đề chính là

https://thuviensach.vn

người Do Thái được phép tính lãi với người không phải Do Thái nhưng không được tính lãi với người Do Thái khác. Để giải quyết vấn đề này, Rashi phán rằng người không phải Do Thái có thể làm "người rơm" trong giao dịch cho vay giữa hai người Do Thái. Nhiều giáo sỹ đương thời cảm thấy không thoải mái với phán quyết này nhưng vì cần phải kiếm sống ở châu Âu Trung Cổ nên họ phải chấp nhận và thi hành phán quyết đó.

Một vấn đề không được giải quyết là phán quyết của Rashi yêu cầu người cho vay không được biết người không phải Do Thái kia là người dàn xếp, điều không khả thi ở những cộng đồng nhỏ. Ngoài ra, khi hai người Do Thái có cơ hội làm ăn với nhau, họ phải đợi cho đến khi tìm được người trung gian không phải Do Thái. Sự chậm trễ tốn kém này buộc người cho vay lãi Do Thái vi phạm phán quyết của Rashi.

Phán quyết trọng đại mở đường cho sự tham gia đầy đủ của người Do Thái trong thị trường tín dụng là của giáo sỹ Jacob ben Meir (1100-1171), còn được gọi là Rabbenu Tam, cháu trai Rashi. Rabbenu Tam là một trong những Baalei Tosafot hàng đầu. Baalei Tosafot là các giáo sỹ Ashkenazi ban hành phán quyết từ thế kỷ 12-14. Rabbenu Tam có ảnh hưởng lớn đến mức tới tận ngày nay, chú giải của ông xuất hiện ngay bên cạnh chú giải của Rashi trên mỗi trang Talmud. Rabbenu Tam lệnh rằng người cho vay lãi Do Thái không cần biết người không phải Do Thái kia là người dàn xếp trong một giao dịch tín dụng. Về hình thức, phán quyết này chấm dứt tình trạng chậm trễ trong việc đạt được thỏa thuận cho vay giữa người Do Thái, cho phép họ cho nhau vay mà không phạm luật pháp Do Thái. Phán quyết của ông đơn giản luật hóa những tập tục vốn đã được sử dụng: khi Rabbenu Tam đưa ra phán quyết này, những người cho vay lãi Do Thái hàng đầu có mạng lưới người trung gian Do Thái ở nhiều thành phố, nổi tiếng nhất là Aaron xứ Lincoln (Anh), Karslin xứ Provin (Pháp), Wiwilin của Strasbourg (Đức) và gia đình nhà Al-Constantini (Tây Ban Nha).

Phán quyết của Rabbenu Tam về việc chuyển nhượng đồ cầm cố và nợ giữa người Do Thái mở đường cho các giao dịch cho vay lãi giữa người Do Thái với người không phải Do Thái. Một yếu tố cho phép chấp nhận phán

https://thuviensach.vn

quyết này là thư của một giáo sỹ khác (R. Yitzhak) nói về việc ông và Rabbenu Tam trao đổi đồ cầm cố, nợ và cho nhau vay lãi.

Khoảng năm 1100, cho vay lãi đã là nghề chính của người Do Thái ở Anh. Các phán quyết của Rashi và Rabbenu Tam giúp phát triển nghề này trong cộng đồng Do Thái ở Pháp và Đức. Tuy bị một vài giáo sỹ chỉ trích, nhưng các phán quyết này được nhà buôn, người cho vay lãi Do Thái cũng như các giáo sỹ quan trọng khác ở khắp châu Âu, trong đó có bán đảo Iberia, chấp nhận. Việc người Do Thái phớt lờ hạn chế tôn giáo đối với giao dịch tài chính được thể hiện rõ trong đoạn trích dẫn dưới đây về Provence của một học giả nổi tiếng thế kỷ 13, Menachem ben Solomon Meiri:[507]

> Thời chúng ta không ai quan tâm đến việc không được làm ăn với người không phải Do Thái hay không được cho người không phải Do Thái vay, kể cả trong những dịp lễ hội của họ – không ai, dù là chủ học viện, giáo sỹ, học giả, học sinh, người của giáo phái Hasid, người giả làm người của giáo phái Hasid.[508] Tất cả những điều luật này chỉ nói tới những kẻ sùng bái và thần tượng của họ, còn mọi giao dịch với người Cơ đốc giáo hoàn toàn hợp pháp.

Các điều luật, phán quyết thường tuân theo lệ đã có từ lâu. Với việc hầu hết các học giả, giáo sỹ Do Thái ưu tú thế kỷ 11-12 thảo luận, ban hành phán quyết về việc cho người không phải Do Thái vay lãi, sẽ là hợp lý khi cho rằng việc cho vay giữa người Do Thái với nhau và cho người không phải Do Thái vay vốn đã phổ biến *trước khi* nhà thờ bắt đầu thực hiện lệnh cấm người Cơ đốc giáo cho vay lãi.

https://thuviensach.vn

Thái độ của người Cơ đốc giáo đối với việc cho vay lãi

Với người Cơ đốc giáo, việc cấm cho vay lãi có từ một đoạn trong cuốn Đệ nhị luật đã nói ở trên cũng như từ sách Phúc âm Luke (Luke 6:35 "Cho vay, không hy vọng thu về cái gì"). Ở châu Âu Trung Cổ, nhà thờ kiểm soát nhiều lĩnh vực đời sống thường nhật của hàng triệu người. Công cụ chính để nhà thờ kiểm soát các giao dịch tài chính là ban hành các lệnh cấm cho vay nặng lãi.

Cho tới năm 1050, không có lệnh cấm chính thức nào đối với việc cho vay lãi, định nghĩa về cho vay nặng lãi không rõ ràng, bản thân nhà thờ vừa đi vay vừa cho vay thông qua cầm cố thế chấp (xem Bảng 8.9).[509] Từ năm 1050 tới năm 1175, cho vay nặng lãi bị xem là tội ác và nhà thờ ban hành – tuy không thi hành ngay lập tức – những lệnh cấm chính thức đầu tiên đối với việc cho vay tiêu dùng lấy lãi. Từ khoảng năm 1200, các lệnh cấm này bắt đầu được thi hành, người cho vay nặng lãi bị tòa án tôn giáo kết án là phạm tội ác. Lệnh cấm cho vay nặng lãi đối với vay tiêu dùng được thực thi đầy đủ nhất là từ năm 1200 tới năm 1400, trùng với thời gian kinh tế khó khăn trước và sau trận Đại Dịch hạch năm 1348. Trong thế kỷ 15, việc thực thi lệnh cấm cho vay lãi được thả lỏng hơn theo nhiều cách.

https://thuviensach.vn

SỰ KIỆN VÀ CÁC GIẢ THUYẾT CẠNH TRANH

Có phải người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ chuyên làm nghề cho vay lãi vì họ bị cấm làm những nghề khác? Có phải họ chuyên làm nghề cho vay lãi vì người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo bị cấm cho vay nặng lãi? Có phải nỗi lo sợ bị tấn công trong các cuộc Thập tự chinh hay các đợt trục xuất khiến họ thích đầu tư vào vốn con người dễ mang theo thay vì đầu tư vào vốn vật chất (như đất đai), và do đó khiến họ gia nhập nghề cho vay lãi, rồi sau đó chuyên về nghề này? Có phải người Do Thái trở thành người cho vay lãi ở châu Âu Trung Cổ là vì trước đây họ từng làm và buôn rượu vang? Phần này sẽ chỉ ra rằng bằng chứng lịch sử không ủng hộ bất cứ giả thuyết nào trong số những giả thuyết này.

https://thuviensach.vn

Không được tham gia phường hội

Thời gian hình thành và phát triển của các phường nghề, hội buôn không thể giải thích tại sao người Do Thái chuyên làm nghề cho vay lãi vì những phường hội này bắt đầu thống trị ngành sản xuất, thương mại ít nhất hai thế kỷ sau khi người Do Thái đã bước chân vào nghề cho vay lãi và có vai trò quan trọng trong ngành này (xem Bảng 8.10). Người Do Thái ở Anh, Pháp, Đức đã làm nghề cho vay lãi từ thế kỷ 11, 12, 13. Phường nghề, hội buôn không phổ biến hay hoạt động mạnh mẽ ở các thị trấn, trung tâm thành thị ở châu Âu cho tới tận thế kỷ 13 khi mà người Do Thái đã chuyên làm nghề cho vay lãi.[510]

Bảng 8.9. Lệnh cấm cho vay nặng lãi đối với người Cơ đốc giáo, 300-1500

https://thuviensach.vn

Thời kỳ	Lệnh Giáo hoàng hoặc công đồng giám mục	Loại hạn chế
300 - 1050 Lệnh cấm áp dụng chủ yếu đối với tăng lữ; cho vay nặng lãi được định nghĩa không rõ ràng	Công đồng Nicaea (325)	Tăng lữ bị cấm lấy lãi
	Nec hoc quoque của Giáo hoàng Leo (khoảng năm 450)	Người Cơ đốc giáo bị cấm lấy lãi
1050 - 1175 Cho vay nặng lãi bị tuyên bố là tội ác		Cho vay nặng lãi của người Cơ đốc giáo chính thức bị cấm, nhưng lệnh cấm chưa được thi hành
1175 - 1350 Cho vay nặng lãi là mối quan tâm lớn của Giáo hội; lệnh cấm cho vay tiêu dùng, nhưng không cấm cho vay đầu tư	Công đồng Lateran III (1179)	Cho vay nặng lãi bị tuyên bố là tội ác, bị cấm cả trong Kinh Cựu ước lẫn Tân ước; lãi suất cao hơn 0% bị coi là cho vay nặng lãi; cho vay nặng lãi bị trừng phạt bằng cách không cho xưng tội, xá tội, chôn cất theo nghi lễ Cơ đốc giáo; vô hiệu hóa di chúc; rút phép thông công người cai trị hay cộng đồng nào cho phép vay nặng lãi
	Công đồng Lyon II (1274)	Người cho vay nặng lãi bị cấm thuê nhà, bị trục xuất trong vòng 3 tháng và không bao giờ được nhận trở lại
	Công đồng Vienne (1311-1312)	Người cho vay lãi phải mở sổ sách kế toán cho nhà thờ khi có nghi vấn cho vay nặng lãi; ai tuyên bố cho vay nặng lãi không phải là tội ác bị trừng phạt như người theo dị giáo
1400 - 1500 Lệnh cấm bớt khắt khe hơn theo nhiều cách	Cuối thế kỷ 15	Người cho vay lãi chuyên nghiệp được phép tham gia lễ nhà thờ và được chôn ở nghĩa địa nhà thờ; nhiều loại hợp đồng cho vay được tuyên bố rõ là không phải cho vay nặng lãi; tội cho vay nặng lãi chỉ áp dụng cho mức lãi suất cực cao; nhà thờ giúp lập ra *monti di pietà* và tuyên bố rằng những tổ chức tín dụng này không khuyến khích tội ác nếu họ nhận được, ngoài tiền vốn, một khoản tiền khiêm tốn bù cho chi phí của họ

https://thuviensach.vn

Nguồn: Noonan (1957); Todeschini (1989); Glaeser và Scheinkman (1998); Munro (2003); Reed và Bekar (2003).

Hội buôn xuất hiện lần đầu tiên ở nhiều thành phố của Ý vào thế kỷ 12. Phường nghề trở nên rất phổ biến vào thế kỷ 13. Số lượng phường hội ở châu Âu tiếp tục tăng sau trận Đại Dịch hạch năm 1348. Trong gần hai thế kỷ, họ thống trị đời sống ở các thị trấn Trung Cổ. Họ kiểm soát, quản lý người tham gia ngành sản xuất, thương mại, chất lượng và tiêu chuẩn sản xuất, giá cả. Họ cũng thống trị chính trị địa phương, có ảnh hưởng đối với công việc quốc gia và quốc tế.

Bảng 8.10. Lịch sử phường nghề, hội buôn và nghề cho vay lãi của người Do Thái ở châu Âu, 850-1500

Năm	Sự kiện
850 - 1250	Người Do Thái nhập cư, di cư bên trong hoặc ra khỏi các vương quốc Hồi giáo, Đế chế Byzantine, châu Âu như những cư dân đô thị chuyên làm nghề thủ công, thương mại, cho vay lãi, nghề y.
Từ năm 1000	Người Do Thái ở châu Âu bắt đầu chuyên làm nghề cho vay lãi và có vai trò quan trọng trong lĩnh vực này. Học giả Do Thái ban hành nhiều phán quyết để điều chỉnh hoạt động cho vay lãi trong thế kỷ 11 - 12.
1200 - 1350	Phường nghề, hội buôn bắt đầu phát triển.
1350 - 1550	Phường hội thống trị ngành sản xuất và thương mại ở nhiều thị trấn châu Âu.

Nguồn: Xem văn bản.

Chỉ cư dân thành thị mới có thể gia nhập phường nghề, hội buôn địa phương. Người Do Thái không được tham gia vì ở hầu hết mọi nơi họ bị coi là người nước ngoài dưới sự bảo trợ đặc biệt của tầng lớp cai trị. Tuy nhiên, việc này không liên quan vì vào thời gian những phường hội này trở nên có ảnh hưởng thì người Do Thái ở Tây Âu đã bước chân vào nghề cho vay lãi và có vị thế quan trọng trong lĩnh vực này được ít nhất hai thế kỷ.

https://thuviensach.vn

Một quan sát khác đặt nghi vấn cho giả thuyết cho rằng vì người Do Thái không được phép tham gia phường nghề, hội buôn nên có lẽ họ buộc phải làm nghề cho vay lãi. Người Do Thái ở Đế chế Byzantine giai đoạn đầu thời Trung Cổ không chuyên làm nghề cho vay lãi cũng không có vị thế quan trọng trong lĩnh vực này tuy phường nghề, hội buôn không cho họ hay bất cứ người nước ngoài nào khác làm những nghề do họ kiểm soát, điều chỉnh. **[511]**

https://thuviensach.vn

Lệnh cấm người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi

Để cho lập luận kia – lệnh cấm cho vay nặng lãi ngăn không cho người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo làm nghề cho vay lãi – phù hợp với bằng chứng lịch sử thì phải thỏa mãn 3 điều kiện:

- Lệnh cấm người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi được thông qua trước khi người Do Thái bước chân vào và chuyên làm nghề cho vay lãi.
- Lệnh cấm không chỉ thuần túy là quy định pháp lý mà trên thực tế được thi hành.
- Người Do Thái trên thực tế là những người độc quyền trong lĩnh vực cho vay lãi.

Những sự kiện chính trình bày trong Bảng 8.11 cho thấy không có điều kiện nào được thỏa mãn ở các vương quốc Hồi giáo hoặc sau này ở châu Âu Trung Cổ.

Với việc nghề cho vay lãi chỉ là một trong nhiều ngành nghề đòi hỏi kỹ năng có thể gộp vào nhóm "thương mại", lệnh cấm người Hồi giáo cho vay nặng lãi có thể giải thích tại sao *trong* các nghề thuộc nhóm thương mại, người Do Thái chuyên sâu hơn trong nghề cho vay lãi. Mặc dù vậy, cho vay lãi chỉ là một trong số nhiều (trên thực tế là hàng trăm, theo tài liệu trong kho lưu trữ Cairo) nghề kiếm sống của cộng đồng Do Thái lớn ở lãnh thổ rộng lớn dưới sự cai trị của người Hồi giáo (xem Chương 6, 7).

Bảng 8.11. Lịch sử lệnh cấm cho vay nặng lãi và việc chuyên làm nghề cho vay lãi của người Do Thái ở châu Âu, 300-1500

https://thuviensach.vn

Năm	Địa điểm	Sự kiện
325	Đế chế La Mã	Nhà thờ cấm giới tăng lữ cho vay lãi.
500 - 1100	Châu Âu	Nhà thờ ban (nhưng không thực thi) lệnh cấm những người thế tục cho vay nặng lãi.
650 - 1250	Các vương quốc Hồi giáo	Kinh Koran cấm người Hồi giáo cho vay lãi.
750 - 900	Mesopotamia và Ba Tư	Người Do Thái rời bỏ nông nghiệp, chuyển tới sống ở các trung tâm đô thị, bước chân vào gần 450 ngành nghề trong đó có nghề thủ công, thương mại, nghề y, cho vay lãi.
850 - 1250	Các vương quốc Hồi giáo, Đế chế Byzantine, châu Âu	Người Do Thái nhập cư, di cư bên trong và ra khỏi các vương quốc Hồi giáo, Đế chế Byzantine, châu Âu trong vai trò cư dân đô thị chuyên làm nghề thủ công, thương mại, cho vay lãi, nghề y.
Từ năm 1000	Châu Âu	Người Do Thái bắt đầu chuyên làm nghề cho vay lãi và có vai trò quan trọng trong lĩnh vực này. Học giả Do Thái ban hành nhiều phán quyết để điều chỉnh nghề cho vay lãi trong thế kỷ 11 - 12.
1200 - 1400	Châu Âu	Nhà thờ thực thi ngặt nghèo lệnh cấm người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi.

Nguồn: Xem văn bản.

Vậy còn những lệnh cấm người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi của Nhà thờ Cơ đốc giáo ở châu Âu Trung Cổ thì sao? Như niên đại trong Bảng 8.9 và 8.11 cho thấy từ thế kỷ 9 trở đi, người Do Thái di cư tới châu Âu từ Đế chế Byzantine và Bắc Phi với tư cách cư dân đô thị đã chuyên làm rất nhiều ngành nghề thành thị, trong đó có nghề cho vay lãi. Kho thư từ phúc đáp và phán quyết của giáo sỹ, học giả hàng đầu ở châu Âu thế kỷ 11-12 thảo luận, điều chỉnh nghề cho vay lấy lãi. Việc các học giả Do Thái ưu tú dành nhiều

https://thuviensach.vn

thời gian thảo luận, phán quyết vấn đề này cho thấy người Do Thái lúc đó đã tham gia rất sâu vào nghề cho vay lãi.

Tại Công đồng Nicaea năm 325, nhà thờ cấm giới tăng lữ lấy lãi – quy định này được áp dụng cho cả giới thế tục trong những thế kỷ sau (xem Bảng 8.9). Tuy nhiên, cho tới tận giữa thế kỷ 12, thái độ của nhà thờ là lên án hơn là cấm việc cho vay lãi. Phong trào cấm cho vay nặng lãi bắt đầu phát triển năm 1175 và đạt đỉnh cao trong các năm 1311-1313 khi Giáo hoàng Clement V ban hành lệnh cấm tuyệt đối việc cho vay nặng lãi và tuyên bố mọi điều luật thế tục ủng hộ nghề cho vay nặng lãi không có giá trị. Do đó, lệnh cấm người Cơ đốc giáo ở châu Âu Trung Cổ cho vay nặng lãi được thi hành *ít nhất hai thế kỷ sau khi* người Do Thái ở Anh, Pháp, Đức đã bước chân vào và chuyên làm nghề cho vay lãi.

Cuối cùng, theo như lập luận mạnh mẽ của Toch thì gần như chưa có lúc nào người Do Thái châu Âu nắm độc quyền nghề cho vay lãi.[512] Khối lượng lớn vi dữ liệu về thị trường tín dụng ở Tuscany thời tiền Phục hưng ở trên cho thấy người Do Thái chỉ cung cấp một phần nhỏ khoản vay cho các hộ gia đình ở Tuscany. Không có người Do Thái nào sống ở Anh trong gần 4 thế kỷ sau năm 1290 hay ở Pháp từ cuối thế kỷ 14. Họ bị trục xuất, rồi được gọi trở lại nhiều thị trấn của Đức và Ý trong thế kỷ 14-15. Vậy khi không có người cho vay lãi Do Thái thì ai là người cung cấp các khoản vay tiêu dùng cho nông dân mùa giáp hạt? Ai cho vay xây cầu, nhà thờ, hay cấp tiền cho chiến tranh? Kể cả khi lệnh cấm người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi được thi hành nghiêm ngặt từ thế kỷ 13-14, lái buôn địa phương và chủ ngân hàng nước ngoài (như người Lombard và chủ ngân hàng ở Tuscany) là những đối thủ cạnh tranh chính của người Do Thái trong việc bán chịu và cho vay lãi.

https://thuviensach.vn

Đàn áp và vốn con người dễ mang theo

Lập luận cho rằng người Do Thái bước chân vào và chuyên làm nghề cho vay lãi vì bị đàn áp (giống như các cộng đồng thiểu số tôn giáo, sắc tộc khác) khiến cho khả năng di chuyển và đầu tư vào vốn con người trở thành những tài sản quan trọng là không chính xác vì ba lý do.

Thứ nhất, như đã chỉ ra trong Chương 5, việc thực thi quy định tôn giáo yêu cầu các ông bố giáo dục con trai diễn ra thời Talmud (thế kỷ 3-6) – tức là hàng thế kỷ *trước khi* người Do Thái bắt đầu nhập cư, di cư bên trong và ra khỏi các vương quốc Hồi giáo, Đế chế Byzantine, châu Âu. Do đó chiều nhân quả phải từ đầu tư cho học chữ, giáo dục tới tham gia làm nghề thủ công, thương mại rồi tiếp tục tham gia sâu hơn, chuyên làm nghề có lợi nhiều nhất từ việc biết chữ, có giáo dục (nghề cho vay lãi) tới di cư để tìm kiếm cơ hội kinh doanh – chứ không phải chiều ngược lại.

Thứ hai, những người cho vay lãi thành công cần cư trú liên tục ở một cộng đồng địa phương để hiểu về khả năng trả nợ của người vay và để thu hồi vốn. Di chuyển *không phải* là tài sản (trong khi đó mạng lưới quan hệ là tài sản) để thành công trong nghề cho vay lãi.

Thứ ba, đàn áp, trục xuất tạm thời, trục xuất vĩnh viễn người Do Thái diễn ra muộn hơn, hệ quả của việc họ chuyên làm nghề cho vay lãi. Người Do Thái bị buộc phải chấm dứt việc cho vay lãi khi người dân địa phương hay giới cai trị quyết định quỵt nợ khi kinh tế khó khăn. Do đó, con đường nhân quả chạy chiều ngược lại – từ việc cho vay lãi tới việc bị đàn áp.

https://thuviensach.vn

Tham gia buôn bán rượu vang

Lập luận gần đây nhất – giả thuyết cho rằng luật pháp Do Thái về sản xuất, buôn rượu vang là mắt xích còn thiếu có thể giải thích tại sao người Do Thái Đức chuyển sang làm nghề cho vay lãi – không thể áp dụng cho các nơi khác ở châu Âu. Người Do Thái ở Anh và Pháp chuyên làm nghề cho vay lãi ít nhất một hoặc hai thế kỷ *trước khi* người Do Thái ở Đức làm như vậy. Vì không phải nghề buôn hay công cụ trả nợ chính của người Do Thái ở Anh hay Pháp nên rượu vang không thể giải thích tại sao họ bước chân vào nghề cho vay lãi và sớm có vị trị quan trọng trong lĩnh vực này.[513]

https://thuviensach.vn

TỪ LÁI BUÔN TỚI NGƯỜI CHO VAY LÃI: LỢI THẾ SO SÁNH TRONG CÔNG VIỆC MÔI GIỚI PHỨC TẠP

Nếu sự hình thành các phường nghề, hội buôn, lệnh cấm người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi, các vụ đàn áp người Do Thái, sự tham gia của người Do Thái trong lĩnh vực sản xuất, buôn bán rượu vang đều không thể giải thích tại sao người Do Thái bước chân vào nghề cho vay lãi, sau này chuyên làm và có vị trị quan trọng trong lĩnh vực này ở châu Âu Trung Cổ thì điều gì khác có thể lý giải điểm khác biệt này trong lịch sử người Do Thái? Chúng tôi chỉ ra rằng việc bước chân vào và sau này chuyên làm nghề cho vay lãi của người Do Thái có thể được giải thích bằng lợi thế so sánh của họ trong bốn thứ tài sản từng là (và vẫn là) trụ cột của công việc môi giới tài chính: vốn, mạng lưới quan hệ, biết đọc viết/tính toán, các thiết chế thực thi giao ước.

Giả thuyết lựa chọn nghề nghiệp đơn giản của chúng tôi, dựa trên mô hình của Roy, trình bày ở Chương 6, dự đoán rằng người ta chọn nghề dựa trên lợi thế có kỹ năng cần thiết cho nghề đó, thu nhập mong muốn từ nghề đó, so với nghề khác. Buôn bán và cho vay lãi (và môi giới tài chính nói chung) đòi hỏi nhiều vốn hơn, nhiều quan hệ hơn, khả năng đọc viết, tính toán tốt hơn, thiết chế thực thi giao ước hiệu quả hơn so với nghề nông. Ai có bốn thứ tài sản này sẽ có lợi thế so sánh trong buôn bán và cho vay lãi – những nghề mang lại nhiều lợi nhuận hơn so với nghề nông.

Khi áp dụng cho lịch sử dân tộc Do Thái, giả thuyết lựa chọn nghề nghiệp này dự đoán là khi không có bất cứ ràng buộc pháp lý nào thì người có lợi thế so sánh để trở thành người cho vay lãi sẽ thích trở thành người cho vay lãi hơn. Đây đúng là điều đã xảy ra với người Do Thái châu Âu thời Trung Cổ vì một số lý do.

Thứ nhất, nhiều người Do Thái đã tích lũy của cải trong vai trò cư dân đô thị làm nghề thủ công, buôn bán địa phương, thương mại đường dài ở Đế chế Byzantine, Trung Đông Hồi giáo và Bắc Phi từ thế kỷ 8-10. Từ thế kỷ 9 trở đi khi thợ thủ công, lái buôn Do Thái bắt đầu di cư từ Đế chế Byzantine và Bắc Phi tới bờ biển phía Bắc Địa Trung Hải, họ có vốn để trở thành

https://thuviensach.vn

người cho vay lãi và sau này trở thành chủ ngân hàng, nhà tài phiệt quan trọng. Cơ hội kinh doanh gia tăng do đô thị hóa, thương mại phục hồi ở châu Âu thúc đẩy những đợt di cư Do Thái này. Với sự mở mang thương mại, cộng với việc bán chịu trở nên phổ biến, thợ thủ công, chủ cửa hàng, lái buôn cần nhiều vốn ban đầu hơn có thể được tận dụng thông qua việc cho vay lãi. Những người như người Do Thái chẳng hạn đã tích lũy tài sản có lợi thế rõ ràng so với những người khác trong lĩnh vực cho vay lãi.[514]

Thứ hai, theo nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela (khoảng năm 1165-1173), thời Trung Cổ, người Do Thái sống ở rất nhiều nơi trên vùng lãnh thổ rộng lớn trải dài từ bán đảo Iberia tới Ấn Độ. Dù sống ở đâu, người Do Thái vẫn có thể dựa vào học viện, tòa án giáo sỹ sử dụng chữ viết chung (Hebrew) và luật chung (halakha) dựa trên Talmud. Thời Trung Cổ, tuyến buôn bán của lái buôn Do Thái ở châu Âu trùng khớp với mạng lưới quan hệ liên quan đến kho thư từ phúc đáp giáo sỹ. Một số bức thư phúc đáp ghi lại mối quan hệ đối tác trong thương mại và cho vay lãi giữa người Do Thái ở các địa phương với nhau. Một trong những mạng lưới giao dịch kinh doanh, trao đổi thông tin dày đặc nhất là ở Anh, nơi nhiều người cho vay lãi Do Thái làm môi giới cho Aaron xứ Lincoln vô cùng giàu có và rất nổi tiếng.[515] Vì cộng đồng Do Thái sống rải rác và dòng thông tin liên quan do hoạt động của các học viện và tòa án giáo sỹ tạo ra nên người Do Thái ở những nơi xa xôi có thể dễ dàng liên lạc, trao đổi thông tin bao gồm cả thông tin về tình hình thị trường địa phương, giá cả hàng hóa, cầu tiền tệ, tín dụng, trần tỷ giá lãi suất, v.v… Khả năng thiết lập mạng lưới quan hệ cho phép người Do Thái hưởng lợi từ các cơ hội đầu cơ trong thương mại và sau này trong nghề cho vay lãi.

Thứ ba, hầu hết người Do Thái đều biết chữ, có trình độ giáo dục cao. Ở một châu Âu Trung Cổ nơi dân số chủ yếu là người không biết chữ – trừ lái buôn, người cho vay lãi, thầy tu – người Do Thái có lợi thế so sánh trong việc viết, đọc hợp đồng, thư từ kinh doanh, sổ sách kế toán. Là nhà buôn, họ đã quen với việc kinh doanh thông qua thỏa thuận bằng văn bản. Họ cũng có kỹ năng tính toán cho phép họ tính tỷ giá lãi suất, tỷ giá hối đoái.[516]

https://thuviensach.vn

Thứ tư, người cho vay lãi Do Thái ở châu Âu Trung Cổ có thể trông vào hai thiết chế thực thi giao ước. Tòa án giáo sỹ địa phương đảm bảo các điều luật Talmud liên quan đến bất cứ khía cạnh nào của đời sống kinh tế bao gồm cả quan hệ đối tác kinh doanh và các khoản vay giữa người Do Thái với nhau và khoản vay của người Do Thái cho người Cơ đốc giáo, được thực thi trong các cộng đồng Do Thái ở mọi nơi. Ngoài ra, người cho vay lãi Do Thái bảo vệ hoạt động kinh doanh của mình và đòi nợ thông qua chính sách đặc quyền bằng văn bản do tầng lớp cai trị địa phương ban hành như đã chỉ ra ở trên trong mô tả nghề cho vay lãi của người Do Thái ở các nước châu Âu Trung Cổ. Ràng buộc hai bên trong giai đoạn từ 1-20 năm, các chính sách đặc quyền này điều chỉnh, thực thi pháp lý mọi chi tiết của nghề cho vay lãi Do Thái trong đó có loại thế chấp, tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, trần tỷ giá lãi suất.

Không có hạn chế pháp luật hay tôn giáo nào cấm người Do Thái cho người không phải Do Thái vay lãi ở châu Âu giai đoạn đầu thời Trung Cổ; lệnh cấm tôn giáo tiềm tàng đối với việc cho vay lãi của người Do Thái được giải quyết phần nào nhờ Rabbenu Gershom đầu thế kỷ 11 và được Rabbenu Tam chấp nhận giữa thế kỷ 12 khi mà người Do Thái ở Anh, Pháp – không lâu sau là Đức – tham gia đầy đủ vào nghề cho vay lãi. Việc họ bước chân vào và chuyên làm nghề cho vay lãi bắt đầu từ lâu trước khi phường nghề, hội buôn hình thành, và từ lâu trước khi nhà thờ Cơ đốc giáo thực thi nghiêm ngặt lệnh cấm người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi.

Khi có vi dữ liệu về thị trường tín dụng và nghề cho vay lãi của người Do Thái như ở Tuscany cuối thời Trung Cổ và đầu thời Phục hưng, những dữ liệu này chỉ rõ rằng người Do Thái cạnh tranh với người không phải Do Thái và chuyên về các phân khúc thị trường họ có lợi thế so sánh. Những quy định pháp luật về sở hữu đất đai của người Do Thái ở châu Âu cuối thời Trung Cổ được áp đặt để hạn chế loại thế chấp người Do Thái có thể sử dụng và ngăn không cho quá nhiều đất đai, bất động sản rơi vào tay người Do Thái thông qua nghề cho vay lãi. Những hạn chế pháp luật này *không phải* lý do người Do Thái bước chân vào, rồi chuyên làm nghề cho vay lãi và gặt hái nhiều thành công trong lĩnh vực béo bở này.

https://thuviensach.vn

Ở châu Âu Trung Cổ, giống như ngày nay, nghề trung gian tài chính đòi hỏi người làm phải biết chữ và có tay nghề cao, mang lại nhiều thu nhập hơn các nghề khác. Người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ và con cháu họ khắp thế giới đã là người đi đầu trong nghề này suốt hơn một nghìn năm nhờ vào lợi thế so sánh của họ trong bốn thứ tài sản chủ chốt cần có để thành công: vốn, mạng lưới quan hệ, biết chữ/biết tính toán, thiết chế thực thi giao ước.

https://thuviensach.vn

PHỤ CHƯƠNG 8.A:
CHÍNH SÁCH ĐẶC QUYỀN DÀNH CHO NGƯỜI DO THÁI Ở VIENNA

Dưới đây là văn bản chính sách đặc quyền do Công tước Frederick II của Áo ban hành cho người Do Thái ở Áo năm 1244:[517]

> Frederick, Công tước Áo và Styria và lãnh chúa của Carniola, gửi lời chào tới tất cả những ai sẽ đọc lá thư này trong tương lai. Thấy rằng chúng tôi ao ước người dân thuộc mọi tầng lớp sinh sống trên đất chúng tôi cần có sự ủng hộ, thiện chí của chúng tôi, do đó chúng tôi lệnh rằng những điều luật này vốn được viết cho mọi người Do Thái trên đất Áo sẽ được họ tuân thủ nghiêm ngặt.

I. Đầu tiên, chúng tôi lệnh rằng trong trường hợp liên quan đến tiền, bất động sản hay khiếu kiện liên quan đến người Do Thái hay tài sản của người Do Thái, không có người Cơ đốc giáo nào sẽ được làm nhân chứng chống lại người Do Thái trừ phi có một nhân chứng Do Thái cùng với người Cơ đốc giáo đó.

II. Nếu một người Cơ đốc kiện một người Do Thái, khẳng định rằng người anh ta đã cầm cố tài sản với người Do Thái, nhưng người Do Thái phủ nhận điều này và rồi nếu người Cơ đốc không tin vào lời khai của người Do Thái thì người Do Thái có thể chứng minh bằng cách tuyên thệ nói thật trước một đồ vật có giá trị tương đương với đồ vật đã được mang tới cầm cố chỗ anh ta, rồi sẽ được tự do đi.

III. Nếu một người Cơ đốc đặt cọc một khoản tiền với người Do Thái, nói rằng số tiền để lại ít hơn số tiền người Do Thái thừa nhận thì người Do Thái sẽ tuyên thệ nói thật trước món tiền đặt cọc đó và người Cơ đốc không được từ chối trả số tiền mà người Do Thái đã chứng minh bằng lời tuyên thệ.

IV. Nếu một người Do Thái cho rằng anh ta đã trả lại tiền đặt cọc của người Cơ đốc nhưng không có mặt nhân chứng và nếu người Cơ đốc phủ nhận điều này thì người Cơ đốc có thể thoát ra khỏi vụ này bằng cách tự tuyên thệ.

https://thuviensach.vn

V. Một người Do Thái được phép nhận tất cả mọi thứ làm đồ thế chấp – không quan trọng đồ đó là gì mà không cần phải điều tra về đồ đó – trừ quần áo dính máu hoặc ẩm ướt mà trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được phép cầm.

VI. Nếu một người Do Thái cho rằng đồ thế chấp người Do Thái đang giữ là đồ ăn cắp hoặc ăn cướp thì người Do Thái phải thề trước món đồ đó là khi nhận anh ta không biết đó là đồ ăn cắp hoặc ăn cướp. Lời thề cũng phải bao gồm giá trị món đồ thế chấp đó. Sau đó, khi người Do Thái đã đưa ra bằng chứng, người Cơ đốc phải trả người Do Thái tiền vốn và tiền lãi phát sinh trong thời gian đó.

VII. Nếu một người Do Thái bị mất hàng cùng với đồ cầm cố do hỏa hoạn, trộm cắp hay bạo lực và điều này được xác minh là đúng nhưng người Cơ đốc có đồ cầm cố chỗ người Do Thái kiện người Do Thái thì người Do Thái có thể giải thoát mình chỉ bằng cách tuyên thệ.

VIII. Nếu giữa người Do Thái xảy ra cãi nhau hay đánh nhau, quan tòa thành phố chúng ta không có quyền xử họ; chỉ có Công tước hay toàn quyền mới có quyền xử họ. Tuy nhiên, nếu lời buộc tội liên quan đến người đó thì vụ này sẽ dành riêng cho Công tước phân xử.

IX. Nếu một người Cơ đốc gây thương tích cho người Do Thái thì bị cáo sẽ phải trả Công tước 12 mark vàng nộp vào ngân khố. Người Cơ đốc cũng phải trả cho người bị hại 12 mark bạc và chi phí chữa trị.

X. Nếu một người Cơ đốc giết chết một người Do Thái sẽ bị trừng phạt thích đáng, tử hình, và toàn bộ tài sản, động sản cũng như bất động sản, sẽ được giao nộp cho Công tước.

XI. Nếu một người Cơ đốc tấn công một người Do Thái nhưng không gây đổ máu, anh ta sẽ phải trả Công tước 4 mark vàng, trả cho người bị tấn công 4 mark bạc. Nếu không có tiền, anh ta sẽ phải chịu hình phạt chặt tay.

XII. Khi người Do Thái đi qua lãnh thổ chúng ta, không ai được cản trở hay quấy rầy họ. Tuy nhiên, nếu người Do Thái mang theo hàng hay những thứ khác phải đóng thuế, họ sẽ chỉ phải đóng mức thuế như mức dành cho công dân của thành phố nơi họ đang sinh sống.

https://thuviensach.vn

XIII. Nếu người Do Thái, theo phong tục của họ, chở người chết từ thành phố này sang thành phố khác hay từ tỉnh này sang tỉnh khác hay từ vùng đất Áo này sang vùng đất Áo khác thì chúng tôi không đòi hỏi họ phải đóng thuế. Tuy nhiên, nếu quan chức hải quan nào tống tiền họ, người đó sẽ bị trừng phạt vì tội praedatio mortui, nghĩa là cướp của người chết.

XIV. Nếu một người Cơ đốc dám hỗn xược đột nhập nghĩa trang của người Do Thái, tòa án sẽ xác định người đó phải chết, và toàn bộ tài sản sẽ bị tịch thu sung vào ngân khố Công tước.

XV. Nếu ai xấu xa ném cái gì đó vào giáo đường của người Do Thái, chúng tôi lệnh người đó phải trả 2 talent[518] cho quan tòa của người Do Thái.

XVI. Nếu một người Do Thái bị quan tòa kết án phạt tiền gọi là wandel ("tiền phạt"), người đó sẽ phải trả cho quan tòa 12 dinar.[519]

XVII. Nếu một người Do Thái được quan tòa triệu tập tới tòa nhưng không tới lần một hay lần hai thì người đó phải trả cho quan tòa 4 dinar cho mỗi lần không đến. Nếu lần thứ ba triệu tập vẫn không đến, người đó sẽ phải trả 36 dinar cho quan tòa.

XVIII. Nếu một người Do Thái làm bị thương một người Do Thái khác, người đó không được từ chối trả tiền phạt 2 talent, gọi là wandel, cho quan tòa.

XIX. Chúng tôi lệnh rằng không người Do Thái nào được tuyên thệ trước kinh Torah trừ khi người đó được triệu tới trước sự có mặt của [Công tước] chúng tôi.

XX. Nếu một người Do Thái bị giết hại một cách bí mật và nếu qua lời khai bạn bè người đó không thể xác định được ai là người giết người đó nhưng nếu sau một cuộc điều tra, người Do Thái bắt đầu tình nghi ai đó thì chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho người Do Thái một người tranh đấu chống lại kẻ tình nghi này.

XXI. Nếu một người Cơ đốc giơ tay đánh một phụ nữ Do Thái, chúng tôi lệnh chặt tay người đó.

https://thuviensach.vn

XXII. Quan tòa của người Do Thái không được đưa vụ kiện nào giữa người Do Thái ra trước tòa của mình trừ khi ông ta được mời do xảy ra khiếu kiện.

XXIII. Nếu một người Cơ đốc đã lấy lại đồ thế chấp nhưng chưa trả lãi thì tiền lãi sẽ bị tính lãi mẹ đẻ lãi con nếu trong vòng một tháng người đó vẫn chưa trả.

XXIV. Chúng tôi không muốn ai sống trong nhà người Do Thái.

XXV. Nếu một người Do Thái cho người có quyền thế vay tiền có cầm cố tài sản hoặc có giấy ghi nợ và trình được giấy này, chúng tôi giao tài sản cầm cố cho người Do Thái và bảo vệ chỗ tài sản này cho người Do Thái để không bị tấn công cướp bóc.

XXVI. Nếu bất kỳ một người đàn ông hay đàn bà nào bắt cóc trẻ em Do Thái, chúng tôi mong muốn người đó sẽ bị trừng phạt như đối với một tên ăn trộm [tử hình].

XXVII. Nếu một người Do Thái giữ đồ thế chấp của người Cơ đốc được một năm và nếu giá trị món đồ thế chấp không vượt quá số tiền cho vay cộng với lãi thì người Do Thái đó có thể cho quan tòa xem món đồ đó và có quyền bán món đồ đó. Nếu bất kỳ món đồ thế chấp nào được người Do Thái giữ "một năm một ngày" thì sau đó anh ta không phải giải thích về món đồ đó với bất cứ ai.

XXVIII. Người Cơ đốc nào lấy đồ thế chấp từ người Do Thái bằng vũ lực hoặc sử dụng bạo lực trong nhà người Do Thái sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc như với kẻ cướp bóc ngân khố.

XXIX. Không ai được kiện người Do Thái ở bất cứ đâu trừ trước giáo đường của họ, trừ người chúng tôi – những người có quyền triệu tập người Do Thái.

XXX. Chúng tôi lệnh rằng người Do Thái sẽ chỉ nhận 8 dinar tiền lãi một tuần cho một talent… [Tương đương mức lãi suất năm 173,33%. Lãi suất cao như thế không hiếm vì sự bất ổn thời đó].

Viết tại Starkenberg, ngày 1 tháng 7 năm 1244 sau Thiên Chúa nhập thế

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 9.
CÚ SỐC MÔNG CỔ DO THÁI GIÁO LIỆU CÓ THỂ SỐNG SÓT KHI THƯƠNG MẠI VÀ CÁC NỀN KINH TẾ ĐÔ THỊ SỤP ĐỔ?

> Đừng hỏi… điều gì đã xảy ra với người hầu của bạn khi anh ta tới đất nước này, sau khi anh ta đã gặp nguy với người Tatar 3 lần. Lần cuối cùng họ tới là vào buổi sáng ngày ăn kiêng khi chúng ta đang ở al-'Imrāniyya. Họ ở bên ngoài thị trấn, giết tất cả những ai trên đường tới hoặc rời khỏi thị trấn trong khi chúng ta ở trong giáo đường giờ này qua giờ khác chờ đợi kẻ thù sẽ làm gì… Cuối cùng chúng ta đi ra, thấy bên ngoài đầy người chết.

—Thư giữa một người Do Thái ở Mesopotamia với một người Do Thái ở Ai Cập, 1236

CHUYẾN HÀNH TRÌNH LỊCH SỬ CỦA CHÚNG TÔI RỜI châu Âu Trung Cổ, đưa chúng tôi quay trở lại Trung Đông và Bắc Phi dưới sự cai trị của người Hồi giáo khoảng năm 1170 thời chuyến đi của Benjamin xứ Tudela. Đa số người Do Thái trên thế giới sống trên vùng lãnh thổ rộng lớn của người Hồi giáo trải dài từ Ba Tư tới Morocco với các cộng đồng ở Samarkand, Isfahan, Baghdad, Basra, Mosul, Kufa, Aden, Damascus, Cairo, Alexandria. Hầu hết người Do Thái làm nghề thủ công, buôn bán địa phương, thương mại đường dài, cho vay lãi, ngân hàng, nghề y và rất nhiều các công việc đô thị đòi hỏi tay nghề khác.

Vào giữa thế kỷ 10, Đế chế Abbasid chia thành nhiều tỉnh tự trị với vua chúa, quân đội, thuế má địa phương gần như độc lập hoàn toàn, và quyền lực trung tâm của nhà vua ở Baghdad đã suy yếu. Cả vua chúa địa phương lẫn vua chúa Ba Tư cố giành quyền kiểm soát Mesopotamia nhưng triều Abbasid thành công trong việc giữ Baghdad là trung tâm của vương quốc bị chia năm xẻ bảy. Nền văn minh Hồi giáo đạt những đỉnh cao mới, đạo Hồi phát triển ở châu Phi và châu Á, thương mại tiếp tục phát triển mạnh nhờ vào việc đi lại tương đối dễ dàng và an toàn trong đế chế. Tương tự như vậy, Ai Cập và Maghreb dưới triều Fatimid thế kỷ 10-11 và triều Ayyubid cuối

https://thuviensach.vn

thế kỷ 12 đầu thế kỷ 13 là những nền kinh tế đô thị sôi động, ngã tư của các tuyến giao thương nối toàn bộ vùng Địa Trung Hải tới Ấn Độ Dương.[520]

Tình hình thay đổi mạnh mẽ từ đầu thế kỷ 13. Năm 1206, Thành Cát Tư Hãn bắt đầu làn sóng xâm lược đầu tiên của người Mông Cổ, tàn phá hầu hết châu Á và Trung Đông trong hai thế kỷ sau đó, thiết lập một trong những đế chế lớn nhất trong lịch sử. Trước khi Thành Cát Tư Hãn qua đời năm 1227, đế chế của ông bao gồm một vùng lãnh thổ rộng lớn trải dài từ Bắc Trung Hoa tới Biển Caspian và từ Bắc Ba Tư và Pakistan tới tận Ba Lan.

Một trong những hệ quả kinh tế quan trọng nhất của những cuộc xâm lược này là việc cắt đứt tuyến thương mại từ Trung Hoa và các nơi khác ở châu Á tới châu Âu. Tương mại suy thoái làm mất ổn định nền kinh tế trên toàn bộ vương quốc Abbasid. Cả vua chúa và thường dân các vương quốc Hồi giáo trong những năm 1220 đều lo sợ đội quân Mông Cổ không thể cản bước có sức tàn phá ghê gớm. Đâu là tác động của sự rối loạn địa chính trị này đối với cộng đồng Do Thái lớn, thịnh vượng ở Trung Đông và Bắc Phi được mô tả trong nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela chỉ mới 50 năm trước đó?

https://thuviensach.vn

CUỘC CHINH PHỤC TRUNG ĐÔNG HỒI GIÁO CỦA NGƯỜI MÔNG CỔ

Năm 1219, sau khi chinh phục hầu hết Trung Á, Tành Cát Tư Hãn xâm lược Bắc Ba Tư và Armenia. Trên đường tới Trung Đông, Tành Cát Tư Hãn cướp phá nhiều thành phố trong đó có Samarkand, một trong những thành phố lớn nhất, thương mại nhất dọc Con đường tơ lụa từ châu Âu sang Trung Hoa, là nơi sinh sống của một cộng đồng Do Thái giàu có. (Trong nhật ký hành trình của mình, Benjamin xứ Tudela liệt kê 50.000 người Do Thái ở Samarkand. Do không tới thành phố này nên có lẽ ông chỉ ghi lại những gì mình nghe nói. Tậm chí nếu số lượng người Do Thái ở Samarkand không như con số Benjamin đưa ra thì các nguồn sử liệu khác khẳng định có những cộng đồng Do Thái tương đối lớn sống ở Trung Á dọc theo Con đường tơ lụa). Tành Cát Tư Hãn dùng quân đội vừa để xâm chiếm lãnh thổ mới đồng thời kiểm soát đế chế mới thành lập. Chiến lược quân sự cơ bản của người Mông Cổ là gieo rắc sợ hãi, kinh hoàng, cướp bóc, lấy đi tất cả tài sản quý giá, lương thực cho quân đội, cho người dân Mông Cổ, áp đặt thuế má nặng nề dưới nhiều hình thức.[521]Do đó, các trung tâm đô thị sụp đổ, sản xuất nông nghiệp sụt giảm mạnh, dân số những vùng lãnh thổ bị xâm lược giảm mạnh do bị thảm sát, dịch bệnh và nạn đói.

Benjamin xứ Tudela và các nguồn tư liệu Trung Cổ khác ghi lại rằng vào cuối thế kỷ 12, các cộng đồng Do Thái tương đối lớn sống ở hầu hết các trung tâm đô thị ở Bắc Ba Tư sau này bị quân Mông Cổ chinh phục. Ghi chép lữ hành thời Trung Cổ cũng như kho thư từ phúc đáp hay rất nhiều tư liệu trong kho lưu trữ Cairo đều không có bằng chứng gì về các đợt di cư lớn tới châu Âu của người Do Thái từ Ba Tư. Do đó, khi đội quân của Thành Cát Tư Hãn bắt đầu cuộc chinh phạt Ba Tư năm 1219, người Do Thái Ba Tư có lẽ cũng đông và quan trọng như cách đó 50 năm. Không có khả năng người Do Thái Ba Tư tìm cách bỏ chạy tới châu Âu do sự đe dọa của quân Mông Cổ vì quân Mông Cổ kiểm soát tất cả những con đường chính dẫn tới phía tây nhằm ngăn chặn bất cứ mối đe dọa tiềm tàng nào từ quân Hồi giáo.

https://thuviensach.vn

Khi Thành Cát Tư Hãn qua đời, con trai ông là Oa Khoát Đài tiếp tục chinh phạt Ba Tư và Mesopotamia. Một số bằng chứng thú vị về chiến dịch quân sự này nhìn từ quan điểm các cộng đồng Do Thái ở Trung Đông có trong tư liệu kho lưu trữ Cairo. Một bức thư do một thành viên hàng đầu của cộng đồng Do Thái lớn ở thành phố Mosul (bên bờ sông Tigris ở Bắc Mesopotamia) viết tháng 12 năm 1236 – được trích trong phần đề dẫn chương này – mô tả sự tàn phá của quân Mông Cổ. Bức thư được gửi tới nasi, lãnh tụ cộng đồng Do Thái ở Ai Cập, người lúc đó sống ở Fustat (Cairo). Bức thư mô tả ông ta, cùng với một vài người Do Thái khác, thoát khỏi cuộc tấn công của quân Mông Cổ khi họ đang ở trong giáo đường thị trấn Imrania. Thị trấn này là một trung tâm thương mại lớn nằm cách Mosul khoảng 100 km về phía đông cạnh một pháo đài quan trọng tên là Irbil vốn cũng được nói tới trong nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela. Người Mông Cổ không tấn công tòa giáo đường; trong đêm, một nhóm vài người trèo lên núi, nấp sau những cái cây, trông thấy khoảng 50 kỵ binh Mông Cổ. Họ trốn ở đó tám ngày; khi quay trở lại thị trấn, họ thấy thị trấn toàn xác người chết.[522]

Bức thư này và các bằng chứng lịch sử khác soi rọi tình hình địa chính trị, kinh tế ở Ba Tư và Mesopotamia dưới sự đe dọa của quân xâm lược Mông Cổ, nhấn mạnh ba điểm quan trọng cụ thể. Tứ nhất, người Do Thái khắp Trung Đông và Bắc Phi hoàn toàn hiểu hậu quả thảm khốc của việc quân Mông Cổ và triển vọng u ám nếu quân Mông Cổ xâm lược Ba Tư đưa chiến dịch quân sự tới Mesopotamia. Tứ hai, chiến thuật quân sự của người Mông Cổ bao gồm các cuộc đột kích để gây bất ngờ và làm quân địch cũng như dân chúng địa phương hoảng sợ; do đó, rất ít người có thể chạy thoát hay sống sót một khi quân Mông Cổ quyết định chinh phục một thị trấn hay một ngôi làng. Tứ ba, người Do Thái không có kế hoạch di cư tới châu Âu tuy họ biết về mối đe dọa tiềm tàng của quân Mông Cổ đối với toàn bộ Đế chế Abbasid.

Trong lúc đó, mối đe dọa Mông Cổ bắt đầu hiện ra ở châu Âu. Năm 1236, Oa Khoát Đài mở rộng chiến dịch quân sự tới Đông Âu. Đội quân của ông

https://thuviensach.vn

giành quyền kiểm soát Matxcơva năm 1238 và Kiev tháng 12 năm 1240. Người Mông Cổ cai trị nước Nga tới tận giữa thế kỷ 15. Đầu tháng 12 năm 1241, sau khi đánh bại quân Hungary và Ba Lan trong vài trận chiến đấu, quân Mông Cổ tiến về Vienna, đe dọa đưa sức mạnh tàn phá của họ tới phần còn lại của châu Âu. Cái chết của Oa Khoát Đài ngày 11 tháng 12 buộc quân Mông Cổ phải rút lui và từ bỏ kế hoạch xâm chiếm Tây Âu. Sau vài năm tranh chấp gia đình, Mông Kha, cháu trai Tành Cát Tư Hãn trở thành Đại Hãn. Đầu những năm 1250, vua chúa châu Âu và giáo hoàng tìm cách thỏa thuận với quân Mông Cổ nhằm ngăn chặn sự xâm lược châu Âu và hướng sự bành trướng quân sự của Mông Cổ về phía Trung Đông Hồi giáo.

Khi những sự kiện này diễn ra, người Do Thái ở Mesopotamia là cộng đồng Do Thái lớn nhất thế giới. Khả năng xâm lược Mesopotamia của người Mông Cổ đặt ra mối đe dọa đối với nền kinh tế đô thị, thương mại của khu vực và đối với nhiều người Do Thái làm nghề thủ công, chủ cửa hàng, thương mại, nghề y, đổi tiền, cho vay lãi.

Năm 1252, Mông Kha đưa người em trai mình là Húc Liệt Ngột lên nắm quyền chỉ huy quân đội với nhiệm vụ chinh phục Trung Đông và giành quyền kiểm soát hoàn toàn toàn bộ lãnh thổ người Hồi giáo. Quân Mông Cổ một lần nữa tiến vào Ba Tư, thảm sát giáo phái Hồi giáo được biết đến ở châu Âu với tên gọi giáo phái Ám sát (*Isma'ilis*), mở đường tiến vào Baghdad tháng 2 năm 1258. Sau khi vua Abbasid từ chối tối hậu thư kêu gọi đầu hàng, quân Mông Cổ phá hủy Baghdad, một trong những thành phố lớn nhất thế giới thời đó. Hầu hết người Hồi giáo Sunni bị giết. Ngược lại, người Cơ đốc, người Do Thái, người Hồi giáo Shia gần như thoát chết vì người Mông Cổ cho họ là phản đối chế độ Abbasid.[523] Hàng trăm ngàn người dân (một số nguồn nói 800 nghìn người) bị thảm sát, chết đói hay chết vì bệnh tật. Baghdad đánh mất vị thế là thủ đô tôn giáo, văn hóa của đạo Hồi, thành phố bị hủy diệt đặt dấu chấm hết cho vương quốc Abbasid.[524]

Năm 1259, đội quân của Húc Liệt Ngột tiến vào Damascus nơi người Cơ đốc đón chào họ như là một phần trong nỗ lực của người Cơ đốc châu Âu thiết lập liên minh với người Mông Cổ chống lại Đế chế Abbasid. Người

https://thuviensach.vn

Mông Cổ sau đó tiến về Ai Cập, không động đến các thành phố thuộc quyền cai trị của đội quân Tập tự chinh trên bờ biển Địa Trung Hải như Akko (Acre) ở Xứ Israel hay Tyre và Tripoli ở Lebanon. Ngày 3 tháng 9 năm 1260, người Mamluk cai trị Ai Cập chặn đứng chiến dịch quân sự của Mông Cổ trong trận Ain Jakut ở đông Galilee.[525]

Trận chiến này là một bước ngoặt vì đây là lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu công cuộc bành trướng về phía tây, người Mông Cổ bị đánh bại và từ bỏ nỗ lực chinh phục Trung Đông, Bắc Phi và châu Âu. Một trong những lý do cho sự thất bại này là Húc Liệt Ngột quay trở về châu Á với phần lớn đội quân của mình, lên kế hoạch kế vị Mông Kha, người trước đó đã qua đời. Dù vậy, đội quân Mông Cổ ở lại đối đầu với người Mamluk ở Ain Jalut có quy mô tương tự đội quân của người Mamluk. Nhờ vào chiến thuật của các tướng lĩnh Mamluk, quân xâm lược bị buộc phải rút lui; nhiều quân Mông Cổ bị giết; phó của Húc Liệt Ngột là Ket Buqa Noyan bị bắt và xử tử. Trên đường quay trở về Mesopotamia, quân Mông Cổ sống sót sau trận chiến với người Mamluk gây ra thêm phá hoại và thảm sát. Húc Liệt Ngột chuyển thủ đô của Hãn quốc từ Baghdad tới Tabriz ở Bắc Ba Tư, càng làm giảm vai trò quan trọng của Mesopotamia thời Abbasid.

Năm 1291, người Mamluk quay trở lại Xứ Israel, đánh bại những đội quân Tập tự chinh cuối cùng ở các cảng biển. Từ cuối những năm 1290 tới tận năm 1517 khi Đế chế Ottoman giành quyền kiểm soát khu vực này, vương quốc Mamluk với thủ đô ở Damascus cai trị Xứ Israel, Syria, Lebanon, Ai Cập và hầu hết Bắc Phi. Trong gần như cùng thời kỳ, Hãn quốc Mông Cổ kiểm soát Ba Tư, Mesopotamia, Armenia, Tiểu Á, gần như đánh dấu sự kết thúc của nền kinh tế từng là nền kinh tế đô thị, thương mại sôi động của Trung Đông.

https://thuviensach.vn

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Ở TRUNG ĐÔNG THỜI MÔNG CỔ CAI TRỊ

Vào đỉnh cao sự cai trị của người Hồi giáo từ đầu thế kỷ 8 tới cuối thế kỷ 11, kinh tế Trung Đông và Bắc Phi phát triển mạnh. Tiến bộ khoa học công nghệ, sản lượng nông nghiệp, công nghiệp gia tăng, nền kinh tế thương mại sôi động với thương mại kết nối bán đảo Iberia với vùng Viễn Đông, đô thị hóa đồng thời diễn ra, đưa Mesopotamia, Ba Tư, Yemen, Syria, Lebanon, Ai Cập, vùng Maghreb, bán đảo Iberia, Sicily của nhà Umayyad, Abbasid, Fatimid vào hàng các khu vực giàu có nhất, đô thị hóa nhất, có vai trò văn hóa quan trọng nhất trong lịch sử thế giới. Trong thời kỳ này, các thành phố ở Trung Đông, Bắc Phi, bán đảo Iberia, Sicily lớn hơn nhiều so với các trung tâm đô thị ở châu Âu (xem Bảng 1.4). Benjamin xứ Tudela và các nhà lữ hành khác ghi lại một cách đầy sửng sốt sự giàu có và mức sống cao của người Cơ đốc, người Do Thái, người Hồi giáo sống ở các thành phố, thị trấn, làng mạc ở những khu vực này.

Cuộc xâm lược của người Mông Cổ làm thay đổi mạnh mẽ bức tranh này. Mesopotamia và Ba Tư trải qua thay đổi căn bản về kinh tế xã hội, kinh tế, dân số suy giảm thảm hại. Các trung tâm đô thị lớn như Baghdad, Mosul, Basra trở thành các thị trấn nhỏ hơn nhiều. Ví dụ, vào giữa thế kỷ 14, dân số Baghdad vào khoảng 60.000 người – vẫn là con số tương đối lớn so với các thành phố châu Âu thời đó nhưng ít hơn nhiều so với hồi thế kỷ 9-10 khi dân số Baghdad đạt khoảng 600.000 tới một triệu người.[526]

Cho tới tận khoảng những năm 1290, các hãn Mông Cổ áp đặt lối sống du mục ở những vùng đất mới chinh phục. Họ cũng áp thuế cao, đòi được cống nạp. Do số nông dân không có khả năng trả nợ tăng nên nhiều người trở thành nô lệ nông nghiệp – một vị trí trước kia chưa từng nghe tới trong thế giới Hồi giáo nơi nông dân được xem là người tự do. Khoảng 50-90% các làng ở những tỉnh chính của Ba Tư và Mesopotamia bị bỏ hoang, và theo ghi chép chi tiết trong sử biên niên của Rashiduddin Fazlullah, chỉ một phần mười đất ở Ba Tư vẫn được canh tác.[527] Diện tích đất canh tác ở Mesopotamia giảm 50%.

https://thuviensach.vn

Doanh thu từ thuế của tất cả các tỉnh ở Ba Tư và Mesopotamia giảm gần 90% từ cuối thế kỷ 13 tới khi kết thúc sự kiểm soát của người Mông Cổ ở khu vực này thế kỷ 14. Thuế xuất tăng nhưng doanh thu từ thuế giảm gần 90% cho thấy thu nhập chịu thuế hẳn phải giảm hơn 90%. Nghề thủ công và thương mại cũng không thoát được tình cảnh này. Thợ thủ công và các công nhân đô thị khác làm việc cật lực dưới điều kiện báu nô lệ, lương được trả bằng một số loại hàng hóa nhất định do tầng lớp cai trị Mông Cổ quy định. Chủ cửa hàng, nhà buôn phải trả thuế cao (30-70% doanh thu). Tuế cao cộng với dân số suy giảm giáng một đòn chí mạng đối với nền kinh tế đô thị, thương mại của Ba Tư và Mesopotamia.

Vào cuối thế kỷ 13, doanh thu từ thuế sụt giảm mạnh cùng với ngân khố gần như trống rỗng của hãn quốc khiến tầng lớp cai trị Mông Cổ đưa tiền giấy vào giao dịch thương mại ở Mesopotamia và Ba Tư như họ đã làm trước đó ở Trung Hoa. Bằng cách này, tiền xu có thể được giữ lại trong ngân khố. Tiền giấy ngân hàng được phát hành từ thủ đô hãn quốc là Tabriz. Người dân cố tránh dùng tiền giấy vì giá trị tiền giảm (lạm phát). Tuy nhiên, chế độ hãn quốc buộc họ phải chấp nhận sử dụng tiền giấy nếu không sẽ bị khép tội chết. Hệ quả của động thái này thật bi thảm đối với nghề thủ công và thương mại: chợ, cửa hàng bị đóng, các hộ gia đình gặp khó khăn trong việc tìm mua hàng.

https://thuviensach.vn

DÂN SỐ DO THÁI THỜI MÔNG CỔ VÀ MAMLUK: THÍ NGHIỆM

Khoảng năm 1170, có khoảng 800.000 tới một triệu người sống ở Mesopotamia, Ba Tư, bán đảo Ả-rập (chủ yếu ở Yemen) dưới triều Abbasid, trong khi đó có khoảng 70.000 người sống ở Bắc Phi và khoảng 55.000 người ở Syria và Lebanon dưới thời Ayyubid (xem Bảng 1.7 và phụ lục, Bảng A.1, A.2). Đầu thế kỷ 16 khi các vua Ottoman cai trị khu vực rộng lớn này, chỉ có khoảng 250.000-300.000 người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư, khoảng 5.000 người ở Ai Cập, khoảng 7.000 người ở Syria và Lebanon. Sụt giảm dân số trong khoảng 300 năm này là một trong những thay đổi lớn nhất trong lịch sử dân số Do Thái. Phần lớn sụt giảm này diễn ra trong một khoảng thời gian thậm chí còn ngắn hơn thế, từ cuối thế kỷ 13 tới cuối thế kỷ 14. Sụt giảm này lớn hơn nếu tính theo tỷ lệ phần trăm và diễn ra nhanh hơn so với sụt giảm dân số Do Thái thời Talmud. Mặc dù vậy, đáng ngạc nhiên là gần như không có công trình lớn nào về lịch sử người Do Thái nói về vấn đề này (trừ tác phẩm của Eliyahu Ashtor và Salo Baron).[528]

Điều gì đã xảy ra với các cộng đồng Do Thái lớn, sống ở đô thị, giàu có, quan trọng ở Trung Đông và Bắc Phi? Có phải các vụ thảm sát, nạn đói, dịch bệnh tấn công Mesopotamia và Ba Tư trong và sau các cuộc chinh phạt của người Mông Cổ là nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm dân số Do Thái đáng kinh ngạc này? Các đợt di cư hàng loạt của người Do Thái tới châu Âu có biến phương Tây trở thành trung tâm mới của người Do Thái trên thế giới không? Việc các hãn Mông Cổ cải sang đạo Hồi và tìm cách cải đạo các cộng đồng thiểu số tôn giáo không phải Hồi giáo có giải thích được sự sụt giảm mạnh dân số Do Thái ở Trung Đông và Bắc Phi không?[529] Hay liệu việc người Do Thái tự nguyện cải sang đạo Hồi – giống như khi họ cải sang đạo Cơ đốc thời Talmud được mô tả ở Chương 5 – giải thích cho một phần trong sự sụt giảm khổng lồ số lượng người Do Thái ở Ai Cập, Mesopotamia, Ba Tư, Syria cuối thế kỷ 13 đầu thế kỷ 14?

https://thuviensach.vn

Ba Tư

Khi các học viện ở Mesopotamia bắt đầu đánh mất vị thế từ giữa thế kỷ 11 đến thế kỷ 12, người Do Thái ở Ba Tư tăng cả về số lượng và sự giàu có. Dựa trên con số của Benjamin xứ Tudela, khoảng năm 1170, dân số Do Thái ở Ba Tư vào khoảng 250.000-350.000 người (xem phụ lục, Bảng A.1, A.2), coi con số ông đưa ra là số người sống ở các thị trấn ông không đến nhưng chỉ nghe nói, cộng thêm số người Do Thái ở những nơi được các nguồn sử liệu khác chứng minh nhưng Benjamin không nói tới hoặc không cung cấp số liệu mặc dù ông thừa nhận sự tồn tại của họ.

Vào giữa những năm 1230, người Mông Cổ đã hoàn thành việc chinh phục Ba Tư, số lượng người Do Thái Ba Tư giảm mạnh. Con số ước tính chuẩn nhất là khoảng năm 1490, có khoảng 100.000-150.000 người Do Thái sống ở Ba Tư.[530] Từ năm 1170 tới năm 1490, tổng dân số Ba Tư (và Mesopotamia) giảm khoảng 35% (Bảng 1.7) trong khi đó dân số Do Thái ở Ba Tư giảm khoảng 58%.

Điều gì đã xảy ra với người Do Thái ở Ba Tư? Tại sao dân số Do Thái Ba Tư giảm mạnh hơn phần còn lại của dân số? Nạn đói, dịch bệnh (bao gồm cả trận Đại Dịch hạch năm 1348 và các trận dịch hạch sau này ở cuối thế kỷ 14 và thế kỷ 15) gây tổn thất lớn cho toàn bộ dân số Trung Đông và người Do Thái không phải ngoại lệ. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, tầng lớp cai trị Mông Cổ không thảm sát các cộng đồng thiểu số tôn giáo (như người Cơ đốc và người Do Thái) như họ đã làm với người Hồi giáo dòng Sunni; do đó, từ quan điểm này, sụt giảm dân số Do Thái nhẽ ra phải ít hơn so với sụt giảm dân số nói chung.

Cũng không có bằng chứng cho thấy người Do Thái Ba Tư bỏ chạy tới Baghdad hay bất cứ thành phố nào khác ở Mesopotamia hay các nơi khác nằm về phía tây Ba Tư trước năm 1260 – có lẽ là do di cư tới Đông Âu hay vùng Balkan khó khăn. Từ năm 1230 tới năm 1241, quân Mông Cổ giao chiến với quân Nga, Ba Lan, Hungary; ở những vùng phía bắc của Ba Tư, Armenia, Anatolia, họ kiểm soát hoàn toàn các tuyến đường chính từ đông sang tây. Sử liệu cũng hoàn toàn không nói gì về những đợt di cư khổng lồ

https://thuviensach.vn

của người Do Thái Ba Tư tới Nam và Tây Âu (xem Chương 7). Phải có cái gì khác khiến dân số Do Thái Ba Tư giảm nhiều hơn so với phần còn lại của dân số.

Tuy quân Mông Cổ tha mạng sống cho người Cơ đốc và người Do Thái cũng như người Hồi giáo Shia nhưng họ cũng gây nhiều tổn thất kinh tế cho những cộng đồng thiểu số tôn giáo này. Với việc các hãn Mông Cổ áp thuế cao đối với mọi hoạt động kinh tế, chắc chắn người Do Thái phải chịu một số phận kinh tế tồi tệ – thậm chí tệ hơn – so với số phận kinh tế của người Hồi giáo địa phương. Lý do là như sau. Trước khi các cuộc xâm lược của người Mông Cổ diễn ra, hầu hết người Do Thái làm các công việc thành thị đòi hỏi tay nghề trong đó có nghề thủ công, chủ cửa hàng, thương mại giúp nâng thu nhập trung bình của họ lên trên mức của phần còn lại của dân số chủ yếu làm nông nghiệp. Với khó khăn kinh tế do cuộc chinh phạt của Mông Cổ gây ra, người Do Thái Ba Tư có lẽ mất thu nhập nhiều hơn và mức sống giảm tương đối lớn hơn. Phải sống trong một nền kinh tế trồng trọt, chăn nuôi tự cung tự cấp, có rất ít cơ hội hoạt động buôn bán, người Do Thái Ba Tư bước vào một thời kỳ đồng hóa, cải đạo sang Hồi giáo kéo dài, điều này có thể giải thích một phần tại sao dân số Do Thái Ba Tư giảm.[531]

https://thuviensach.vn

Mesopotamia

Giống như ở Ba Tư, từ năm 1170 tới năm 1490, tổng dân số Mesopotamia giảm khoảng 35% (Bảng 1.7). Vào thời chuyến du hành của Benjamin xứ Tudela khoảng năm 1170, dân số Do Thái ở Mesopotamia vào khoảng 600.000 người (xem Bảng 1.7 và phụ lục, Bảng A.1, A.2) với Baghdad và vùng phụ cận là nơi sinh sống của khoảng 40.000 hộ Do Thái, nhiều giáo đường, 10 học viện. Vào năm 1490, có khoảng 100.000-150.000 người Do Thái sống ở Mesopotamia – giảm khoảng 80% – trong đó có lẽ có khoảng 1.000-2.000 người sống ở Baghdad.[532]

Điều gì đã xảy ra với cộng đồng Do Thái từng một thời đông đảo, có vị thế ở Mesopotamia? Giống như người Do Thái Ba Tư, người Do Thái Mesopotamia có vẻ như đã thoát được cuộc thảm sát vốn chủ yếu nhằm vào người Hồi giáo dòng Sunni trong cuộc chinh phạt của người Mông Cổ. Các nguồn tin sơ cấp Do Thái cũng như không phải Do Thái đều không nói đến các cuộc thảm sát người Do Thái của tầng lớp cai trị Mông Cổ. Một số vụ đàn áp và tấn công có tổ chức nhằm vào người Do Thái của người Hồi giáo diễn ra năm 1285 và 1291 khi người Hồi giáo rời bỏ Baghdad sau các cuộc tấn công của người Mông Cổ nay quay trở lại thành phố. Hầu hết các giáo đường bị phá hủy, một người Do Thái địa phương làm quan cao trong chính quyền hãn quốc bị giết hại.

Nạn đói, dịch bệnh (bao gồm cả trận Đại dịch hạch năm 1348) gây tổn thất cho dân số Do Thái cũng như với phần dân số còn lại. Người Do Thái Mesopotamia di cư tới Bắc Phi và Syria nhưng không nhiều. Không có ghi chép về di cư hàng loạt của người Do Thái từ Mesopotamia tới Đông hay Tây Âu trong hai thế kỷ rưỡi sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ. Do đó, chiến tranh, dịch bệnh, di cư không thể giải thích cho sự sụt giảm lớn, đột ngột dân số Do Thái ở Mesopotamia từng một thời rất đông. Sự sụt giảm có lẽ phần nào phản ánh việc một số lớn người Do Thái Mesopotamia cải sang đạo Hồi.[533]

Những trường hợp cải đạo này diễn ra vào lúc tình hình kinh tế của người Do Thái ở Mesopotamia sa sút. Kinh tế khu vực thời Hãn quốc sụp đổ – trái

https://thuviensach.vn

ngược với quá trình đô thị hóa, tăng trưởng kinh tế thời vương quốc Abbasid – gây ảnh hưởng nặng nề cho người Do Thái Mesopotamia trước đây làm những công việc thành thị nhất, đòi hòi tay nghề thời kỷ nguyên vàng của Đế chế Abbasid. Trong nền kinh tế sa sút này, cấu trúc đô thị của đời sống Do Thái dựa trên giáo đường, trường học, học viện không thể tồn tại. Sự biến mất hoàn toàn của các học viện ở Mesopotamia và của ban lãnh đạo Do Thái giàu có của "ngôi nhà của David" vẫn được Benjamin xứ Tudela ca ngợi năm 1170 là một dấu hiệu rõ ràng cho thấy kinh tế của người Do Thái ở Mesopotamia hai thế kỷ rưỡi sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ rất khó khăn.

https://thuviensach.vn

Ai Cập và Syria

Từ năm 1170 tới năm 1490, dân số Ai Cập và phần còn lại của Bắc Phi giảm khoảng 6%, dân số Syria và Lebanon khá ổn định (Bảng 1.7). Khoảng năm 1170, số lượng người Do Thái vào khoảng 40.000 ở Ai Cập. khoảng 30.000 ở phần còn lại của Bắc Phi, xấp xỉ 55.000 ở Syria và Lebanon. Tuy có một số người Do Thái di cư từ Mesopotamia và Ba Tư tới Syria và Bắc Phi sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ, vào năm 1490, số người Do Thái ở Ai Cập không vượt quá 5.000 người và ở Syria không giảm quá 7.000 người. [534]

Tại sao dân số Do Thái ở Ai Cập và Syria giảm nhiều hơn so với phần còn lại của dân số những khu vực này? Năm 1201-1202, có một trận dịch hạch và nạn đói khủng khiếp làm rất nhiều người chết. Các trận dịch hạch liên tiếp – bắt đầu với trận nổi tiếng nhất, trận Đại Dịch hạch năm 1348 – gây tổn thất nặng nề cho dân số Bắc Phi và Levant trong đó có người Do Thái thế kỷ 14-15. Ngoài những yếu tố giải thích cho sụt giảm dân số nói chung và sụt giảm dân số Do Thái nói riêng, cải đạo có thể lý giải tại sao dân số Do Thái ở Bắc Phi và Syria giảm mạnh hơn so với phần còn lại của dân số. Tư từ phúc đáp giáo sỹ do con cháu người Maimonide viết cho thấy có một tỷ lệ người Do Thái ở Bắc Phi và Syria đồng hóa hoặc tự nguyện cải sang đạo Hồi, đúng như những gì người Do Thái ở Ba Tư và Mesopotamia đã làm.[535]

https://thuviensach.vn

TẠI SAO DO THÁI GIÁO KHÔNG THỂ TỒN TẠI KHI THƯƠNG MẠI VÀ CÁC NỀN KINH TẾ ĐÔ THỊ SỤP ĐỔ?

Việc một tỷ lệ lớn người Do Thái ở Trung Đông cải sang đạo Hồi trong hai thế kỷ sau cú sốc Mông Cổ không phải một phần trong quá trình cải đạo của toàn bộ dân số. Các vụ cải đạo hàng loạt, tự nguyện hay cưỡng ép, của người dân địa phương sang Hồi giáo đã diễn ra sớm hơn nhiều vào thế kỷ 8 tới thế kỷ 11.[536] Ngược lại, cải đạo của một bộ phận người Do Thái sang Hồi giáo phản ánh sự suy sụp kinh tế ở Trung Đông.

Việc tuân thủ nhiều điều luật và chuẩn mực của Do Thái giáo, trong đó có duy trì giáo đường, trường học, trả lương cho giáo viên, mua sách cho con trẻ, hi sinh thu nhập các cậu con trai có thể kiếm về cho gia đình thay vì đi học, là tốn kém đối với một bộ phận tương đối lớn người Do Thái ở các nền kinh tế nghèo nàn ở Mesopotamia và Ba Tư sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ và ở Bắc Phi và Syria thời Mamluk. Do đó, một tỷ lệ lớn người Do Thái có lẽ đã quyết định không cho con trai đi học ở trường hay giáo đường để có được học vấn tôn giáo Hebrew như Do Thái giáo yêu cầu. Hơn nữa, với việc nghề thủ công, thương mại, nghề cho vay lãi bị ảnh hưởng nghiêm trọng của suy thoái kinh tế thời Hãn quốc và Mamluk, nhiều người Do Thái gặp khó khăn khi tìm việc làm ở những ngành nghề có thu nhập cao bù đắp cho tiền họ đã bỏ ra để đầu tư cho học chữ, giáo dục. Họ có thể chỉ làm nông hoặc sống ở các thành phố như những người làm công ăn lương hay chủ cửa tiệm nghèo giống như phần còn lại của dân số.

Cải sang đạo Hồi giải phóng họ khỏi yêu cầu tôn giáo phải giáo dục con cái – một khoản đầu tư tốn kém không mang lại lợi nhuận ở các nền kinh tế nay không còn là những nền kinh tế đô thị, thương mại sôi động ở các vương quốc Umayyad, Abbasid, Fatimid. Tất nhiên, cải đạo có thể xảy ra vì những lý do không liên quan đến chi phí giáo dục con cái Do Thái giáo yêu cầu. Nhưng thật thú vị khi thấy rằng một bộ phận người Do Thái ở Trung Đông, Bắc Phi, Syria không đồng hóa hay cải đạo sang Hồi giáo khi những vùng này là các nền kinh tế thương mại giàu có. Ngược lại, một tỷ lệ người Do Thái cải đạo khi những vùng này một lần nữa trở thành các xã hội trồng

https://thuviensach.vn

trọt, chăn nuôi như trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất – thời kỳ còn lại trong lịch sử Do Thái khi người Do Thái cải đạo (sang Cơ đốc giáo).

Những sự kiện lịch sử này trùng khớp với giả thuyết chúng tôi trình bày ở Chương 4, dự đoán rằng trong mỗi thế hệ, một tỷ lệ người Do Thái cải đạo vì chi phí ở lại Do Thái giáo bù đắp cho lợi nhuận. Do Thái giáo phát triển mạnh ở các xã hội đô thị, thương mại và sẽ biến mất khi các nền kinh tế thương mại, đô thị sụp đổ.

https://thuviensach.vn

Tóm tắt

Cuộc chinh phạt của người Mông Cổ để lại những hậu quả dân số, kinh tế thảm khốc cho Trung Đông. Vào khoảng năm 1260, Ba Tư và Mesopotamia thời Hãn quốc Mông Cổ, Bắc Phi và Levant thời Mamluk không còn là những khu vực đông dân cư, đô thị, thương mại phát triển như vào thời đỉnh cao của các vương quốc Umayyad, Abbasid, Fatimid từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 11. Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi du mục tự cung tự cấp trở thành nguồn thu nhập chính cho hầu hết các hộ gia đình trong đó có các hộ gia đình Do Thái. Tuế má nặng nề làm giảm thu nhập từ nông nghiệp cũng như thu nhập của cư dân đô thị. Sự huy hoàng văn hóa, trí tuệ, đặc trưng của các thành phố và trung tâm đô thị thời các vương quốc Hồi giáo, nay biến mất.

Hầu hết người Do Thái ở những khu vực này cảm thấy khó khăn hơn để tiếp tục làm việc trong những ngành nghề đô thị đòi hỏi kỹ năng, không thể di cư sang châu Âu, nên phải quay sang làm nông hoặc những ngành nghề thu nhập thấp. Đầu tư cho việc học chữ, giáo dục của con cái như yêu cầu của Do Thái giáo trở nên quá tốn kém. Do đó, nhiều người đồng hóa hoặc cải sang đạo Hồi, tôn giáo thống lĩnh khắp khu vực, điều này cho phép họ tránh thuế thân đánh vào các cộng đồng thiểu số tôn giáo, không phải đầu tư cho việc học chữ, giáo dục tôn giáo của con cái.

Trong khi các vụ cải đạo (ngoài dịch bệnh và, ở một mức độ nhỏ hơn, các vụ thảm sát diễn ra sau cuộc xâm lược của quân Mông Cổ) khiến dân số Do Thái ở Trung Đông, Bắc Phi, Syria giảm trong hai thế kỷ rưỡi sau những năm 1250, thì những người chọn cách ở lại Do Thái giáo tiếp tục đầu tư cho học vấn nói chung, học vấn tôn giáo nói riêng của con cái, tiếp tục làm những công việc đô thị đòi hỏi tay nghề, điều này trùng khớp với các dự đoán trong giả thuyết chúng tôi trình bày ở Chương 6 và cũng khớp với các mô tả cộng đồng Do Thái ở Trung Đông, Bắc Phi những năm 1480 trong ghi chép của các nhà lữ hành Do Thái như trình bày trong chương sau.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 10.
TỪ 1492 TỚI NAY: CÂU HỎI MỞ

> Trên khắp thế giới không có thành phố nào đẹp như Damascus… Ở Damascus cũng có 450 hộ gia đình Do Thái, đều là lái buôn giàu có, danh giá, đứng đầu là một người Do Thái thông thái, danh giá, sùng đạo là R. Joseph, làm nghề bác sỹ.
>
> —Giáo sỹ Meshullam ben R. Menahem, 1481

> Kỷ nguyên hiện đại là kỷ nguyên Do Thái, đặc biệt thế kỷ 20 là thế kỷ Do Thái. Hiện đại hóa là mọi người trở thành người thành thị, cơ động, biết chữ, nói năng mạch lạc, có trình độ tri thức cao, biết chăm chút cho cơ thể, linh hoạt trong chọn nghề. Hiện đại hóa là cách trồng người, làm phong phú biểu tượng chứ không phải trồng lúa hay chăn nuôi.
>
> —Yuri Slezkine, Thế kỷ Do Thái, 2004

Cuộc hành trình lịch sử trong cuốn sách này bắt đầu từ năm 70 trước CN khi Đền Thờ thứ hai ở Jerusalem bị đốt phá vĩnh viễn và kết thúc vào năm 1492 với sắc lệnh trục xuất người Do Thái khỏi Tây Ban Nha. Giữa hai sự kiện bi thảm này, lịch sử dân tộc Do Thái được đánh dấu bằng một số đặc điểm độc đáo mà chúng tôi đã giải thích thông qua lăng kính giả thuyết kinh tế. Trước khi tóm tắt những gì chúng tôi đã rút ra, chúng tôi sẽ để cho hai nhà lữ hành Do Thái nổi tiếng đưa chúng tôi tới các cộng đồng Do Thái ở Ai Cập và Levant trong những năm 1480 để xem những cộng đồng này khác như thế nào so với tổ tiên họ – những người sống ở cùng nơi 15 thế kỷ trước.

https://thuviensach.vn

CHÂN DUNG NGƯỜI DO THÁI TRÊN THẾ GIỚI KHOẢNG NĂM 1492

Ngày 4 tháng 5 năm 1481, giáo sỹ Meshullam ben R. Menahem xứ Volterra, Ý, tới Rhodes trên đường tới Ai Cập, Xứ Israel, Syria.[537] Một tháng sau, ông tới Alexandria nơi ông chép có 60 hộ gia đình Do Thái sinh sống. Những gia đình này nhớ lại rằng một vài thập kỷ trước đó, có 4.000 hộ gia đình Do Thái từng sống ở thành phố này. Sau một chuyến đi thuyền tương đối dễ dàng từ Alexandria tới Misr (Cairo) qua ngả Rosetta, Meshullam đếm lại: "ở Misr có 650 hộ gia đình Do Thái, 150 hộ Karaite, 50 hộ Samaria". Mỗi cộng đồng có nơi sinh sống, giáo đường riêng. Giáo sỹ gặp vua Mamluk người "đã đặt lên trên người Do Thái, người Karaite, người Samaria một lãnh chúa Do Thái, giàu có, có học, rất được trọng vọng". Người này là *nagid*, có quyền phân xử mọi vấn đề hình sự, dân sự trong cộng đồng Do Thái. Ở Cairo, Meshullam biết một nhà buôn đá quý Do Thái nổi tiếng người trước đây 22 năm đã tới thăm nhà ông ở Florence. Mối quan hệ này và sự giàu có của ông khiến ông được cộng đồng Do Thái ở Cairo chào đón, tôn trọng.

Từ Cairo, Meshullam đi về phía đông, tới Gaza trước khi tới Hebron và Jerusalem. Ông mô tả đoạn đường này là rất nguy hiểm nên phải thuê người bảo vệ và vài lần phải trả tiền để ông và đối tác không bị người Bedouin địa phương bắt giữ để đòi tiền chuộc. Từ Jaffa, ông đi thuyền tới Beirut, từ đó ông tới Damascus. Meshullam ca ngợi vẻ đẹp và sự giàu có của thành phố đó so với Cairo hay bất cứ thành phố nào ở Ý. Ông kết thúc chuyến hành trình khi trở lại Venice vào tháng 10 năm 1481.

Bảy năm sau, một giáo sỹ, nhà chú giải kinh Mishna Do Thái nổi tiếng khác, Obadiah ben Abraham xứ Bertinoro (một thị trấn gần Forlì ở Ý), đi thuyền tới Jerusalem. Không giống Meshullam quay trở về Ý, Obadiah định cư ở Jerusalem, trở thành lãnh tụ trí tuệ của cộng đồng Do Thái ở đó.

Cả Meshullam và Obadiah cần được ủng hộ của vua Mamluk để đi Ai Cập và từ đó đi Jerusalem. Obadiah ghi lại số hộ gia đình Do Thái ít hơn (500) sinh sống ở Cairo bao gồm cả một nhóm nhỏ người Do Thái đã rời

https://thuviensach.vn

bán đảo Iberia để tránh bị ép cải đạo. Ông cũng mô tả các cộng đồng 150 hộ Karaite và 50 hộ Samaria. Ông ghi lại 60 hộ Do Thái ở Alexandria, 50 hộ ở Bilbeis, 20 hộ ở al-Khanqa. Alexandria được mô tả là có quy mô tương tự Florence, có nhiều tòa nhà lớn nhưng nhiều tòa trong số đó đã đổ nát. Vào cuối thế kỷ 15, theo những nhật ký hành trình này, Ai Cập có vẻ như là nơi sinh sống của khoảng 5.000 người Do Thái, chủ yếu là lái buôn và thợ thủ công sống ở các cộng đồng nhỏ ở nhiều thành phố.

Giống như Benjamin xứ Tudela ba thế kỷ trước, Meshullam và Obadiah ghi lại số hộ gia đình Do Thái ở mỗi nơi họ tới và tên các vị lãnh tụ Do Thái địa phương. Obadiah đề cập đến giáo sỹ Do Thái Ashkenazi của Gaza và sự tồn tại của một cộng đồng Do Thái nhỏ ở Hebron. Ông xác nhận thông tin về cộng đồng Do Thái ở Damascus mà Meshullam cung cấp, ca ngợi sự giàu có, những ngôi nhà, mảnh vườn tuyệt đẹp của cộng đồng Do Thái ở đó.

Obadiah mô tả Jerusalem gần như là một đống đổ nát, không có tường bao quanh, có dân số khoảng 4.000 hộ, trong đó chỉ có 70 hộ người Do Thái. Người Do Thái không bị đàn áp, họ có thể tự do thực hành tín ngưỡng dưới thời vua Mamluk người bổ nhiệm nagid chịu trách nhiệm thu thuế đánh vào tất cả người trưởng thành Do Thái. Cộng đồng Do Thái nhỏ xíu này được chia thành nhóm Ashkenazi và nhóm Sephardic, mỗi nhóm có giáo đường, môi trường tri thức riêng. Người Do Thái từ Damascus, Cairo, Yemen tới thăm Jerusalem. Obadiah chỉ ra rằng người Do Thái Sephardic không biết bộ luật Talmud nhưng tuân thủ rất chặt chẽ các tác phẩm của người Maimonide.

Chúng tôi học được gì từ ghi chép của những nhà lữ hành Do Thái cuối thời Trung Cổ này? Thứ nhất, Cairo và Damascus thời Mamluk là những thành phố lớn, giàu có so với các thành phố, thị trấn ở châu Âu. Người Do Thái sống ở Cairo và Damascus là cư dân đô thị nhìn chung có mức sống cao hơn so với dân cư địa phương chủ yếu làm nông. Các thành phố khác đổ nát điêu tàn, có quy mô nhỏ so với trước đây.

Thứ hai, các cộng đồng Do Thái ở Ai Cập, Xứ Israel, Syria nhỏ hơn nhiều so với các cộng đồng Benjamin xứ Tudela mô tả ba thế kỷ trước. Các cộng

https://thuviensach.vn

đồng Do Thái chỉ sống ở thành phố; tuy nhỏ song họ vẫn có giáo đường, trường học, tòa án giáo sỹ và các thiết chế cộng đồng khác.

Thứ ba, người Do Thái từ Tiểu Á, vùng Balkan, Ai Cập, Đức, bán đảo Iberia, Ý, Syria, Yemen tới thăm hoặc định cư ở Jerusalem, nhưng trong các bức thư của Meshullam hay Obadiah không thấy nói đến việc người Do Thái từ Mesopotamia và Ba Tư làm như vậy. Một bức thư ngắn của một giáo sỹ, nhà lữ hành Ý Elijah xứ Ferrara viết từ Jerusalem năm 1438 đề cập đến các câu chuyện liên quan tới người Do Thái ở Ethiopia và Ấn Độ.

Thứ tư, các bức thư và ghi chép lữ hành của các giáo sỹ Do Thái cuối thời Trung Cổ không có một dòng nào nói đến sự tồn tại của các cộng đồng Do Thái lớn, giàu có ở Mesopotamia và Ba Tư. Sự im lặng dường như bao quanh cái Benjamin xứ Tudela và các nguồn khác mô tả là các cộng đồng Do Thái lớn nhất, quan trọng nhất trên thế giới vào cuối thế kỷ 12.

Mô tả các nền kinh tế địa phương trong ghi chép lữ hành của Obadiah và Meshullam phù hợp với tình hình kinh tế nói chung ở Ai Cập, Xứ Israel, Mesopotamia, Ba Tư, Syria trình bày ở Chương 9. Tiếp sau sự sụp đổ của Đế chế Abbasid sau cuộc chinh phạt của Mông Cổ là một thời kỳ dài kinh tế suy thoái, dân số nói chung giảm và dân số Do Thái nói riêng cũng giảm một cách đáng kể và bất cân xứng. Thương mại sa sút do an toàn đi lại ngày càng xấu đi, các thành phố thu nhỏ lại. Tuy nhiên, ghi chép của các nhà lữ hành Do Thái cuối thời Trung Cổ cho thấy các cộng đồng Do Thái nhỏ còn sót lại vẫn cam kết cho con trai đi học đúng như yêu cầu của Do Thái giáo. Không có bằng chứng cho thấy có các học viện lớn ở những nơi này, nhưng các nhà lữ hành cuối thời Trung Cổ này nhấn mạnh rằng kể cả ở các cộng đồng nghèo như các cộng đồng ở Rhodes, người Do Thái vẫn biết chữ. Những cộng đồng này thu lời từ việc đầu tư cho giáo dục bằng cách chọn làm những công việc đô thị đòi hỏi tay nghề. Những sự kiện này phù hợp với dự đoán trong giả thuyết chúng tôi trình bày ở Chương 6.

https://thuviensach.vn

LỊCH SỬ DO THÁI, 70 SAU CN – 1492: HỒI KẾT

Lướt nhanh qua nhiều thế kỷ lịch sử Do Thái đặt ra nhiều câu hỏi thú vị. Cuốn sách của chúng tôi trả lời những câu hỏi này – bằng một cách diễn giải lịch sử dân tộc Do Thái mới mẻ. Nhóm câu hỏi đầu tiên là về sự thay đổi đặc trưng trong cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái biến họ từ những người nông dân không biết chữ ở thế kỷ 1 sau CN thành những người biết chữ, có trình độ học vấn cao chủ yếu làm trong lĩnh vực thương mại, ngân hàng, tài chính, luật, nghề y thế kỷ 21. Nhóm câu hỏi thứ hai là tại sao người Do Thái thiết lập một cộng đồng Do Thái hải ngoại khắp thế giới gồm nhiều cộng đồng đô thị nhỏ từ thế kỷ 9 trở đi. Nhóm câu hỏi thứ ba là về lịch sử dân số của người Do Thái. Chúng tôi đặt câu hỏi đâu là những yếu tố đằng sau sự sụt giảm dân số Do Thái thế giới đáng kinh ngạc từ thời Jesus tới thời Muhammad và sau này, sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ cuối thời Trung Cổ.

Chúng tôi đã chỉ ra rằng không một lý thuyết hiện tại nào có thể giải thích tại sao người Do Thái rời bỏ nông nghiệp hay trở thành một dân tộc di cư phiêu bạt. Sau đó chúng tôi chứng minh rằng những nét đặc trưng của người Do Thái là hệ quả của sự chuyển biến sâu sắc của Do Thái giáo sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy. Sự thay đổi này dẫn đến thay đổi trong ban lãnh đạo tôn giáo của cộng đồng Do Thái, biến Do Thái giáo từ một tín ngưỡng dựa trên nghi lễ hiến sinh ở đền thành một tôn giáo có chuẩn mực chính là tất cả đàn ông Do Thái phải đọc, nghiên cứu kinh Torah bằng tiếng Hebrew, phải cho con trai 6-7 tuổi tới trường tiểu học hoặc giáo đường để học kinh Torah bằng tiếng Hebrew. Bằng chứng từ bộ luật Talmud, thư từ phúc đáp của những chủ học viện đầu tiên, di chỉ khảo cổ của các tòa giáo đường cho thấy thời Talmud (thế kỷ 3-6), có một tỷ lệ ngày càng lớn nông dân Do Thái chấp hành chuẩn mực tôn giáo mới này.

Tỷ lệ biết chữ nói chung và giáo dục tôn giáo nói riêng của người Do Thái vốn chủ yếu sống ở nông thôn tăng trong khi dân số Do Thái thế giới giảm. Dân số Do Thái thế giới giảm một phần do một số người tự nguyện cải sang Cơ đốc giáo trong các nền kinh tế nông nghiệp thời Talmud, điều này ủng hộ

https://thuviensach.vn

cho dự đoán trong giả thuyết của chúng tôi về động lực của tín ngưỡng Do Thái: về lâu dài, Do Thái giáo dòng giáo sỹ không thể tồn tại trong các xã hội nông nghiệp tự cung tự cấp vì chi phí đắt đỏ các gia đình Do Thái phải bỏ ra để tuân thủ các chuẩn mực của Do Thái giáo trong đó có quy định tốn kém yêu cầu các ông bố giáo dục con trai mình, không có lợi ích kinh tế đối với việc đầu tư cho học chữ, sẽ khiến một bộ phận người Do Thái rời bỏ Do Thái giáo, chuyển sang các tôn giáo khác có những quy định ít khắt khe hơn.

Tuy nhiên, tỷ lệ biết chữ của người Do Thái cao hơn cộng với hệ thống các thiết chế thực thi giao ước mang lại cho người Do Thái một lợi thế so sánh trong nghề thủ công, thương mại, cho vay lãi so với những người không phải Do Thái khi đô thị hóa diễn ra, ngành sản xuất hình thành, thương mại địa phương, thương mại đường dài tăng trưởng ở vương quốc Abbasid mới thành lập thế kỷ 8-9, tạo ra nhu cầu lớn đối với những ngành nghề này. Đô thị, thương mại phát triển cũng giúp dân số Do Thái ổn định từ thế kỷ 8-12 vì khi người Do Thái chuyển thành cư dân biết chữ sống ở đô thị làm rất nhiều nghề thủ công, thương mại được sự hỗ trợ của các thiết chế thực thi giao ước với tư cách thành viên của cùng cộng đồng tôn giáo, họ có rất ít động cơ để tự nguyện cải sang các tôn giáo khác. Giai đoạn thế kỷ 8-12 cũng đánh dấu kỷ nguyên vàng về trí tuệ của các cộng đồng Do Thái ở Trung Đông và Địa Trung Hải.

Một khi đã bắt đầu, sự chuyển dịch nghề nghiệp và cư trú này không bao giờ đảo ngược mà còn tiến nhanh hơn. Từ đó trở đi, người Do Thái trở thành một nhóm dân nhỏ những người đọc thông viết thạo tiếp tục tìm kiếm cơ hội thu lợi từ đầu tư cho việc học chữ, cho các thiết chế thực thi giao ước. Chúng tôi chứng minh rằng người Do Thái di cư phiêu bạt hồi giai đoạn đầu thời Trung Cổ có liên quan đến việc người Do Thái chuyên làm nghề các công việc đô thị đòi hỏi tay nghề cao nhất như nghề thủ công, thương mại, cho vay lãi, nghề y. Nhu cầu đối với công việc đòi hỏi tay nghề và tình hình kinh tế địa phương khiến người Do Thái cơ động hơn, di cư nhiều hơn để tìm kiếm những nơi cho họ cơ hội kiếm sống từ nghề thủ công, thương mại và sau này là nghề đòi hỏi kỹ năng cao nhất, mang lại nhiều lợi nhuận nhất – nghề cho vay lãi.

https://thuviensach.vn

Chúng tôi chỉ ra rằng sự hình thành các phường nghề, hội buôn, lệnh cấm người Hồi giáo, người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi, các vụ đàn áp người Do Thái, sự tham gia của người Do Thái trong lĩnh vực sản xuất, buôn bán rượu vang tất cả đều không giải thích được tại sao người Do Thái chuyên làm nghề cho vay lãi và có vị trí quan trọng trong nghề này ở châu Âu Trung Cổ. Chúng tôi cung cấp bằng chứng cho thấy việc người Do Thái chuyên làm nghề cho vay lãi có thể được giải thích bằng các lợi thế so sánh của người Do Thái trong bốn loại tài sản đã và vẫn đang là các trụ cột của nghề môi giới tài chính: vốn, mạng lưới quan hệ, biết chữ/biết tính, các thiết chế thực thi giao ước.

Cuối cùng, chúng tôi quay sự chú ý sang lịch sử người Do Thái ở Trung Đông và Bắc Phi trong và sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ, sự kiện gây ra rối loạn địa chính trị đau buồn cho những khu vực này. Chúng tôi đưa ra giải thích tương tự cho sụt giảm dân số Do Thái thời Talmud và sụt giảm dân số Do Thái ở Trung Đông và Bắc Phi trong hai thế kỷ rưỡi sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ. Ở các nền kinh tế nông thôn tự cung tự cấp nơi việc biết chữ không đem lại lợi ích kinh tế gì, nơi gần như không tồn tại các công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị hưởng lợi từ việc biết chữ, việc tuân thủ các quy định tôn giáo họ đề ra trong đó có quy định yêu cầu các ông bố giáo dục con cái ngày càng trở nên đắt đỏ hơn, ít mang lại lợi nhuận hơn đối với một bộ phận đáng kể người Do Thái. Do đó, một số người Do Thái cải đạo.

Một trong những bài học chính 15 thế kỷ lịch sử Do Thái nói đến ở đây mang lại là cả Do Thái giáo dòng giáo sỹ với quy định tôn giáo độc đáo là yêu cầu các ông bố giáo dục con trai lẫn những người Do Thái quyết định tuân thủ quy định này đều phát triển mạnh ở những xã hội đô thị, thương mại, và cả hai đều sẽ biến mất khi thương mại và các nền kinh tế đô thị sụp đổ. Cuốn sách của chúng tôi bổ sung cho tài liệu nghiên cứu mối liên hệ giữa tín ngưỡng và hệ quả kinh tế ngày càng nhiều cũng như tài liệu phân tích mối tương tác giữa giá trị văn hóa, chuẩn mực xã hội, thể chế, hệ quả kinh tế (xem phần giới thiệu) hiểu biết rằng các đặc điểm nổi bật của lịch sử dân số, kinh tế người Do Thái từ năm 70 trước CN tới năm 1492 là do các

https://thuviensach.vn

chuẩn mực xã hội và thiết chế thực thị giao ước mà Do Thái giáo xây dựng hai thiên niên kỷ trước hình thành.

https://thuviensach.vn

ĐƯỜNG ĐI CỦA DÂN TỘC DO THÁI TRONG 500 NĂM QUA

Cuốn sách của chúng tôi kết thúc bằng lịch sử người Do Thái năm 1492. Lịch sử người Do Thái sau năm 1500 sẽ là chủ đề cuộc hành trình học hỏi và cuốn sách tiếp theo của chúng tôi. Trong vài trang tới, chúng tôi muốn nhấn mạnh một số câu hỏi mà lịch sử 500 năm qua của người Do Thái đặt ra. Phần tóm tắt và phân tích sau đó không đi sâu vào chi tiết cũng không bao quát hết mọi khía cạnh. Tuy vậy, chúng tôi hi vọng tạo ra sự tò mò, háo hức muốn tìm hiểu về lịch sử người Do Thái thời cận hiện đại.

Vào năm 1500, dân số Do Thái thế giới đạt mức thấp nhất kể từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất. Các cộng đồng một thời rất lớn, quan trọng ở Mesopotamia, Ba Tư, Ai Cập, Syria mà trong kỷ nguyên vàng lịch sử Do Thái (thế kỷ 9-12) là trung tâm kinh tế, tôn giáo, trí tuệ của đời sống Do Thái nay sa sút cả về số lượng và kinh tế. Cộng đồng người cho vay lãi Do Thái nhỏ nhưng giàu có bị trục xuất khỏi Anh, Pháp. Người Do Thái ở Đức bị đàn áp liên tục, bị trục xuất tạm thời khỏi nhiều thị trấn, trung tâm đô thị.

Bảng 10.1. Dân số Do Thái theo khu vực địa lý, khoảng 1490-1939 (triệu người)

https://thuviensach.vn

Khu vực	Khoảng năm 1490	1939
Đông Âu và vùng Balkan	0,09	8,15
Châu Mỹ	0	5,4
Trung Đông, châu Phi, châu Á	0,27 - 0,37	1,6
Tây Âu	0,51	1,35
Tất cả các nơi	0,8 - 1	16,5

Nguồn: Dữ liệu dân số Do Thái lấy từ Baron (1971b) và DellaPergola (2001, Bảng 2).

Ghi chú: DellaPergola (2001, Bảng 2) ước tính có 1,3 triệu người Do Thái năm 1490. Về giải thích tại sao con số ước tính dân số Do Thái của chúng tôi thấp hơn so với các con số của DellaPergola, xem phần phụ lục, ghi chú Bảng 1.6, 1.7.

Vào cuối thế kỷ 15, dân số Do Thái Sephardic thế giới chưa đến một triệu người.[538] Một nửa trong số đó là người Do Thái sống chủ yếu ở Tiểu Á, vùng Balkan, Ai Cập và Maghreb, bán đảo Iberia, Ý, Xứ Israel, Mesopotamia, Ba Tư, Syria, Yemen. Nửa còn lại là người Do Thái Ashkenazi sống ở Áo, Đức, Hungary, Ý, Hà Lan, Ba Lan, Rumani, Nga, Ucraina. Không có người Do Thái ở Anh, Pháp, bán đảo Scandinavia. Lúc này, cả người Do Thái Sephardic và người Do Thái Ashkenazi là người cho vay lãi, nhà buôn, chủ cửa hàng, thợ thủ công lành nghề, bác sỹ, học giả sống ở thành phố và trung tâm đô thị. Nhìn chung, họ có mức sống tương

https://thuviensach.vn

đối giống nhau ở tất cả các nơi họ sống như ghi chép của các nhà lữ hành Do Thái cuối thời Trung Cổ minh họa.

Quy mô, phân bố địa lý các cộng đồng Do Thái Sephardic và Ashkenazi thay đổi như thế nào trong 500 năm tiếp theo? Vào năm 1939, có khoảng 16,5 triệu người Do Thái (Bảng 10.1): 8,15 triệu ở Đông Âu và Balkan; 5,4 triệu ở châu Mỹ; 1,6 triệu ở Trung Đông, châu Phi và châu Á; 1,35 triệu ở Tây Âu. Trong tổng số 16,5 triệu người Do Thái, có khoảng 2,2 triệu người Sephardic, khoảng 14,3 triệu người Ashkenazi. Ở những nơi họ sống, người Do Thái chiếm khoảng 1% dân số năm 1490 và khoảng 2% năm 1939. Phân bố địa lý và tổng số người Do Thái ở Tây và Đông Âu gần như trùng khớp với phân bố địa lý và tổng số được nói đến trong Nghị định thư Wannsee khét tiếng của Đức quốc xã năm 1942.[539]

Khoảng 450 năm sau khi người Do Thái bị trục xuất khỏi bán đảo Iberia các năm 1492-1497 khi số người Do Thái Sephardic và Ashkenazi tương đương nhau, số người Do Thái Ashkenazi nhiều gấp bảy lần số người Do Thái Sephardic. Thay đổi này là do dân số Do Thái ở Đông Âu như Belarus, Tiệp Khắc, Đức, Hungary, Ba Lan, Rumani, Nga, Ucraina tăng ngoạn mục trong thế kỷ 18-19 lên đến hơn 8 triệu người ngay trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

Điều gì giải thích cho sự thay đổi này?[540] Để trả lời câu hỏi này, trước tiên phải ghi lại kỹ lưỡng các xu hướng chính trong lịch sử dân số người Do Thái sau năm 1500 cũng như các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa chính đánh dấu lịch sử những nơi có người Do Thái di cư sinh sống trong 500 năm qua. Trong dự án nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ tìm hiểu liệu giả thuyết kinh tế chúng tôi sử dụng để giải thích lịch sử dân số người Do Thái từ năm 70 sau CN tới năm 1492 có giúp lý giải lịch sử dân số người Do Thái sau năm 1500 hay không.

https://thuviensach.vn

CẤU TRÚC NGHỀ NGHIỆP ỔN ĐỊNH CỦA NGƯỜI DO THÁI

Sau sắc lệnh trục xuất năm 1492, hầu hết thợ thủ công, lái buôn, người cho vay lãi, bác sỹ Do Thái rời Tây Ban Nha tới Bồ Đào Nha nơi họ chỉ sống một thời gian ngắn trước khi bị trục xuất lại các năm 1496 -1497. Những người ở lại bán đảo Iberia và cải sang Cơ đốc giáo nhưng bí mật giữ lại các truyền thống tôn giáo Do Thái trở thành một nhóm khác biệt có biệt danh Marrano.[541] Nhiều người trong số họ và con cháu họ trở thành những lái buôn hàng đầu trên thế giới trong thế kỷ 16-18. Lái buôn Marrano nhập khẩu gia vị, hàng xa xỉ, hàng dệt, đá quý từ Đông Ấn và châu Mỹ rồi đem bán ở châu Âu. Những lái buôn Marrano khác tham gia các hoạt động thương mại ở châu Phi, Brazil và Tây Ấn. Ngoài bán đảo Iberia nơi việc buôn bán gia vị chiếm một phần quan trọng trong công việc kinh doanh của người Marrano, các trung tâm châu Âu chính nơi các lái buôn này thiết lập công việc kinh doanh thế kỷ 16, đầu thế kỷ 17 là Amsterdam, Antwerp, Hamburg, Leghorn, Venice.[542]

Ở đế chế Ottoman, người Do Thái đóng vai trò quan trọng trong buôn bán lụa, gia vị, đồ trang sức, kết nối châu Âu với Đông và Nam Á. Nhiều người Do Thái bị trục xuất khỏi Bồ Đào Nha những năm 1496-1497 là những nhà sản xuất vũ khí, súng ống, đại bác – những kỹ thuật họ mang theo tới Constantinople.

Nửa sau thế kỷ 17 và trong suốt thế kỷ 18, Amsterdam, London, Ba Lan, Litva trở thành những trung tâm chính của lái buôn Do Thái. Cộng đồng người Do Thái Bồ Đào Nha ở Amsterdam tham gia vào việc buôn bán ở thuộc địa cũng như đầu cơ hàng hóa và cổ phần công ty. Người Do Thái Sephardic ở London tham gia tích cực vào thương mại đường dài với Tây Phi và Tây Ấn. Người Do Thái Ashkenazi ở Ba Lan và Litva kết nối thương mại ở Đông và Tây Âu với phần còn lại của thế giới.

Trong số các loại hàng hóa người Do Thái buôn bán thì kim cương chiếm một vị trí đặc biệt. Người Do Thái trở thành thợ chế tác, nhà buôn kim cương chính từ thời cận đại cho tới tận ngày nay. Đầu tiên là Amsterdam, rồi

https://thuviensach.vn

đến Hamburg, rồi London trở thành tổng hành dinh của các lái buôn Do Thái Sephardic có gốc Bồ Đào Nha và sau này là người Do Thái Ashkenazi những người nhập khẩu kim cương từ Ấn Độ. Tài liệu, sổ sách kế toán của Công ty Đông Ấn Anh cho thấy hầu hết lái buôn kim cương ở Ấn Độ hồi thế kỷ 18 là người Do Thái. Sự thống trị của lái buôn Do Thái trong ngành chế tác, buôn bán kim cương tiếp diễn khi Brazil giữa thế kỷ 18 và Nam Phi cuối thế kỷ 19 trở thành những nhà cung cấp kim cương chưa cắt chính.[543]

Người Do Thái Ashkenazi ở Đông Âu thống trị trong việc thành lập, điều hành các nhà máy tiền nhất là ở Hamburg và Praha. Cuối thế kỷ 17 và trong thế kỷ 18, người Do Thái ở Bohemia, Galicia, Đức, Hungary, Moravia, Ba Lan, Nga sản xuất, bán nhiều loại hàng hóa, dịch vụ cho người dân địa phương. Những ngành doanh nhân, lái buôn Do Thái hoạt động mạnh nhất ở các thị trấn Đức và Nga là khai thác mỏ và luyện kim. Người Do Thái cũng là những người đầu tiên phát triển các mỏ than ở Đông và Trung Âu, người đầu tiên xuất khẩu than sang Anh hồi thế kỷ 18-19.[544]

Tuy nhiều người Do Thái Ashkenazi đóng vai trò dẫn dắt trong các nền kinh tế ở Trung và Đông Âu, đa số người Do Thái ở những khu vực này còn nghèo và sống rải rác ở những nơi bán đô thị nhỏ ở nông thôn trong đó có những khu Do Thái. Các nhà văn thế kỷ 19-20, điều tra dân số, tài liệu thuế trước năm 1939 đều mô tả người Do Thái ở đây khá nghèo, chủ yếu làm các nghề thủ công. Cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái trên thế giới khoảng năm 1930 do Kuznets thu thập và phân tích cho thấy tỷ lệ lực lượng lao động Do Thái ở Trung và Đông Âu làm nông là rất nhỏ (1-9%) (Bảng 2.4.).

Cuộc trở về Anh thế kỷ 17, gần bốn thế kỷ sau khi bị trục xuất năm 1290, là ví dụ hoàn hảo cho câu chuyện thành công của nhiều nhà buôn, nhà tài phiệt, nhà khoa học, học giả Do Thái sau năm 1500. Khoảng năm 1656, Oliver Cromwell, quan bảo quốc Anh, chấp nhận lời đề nghị của giáo sỹ Menasseh ben Israel, một trong những lãnh tụ của cộng đồng Do Thái ở Amsterdam, cho người Do Thái quay trở lại London với cam kết tự do kinh tế, tôn giáo. Cromwell tin rằng với mối quan hệ và mạng lưới thương mại

https://thuviensach.vn

của họ với Tân thế giới, người Do Thái có thể biến London thành một trung tâm thương mại tầm cỡ như Amsterdam. Về phần mình, các lái buôn và người môi giới chứng khoán Do Thái ở Amsterdam dự báo nước Anh có thể trở thành trung tâm thương mại, tài chính quốc tế hàng đầu. Trong số những người Do Thái nổi bất nhất của làn sóng di dân tới Anh này có David Ricardo, một trong những người tiên phong của kinh tế học và là cha đẻ của thuyết lợi thế so sánh. Ricardo là ví dụ điển hình cho lịch sử của một số nhỏ người Do Thái trở thành các lãnh tụ tri thức, khoa học thời cận hiện đại và hiện đại.[545]

Những người Do Thái như nhà triết học Baruch Spinoza (1632-1677), nhà kinh tế học David Ricardo (1772-1823), chính khách Benjamin Disraeli (1804-1881) là những ngoại lệ trước thế kỷ 19. Theo ghi chép của Joel Mokyr, người Do Thái đóng góp rất ít cho sự phát triển ý tưởng, công nghệ hay thể chế thời Cách mạng khoa học, thời Khai sáng hay thời Cách mạng công nghiệp.[546] Vai trò nhỏ bé trong những lĩnh vực này tương phản rõ rệt so với vai trò to lớn của người Do Thái trong ngành thương mại, tài chính từ thế kỷ 17-19. Chỉ từ nửa sau thế kỷ 19 người Do Thái mới đóng vai trò quan trọng trong khoa học, công nghệ, triết học, văn học.[547] Tại sao vậy?

Thành công đáng ghi nhận của người nhập cư Do Thái ở Mỹ là ví dụ điển hình cho hành trình lịch sử của họ.[548] Khoảng hai nghìn người Do Thái – hầu hết có nguồn gốc Sephardic – sống ở các vùng thuộc địa năm 1776. Hầu hết sống ở các thành phố cảng bờ biển phía đông, kiếm sống bằng việc mở cửa hàng, buôn bán, nhập khẩu hàng dệt, rượu vang, trà, máy móc thiết bị từ châu Âu, xuất khẩu ngũ cốc, lông thú, cá, gỗ xẻ. Họ cũng tham gia vào nền tài chính quốc tế. Công cuộc tây tiến, mở rộng biên giới mang lại cho người Do Thái nhiều cơ hội hơn tiến vào các ngành công nghiệp, thương mại khác như bảo hiểm, ngân hàng, khai mỏ, vận chuyển, đầu tư và xây dựng đường sắt, xây dựng nhà đất. Giữa thế kỷ 19, người nhập cư Do Thái Đức định cư khắp nước Mỹ. Thường khởi đầu bằng việc bán dạo, họ chuyển sang kinh doanh nhỏ; một số lập ra doanh nghiệp bán lẻ quy mô lớn. Cuối thế kỷ 19, một số nhà doanh nghiệp Do Thái là nhà sáng lập các cửa hàng bách hóa

https://thuviensach.vn

thành công nhất ở Mỹ. Vào năm 1880, những người nhập cư Do Thái Đức và con cháu họ chiếm khoảng 55% trong tổng số 250.000 người Do Thái ở Mỹ.

Làn sóng nhập cư Do Thái lớn nhất diễn ra từ năm 1880 đến năm 1920 khi khoảng 1,5 triệu người Do Thái Đông Âu và Nga nói tiếng Yiddish tới định cư ở Mỹ. Hầu hết họ tới Mỹ mà không có vốn liếng gì, tuy nghèo nhưng biết chữ. Những người Do Thái này là tổ tiên của hầu hết người Do Thái Mỹ ngày nay. Khởi đầu với nghề buôn bán, nghề thủ công, lao động tay chân trong ngành sản xuất quy mô nhỏ, bán lẻ ở các thành phố công nghiệp phía Bắc và trung tây, họ nhanh chóng vươn lên tầng lớp trung lưu và thượng – trung lưu.

Trong suốt thế kỷ 20, con cháu họ đạt được những thành tựu kinh tế rất ấn tượng. Vào năm 2000, 53% nam giới Do Thái (so với 20% toàn bộ nam giới da trắng không phải Do Thái) làm những công việc đòi hỏi tay nghề hoặc học vấn cao. Trong số phụ nữ đi làm, 51% người Do Thái và 28% người da trắng không phải Do Thái nắm giữ những vị trí công việc đòi hỏi tay nghề hoặc học vấn cao. Với các yếu tố quyết định vốn con người như thu nhập, học hành không đổi, nam giới Do Thái Mỹ kiếm nhiều hơn 16% so với nam giới da trắng khác. Kể cả khi xem xét nghề nghiệp, người Do Thái kiếm nhiều hơn 8%. Khi các biến khác trong đó có học hành được giữ nguyên, người Do Thái có mức tài sản và tỷ lệ tích lũy tài sản cao hơn so với các nhóm khác.

Không có hạn chế pháp luật nào ngăn không cho người Do Thái Mỹ trở thành nông dân cả. Tuy vậy, họ hầu như chưa bao giờ tham gia trong lĩnh vực nông nghiệp. Họ chọn làm những công việc thành thị, đòi hỏi tay nghề cao, cho thu nhập cao giống với những người Do Thái ở Trung Đông đã làm một nghìn năm trước.

Liệu sự ổn định cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái này có giải thích được những đặc điểm khó hiểu của các đợt di cư của người Do Thái thời hiện đại không? Cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái có cho phép họ có mức sống cao hơn mức sống của người dân địa phương ở châu Mỹ, Ba Lan,

https://thuviensach.vn

Nga, Ucraina hay không? Thành công kinh tế, trí tuệ đáng kinh ngạc của họ ở Mỹ diễn ra như thế nào khi mà hầu hết sự gia tăng dân số Do Thái diễn ra trong cộng đồng Do Thái Askenazi đến từ các chế độ đàn áp ở Đông Âu? Liệu sự gia tăng nhanh chóng dân số người Do Thái Askenazi ở những khu vực đó ở châu Âu cho tới tận Chiến tranh thế giới lần thứ hai có phù hợp với sự nghèo đói và các cuộc đàn áp, đặc trưng cho cuộc sống của nhiều người Do Thái châu Âu không?

Với các chế độ đàn áp ở những nơi người Do Thái sinh sống, họ có thể di cư tới và định cư ở Trung Đông nhưng họ chỉ làm thế khi cuộc di cư tới châu Mỹ bắt đầu diễn ra vào cuối thế kỷ 19. Các cộng đồng Do Thái ở Trung Đông và Bắc Phi gia tăng nhưng không cùng tốc độ với các cộng đồng ở Đông Âu. Tại sao?

Các cuộc di cư của người Do Thái tới châu Mỹ tăng tốc mạnh vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Hầu hết những người di cư này đến từ Đông Âu. Tại sao họ bắt đầu di cư vào thời điểm đó mà không phải sớm hơn? Liệu sự đàn áp và tàn sát là lý do cho những sự kiện này hay các yếu tố kinh tế giải thích cho sự di cư của họ? Với việc tỷ lệ biết chữ khá phổ biến ở Mỹ khi người Do Thái đặt chân tới, làm sao có thể giải thích được sự thành công kinh tế nhanh chóng của họ? Tại sao lại gần như không có người Do Thái Trung Đông hay Bắc Phi nào di cư tới Canada, Mỹ, Nam Mỹ?

So sánh người Do Thái sống ở Israel với người Do Thái sống ở các nước khác ngày nay đặt ra nhiều câu hỏi hơn. Khoảng 40% tổng số 13 triệu người Do Thái trên thế giới sống ở Mỹ, khoảng 15% ở Tây Âu, 5% ở phần còn lại của thế giới trừ Israel.[549] Người Do Thái bên ngoài nước Mỹ có cùng cấu trúc nghề nghiệp (công việc đòi hỏi tay nghề cao) và phân phối thu nhập (cao hơn so với phần còn lại của dân số) giống với người Do Thái sống ở Mỹ. Ngược lại, 5,8 triệu người Do Thái sống ở Israel nơi cấu trúc nghề nghiệp của họ tương tự với cấu trúc của bất kỳ quốc gia châu Âu nhỏ nào hay của người dân Mỹ nói chung. Khoảng 80% người Do Thái ở Mỹ tốt nghiệp đại học; ở Israel, dưới 40% dân số có học vấn đại học. Khoảng cách này có thể duy trì không? Liệu giả thuyết lựa chọn nghề nghiệp có phù hợp

https://thuviensach.vn

với thành công rực rỡ của cuộc bùng nổ kỹ thuật cao gần đây của người Israel không?

Những câu hỏi liên quan đến lịch sử kinh tế người Do Thái sau năm 1500 này đòi hỏi phải nghiên cứu sâu hơn, rộng hơn, là chủ đề của chuyến hành trình tiếp theo của chúng tôi qua lịch sử Do Thái. Trong dự án nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ tìm hiểu xem liệu giả thuyết kinh tế chúng tôi dùng để giải thích lịch sử kinh tế của người Do Thái từ năm 70 sau CN tới năm 1492 có thể giúp chúng tôi hiểu về lịch sử kinh tế của người Do Thái sau năm 1500 không.

https://thuviensach.vn

PHỤ LỤC

PHẦN PHỤ LỤC NÀY LIỆT KÊ NHỮNG NGUỒN TÀI LIỆU thứ cấp chúng tôi đã đọc và đánh giá cẩn thận để xây dựng số liệu trong các Bảng 1.1, 1.2, 1.3, 1.5, 1.6, 1.7 và hình 1.1. Phụ lục trình bày, thảo luận Bảng A.1 và A.2 với các con số ước tính dân số Do Thái của Benjamin xứ Tudela khoảng năm 1170. Phụ lục cũng làm rõ cách tính một số con số ước tính ở một số bảng, hình và tại sao những con số này khác với các con số của các học giả khác.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 1

- Bảng 1.1 Dân số Do Thái và tổng dân số, năm 65 sau CN – 650, theo khu vực

và

- Bảng 1.2 Tác động của chiến tranh đối với dân số Do Thái, từ năm 65 sau CN đến năm 650, theo khu vực

Nguồn: VỚI XỨ ISRAEL: Baron (1971b), Broshi (1979, 1982, 2001), Hamel (1990, tr. 137-140), Herr và Oppenheimer (1990, tr. 108-109), DellaPergola (1992, 2001), S. Schwartz (2001, tr. 10-11; 2006, tr. 23, 36). VỚI MESOPOTAMIA VÀ BA TƯ: Neusner (1965-1970, tập 1, tr. 14-15, tập 2, tr. 246-248), Baron (1971b), Issawi (1981, tr. 376, 381), DellaPergola (1992, 2001). VỚI BẮC PHI: Baron (1971b), Issawi (1981, tr. 376, 381), Musallam (1981, tr. 432), DellaPergola (1992, 2001). Với dữ liệu về dân số Do Thái ở mọi vùng: Engelman (1960), Baron (1971b), DellaPergola (1992, 2001). Với dữ liệu về tổng dân số: Russell (1958), Clark (1968), Durand (1977, Bảng 1), McEvedy và Jones (1978), Biraben (1979), Kremer (1993).

Ghi chú: Ước tính 8 triệu người Do Thái thế kỷ 1 sau CN của Baron cụ thể như sau: 2,5 triệu người ở Xứ Israel, 1 triệu người ở Mesopotamia và Ba Tư, 1 triệu người ở Ai Cập, 1 triệu người ở Syria và Lebanon, 1 triệu người ở Tiểu Á, 1,5 triệu người còn lại ở Tây và Nam Âu thời La Mã.

DellaPergola ước tính có 4,5 triệu người Do Thái thế kỷ 1 trước CN là do ước tính số lượng nhỏ hơn nhiều cho Syria, Tiểu Á, Tây Âu.

Ước tính 2,5 người Do Thái trên thế giới trước năm 70 sau CN của Broshi, Hamel và Schwartz (trong đó Xứ Israel có khoảng 1 triệu người, phần còn lại ở các nơi khác trên thế giới) dựa trên lập luận cho rằng với diện tích Xứ Israel và mật độ dân số thời đó, con số 2,5 triệu người Do Thái chỉ ở Xứ Israel mà Baron ước tính là hoàn toàn không hợp lý.

https://thuviensach.vn

Chúng tôi ước tính có 5,5 triệu người Do Thái vào ngày trước cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã đầu tiên bằng cách cộng vào con số ước lượng 4,5 triệu người Do Thái thế kỷ 1 trước CN của DellaPergola 0,5-1 triệu người do gia tăng dân số tự nhiên và do số trường hợp cải đạo sang Do Thái giáo được ghi chép lại trong hai thế kỷ trước khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy.

- Hình 1.1 Dân số Do Thái và tổng dân số, khoảng năm 65, 650, 1170 và 1490

Nguồn: Xem nguồn của Bảng 1.1, 1.6 và 1.7 trong phần phụ lục này.

- Bảng 1.3 Tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động Do Thái tham gia nông nghiệp và các công việc đòi hỏi tay nghề, 1 sau CN – 650, theo khu vực

Nguồn: VỚI XỨ ISRAEL từ năm thứ nhất sau CN – 400: Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1 và 2; 1971a), Applebaum (1976a), S. Safrai (1976b), M. Stern (1976), Avi – Yonah (1984), Hamel (1990), L. Jacobs (1990), Z. Safrai (1994). VỚI MESOPOTAMIA VÀ BA TƯtừ năm 1 sau CN – 400: Newman (1931), Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1 và 2; 1971a), Neusner (1965-1970, tập 1, tr. 94-99; tập 2, tr. 14; tập 3, tr. 24-25; 1990c; 1990e), M. Stern (1974), Applebaum (1976b), L. Jacobs (1990), Goodblatt (2006b). VỚI BẮC PHItừ năm thứ nhất sau CN – 400: Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1 và 2; 1971a), Tcherikover (1945, 1961), M. Stern (1974), Applebaum (1976b), S. Safrai (1976b), Kasher (1985). VỚI ĐẾ CHẾ LA MÃtừ năm thứ nhất sau CN – 400: Juster (1914), Baron (1937, tập 1; 1952, tập 1 và 2; 1971a), Frank (1938), A. Jones (1964), M. Stern (1974), Applebaum (1976b), S. Safrai (1976b), Goodman (1998). VỚI XỨ ISRAEL từ năm 400-650: Baron (1971a), S. Safrai (1976b), Avi – Yonah (1984), Dan (1990), Herr và Oppenheimer (1990), L. Jacobs (1990). VỚI MESOPOTAMIA VÀ BA TƯ từ năm 400-650: Newman (1932), Neusner (1965-1970, tập 5), Baron (1971a), Beer (1974), S. Safrai (1976b), L. Jacobs (1990). VỚI ĐẾ CHẾ LA MÃ VÀ ĐẾ CHẾ BYZANTINE từ năm 400-650: Juster (1912, 1914), Sharf (1966, 1971), Baron (1971a), Jacoby (2011).

https://thuviensach.vn

- Bảng 1.5 Tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động Do Thái tham gia nông nghiệp và các công việc đòi hỏi tay nghề, 400-1250, theo khu vực

Nguồn: VỚI XỨ ISRAEL từ năm 400-650: Baron (1971a), S. Safrai (1976b), Avi – Yonah (1984), Dan (1990), Herr và Oppenheimer (1990), L. Jacobs (1990). VỚI MESOPOTAMIA VÀ BA TƯtừ năm 400-650: Newman (1932), Neusner (1965-1970, tập 5), Baron (1971a), Beer (1974), S. Safrai (1976b), L. Jacobs (1990). VỚI ĐẾ CHẾ LA MÃ VÀ ĐẾ CHẾ BYZANTINEtừ năm 400-650: Juster (1912, 1914), Sharf (1966, 1971), Baron (1971a), Jacoby (2011). VỚI XỨ ISRAEL, SYRIA VÀ LEBANON, MESOPOTAMIA VÀ BA TƯ, BẮC PHItừ 650-1250: Mann (1920-1922), Baron (1952, tập 3; 1971a), Goitein (1967-1988, tập 1), Ashtor (1976), H. Ben – Sasson (1976), Morony (1981), Udovitch (1981), Lewis (1984, 2002), Benjamin xứ Tudela ([1170] 1983), Raphael (1985), Gil (1992, 2004), M. R. Cohen (1994), Ashtor và Sagiv (2007), Ashtor, Yaari và Cohen (2007), Assis và Beinart (2007), Ben – Yaacob và các tác giả khác (2007), Corcos (2007), Fischel (2007), Fischel, Cohen và Netzer (2007), Haim (2007). VỚI ĐẾ CHẾ BYZANTINEsau năm 650: Jacoby (2008, 2011), Holo (2009). Với Tây Âu từ năm 650-1250: Abrahams (1896, Chương 11, 12, tr. 245-249), Agus (1965), Cantera Burgos (1966), Baron (1971a), Benjamin xứ Tudela ([1170] 1983), Baron, Kahan và Gross (1975), Roth (1938, 1960a), Toch (2003, 2005, 2008, 2011, 2012).

- Bảng 1.6 Dân số Do Thái và tổng dân số, khoảng năm 650, khoảng năm 1170, theo khu vực

và

- Bảng 1.6 Dân số Do Thái và tổng dân số, 1170-1490, theo khu vực

Nguồn: VỚI XỨ ISRAEL: Baron (1971b), Broshi (1979, 1982, 2001), Hamel (1990, tr. 137-140), Herr và Oppenheimer (1990, tr. 1080-109), DellaPergola (1992, 2001), S. Schwartz (2001, tr. 10-11; 2006, tr. 23, 26). VỚI MESOPOTAMIA VÀ BA TƯ: Neusner (1965-1970, tập 1, tr. 14-15;

https://thuviensach.vn

tập 2, tr. 246-248), Baron (1971b), Issawi (1981, tr. 376-381), DellaPergola (1992, 2001). VỚI BẮC PHI: Ashtor (1959a; 1967; 1968, tr. 13; 1976, chương 7), Baron (1971b), Issawi (1981, tr. 376-381), Musallam (1981, tr. 432), Dols (1981, tr. 400-404), DellaPergola (1992, 2001). VỚI ĐẾ CHẾ BYZANTINE: Baron (1971b), Jacoby (2008, 2011), Holo (2009). VỚI CHÂU ÂU: Baron (1971b), DellaPergola (1992, 2001), Toch (2005, 2012). Với dữ liệu về dân số Do Thái ở mọi nơi: Ashtor (1959a; 1967; 1968; 1976, chương 7), Roth (1960a), Engleman (1960), Baron (1971b), Dols (1981, tr. 400-404), DellaPergola (1992, 2001). Với dữ liệu về tổng dân số: Russell (1958), Clark (1968), Durand (1977, bảng 1), McEvedy và Jones (1978), Kremer (1993).

Ghi chú: Về danh sách trọn vẹn các thành phố được nói tới trong nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela, xem Bảng A.2 trong phần phụ lục này. Con số ước tính dân số Do Thái cho Mesopotamia, Ba Tư và bán đảo Ả-rập khoảng năm 1170 của chúng tôi khác với con số của DellaPergola (2001, Bảng 1, 2) vì hai lý do. Thứ nhất, chúng tôi giảm đáng kể con số người Do Thái sống ở bán đảo Ả-rập (chủ yếu ở Yemen) của Benjamin xứ Tudela khi mà ông không tới những nơi này và con số của ông bị các học giả cho là phóng đại thái quá.

Thứ hai, chúng tôi đồng ý với Ashtor (1959a; 1967; 1968; 1976, chương 6) và Gil (2004, tr. 491-532) khi họ đề xuất coi con số ước tính của Benjamin là số lượng *cá nhân* ở những nơi Benjamin không trực tiếp tới mà chỉ nghe nói đến (tức là Ba Tư, Trung Á, Ấn Độ, Trung Hoa và một số nơi ở Ai Cập) và là số *hộ gia đình* ở những nơi ông trực tiếp tới (tức là châu Âu, vùng Balkan, Tiểu Á, Lebanon, Syria, Xứ Israel và một số nơi ở Ai Cập). Dữ liệu từ sổ sách thuế đương thời ở Mesopotamia và Ai Cập do Gil nghiên cứu cũng ủng hộ lập luận này (ví dụ, Benjamin xứ Tudela ghi có 40.000 hộ Do Thái ở Baghdad và vùng phụ cận, và một cuộc kiểm kê thuế tiến hành một vài thập kỷ sau liệt kê 36.000 người đóng thuế Do Thái, tức là chủ hộ). Do đó, với những nơi con số của Benjamin phải được coi là số hộ, chúng tôi nhân con số đó với 5 với giả định mỗi hộ trung bình có năm thành viên.

https://thuviensach.vn

CHƯƠNG 7

Ở đây chúng tôi giải thích cách chúng tôi diễn giải con số ước tính dân số Do Thái của Benjamin xứ Tudela để lập Bảng A.1, A.2.

Các sử gia và các nhà nhân khẩu học đã thảo luận tính tin cậy trong dữ liệu của Benjamin. Có hai vấn đề có vẻ như gây tranh cãi nhất: thứ nhất, một vài con số cho những nơi ông không tới mà chỉ nghe nói đến có vẻ như bị phóng đại thái quá (ví dụ như con số người Do Thái ở Yemen) trong khi đó ông không nói tới các cộng đồng Do Thái được biết là đã tồn tại ở một số nơi từ các nguồn tư liệu khác. Do đó, trong Bảng A.1, A.2, chúng tôi giảm đáng kể con số ước tính của Benjamin cho những nơi ở Yemen và các khu vực khác của bán đảo Ả-rập ông không đặt chân tới (trong một số trường hợp, ông thậm chí còn nhầm lẫn các địa danh ở Yemen với Ấn Độ, ông nói rằng Basra là ở Yemen hoặc cung cấp tên các địa danh như Tilmas không thể tìm thấy trong bất cứ nguồn tư liệu nào khác kể cả tài liệu đương thời của kho lưu trữ Cairo). Chúng tôi tham khảo lời giới thiệu của Marcus Nathan Adler cho cuốn nhật ký hành trình của Benjamin ([khoảng năm 1170] 1983) trong đó các vấn đề liên quan đến việc xác định các địa danh ở Yemen được thảo luận chi tiết.

Vấn đề thứ hai là liệu các con số của Benjamin nên được hiểu là số cá nhân hay số hộ gia đình. Sau khi kiểm tra chéo với dữ liệu dân số từ các nguồn khác (như sổ sách thuế), Ashtor (1967, 1968, 1976) và Gil (1992, 2004) cho rằng với những khu vực được ghi chép tốt hơn – như châu Âu, vùng Balkan, Tiểu Á, Syria, Lebanon, Xứ Israel, Mesopotamia và một số nơi ở Ai Cập (như Alexandria, Cairo) – dữ liệu của ông nên được hiểu là số *hộ gia đình* và khi nhân với năm người một hộ ta sẽ có tổng số dân ở mỗi nơi. Với các khu vực khác Benjamin không trực tiếp tới mà chỉ nghe nói (Ba Tư, bán đảo Ả-rập trong đó có Yemen, Tiểu Á, Ấn Độ, Trung Hoa và một số nơi ở Ai Cập), các con số của ông nên được hiểu là số *cá nhân* (tức tổng số dân).

Chúng tôi đồng ý với lập luận của Ashtor và Gil, và trong Bảng A.1, A.2 chúng tôi điều chỉnh dữ liệu của Benjamin xứ Tudela bằng cách ghi nhớ tất

https://thuviensach.vn

cả những lời cảnh báo này. Cụ thể là:

Với Bảng A.1: Ước tính dân số được tính bằng con số dân số của Bảng A.2. Cột dữ liệu thô liệt kê các con số Benjamin ghi trong nhật ký hành trình. Cột dữ liệu chỉnh sửa điều chỉnh dữ liệu thô như sau:

- Với Mesopotamia, nơi có các địa danh Benjamin tới và mô tả chi tiết, chúng tôi coi con số ước tính của ông là số hộ gia đình; do đó, chúng tôi nhân các con số đó với 5 dựa trên giả định mỗi hộ trung bình có năm thành viên.
- Với Ba Tư nơi Benjamin không trực tiếp tới, chúng tôi coi con số của ông là ước tính dân số; do đó, chúng tôi giữ nguyên con số của ông ở cột 3.
- Với Ba Tư + các thành phố bị thiếu, chúng tôi cộng thêm khoảng 100.000 người Do Thái cho những nơi có các cộng đồng Do Thái lớn được biết là đã sinh sống kể cả khi Benjamin không nhắc tới các cộng đồng này trong cuốn nhật ký hành trình.
- Với bán đảo Ả-rập, chúng tôi giảm đáng kể con số ước tính của Benjamin (từ 463.000 xuống còn 83.000) do ông không trực tiếp tới Yemen hay các khu vực khác ở bán đảo.
- Với bán đảo Ả-rập + các thành phố bị thiếu, chúng tôi cộng thêm từ 17.000-67.000 người Do Thái (cho tổng số 100.000-150.000 người Do Thái) vì Benjamin không nói tới hoặc không cung cấp con số ước tính dân số cho các địa điểm ở Yemen (như Aden) nơi người Do Thái theo nhiều nguồn tư liệu khác là đã sống ở đó.

Với Bảng A.2: Cột dữ liệu thô ghi lại con số trong nhật ký hành trình của Benjamin. Các con số trong cột dữ liệu chỉnh sửa được tính như sau:

- Với tất cả thành phố, thị trấn ở châu Âu, vùng Balkan, Tiểu Á, Lebanon, Xứ Israel, Syria, Mesopotamia, Cairo, Alexandria những nơi Benjamin đã đi qua, chúng tôi coi con số của ông là số hộ gia đình và nhân lên với năm với giả định mỗi hộ trung bình có năm người.

https://thuviensach.vn

- Với Ba Tư, Trung Á, Ấn Độ, Trung Hoa và các thị trấn khác ở Ai Cập nơi Benjamin không trực tiếp tới mà chỉ nghe nói, chúng tôi coi con số của ông là số người và chúng tôi để nguyên những con số này.
- Với các địa danh ở Yemen và bán đảo Ả-rập nơi Benjamin không đi qua hay đưa ra những cái tên mà không thể tìm thấy ở bất cứ nguồn tư liệu nào khác (như Tilmas), chúng tôi giảm con số của ông trong khi giữ nguyên quy mô tương đối của các địa danh này.

Bảng A.1. Ước tính dân số Do Thái ở Trung Đông, dựa trên nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela, theo khu vực, khoảng năm 1170

Khu vực/nước	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Mesopotamia	120.420	592.100
Ba Tư	245.000	245.000
Ba Tư + các thành phố bị thiếu	—	345.000
Bán đảo Ả-rập	463.000	83.000
Bán đảo Ả-rập + các thành phố bị thiếu	—	100.000 - 150.000
Tổng = Mesopotamia + Ba Tư + Bán đảo Ả-rập	828.420	920.100
Tổng = Mesopotamia + (Ba Tư + các thành phố bị thiếu) + Bán đảo Ả-rập	—	1.020.100
Tổng = Mesopotamia + (Ba Tư + các thành phố bị thiếu) + (Bán đảo Ả-rập + các thành phố bị thiếu)	—	1.037.100 - 1.087.100

Nguồn: Benjamin xứ Tudela ([khoảng năm 1170] 1983).

- Không có dữ liệu

https://thuviensach.vn

Bảng A.2. Danh sách các địa điểm và ước tính dân số Do Thái trong nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela, khoảng năm 1170

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Âu			
Tây Ban Nha	Tudela		
	Saragossa		
	Tortosa		
	Barcelona		
	Gerona		
Pháp	Narbone	300	1.500
	Beziers		
	Montpellier		
	Lunel	300	1.500
	Posquiers	40	200
	Bourg de St. Gilles	100	500
	Arles	200	1.000
	Marseilles	300	1500
Ý	Genoa	2	10
	Pisa	20	100
	Lucca	40	200
	Rome	200	1.000
	Capua	300	1.500
	Pozzuoli		
	Naples	500	2.500
	Salerno	600	3.000
	Amalfi	20	100
	Benevento	200	1.000
	Melfi	200	1.000
	Ascoli	40	200
	Trani	200	1.000
	Bari	0	0
	Taranto	300	1.500

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Âu			
	Brindisi	10	50
	Otranto	500	2.500
Balkan	Corfu	1	5
	Larta	100	500
	Aphilon	30	150
	Anatolica		
	Patras	50	250
	Lepanto	100	500
	Crissa	200	1.000
	Corinth	300	1.500
	Thebes	2.000	10.000
	Egripo	200	1.000
	Jabustrisa	100	500
	Rabonica	100	500
	Sinon Potamo	50	250
	vùng Wallachia		
	Gardiki		
Tiểu Á	Armylo	400	2.000
	Vissena	100	500
	Salonica	500	2.500
	Demetrizi	50	250
	Drama	140	700
	Christopoli	20	100
	Abydos		
	Constantinople	2.500	12.500
	Rhaedestus	400	2.000
	Gallipoli	200	1.000
	Kales	50	250
	Mytilene		
	Chios	400	2.000

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Âu			
	Samos	300	1.500
	Rhodes	400	2.000
Trên đường trở về từ Trung Đông và Bắc Phi			
Ý	Messina	200	1.000
	Palermo	1.500	7.500
	Syracuse		
	Marsala		
	Catania		
	Petralia		
	Trapani		
	Rome		
	Lucca		
Đức	Verdun		
	Cologne		
	Regensburg		
	Metz		
	Treves		
	Coblenz		
	Andernach		
	Bonn		
	Cologne		
	Bingen		
	Munster		
	Worms		
	Strassburg		
	Wurzburg		
	Mantern		
	Bamberg		
	Freising		
	Regensburg		

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Âu			
Bohemia	Praha		
Pháp	Auxerre		
	Paris		
Châu Á			
	Cyprus		
Armenia	Curicus		
Tiểu Á	Malmistras		
	Altioch vĩ đại	10	50
	Ladikya	100	500
Jordania	Gebal		
	Kadmus		
Lebanon	Tarabulus (Tripolis)		
	Gubail (Byblus)	150	750
	Beirut	50	250
	Sidon	20	100
	Vùng có người Druse sinh sống	0	0
	Sarepta		
	Tyre	500	2.500
Xứ Israel	Acre	500	2.500
	Haifa		
	Carmel		
	Capernaum		
	Caesarea	200	1.000
	Keilath	0	0
	Ludd	1	5
	Sebastiya	0	0
	Nablus	0	0
	Núi Gilboa		
	Làng không tên	0	0
	Gibeon vĩ đại	0	0

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Á			
	Jerusalem	200	1.000
	Bethlehem	2	10
	Hebron		
	Beith Jibrin	3	15
	Shiloh		
	Gibeah thuộc Saul	0	0
	Nob	2	10
	Ramleh	300	1.500
	Jaffa	1	5
	Jabneh	0	0
	Ashdod	0	0
	Askelon	240	1.200
Israel	Ludd (Lydda)		
	Jezreel	1	5
	Sepphoris		
	Tiberias	50	250
	Tymin		
	Meron		
	Almah	50	250
	Kades	0	0
	Banias		
Syria	Damascus	3.000	15.000
	Galid	60	300
	Salchah		
	Baalbec		
	Tadmor (Palmyra)	2.000	10.000
	Karjaten	1	5
	Emesa	20	100
	Hamath	70	350
	Sheizar		

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Á			
	Dimin		
	Aleppo	5.000	25.000
	Balis	10	50
	Kalat Jabar	2.000	10.000
Mesopotamia	Rakka	700	3.500
	Harran	20	100
	Ras-el-Ain	200	1.000
	Nisibis	1.000	5.000
	Geziret Ibn Omar	4.000	20.000
	Mosul	7.000	35.000
	Nineveh		
	Arbela		
	Rabbah	2.000	10.000
	Karkisiya	500	2.500
	Pumbedita (El-Hanbar)	3.000	15.000
	Hadara	15.000	75.000
	Okbara	10.000	50.000
	Baghdad	40.000	200.000
	Gazigan	5.000	25.000
	Babylon	3.000	15.000
	Hillah	10.000	40.000
	Tháp Babel		
	Kaphri	200	1.000
	Giáo đường Ezechiel Kotsonath	300	1.500
	Ain Siptha		
	Kefar Al-Keram		
	Làng không tên		
	Làng không tên		
	Kufa	7.000	35.000

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Á			
	Sura		
	Shafjathib		
	Pumbedita (El-Hanbar)		
Bán đảo Ả-rập	Hillah		
	Kheibar	50.000	10.000
	Teima		
	Tilmas	100.000	20.000
	Tanai	300.000	50.000
	Địa điểm ở al-Yemen	3.000	3.000
Mesopotamia	Basra	10.000	50.000
	Sepulchre thuộc Ezra	1.500	7.500
Ba Tư	Susa	7.000	7.000
	Sepulchre thuộc Daniel		
	Rudbar	20.000	20.000
	Nihawand	4.000	4.000
	Vùng đất Mulahid		
	Amadia	25.000	25.000
	Hamadan	30.000	30.000
	Tabaristan	4.000	4.000
	Isfahan	15.000	15.000
	Shiraz	10.000	10.000
	Ghaznah	80.000	80.000
	Samarkand	50.000	50.000
Trung Á	Tây Tạng		
	Naisabur		
	Vùng đất Khuzistan		
	Đảo Kish	500	500
Bán đảo Ả-rập	Katifa	5.000	5.000
Ấn Độ	Khulam (Quilon)		

https://thuviensach.vn

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Châu Á			
	Ibrig	3.000	3.000
Trung Hoa	Trung Hoa		
	Al-Gingaleh	1.000	1.000
	Chulan	0	0
Yemen	Zebid		
	Aden		
Bắc Phi			
Ai Cập	Abyssinia		
	Assuan		
	Seba		
	Heluam	300	300
	Vùng đất Zawilah		
	Sa mạc Sahara		
	Kutz	300	300
	Fayum	200	200
	Cairo	7.000	35.000
	Bilbais	300	300
	Ramses		
	Al-Bubzig	200	200
	Benha	60	60
	Munhe Sifte	500	500
	Samnu	200	200
	Damira	700	700
	Lammanah	500	500
	Alexandria	3.000	15.000
	Damietta	200	200
	Simasin	100	100
	Sunbat		
	Elim		

Khu vực/nước	Thành phố	Dữ liệu thô	Dữ liệu điều chỉnh
Bắc Phi			
	Rephidim	0	0
	Núi Sinai		
	Tur Sinai		
	Damietta		
	Tanis	40	40

https://thuviensach.vn

Nguồn: Benjamin xứ Tudela ([khoảng năm 1170] 1983).
Ghi chú: Trật tự trong bảng đặt theo trật tự các địa danh ghi trong nhật ký hành trình của Benjamin. Về cách diễn giải con số ở cột 3, 4, xin xem phần giải thích bên trên trong phần phụ lục này.

https://thuviensach.vn

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU GỐC

Cortona, Archivio Storico del Comune, Manuscript F.

Cortona, Biblioteca dell'Accademia Etrusca, *Codice Cortonese*, Manuscript 520, *Capitoli del Monte Pio.*

Florence, State Archives, *Catasto* 207, 208, 213, 214, 215, 216, 219, 233, 234, 235, 236, 248, 249, 252, 253, 254, 257, 258, 266, 269.

Florence, State Archives, *Statuti delle Comunitá Autonome e Soggette*, 201, fol. 482; 280, fo1. 251; 501, fol. 158; 759, fol. 201.

Pisa, State Archives, Archivio Fiumi e Fossi, Serie Catasto 532, 533, 535, 552, 557, 558.

https://thuviensach.vn

TÀI LIỆU THỨ CẤP

Aberbach, Moshe. *Jewish Education in the Mishna and Talmud*. Jerusalem: Reuven Mas, 1982 (in Hebrew).

Abrahams, Israel. *Jewish Life in the Middle Ages*. London: Macmillan, 1896.

Abramitsky, Ran. "The Limits of Equality: Insights from the Israeli Kibbutz." *Quarterly Journal of Economics* 123, no. 3 (2008): 1111-59.

---. "Lessons from the Kibbutz on the Equality-Incentives Trade-off." Journal of Economic Perspectives 25, no. 1 (2011a): 185-208.

---. "On the (Lack of) Stability of Communes: An Economic Perspective." In Oxford Handbook of the Economics of Religion, edited by Rachel McCleary, 169-89. Oxford: Oxford University Press, 2011b.

Abulafia, David. *The Western Mediterranean Kingdoms*, 1200-1500: *The Struggle for Dominion*. London: Longman, 1997.

---. *Mediterranean Encounters, Economic, Religious, Political*, 1100-1550. Burlington, VT: Ashgate, 2000.

---. "The Jews of Sicily and Southern Italy: Economic Activity." In *Wirtschaftsgeschichte der mittelalterlichen Juden. Fragen und Einschtzungen*, edited by Michael Toch, 49-62. Munich: Oldebourg, 2008.

Acemoglu, Daron, Tarek A. Hassan, and James A. Robinson. "Social Structure and Development: A Legacy of the Holocaust in Russia." *Quarterly Journal of Economics* 126, no. 2 (2011): 895-946.

Acemoglu, Daron, and Simon Johnson. "Unbundling Institutions." *Journal of Political Economy* 113, no. 5 (2005): 949-95.

Acemoglu, Daron, Simon Johnson, and James Robinson. "The Colonial Origins of Comparative Development: An Empirical Investigation." *American Economic Review* 91, no. 5 (2001): 1369-1401.

---. "Reversal of Fortune: Geography and Institutions in the Making of the Modern World Income Distribution." *Quarterly Journal of Economics* 117, no. 4 (2002): 1231-94.

---. "The Rise of Europe: Atlantic Trade, Institutional Change, and Economic Growth." *American Economic Review* 95, no. 3 (2005): 546-79.

https://thuviensach.vn

Adler, Elkan Nathan. *Jewish Travellers in the Middle Ages*: 19 *Firsthand Accounts*. New York: Dover, 1987.
Agus, Irving A. *Urban Civilization in Pre-Crusade Europe: A Study of Organized Town-Life in Northwestern Europe during the Tenth and Eleventh Centuries Based on the Responsa Literature*. 2 vols. Leiden: Brill, 1965.
Aharoni, Yohanan, Michael Avi-Yonah, Anson F. Rainey, and Zeev Safrai. *The Carta Bible Atlas*. Jerusalem: Carta, 2002.
Alesina, Alberto, and Eliana La Ferrara. "Participation in Heterogeneous Communities." *Quarterly Journal of Economics* 115, no. 3 (2000): 847-904.
---. "Who Trusts Others?" *Journal of Public Economics* 85, no. 2 (2002): 207-34.
Allen, Robert C. "The Great Divergence in European Wages and Prices from the Middle Ages to the First World War." *Explorations in Economic History* 38, no. 4 (2001): 411-47.
---. "Real Wages in Europe and Asia: A First Look at the Long-Term Patterns." In *Living Standards in the Past: New Perspectives on Well-Being in Asia and Europe*, edited by Robert C. Allen, Tommy Bengtsson, and Martin Dribe, chap. 5. Oxford: Oxford University Press, 2005.
Alon, Gedaliah. *The Jews in their Land in the Talmudic Age (70-640 C.E.)*. 2 vols. Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 1980-1984.
Applebaum, Shimon. "Economic Life in Palestine." In *The Jewish People in the First Century: Historical Geography, Political History, Social, Cultural, and Religious Life and Institutions*, edited by Shmuel Safrai and Menahem Stern, vol. 2, 631-700. Assen: Van Gorcum, 1976a.
---. "The Social and Economic Status of the Jews in the Diaspora." In *The Jewwish People in the First Century: Historical Geography, Political History, Social, Culltural, and Religious Life and Institutions*, edited by Shmuel Safrai and Menahem Stern, vol. 2, 701-27. Assen: Van Gorcum, 1976b.
Armstrong, John A. "Mobilized and Proletarian Diasporas." *American Political Science Review* 70, no. 2 (1976): 393-408.

https://thuviensach.vn

Ashtor, Eliyahu. “The Mongol Storm and the Jews: A Contribution to the History of Oriental Jewry from the Arabic Sources.” *Zion* 4 (1939): 51-70.
---. “Documents Pertaining to the Study of the Economic and Social History of the Jews in the Near East.” *Zion* 7 (1942): 140-55.
---. “Prolegomena to the Medieval History of Oriental Jewry.” *Jewish Quarterly Review* 50, no. 1 (1959a): 55-68.
---. “Prolegomena to the Medieval History of Oriental Jewry.” *Jewish Quarterly Review* 50, no. 2 (1959b): 147-66.
---. “The Number of Jews in Medieval Egypt.” *Journal of Jewish Studies* 18 (1967): 9-42.
---. “The Number of Jews in Medieval Egypt.’ *Journal of Jewish Studies* 19 (1968): 1-22.
---. “Un mouvement migratoire au haut moyen age: migrations de l”Irak vers les pays méditerranées.” *Annales ESC* 27 (1972): 185-214.
---. *The Jews of Moslem Spain*. 3 vols. Philadelphia: Jewish Publication Society of America, 1973-1984.
---. *A Social and Economic History of the Near East*. Berkeley: University of California Press, 1976.
---. “Fatimids.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 6, 723-24. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Ashtor, Eliyahu, and Reuven Amitai. “Mamluks.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 13, 438-41. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Ashtor, Eliyahu, and David M. Sagiv. “Basra.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 3, 205-6. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Ashtor, Eliyahu, Avraham Yaari, and Haim J. Cohen. “Cairo.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 4, 34246. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Ashtor, Eliyahu, Simon R. Schwarzfuchs, Jeonathan Prato, and Haim Avni. “Spain.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred

https://thuviensach.vn

Skollnik, 2nd ed., vol. 19,67-83. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Assaf, Simha. *A Source Book for the History of Jewish Education from the Beginning of the Middle Ages to the Period of the Haskalah*, with added comments and supplements, edited by Shmuel Glick. 5 vols. New York: Jewish Theological Seminary of America, 2002-2006 (in Hebrew).
Assis, Yom Tov, and Haim Beinart. "Seville." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 18, 325-29. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Avi-Yonah, Michael. *The Jews of Palestine. A Political History from the Bar Kokhba War to the Arab Conquest*. Oxford: Basil Blackwell, 1976.
---. *The Jews under Roman and Byzantine Rule*. 2nd ed. Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 1984.
Ayal, Eliezer B., and Barry R. Chiswick. "The Economics of the Diaspora Revisited." *Economic Development and Cultural Change* 31, no. 4 (1983): 861-75.
Bachrach, Bernard S. *Early Medieval Jewish Policy in Western Europe*. Minneapolis: University of Minnesota Press, 1977.
Baer, Yitzhak. *A History of the Jews in Christian Spain*. vol. 1. Philadelphia: Jewish Publication Society of America, 1961.
Bar, Doron. "Third-Century Crisis in the Roman Empire and Its Validity in Palestine." *Zion* 66, no. 2 (20o1): 143-70.
---. "Was There a Third-Century Economic Crisis in Palestine?" In *The Roman and Byzantine Near East: Some Recent Archaeological Research*, vol. 3, 43-54. Journal of Roman Archaeology, Supplementary Series 49, edited by John H. Humphrey. Portsmouth, RI: Journal of Roman Archaeology, 2002.
---. "The Christianization of Rural Palestine during Late Antiquity." *Journal of Ecclesiastical History* 54, no. 3 (2003a): 401-21.
---. "Settlement and Economy in Late Roman and Byzantine Palestine." Cathedra 107 (2003b): 1-16.
Barclay, John M. G. *Jews in the Mediterranean Diaspora: From Alexander to Trajan (323 BCE-117 CE)*. Edinburgh: T&T Clark, 1996.

https://thuviensach.vn

---. “Who Was Considered an Apostate in the Jewish Diaspora?” In *Tolerance and Intolerance in Early Judaism and Christianity*, edited by Graham N. Stanton and Guy G. Stroumsa, 80-98. Cambridge: Cambridge University Press, 1998.

Bareket, Elinoar. “Radhanites.” In *Jewish Civilization: An Encyclopedia*, edited by Norman Roth, 558-61. London: Routledge, 2002.

Bar-Ilan, Meir. “Illiteracy in the Land of Israel in the First Centuries C.E.” In *Essays in the Social Scientific Study of Judaism and Jewish Society*, edited by Simcha Fishbane, Stuart Schoenfeld, and Alain Goldschleger, vol. 2, 46-61. Hoboken, NJ: Ktav, 1992.

Baron, Salo Wittmayer. “Ghetto and Emancipation: Shall We Revise the Traditional View?” *Menorah Journal* 14 (1928): 515-26.

---. *A Social and Religious History of the Jews*, 1st ed. 3 vols. New York: Columbia University Press, 1937.

---. *A Social and Religious History of the Jews*, 2nd ed. 18 vols. New York: Columbia University Press, 1952.

---. “Economic History.” In *Encyclopedia Judaica*, edited by Cecil Roth, vol. 6, 95-117. New York: Macmillan, 1971a.

---. “Population.” In Encyclopedia Judaica, edited by Cecil Roth, vol. 13, 866-903. New York: Macmillan, 1971b.

Baron, Salo W., Arkadius Kahan, and Nachum Gross. *Economic History of the Jews*. Jerusalem: Keter, 1975.

Barro, Robert J., and Rachel M. McCleary. “Which Countries Have State Religions?” *Quarterly Journal of Economics* 120, no. 4 (2005): 1331-70.

---. “Religion and Political Economy in an International Panel.” *Journal for the Scientific Study of Religion* 45, no. 2 (2006): 149-75.

Barzel, Yoram. “Confiscation by the Ruler: The Rise and Fall of Jewish Lending in the Middle Ages.” *Journal of Law and Economics* 35, no. 1 (1992): 1-13.

Bashan, Eliezer, and Elinoar Bareket. “Nagid.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 14,729-33. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

https://thuviensach.vn

Bato, Yomtov Ludwig, Evelyn Adunka, and Israel O. Lehman. “Vienna.” Encyclopaedia Judaica, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 20, 518-23. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Baumgarten, Albert. *The Flourishing of Jewish Sects in the Maccabean Era: An Interrpretation*. Leiden: Brill, 1997.
Bausani, Alessandro. *The Persians, from the Earliest Days to the Twentieth Century*. New York: St. Martin’s, 1971.
Becker, Gary S., and H. Gregg Lewis. “On the Interaction between the Quantity and Quality of Children.” *Journal of Political Economy* 81, no. S2 (1973): S279-88.
Becker, Sascha O., and Ludger Woessmann. “Was Weber Wrong? A Human Capital Theory of Protestant Economic History.” *Quarterly Journal of Economics* 124, no. 2 (2009): 531-96.
Beek, Martin A. *Atlas of Mesopotamia: A Survey of the History and Civilisation of Mesopotamia from the Stone Age to the Fall of Babylon*. London: Nelson, 1962.
Beer, Moshe. *The Babylonian Amoraim: Aspects of Economic Life*. Ramat Gan: Bar Ilan University Press, 1974 (in Hebrew).
Bein, Alex. *The Jewish Question: Biography of a World Problem*. Translated by Harry Zohn. Rutherford, NJ: Fairleigh Dickinson University Press, 1990.
Beinart, Haim, ed. *The Sephardi Legacy*. 2 vols. Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 1992-1993.
---. “Order of the Expulsion from Spain: Antecedents, Causes, and Textual Analysis.” In *Crisis and Creativity in the Sephardic World*, 1391-1648, edited by Benjamin Gampel, 79-94. New York: Columbia University Press, 1998.
---. “Córdoba.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 5, 218-19. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007a.
---. “Granada.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 8, 32. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007b.

https://thuviensach.vn

Benbassa, Esther. *The Jews of France: A History from Antiquity to the Present*. Translated by M. B. DeBevoise. Princeton, NJ: Princeton University Press, 1999.

[Benjamin of Tudela c. 1170*]. The Itinerary of Benjamin of Tudela: Travels in the Middle Ages*. Critical text, translation, and commentary by Marcus Nathan Adler, with introductions by Michael A. Signer, Marcus Nathan Adler, and Adolf Asher. Malibu, CA: Joseph Simon, 1983.

Ben-Sasson, Haim Hillel. "The Middle Ages." In *A History of the Jewish People*, edited by Haim Hillel Ben-Sasson, 393-723. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1976.

Ben-Sasson, Haim Hillel, Samuel Miklos Stern, Robert Weltsch, Michael Berenbaum, Jacob S. Levinger, and Chaim Yahil. "Germany." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 7, 518-46. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Ben-Sasson, Menahem. *The Jews of Sicily, 825-1068: Documents and Sources*. Jerusalem: Ben Zvi Institute, 1991.

---. "The History of the Jews in Muslim Lands during the Middle Ages." In *A Historical Atlas of the Jewish People: From the Time of Patriarchs to the Present*, edited by Eli Barnavi, 74-75, 80-83, 86-93, 116-117. New York: Schocken Books, 1992.

---. The Emergence of the Local Jewish Community in the Muslim World (Qayrawan, 800-1057). Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 1996.

Ben-Yaacob, Abraham, Nissim Kazzaz, Hayyim J. Cohen, and Avraham Yaari. "Baghdad." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 3, 55-59. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Berenbaum, Michael, and Alexander Carlebach. "Cologne." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 5, 59-62. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Berman, Eli. "Sect, Subsidy and Sacrifice: An Economist's View of Ultra-Orthodox Jews." *Quarterly Journal of Economics* 115, no. 3 (2000): 905-53.

https://thuviensach.vn

---. *Radical, Religious and Violent: The New Economics of Terrorism*. Cambridge, MA: MIT Press, 2009.
Biraben, Jean N. “Essai sur l’evolution du nombre des hommes.” *Population* 34, no. 1(1979): 13-25.
Blumenkranz, Bernhard. “Germany, 843-1096.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe*, 711-1o96, edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 162-74. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966.
Blumenkranz, Bernhard, Lucien Steinberg, and Doris Bensimon-Donath. “Paris.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 15, 642-47. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Blumenkranz, Bernhard, Simon R. Schwarzfuchs, Lucien Steinberg, David Weinberg, Doris Bensimon- Donath, and Nelly Hannson. “France.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 7, 146-70. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Bonfil, Robert. *Jewish Life In Renaissance Italy*. Berkeley: University of California Press, 1994.
Bonfil, Robert, Oded Irshai, Guy G. Stroumsa, and Rina Talgam, eds. *Jews in Byzantium. Dialectics of Minority and Majority Cultures*. Leiden: Brill, 2011.
Bonne-Tamir, Batsheva, and Avinoam Adam, eds. *Genetic Diversity among Jews: Diseases and Markers at the DNA Level*. New York: Oxford University Press, 1992.
Bonné-Tamir, B., J. G. Bodmer, W. F. Bodmer, P. Pickbourne, C. Brautbar, E. Gazit, S. Nevo, and R. Zamir. “HLA Polymorphism in Israel: An Overall Analysis.” *Tissue Antigens* 11 (1978): 235-50.
Bonne-Tamir, Batsheva, Avshalom Zoossman-Diskin, and Aharon Ticher. “Genetic Diversity among Jews Reexamined: Preliminary Analysis at the DNA Level.” *In Genetic Diversity among Jews: Diseases and Markers at the DNA Level*, edited by Batsheva Bonné-Tamir and Avinoam Adam, 80-94. New York: Oxford University Press, 1992.
Boone, Marc, Karel Davids, and Paul Janssens, eds. *Urban Public Debts. Urban Government and the Market for Annuities in Western Europe (14th-*

https://thuviensach.vn

18th Centuries). Turnhout: Brepols, 2003.
Botticini, Maristella. "New Evidence on Jewish Money Lending in Tuscany, 1310-1430: The 'Friends and Family Connection' Again." In *Zakhor: Rivista di storia degli ebrei in Italia* 1 (1997): 77-93.
---. ''A Tale of 'Benevolent' Governments: Private Credit Markets, Public Finance, and the Role of Jewish Lenders in Medieval and Renaissance Italy." *Journal of Economic History* 60, no. 1 (2000): 165-89.
Botticini, Maristella, and Zvi Eckstein. "Jewish Occupational Selection: Education, Restrictions, or Minorities?" *Journal of Economic History* 65, no. 4 (2005): 922-48.
---. "From Farmers to Merchants, Conversions and Diaspora: Human Capital and Jewish History." *Journal of the European Economic Association* 5, no. 5 (2007): 885-926.
---. "Path Dependence and Occupations." In *The New Palgrave Dictionary of Economics*, edited by Steven N. Durlauf and Lawrence Blume. New York: Palgrave MacMillan, 2008.
---. "Religious Norms, Human Capital, and Money Lending in Jewish European History." In *Oxford Handbook of the Economics of Religion*, edited by Rachel McCleary, 57-80. New York: Oxford University Press, 2011.
Bowen, James. *A History of Western Education*. 3 vols. London: Methuen, 1972-81.
Brasalawsky, Joseph. "Jewish Trade between the Mediterranean and India in the Twelfth Century." *Zion* 7 (1942): 135-39.
Braudel, Fernand. *The Wheels of Commerce*. New York: Harper & Row, 1982.
Brawer, Abraham J. "Land of Israel: Geographical Survey." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 10, 100-143. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Brenner, Reuven, and Nicholas M. Kiefer. "The Economics of the Diaspora: Discrimination and Occupational Structure." *Economic Development and Cultural Change* 29, no. 3 (1981): 517-34.

https://thuviensach.vn

Breuer, Yochanan. “Aramaic in Late Antiquity.” In *The Cambridge History of Judaism*. Vol. 4, *The Late Roman-Rabbinic Period*, edited by Steven T. Katz, 457-91. New York: Cambridge University Press, 2006.
Brice, William C. *An Historical Atlas of Islam*. Leiden: Brill, 1981.
Brody, Robert. *The Geonim of Babylonia and the Shaping of Medieval Jewish Culture*. New Haven, CT: Yale University Press, 1998.
Brook, Kevin A. The Jews of Khazaria. Northvale, NJ: Jason Aronson, 2006.
Brooks, David. “The Tel Aviv Cluster.” New York Times, January 12, 2010.
Broshi, Magen. “The Population of Western Palestine in the Roman-Byzantine Period.” *Bulletin of the American Schools of Oriental Research* 236 (1979): 1-10.
---. “The Population of the Land of Israel in the Roman Byzantine Period.” In *Eretz Israel from the Destruction of the Second Temple to the Muslim Conquest*, edited by Zvi Baras, Shmuel Safrai, Yoram Tsafrir, and Menahem Stern, vol. 1, 442-55. Jerusalem: Yad Yitzhak Ben-Tzvi, 1982.
---. *Bread, Wine, Walls and Scrolls*. New York: Continuum International, 2001. Brown, Peter. *The Rise of Western Christendom, A.D, 200-1000*. New York: Blackwell, 1996.
Bulliet, Richard W. “Conversion to Islam and the Emergence of a Muslim Society in Iran.” In *Conversion to Islam*, edited by Nehemia Levtzion, 30-51. New York: Holmes & Meier, 1979a.
---. *Conversion to Islam in the Medieval Period: An Essay in Quantitative History*. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1979b.
Buringh, Eltjo, and Jan Luiten van Zanden. “Charting the ‘Rise of the West’: Manuscripts and Printed Books in Europe, A Long-Term Perspective from the Sixth through Eighteenth Centuries.” *Journal of Economic History* 69, no. 2 (2009): 409-45• Cahill, Thomas. *The Gifts of the Jews: How a Tribe of Desert Nomads Changed the Way Everyone Thinks and Feels*. New York: Anchor Books, 1998.
Cantera Burgos, Francisco. “Christian Spain.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe*, 711-1096, edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 357-81.

https://thuviensach.vn

New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966.
Cantoni, Davide. “The Economic Effects of the Protestant Reformation: Testing the Weber Hypothesis in the German Lands.” Manuscript, December 2010.
Carlton, Dennis W., and Avi Weiss. “The Economics of Religion, Jewish Survival, and Jewish Attitudes toward Competition in Torah Education.” *Journal of Legal Studies* 30, no. 1 (2001): 253-75.
Cassuto, Umberto. *Gli ebrei a Firenze nell’età del Rinascimento*. Florence: Leo S. Olschki Editore, 1918.
Cave, Roy C., and Herbert H. Coulson. *A Source Book for Medieval Economic History*. New York: Biblo & Tannen, 1965.
Chancey, Mark A. *The Myth of a Gentile Galilee*. Cambridge: Cambridge University Press, 2002.
Chazan, Robert. *The Jews of Medieval Western Christendom*, 1000-1500. New York: Cambridge University Press, 2006.
Chiswick, Barry R. “Differences in Education and Earnings Across Racial and Ethnic Groups: Tastes, Discrimination, and Investment in Child Quality.” *Quarterly Journal of Economics* 103, no. 3 (1988): 571-97.
---. “The Occupational Attainment of American Jewry: 1990-2000.” *Contemporary Jewry* 27, no. 1 (2007): 80- 111.
---. “The Economic Progress of American Jewry: From 18th Century Merchants to 21st Century Professionals.” In *The Oxford Handbook of Judaism and Economics*, edited by Aaron Levine, 625-45. New York: Oxford University Press, 2010.
Chiswick, Carmel Ullman. “The Economics of Jewish Continuity.” *Contemporary Jewry* 20, no. 1(1999): 30-56.
---. “An Economic Perspective on Religious Education: Complements and Substitutes in a Human Capital Portfolio.” *Research in Labor Economics* 24 (2006): 429-67.
Cipolla, Carlo Maria. *Literacy and Development in the West*. Baltimore: Pelican, 1969.

https://thuviensach.vn

---. *Before the Industrial Revolution: European Society and Economy, 1000-1700*. New York: Norton, 1976.
---. *The Monetary Policy of Fourteenth-Century Florence*. Berkeley: University of California Press, 1982.
Clark, Colin. *Population Growth and Land Use*. London: Macmillan, 1968.
Cochran, Gregory, Jason Hardy, and Henry Harpending. "Natural History of Ashkenazi Intelligence." *Journal of Biosocial Science* 38, no. 5 (2005): 659-93.
Cohen, Gerson D. "Judaism: Rabbinic Judaism." In *The New Encyclopaedia Britannnica*, 15th ed. Chicago: New Encylopaedia Britannica, 2002.
Cohen, Mark R. *Jewish Self-Government in Medieval Egypt: The Origins of the Office of Head of the Jews, ca. 1065-1126*. Princeton, NJ: Princeton University Press, 1980.
---. *Under Crescent and Cross: The Jews in the Middle Ages*. Princeton, NJ: Princeton University Press, 1994.
---. "The Foreign Jewish Poor in Medieval Egypt." In *Poverty and Charity in Middle Eastern Contexts*, edited by Michael Bonner, Mone Ener, and Amy Singer, 53-72. Albany: State University of New York Press, 2003.
---. "Geniza for Islamicists, Islamic Geniza, and the 'New Cairo Geniza.'" *Harvard Middle Eastern and Islamic Review* 7 (2006): 129-45.
Cohen, Martin A. "Marrano." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 13, 559. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Cohen, Shaye J. D. *From the Maccabees to the Mishna*. Philadelphia: Westminster Press, 1987.
---. *The Beginnings of Jewishness: Boundaries, Varieties, Uncertainties*. Berkeley: University of California Press, 1999.
Corcos, David. "Kairouan." In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 11, 726-28. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Cozzi, Gaetano, ed. *Gli ebrei e Venezia, secoli XIV-XVIII*. Atti del Convegno Internazionale organizzato dalla Fondazione G. Cini, Venezia, Isola di San

https://thuviensach.vn

Giorgio Maggiore, 5-10 giugno 1983. Milan: Edizioni Comunitá, 1987.
Crenshaw, James L. *Education in Ancient Israel: Across the Deadening Silence.* New York: Bantam Doubleday Publishing, 1998.
Crown, Alan D., ed. *The Samaritans.* Tübingen: Mohr Siebeck, 1989.
Crown, Alan D., Reinhard Pummer, and Abraham Tal, eds. *A Companion to Samaritan Studies.* Tübingen: Mohr Siebeck, 1993.
Dan, Yaron. "The Byzantine Rule (395-640 CE)." In *The History of Eretz Yisrael: The Roman-Byzantine Period, The Mishna and Talmud Period, and the Byzantine Rule (70-640),* edited by Mosheh David Herr, 231-374. Jerusalem: Keter Publishing, 1990.
Danièlou, Jean. *The Theology of Jewish Christianity.* Chicago: The Henry Regnery Company, 1964.
Danièlou, Jean, and Henri I. Marrou. *The Christian Centuries.* Vol. 1, *The First Six Hundred Years.* New York: McGraw-Hill, 1964.
Daniels, Peter T. "The First Civilizations." In *The World's Writing Systems,* edited by Peter T. Daniels and William Bright, 21-32. Oxford: Oxford University Press, 1996.
Decker, Michael. "Plants and Progress: Rethinking the Islamic Agricultural Revolution." *Journal of World History* 20, no. 2 (2009): 187-206.
DellaPergola, Sergio. "Major Demographic Trends of World Jewry: The Last Hundred Years." In *Genetic Diversity among Jews: Diseases and Markers at the DNA Level,* edited by Batsheva Bonné-Tamir and Avinoam Adam, 3-30. New York: Oxford University Press, 1992.
---. "Some Fundamentals of Jewish Demographic History." In *Papers in Jewish Demography 1997, Jewish Population Studies* 29, edited by Sergio DellaPergola and Judith Even, 11-33. Jerusalem: Hebrew University Press, 2001.
DeLong, J. Bradford, and Andrei Shleifer. "Princes and Merchants: European City Growth Before the Industrial Revolution." *Journal of Law and Economics* 36, no. 2 (1993): 671-702.
Demsky, Aaron. "Literacy." In *Oxford Encyclopedia of Archeology in the Near East,* vol. 3, 362-69. Oxford: Oxford University Press, 1997.

https://thuviensach.vn

Demsky, Aaron, Yehuda Moriel, Elijah Bortniker, Fred Skolnik, Chaim S. Kazdan, and Gil Graff. “Education, Jewish.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 6, 162-214. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

De Roover, Raymond. *Money, Banking, and Credit in Medieval Bruges: Italian Merchant-Bankers, Lombards, and Money Changers: A Study in the Origins of Banking.* Cambridge, MA: Mediaeval Academy of America, 1948.

---. *The Rise and Decline of the Medici Bank: 1397-1494.* New York: Norton, 1966.

Doepke, Matthias, and Fabrizio Zilibotti. “Occupational Choice and the Spirit of Capitalism.” *Quarterly Journal of Economics* 123, no. 2 (2008): 747-93.

Dols, Michael. “The General Mortality of the Black Death in the Mamluk Empire.” In *The Islamic Middle East, 700-1900. Studies in Economic and Social History,* edited by Abraham L. Udovitch, 397-428. Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.

Drazin, Nathan. *History of Jewish Education from 515 BCE to 220 CE.* Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1940.

Duby, George. *Rural Economy and Country Life in the Medieval West.* Columbia: University of South Carolina Press, 1968.

Durand, John D. “Historical Estimates of World Population: An Evaluation.” *Population and Development Review* 3, no. 3 (1977): 253-96.

Ebner, Eliezer. *Elementary Education in Ancient Israel during the Tannaic Period (10- 220 CE).* New York: Bloch, 1956.

Ekelund, Robert B., Robert F. Hebert, Robert D. Tollison, Gary M. Anderson, and Audrey B. Davidson. *Sacred Trust: The Medieval Church as an Economic Firm.* New York: Oxford University Press, 1996.

Elman, Peter. “The Economic Causes of the Expulsion of the Jews in 1290.” *Economic History Review* 7, no. 2 (1937): 145-54.

Elon, Menachem. *Jewish Law: History, Sources, Principles.* Translated from the Hebrew by Bernard Auerbach and Melvin J. Sykes. 4 vols. Philadelphia:

https://thuviensach.vn

Jewish Publication Society, 1994.
Engel, David. “Crisis and Lachrymosity: On Salo Baron, Neobaronianism, and the Study of Modern European Jewish History.” *Jewish History* 20, no. 3-4 (2006): 243-64.
Engleman, Uriah Zevi. “Sources of Jewish Statistics.” In *The Jews: Their History, Culture and Religion*, edited by Louis Finkelstein, 1510-35. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960.
Epstein, Stephan R. “Craft Guilds, Apprenticeships, and Technological Change in Pre-Industrial Europe.” *Journal of Economic History* 58, no. 3 (1998): 684-713.
Epstein, Steven A. *Wage and Labor Guilds in Medieval Europe.* Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1991.
---. *Genoa and the Genoese, 958-1528.* Chapel Hill: University of North Carolina Press, 1996.
Ettinger, Shmuel. “The Modern Period.” In *A History of the Jewish People*, edited by Haim Hillel Ben-Sasson, 727-1096. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1976.
Feldman, Louis H. *Jew and Gentile in the Ancient World: Attitudes and Interactions from Alexander to Justinian.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 1993.
---. “Diaspora Synagogues: New Light from Inscriptions and Papyri.” In *Sacred Realm: The Emergence of the Synagogue in the Ancient World*, edited by Steven Fine, 48-66. New York: Oxford University Press, 1996a.
---. *Studies in Hellenistic Judaism.* Leiden: Brill, 1996b.
Feldman, Louis H., and Meyer Reinhold. *Jewish Life and Thought among Greeks and Romans: Primary Readings.* Minneapolis: Augsburg Fortress, 1996.
Ferguson, Everett. *Backgrounds of Early Christianity.* 3rd ed. Grand Rapids, MI: William B. Eerdmans, 2003.
Ferguson, Niall. *The Ascent of Money: A Financial History of the World.* New York: Penguin Press, 2008.

https://thuviensach.vn

Fernandez, Raquel, and Alessandra Fogli. “Fertility: The Role of Culture and Family Experience.” *Journal of the European Economic Association* 4, no. 2-3 (2006): 552-61.
---. “Culture: An Empirical Investigation of Beliefs, Work and Fertility.” *American Economic Journal: Macroeconomics 1,* no. 1 (2009): 146-77.
Fernandez, Raquel, Alessandra Fogli, and Claudia Olivetti. “Mothers and Sons: Preference Transmission and Female Labor Force Dynamics.” *Quarterly Journal of Economics* 119, no. 4 (2004): 1249-99.
Fine, Steven, ed. *Sacred Realm: The Emergence of the Synagogue in the Ancient World*. New York: Oxford University Press, 1996.
---. *Jews, Christians, and Polytheists in the Ancient Synagogue; Cultural Interaction During the Greco-Roman Period*. London: Routledge, 1999.
Finkelstein, Israel, and Neil Asher Silberman. The Bible Unearthed: Archaeology’s New Vision of Ancient Israel and the Origin of Its Sacred Texts. New York: Free Press, 2001.
---. *David and Solomon: In Search of the Bible’s Sacred Kings and the Roots of the Western Tradition.* New York: Free Press, 2006.
Fischel, Walter Joseph. “Nishapur.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 15, 275. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Fischel, Walter Joseph, Hayyim J. Cohen, and Amnon Netzer. “Isfahan.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 10, 79-80. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Flavius, Josephus. *Josephus: The Complete Works.* Translated by William Whiston. Nashville, TN: T. Nelson, 1998.
Flesher, Paul V. M. “Palestinian Synagogues before 70 C.E.: A Review of the Evidence.” In *Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery*, edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 27-39. Leiden: Brill, 1998.
Flusser, David. *Judaism and the Origins of Christianity.* Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 1988.

https://thuviensach.vn

Fornasari, Marco. *Il "Thesoro" della cittá: Il Monte di Pietá e l'economia bolognese nei secoli XV e XVI.* Bologna: Il Mulino, 1993.
Fossier, Robert. *Peasant Life in the Medieval West.* New York: Blackwell, 1988.
Fox, Robin Lane. *Pagans and Christians.* New York: Knopf, 1987.
Frank, Tenney. *Economic Survey of Ancient Rome.* Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1938.
Frend, William H. C. *The Archaeology of Early Christianity: A History.* Minneapolis: Fortress Press, 1996.
Friedman, Richard E. *Who Wrote the Bible?* New York: HarperCollins, 1997.
Fuchs, Daniel, and Harold A. Sevener. *From Bondage to Freedom: A Survey of Jewish History from the Babylonian Captivity to the Coming of the Messiah.* Neptune, NJ: Loizeaux, 1995.
Fuss, Abraham M. "Inter-Jewish Loans in Pre-Expulsion England." *Jewish Quarterly Review* 65, no. 4 (1975): 229-45.
Gafni, Isaiah. *Jews of Babylonia in the Talmudic Era.* Jerusalem: Zalman Shazar Center for Jewish History, 1990 (in Hebrew).
---. "Synagogues in Babylonia in the Talmudic Period." In *Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery,* edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. I, 221-31. Leiden: Brill, 1998.
Galor, Oded, and Omer Moav. "Natural Selection and the Origin of Economic Growth." *Quarterly Journal of Economics* 117, no. 4 (2002): 1133-91.
Gampel, Benjamin. *The Last Jews on Iberian Soil.* Berkeley: University of California Press, 1989.
---, ed. *Crisis and Creativity in the Sephardic World, 1391-1648.* New York: Columbia University Press, 1998.
Georgi, Dieter. "The Early Church: Internal Jewish Migration or New Religion?" *Harvard Theological Review* 88, no. 1 (1995): 35-68.
Ghosh, Amitav. *In an Antique Land.* New York: Vintage, 1992.

https://thuviensach.vn

Gil, Moshe. “The Radhanite Merchants and the Land of Radhan.” *Journal of the Economic and Social History of the Orient* 17, no. 3 (1976): 299-328.
---. *A History of Palestine, 634-1099.* Cambridge: Cambridge University Press, 1992.
---. *Jews in Islamic Countries in the Middle Ages.* Translated by David Strassler. *Leiden: Brill, 2004.*
---. *And the Roman Was Then in the Land.* Tel Aviv: Hakibutz Ha-meukhad, 2008.
Gilat, Yitzhak Dov. “Kallah, Months of.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 11, 741-42. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Ginzberg, Louis. *Students, Scholars, and Saints.* 2nd ed. Philadelphia: The Jewish Publication Society of America, 1943.
Glaeser, Edward L., and José A. Scheinkman. “Neither a Borrower nor a Lender Be: An Economic Analysis of Interest Restrictions and Usury Laws.*” Journal of Law and Economics* 41, no. 1 (1998): 1-36.
Glick, Leonard B. *Abraham’s Heirs: Jews and Christians in Medieval Europe.* Syracuse, NY: Syracuse University Press, 1999.
Glick, Thomas F. “On Converso and Marrano Ethnicity.” In *Crisis and Creativity in the Sephardic World, 1391-1648,* edited by Benjamin Gampel, 59-76. New York: Columbia University Press, 1998.
Goitein, Shelomo Dov. *Jews and Arabs: Their Contact through the Ages.* New York: Schocken Books, 1955.
---. “Glimpses from the Cairo Geniza on Naval Warfare in the Mediterranean and on the Mongol Invasion.” In *Studi Orientalistici in onore di Giorgio Levi Della Vida,* 393-408. Rome: Istituto per I’Oriente, 1956.
---. *Jewish Education in Muslim Countries during the Geonim and the Rambam*: New Sources from the Cairo Geniza. *Jerusalem: Yad Yitzhak Ben-Zvi Institute, 1962 (in Hebrew).*
---. *A Mediterranean Society: The Jewish Communities of the Arab World as Portrayed in the Documents of the Cairo Geniza.* 5 vols. Los Angeles: University of California Press, 1967-1988.

https://thuviensach.vn

---. *Letters of Medieval Jewish Traders.* Translated from the Arabic with introductions and notes by Shelomo Dov Goitein. Princeton, NJ: Princeton University Press, 1973.
Goitein, Shelomo Dov, and Mordechai Akiva Friedman. *India Traders of the Middle Ages. Documents from the Cairo Geniza "India Book."* Leiden: Brill, 2007.
Goldin, Simha. "Companies of Disciples and Companies of Colleagues: Communication in Jewish Intellectual Circles." In *Communication in the Jewish Diaspora: The Pre-Modern World*, edited by Sophia Menache, 127-39. Leiden: Brill, 1996.
Goldthwaite, Richard A. *Banks, Palaces, and Entrepreneurs in Renaissance Florence.* Aldershot, UK: Ashgate, 1995.
Goodblatt, David. *Rabbinic Instruction in Sasanian Babylonia.* Leiden: Brill, 1974.
---. "The Talmudic Sources on the Origins of Organized Jewish Education." *In* Studies in the History of the Jewish People and the Land of Israel *5 (1980): 83-103.*
---. "The History of the Babylonian Academies." In *The Cambridge History of Judaism.* Vol. 4, *The Late Roman-Rabbinic Period,* edited by Steven T. Katz, 821- 39. New York: Cambridge University Press, 2006a.
---. "The Jews in Babylonia 66-235 CE." In *The Cambridge History of Judaism.* Vol. 4, *The Late Roman-Rabbinic Period,* edited by Steven T. Katz, 82-90. New York: Cambridge University Press, 2006b.
---. "The Political and Social History of the Jewish Community in the Land of Israel, c. 235-638." In *The Cambridge History of Judaism.* Vol. 4, *The Late Roman- Rabbinic Period,* edited by Steven T. Katz, 404-30. New York: Cambridge University Press, 2006c.
Goodman, Martin. *The Ruling Class of Judaea: The Origins of the Jewish Revolt against Rome, AD 66-70.* Cambridge: Cambridge University Press, 1987.
---. *Mission and Conversion: Proselytizing in the Religious History of the Roman Empire.* Oxford: Clarendon Press, 1994.

https://thuviensach.vn

---, *ed. Jews in a Graeco-Roman World.* Oxford: Clarendon Press, 1998.
---. “Trajan and the Origins of Roman Hostility to the Jews.” *Past and Present* 182 (2004): 3-31.
---. *Rome and Jerusalem: The Clash of Ancient Civilizations.* London: Penguin, *2008.*

https://thuviensach.vn

Grabbe, Lester L. “Synagogues in Pre-70 Palestine: A Re-assessment.” In Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery, edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1,17-26. Leiden: Brill, 1998.

Greenberg, Moshe, and Haim Hermann Cohn. “Herem.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 9, 10-16. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Greenberg, Simon. “Jewish Educational Institutions.” In *The Jews, Their History, Culture, and Religion,* edited by Louis Finkelstein, vol. 2, 1254-87. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960.

Greif, Avner. “Reputation and Coalitions in Medieval Trade: Evidence on the Maghribi Traders.*”* *Journal of Economic History* 49, no. 4 (1989): 857-82.

---. “Contract Enforceability and Economic Institutions in Early Trade: The Maghribi Traders’ Coalition.” *American Economic Review* 83, no. 3 (1993): 525-48.

---. “Cultural Beliefs and the Organization of Society: A Historical and Theoretical Reflection on Collectivist and Individualist Societies.” *Journal of Political Economy* 102, no. 5 (1994): 912-50.

---. *Institutions and the Path to the Modern Economy: Lessons from Medieval Trade.* Cambridge: Cambridge University Press, 2006.

Griffin, Miriam T. *Nero: The End of a Dynasty.* New Haven, CT: Yale University Press, 1984.

Griffiths, J. Gwyn. “Egypt and the Rise of the Synagogue.” In Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery, edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 3-16. Leiden: Brill, 1998.

Grintz, Yehoshua M., and Raphael Posner. “Jew.” In *Encyclopedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 11, 253-55. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Grossman, Avraham. “Relations between Spanish and Ashkenazi Jewry in the Middle Ages.” In *The Sephardi Legacy,* edited by Haim Beinart, vol. 1, 220-39. Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 1992.

https://thuviensach.vn

---. “The Yeshivot in Babylonia, Germany, and France from the Ninth to the Eleventh Centuries.” In *Education and History,* edited by Immanuel Etkes, 79-99. Jerusalem: Zalman Shazar Center, 1999 (in Hebrew).
Guinnane, Timothy W. “Cooperatives as Information Machines: German Rural Credit Cooperatives, 1883-1914.” *Journal of Economic History* 61, no. 2 (2001): 366-89.
Guiso, Luigi, Paola Sapienza, and Luigi Zingales (2003). “People’s Opium? Religion and Economic Attitudes.” Journal of Monetary Economics 50 (2003): 225-82.
---. “Does Culture Affect Economic Outcomes?” *Journal of Economic Perspectives* 20, no. 2 (2006): 23-48.
Gustafsson, Bo. “The Rise and Economic Behavior of Medieval Craft Guilds: An Economic-Theoretical Interpretation.” *Scandinavian Journal of Economics* 35, no. 1 (1987): 1-40.
Haas, Peter. “The Am Ha-aretz as Literary Character.” In *From Ancient Israel to Modern Judaism: Intellect in Quest of Understanding; Essays in Honor of Marvin Fox*, edited by Jacob Neusner, vol. 2, 139-53. Atlanta: Scholars Press, 1989.
Hachlili, Rachel. *Ancient Jewish Art and Archeology in the Land of Israel.* Leiden: Brill, 1988.
---,*ed. Ancient Synagogues in Israel: Third-Seventh Century C.E.* Oxford: BAR, 1989.
Haim, Abraham. “Kufa.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 12, 379. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Halpern, Israel. “The Jews in Eastern Europe (From Ancient Times until the Partitions of Poland, 1772-1775).” In *The Jews: Their History, Culture, and Religion,* edited by Louis Finkelstein, vol. 1, 287-321. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960.
Hamel, Gildas. *Poverty and Charity in Roman Palestine, First Three Centuries C.E.* Berkeley: University of California Press, 1990.

https://thuviensach.vn

Hammer, M. F., A. J. Redd, E. T. Wood, M. R. Bonner, H. Jarjanazi, T. Karafet, S. Santachiara-Benerecetti, A. Oppenheim, M.A. Jobling, T. Jenkins, H. Ostrer, and B. Bonnè-Tamir. “Jewish and Middle Eastern non-Jewish Populations Share a Common Pool of Y-Chromosome Biallelic Haplotypes.” *Proceedings of the National Academy of Sciences* (2000): 1-6.

Harnack, Adolf von. *The Mission and Expansion of Christianity in the First Three Centuries*. 2 vols. London: Williams and Norgate; New York, G. P. Putnam, 1908.

Harris, William V. *Ancient Literacy.* Cambridge, MA: Harvard University Press, 1991.

Heertje, Arnold. “The Dutch and Portuguese-Jewish Background of David Ricardo.” In *European Journal History of Economic Thought* 11, no. 2 (2004): 281-94.

Herr, Mosheh David, and Aharon Oppenheimer. “Social-Economic and Cultural-Religious History from the Destruction of the Second Temple to the Division of the Empire (70-395 CE).” In *The History of Eretz Yisrael: The Roman-Byzantine Period, the Mishna and Talmud Period, and the Byzantine Rule (70-640),* edited by Mosheh David Herr, 107-229. Jerusalem: Keter, 1990 (in Hebrew).

Hertzberg, Arthur, and Fred Skolnik. “Jewish Identity.” In *Encyclopedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 11, 292-99. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Hezser, Catherine. *Jewish Literacy in Roman Palestine.* Tübingen: Mohr Siebeck, 2001.

Hodges, Richard. *Towns and Trade in the Age of Charlemagne.* London: Duckworth, 2000.

Holo, Joshua. *Byzantine Jewry in the Mediterranean Economy.* Cambridge: Cambridge University Press, 2009.

Hunt, Edwin. *The Medieval Super-Companies: A Study of the Peruzzi Company of Florence.* Cambridge: Cambridge University Press, 1994.

Iannaccone, Laurence R. “Sacrifices and Stigma: Reducing the Free-Riding in Cults, Communes and Other Collectives.” *Journal of Political Economy*

https://thuviensach.vn

100, no. 2 (1992): 271-91.
---. “Introduction to the Economics of Religion.” *Journal of Economic Literature* 36, no. 3 (1998): 1465-95.
Iannaccone, Laurence R., Rodney Stark, and Roger Finke. “Rationality and the ‘Religious Mind.’” *Economic Inquiry* 36, no. 3 (1998): 373-89.
Ilan, Zvi. “The Synagogue and House of Study at Meroth.” In *Ancient Synagogues: Historical and Archaeological Study*, edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 256-87. Leiden: Brill, 1998.
Isaac, Benjamin. “Jews, Christians and Others in Palestine: The Evidence from Eusebius.” In *Jews in a Graeco-Roman World,* edited by Martin Goodman, 65-74. Oxford: Clarendon Press, 1998.
Issawi, Charles. “The Area and Population of the Arab Empire: an Essay in Speculation.” In *The Islamic Middle East, 700-1900: Studies in Economic and Social History,* edited by Abraham L. Udovitch, 375-96. Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.
Jacobs, Joseph. “When Did the Jews First Settle in England?” *Jewish Quarterly Review 1* (1889): 286-88.
---. “Notes on the Jews of England under the Angevin Kings.” *Jewish Quarterly Review* 4 (1892): 628-55.
---. *The Jews of Angevin England. Documents and Records, from Latin and Hebrew Sources.* London: D. Nutt, 1893.
---. “The Typical Character of Anglo-Jewish History.” *Jewish Quarterly Review* 10 (1898): 217-37.
Jacobs, Louis. “The Economic Conditions of the Jews in Babylon in Talmudic Times Compared with Palestine.” In *History of the Jews in the Second through Seventh Centuries of the Common Era. Origins of Judaism,* edited by Jacob Neusner, vol. 8, pt. I, 333-43. New York: Garland, 1990.
Jacoby, David. “The Jews in Byzantium and the Eastern Mediterranean: Economic Activities from the Thirteenth to the Mid-Fifteenth Century.” In *Wirtschaftsgeschichte der mittelalterlichen Juden. Fragen und Einschtzungen,* edited by Michael Toch, 25-48. Munich: Oldebourg, 2008.

https://thuviensach.vn

---. “The Jews in the Byzantine Economy, Seventh to Mid-Fifteenth Century.” In *Jews in Byzantium. Dialectics of Minority and Majority Cultures,* edited by Robert Bonfil, Oded Irshai, Guy G. Stroumsa, Rina Talgam. Leiden: Brill, 2011.

Jones, Arnold H. M. *The Later Roman Empire 284-602: A Social, Economic, and Administrative Survey.* 2 vols. Oxford: Blackwell, 1964.

Jones, F. Stanley. *An Ancient Jewish Christian Source on the History of Christianity: Pseudo-Clementine Recognitions 1.27-71*. Texts and Translations 37. Christian Apocrypha Series 2. Atlanta: Scholars Press, 1995.

Jones, Lindsay, ed. *Encyclopedia of Religion.* 2nd ed. 15 vols. New York: Macmillan Reference, 2004.

Juster, Jean. *La condition legale des juifs sous les rois visigoths.* Paris: Paul Geuthner, 1912.

---. *Les Juifs dans l’Empire Romain: leur condition juridique, économique et sociale. 2 vols. Paris: Paul Geuthner, 1914.*

Kalmin, Richard. *The Sage in Jewish Society of Late Antiquity.* London: Routledge Press, 1999.

Kanarfogel, Ephraim. *Jewish Education and Society in the High Middle Ages.* Detroit: Wayne State University Press, 1992.

Karlin, Samuel, Ron Kennet, and Batsheva Bonné-Tamir. “Analysis of Biochemical Genetic Data of Jewish Populations.” *American Journal of Human Genetics* 31 (1979): 341-65.

Kasher, Aryeh. *The Jews in Hellenistic and Roman Egypt: The Struggle for Equal Rights.* Tübingen: Mohr Siebeck, 1985.

---. “Synagogues as Houses of Prayer and Holy Places in the Jewish Communities of Hellenistic and Roman Egypt.” In Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery, edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 205-20. Leiden: Brill, 1998.

Kasher, Aryeh, Aharon Oppenheimer, and Uriel Rappaport, eds. *Synagogues in Antiquity.* Jerusalem: Yad Yitzhak Ben-Tzvi, 1987 (in Hebrew).

https://thuviensach.vn

Katz, Jacob. *Exclusiveness and Tolerance: Studies in Jewish-Gentile Relations in Medieval and Modern Times.* Oxford: Oxford University Press, 1961.
---. “Considerations on the Relationship between Religion and the Economy.” In *Religion and Economy: Connection and Interaction*, edited by Menahem Ben-Sasson, 33-46. Jerusalem: Zalman Shazar Center, 1995.
Katz, Solomon. *The Jews in the Visigothic and Frankish Kingdoms of Spain and Gaul*. Cambridge, MA: Mediaeval Academy of America, 1937.
Kessel, Reuben. “Price Discrimination in Medicine.” *Journal of Law and Economics 1* (1958): 20-53.
Kestenberg-Gladstein, R. “The Early Jewish Settlement in Central and Eastern Europe: Bohemia.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096,* edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 309-12. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966.
Kirshner, Julius. “The Moral Problem of Discounting Genoese Paghe, 1450-1550.” *Archivum Fratrum Praedicatorum* 47 (1977): 109-67.
---. “Encumbering Private Claims to Public Debt in Renaissance Florence.” *In* The Growth of the Bank as Institution and the Development of Money-Business Law*, edited by Vito Piergiovanni, 19-76. Berlin: Duncker & Humblot, 1993.*
Kremer, Michael. “Population Growth and Technological Change: One Million B.C. to 1990.*” Quarterly Journal of Economics* 108, no. 4 (1993): 681-716.
Kuran, Timur. “The Economic Ascent of the Middle East’s Religious Minorities: The Role of Islamic Legal Pluralism.” *Journal of Legal Studies* 33, no. 2 (2004): 475-515.
---. “Economic Development in the Middle East: The Historical Roles of Culture, Institutions, and Religion.” In *Culture and Development*, edited by Jean-Philippe Platteau, 87-102. New York: Routledge, 2010a.
---. *The Long Divergence: How Islamic Law Held Back the Middle East.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2010b.

https://thuviensach.vn

---. “The Scale of Entrepreneurship in Middle Eastern History: Inhibitive Roles of Islamic Institutions.” In *The Invention of Enterprise: Entrepreneurship from Ancient Mesopotamia to Modern Times*, edited by William J. Baumol, David S. Landes, and Joel Mokyr, 62-87. Princeton, NJ: Princeton University Press, 2010c.

Kuznets, Simon. “Economic Structure and Life of the Jews.” In *The Jews: Their History, Culture, and Religion,* edited by Louis Finkelstein, 1597-1666. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960.

---. *Economic Structure of U.S. Jewry: Recent Trends.* Jerusalem: Institute of *Contemporary Jewry, Hebrew University of Jerusalem, 1972.*

Lambton, Ann K. S. *Continuity and Change in Medieval Persia: Aspects of Administrative, Economic, and Social History, 11th-14th Century.* Albany, NY: Bibliotheca Persica, 1988.

Lane, Frederic C., and Reinhold C. Mueller. *Money and Banking in Medieval and Renaissance Venice: Coins and Moneys of Account.* Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1985.

Lapidus, Ira M. “Arab Settlement and Economic Development of Iraq and Iran in the Age of the Umayyad and the Early Abbasid Caliphs.” In *The Islamic Middle East, 700-1900: Studies in Economic and Social History,* edited by Abraham L. Udovitch, 177-208. Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.

Latourette, Kenneth S. *A History of Christianity.* Vol. 1, *To A.D. 1500.* New York: Harper & Row, 1975.

Le Goff, Jacques. *Medieval Civilization.* London: Blackwell, 1988.

Leibner, Uzi. “Settlement and Demography in Late Roman and Byzantine Eastern Galilee.” In *Settlements and Demography in the Near East in Late Antiquity,* edited by Ariel S. Lewin and Pietrina Pellegrini, vol. 2, 105-30. Pisa: Istituti Editoriali e Poligrafici Internazionali, 2006.

---. *Settlement and History in Hellenistic, Roman, and Byzantine Galilee: An Archaeological Survey of the Eastern Galilee.* Tübingen: Mohr Siebeck, 2009.

https://thuviensach.vn

Levine, Lee I., ed. *Ancient Synagogues Revealed.* Detroit: Wayne State University Press, 1982.
---.“The Synagogue in the Time of the Second Temple—Its Character and Development.” In *Synagogues in Antiquity,* edited by Aryeh Kasher, Aaron Oppenheimer, and Uriel Rappaport, 11-30. Jerusalem: Yad Yitzhak Ben-Tzvi, 1987.
---. “The Hellenistic-Roman Diaspora, 70-235 C.E.: The Archaeological Evidence.” In *The Cambridge History of Judaism,* vol. 3, 991-1024. Cambridge: Cambridge University Press, 1999.
---. *The Ancient Synagogue: The First Thousand Years.* 2nd ed. New Haven, CT: Yale University Press, 2005.
Levy, Tony. “Hebrew Mathematics in the Middle Ages: An Assessment.” In *Tradition, Transmission, Transformation*, edited by F. Jamil Ragep and Sally P. Rajep with Steven Livesey, 71-88. Leiden: Brill, 1996.
Lewis, Bernard. *Studies in Classical and Ottoman Islam, 7th-16th Centuries.* London: Variorum, 1976.
---. *The Jews of Islam.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 1984.
---. *The Arabs in History.* 6th ed. New York: Oxford University Press, 2002.
Limor, Ora. “Resemblance and Difference.” In *Jews and Christians in Western Europe: Encounter between Cultures in the Middle Ages and the Renaissance,* edited by Ora Limor, vol. 2, 156-286. Tel Aviv: Open University Press, 1993.
Limor, Ora, and Amnon Raz-Krakotzkin. “Majority and Minority.” In *Jews and Christians in Western Europe: Encounter between Cultures in the Middle Ages and the Renaissance*, edited by Ora Limor, vol. 2, 1-145. Tel Aviv: Open University Press, 1993.
Linder, Amnon. *The Jews in Roman Imperial Legislation.* Jerusalem: Israel Academy of Sciences and Humanities, 1987.
---. *The Jews in the Legal Sources of the Early Middle Ages.* Jerusalem: Israel Academy of Sciences and Humanities, 1997.
Lopez, Robert. *The Commercial Revolution of the Middle Ages, 950-1350.* Cambridge: Cambridge University Press, 1976.

https://thuviensach.vn

Louth, Andrew. “The Byzantine Empire in the Seventh Century.” In *The New Cambridge Medieval History,* edited by Paul Fouracre, vol. 1, chap. 11. Cambridge: Cambridge University Press, 2005.
Lucas, Robert E. “Life Earnings and Rural-Urban Migration.” *Journal of Political Economy* 112, no. S1 (2004): S29-S59.
Lüdemann, Gerd. *Opposition to Paul in Jewish Christianity.* Minneapolis: Fortress Press, 1989.
Luzzati, Michele. “I legami tra i banchi ebraici toscani e i banchi veneti e dell’Italia settentrionale.” In *Gli ebrei e Venezia, secoli XIV-XVIII,* edited by Gaetano Cozzi, 571-94. Milan: Edizioni Comunitá, 1987.
---. “Banchi e insediamenti ebraici nell’Italia centro-settentrionale fra tardo medioevo e inizi dell’etá modema.” In *Storia d’Italia: Annali II, Gli ebrei in Italia,* edited by Corrado Vivanti, 175-238. Turin: Einaudi Editore, 1996.
Luzzati, Michele, and Alessandra Veronese. *Banche e banchieri a Volterra nel Medio-evo e nel Rinascimento.* Pisa: Pacini Editore, 1993.
Luzzatto, Gino. *I banchieri ebrei in Urbino nell’etá ducale: Appunti di storia economica con appendice di documenti.* Bologna: Fomi Editore, 1902.
Lynch, Joseph. *The Medieval Church: A Brief History.* London: Longman, 1992.
MacMullen, Ramsay. *Christianizing the Roman Empire (A.D. 100-400).* New Haven, CT: Yale University Press, 1984.
Malanima, Paolo. “Urbanisation and the Italian Economy during the Last Millennium.” *European Review of Economic History* 9, no. 1 (2005): 97-122.
---. “Wages, Productivity and Working Time in Italy 1300-1913.” *Journal of European Economic History* 36, no. 1 (2007): 127-74.
Mailer, Julius B. “The Role of Education in Jewish History.” In *The Jews: Their History, Culture, and Religion,* edited by Louis Finkelstein, vol. 2, 1234-53. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960.
Mann, Jacob. *The Responsa of the Babylonian Geonim as a Source of Jewish History.* Philadelphia: Dropsie College for Hebrew and Cognate

https://thuviensach.vn

Learning, 1917-1921.
---. *The Jews in Egypt and in Palestine under the Fatimid Caliphs.* London: Oxford University Press, 1920-1922.
Mansoor, Menahem. “Pharisees.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 16, 30-32. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007a.
---. “Sadducees.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 17, 654-55. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007b.
Marcus, David, Haïm Z’ew Hirschberg, and Abraham Ben-Yaacob. “Ezra.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 6, 652-54. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Marcus, Jacob. *The Jew in the Medieval World: A Sourcebook, 315-1791.* Cincinnati: Sinai Press, 1938.
Marrou, Henri I. *A History of Education in Antiquity.* Madison: University of Wisconsin Press, 1982.
Marx, Karl. “Zur Judenfrage [On the Jewish Question].” In *Deutsch-Französische Jahrbücher* (February 1844). Reprinted in Karl Marx and Friedrich Engels, *Werke,* 16th ed., vol. 1, 347-77. Berlin: Dietz Verlag, 2007.
McCleary, Rachel M., ed. *The Oxford Encyclopedia of the Economics of Religion.* Oxford: Oxford University Press, 2011.
McCleary, Rachel M., and Robert J. Barro. “Religion and Economic Growth across *Countries.” American Sociological Review* 68, no. 5 (2003): 760-81.
---. “Religion and Economy.” *Journal of Economic Perspectives* 20, no. 2 (2006): 49-72.
McEvedy, Colin, and Richard Jones. Atlas of World Population History. New York: Penguin, 1978.
Meeks, Wayne A. *The First Urban Christians: The Social World of the Apostle Paul.* New Haven, CT: Yale University Press, 1983.
Menning, Carolyn B. *Charity and State in Late Renaissance Italy: The Monte di Pietá of Florence.* Ithaca: Cornell University Press, 1993.

https://thuviensach.vn

Milano, Attilio. “Considerazion sulla lotta dei Monti di Pietá contro il prestito ebraico.” In *Scritti in onore di Sally Mayer,* edited by Umberto Nahon, 199-221. Jerusalem: Israel Academy of Sciences and Humanities, 1956.

---. *Storia degli ebrei in Italia.* Turin: Einaudi Editore, 1963.

Milano, Attilio, Daniel Carpi, Sergio Itzhak Minerbi, Sergio DellaPergola, Lisa Palmieri-Billig, and Yohanan Meroz. “Italy.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 10, 795-816. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.

Millard, Alan R. *Reading and Writing in the Time of Jesus.* Sheffield: Sheffield Academic Press, 2000.

Mokyr, Joel. *The Lever of Riches. Technological Creativity and Economic Progress.* New York: Oxford University Press, 1990.

---. *The Gifts of Athena: Historical Origins of the Knowledge Economy.* Princeton, *NJ: Princeton University Press, 2002.*

---. “Long-Term Economic Growth and the History of Technology.” In *Handbook of Economic Growth*, vol. 1b, edited by Philippe Aghion and Steven N. Durlauf, 1113-80. Amsterdam: North-Holland, 2005.

---. “The Institutional Origins of the Industrial Revolution.” In *Institutions and Economic Performance*, edited by Elhanan Helpman, 64-119. Cambridge, MA: Harvard University Press, 2008.

---. “Intellectual Property Rights, the Industrial Revolution, and the Beginnings of Modern Economic Growth.” *American Economic Review Papers and Proceedings* 99, no. 2 (2009): 349-55.

---. “The Economics of Being Jewish.” *Critical Review* 23, no. 1-2 (2011): 195-206.

Mokyr, Joel, and Joachim Voth. “Understanding Growth in Europe, 1700-1870: Theory and Evidence.” In *Cambridge Economic History of Modern Europe, Volume 1:1700-1870*, edited by Stephen Broadberry and Kevin H. O’Rourke, 7-42. Cambridge: Cambridge University Press, 2010.

Molho, Anthony. *Florentine Public Finances in the Early Renaissance, 1400-1433.* Cambridge, MA: Harvard University Press, 1971.

https://thuviensach.vn

---. “The State and Public Finance: A Hypothesis Based on the History of Late Medieval Florence.” In *The Origins of the State in Italy, 1300-1600*, edited by Julius Kirshner, 97-135. Chicago: University of Chicago Press, 1995.
Montgomery, James A. *The Samaritan:. The Earliest Jewish Sect; Their History, Theology, and Literature.* New York: Ktav, 1968.
Morgan, Gwyn. 69 *AD: The Tear of Four Emperors.* Oxford: Oxford University Press, 2006.
Morony, Michael G. “Religious Communities in Late Sasanian and Early Muslim Iraq.” Journal of the Economic and Social History of the Orient 17, no. 2 (1974): 113-135.
---. “Landholding in Seventh-Century Iraq: Late Sasanian and Early Islamic Patterns.” In *The Islamic Middle East, 700-1900: Studies in Economic and Social History,* edited by Abraham L. Udovitch, 135-76. Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.
Morris, Nathan. *A History of Jewish Education from the Earliest Times to the Sixteenth Century.* 2 vols. Jerusalem: Rubin Mas, 1977 (in Hebrew).
Mueller, Reinhold C. “Charitable Institutions, the Jewish Community, and Venetian Society. A Discussion of the Recent Volume of Brian Pullan.” *Studi Veneziani* 14, no. 1 (1972): 37-82.
---. “Pratiques économiques et groupes sociaux.” *Annales* 30, no. 5 (1975): 1277-1302.
---. *The Venetian Money Market: Banks, Panics and the Public Debt, 1200-1500.* Vol. 2 of *Money and Banking in Medieval and Renaissance Venice.* Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1997.
---. “The Status and Economic Activity of Jews in the Venetian Dominions during the Fifteenth Century.” In *Wirtschaftsgeschichte der mittelalterlichen Juden: Fragen und Einschtzungen,* edited by Michael Toch, 63-92. Munich: Oldebourg, 2008.
Mullen, Roderic L. *The Expansion of Christianity: A Gazetteer of Its First Three Centuries.* Leiden: Brill, 2004.

https://thuviensach.vn

Muller, Jerry Z. *Capitalism and the Jews.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2010.
Mundill, Robin R. “Lumbard and Son: The Businesses and Debtors of Two Jewish Moneylenders in Late Thirteenth-Century England.” *Jewish Quarterly Review* 82, no. 1-2 (1991): 137-70.
---. *The King’s Jews: Money, Massacre, and Exodus in Medieval England.* London: Continuum, 2010.
Munro, John H. “The Medieval Origins of the Financial Revolution: Usury, Rentes, and Negotiability.” *International History Review* 25, no. 3 (2003): 505-62.
Murray, Charles. “Jewish Genius.” *Commentary* (2007): 29-35.
Musallam, Basim. “Birth Control and Middle Eastern History: Evidence and Hypotheses.” In *The Islamic Middle East, 700-1900: Studies in Economic and Social History*, edited by Abraham L. Udovitch, 429-69. Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.
Muzzarelli, Maria Giuseppina. *Ebrei e cittá d’Italia in etá di transizione: Il caso di Cesena dal XIV al XVI secolo.* Bologna: CLUEB, 1984.
---, ed. *Banchi ebraici a Bologna nel quindicesimo secolo.* Bologna: II Mulino, 1994.
Nakosteen, Mehdi Khan. *History of Islamic Origins of Western Education, A.D. 800- 1350.* Boulder: University of Colorado Press, 1964.
Nelson, Benjamin. *The Idea of Usury: From Tribal Brotherhood to Universal Other-hood.* Chicago: University of Chicago Press, 1969.
Neusner, Jacob. *A History of the Jews in Babylonia.* 5 vols. Leiden: Brill, 1965-1970.
---. *Talmudic Judaism in Sasanian Babylonia: Essays and Studies.* Leiden: Brill, 1976.
---. *School, Court, Public Administration: Judaism and Its Institutions in Talmudic Babylonia.* Atlanta: Scholars Press, 1987.
---, ed. *Judaism and Christianity in the First Century.* New York: Garland, 1990a.

https://thuviensach.vn

---. *Judaism, Christianity, and Zoroastrianism in Talmudic Babylonia.* Atlanta: Scholars Press, 1990b.
---. "New Perspectives on Babylonian Jewry in the Tannaitic Age." In *History of the Jews in the Second through Seventh Centuries of the Common Era: Origins of Judaism,* edited by Jacob Neusner, vol. 8, pt. 1, 430-56. New York: Garland, 1990c.
---, ed. *The Pharisees and Other Sects.* New York: Garland, 199od.
---. "Some Aspects of the Economic and Political Life of Babylonian Jewry, ca. 160-220 C.E." In *History of the Jews in the Second Century of the Common Era: Origins of Judaism,* edited by Jacob Neusner, vol. 7, 165-96. New York: Garland, 199oe.
---. *Judaism in the Matrix of Christianity.* Atlanta: Scholars Press, 1991.
---. *The Economics of the Mishna.* Atlanta: Scholars Press, 1998.
Newman, Julius. *The Agricultural Life of the Jews in Babylonia between the Years 200 C.E. and 500 C.E.* London: Oxford University Press, 1932.
Nock, Arthur D. *Conversion: The Old and the New in Religion from Alexander the Great to Augustine of Hippo.* London: Oxford University Press, 1969.
Noonan, John T. *The Scholastic Analysis of Usury.* Cambridge, MA: Harvard University Press, 1957.
North, Douglass C. *Institutions, Institutional Change, and Economic Performance.* Cambridge: Cambridge University Press, 1990.
O'Connor, Michael P. "Epigraphic Semitic Scripts." In *The World's Writing Systems,* edited by Peter T. Daniels and William Bright, 88-107. Oxford: Oxford University Press, 1996.
Ó Gráda, Cormac. *Jewish Ireland in the Age of Joyce: A Socioeconomic History.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2006.
Olson, Birger, and Magnus Zetterholm, eds. *The Ancient Synagogue from Its Origins until 200 C.E.* Stockholm: Almqvist & Wiksell International, 2003.
Oppenheimer, Aharon. *The am ha-aretz: A Study in the Social History of the Jewish People in the Hellenistic-Roman Period.* Leiden: Brill, 1977.
---. "The Uniqueness of the House of Study." *Cathedra* 18 (1981): 45-48.

https://thuviensach.vn

---. “Babylonian Synagogues with Historical Associations.” In *Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery,* edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 40-48. Leiden: Brill, 1998.
---. *Between Rome and Babylon.* Texts and Studies in Ancient Judaism, 108. Tübingen: Mohr Siebeck, 2005.
---. “Terumot and Ma’aserot.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 19, 652-54. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Ovadiah, Asher. “Ancient Synagogues in Asia-Minor.” In *Proceedings of the 10th International Congress of Classical Archaeology,* edited by Ekrem Akurgal, 857-66. Ankara: Turk Tarih Kurumu, 1978.
Ovrut, Barnett D. “Edward I and the Expulsion of the Jews.” *Jewish Quarterly Review* 67, no. 4 (1977): 224-35.
Pakter, Walter. *Medieval Canon Law and the Jews.* Ebelsbach: Verlag Rolf Gremer, 1988.
Parkes, James W. *The Conflict of the Church and the Synagogue: A Study in the Origins of Antisemitism.* New York: Jewish Publication Society, 1934.
---. *The Jew in the Medieval Community: A Study of His Political and Economic* Situation. London: Soncino Press, 1938.
Pease, Steven L. *The Golden Age of Jewish Achievement.* Sonoma: Deucalion, 2009.
Perlow, Towa. *L’Education et l’Enseignement chez les Juifs a l’epoque talmudique*. Paris: E. Leroux, 1931.
Petrushevsky, Ilyia Pavlovich. “The Socio-Economic Condition of Iran under the Il-Khans.” In *The Cambridge History of Iran,* vol. 5, *The Saljuq and Mongol Periods,* edited by J. A. Boyle, 483-537. Cambridge: Cambridge University Press, 1968.
Pezzolo, Luciano. “Government Debts and Credit Markets in Renaissance Italy.” Manuscript, University of Venice, 2007.
Philippon, Thomas, and Ariell Reshef. “Wages and Human Capital in the U.S. Financial Industry: 1909-2006.” NBER Working Paper No. 14644, 2009.

https://thuviensach.vn

Philo. “On the Embassy to Gaius.” In *Philo: Volume X*, translated by Francis H. Colson. Loeb Classical Library 379. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1962.
Pini, Antonio Ivan. “Famiglie, insediamenti e banchi ebraici a Bologna e nel bolognese nella seconda metá del Trecento.” *Quaderni Storici* 54, no. 3 (1983): 783-814.
Pirenne, Henry. Mohammed and Charlemagne. London: George Allen & Unwin, 1954.
Pisa, Franco. “Sulle attivitá bancarie locali nell”Italia dei secoli XIV-XVI.” *Zakhor Rivista di storia degli ebrei in Italia* 1 (1997): 113-49.
Pullan, Brian. *Rich and Poor in Renaissance Venice: The Social Institutions of a Catholic State, to 1620.* Cambridge, MA: Harvard University Press, 1971.
---. “Jewish Moneylending in Venice: From Private Enterprise to Public Service.” In *Gli ebrei e Venezia, secoli XIV-XVIII*, edited by Gaetano Cozzi, 671-86. Milan: Edizioni Comunitá, 1987.
Raphael, Chaim. *The Road from Babylon. The Story of Sephardi and Oriental Jews.* “New York: Harper and Row, 1985.
Rapoport, Hillel, and Avi Weiss. “In-group Cooperation in a Hostile Environment: An Economic Perspective on Some Aspects of Jewish Life in (Pre-modern) Diaspora.” *In Jewish Society and Culture: An Economic Perspective*, edited by Carmel Chiswick, Tikva Lecker, and Nava Kahana, 103-28. Ramat Gan: Bar-Ilan University Press, 2007.
Reed, Clyde G., and Cliff T. Bekar. “Religious Prohibitions against Usury.” *Explorations in Economic History* 40, no. 4 (2003): 347-68.
Reich, Nathan. “The Economic Structure of Modern Jewry.” In *The Jews: Their History, Culture, and Religion*, edited by Louis Finkelstein, 1239-67. Philadelphia: Harper and Brothers, 1949.
Reif, Stefan C. *A Jewish Archive from Old Cairo: The History of Cambridge University’s Genizah Collection.* Richmond, UK: Curzon Press, 2000.
Reinhart, Carmen M., and Kenneth S. Rogoff. *This Time Is Different: Eight Centuries of Financial Folly.* Princeton, NJ: Princeton University Press,

https://thuviensach.vn

2009.
Reis, Jaime. “Economic Growth, Human Capital Formation and Consumption in Western Europe Before 1800.” In *Living Standards in the Past: New Perspectives on Well-Being in Asia and Europe*, edited by Robert C. Allen, Tommy Bengtsson, and Martin Dribe, 195-225. Oxford: Oxford University Press, 2004.
Richardson, Gary. “Guilds, Laws, and Markets for Manufactured Merchandise in Late-Medieval England.” *Explorations in Economic History* 41, no. 1 (2004): 1-25.
Richman, Barak D. “How Community Institutions Create Economic Advantage: Jewish Diamond Merchants in New York.” *Law and Social Inquiry* 31, no. 2 (2006): 383-420.
Ritte, U., E. Neufeld, M. Broit, D. Shavit, and U. Motra. “The Differences among Jewish Communities—Maternal and Paternal Contributions.” *Journal of Molecular Evolution* 37, no. 4 (1993a): 435-40.
Ritte, U., E. Neufeld, M. Prager, M. Gross, I. Hakim, A. Khatib, and B. Bonné-Tamir. “Mitochondrial DNA Affinity of Several Jewish Communities.” *Human Biology* 65, no. 3 (1993b): 359-85.
Roth, Cecil. *The Jewish Contribution to Civilization.* London: Macmillan, 1938.
---. *The History of the Jews of Italy.* Philadelphia: Jewish Publication Society of America, 1946.
---. “The European Age in Jewish History.” In *The Jews: Their History, Culture, and Religion,* edited by Louis Finkelstein, 216-49. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960a.
---. “The Jews of Western Europe (from 1648).” In *The Jews: Their History, Culture, and Religion,* edited by Louis Finkelstein, 250-86. Philadelphia: Harper and Brothers, 1960b.
---. *A History of the Jews in England.* Oxford: Clarendon Press, 1964.
---. “Economic Life and Population Movements.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096,* edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 13-48. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966a.

https://thuviensach.vn

---. “Italy.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096,* edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 100-121. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966b.
---. “Benjamin (ben Jonah) of Tudela.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 3, 362-64. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Roth, Cecil, Ernest Krausz, David Cesarani, Arthur Lourie, Vivian David Lipman, and David Ceserani. “England.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 6, 410-32. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Rothkoff, Aaron, Avraham Grossman, Menahem Zevi Kaddari, Jona Fraenkel, Israel Moses Ta-Shma, and Judith R. Baskin. “Rashi.” In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 17, 101-6. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Roy, A. D. “Some Thoughts on the Distribution of Earnings.” *Oxford Economic Papers* 3 (1951): I35-46.
Ruderman, David B. *The World of a Renaissance Jew: The Life and Thought of Abraham b.* Mordecai Farissol. *Cincinnati: Hebrew Union College Press, 1981.*
Russell, Josiah C. “Late Ancient and Medieval Population.” *Transactions of the American Philosophical Society* 48, no. 3 (1958): 1-152.
Rutgers, Leonard V. “Diaspora Synagogues: Synagogue Archaeology in the Greco-Roman World.” In *Sacred Realm: The Emergence of the Synagogue in the Ancient World,* edited by Steven Fine, 67-95. New York: Oxford University Press, 1996.
Safrai, Shmuel. “Elementary Education: Its Religious and Social Significance in the Talmudic Period.” *Cahiers d’Histoire Mondiale* 11, no. 1-2 (1968): 148-69.
---. “Education and the Study of the Torah.” In *The Jewish People in the First Century: Historical Geography, Political History, Social, Cultural, and Religious Life and Institutions,* edited by Shmuel Safrai and Menahem Stern, vol. 2, 945-70. Assen: Van Gorcum, 1976a.

https://thuviensach.vn

---. “The Era of the Mishna and Talmud.” In *A History of the Jewish People*, edited by Haim Hillel Ben-Sasson, 307-82. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1976b.
---. “Bet Hillel and Bet Shammai.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 3, 530-33. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Safrai, Zeev. “Financing Synagogue Construction in the Period of the Mishna and the Talmud.” In *Synagogues in Antiquity*, edited by Aryeh Kasher, Aharon Oppen-heimer, and Uriel Rappaport, 77-96. Jerusalem: Yad Yitzhak Ben-Tzvi, 1987.
---. “Ancient Field Structures in Israel in the Roman Period.” *Cathedra* 89 (1989): 7-40.
---. *The Economy of Roman Palestine*. London: Routledge, 1994.
---. “The Communal Functions of the Synagogue in the Land of Israel in the Rabbinic Period.” In *Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery,* edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 181-204. Leiden: Brill, 1998.
Sand, Shlomo. *When and How Were the Jewish People Invented?* Tel Aviv: Resling, *2008.*
Sanders, Ed P. *Paul and Palestinian Judaism: A Comparison of Patterns of Religion.* Philadelphia: Fortress Press, 1977.
---, ed. *Jewish and Christian Self-Definition.* Vol. 1, *The Shaping of Christianity in the Second and Third Centuries.* Philadelphia: Fortress Press, 1980.
--- *Judaism: Practice and Belief, 63 B.C.E.-66 C.E.* Philadelphia: Trinity Press International, 1992.
Sanders, Jack T. “Did Early Christianity Succeed because of Jewish Conversions?” *Social Compass* 46, no. 4 (1999): 493-505.
---. *Charisma, Converts, Competitors: Societal and Sociological Factors in the Success* of Early Christianity. *London: SCM Press, 2000.*
Sapir Abulafia, Anna. *Christian-Jewish Relations, 1000-1300: Jews in the Service of Medieval Christendom.* Harlow, UK: Pearson, 2011.

https://thuviensach.vn

Sargent, Thomas J., and François R. Velde. *The Big Problem of Small Change.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2002.
Scheiber, Alexander. “The Early Jewish Settlement in Central and Eastern Europe: Hungary.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096,* edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 313-18. New Brunswick: Rutgers University Press, 1966.
Schiffman, Lawrence H. *Who Was a Jew? Rabbinic and Halakhic Perspectives on the Jewish Christian Schism.* Hoboken, NJ: Ktav, 1985.
---. “The Early History of Public Reading of the Torah.” In *Jews, Christians, and Polytheists in the Ancient Synagogue; Cultural Interaction During the Greco-Roman Period, edited by Steven Fine, 44-56. London: Routledge, 1999.*
---. *Understanding Second Temple and Rabbinic Judaism.* Jersey City, NJ: Ktav, 2003.
Schoeps, Hans-Joachim. *Jewish Christianity: Factional Disputes in the Early Church.* Philadelphia: Fortress Press, 1969.
Schulman, Alan Richard, Sharon Keller, Evasio de Marcellis, Eliyahu Ashtor, Hayyim J. Cohen, and Jacob M. Landau. “Egypt.” In *Encyclopaedia Judaica*, edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 6, 222-36. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Schwartz, Daniel R. *Studies in the Jewish Background of Christianity.* Tübingen: Mohr Siebeck, 1992.
Schwartz, Joshua. “The Material Realities of Jewish Life in the Land of Israel, c. 235-638.” In *The Cambridge History of Judaism.* Vol. 4, *The Late Roman-Rabbinic Period*, edited by Steven T. Katz, 431-56. New York: Cambridge University Press, 2006.
---. *Imperialism and Jewish Society*, 200 *B.C.E. to 640 C.E.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2001.
---. “Political, Social, and Economic Life in the Land of Israel, 66-c. 235.” In *The Cambridge History of Judaism.* Vol. 4, *The Late Roman- Rabbinic Period,* edited by Steven T. Katz, 23-52. New York: Cambridge University Press, 2006.

https://thuviensach.vn

Schwarzfuchs, Simon. “France and Germany under the Carolingians.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096*, edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 122-42. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966a.
---. “France under the Early Capets.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096*, edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 143-61. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966b.
Segal, Eli. “Talmud.” In *New Twentieth Century Encyclopedia of Religious Knowledge*, edited by James D. Douglas, 807-8. 2nd ed. Grand Rapids: Baker Book House, 1991.
Segre, Renata, ed. *The Jews in Piedmont, 1297-1798.* Jerusalem: Israel Academy of Sciences and Humanities, 1986-1990.
Sharf, Andrew. “The Jews in Byzantium.” In *The Dark Ages: Jews in Christian Europe, 711-1096*, edited by Cecil Roth and I. H. Levine, 49-68. New Brunswick, NJ: Rutgers University Press, 1966.
---. *Byzantine Jewry: From Justinian to the Fourth Crusade.* London: Routledge & K. Paul, 1971.
Shatzmiller, Joseph. *Shylock Reconsidered: Jews, Moneylending, and Medieval Society.* Berkeley: University of California Press, 1990.
Shmueli, Efraim. “The ‘Pariah-People’ and Its ‘Charismatic Leadership’: A Revaluation of Max Weber’s Ancient Judaism.’” *Proceedings of the American Academy for Jewish Research* 36 (1968): 167-247.
Simonsohn, Shlomo. *History of the Jews in the Duchy of Mantua*, 2 vols. Jerusalem: National Academy of Sciences, 1977.
---. *The Jews in the Duchy of Milan*, 4 vols. Jerusalem: National Academy of Sciences, 1982-1986.
---. *The Apostolic See and the Jews.* 8 vols. Toronto: Pontifical Institute of Mediaeval Studies, 1988-1991.
---. *The Jews in Sicily.* 18 vols. Leiden: Brill, 1997-2010.
---. *Between Scylla and Charybdis: The Jews in Sicily.* Leiden: Brill, 2011.
Singer, Sholom A. “The Expulsion of the Jews from England in 1290.” *Jewish Quarterly Review* 55, no. 2 (1964): 117-36.

https://thuviensach.vn

Slezkine, Yuri. *The Jewish Century.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2004.
Smallwood, E. Mary. *The Jews under Roman Rule: From Pompey to Diocletian; A Study in Political Relations.* Leiden: Brill, 1981.
Soloveitchik, Haym. *Pawnbroking: A Study in the Inter-Relationship between Halakhah, Economic Activity, and Communal Self Image.* Jerusalem: Hebrew University, 1985 (in Hebrew).
---. *Principles and Pressures: Jewish Trade in Gentile Wine in the Middle Ages.* Tel Aviv: Am Oved, 2003 (in Hebrew).
---. "The Jewish Attitude in the High and Late Middle Ages." In *Credito e usura fra teologia, diritto e amministrazione: Linguaggi a confronto, sec. XII-XVI*, edited by Diego Quaglioni, Giacomo Todeschini, and Gian Maria Varanini, 115-27. Rome: École française de Rome, 2005.
Sombart, Werner. *The Jews and Modern Capitalism.* London: T. F. Unwin, 1913 (first edition 1911 in German).
Sperber, Daniel. "Costs of Living in Roman Palestine." Journal of the Economic and Social History of the Orient 8, no. 3 (1965): 248-71.
---. "Costs of Living in Roman Palestine." *Journal of the Economic and Social History of the Orient* 9, no. 3 (1966): 182-211.
---. "Costs of Living in Roman Palestine." *Journal of the Economic and Social History of the Orient* 11, no. 1-3 (1968): 233-74.
---. "Costs of Living in Roman Palestine." *Journal of the Economic and Social History of the Orient* 13, no. 1-3 (1970): 1-15.
---. *Roman Palestine, 200-400: The Land; Crisis and Change in Agrarian Society as Reflected in Rabbinic Sources.* Ramat-Gan: Bar-Ilan University, 1978.
Spufford, Peter. *Money and Its Use in Medieval Europe.* New York: Cambridge University Press, 1988.
Stark, Rodney. "Jewish Conversion and the Rise of Christianity: Rethinking the Received Wisdom." In *Society of Biblical Literature Seminar Papers*, edited by Kent Harold Richards, 314-29. Atlanta: Scholars Press, 1986.

https://thuviensach.vn

---. *The Rise of Christianity: A Sociologist Reconsiders History.* Princeton, NJ: *Princeton University Press, 1996.*
Stein, Siegfried. “The Development of the Jewish Law of Interest from the Biblical Period to the Expulsion from England.” *Historia Judaica* 17 (1955): 3-40.
---. Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 14, 436-43. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007.
Stemberger, Günter. *Jews and Christians in the Holy Land: Palestine in the Fourth Century.* Translated by Ruth Tuschling. Edinburgh: T. & T. Clark, 2000.
Stern, Ephraim, ed. *The New Encyclopedia of Archaeological Excavations in the Holy Land.* 4 vols. New York: Simon & Schuster, 1993.
Stern, Menahem. “The Jewish Diaspora.” In *The Jewish People in the First Century: Historical Geography, Political History, Social, Cultural, and Religious Life and Institutions*, edited by Shmuel Safrai and Menahem Stern, vol. 1, 117-83. Assen: Van Gorcum, 1974.
---. “The Period of the Second Temple.” *In A History of the Jewish People*, edited by Haim Hillel Ben-Sasson, 185-303. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1976.
Stevenson, James. *A New Eusebius: Documents Illustrative of the History of the Church to A.D. 337.* Revised edition with additional documents by William H. C. Frend. London: Society for Promoting Christian Knowledge, 1987.
Stigler, George J., and Gary S. Becker. “De Gustibus Non Est Disputandum.” *American Economic Review* 67, no. 2 (1977): 76-90.
Stiglitz, Joseph E. “Information and the Change in the Paradigm in Economics.” *American Economic Review* 92, no. 3 (2002): 460-501.
Stillman, Norman A. “The Jews in the Medieval Islamic City.” In *The Jews of Medieval Islam. Community, Society, and Identity*, edited by Daniel Frank, 3-13. Leiden: Brill, 1995.
Stow, Kenneth R. “Papal and Royal Attitudes toward Jewish Lending in the Thirteenth Century.” *Association for Jewish Studies Review* 6 (1981): 161-

https://thuviensach.vn

84.
---. *Alienated Minority: The Jews of Medieval Latin Europe.* Cambridge, MA: Harvard University Press, 1992.
---. *The Jews in Rome*. 2 vols. Leiden: Brill, 1995-1997.
---. "The Church and the Jews: St. Paul to Pius IX." In *Popes, Church, and Jews in the Middle Ages*, edited by Kenneth R. Stow, 1-69. Burlington, VT: Ashgate, 2007.
Stroumsa, Sarah. *Maimonides in His World: Portrait of a Mediterranean Thinker.* Princeton, NJ: Princeton University Press, 2009.
Swift, Fletcher H. *Education in Ancient Israel from Earliest Times to 70 CE.* London: Open Court, 1919.
Tabellini, Guido. "Institutions and Culture." *Journal of the European Economic Associatiom 6*, no. 2-3 (2008): 255-94.
---. "Culture and Institutions: Economic Development in the Regions of Europe." *Journal of the European Economic Association* 8, no. 4 (2010): 677-716.
Tadmor, Hayim. "The Period of the First Temple, the Babylonian Exile and the Restoration." *In A History of the Jewish People,* edited by Haim Hillel Ben-Sasson, 91-182. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1976.
Taitz, Emily. *The Jews of Medieval France: The Community of Champagne.* Westport, CT: Greenwood Press, 1994.
Tcherikover, Victor. *The Jews in Egypt in the Hellenistic-Roman Age in the Light of the Papyri.* Jerusalem: Hebrew University Press, 1945.
--- *Hellenistic Civilization and the Jews.* Philadelphia: Jewish Publication Society of America, 1961.
Temin, Peter. "Is It Kosher to Talk about Culture?" *Journal of Economic History* 57, no. 2 (1997): 267-87.
Theissen, Gerd. *Social Reality and the Early Christians: Theology, Ethics, and the World of the New Testament.* Minneapolis: Fortress Press, 1992.
Tirole, Jean. "Illiquidity and All Its Friends." *Journal of Economic Literature* 49, no. 2 (2011): 287-325.

https://thuviensach.vn

Toaff, Ariel. *Gli ebrei a Perugia.* Perugia: Deputazione di Storia Patria, 1975.
---. *The Jews in Umbria.* 3 vols. Leiden: Brill, 1992-1994.
Toch, Michael. “The Economic Activity of German Jews in the 1oth-12th Centuries: Between Historiography and History.” In *Facing the Cross: The Persecutions of 1096 in History and Historiography,* edited by Yom Tov Assis, Jeremy Cohen, Aaron Kedar, Ora Limor, and Michael Toch, 32-54. Jerusalem: Hebrew University Magnes Press, 2000a (in Hebrew).
---. “Jews and Commerce: Modern Fancies and Medieval Realities.” In *Il ruolo economico delle minoranze in Europa, Secc. XIII-XVIII (Atti della XXXI Settimana di Studi, Istituto Francesco Datini, Prato),* edited by Simonetta Cavaciocchi, 43-58. Florence: Le Monnier, 2000b.
---. *Peasants and Jews in Medieval Germany: Studies in Cultural, Social and Economic History.* Burlington, VT: Ashgate, 2003.
---. “The Jews in Europe, 500-1050.” In *The New Cambridge Medieval History,* edited by Paul Fouracre, vol. 1, 547-70, 872-78. Cambridge: Cambridge University Press, 2005.
---. “Economic Activities of German Jews in the Middle Ages.” In *Wirtschaftsgeschichte der mittelalterlichen Juden: Fragen und Einschtzungen,* edited by Michael Toch, 181-210. Munich: Oldebourg, 2008.
---. “Jewish Peasants in the Middle Ages? Agriculture and Jewish Landownership in 8th to 12th Century Europe.” *Zion* 75 (2010): 291-312.
---. “Commerce: Medieval and Early Modern Europe.” In *The Cambridge Dictionary of Judaism and Jewish Culture,* edited by Judith R. Baskin, 110-11. Cambridge: Cambridge University Press, 2011.
---. *The Economic History of Medieval European Jews.* Vol. 1, *Late Antiquity and Early Middle Ages.* Leiden: Brill, 2012.
Todeschini, Giacomo. *La ricchezza degli ebrei: Merci e denaro nella riflessione ebraica e nella definizione cristiana dell’usura alia fine del Medioevo.* Spoleto: Centro italiano di studi sull’Alto Medievo, 1989.
---. “Christian Perceptions of Jewish Economic Activity in the Middle Ages.” *In Wirtschaftsgeschichte der mittelalterlichen Juden: Fragen und*

https://thuviensach.vn

Einschtzungen, edited by Michael Toch, 1-16. Munich: Oldenbourg, 2008.
Trivellato, Francesca. *The Familiarity of Strangers: The Sephardic Diaspora, Livorno, and Cross-Cultural Trade in the Early Modern Period.* New Haven, CT: Yale University Press, 2009.
Udovitch, Abraham L., ed. *The Islamic Middle East, 700-1900: Studies in Economic and Social History.* Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.
Urman, Dan. "The Synagogue and the House of Study (Beth ha-Midrash)—Are They One and the Same?" In *Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery,* edited by Dan Urman and Paul V. M. Flesher, vol. 1, 232-55. Leiden: Brill, 1998.
Urman, Dan, and Paul V. M. Flesher, eds. *Ancient Synagogues: Historical Analysis and Archaeological Discovery.* 2 vols. Leiden: Brill, 1998.
van Zanden, Jan Luiten. "The Skill Premium and the 'Great Divergence."' *European Review of Economic History* 13, no. 1 (2009): 121-53.
Veblen, Thorstein. "The Intellectual Pre-Eminence of Jews in Modern Europe." *Political Science Quarterly* 34, no. 1 (1919): 33-42.
Wald, Stephen G. "Judah HaNasi." In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 11, 501-5. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007a.
---. "Tosefta." In *Encyclopaedia Judaica,* edited by Michael Berenbaum and Fred Skolnik, 2nd ed., vol. 20, 70-72. Detroit: Macmillan Reference USA, 2007b.
Watson, Andrew M. "The Arab Agricultural Revolution and Its Diffusion, *700*-1100." Journal of Economic History 34, no. 1 (1974): 8-35.
---. "A Medieval Green Revolution: New Crops and Farming Techniques in the Early Islamic World." In *The Islamic Middle East, 700-1900: Studies in Economic and Social History*, edited by Abraham L. Udovitch, 29-58. Princeton, NJ: Darwin Press, 1981.
Weber, Max. *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism.* Translated by Talcott Parsons. New York: Scribner, 1930 (first edition 1904-1905 in German).

https://thuviensach.vn

---. *Ancient Judaism.* Translated and edited by Hans H. Gerth and Don Martindale. Glencoe, IL: Free Press, 1952 (first edition 1917 in German).
---. *Essays in Sociology.* Translated, edited, and with an introduction by Hans Heinrich Gerth and Charles Wright Mills. New York: Oxford University Press, 1980 (first edition 1915 in German).
White, K. D. *Roman Farming.* Ithaca, NY: Cornell University Press, 1970.
Wolfson, Harry A. *Philo: Foundations of Religious Philosophy in Judaism, Christianity, and Islam.* 2 vols. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1947.
Zeitlin, Solomon. *The Rise and Fall of the Judaean State: A Political, Social, and Religious History of the Second Commonwealth (66 CE -120 CE),* vol. 3. Philadelphia: Jewish Publication Society of America, 1978.
Zetterholm, Magnus. *The Formation of Christianity in Antioch: A Social-Scientific Approach to the Separation between Judaism and Christianity.* London: Routledge, 2003

https://thuviensach.vn

[1] Một vài trong số những câu hỏi này cũng thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà khoa học xã hội hàng đầu như Karl Marx ([1844] 2007), Werner Sombart ([1911] 1913), Max Weber ([1917] 1952), Thorstein Veblen (1919) và Simon Kuznets (1960, 1972).

https://thuviensach.vn

[2] Chương 1 và Chương 3 giải thích ý nghĩa của “Đền Thờ thứ nhất”, “Đền Thờ thứ hai”, “Kinh Torah Văn bản”, “Kinh Torah Truyền miệng” [Written Torah, Oral Torah; từ đây sẽ gọi là ‘Kinh Luật’ và ‘Khẩu Luật’ (BT)] và các khái niệm chính khác dùng trong Do Thái giáo.

https://thuviensach.vn

[3] Trong cuốn sách này, chúng tôi sử dụng thuật ngữ trước CN cho quãng thời gian trước năm 1 và sau CN cho thời gian từ thế kỷ 1 trở đi. Do đó, ví dụ "thế kỷ 10" nghĩa là "thế kỷ 10 sau CN".

https://thuviensach.vn

[4] Để tránh lặp đi lặp lại, chúng tôi không làm chú thích chi tiết trong chương giới thiệu này mà để dành cho các chương tiếp theo.

https://thuviensach.vn

[5] Về mặt địa lý, Xứ Israel chỉ vùng nằm giữa Địa Trung Hải, sông Jordan, sa mạc Ả-rập và Hồng Hải. Trong cuốn sách này, khái niệm "Xứ Israel" không chỉ nhà nước Israel hiện tại được thành lập năm 1948. Thay vào đó, khái niệm "Xứ Israel" chỉ vùng đất mà theo Kinh Thánh được hứa ban cho các bộ lạc Israel cổ như của thừa kế. Nhiều đoạn trong Kinh Thánh có nhắc tới biên giới địa lý khi nói tới Eretz Israel. Vào cuối thời kỳ Đền Thờ thứ hai (từ thế kỷ 1 trước CN đến thế kỷ 2 sau CN), khái niệm "Xứ Israel" trở nên cố định và được người Do Thái sử dụng rộng rãi. Cái tên "Palestine" chỉ cùng một khu vực vốn là một tính từ bắt nguồn từ chữ Philistia. Sử gia người Hy Lạp Herodotus lần đầu tiên nói đến khu vực này dưới cái tên "Philistine Syria". Sau khi đập tan cuộc nổi dậy Bar Kokhba năm 135, hoàng đế La Mã Hadrian sử dụng khái niệm "Syria Palaestina" cho khu vực này, với mục đích xóa bỏ cái tên Judea – khu vực phía Nam của Xứ Israel. Từ thời Byzantine, Palestine trở thành tên của Eretz Israel trong các ngôn ngữ phi Do Thái. Brawer (2007) có thảo luận chi tiết về ý nghĩa trong Kinh Thánh và nguồn gốc lịch sử của khái niệm "Eretz Israel".

https://thuviensach.vn

[6] Caliphate là một thể chế nhà nước Hồi giáo do một lãnh tụ tối cao về tôn giáo và chính trị đứng đầu, gọi là Caliph (nghĩa là "người kế tục", được hiểu là người kế tục nhà tiên tri Muhammad) (BT).

https://thuviensach.vn

[7] Xem thêm: Greif (1989, 1993, 1994, 2006); Mokyr (1990, 2002, 2005, 2008, 2009); Temin (1997); Alesina và La Ferrara (2000, 2002); Kuran (2004, 2010a, 2010b); Fernández, Fogli và Olivetti (2004); Fernández và Fogli (2006, 2009); Guiso, Sapienza và Zingales (2006); Botticini và Eckstein (2005, 2007, 2008, 2011); Doepke và Zilibotti (2008); Tabellini (2008, 2010); Mokyr và Voth (2010).

https://thuviensach.vn

[8] Xem thêm: Greif (1989, 1993, 1994, 2006); Mokyr (1990, 2002, 2005, 2008, 2009); North (1990); Acemoglu, Johnson và Robinson (2001, 2002, 2005); Acemoglu và Johnson (2005); Abramitsky (2008, 2011a, 2011b); Tabellini (2008, 2010); Kuran (2010a, 2010b, 2010c); Mokyr và Voth (2010).

https://thuviensach.vn

[9] Xem thêm: B. Chiswick (1988, 2010); Iannaccone (1992, 1998); Iannaccone, Stark và Finke (1998); C. Chiswick (1999, 2006); Berman (2000, 2009); Carlton và Weiss (2001); Guiso, Sapienza và Zingales (2003); McCleary và Barro (2003, 2006); Barro và McCleary (2005, 2006); Botticini và Eckstein (2005, 2007, 2008, 2011); Rapoport và Weiss (2007); Becker và Woessmann (2009); Cantoni (2010); Acemoglu, Hassan và Robinson (2011). Gần đây, McCleary (2011) ra một tổng tập về kinh tế học tôn giáo.

https://thuviensach.vn

[10] Tóm tắt lịch sử Do Thái thời kỳ Đền Thờ thứ nhất, xem Tadmor (1976).

https://thuviensach.vn

[11] Thường được cho là của Moses, Torah có lẽ được các tác giả vô danh viết ở các thế kỷ sau và được thánh hóa vào thế kỷ 7 hoặc thế kỷ 6 trước CN. Ba phần Ngũ thư, Tiên tri, Văn chương tạo thành Tanakh (trong tiếng Hebrew có nghĩa là Kinh Thánh). Chi tiết về lịch sử phát triển của Kinh Thánh, xin xem Chương 3.

https://thuviensach.vn

[12] Tóm tắt thời kỳ Đền Thờ thứ hai bao gồm cả vương quốc Hasmonaean, xin xem M. Stern (1976).

https://thuviensach.vn

[13] Hasmonaean là một dòng họ tư tế, đứng đầu là tư tế người Do Thái Mattathias. Các con trai của ông là Jonathan, Simon và Judah còn có biệt danh là Maccabee đã lãnh đạo cuộc nổi dậy chống lại những nhà cai trị Seleucid của Hy Lạp cổ đại và giải phóng Judea, tạo nền tảng thành lập nhà nước Do Thái độc lập.

https://thuviensach.vn

[14] Tổng quan về vấn đề phức tạp này, xin xem Schiffman (1985); S. Cohen (1999); Grintz và Posner (2007); Hertzberg và Skolnik (2007). Định nghĩa bản sắc Do Thái ở cả hiện tại và quá khứ đều phức tạp. Định nghĩa này thay đổi theo thời gian. Định nghĩa bản sắc Do Thái tồn tại lâu bền nhất là định nghĩa halakha, nhưng đó không phải là định nghĩa đầu tiên và duy nhất. Theo halakha, một người được coi là người Do Thái phải có mẹ là người Do Thái hoặc cải đạo sang Do Thái giáo.

https://thuviensach.vn

[15] Cahill (1998) tóm tắt lịch sử phát triển của Do Thái giáo thời cổ đại.

https://thuviensach.vn

[16] Baron (1971b); Broshi (1979, 1982, 2001); Hamel (1990); DellaPergola (1992, 2001); S. Schwartz (2001, tr. 10-11; 2006, tr. 23, 36). Phần phụ lục giải thích tại sao các con số ước tính dân số Do Thái thế kỷ 1 sau CN khác nhau đến vậy. Phụ lục cũng đưa ra sách tham khảo và nguồn thông tin về quy mô dân số Do Thái được nhắc đến trong phần này.

https://thuviensach.vn

[17] Baron (1971b); Broshi (1979, 1982, 2001); Avi-Yonah (1984); Hamel (1990); Herr và Oppenheimer (1990); DellaPergola (1992, 2001); Stemberger (2000); S. Schwartz (2001, 2006); Schiffman (2003); Goodblatt (2006c).

https://thuviensach.vn

[18] Giáo phái Zealot của người Do Thái cổ đại hướng đến việc gây dựng một thế giới của chính trị thần quyền Do Thái và chống La Mã cho đến năm 70 sau CN. (BT)

https://thuviensach.vn

[19] Thông tin trong phần này bắt nguồn từ một số điều tra lịch sử về các cuộc chiến tranh Do Thái – La Mã như Applebaum (1976a); Avi-Yonah (1976); M. Stern (1976); S. Safrai (1976b); Zeitlin (1978); Griffin (1984); Goodman (1987, 2008); S. Schwartz (1990, 2001); Fuchs và Sevener (1995); Morgan (2006).

https://thuviensach.vn

[20] Joseph ben Matitiahu sinh ra trong một gia đình tư tế quý tộc ở Jerusalem năm 37 sau CN. Miễn cưỡng tham gia cuộc nổi dậy chống La Mã, ông được bổ nhiệm làm chỉ huy quân sự ở Galilee và bị bắt làm tù binh. Bị xích và dẫn tới trước mặt Vespasian, ông tiên đoán vị tướng này rồi sẽ sớm trở thành hoàng đế La Mã. Khi Vespasian lên ngôi hoàng đế năm 69 sau CN, Josephus được thả tự do và gia nhập quân đội La Mã, làm trung gian hòa giải giữa quân đội La Mã và người nổi dậy Do Thái. Không thuyết phục được người Do Thái đầu hàng, ông chứng kiến Jerusalem bị vây hãm và Đền Thờ bị phá hủy. Cuối cùng Josephus lấy họ của Vespasian (Flavius) và định cư ở Rome, tại đây ông dành phần còn lại của cuộc đời cho việc viết lách. Bằng chứng khảo cổ học đã xác nhận rất nhiều chi tiết của các sự kiện được mô tả trong các tác phẩm của Josephus, đưa ông trở thành một trong những tác giả uy tín nhất về Do Thái giáo thế kỷ 1 và Cơ đốc giáo thời kỳ đầu.

https://thuviensach.vn

[21] Ngày lễ Tisha B’av của người Do Thái là ngày lễ kỷ niệm sự kiện Đền Thờ thứ hai bị phá hủy.

https://thuviensach.vn

[22] Giới nghiên cứu gần đây (như S. Schwartz [2006, tr. 23, 36]) đặt câu hỏi liệu số người Do Thái thương vong trong cả cuộc Đại nổi dậy và cuộc nổi dậy Bar Kokhba sau này có cao đến mức này không.

https://thuviensach.vn

[23] Baron (1971b); DellaPergola (2001).

https://thuviensach.vn

[24] S. Safrai (1976b, tr. 317-322).

https://thuviensach.vn

[25] Goodman (2004).

https://thuviensach.vn

[26] S. Safrai (1976b, tr. 332-338); Oppenheimer (2005).

https://thuviensach.vn

[27] S. Safrai (1976b, tr. 335-342). Giáo sỹ Judah haNasi (khoảng 135-219), học giả uy tín nhất của thế hệ Tanna cuối cùng, viết Mishna. Các học giả Amora chú giải, làm rõ rất nhiều phán quyết trong Mishna; chú giải của họ được gọi là Gemara. Mishna và Gemara làm nên Talmud. Chương 3 mô tả diễn biến lịch sử của Mishna và Talmud.

https://thuviensach.vn

[28] Baron (1971b); Herr và Oppenheimer (1990, tr. 109).

https://thuviensach.vn

[29] Suy thoái kinh tế ở Xứ Israel trong thế kỷ 3 được ghi chép nhiều nhưng không có giải thích rõ ràng lý do tại sao suy thoái. Sự suy yếu của Đế chế La Mã, sưu cao thuế nặng, hạn hán, chu kỳ thăng giảm kinh tế có thể là nguyên nhân. Về vấn đề này, xin xem Avi-Yonah (1984); Z. Safrai (1994); Bar (2001, 2002, 2003b); Leibner (2006, 2009); Gil (2008, tr. 164-165).

https://thuviensach.vn

[30] Broshi (1979, 1982, 2001); Hamel (1990); S. Schwartz (2001, 2006).

https://thuviensach.vn

[31] Để tìm hiểu lịch sử người Do Thái ở Ai Cập thời La Mã, xin xem Baron (1937, quyển 1; 1971b); Tchericover (1945); Applebaum (1976b); S. Safrai (1976b, tr. 330-331; 370-373); Alon (1980-1984); Smallwood (1981, tr. 389-427); Kasher (1985, tr. 26-29); Goodman (2004).

https://thuviensach.vn

[32] Schwarzfuchs (1966a, tr. 125); Toch (2005, tr. 548; 2012).

https://thuviensach.vn

[33] Toch (2005, tr. 549; 2012).

https://thuviensach.vn

[34] Neusner (1965-1970, quyển 1, 2); Baron (1971b); Applebaum (1976b); DellaPergola (2001).

https://thuviensach.vn

[35] Đế chế Sassanid bao gồm toàn bộ lãnh thổ ngày nay của Syria, Iraq, Iran, Afghanistan, vùng Cáp-ca-dơ (Armenia, Gru di a, Azerbaijan, Dagestan), Tây Nam Trung Á, một phần Thổ Nhĩ Kỳ, một số vùng ven biển của bán đảo Ả-rập, vùng vịnh Ba Tư, một số khu vực Tây Nam Pakistan.

https://thuviensach.vn

[36] Phần phụ lục có liệt kê sách tham khảo và nguồn thông tin mô tả cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái ở Xứ Israel, Ai Cập và Mesopotamia được nói đến trong phần này.

https://thuviensach.vn

[37] Neusner (1998).

https://thuviensach.vn

[38] Luật đánh thuế thập phân (cá nhân phải dành ra 1/10 số nông sản hoặc thu nhập để cúng Chúa hoặc dành cho công tác nhân đạo) là một ví dụ khác minh chứng cho cách Mishna xử lý các vấn đề thực tiễn như thế nào. Nghĩa vụ đóng thuế thập phân bắt nguồn từ một số đoạn trong Kinh Thánh. Mishna biến quy định trong Kinh Thánh thành một bộ luật quy định rõ ràng chính xác các khoản thuế phải đóng: (a) Terumah: một món quà cho họ nhà Kohanim trị giá 1/60-1/40 sản lượng; (b) Ma'aser rishon: một món quà cho bộ tộc Levi trị giá 1/10 số nông sản còn lại sau khi đã trừ đi phần quà dành cho họ nhà Kohanim; (c) Ma'aser sheni: trong năm thứ nhất, thứ hai, thứ tư và thứ năm của chu kỳ bảy năm, để ra 1/10 số nông sản còn lại để mang tới Jerusalem và ăn tại đó; (d) Ma'aser oni: trong năm thứ ba và thứ sáu của chu kỳ bảy năm, Ma'aser sheni được thay bằng một khoản thuế dành giúp người nghèo. Oppenheimer (2007).

https://thuviensach.vn

[39] Sperber (1978); Z. Safrai (1989, tr. 9; 1994); J. Schwartz (2006, tr. 431-456).

https://thuviensach.vn

[40] Có quan hệ với triều Herod ở Xứ Israel, Philo Judaeus (20 trước CN – 50 sau CN) là người của gia đình quý tộc danh giá nhất trong những người Do Thái ở Alexandria (anh trai của ông, Alexander, là ông chủ nhà băng giàu có; cháu trai ông, Tiberius Julius Alexander, là tổng trấn La Mã của Judea và Ai Cập và là một trong những người chỉ huy đội quân La Mã trong đợt vây hãm Jerusalem). Hai trong số các quyển sách của Philo (viết bằng tiếng Hy Lạp) mô tả các sự kiện mà ông chứng kiến. Flaccus mô tả các vụ thảm sát người Do Thái ở Alexandria năm 38 sau CN; Đi xứ ở Gaius mô tả chuyến đi của Philo tới Rome năm 40 sau CN để phản đối việc dựng tượng Hoàng đế Caligula trong các giáo đường ở Alexandria và Đền Thờ ở Jerusalem.

https://thuviensach.vn

[41] Hai tài liệu này nằm trong cuốn Di tích Do Thái cổ của Josephus (quyển 2, chương 1, phần 3 và quyển 12, chương 3, phần 4), biên tập và dịch trong Flavius Josephus (1998).

https://thuviensach.vn

[42] Baron (1937, tập 2; 1952, tập 1 và 2); Beer (1974); Baron, Kahan và Gross (1975).

https://thuviensach.vn

[43] Newman (1932); Baron (1937, tập 2); Neusner (1965-1970, tập 5, tr. 134); Beer (1974); Baron, Kahan và Gross (1975); S. Safrai (1976b); L. Jacobs (1990).

https://thuviensach.vn

[44] Louth (2005).

https://thuviensach.vn

[45] Lewis (1976, 1984); Mokyr (1990, Chương 6); Stillman (1995).

https://thuviensach.vn

[46] Lapidus (1981, tr. 203); Watson (1981, tr. 56, chú thích 45).

https://thuviensach.vn

[47] DeLong và Shleifer (1993, Bảng 1). Một nửa trong số các thành phố lớn ở châu Âu này nằm dưới sự cai trị của người Hồi giáo.

https://thuviensach.vn

[48] Baron (1952, tập 4, chương 22): H. Ben-Sasson (1976, tr. 393-400); M. Ben-Sasson (1992); Gil (2004, tr. 491-491, 597-600).

https://thuviensach.vn

[49] Baron (1952, tập 4, chương 22); Ashtor (1959b, tr. 147-154); H. Ben-Sasson (1976, tr. 388-400); Gil (2004, tr. 603-662).

https://thuviensach.vn

[50] Xem Reif (2000) và M. R. Cohen (2006) mô tả chi tiết lịch sử kho lưu trữ Cairo (Cairo Geniza). Geniza tiếng Hebrew nghĩa là "chôn" hay rộng hơn là "nơi chôn". Kho lưu trữ Cairo nổi tiếng nhất trong tất cả các nhà kho có chức năng tương tự, lưu trữ gần 330 nghìn trang bản thảo, được phát hiện vào thế kỷ 19 trong tòa giáo đường Ben Ezra ở Cairo cổ (khi đó có tên là Fustat). Tòa giáo đường là nơi hành lễ của người Do Thái di cư từ Mesopotamia tới Cairo, theo truyền thống tín ngưỡng và tri thức của bộ luật Talmud của Xứ Israel. Hầu hết các trang bản thảo tìm thấy ở kho lưu trữ Cairo là các tác phẩm văn học như thơ tiếng Hebrew thời Trung Cổ, văn học halakhah, chú giải Kinh Thánh, tác phẩm triết học, văn bản phép thuật, sách kinh. Các tài liệu khác ở kho lưu trữ Cairo hầu hết có từ thế kỷ 11-13, bao gồm thư từ kinh doanh, thư từ cộng đồng, thư từ cá nhân, hồ sơ tòa án, hợp đồng hôn nhân, hồ sơ ly dị, di chúc, sổ sách kế toán, danh sách người nhận từ thiện, danh sách quà tặng cho mục đích từ thiện, văn bản chính quyền như kiến nghị gửi nhà chức trách Hồi giáo. Tuy có nhiều văn bản được viết bằng tiếng Hebrew hay tiếng Aram nhưng hầu hết được viết bằng tiếng Ả-rập Judea – tức là tiếng Ả-rập viết bằng ký tự Hebrew, có các đặc điểm ngữ pháp và cú pháp khác với ngôn ngữ dùng trong Kinh Koran và các văn bản Ả-rập cổ – trung đại khác. Văn bản hành chính gửi nhà chức trách Hồi giáo được viết bằng chữ Ả-rập. Kho lưu trữ Cairo có chứa các cuốn sách Hồi giáo chưa hoàn thành viết bằng chữ Ả-rập cũng như các trang Kinh Koran viết bằng chữ Hebrew. Chương 6 mô tả chi tiết hơn những văn bản này.

https://thuviensach.vn

[51] Goitein (1967-1988, tập 1); Gil (2004, tr. 597-662).

https://thuviensach.vn

[52] Gil (2004, tr. 603).

https://thuviensach.vn

[53] Mann (1917-1921, tr. 311); Brody (1998, chương 4); Gil (2004, tr. 600).

https://thuviensach.vn

[54] Goitein (1967-1988); M. Ben-Sasson (1992; 1996, tr. 54-60); Gil (2004, tr. 676-721).

https://thuviensach.vn

[55] Toch (2005). Không có dữ liệu chính xác về số người Do Thái định cư ở bán đảo Iberia trong và sau cuộc chinh phạt của người Hồi giáo.

https://thuviensach.vn

[56] Năm 1031, Córdoba được chia làm nhiều vương quốc nhỏ; trong hai thế kỷ, Córdoba nằm dưới sự cai trị của Almoravidi (Berber). Córdoba rơi vào tay người Cơ đốc năm 1236, chấm dứt thời kỳ cai trị của người Hồi giáo.

https://thuviensach.vn

[57] Goitein (1967-1988); H. Ben-Sasson (1976, tr. 393-400); M. Ben-Sasson (1992, 1996).

https://thuviensach.vn

[58] Goitein (1967-1988); M. Ben-Sasson (1991, 1992, 1996); Simonsohn (1997-2010, 2011); Abulafa (2000); Gil (2004, tr. 535-593).

https://thuviensach.vn

[59] Cho tới năm 650, Đế chế Byzantine bao gồm Xứ Israel, Syria, Lebanon, Ai Cập, Tiểu Á, vùng Balkan, dưới triều Justinian Đệ nhất bao gồm cả Ý, một khu vực nhỏ ở miền Nam Tây Ban Nha, một số vùng ở Bắc Phi. Sau năm 650, Đế chế Byzantine gồm chủ yếu Tiểu Á, Hy Lạp, đến đầu thế kỷ 9 bao gồm cả miền Nam và một số nơi ở miền Trung Ý.

https://thuviensach.vn

[60] Khác với người Do Thái ở các vương quốc Hồi giáo Umayyad, Abbasid, Fatimid hay người Do Thái ở châu Âu Cơ đốc Trung Cổ mà rất nhiều sách vở đã mô tả, người Do Thái ở Byzantine ít được chú ý hơn. Xu hướng này gần đây đã đảo ngược với việc ngày càng có nhiều nghiên cứu về lịch sử văn hóa, dân số, kinh tế, xã hội của người Do Thái ở Đế chế Byzantine; xem Holo (2009); Jacoby (2011); Bonfil, Irshai, Stroumsa và Talgam (2011); và nhiều tài liệu tham khảo trong các sách đó. Tổng quan về người Do Thái ở Byzantine trong phần này được dựa trên những tác phẩm gần đây nói trên.

https://thuviensach.vn

[61] Toch (2005, 2012) mô tả chi tiết thời gian và đặc điểm của các cộng đồng Do Thái ở các nước châu Âu đầu thời kỳ Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[62] Toch (2005, 2011, 2012).

https://thuviensach.vn

[63] Baron (1952, tập 4, tr. 205-207); Toch (2005, 2012); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[64] Roth (1966a, tr. 13); Toch (2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[65] Xem phụ lục nói về việc chúng tôi và các học giả khác diễn giải các con số của Benjamin xứ Tudela như thế nào. Phụ lục cũng giải thích tại sao ước tính dân số Do Thái ở Yemen và bán đảo Ả-rập của Benjamin cần phải xem xét lại và chỉnh sửa nhiều.

https://thuviensach.vn

[66] Ashtor (1967,1968, 1973-1984, 1976); Baron (1971b); DellaPergola (1992, 2001).

https://thuviensach.vn

[67] Có rất ít thông tin về người Do Thái ở châu Á. Do đó, chúng tôi không xem xét cộng đồng này trừ ở Chương 7, chúng tôi có mô tả thương mại ở Ấn Độ Dương từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 13 nơi có sự tham gia tích cực của các thương gia Do Thái. Ở Chương 10, chú thích số 1 (tr. 421), chúng tôi nhắc qua lịch sử người Do Thái ở vương quốc Kuzaria nằm giữa Biển Đen và Biển Caspian.

https://thuviensach.vn

[68] Lewis (1984, 2002).

https://thuviensach.vn

[69] Ashtor (1939, 1976); Gil (2004, tr. 431-433).

https://thuviensach.vn

[70] Baron (1952, tập 17, tr. 150-151); Ashtor (1976, tr. 251-257).

https://thuviensach.vn

[71] Petrushevsky (1968, tr. 497-504); Bausani (1971, tr. 101-123); Lambton (1988).

https://thuviensach.vn

[72] Ashtor (1939); Gil (2004, tr. 431-433).

https://thuviensach.vn

[73] Các cộng đồng nhỏ người Do Thái sống sót ở Ai Cập và Syria chủ yếu là người nghèo (Baron 1952, tập 17, tr. 160-166, 219; Ashtor 1959a, tr. 65-68; 1967; 1968).

https://thuviensach.vn

[74] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Stein (2007).

https://thuviensach.vn

[75] Elman (1937); Roth (1964); Singer (1964); Ovrut (1977); Mundill (1991, 2010). Về mặt chính thức, người Do Thái không được phép quay trở lại nước Anh cho tới tận nửa cuối thế kỷ 17.

https://thuviensach.vn

[76] Benbassa (1999).

https://thuviensach.vn

[77] H. Ben-Sasson (1976, tr. 561-566); Toch (2005, 2008, 2012); Chazan (2006).

https://thuviensach.vn

[78] H. Ben-Sasson (1976, tr. 571); DellaPergola (1992; 2001, Bảng 2).

https://thuviensach.vn

[79] Baer (1961); Ashtor (1973-1984); Beinart (2007b).

https://thuviensach.vn

[80] Baer (1961); Baron (1971b); H. Ben-Sasson (1976, tr. 570); Gampel (1989, 1998); Beinart (1992-1993, 1998); T. Glick (1998).

https://thuviensach.vn

[81] Baron (1971b); DellaPergola (1992; 2001).

https://thuviensach.vn

[82] Từ Sephardi bắt nguồn từ Sepharad, một địa danh trong Kinh Thánh đến nay vẫn chưa xác định được chính xác. “Sepharad” được người Do Thái sau này xác định là bán đảo Iberia. Người Do Thái Sephardim là người Do Thái theo các truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo của người Do Thái sống ở bán đảo Iberia trước khi bị trục xuất trong những năm 1490. Người Do Thái Ashkenazi là người Do Thái có nguồn gốc từ các cộng đồng Do Thái Trung Cổ dọc sông Rhine ở Đức. Ashkenaz là tên nước Đức trong tiếng Hebrew Trung Cổ. Do đó, người Do Thái Ashkenazi nghĩa đen là “người Do Thái ở Đức”. Sau này, người Do Thái từ Tây và Trung Âu cũng được gọi là người Do Thái Ashkenazi. Chương 7, 8, 10 mô tả lịch sử dân số, kinh tế, tri thức của các cộng đồng Do Thái Sephardim và cộng đồng Do Thái Ashkenazi thời Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[83] Các học giả như Israel Abrahams và Cecil Roth sống vào thời người Do Thái bị đàn áp tàn bạo ở châu Âu và phong trào phục quốc Do Thái đang lớn mạnh. Quan điểm hối lỗi của họ về lịch sử người Do Thái nên được hiểu trong bối cảnh văn hóa, chính trị này.

https://thuviensach.vn

[84] Baron (1928; 1937, tập 2, tr. 31; 1952, tập 4, tr. 194) là người đầu tiên phản bác lại cái mà ông gọi là quan điểm "sướt mướt" về lịch sử Do Thái do các học giả bị ảnh hưởng của phong trào phục quốc Do Thái đưa ra. Gần đây, Toch (2005, 2008, 2012) phản bác lập luận dựa trên hạn chế.

https://thuviensach.vn

[85] Roth (1938, tr. 228-230; 1964, tr. 2-3).

https://thuviensach.vn

[86] Xem Abrahams (1896); Mann (1917-1921); Parkes (1934, 1938); S. Katz (1937); Baer (1961); Bein (1990, Chương 3). Stow (1992, Chương 10; 2007) phản bác lại quan điểm cho rằng người Do Thái bước vào nghề buôn bán và cho vay lãi là do họ bị cấm sở hữu đất, nhưng Stow cho rằng người Do Thái gặp bất lợi trong việc làm nông nghiệp do họ không thể thuê lao động nông nghiệp Cơ đốc giáo. Xem Engel (2006) khái quát việc ghi chép lịch sử Do Thái.

https://thuviensach.vn

[87] S. Safrai (1976b, trang 314-356); Avi-Yonah (1984).

https://thuviensach.vn

[88] S. Safrai (1976b, tr. 343-363); Avi-Yonah (1984); Bonfil, Irshai, Stroumsa và Talgam (2001); Jacoby (2008, 2011).

https://thuviensach.vn

[89] Baron (1952, tập 4); Goitein (1967-1988, tập 1); Ashtor (1973-1984); H. Ben-Sasson (1976, tr. 393-402); Gil (1992; 2004, tr. 273-290); M. R. Cohen (1994); Ashtor và cộng sự (2007); Ashtor và Sagiv (2007); Ashtor, Yaari và Cohen (2007).

https://thuviensach.vn

[90] Dù bị pháp luật cấm tham gia vào ngành dân chính nhưng người Do Thái vẫn làm và nắm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy chính quyền của các vương quốc Hồi giáo (xem Goitein 1967-1968, tập 1; Gil 1992; 2004; M. R. Cohen 1994). Một trong những ví dụ nổi tiếng nhất là giáo sỹ Samuel ha-Nagid, lái buôn, học giả, nhà thơ, người làm đến chức thủ hiến Granada.

https://thuviensach.vn

[91] Xem Goitein (1967-1988); Gil (1992; 2004).

https://thuviensach.vn

[92] Toch (2005, 2008, 2010, 2011, 2012).

https://thuviensach.vn

[93] Xem Baron (1952, tập 4, tr. 151-153); H. Ben-Sasson (1976, tr. 393, 405); Gil (2004, tr. 287-290, 599-600). Họ cũng chỉ ra rằng quá trình đô thị hóa gia tăng ở vương quốc Umayyad và Abbasid đẩy phong trào di cư ra thành thị của người Do Thái lên đến đỉnh điểm.

https://thuviensach.vn

[94] Morony (1974, tr. 119).

https://thuviensach.vn

[95] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 300-304).

https://thuviensach.vn

[96] Sombart ([1911] 1913); Brenner và Kiefer (1981); Slezkine (2004, tr. 4). Về quan điểm này, Kessel (1958, tr. 46-48) cho rằng hàng thế kỷ bị phân biệt đối xử (chẳng hạn như sự phân biệt đối xử của các phường nghề thủ công thời Trung Cổ) và bị đàn áp khiến người Do Thái có những thái độ và kỹ năng phù hợp với các công việc có xu hướng thương mại hoặc đòi hỏi tay nghề cao như nghề y chẳng hạn. Xem Ayal và Chiswick (1983) thảo luận quan điểm vốn con người dễ mang theo.

https://thuviensach.vn

[97] Goitein (1967-1988, tập 2).

https://thuviensach.vn

[98] Gil (1992, tr. 822-823).

https://thuviensach.vn

[99] Xem Shmueli (1968). Năm 1904-1905, Weber xuất bản công trình nổi tiếng Đạo đức Tin lành và Tinh thần của Chủ nghĩa Tư bản. Về cơ bản, giả thuyết của Weber cho rằng một dạng lý trí hình thành ở các nước phương Tây như là sản phẩm trực tiếp của niềm tin Tin lành. Lý trí Tin lành và đạo đức nghề nghiệp góp phần hình thành chủ nghĩa tư bản. Trong bài luận này, Weber gọi người Do Thái đơn giản là một dân tộc thiểu số. Ông sử dụng khái niệm "người bị ruồng bỏ" để gọi người Do Thái trong cuốn Các bài tiểu luận trong Xã hội học ([1915] 1980). Trong tác phẩm này, Weber nêu ý kiến khác biệt với Sombart. Trong tác phẩm Người Do Thái và Chủ nghĩa Tư bản hiện đại ([1911] 1913), Sombart cho rằng Do Thái giáo là cha đẻ đích thực của tinh thần tư bản chủ nghĩa. Trong tác phẩm Do Thái giáo cổ đại ([1917] 1952), Weber bắt đầu phân tích về Do Thái giáo nhưng công trình này chưa kịp hoàn thành thì ông đã qua đời năm 1920.

https://thuviensach.vn

[100] Weber ([1917] 1952, tr. 336).

https://thuviensach.vn

[101] Weber ([1917] 1952, tr. 363-364).

https://thuviensach.vn

[102] Về những lập luận mới, mạnh mẽ nhất, xem Slezkine (2004), Muller (2010).

https://thuviensach.vn

[103] Xem Amstrong (1976) và danh mục sách tham khảo trong đó.

https://thuviensach.vn

[104] Baron (1937, tập 1).

https://thuviensach.vn

[105] Kuznets (1960, 1972).

https://thuviensach.vn

[106] Kuznets (1960, tr. 1604).

https://thuviensach.vn

[107] Breuer (2006, tr. 457-459); J. Schwartz (2006, tr. 433-453).

https://thuviensach.vn

[108] Trong hơn 75 năm, các nhà khảo cổ học cho rằng Đền Thờ thứ nhất được xây dưới triều Vua Solomon thế kỷ 10 trước CN. Giới học giả gần đây đặt câu hỏi về quy mô và sức mạnh của các vương quốc Israel và Judah thống nhất của David và Solomon. Họ cho rằng những sự kiện được mô tả trong Kinh Thánh đã xảy ra trong giai đoạn này bao gồm cả việc xây Đền Thờ thứ nhất thực sự diễn ra một thế kỷ sau đó. Xem Finkelstein và Silberman (2001, 2006) và danh sách tài liệu tham khảo trong đó.

https://thuviensach.vn

[109] Tadmor (1976); Cahill (1998).

https://thuviensach.vn

[110] Sau khi kinh Torah được thánh hóa, tám quyển sách của các Nhà tiên tri (Nevi'im) được thánh hóa (từ năm 500 đến năm 400 trước CN). 11 quyển Kinh Cựu Ước (Ketuvim) được thánh hóa từ năm 100-200. Tanak (tên gọi Kinh Thánh trong tiếng Hebrew) gồm ba phần này. Các học giả tranh cãi về thời kỳ của kinh Torah. Một số người cho rằng Kinh Thánh được viết thời Ba Tư (thế kỷ 4 trước CN) hoặc thời Hy Lạp cổ đại (thế kỷ 3 đến thế kỷ 2 trước CN). Họ cho rằng nhân vật, sự kiện trong Kinh Thánh hoàn toàn là nhân vật, sự kiện tưởng tượng. Một số khác cho rằng kinh Torah được thánh hóa thế kỷ 6 trước CN, là bản ghi chép lịch sử Do Thái cổ đại hoàn toàn đáng tin cậy. Về tổng quan cuộc tranh cãi này, xin xem Friedman (1997). Gần đây, Finkelstein và Silberman (2001, 2006) cho rằng các cuốn sách sử cốt lõi của Kinh Cựu Ước được viết sớm hơn so với những gì người ta nghĩ trước đây, tức là vào cuối thế kỷ 7 trước CN (thời Vua Josiah) như là tài liệu tuyên truyền chính trị để ủng hộ cho các cuộc cải cách của nhà vua.

https://thuviensach.vn

[111] M. Stein (1976); Cahill (1998).

https://thuviensach.vn

[112] Ví dụ, Exodus (6:7) nhắc đến lời răn về các điều luật của Chúa và yêu cầu người Do Thái "siêng năng dạy dỗ con cái mình những điều luật này". Deuteronomy (6:6-7) ra lệnh: "Những điều luật ta dạy các ngươi hôm nay, các ngươi sẽ siêng năng dạy lại cho con cái mình, các người sẽ nói về những điều luật này khi ngồi trong nhà, khi ra ngoài đi dạo, khi đi ngủ cũng như khi thức dậy".

https://thuviensach.vn

[113] Marcus, Hirschberg và Ben-Yaacob (2007).

https://thuviensach.vn

[114] Swift (1919, tr. 86-98); Ginzberg (1943, tr. 8-11); Demsky và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[115] S. Safrai (2007). Sinh khoảng năm 90 trước CN ở Babylon, Hillel xuất thân từ dòng họ Benjamin bên bố, dòng họ David bên mẹ. Khi trưởng thành, ông chuyển tới Jerusalem học, trở thành lãnh tụ tinh thần của cộng đồng Do Thái, lập ra một trong hai học viện hàng đầu ở Jerusalem là Nhà Hillel (Bet Hillel). Ông được coi là một trong những nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Do Thái, là người sáng lập triều đại các nhà hiền triết bao gồm cả một số lãnh tụ và học giả ưu tú nhất như Gamliel Đệ nhất và Judah haNasi. Hillel ra nhiều phán quyết quan trọng về các vấn đề tôn giáo, xã hội, kinh tế. Sinh khoảng năm 50 trước CN ở Xứ Israel, Shammai là người đương thời xuất sắc nhất và là đối thủ halakha của Hillel. Học viện của Shammai có tên gọi là Nhà Shammai (Bet Shammai). Sau khi Hillel qua đời, Shammai thế chỗ Chủ tịch Hội đồng Sanhedrin ở Jerusalem của Hillel. Tuy cháu trai của Hillel là Gamliel Đệ nhất lên làm Chủ tịch Hội đồng Sanhedrin sau khi Shammai qua đời năm 30 sau CN nhưng Hội đồng Sanhedrin vẫn do Nhà Shammai kiểm soát cho tới tận khoảng năm 70 sau CN. Sau khi Đền Thờ thứ hai bị phá hủy, triều đại và tông đồ của Hillel thống trị Do Thái giáo, làm lu mờ di sản của Shammai.

https://thuviensach.vn

[116] Perlow (1931); Drazin (1940); Ebner (1956); Morris (1977).

https://thuviensach.vn

[117] Greenberg (1960); Demsky và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[118] M. Stern (1976); Neusner (1990d); E. Sanders (1992); D. Schwartz (1992); Baumgarten (1997); S. Cohen (1987, 1999). Là các nhóm mới xuất hiện đầu thế kỷ 1 sau CN, người Sicarii và người Zealot tích cực tham gia các cuộc nổi dậy chống La Mã, đỉnh điểm là cuộc chiến tranh Do Thái-La Mã lần thứ nhất (66-73 sau CN).

https://thuviensach.vn

[119] Phần đầu của lời trích dẫn là từ cuốn Đồ cổ của người Do Thái (quyển 13, Chương 5, phần 9); phần thứ hai của lời trích dẫn là từ cuốn Cuộc sống của Flavius Josephus (đoạn 2). Josephus cũng mô tả ba giáo phái này trong cuốn Các cuộc chiến tranh của người Do Thái (quyển 2, Chương 8). Tất cả các tác phẩm của ông đều được biên soạn và dịch trong Flavius Josephus (1998).

https://thuviensach.vn

[120] Neusner (1990d); Baumgarten (1997).

https://thuviensach.vn

[121] M. Stern (1976); Neusner (1990d); Baumgarten (1997); S. Cohen (1999); Mansoor (2007b).

https://thuviensach.vn

[122] M. Stern (1976); Baumgarten (1997); Mansoor (2007a).

https://thuviensach.vn

[123] M. Stern (1976); E. Sanders (1977); Neusner (1990d); Baumgarten (1997); S. Cohen (1999).

https://thuviensach.vn

[124] Drazin (1940); Ebner (1956); Greenberg (1960); Morris (1977); Crenshaw (1998); Demsky và cộng sự (2007). Ebner (1956) cho rằng trường tiểu học Do Thái được thành lập khoảng năm 70 trước CN, một thế kỷ sớm hơn sắc lệnh của Joshua ben Gamla. Các học giả khác cho rằng đại tư tế Simeon ben Shetah sống ở thế kỷ 2 trước CN là người đã thành lập trường tiểu học Do Thái. Việc tôn giáo quy định việc giáo dục trẻ em vào thế kỷ 2 hay thế kỷ 1 trước CN hay thế kỷ 1 sau CN không có gì khác biệt đối với lập luận và giả thuyết chính của chúng tôi, sẽ được thảo luận ở Chương 4.

https://thuviensach.vn

[125] Bộ luật Talmud của Babylon, Baba Batra 21a, trích trong Greenberg (1960, tr. 1261). Trích dẫn tương tự có trong bộ luật Talmud của Xứ Israel (Ketubot 8, 12-32c).

https://thuviensach.vn

[126] Aberbach (1982, tr. 19). Quan điểm này phù hợp với thực tế là nhiều người đa thần giáo cải đạo sang Do Thái giáo vào thời đó do họ thấy người Do Thái làm ăn tốt.

https://thuviensach.vn

[127] Baron (1952, tập 2, tr. 274-279). Xem them Feldman (1996b); Baumgarten (1997).

https://thuviensach.vn

[128] Xem Carlton và Weiss (2001) phân tích kinh tế thú vị các quy định tôn giáo đối với giáo dục Do Thái và cạnh tranh trong việc dạy kinh Torah.

https://thuviensach.vn

[129] Câu trích dẫn là từ cuốn Chống lại Apion của Josephus (quyển 1, phần 12) biên tập và dịch trong Flavius Josephus (1998).

https://thuviensach.vn

[130] Bar-Ilan (1992); Hezser (2001, tr. 39-55, 495-497); Demsky và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[131] Josephus, Các cuộc chiến tranh của người Do Thái, biên tập và dịch trong Flavius Josephus (1998).

https://thuviensach.vn

[132] Một số học giả cho rằng người Sadducee đã mất quyền lực trước năm 70 sau CN. Xem Neusner (1990d) và Baumgarten (1997) thảo luận vấn đề này.

https://thuviensach.vn

[133] Theo bộ luật Talmud, trong cuộc vây hãm, Jonahan ben Zakkai trốn trong chiếc quan tài chạy thoát khỏi thành phố để đàm phán với Vespasian, người ông dự đoán sẽ trở thành hoàng đế. Để đổi lại, ông được ban ba điều ước, một trong số đó là xây dựng lại Sanhedrin ở thị trấn Jabneh vào cuối cuộc chiến (S. Safrai 1976b, tr. 319-320).

https://thuviensach.vn

[134] Drazin (1940, tr. 25); Maller (1960); S. Safrai (1976b).

https://thuviensach.vn

[135] S. Safrai (1968, 1976a).

https://thuviensach.vn

[136] Theo sách Phúc âm, Jesus dạy ở các giáo đường ở Judea và Galilee, khẳng định phát hiện khảo cổ học cho thấy giáo đường tồn tại trước khi Đền THờ thứ hai bị phá hủy.

https://thuviensach.vn

[137] Flesher (1998); Levine (2005).

https://thuviensach.vn

[138] S. Cohen (1987); Neusner (1990d).

https://thuviensach.vn

[139] Ebner (1956).

https://thuviensach.vn

[140] Xem Wald (2007a) mô tả cuộc sống và đóng góp của Judah haNasi cho Do Thái giáo.

https://thuviensach.vn

[141] Neusner (1998) và G. Cohen (2002).

https://thuviensach.vn

[142] Wald (2007b). Người Tannaim đồng môn, đệ tử của giáo sỹ Judah haNasi đưa ra một tổng tập truyền thống halakha khác gọi là Tosefta. Từ Tosefta (nghĩa đen là một truyền thống halakha "thêm vào" hay "bổ sung" – tức là truyền thống không có trong Mishna) cuối cùng có nghĩa là một tác phẩm văn chương được tổ chức theo lệnh của Mishna và là tập đi kèm Mishna. Tuy có thể có các tổng tập tương tự nhưng Tosefta là tổng tập duy nhất còn sót lại. Ngôn ngữ Hebrew, nội dung, thuật ngữ, Tannaim đề cập đến trong Tosefta giống như trong Mishna. Do đó, Tosefta chắc chắn được các đệ tử của giáo sỹ Judah haNasi biên soạn khoảng 40-50 năm sau đó, giống như cách Mishna được biên soạn.

https://thuviensach.vn

[143] Talmud, Baba Batra, 8a.

https://thuviensach.vn

[144] Oppenheimer (1977); Haas (1989).

https://thuviensach.vn

[145] Thông tin trong phần này là từ Drazin (1940); Ebner (1956); Greenberg (1960); Maller (1960); S. Safrai (1976a); Morris (1977); Aberbach (1982); Crenshaw (1998); Millard (2000); Hezser (2001); Demsky và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[146] Xem E. Ferguson (2003) và L. Jones (2004) mô tả những tôn giáo này rất phổ biến ở Trung Đông và Địa Trung Hải trong nửa đầu thiên niên kỷ thứ nhất.

https://thuviensach.vn

[147] Flusser (1988); Neusner (1990a, 1990b, 1991). Sách thánh của người Samaritan cũng bao gồm cả phiên bản Samaritan của kinh Torah là Memar Markah; nghi thức tế lễ Samaritan; các điều luật Samaritan và chú giải Kinh Thánh.

https://thuviensach.vn

[148] Nock (1969); E. Sanders (1977); Flusser (1988); Stark (1996); E. Ferguson (2003).

https://thuviensach.vn

[149] Xem McCleary và Barro (2006) và McCleary (2011) nhìn nhận tổng quan lĩnh vực đang rất phát triển là tính kinh tế của tôn giáo.

https://thuviensach.vn

[150] Nếu luật pháp ngăn cấm người dân cải đạo hoặc nếu người dân bị ép buộc cải đạo thì mọi người phải tuân thủ các chuẩn mực của tôn giáo bị áp đặt kể cả nếu những chuẩn mực này hoàn toàn vô dụng. Trong 1.500 năm được nghiên cứu ở đây, trừ một số ít trường hợp bị ép cải đạo, nói chung người Do Thái có sự tự do tôn giáo (xem Chương 5, 6, 7).

https://thuviensach.vn

[151] Iannaccone (1992) đi đầu trong việc mô tả gia nhập tôn giáo như gia nhập một câu lạc bộ từ góc độ kinh tế.

https://thuviensach.vn

[152] Trong chương này, khi chúng tôi nói đến Do Thái giáo, tức là Do Thái giáo dòng giáo sỹ – bộ quy định, chuẩn mực của giáo phái Pharisee thời kỳ Đền THờ thứ hai với tinh hoa là bộ luật Mishna. Như mô tả trong Chương 3, sau năm 70 sau CN, giáo phái Pharisee dành quyền lãnh đạo tôn giáo cộng đồng Do Thái ở Xứ Israel, và Do Thái giáo đồng nghĩa với giáo sỹ, học giả học viện.

https://thuviensach.vn

[153] Trong biệt ngữ kinh tế, mô hình của chúng tôi không phải là mô hình kinh tế chính trị dùng để nghiên cứu lãnh đạo tôn giáo Do Thái chọn chuẩn mực tôn giáo, xã hội nào làm quy định bắt buộc của Do Thái giáo. Chúng tôi chọn quy định giáo dục trẻ em và nghiên cứu xem việc thực thi quy định này ảnh hưởng như thế nào đối với sự lựa chọn của nông dân Do Thái sinh sống thời điểm đó.

https://thuviensach.vn

[154] Trong các tranh luận của giáo sỹ trong Talmud, các học giả sử dụng phương pháp lập luận giả định để thảo luận một vấn đề cụ thể bằng cách sử dụng Simeon hay Reuven là các tên hư cấu của người Do Thái sống ở Xứ Israel hoặc Mesopotamia.

https://thuviensach.vn

[155] Thông tin về giá cả, tiền lương là từ dữ liệu do Sperber (1965, 1966, 1968, 1970) thu thập từ các nguồn sơ cấp. Trong hệ thống tiền tệ La Mã, đồng denarius là đồng xu bằng bạc nhỏ, được đúc lần đầu vào đầu thế kỷ 3 trước CN. Đồng denarius là đồng xu phổ biến nhất được lưu hành ở Đế chế La Mã, sau đó mất dần giá trị trong và sau triều Hoàng đế Nero (54-68 sau CN), đến nửa sau thế kỷ 3 thì không còn được đúc nữa.

https://thuviensach.vn

[156] Z. Safrai (1994) ước tính ở Xứ Israel thời La Mã, 50% thu nhập hộ gia đình hàng năm được dành cho thực phẩm và quần áo, 30% dùng để đóng thuế.

https://thuviensach.vn

[157] Ebionim là một trong những giáo phái Do Thái – Cơ đốc giáo xuất hiện ở Xứ Israel thế kỷ 1-2 (xem Chương 5).

https://thuviensach.vn

[158] Phương pháp so sánh lợi ích và chi phí của các lựa chọn khác nhau cũng có trong tranh luận của các giáo sỹ. Ví dụ, Mishna (Pirkei Avot 2:2) ghi lại lời giáo sỹ Judah haNasi: “Đâu là con đường đúng đắn mà người ta nên chọn cho mình?… Hãy cân nhắc mất mát do việc thực hiện mitzvah (lời răn) so với phần thưởng nó mang lại và phần thưởng nhận được từ việc mắc tội so với mất mát nó gây ra”.

https://thuviensach.vn

[159] Chúng tôi giả định rằng mọi quy định khác của Do Thái giáo (như ăn kiêng, làm lễ Sabbath) mang lại tính khả dụng (hoặc bất khả dụng) giống như các quy định tương tự của các tôn giáo khác.

https://thuviensach.vn

[160] Nếu cho rằng tính khả dụng của người cha phụ thuộc vào cả giáo dục của anh ta lẫn giáo dục của con trai anh ta thì nói theo ngôn ngữ kinh tế học, đặc điểm chủ chốt của Do Thái giáo sau khi được đánh đồng với Do Thái giáo dòng giáo sỹ là: một người Do Thái tốt là người đọc, nghiên cứu kinh Torah và gửi con trai mình tới giáo đường để học đọc, nghiên cứu kinh Torah.

https://thuviensach.vn

[161] Trừng phạt xã hội hay trừng phạt cộng đồng đối với ammei ha-aretz có thể có vài hình thức như được mô tả trong các cuộc tranh luận của giáo sỹ trong Mishna và Talmud (xem Chương 3).

https://thuviensach.vn

[162] Không giống như các nền kinh tế hiện đại trong đó các ngành trồng trọt, chăn nuôi đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu, nông dân có thể đọc sách tốt nhất viết về phương pháp trồng trọt, chăn nuôi thì vào thời cổ đại không có cuốn sách, phương pháp khoa học nào như vậy dành cho nông nghiệp. Cato lớn [Cato the Elder], Columella, Varro và Pliny lớn viết sách hướng dẫn trồng trọt (Pliny lớn [Pling the Elder] thậm chí còn viết cả một cuốn bách khoa thư hàng trăm tập) cuối thời Cộng hòa, đầu thời Đế chế (White 1970; Mokyr 1990, Chương 1). Đối tượng độc giả của những cuốn sách này (viết bằng tiếng La-tinh chứ không phải tiếng Hebrew) thường là nhóm bạn bè của tác giả, tầng lớp ưu tú chứ không phải người nông dân bình thường. Hơn nữa, với giá sách cắt cổ trước khi máy in ra đời (xem Buringh và van Zanden 2009), nông dân bình thường khó có thể mua được một cuốn.

https://thuviensach.vn

[163] Nếu làm thuê, anh ta lĩnh lương đều đặn không cần biết đến sản lượng. Nếu lĩnh canh, anh ta và địa chủ chia đôi sản lượng nông nghiệp (thường là 50-50). Còn thuê ruộng cày, anh ta trả tiền thuê ruộng cho địa chủ và giữ lại toàn bộ sản lượng nông nghiệp.

https://thuviensach.vn

[164] Ngân hàng Thế giới có các chương trình (như Mexico Opportunidadas) để giải quyết vấn đề này; các chương trình cung cấp trợ cấp cho các hộ gia đình nông thôn có con đi học.

https://thuviensach.vn

[165] Iannaccone (1992); Berman (2000).

https://thuviensach.vn

[166] Giả định dân số không tăng phù hợp với thực tế dân số thế giới tăng không đáng kể trong thiên niên kỷ thứ nhất. Sẽ là dễ dàng để đưa khả năng sinh đẻ làm biến số ngoại sinh: chi phí tăng lên của việc nuôi dạy con do quy định tôn giáo về việc giáo dục con cái sẽ khiến nông dân Do Thái không muốn có con. Dự đoán này sẽ bổ sung cho dự đoán về suy giảm dân số Do Thái do cải đạo được xét ở đây. Lý do chính tại sao chúng tôi không dùng khả năng sinh đẻ làm biến số ngoại sinh là vì không có bằng chứng lịch sử chỉ ra rằng người Do Thái có tỷ lệ sinh thấp đi sau khi cải đạo.

https://thuviensach.vn

[167] Mô hình có thể chỉnh sửa để giống với mô hình của Iannaccone về tôn giáo như một câu lạc bộ mà quy mô do các yếu tố bên ngoài xác định. Một khi khả dụng được ghi là hàm số lõm chung thì ở điểm cân bằng khả dụng và chi phí giáo dục có thể phụ thuộc vào quy mô dân số Do Thái.

https://thuviensach.vn

[168] Cho ε thành một hàm tăng của tỷ lệ người Do Thái biết chữ trong cộng đồng sẽ cải thiện kết quả cải đạo, đồng thời khiến cho mô hình giống với mô hình của Iannaccone (1992) hơn nếu ta giải được quy mô cộng đồng Do Thái trong mô hình tĩnh. Một cách khác để nội sinh hóa hình phạt xã hội đối với người mù chữ là để cho lãnh tụ tôn giáo Do Thái đặt mức ε sao cho tối đa hóa quy mô cộng đồng biết chữ Do Thái trong mô hình tĩnh. Những hàm mở rộng này tác động đến tỷ lệ người có học trong dân số Do Thái nông thôn trong mô hình tĩnh nhưng không tác động đến hậu quả động đối với sự suy giảm dân số Do Thái về lâu dài, mà đây chính là trọng tâm trong mô hình của chúng tôi.

https://thuviensach.vn

[169] Đưa tính bất khả dụng do cải đạo vào không quá quan trọng đối với kết quả chính của chúng tôi nhưng giúp chúng tôi diễn giải dữ liệu khi xem xét mô hình.

https://thuviensach.vn

[170] Chúng tôi có thể mô phỏng chi phí dương cho người không phải người Do Thái cải đạo sang Do Thái giáo nhưng kết quả sẽ không thay đổi. Kể cả khi không có chi phí này thì không có trường hợp cải đạo sang Do Thái giáo nào cả.

https://thuviensach.vn

[171] Bằng cách cho γ thành một hàm giảm và ε thành một hàm tăng của số trẻ em Do Thái đi học trong mô hình tĩnh, có thể phân tích tác động đối với các biện pháp khuyến khích sống trong các cộng đồng Do Thái lớn và/hoặc giàu có, đồng thời giải được hình phạt cộng đồng tối ưu để tối đa hóa tỷ lệ người Do Thái có giáo dục, mục tiêu của các lãnh tụ tôn giáo thời Talmud.

https://thuviensach.vn

[172] Nếu kỹ năng nhận thức được truyền từ cha sang con thì công trình của chúng tôi chia sẻ một số đặc điểm của mô hình chọn lọc tự nhiên của Galor và Moav (2002).

https://thuviensach.vn

[173] S. Safrai (1976b).

https://thuviensach.vn

[174] Bowen (1972-1981, tập 1); Harris (1991); Bar-Ilan (1992); Demsky (1997); Hezser (2001).

https://thuviensach.vn

[175] Tuy không có nhiều thông tin về việc học chữ của phụ nữ thời Talmud nhưng có vẻ như trẻ em gái được học ít hơn trẻ em trai (S. Safrai 1968, 1976a).

https://thuviensach.vn

[176] Segal (1991). Gemara thường nhắc tới lời nói giáo sỹ khác ngoài các lời nói trong Mishna nhằm so sánh chúng với nhau. Những nguồn tư liệu bên ngoài Mishna được gọi là baraitot ("tư liệu từ bên ngoài"). Baraitot dẫn trong Gemara thường là những lời trích dẫn lấy từ cuốn Tosefta (trích yếu halakha song song với Mishna) và từ cuốn Midrashim (cụ thể là Mekhilta, Sifra, Sifre). Một số baraitot chỉ được biết tới thông qua các truyền thống dẫn trong Gemara và không thuộc về bất cứ tổng tập nào khác.

https://thuviensach.vn

[177] Giới học giả vẫn tranh luận về niên đại chính xác của hai phiên bản Talmud này.

https://thuviensach.vn

[178] Tosafist là giáo sỹ Do Thái thời Trung Cổ ở Pháp và Đức. Họ đưa những bình chú (nghi vấn, chú thích, diễn giải, quyết định và dẫn nguồn) vào kinh Talmud (BT).

https://thuviensach.vn

[179] Segal (1991). Khổ trang của Talmud Babylon gần như không thay đổi từ những bản in đầu tiên ở Ý. Khoảng 25 bài viết riêng lẻ được Joshua và Gershom Soncino in từ năm 1484 tới năm 1519, còn trọn bộ Talmud được Daniel Bomberg (người Cơ đốc giáo) in từ năm 1520-1530. Những ấn bản này tạo ra định dạng quen thuộc: văn bản chính viết bằng chữ vuông vắn, trang trọng đặt chính giữa trang, hai bên lề là chú giải của Rashi và các giáo sỹ Tosafist, viết kiểu bán thảo. Phân trang dùng trong ấn bản Bomberg được tất cả các ấn bản Talmud về sau sử dụng cho tới tận ngày nay. Theo năm tháng, một vài thông tin bổ sung được đưa vào như chú nguồn lời dẫn từ Kinh Thánh, tham khảo chéo với Talmud và văn học giáo sỹ, tham khảo chéo với những bộ luật Do Thái chủ chốt. Hầu hết tất cả các phiên bản Talmud được sử dụng gần đây là bản copy của bộ Talmud Vilna (Wilno, Vilnyus) nổi tiếng do “Góa phụ và anh em nhà Romm” ở trung tâm học giả Do Thái nổi tiếng ở Lít-va xuất bản thành vài phiên bản từ năm 1880. Trong khi giữ lại khổ trang, cách đánh số trang như các ấn bản trước, Talmud Vilna bổ sung chú giải mới dọc hai bên lề và ở phần phụ trang cuối mỗi tập.

https://thuviensach.vn

[180] Goodblatt (1974, 2006a); S. Safrai (1976b); Neusner (1987).

https://thuviensach.vn

[181] Gafni (1990).

https://thuviensach.vn

[182] Gafni (1990, tr. 107-109).

https://thuviensach.vn

[183] Feldman và Reinhold (1996, tr. 204-205).

https://thuviensach.vn

[184] Hoàng đế Justinian thừa nhận Mishna và Talmud chuyên về các vấn đề thực tế hàng ngày chứ không phải các chủ đề nặng tính lý thuyết khi ông ban hành đạo luật sau vào năm 553 cho phép người Do Thái đọc Kinh Thánh nhưng cấm họ đọc Talmud: “Do đó, chúng tôi lệnh rằng người Hebrew nếu muốn sẽ được phép đọc Kinh Thánh trong giáo đường – và nói chung, ở bất cứ nơi nào có người Do Thái sinh sống – được phép đọc Kinh Thánh bằng tiếng Hy Lạp trước những ai đồng ý cho họ làm vậy, hoặc đọc bằng tiếng tổ tiên họ, hay đơn giản đọc bằng bất cứ thứ tiếng nào, tùy từng nơi, và chúng tôi lệnh rằng sẽ không có tự do ngôn luận dành cho người viết chú giải Do Thái, những người chỉ sử dụng tiếng Hebrew nhằm lạm dụng nó theo ý mình trong cái họ gọi là “Mishna”, thứ chúng tôi hoàn toàn cấm vì nó không phải là một phần của Kinh Thánh, không được các nhà tiên tri chấp nhận nhưng được nghĩ ra bởi những người chỉ lảm nhảm chuyện trần tục, không có gì thần thánh cả (Leibner [2006]).

https://thuviensach.vn

[185] S. Safrai (1976a); Aberbach (1982).

https://thuviensach.vn

[186] Aberbach (1982, tr. 30-31).

https://thuviensach.vn

[187] Goodblatt (1980); Z. Safrai (1987, tr. 77-78); Gafni (1990, tr. 107-109).

https://thuviensach.vn

[188] Goitein (1962, tr. 121); Gafni (1990, tr. 107-109).

https://thuviensach.vn

[189] Z. Safrai (1987, tr. 77-78, chú thích 5);

https://thuviensach.vn

[190] Aberbach (1982, tr. 30-35); Z. Safrai (1987, tr. 77-78); Gafni (1990, tr. 107-109).

https://thuviensach.vn

[191] Có nhiều suy đoán khác nhau về nguồn gốc từ kallah (Gilat 2007).

https://thuviensach.vn

[192] Neusner (1965-1970, tập 4, tr. 384-385); Gooblatt (1974, 2006a).

https://thuviensach.vn

[193] Elon (1994, tập 2).

https://thuviensach.vn

[194] Assaf (2002-2006, tập 2, tr. 11-27).

https://thuviensach.vn

[195] Xem Greenberg và Cohn (2007) mô tả các quy định rút phép thông công trong cộng đồng Do Thái kể từ thời Kinh Thánh.

https://thuviensach.vn

[196] Levine (2005, tr. 412-452).

https://thuviensach.vn

[197] Xem Ovadiah (1978); Kasher, Oppenheimer and Rappaport (1987); Hachlili (1988, 1989); Feldman (1996a); Fine (1996); Rutgers (1996); Flesher (1998); Gafni (1998); Grabbe (1998); Oppenheimer (1998); Urman và Flesher (1998); Levine (1999, 2005); Olson và Zetterholm (2003). Các nguồn tư liệu ghi lại sự tồn tại, chức năng giáo đường giai đoạn trước năm 70 gồm Josephus, Philo, kinh Tân Ước, mô tả của Tosefta về một tòa giáo đường thế kỷ 1 ở Alexandria. Tư liệu khảo cổ trước năm 70 gồm một vài tòa giáo đường khai quật ở Judea và Delos, một số dòng chữ khắc ở Jerusalem, Tiểu Á, Rome, Delos, Ai Cập, Berenice ở Bắc Phi. Với thời kỳ sau năm 70, tàn tích của hơn 100 giáo đường đã được tìm thấy ở Xứ Israel, khoảng 200 dòng chữ khắc đã được phục hồi. Nguồn văn học đề cập đến giáo đường có rải rác trong các bài viết của các tác giả Byzantine, cha cố, bộ luật Theodosius, Tân Hiến pháp của Justinian, các nguồn tư liệu giáo sỹ. Ngoài ra còn có nhiều bằng chứng khảo cổ từ những nơi có người Do Thái di cư sinh sống nơi nhiều di tích được xác định là giáo đường và hàng trăm dòng chữ khắc được tìm thấy, hầu hết có tính chất đề tặng, thuộc về chính những tòa giáo đường đó, một số khác bắt nguồn từ một bối cảnh tang lễ trong đó có nhắc tới tên ai đó liên quan tới giáo đường.

https://thuviensach.vn

[198] Xem S. Safrai (1976a); Aberbach (1982, tr. 41); Z. Safrai (1987, 1998); E. Stern (1993); Gafni (1998); Oppenheimer (1998); Urman (1998); Levine (2005) thảo luận chi tiết chức năng của giáo đường làm nơi thờ cúng, nơi dạy học cho trẻ em, người lớn, nơi tiến hành các buổi lễ xã hội, cộng đồng khác.

https://thuviensach.vn

[199] Griffiths (1998). Bằng chứng về những tòa giáo đường đầu tiên ở những nơi có người Do Thái di cư sinh sống thậm chí còn có niên đại sớm hơn: ở Ai Cập có di tích giáo đường có niên đại từ thế kỷ 3, thế kỷ 2 trước CN, ở Delos có di tích giáo đường có niên đại từ thế kỷ 1 trước CN.

https://thuviensach.vn

[200] Levine (1982, phần lời giới thiệu).

https://thuviensach.vn

[201] Levine (1987; 2005, tr. 135-172, 381-410); Oppenheimer (1998); Z. Safrai (1998); Urman (1998).

https://thuviensach.vn

[202] Schiffman (1999, tr. 40-47). Josephus viết trong cuốn Đồ cổ của người Do Thái (quyển 16, Chương 2, phần 4), biên tập và dịch trong Flavius Josephus (1998): “Chúng tôi dành các ngày thứ Bảy cho việc nghiên cứu phong tục, luật pháp của chúng tôi, vì chúng tôi cho rằng cần phải lấp thời gian trống của mình bằng cách nghiên cứu phong tục, luật pháp của chúng tôi hay như với bất kỳ việc nghiên cứu nào, nhờ đó chúng tôi tránh phạm tội”. Philo thừa nhận việc đọc kinh Torah trong giáo đường trong cuốn Đi sứ ở Gaius (155-156): “Do đó, Augustus biết rằng người Do Thái có nhà cầu nguyện, họ gặp nhau ở đó, nhất là vào ngày lễ thánh Sabbath khi họ cùng được dạy dỗ về triết lý tổ tiên họ”. Một đoạn trong Luke (4:16-21) nhắc đến việc đọc trong giáo đường ở Nazareth: “Theo thói quen, Jesus tới giáo đường vào ngày Sabbath. Và Jesus đứng dậy đọc; Jesus được đưa cho cuốn sách của nhà tiên tri Isaiah. Jesus mở sách ra, tìm đến chỗ… và Jesus gập sách lại… và Jesus ngồi xuống… và Jesus bắt đầu nói với họ…”.

https://thuviensach.vn

[203] Giới học giả không thống nhất về việc liệu bet ha-midrash (“phòng học” trong tiếng Hebrew) tồn tại bên trong giáo đường hay trong một tòa nhà riêng biệt. Một số học giả (như Oppenheimer 1981) cho rằng bet ha-midrash nằm trong quần thể giáo đường; một số học giả khác (như Ilan 1998; Z. Safrai 1998; Urman 1998) cho rằng bet ha-midrash nằm trong một tòa nhà riêng biệt và tồn tại thậm chí là trong thời kỳ Đền Thờ thứ hai. Oppenheimer và Z. Safrai cho rằng bet ha-midrash chỉ tồn tại ở các khu định cư lớn và những nơi có học giả quan trọng sinh sống.

https://thuviensach.vn

[204] Ở Xứ Israel, giáo đường có nhiều chức năng khác nhau. Ngược lại, giáo đường ở Ai Cập chỉ là nơi cầu nguyện, nghiên cứu kinh Torah (Kasher 1998). Giáo đường ở Mesopotamia chủ yếu sử dụng cho cầu nguyện; việc nghiên cứu kinh Torah và các hoạt động khác diễn ra bên ngoài giáo đường (Gafni 1998).

https://thuviensach.vn

[205] S. Safrai (1968, 1976a); Z. Safrai (1987, 1998); Urman (1998).

https://thuviensach.vn

[206] Levine (1982, 2005); Flesher (1998). Tosefta cung cấp bằng chứng về một loại thuế chung nhỏ dành cho việc xây dựng, bảo dưỡng giáo đường: "Người dân thị trấn tự ép mình xây giáo đường, mua kinh Torah và sách của các nhà tiên tri" (xem Z. Safrai 1987, tr. 78-79).

https://thuviensach.vn

[207] Ovadiah (1978); Kasher, Oppenheimer và Rappaport (1987); Gafni (1998); Oppenheimer (1998); Levine (1999, 2005).

https://thuviensach.vn

[208] Neusner (1965-1970, tập 4, tr. 61; 1976, tr. 135); Morony (1981, tr. 317).

https://thuviensach.vn

[209] Bowen (1972-1981, tập 1).

https://thuviensach.vn

[210] Baron (1952, tập 2, tr. 279).

https://thuviensach.vn

[211] Marrou (1982, chương 4, 7); Harris (1991).

https://thuviensach.vn

[212] Bowen (1972-1981, tập 1, Chương 13; tập 2, tr. 29-31).

https://thuviensach.vn

[213] Cipolla (1969); Bowen (1972-1981, tập 2); Reis (2004); Buringh và van Zanden (2009).

https://thuviensach.vn

[214] Oppenheimer (1977); Haas (1989, tr. 149).

https://thuviensach.vn

[215] Oppenheimer (1977); Kalmin (1999). Talmud của Babylon (Pesachim 47, 72): “Người ammei ha-aretz là ai? Là người không biết đọc lời nguyện… những người khác nói rằng kể cả nếu anh ta biết đọc nhưng trước kia không phải là học giả (talmid hacham) thì anh ta vẫn là người mù chữ. R. Huna nói: Người nào gả con gái mình cho người mù chữ giống như đặt con gái mình trước bầy sư tử… Đàn ông cần phải bán hết gia tài và cưới con gái một vị học giả… chứ không phải con gái một người mù chữ vì người mù chữ thật đáng ghét. Về con gái người mù chữ, R. Huna nói: ‘Mẹ kiếp, cái thằng thú dâm’” (damned he is who makes bestial intercourse).

https://thuviensach.vn

[216] Bar-Ilan (1992); Hezser (2001, tr. 39-59, 495-497); Demsky và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[217] Baron (1971b); Broshi (1979, 1982, 2001); Avi-Yonah (1984); Hamel (1990); Herr và Oppenheimer (1990); DellaPergola (1992, 2001); Stemberger (2000); S. Schwartz (2001, 2006); Schiffman (2003); Goodblatt (2006c).

https://thuviensach.vn

[218] Bảng 1.1 chỉ ra rằng khoảng năm 150, có khoảng 1,2 triệu người Do Thái ở Xứ Israel, 1-1,2 triệu người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư, gần nửa triệu người Do Thái ở Bắc Phi (chủ yếu ở Ai Cập). Xét con số 0,5-0,8 triệu người Do Thái trong lãnh thổ bao gồm Syria, Lebanon, Tiểu Á, Balkan, Tây Âu khoảng năm 65 sau CN, cho rằng khoảng năm 150, con số này nhỏ hơn do chiến tranh, ta có thể lập luận rằng khoảng năm 150, số lượng người Do Thái trên thế giới là từ 3,1-3,3 triệu người. Với tổng dân số thế giới khoảng năm 150 là khoảng 58 triệu người thì tỷ lệ dân số Do Thái so với tổng dân số thế giới là xấp xỉ 5,3%.

https://thuviensach.vn

[219] Xuất phát từ một bài báo quan trọng của Becker và Lewis (1973), một số bài viết trong lĩnh vực kinh tế học cho rằng các bậc cha mẹ có thể quyết định cả số lượng lẫn chất lượng con. Do đó, họ có thể giảm số con để đầu tư cho việc học của con.

https://thuviensach.vn

[220] DellaPergola (1992).

https://thuviensach.vn

[221] Nguồn thông tin giáo sỹ trong Talmud chỉ ra rằng một bộ phận người Do Thái di cư từ Xứ Israel sang Mesopotamia thế kỷ 3-4 do ở Mesopotamia tình hình kinh tế sáng sủa hơn. Các học giả ở Xứ Israel cố gắng ngăn chặn những đợt di cư này nhưng không thành.

https://thuviensach.vn

[222] Harnack (1908); Latourette (1975); E. Sanders (1980); J. Sanders (2000); E. Ferguson (2003).

https://thuviensach.vn

[223] Xem Leibner (2006, 2009) mô tả điều kiện kinh tế, khu định cư, đợt di cư của người Do Thái từ Xứ Israel tới Mesopotamia.

https://thuviensach.vn

[224] Hầu như không có ghi chép gì về các vụ thảm sát quy mô lớn người Do Thái ở Mesopotamia (Gafni 1990, tr. 149-152).

https://thuviensach.vn

[225] Gil (2004, tr. 57, 491).

https://thuviensach.vn

[226] Toch (2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[227] Có rất nhiều thông tin từ các nguồn văn chương phi Do Thái nói về việc người Do Thái cải sang Cơ đốc giáo trong khi người bội giáo hay cải đạo rất ít được nhắc tới trong cả Talmud của Xứ Israel lẫn Talmud của Babylon. Mọi người có thể thắc mắc tại sao học giả các học viện những người tranh luận, đưa ra phán quyết về vô số các vấn đề liên quan đến cuộc sống thường nhật lại không có vẻ quan tâm đến việc người Do Thái cải đạo sang Cơ đốc giáo hay các tôn giáo khác. Thái độ này thực ra nhất quán với hai mục tiêu chính của lãnh tụ Do Thái từ thời giáo sỹ Judah haNasi trở đi đã được nói tới ở trên: yêu cầu mọi nam giới Do Thái đọc, nghiên cứu kinh Torah để có thể học, làm theo luật lệ, quy định của Do Thái giáo; loại người mù chữ (ammei ha-aretz) ra khỏi cộng đồng Do Thái. Do đó, giới học giả, giáo sỹ không bận tâm lắm tới việc người Do Thái mù chữ cải đạo sang các tôn giáo khác.

https://thuviensach.vn

[228] Schiffman (1985, 2003).

https://thuviensach.vn

[229] Danièlou và Marrou (1964); Nock (1969); Stark (1986, 1996); Lüdemann (1989).

https://thuviensach.vn

[230] Danièlou (1964); Schoeps (1969); Neusner (1990a, 1991).

https://thuviensach.vn

[231] Georgi (1995); F. Jones (1995). Văn chương Giả Clementine là nguồn cung cấp kiến thức chính dưới nhiều dạng khác nhau về Cơ đốc giáo giáo Do Thái thời kỳ đầu. Tác giả được trích dẫn trong Jones (1995) được xác định là một người Cơ đốc Do Thái sống vào khoảng năm 200, có thể là một thầy tu hoặc giám mục Do Thái – Cơ đốc ở Jerusalem người coi Cơ đốc giáo Do Thái là dạng duy nhất đúng của Do Thái giáo.

https://thuviensach.vn

[232] Thái độ khắc nghiệt này đối với người cải đạo được mô tả bằng chi phí cải đạo π trong mô hình trình bày ở phần phụ chương Chương 4.

https://thuviensach.vn

[233] Harnack (1908, tập 2, tr. 86-337); Wolfson (1947, Chương 1); Baron (1952, tập 2); Neusner (1965-1970, tập 1, tr. 166-169); Latourette (1975, Chương 1, 5); E. Sanders (1980); Stark (1986, 1996); Stevenson (1987); Feldman (1993); Barclay (1996, 1998); Brown (1996); Frend (1996); Isaac (1998); J. Sander (1999, 2000); Bar (2003a); E. Ferguson (2003); Zetterholm (2003, Chương 3, và tr. 216-235); Mullen (2004). Trước năm 150, không có nhà thờ lớn nào được xây. Đến cuối thế kỷ 2, con số nhà thờ bắt đầu tăng, tăng mạnh nhất dưới triều Hoàng đế Gallienus (213-268) và tiếp tục tăng trong các thế kỷ sau đó.

https://thuviensach.vn

[234] Meeks (1983, tr. 54-72); Fox (1987, tr. 272-277).

https://thuviensach.vn

[235] Harnack (1908, tập 1, tr. 47; tập 2, tr. 33-34); Baron (1952, tập 2, tr. 163-166); Latourette (1975, tr. 80-81); MacMullen (1984, tr. 38); Fox (1987, tr. 301); Theissen (1992, tr. 39-53); Stark (1996, tr. 19, 39, 36); Mullen (2004, tr. 9) liệt kê các bài viết lấy từ những nguồn văn chương này.

https://thuviensach.vn

[236] S. Safrai (1976b, tr. 343-344); Leibner (2006, 2009).

https://thuviensach.vn

[237] Montgomery (1968, Chương 4-9); Sharf (1971); Alon (1980-1984, tập 2); Crown (1989); Herr và Oppenheimer (1990, tr. 204); Crown, Pummer và Tal (1993).

https://thuviensach.vn

[238] Feldman (1993, Chương 9); Goodman (1994); S. Cohen (1999).

https://thuviensach.vn

[239] Baron (1952, tập 1, tr. 173-176).

https://thuviensach.vn

[240] Schiffman (1985); S. Cohen (1999).

https://thuviensach.vn

[241] Hội đồng Nicaea là hội đồng đầu tiên trong loạt các hội đồng giám mục. Hàng trăm giám mục từ khắp nơi trong thế giới Cơ đốc giáo tề tựu tại thị trấn nằm ở tỉnh Bithynia thuộc La Mã ở Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) này, lập ra các giáo lý thần học chính của tôn giáo mới.

https://thuviensach.vn

[242] Montgomery (1968, Chương 4-9); Sharf (1971); Alon (1980-1984, tập 2); Crown (1989), Herr và Oppenheimer (1990, tr. 204); Crown, Pummer và Tal (1993).

https://thuviensach.vn

[243] Neusner (1965-1970, tập 2; tập 4, tr. 435).

https://thuviensach.vn

[244] Gil (2004, tr. 57, 491).

https://thuviensach.vn

[245] Gil (2004, tr. 57, 491).

https://thuviensach.vn

[246] Baron (1937, tập 2); Beer (1974); L. Jacobs (1990).

https://thuviensach.vn

[247] Gil (2004, tr. 491-492, 597-600).

https://thuviensach.vn

[248] Baron (1952, tập 4, Chương 22); Ashtor (1959b, tr. 147-154); H. Ben-Sasson (1976, tr. 388-400); Gil (2004, tr. 597-662).

https://thuviensach.vn

[249] Goitein (1967-1988, tập 1); Gil (1992, 2004).

https://thuviensach.vn

[250] Chúng tôi giả định rằng tất cả các quy định tôn giáo khác Do Thái giáo áp đặt (như ăn kiêng, làm lễ Sabbath) mang lại cùng khả dụng (bất khả dụng) như các quy định tôn giáo tương tự do các tôn giáo khác áp đặt.

https://thuviensach.vn

[251] Tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp diễn ra trong thiên niên kỷ thứ nhất (xem Mokyr 1990, Chương 1) nhưng không tới mức cơ giới hóa hay trở thành đối tượng nghiên cứu khoa học như trong và sau cuộc Cách mạng công nghiệp

https://thuviensach.vn

[252] Ở đây, chúng tôi đi theo giả định của mô hình trình bày ở phần phụ chương. Chúng tôi giả định rằng chỉ có hai nghề, nông dân và lái buôn và rằng, để cho đơn giản, biết chữ không mang lại lợi nhuận cho nông dân. Liệu lợi nhuận thực tế có bằng không hay không không quan trọng – quan trọng là lợi nhuận từ việc biết chữ ít hơn so với lợi nhuận thu được từ việc làm các công việc đòi hỏi tay nghề ở thành thị.

https://thuviensach.vn

[253] Trong các mô hình chọn lựa nghề nghiệp, giả định này tương đương với giả định tay nghề đơn chiều. Với việc chúng tôi chỉ xem xét hai ngành nghề, sự đơn giản hóa này không mang tính hạn chế.

https://thuviensach.vn

[254] Xem C. Chiswick (1999, 2006) thảo luận sâu về tác động vết dầu loang giữa học vấn tôn giáo và học vấn nói chung trong Do Thái giáo.

https://thuviensach.vn

[255] Greif (1989, 1993, 2006) chỉ ra tầm quan trọng của những tài sản này trong việc thúc đẩy thực thi hợp đồng giữa những nhà buôn Maghrebi (Do Thái) ở Địa Trung Hải thế kỷ 10-11. Xem tổng quan lập luận của Greif bên dưới.

https://thuviensach.vn

[256] Roy (1951).

https://thuviensach.vn

[257] Để kết quả này đúng, tiền thuế nông dân trả và tiền thuế lái buôn trả nên gần bằng nhau hoặc tiền thuế lái buôn trả không nên vượt quá sự khác biệt trong thu nhập giữa nông dân và lái buôn.

https://thuviensach.vn

[258] Về nguyên tắc, thợ thủ công, nhà buôn, người cho vay lãi Do Thái có thể kiếm nhiều tiền hơn so với người không phải Do Thái làm cùng nghề vì họ có các thiết chế thực thi giao ước (như bộ luật Talmud, thư từ phúc đáp, tòa án giáo sỹ). Nếu người không phải Do Thái cũng có thể dựa vào các thiết chế thực thi giao ước tương tự – thực tế đúng như vậy – thì sẽ là có lý khi cho rằng người Do Thái và người không phải Do Thái làm nghề thủ công, buôn bán, cho vay lãi có thu nhập từ công việc như nhau.

https://thuviensach.vn

[259] Luận điểm này dựa trên giả định trong mô hình ở phần phụ chương rằng giáo dục của người cha, giáo dục của người con bổ sung cho nhau trong hoạt động sản xuất của lái buôn. Lập luận là như thế này: xem xét một người Do Thái có học không gắn bó với tôn giáo của mình và đối mặt với chi phí cho con đi học cao (ví dụ, do con anh ta không có động lực hoặc không chịu khó học kinh Torah ở giáo đường). Giả dụ anh ta muốn làm lái buôn hơn làm nông dân. Trong trường hợp này, anh ta sẽ đầu tư cho việc học của con giống hệt như một lái buôn không phải người Do Thái. Chừng nào khác biệt về mức đóng thuế giữa người Do Thái và người không phải Do Thái lớn hơn chi phí xã hội của việc từ bỏ Do Thái giáo, đánh mất sự giúp đỡ, ủng hộ của cộng đồng Do Thái thì lái buôn Do Thái không có lý do gì để cải đạo.

https://thuviensach.vn

[260] Daniels (1996); O’ Connor (1996). Có nguồn gốc từ vùng đất nay là Syria, dựa trên bảng chữ cái Bắc Semitic, tiếng Aram vô cùng phổ biến từ năm 1000 tới năm 600 trước CN (nhất là sau khi người Assaryia chinh phục Trung Đông) từ bờ biển Địa Trung Hải tới biên giới với Ấn Độ. Bảng chữ cái Aram, có gốc từ tiếng Phoenicia (tiếng Hy Lạp cũng được cho là có nguồn gốc từ tiếng Phoenicia), được kiểm chứng lần đầu tiên vào thế kỷ 9 trước CN, cũng vô cùng phổ biến và được nhiều người sử dụng, cả hệ có chữ viết lẫn hệ không có chữ viết. Bảng chữ cái Aram gồm 22 chữ cái, đều là phụ âm, được viết từ phải sang trái. Bảng chữ cái Aram cũng là thủy tổ bảng chữ cái Nabataea và bảng chữ cái Ả-rập hiện đại, bảng chữ cái Palmyrene, chữ viết Syriac, cũng như hàng trăm hệ thống chữ viết khác được sử dụng vào một lúc nào đó ở châu Á phía đông của Syria. Một trong những ảnh hưởng lớn nhất của bảng chữ cái Aram là bảng chữ cái Hebrew vuông. Chữ viết bắt nguồn từ Phoenician bắt đầu xuất hiện ở Xứ Israel khoảng thế kỷ 10 trước CN, bảng chữ cái Hebrew cổ là một trong số đó. Tuy nhiên, vào thế kỷ 6 trước CN, một bảng chữ cái có nguồn gốc Aram gọi đúng là bảng chữ cái Do Thái bắt đầu thay thế bảng chữ cái Hebrew cổ. Bảng chữ cái Do Thái chính là bảng chữ cái phát triển thành bảng chữ cái Hebrew vuông hiện đại.

https://thuviensach.vn

[261] Goitein (1967-1988); Gil (1992, 2004); M. R. Cohen (1994, 2006).

https://thuviensach.vn

[262] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 191, 228).

https://thuviensach.vn

[263] Goitein (1973, tr. 116). Chiếc khăn trùm đầu được nói đến trong bức thư là khăn của phụ nữ.

https://thuviensach.vn

[264] Goitein (1973, tr. 108).

https://thuviensach.vn

[265] Goitein (1973, tr. 77). Qayrawan nằm ở phía bắc Tunisia, là trung tâm thương mại quan trọng hồi đầu thiên niên kỷ.

https://thuviensach.vn

[266] Goitein (1973, tr. 85-88).

https://thuviensach.vn

[267] Goitein (1967-1988, tập 1, phụ lục D).

https://thuviensach.vn

[268] Levy (1996).

https://thuviensach.vn

[269] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 177-178) cho rằng thợ thủ công và nhà buôn trong thế giới Ả-rập chỉ biết đến chữ số Ả-rập từ người châu Âu vào thời hiện đại. Nguồn gốc số học, đại số hiện đại xuất phát từ cuốn sách Về tính toán với chữ số Hindu của Muhammad ibn Musa Al-Khwarizmi (khoảng năm 825). Al-jabar nguồn gốc của từ "đại số" là từ Ả-rập do Al-Khwarizmi đưa ra để nói về phép biến đổi dùng để giải phương trình bậc hai. Đầu thế kỷ 13, nhà toán học Ý Leonardo Fibonacci, được cho là nhà toán học tài năng nhất giai đoạn đầu thời Trung Cổ, đưa số học vào châu Âu sau khi gặp gỡ các học giả Hồi giáo khi ông du hành ở Bắc Phi.

https://thuviensach.vn

[270] Goitein (1973, tr. 107). Ramle và Ascalon là các thị trấn nằm ở miền trung, miền nam của Xứ Israel.

https://thuviensach.vn

[271] Goitein (1973, tr. 103). Bức thư được viết trong khoảng năm 1038-1042 khi cuộc tấn công dữ dội của Byzantine vào Sicily của người Hồi giáo dẫn tới sự sụp đổ của Syracuse, Messina và các thị trấn khác ở những nước dọc bờ biển Đông Bắc của Địa Trung Hải. Hiện diện của hải quân Byzantine trên tuyến thương mại trực tiếp giữa Ai Cập và Tunisia khiến các nhà buôn ngại đi tuyến đó.

https://thuviensach.vn

[272] Agus (1965, tr. 7); Goitein (1967-1988, tập 1).

https://thuviensach.vn

[273] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 9).

https://thuviensach.vn

[274] Goitein (1973, tr. 251-252).

https://thuviensach.vn

[275] Goitein (1967-1988, tập 1, phụ lục C) nói về thư từ phúc đáp thế kỷ 11-12 giải quyết quan hệ đối tác kinh doanh giữa thợ thủ công, nhà buôn Do Thái trong đó các học giả bao gồm cả Moses Maimonides cung cấp tư vấn pháp luật và quan tòa ở tòa án giáo sỹ phân xử theo luật Talmud.

https://thuviensach.vn

[276] Elon (1994); Brody (1998); Gil (2004; tr. 117-206). Mỗi một bức thư phúc đáp được chủ học viện viết, như R. Natan người Babylon mô tả (Elon 1994); "[Đ]ó là thói quen khi trả lời các câu hỏi. Mỗi một Adar (tháng Ba, một trong các tháng kallah), chủ học viện sẽ mang ra tất cả các câu hỏi ông ta nhận được, để cho sinh viên trả lời. Và họ sẽ từ chối cho tới khi chủ học viện công kích họ, và rồi mỗi người trong số họ sẽ đưa ra ý kiến của mình. Chủ học viện sẽ lắng nghe cho tới khi ông đưa ra kết luận và lệnh cho thư ký ghi lại câu trả lời. Đó là thói quen mỗi ngày của họ cho tới khi họ trả lời hết các câu hỏi họ nhận được và vào cuối tháng, họ sẽ đọc toàn bộ các câu trả lời trước mặt họ, chủ học viện ký vào câu trả lời rồi gửi đi".

https://thuviensach.vn

[277] Greif (1989, 1993, 1994, 2006).

https://thuviensach.vn

[278] Allen (2001, 2005) và van Zanden (2009) phân tích rất nhiều dữ liệu lịch sử về tiền lương của công nhân nông nghiệp và công nhân có tay nghề, không có tay nghề ở thành thị ở châu Âu và châu Á, thảo luận về tiền thưởng tay nghề thời cận hiện đại cũng như thời hiện đại.

https://thuviensach.vn

[279] Neusner (1965-1970); Beer (1974); Gafni (1990); L. Jacobs (1990).

https://thuviensach.vn

[280] Avi-Yonah (1976); Herr và Oppenheimer (1990); Leibner (2006, 2009); Gil (2008).

https://thuviensach.vn

[281] Lewis (2002). Giống như người Do Thái ở Ba Tư, người Ba Tư tiếp tục sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ, viết tiếng mẹ đẻ bằng ký tự Hebrew (tiếng Do Thái-Ba Tư).

https://thuviensach.vn

[282] Goitein (1967-1988, tập 1); Mokyr (1990, Chương 6). Sau này, kiến thức về thuốc súng cũng được truyền từ Trung Hoa thông qua các nước Hồi giáo.

https://thuviensach.vn

[283] Mokyr (1990, Chương 6).

https://thuviensach.vn

[284] Watson (1974); Mokyr (1990, Chương 6); Decker (2009).

https://thuviensach.vn

[285] Mokyr (1990, Chương 6). Sản phẩm của những ngành công nghiệp non trẻ này gồm dụng cụ thiên văn, đồ gốm, hóa chất, công nghệ chưng cất, đồng hồ, thủy tinh, máy móc chạy bằng sức nước, sức gió, thảm, tranh ghép, bột giấy, giấy, dược phẩm, dây thừng, tàu thuyền, lụa, đường, vải dệt, vũ khí, khai khoáng lưu huỳnh, amoniac, chì, sắt.

https://thuviensach.vn

[286] Baron (1952, tập 4, tr. 150-227); Stillman (1995); Gil (2004, tr. 491-492).

https://thuviensach.vn

[287] Baron (1952, tập 4, tr. 150-227); Ashtor (1959b, tr. 147-154); H. Ben-Sasson (1976, tr. 388-394); Gil (2004, tr. 491-492, 597-600).

https://thuviensach.vn

[288] Goitein (1967-1988, tập 1).

https://thuviensach.vn

[289] Baron (1952, tập 4, Chương 22); Ashtor (1959b, tr. 147-154); H. Ben-Sasson (1976, tr. 388-394); Gil (2004, tr. 603-662).

https://thuviensach.vn

[290] Lucas (2004).

https://thuviensach.vn

[291] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 171-183).

https://thuviensach.vn

[292] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 177). Các bức thư trong kho lưu trữ Cairo cũng xác nhận điều này. Ví dụ, trong một bức thư do nhà buôn, học giả Do Thái giàu có là Halfōn b. Manasse ha-Levi (1100-1139) viết, một phụ nữ góa chồng hợp đồng với một lái buôn dạy con trai bà thư pháp Ả-rập và số học. Để dạy tốt, thù lao cho người dạy là 2 dinar.

https://thuviensach.vn

[293] Assaf (2002-2006, tập 2, tr. 27). Giáo sỹ Hai, chủ học viện ở Pumbedita cuối thế kỷ 10 đầu thế kỷ 11 ghi rằng trẻ em có thể học "chữ Ả-rập và số học ngoài việc học kinh Torah. Nhưng nếu không dạy kinh Torah thì người dạy không nên dạy hai môn học này" và rằng "người dạy nên tránh dạy con cái người không phải người Do Thái ở giáo đường càng xa càng tốt; nhưng nếu sợ rằng điều đó có thể gây ra phản ứng tức giận thì có thể cho phép dạy con cái người không phải người Do Thái nhằm giữ bầu không khí hòa bình".

https://thuviensach.vn

[294] Goitein (1962). Ngoài chi phí sinh hoạt và thuế thân, giáo dục chiếm một phần lớn trong ngân sách gia đình được tìm thấy trong kho lưu trữ Cairo.

https://thuviensach.vn

[295] Goitein (1962, tr. 34-35; 1967-1988, tập 2, tr. 174).

https://thuviensach.vn

[296] Goitein (1962, tr. 34-35; 1967-1988, tập 2, tr. 174).

https://thuviensach.vn

[297] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 174-193).

https://thuviensach.vn

[298] Goitein (1962, tr. 40); M. R. Cohen (2003).

https://thuviensach.vn

[299] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 175).

https://thuviensach.vn

[300] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 177).

https://thuviensach.vn

[301] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 178).

https://thuviensach.vn

[302] Goitein (1962, tr. 64). Không rõ liệu trẻ em gái Do Thái có được đi học tiểu học trước thời kỳ Hồi giáo không vì không tìm thấy tài liệu nào như tài liệu trong kho lưu trữ Cairo.

https://thuviensach.vn

[303] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 185-190).

https://thuviensach.vn

[304] Goitein (1962, tr. 116-125).

https://thuviensach.vn

[305] Goitein (1967-1988, tập 1, 2).

https://thuviensach.vn

[306] Goitein (1962, tr. 140-145).

https://thuviensach.vn

[307] Goitein (1962, tr. 129).

https://thuviensach.vn

[308] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 192-195).

https://thuviensach.vn

[309] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 171-262).

https://thuviensach.vn

[310] Baron (1952, tập 3).

https://thuviensach.vn

[311] Nakosteen (1964, tr. 44-47).

https://thuviensach.vn

[312] Xem Elon (1994); Brody (1998); Gil (2004, tr. 117-206) mô tả chi tiết sự xuất hiện của giới chủ học viện, sự phát triển của kho thư từ phúc đáp.

https://thuviensach.vn

[313] Elon (1994, tập 2).

https://thuviensach.vn

[314] Baron (1971b).

https://thuviensach.vn

[315] Baron (1952, tập 17, tr. 181-183); Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 299-303).

https://thuviensach.vn

[316] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 300-304).

https://thuviensach.vn

[317] Goitein (1967-1988, tập 2, tr. 300-304).

https://thuviensach.vn

[318] Greif (1989, 1993, 2006).

https://thuviensach.vn

[319] Một vài nghiên cứu từ nguyên học gợi ý nguồn gốc từ “Radhanite”. Hầu hết các học giả trong đó có Gil (1976; 2004, tr. 615-637) tin rằng “Radhanite” chỉ một quận ở Mesopotamia gọi là “mảnh đất của Radhan” trong các văn bản tiếng Ả-rập và tiếng Hebrew thời đó. Các quan điểm khác cho rằng trung tâm của những nhà buôn này là thành phố Ray (Rhages) ở bắc Ba Tư hoặc thung lũng sông Rhône ở Pháp (tiếng La-tinh là Rhodanus) vì tất cả tuyến buôn bán của họ đều xuất phát từ đó (xem Bareket [2002] tóm tắt cuộc tranh luận).

https://thuviensach.vn

[320] Gil (2004, tr. 618).

https://thuviensach.vn

[321] Biển phía tây là biển Địa Trung Hải. Firanja được xác định là Pháp hoặc Ý thời Frank (Gil, 2004, tr. 627).

https://thuviensach.vn

[322] Goitein và Friedman (2007) biên tập và dịch sang tiếng Anh một số lượng khổng lồ các bức thư này.

https://thuviensach.vn

[323] Gosh (1992) và Goitein và Friedman (2007) mô tả chi tiết cuộc sống của Abraham ben Yijū.

https://thuviensach.vn

[324] Berder: Tộc người bản địa ở Bắc Phi (BT).

https://thuviensach.vn

[325] Ông là bạn và người bảo trợ của một trong những nhà thơ Do Thái vĩ đại nhất, Judah ha-Levi, người viết một số bài thơ vinh danh ông. Các bài thơ của Judah ha-Levi quan trọng đến mức trở thành một phần trong các kỳ thi tú tài ở các trường trung học Israel đương thời. Hầu hết các thị trấn ở Israel đều có một con phố đặt tên theo nhà thơ này.

https://thuviensach.vn

[326] Ibn Battūta (1304 – khoảng 1368) là một trong những nhà du hành Trung Cổ nổi tiếng nhất. Sinh ra ở Tangiers, ông tới Mecca học luật và hoàn tất học vấn Hồi giáo ở đó. Từ đó, ông bắt đầu cuộc hành trình dài đưa ông tới Yemen, Kenya, Ấn Độ, Ceylon [Tích Lan, tức Sri Lanlca ngày nay], Malaysia, Java, Sumatra, Trung Hoa, rồi quay trở lại châu Phi, từ đây ông tới thăm Timbuktu. Sau đó ông trở về Morocco nơi ông sống những năm cuối đời.

https://thuviensach.vn

[327] H. Ben-Sasson (1976, tr. 454-458) mô tả cuộc sống và thành tựu của Samuel ha-Nagid.

https://thuviensach.vn

[328] Baron (1952, tập 3, Chương 22); Beinart (2007a).

https://thuviensach.vn

[329] H. Ben-Sasson (1976, tr. 400, 452-458).

https://thuviensach.vn

[330] Trong số những tác giả được dịch có nhà thơ vĩ đại viết bằng tiếng Hebrew ở Andalusia đồng thời là triết gia giáo sỹ Solomon ben Judah ibn Gabirol, ông đã mang kiến thức triết học Platon tới châu Âu giai đoạn đầu thời Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[331] Xem phụ lục về việc chúng tôi và các học giả khác diễn giải con số của Benjamin như thế nào. Ví dụ, con số 40 nghìn gia đình Do Thái ở Baghdad và vùng phụ cận của Benjamin phù hợp với con số 36 nghìn người trả thuế ngay trước khi diễn ra cuộc xâm lược Mesopotamia của quân Mông Cổ đầu những năm 1250 (xem Gil 2004). Các nguồn sử khác ghi lại rằng Baghdad là một trong những thành phố lớn nhất ở Trung Đông trước khi cuộc xâm lược xảy ra. Mô tả rất chi tiết của Benjamin về Baghdad cho thấy ông thực sự đến thăm thành phố này, không giống như những mô tả ngắn ngủi, thiếu chính xác về bán đảo Iberia với số dân phóng đại.

https://thuviensach.vn

[332] Mô tả của Benjamin về cộng đồng Do Thái ở mỗi địa danh dài hơn nhiều. Ở đây chúng tôi chỉ trích những đoạn phù hợp từ Benjamin xứ Tudela ([khoảng năm 1170] 1983).

https://thuviensach.vn

[333] Theo Kinh Thánh, người Girgashite là hậu duệ của Noah. Họ từng sinh sống tại Canaan nhưng đã bỏ Xứ Israel trước khi những người Israel bị lưu đầy trở về Ai Cập (BT).

https://thuviensach.vn

[334] Rabbanite: Người Do Thái chấp nhận Khẩu Luật (BT).

https://thuviensach.vn

[335] Karaïte: Người Do Thái không thừa nhận Khẩu Luật (BT).

https://thuviensach.vn

[336] Lệnh cấm cưỡi ngựa cũng được áp dụng cho cộng đồng Do Thái lớn, giàu có, danh giá ở Đế chế Abbasis (Goitein 1955).

https://thuviensach.vn

[337] Goitein (1967-1988, tập 1, tr. 66).

https://thuviensach.vn

[338] Goitein (1955); H. Ben-Sasson (1976, tr. 405); M. R. Cohen (1994, Chương 4). Thuế thân áp dụng cho các cộng đồng thiểu số sắc tộc và tôn giáo đã tồn tại dưới thời Sassanid trước khi người Ả-rập chinh phục Trung Đông. Theo Goitein (1967-1988, tập 1, tr. 63), năm 1046, thuế thân ở Ai Cập là 2,5 dinar, một khoản tiền tương đối lớn nhưng vẫn chấp nhận được.

https://thuviensach.vn

[339] M. R. Cohen (1994, Chương 5, 7); Gil (2004, tr. 273-286, 597-662).

https://thuviensach.vn

[340] Baron (1952, tập 3, Chương 17); Goitein (1955; 1967-1988, tập 1, 2).

https://thuviensach.vn

[341] H. Ben-Sasson (1976, tr. 393-394); M. Ben-Sasson (1991, 1992, 1996); Simonsohn (1997-2010, 2011); Abulafia (2000).

https://thuviensach.vn

[342] Goitein (1967-1988, tập 1, Chương 1); M. Ben-Sasson (1991, 1992, 1996).

https://thuviensach.vn

[343] Tcherikover (1961); Kasher (1985).

https://thuviensach.vn

[344] M. Ben-Sasson (1992, 1996); Schulman và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[345] M. Ben-Sasson (1996, tr. 38-44); DellaPergola (2001).

https://thuviensach.vn

[346] M. Ben-Sasson (1996, tr. 40-58).

https://thuviensach.vn

[347] Vì hầu hết người nhập cư Do Thái đến từ Mesopotamia và Ba Tư nên văn học halakha hình thành ở Bắc Phi cho thấy có sự ảnh hưởng lớn hơn từ các học viện Mesopotamia so với các học viện của Xứ Israel.

https://thuviensach.vn

[348] Goitein (1973, tr. 166-167). Rāv nói đến trong bức thư là giáo sỹ Nissim b. Jacob, một trong những giáo sỹ vĩ đại nhất mọi thời đại.

https://thuviensach.vn

[349] Mann (1920-1922); Ashtor (1976, Chương 3).

https://thuviensach.vn

[350] Ashtor (1942, tr. 142); Brasalawsky (1942).

https://thuviensach.vn

[351] M. R. Cohen (1980); Bashan và Bareket (2007).

https://thuviensach.vn

[352] Ashtor (2007).

https://thuviensach.vn

[353] Ở Qayrawan ở Tunisia thế kỷ 9, người Do Thái được phép sử dụng bơ do người không phải Do Thái sản xuất (M. Ben-Sasson 1996, tr. 42).

https://thuviensach.vn

[354] Ashtor (1976, Chương 2); M. Ben-Sasson (1992, 1996).

https://thuviensach.vn

[355] Greif (1989, 1993, 1994, 2006).

https://thuviensach.vn

[356] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Ashtor (2007).

https://thuviensach.vn

[357] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Goitein (1967-1988, tập 1, 2); Toch (2005).

https://thuviensach.vn

[358] Toch (2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[359] M. Ben-Sasson (1996, tr. 40-65).

https://thuviensach.vn

[360] Ashtor (1973-1984; 2007); H. Ben-Sasson (1976, tr. 393-402).

https://thuviensach.vn

[361] H. Ben-Sasson (1976, tr. 439-461); Ashtor (2007).

https://thuviensach.vn

[362] Ashtor (1973-1984); H. Ben-Sasson (1976, tr. 393-402); M. Ben-Sasson (1996, tr. 60-93).

https://thuviensach.vn

[363] Holo (2009); Jacoby (2011).

https://thuviensach.vn

[364] H. Ben-Sasson (1976, tr. 385-402).

https://thuviensach.vn

[365] Toch (2005, tr. 547-548; 2012).

https://thuviensach.vn

[366] Baron (1971b); DellaPergola (2001); Toch (2005, tr. 547-555; 2012).

https://thuviensach.vn

[367] Toch (2005, tr. 549-555; 2012).

https://thuviensach.vn

[368] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Toch (2005, tr. 547-555; 2012).

https://thuviensach.vn

[369] Toch (2005, tr. 547).

https://thuviensach.vn

[370] LeGoff (1988, Chương 2).

https://thuviensach.vn

[371] Baron (1952, tập 9, Chương 40, 41, 42, 43, 44); Le Goff (1988, Chương 3); Abulafia (1997).

https://thuviensach.vn

[372] Pirenne (1954, tr. 270-282).

https://thuviensach.vn

[373] Stow (1981); Le Goff (1988, Chương 8); Lynch (1992); Ekelund và cộng sự (1996).

https://thuviensach.vn

[374] Lopez (1976); Le Goff (1988, Chương 1, 2).

https://thuviensach.vn

[375] Từ giữa thế kỷ 8 khi trận dịch hạch cuối cùng quét qua châu Á và châu Âu, và tới giữa thế kỷ 14 khi trận Đại Dịch hạch tấn công lục địa Á-Âu và Bắc Phi và bắt đầu một chu kỳ dịch bệnh lây truyền tái phát chỉ kết thúc vào cuối thế kỷ 17, thì châu Âu đã có gần sáu thế kỷ không có trận dịch hạch lớn hay bệnh lây truyền nào. Một loạt các nhà chinh phạt đe dọa châu Âu trong suốt thời gian này. Người Scandinavia tấn công Tây Âu, định cư ở Nga, biến Iceland và Greenland thành thuộc địa trong thế kỷ 9-10; người Xla-vơ tiến về phía tây; người Magyar định cư ở vùng lòng chảo sông Danube; người Hồi giáo chinh phạt những hòn đảo chính ở Địa Trung Hải. Tuy nhiên, các cuộc phiêu lưu quân sự và bành trướng lãnh thổ của họ không gây thiệt hại về dân số nhiều hơn so với các cuộc xâm lăng trước đây của người Goth, Frank, Hung nô hay Ả-rập.

https://thuviensach.vn

[376] Lopez (1976); Braudel (1982, tr. 231-249); Le Goff (1988, tr. 195-255); Mokyr (1990, Chương 3); Abulafia (2000); Hodges (2000).

https://thuviensach.vn

[377] Baer (1961).

https://thuviensach.vn

[378] Toch (2005, tr. 552; 2012).

https://thuviensach.vn

[379] Ashtor và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[380] Baer (1961).

https://thuviensach.vn

[381] Baer (1961); Ashtor (2007); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[382] Parkes (1934, 1938); Marcus (1938); Pakter (1988); Linder (1997) biên tập nhiều chính sách này.

https://thuviensach.vn

[383] Baer (1961); H. Ben-Sasson (1976, tr. 462-476); Ashtor và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[384] Milano (1963); Toch (2005, tr. 549; 2012); Milano và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[385] Baron (1952, tập 2; 1971b, tr. 874).

https://thuviensach.vn

[386] Toch (2005; 2012). Ở Bắc Ý, ít thấy sự hiện diện của người Do Thái thời La Mã. Văn bia và tư liệu có đề cập tới người Do Thái ở Aquileia, Brescia, Civitavecchia, Ferrara, Milan, Pola.

https://thuviensach.vn

[387] Milano (1963); Milano và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[388] Toch (2005, tr. 549-550).

https://thuviensach.vn

[389] Toch (2005); Holo (2009); Jacoby (2011).

https://thuviensach.vn

[390] Roth (1946, 1966b); Goitein (1967-1988, tập 1); M. Ben-Sasson (1991); Simonsohn (1997-2010, 2011); Gil (2004, tr. 535-593); Toch (2005, 2012); Abulafia (2008).

https://thuviensach.vn

[391] Goitein (1967-1988, tập 1); M. Ben-Sasson (1991); Gil (2004, tr. 593-692); Toch (2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[392] Milano (1963); Abulafia (2000); Milano và cộng sự (2007); Simonsohn (2011).

https://thuviensach.vn

[393] M. Ben-Sasson (1991); Abulafia (2000, 2008); Gil (2004, tr. 535-593); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[394] Toch (2005, tr. 551-552; 2012).

https://thuviensach.vn

[395] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Milano (1963); Simonsohn (1977, 1982-1986, 1988-1991); Stow (1995-1997); Toch (2005, 2012); Milano và cộng sự (2007); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[396] Benbassa (1999, Chương 1); Blumenkranz và cộng sự (2007). Có rất ít thông tin về số lượng người Do Thái thời La Mã.

https://thuviensach.vn

[397] Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[398] Bachrach (1977); Benbassa (1999, Chương 1).

https://thuviensach.vn

[399] Toch (2005, 2012); Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[400] Toch (2005, tr. 547-550).

https://thuviensach.vn

[401] Baron (1952, tập 4, Chương 20).

https://thuviensach.vn

[402] Baron (1952, tập 4, Chương 20); Blumenkranz và cộng sự (2007). Vào lúc đó, y học đòi hỏi kiến thức về các loại thảo mộc và gia vị vốn được dùng làm thuốc. Nghề bác sỹ với nghề bán gia vị thường đi đôi với nhau.

https://thuviensach.vn

[403] Baron (1952, tập 4, Chương 20); Benbassa (1999); Toch (2005, 2012); Blumenkranz, Steinberg và Bensimon-Donath (2007); Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[404] Baron (1952, tập 4, Chương 20); Benbassa (1999); Toch (2005, 2012); Blumenkranz, Steinberg và Bensimon-Donath (2007); Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[405] Toch (2005, tr. 557; 2012).

https://thuviensach.vn

[406] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Taitz (1994); Benbassa (1999); Toch (2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[407] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Toch (2000b, 2005, 2008, 2011, 2012).

https://thuviensach.vn

[408] H. Ben-Sasson và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[409] Toch (2005, 2008, 2012); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[410] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Toch (2000a, 2000b, 2003, 2005, 2008, 2010, 2012); H. Ben-Sasson và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[411] Cave và Coulson (1965, tr. 101-102).

https://thuviensach.vn

[412] Parkes (1934, 1938); Marcus (1938); Pakter (1988); Linder (1997).

https://thuviensach.vn

[413] Bato, Adunka và Lehman (2007). Solomon và 15 người Do Thái khác bị giết hại trong cuộc Thập tự chinh thứ ba.

https://thuviensach.vn

[414] Ashkenazi: từ chỉ người Do Thái sinh sống ở Đức thời Trung cổ (BT).

https://thuviensach.vn

[415] Baron (1952, tập 4, Chương 22); Toch (2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[416] Roth (1964); Toch (2005, tr. 554).

https://thuviensach.vn

[417] Roth (1964, tr. 31-32).

https://thuviensach.vn

[418] J. Jacobs (1889, 1892, 1893, 1898).

https://thuviensach.vn

[419] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Roth (1964).

https://thuviensach.vn

[420] J. Jacobs (1893, tr. 134-136).

https://thuviensach.vn

[421] Roth (1964); Shatzmiller (1990); Mundill (2010); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[422] Tập công thức là tập hợp các mô hình thi hành tài liệu (acta), công hay tư, thời Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[423] Soloveitchik (2003); Toch (2005, 2008, 2010, 2011, 2012).

https://thuviensach.vn

[424] Baron (1952, tập 10, tr. 128-133).

https://thuviensach.vn

[425] Elman (1937, tr. 146).

https://thuviensach.vn

[426] H. Ben-Sasson và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[427] Marcus (1938, tr. 24-27).

https://thuviensach.vn

[428] Baron (1952, tập 4, Chương 22); Roth (1964; 1966a, tr. 29; 1966b, tr. 102-112); Blumenkranz (1966, tr. 169-171); Kestenberg-Gladstein (1966, tr. 314-315); Scheiber (1966, tr. 310); Schwarzfuchs (1966a, tr. 129-134; 1966b, tr. 151, 159); Toch (2005, 2011, 2012).

https://thuviensach.vn

[429] Toch (2005, tr. 558).

https://thuviensach.vn

[430] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Kanarfogel (1992); Toch (2005, 2012); Ashtor và cộng sự (2007); H. Ben-Sasson và cộng sự (2007); Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[431] Xem Stroumsa (2009) về cuộc phỏng vấn để tìm hiểu cuộc đời và cống hiến của Maimonides.

https://thuviensach.vn

[432] Câu này trích trong một bức thư của Maimonides “Sau đó tôi đi tiếp thăm bệnh nhân, kê đơn thuốc, hướng dẫn sử dụng cho các căn bệnh khác nhau của họ” chỉ ra tầm quan trọng của việc biết chữ trong nghề y vào thời đó.

https://thuviensach.vn

[433] Sephardi: từ chỉ người Do Thái sinh sống ở bán đảo Iberia (BT).

https://thuviensach.vn

[434] Agus (1965); Kanarfogel (1992); Limor (1993); Limor và Raz-Krakotzkin (1993).

https://thuviensach.vn

[435] Kanarfogel (1992, tr. 16).

https://thuviensach.vn

[436] Thông tin về cuộc đời, cống hiến trí tuệ của Rashi lấy từ Rothkoff và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[437] Grossman (1992, 1999); Kanarfogel (1992);); Limor (1993); Limor và Raz-Krakotzkin (1993). Giữa thế kỷ 13, học giả các học viện ở Pháp, Đức thừa hưởng di sản trí tuệ của Rashi tuyên bố tẩy chay, trừng phạt những ai đọc tác phẩm của Maimonides. Mãi tới thế kỷ 19 quyết định này mới bị các giáo sỹ Ashkenazi đảo ngược.

https://thuviensach.vn

[438] Goldin (1996).

https://thuviensach.vn

[439] Có nhiều tài liệu nói về chủ đề này trong đó có Bonné-Tamir và cộng sự (1978); Karlin, Kennet và Bonné-Tamir (1979); Bonné-Tamir, Zoossman-Diskin và Ticher (1992); Bonné-Tamir và Adam (1992); Ritte và các tác giả khác (1993a, 1993b); Hammer và cộng sự (2000).

https://thuviensach.vn

[440] Toch (2000b, 2005, 2012).

https://thuviensach.vn

[441] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); J. Katz (1961, Chương 3); Toch (2005, 2008).

https://thuviensach.vn

[442] Xem N. Ferguson (2008) về lịch sử thị trường tài chính từ thiên niên kỷ thứ hai trước CN tới nay, nhất là những tương đồng và khác biệt giữa thị trường tài chính ở châu Âu Trung Cổ và ngày nay.

https://thuviensach.vn

[443] Duby (1968); Cipolla (1976); Fossier (1988); Spufford (1988).

https://thuviensach.vn

[444] De Roover (1948); Lopez (1976); Braudel (1982).

https://thuviensach.vn

[445] De Roover (1948, 1966); Spufford (1988); Goldthwaite (1995); Mueller (1997).

https://thuviensach.vn

[446] Xem Pullan (1971) và Mueller (1972) về lịch sử phát triển của ‘monti di pietà’, và Guinnane (2001) về sự hình thành hợp tác xã tín dụng ở châu Âu hiện đại.

https://thuviensach.vn

[447] De Roover (1948, 1966); Cipolla (1976); Lopez (1976); Braudel (1982); Spufford (1988); Sargent và Velde (2002); Munro (2003). Lệnh chi hay ‘lettre de change’ là một bức thư thân mật của một lái buôn yêu cầu ngân hàng đại lý của mình ở một thành phố nào đó thay mặt anh ta thanh toán cho một lái buôn ở thành phố xa xôi đó. Về cơ bản không có thay đổi gì từ thế kỷ 14-18, lệnh chi là công cụ ngân hàng quốc tế có chức năng kép: cho vay ở một thành phố, chuyển tiền từ thành phố đó tới một thành phố ở nước ngoài. Tiền cho vay qua lệnh chi phải trả vào một ngày định sẵn ở thành phố nước ngoài bằng tiền của thành phố đó. Khi vay bằng đồng nội tệ của nước A và trả bằng đồng ngoại tệ của nước B thì không cần phải chở tiền xu, đồng vàng/bạc giữa các nước nữa. Lệnh chi, một công cụ tín dụng, chuyển tiền, đòi hỏi phải có bốn bên – hai người ủy quyền, hai đại lý – ở hai thành phố, sử dụng hai loại tiền tệ khác nhau.

https://thuviensach.vn

[448] Ưu tiên thời gian nghĩa là một đô-la hôm nay có giá hơn một đô-la sau này vì người vay được tiếp cận nguồn vốn ngay lập tức. Lãi suất cũng tính cả mức hoàn vốn thực sự đối với một khoản đầu tư mà các nhà kinh tế học gọi là sản phẩm vốn biên.

https://thuviensach.vn

[449] Ruderman (1981); Stein (2007).

https://thuviensach.vn

[450] Hunt (1994); Goldthwaite (1995); Mueller (1997); Tirole (2011). Một trong những ví dụ nổi tiếng nhất là nhà băng của gia đình Bardi và Peruzzi ở Florence, những nhà tài phiệt chính của Hoàng gia Anh nửa đầu thế kỷ 14. Khi vua Edward III vỡ nợ năm 1340-1343, nhà băng của gia đình Bardi và Peruzzi gần như phá sản.

https://thuviensach.vn

[451] Xem Cipolla (1982); Lane và Mueller (1985); Spufford (1988); Mueller (1997); Sargent và Velde (2002) và một số tác giả khác.

https://thuviensach.vn

[452] Xem Philippon và Reshef (2009) nghiên cứu gần đây về trình độ giáo dục và tay nghề của các cá nhân làm việc trong lĩnh vực tài chính ở nước Mỹ thế kỷ 20. Các tác giả chỉ ra rằng tùy tay nghề, thu nhập trong ngành tài chính cao hơn và mang tính chu kỳ rất cao.

https://thuviensach.vn

[453] Xem Stiglitz (2002) tổng hợp tài liệu về thông tin bất đối xứng. Các nhà kinh tế học phân biệt giữa chọn lọc nghịch (tình hình khi một bên có nhiều thông tin về những đặc điểm là đối tượng của giao dịch kinh tế hơn bên kia) với rủi ro đạo đức (tình hình khi một bên có nhiều thông tin về những hành động là đối tượng của giao dịch kinh tế hơn bên kia). Trong một số trường hợp, thông tin bất đối xứng có thể khiến thị trường hoạt động kém hiệu quả hay thậm chí ngừng hoạt động nếu bên không có thông tin sợ bị bên có thông tin lừa và do đó từ chối tham gia giao dịch kinh tế.

https://thuviensach.vn

[454] Một số bức thư trong kho lưu trữ Cairo chỉ rõ tầm quan trọng của năng lực kết nối mạng lưới và cơ hội đầu cơ đối với lái buôn Do Thái tham gia vào thương mại ở Địa Trung Hải, Biển Đỏ, Ấn Độ Dương thế kỷ 10, 11, 12 (xem Chương 6).

https://thuviensach.vn

[455] Xem N. Ferguson (2008) và Reinhart và Rogoff (2009) bằng chứng lịch sử về vỡ nợ chính phủ và khủng hoảng tài chính trong tám thế kỷ qua.

https://thuviensach.vn

[456] De Roover (1948; 1966); Barzel (1992).

https://thuviensach.vn

[457] Molho (1971, 1995); Kirshner (1977, 1993); Mueller (1997); Boone, Davids và Janssens (2003); Pezzolo (2007).

https://thuviensach.vn

[458] Roth (1964).

https://thuviensach.vn

[459] De Roover (1948); Spufford (1988).

https://thuviensach.vn

[460] Noonan (1957); Todeschini (1989, 2008); Glaeser và Scheinkman (1998); Reed và Bekar (2003).

https://thuviensach.vn

[461] Roth (1938, tr. 228; 1960a, tr. 229; 1964, tr. 2-3). Xem thêm cả H. Ben-Sasson (1976, tr. 470).

https://thuviensach.vn

[462] Baron (1952, tập 4, tr. 200).

https://thuviensach.vn

[463] Schwarzfuchs (1966b, tr. 151).

https://thuviensach.vn

[464] Sombart ([1911] 1913); Brenner và Kiefer (1981); Slezkine (2004).

https://thuviensach.vn

[465] Soloveitchik (1985, 2003). Những nguồn tư liệu chính ông nghiên cứu là Talmud và tác phẩm của các giáo sỹ Do Thái nổi tiếng nhất ở châu Âu Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[466] Sự cấm đoán này có từ thời cổ đại khi người không phải Do Thái cúng một vài giọt rượu vang lên thần của họ. Trong tiếng Hebrew, những giọt rượu này được gọi là ‘neshech’, tên của những đạo luật Talmud này.

https://thuviensach.vn

[467] Toch (2005, 2008, 2010).

https://thuviensach.vn

[468] Genoa là thủ phủ của vùng Liguira (Ý), là một hải cảng nằm bên bờ Địa Trung Hải.

https://thuviensach.vn

[469] S. A. Epstein (1996).

https://thuviensach.vn

[470] Parkes (1938); Abulafia (2000); Toch (2005, 2011); Sapir Abulafia (2011).

https://thuviensach.vn

[471] Parkes (1938, tr. 168); Baron (1952, tập 4); Roth (1964); Fuss (1975). Chính sách đặc quyền đầu tiên dành cho người Do Thái ở Anh được Henry I ban hành năm 1120 và được Henry II xác nhận năm 1170. Những văn bản đầu tiên này không tồn tại đến ngày nay; người ta biết đến sự tồn tại của những văn bản này vì những văn bản về sau nhắc tới và nói chung xác nhận chúng.

https://thuviensach.vn

[472] J. Jacobs (1892, 1893, 1898); Roth (1964). Vào đầu thế kỷ 13, ở Pháp và Tây Ban Nha có lệnh tất cả các thị trấn phải bổ nhiệm một công chứng viên để ghi lại toàn bộ số nợ của người Do Thái.

https://thuviensach.vn

[473] Roth (1964); Shatzmiller (1990); Mundill (2010).

https://thuviensach.vn

[474] Baron (1952, tập 4, Chương 20, 22); Roth (1964).

https://thuviensach.vn

[475] Limor và Raz-Krakotzkin (1993). ‘Vụ bôi nhọ máu’ là lời vu cáo các cộng đồng thiểu số, gần như lúc nào cũng là người Do Thái, rằng họ giết trẻ em, lấy máu chúng dùng cho nghi lễ tôn giáo hay trong một số ngày lễ. Người Do Thái ở Norwich bị kết tội dùng người hiến sinh sau khi thi thể một cậu bé được tìm thấy với nhiều vết dao đâm trên người. Cậu bé, tên là William, trở thành người tử vì đạo, còn các đoàn người hành hương viếng thăm, mang tới sự giàu có cho nhà thờ địa phương. Các vụ buộc tội máu tương tự được tiến hành nhằm vào người Do Thái ở các nơi khác ở châu Âu Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[476] Đây là ghi chép về sự kiện đó của một người Do Thái đương thời, giáo sỹ Ephraim xứ Bonn (trích từ Roth 1964, Chương 2): ‘Sau đó, vào năm 4551 (1190) những Kẻ lang thang gặp người dân của Chúa ở thành phố Evoric (York) ở Anh vào ngày đại lễ Sabbath và mùa kỳ diệu bị biến thành thảm họa và trừng phạt. Tất cả bỏ chạy tới nhà nguyện. Ở đây giáo sỹ Yom-Tob giết hại 60 người, những người khác cũng bị giết… Con số người bị giết và đốt xác là 150 người, cả nam và nữ, những xác người tội nghiệp. Nhà họ bị chúng phá hủy, chúng còn cướp vàng, bạc, những quyển sách hay mà họ đã viết được rất nhiều, quý như vàng, không gì đẹp bằng. Những thứ này chúng mang tới Cologne và các nơi khác, rồi bán cho người Do Thái’.

https://thuviensach.vn

[477] Elman (1937); Roth (1964); Singer (1964).

https://thuviensach.vn

[478] Xem Shatzmiller (1990) và Barzel (1992) mô tả thị trường tín dụng và người cho vay lãi trong cuộc cạnh tranh với người Do Thái ở nước Anh thời Trung Cổ.

https://thuviensach.vn

[479] Taitz (1994); Benbassa (1999); L. Glick (1999, Chương 9); Toch (2005).

https://thuviensach.vn

[480] Parkes (1938, tr. 170-177, 344).

https://thuviensach.vn

[481] Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[482] Parkes (1938); Benbassa (1999); Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[483] Benbassa (1999); Blumenkranz và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[484] Toch (2005, 2008, 2012).

https://thuviensach.vn

[485] H. Ben-Sasson và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[486] Parkes (1938); Berenbaum và Carlebach (2007).

https://thuviensach.vn

[487] Toch (2005, 2008); Milano và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[488] Baron (1952, tập 4, Chương 22).

https://thuviensach.vn

[489] Bato, Adunka và Lehman (2007).

https://thuviensach.vn

[490] Parkes (1938, tr. 178-181); Baron (1952, tập 4, Chương 22).

https://thuviensach.vn

[491] Baer (1961); Ashtor và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[492] Baer (1961); Ashtor (1973-1984); Toch (2005, 2011, 2012); Ashtor và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[493] Ashtor và cộng sự (2007).

https://thuviensach.vn

[494] Baer (1961); Gampel (1989, 1998); Limor (1993); Limor và Raz-Krakotzkin (1993); Beinart (1998); T. Glick (1998).

https://thuviensach.vn

[495] Simonsohn (1977, 1982-1986, 1988-1991); Milano (1963); Milano và cộng sự (2007). Ở một số thị trấn có hơn 1.000 người cho vay lãi Do Thái. Quyền độc quyền cấm những người Do Thái khác tự do định cư và cho vay lãi ở một thị trấn mà không được phép của cộng đồng Do Thái địa phương và không được chính quyền thị trấn địa phương quản lý, thu thuế.

https://thuviensach.vn

[496] Botticini (2000) thu thập thông tin về các loại thuế năm và trần tỷ giá lãi suất trong các chính sách đặc quyền dành cho Tuscany từ Cục Lưu trữ Nhà nước Florence (từ đây gọi là ASF), 'Statuti delle comunità autonome e soggette', và dành cho các thị trấn khác ở Ý lấy từ nguồn thứ cấp. Xem Toaff (1992-1994) về Umbria, Mueller (1972, 2008) về Venice.

https://thuviensach.vn

[497] Xem Malanima (2007) về con số tiền lương ở Florence thời tiền Phục hưng.

https://thuviensach.vn

[498] Catasto: hệ thống đăng ký ruộng đất ở cấp địa phương ở Ý. Dữ liệu trong Catasto sẽ là cơ sở để thu thuế. Catasto của Florence vào năm 1427 cung cấp nguồn dữ liệu thô quan trọng để nghiên cứu về thời Phục Hưng (BT).

https://thuviensach.vn

[499] Botticini (1997, 2000).

https://thuviensach.vn

[500] Guinnane (2001).

https://thuviensach.vn

[501] Luzzatto (1902); Molho (1971); Mueller (1975, 2008); Simonsohn (1977, 1982-1986; 2011); Pini (1983); Muzzarelli (1984, 1994); Segre (1986-1990); Cozzi (1987); Luzzati (1987, 1996); Toaff (1992-1994); Bonfil (1994); Stow (1995-1997); Botticini (1997); Pisa (1997).

https://thuviensach.vn

[502] Milano (1956, tr. 216); Pullan (1971, 1987); Fornasari (1993); Menning (1993). Quy mô khoản vay của ‘monti di pietà’ là hạn chế; với các khoản vay lớn hơn, người dân phải quay sang người Do Thái. Hơn nữa, nhất là trong giai đoạn đầu mới hình thành, ‘monti di pietà’ gặp phải vấn đề muôn thủa là có đủ tiền để thỏa mãn nhu cầu vay nợ vì người gửi tiền phải chịu các cú sốc chung. Khi tình hình khó khăn lan rộng, người gửi tiền hầu như không thể cấp vốn cho ‘monti di pietà’. Ngược lại, người cho vay lãi Do Thái có thể dễ dàng cung cấp nguồn tín dụng bên ngoài nhờ vào mạng lưới kinh tế, xã hội rộng rãi trong cộng đồng người Do Thái.

https://thuviensach.vn

[503] Baba Metzia là văn bản nằm trong Talmud, nêu những quy định để xử lí các vấn đề dân sự (BT).

https://thuviensach.vn

[504] Về thái độ của người Do Thái đối với việc cho vay lãi, xem Stein (1955, 2007); Soloveitchik (1985, 2005); J. Katz (1995).

https://thuviensach.vn

[505] Stein (2007).

https://thuviensach.vn

[506] H. Ben-Sasson (1976, tr. 398-400).

https://thuviensach.vn

[507] J. Katz (1961, Chương 10).

https://thuviensach.vn

[508] Hasid là giáo phái Do Thái hình thành vào thế kỉ 2 trước CN. Họ chống lại sự ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp lúc đó và dành tâm sức cho việc giám sát chặt chẽ sự thực thi giáo luật (BT).

https://thuviensach.vn

[509] Có rất nhiều tài liệu nói về thái độ của nhà thờ đối với nghề cho vay lãi và lệnh cấm cho vay nặng lãi đối với người Cơ đốc giáo. Xem Noonan (1957); Nelson (1969); Todeschini (1989); Glaeser và Scheinkman (1998); Munro (2003); Reed và Bekar (2003).

https://thuviensach.vn

[510] Lopez (1976); Gustafsson (1987); Mokyr (1990); S. A. Epstein (1991); S. R. Epstein (1998); Richardson (2004); có rất ít tư liệu viết còn sót lại từ thế kỷ 12 hay trước đó. Các tư liệu còn sót lại chủ yếu bao gồm ghi chép của nhà vua, hoàng tử, nhà thờ về việc đánh thuế hay ban phát đặc quyền cho các tổ chức. Một số bằng chứng cũng tồn tại trong hồ sơ của công chứng viên, tòa án vốn ghi lại, thực thi hợp đồng giữa chủ các phường hội với người bên ngoài như cha mẹ của người tập sự. Ghi chép tốt hơn còn sót lại từ thế kỷ 14, 15 trong đó có sách luật và các tài liệu khác mô tả tổ chức nội bộ và cách thức vận hành của các phường hội.

https://thuviensach.vn

[511] Holo (2009, Chương 6).

https://thuviensach.vn

[512] Toch (2005, tr. 11; 2011, 2012).

https://thuviensach.vn

[513] Các nguồn tư liệu không phải của người Do Thái có mô tả người Do Thái buôn bán ngũ cốc, ớt, gia súc, cừu, nhưng không phải rượu vang.

https://thuviensach.vn

[514] Luật thừa kế quy định trong Talmud – theo đó của cải cha truyền cho con trai mà không phải chia năm xẻ bảy cho các thành viên khác trong gia đình mở rộng như ở người Hồi giáo – có thể đã giúp người Do Thái tích lũy vốn và truyền vốn từ thế hệ này sang thế hệ khác.

https://thuviensach.vn

[515] Goldin (1996).

https://thuviensach.vn

[516] H. Ben-Sasson (1976, tr. 398).

https://thuviensach.vn

[517] Marcus (1938, tr. 31-35).

https://thuviensach.vn

[518] Talent: Đơn vị tiền của Hy Lạp cổ đại.

https://thuviensach.vn

[519] Dinar: Đơn vị tiền của Ả-rập cổ đại. Từ cuối thế kỷ 7, đồng dinar dần trở thành đồng tiền của thương mại quốc tế.

https://thuviensach.vn

[520] Goitein (1967-1968, tập 1); Greif (1989); Lewis (2002); Gil (2004); Goitein và Friedman (2007); Kuran (2010b).

https://thuviensach.vn

[521] Hầu hết thông tin về tình hình kinh tế Ba Tư và Mesopotamia trong và sau cuộc chinh phục của người Mông Cổ trong phần này lấy từ Ashtor (1939, 1959a, 1959b, 1972, 1976), Baron (1952, tập 17, Chương 73), Petrushevsky (1968), Bausani (1971), Gil (2004, tr. 431-433), những người đã nghiên cứu nhiều nguồn tài liệu sơ cấp trong đó có sử biên niên của tể tướng, trích yếu của quan chức nhà nước, ghi chép của các nhà lữ hành như ghi chép của Ibn Battūta và Hamdullah Mustawf bin Abu Bakr al-Qazwini.

https://thuviensach.vn

[522] Goitein (1956); Gil (2004, tr. 432).

https://thuviensach.vn

[523] Người Cơ đốc có thể đã thoát chết nhờ các đặc sứ ngoại giao được giáo hoàng và một số vua chúa Tây Âu phái tới gặp lãnh tụ Mông Cổ nhằm ngăn chặn quân Mông Cổ tiến về châu Âu.

https://thuviensach.vn

[524] Baron (1952, tập 17, Chương 73).

https://thuviensach.vn

[525] Xem Ashtor và Amitai (2007). Người Mamluk là trẻ em và thanh niên từ Trung Á bị bắt làm nô lệ, được tầng lớp cai trị Abbasid và Fatimid giáo dục thành người Hồi giáo và huấn luyện thành binh sỹ trung thành thế kỷ 10-11. Thế kỷ 12-13, người Mamluk làm lính cho triều Ayyubid cai trị Ai Cập, Syria, Lebanon, Xứ Israel. Người Mamluk kiểm soát Ai Cập năm 1250 sau khi vị vua Hồi cuối cùng qua đời. Sau đó họ mở rộng quyền lực tới Syria và các nơi khác ở Trung Đông.

https://thuviensach.vn

[526] Thông tin trong phần này lấy từ Baron (1952, tập 17, Chương 73); Ashtor (1959a, 1959b, 1972, 1976); Petrushevsky (1968); Bausani (1971); Lapidus (1981); Watson (1981); Gil (2004, tr. 431-433).

https://thuviensach.vn

[527] Một trong những ghi chép quan trọng nhất về các cuộc xâm lược của Mông Cổ được Rashiduddin Fazlullah (hay Rashid al-Din Fadhlullah Hamadani), tể tướng của hãn quốc vương Ghazan Khan viết. Được viết ở Ba Tư, cuốn Jami'u't-tawarikh (Trích yếu sử biên niên) của ông mô tả lịch sử dân tộc Thổ Nhĩ Kỳ và dân tộc Mông Cổ, sự trỗi dậy của Thành Cát Tư Hãn, các cuộc chinh phạt của quân Mông Cổ cũng như lịch sử các dân tộc khác như Ba Tư, Ả-rập, Hy Lạp, Trung Hoa, Ấn Độ, Frank (châu Âu).

https://thuviensach.vn

[528] Ashtor (1939, 1959a, 1959b, 1967, 1968, 1972, 1976); Baron (1952, tập 17, Chương 73).

https://thuviensach.vn

[529] Người Mông Cổ là một xã hội du mục, bộ lạc không có tôn giáo lâu đời. Khi xâm lược Mesopotamia và Ba Tư, mục tiêu của họ là lật đổ Đế chế Abbasid nơi quyền lãnh đạo tôn giáo thuộc về dòng Sunni. Để dành sự ủng hộ chống lại vương quốc Abbasid, họ tuyển người Hồi giáo dòng Shia cũng như thành viên các cộng đồng thiểu số tôn giáo nhất là người Cơ đốc và người Do Thái vào làm trong bộ máy chính quyền mới. Ảnh hưởng của nền văn hóa và tín ngưỡng thống trị khiến hãn vương Ghazan cải sang đạo Hồi năm 1295.

https://thuviensach.vn

[530] Ashtor (1939, 1959a, 1959b, 1976); Clark (1968); Baron (1952, tập 17, Chương 73; 1971b); McEvedy và Jones (1978).

https://thuviensach.vn

[531] Baron (1952, tập 17, Chương 73, tr. 165, 181-183; 1971b); Ashtor (1959a) ghi lại quá trình cải đạo tự nguyện và đồng hóa của người Do Thái ở Trung Đông sau cuộc chinh phạt của người Mông Cổ.

https://thuviensach.vn

[532] Ashtor (1939, 1959a, 1959b, 1976); Baron (1952, tập 17, Chương 73; 1971b); Clark (1968); McEvedy và Jones (1978); Gil (2004, tr. 491-496). Với việc Benjamin xứ Tudela tới thăm và mô tả chi tiết các thành phố, thị trấn ở Mesopotamia khoảng năm 1170, chúng tôi coi con số ông đưa ra là số hộ gia đình ở mỗi nơi ông tới, và do đó, chúng tôi nhân con số đó với 5 dựa trên giả định mỗi hộ trung bình có năm khẩu. Chi tiết xem phần phụ lục.

https://thuviensach.vn

[533] Baron (1952, tập 17, Chương 73; 1971b); Ashtor (1959a, tr. 65-66) ghi lại quá trình cải đạo và đồng hóa sang Hồi giáo của người Do Thái ở Trung Đông sau cuộc chinh phạt của Mông Cổ.

https://thuviensach.vn

[534] Ashtor (1959a, 1967, 1968, 1976); Baron (1952, tập 17, Chương 73; 1971b); Clark (1968); McEvedy và Jones (1978). Thông tin về dân số và cấu trúc nghề nghiệp của người Do Thái cuối thế kỷ 12 lấy từ các con số của Benjamin xứ Tudela đem so với con số từ các nguồn khác như ghi chép của Maimonide. Với cuối thế kỷ 15, thông tin chủ yếu dựa vào ghi chép của các nhà lữ hành như Joseph Montagna (khoảng năm 1480), Meshullam xứ Volterra (khoảng năm 1481), Obadiah de Bertinoro (khoảng năm 1488) và một học trò ẩn danh của de Bertinoro (khoảng năm 1495). Thảo luận chi tiết hơn về các con số ước tính dân số Do Thái của Benjamin xứ Tudela, xem phần phụ lục.

https://thuviensach.vn

[535] Baron (1952, tập 17, Chương 73, tr. 165, 181-183) và Ashtor (1959a, tr. 65-66) ghi lại quá trình cải đạo và đồng hóa sang Hồi giáo của người Do Thái ở Ai Cập và Syria.

https://thuviensach.vn

[536] Bulliet (1979a, 1979b) đưa ra con số ước tính các vụ cải đạo sang Hồi giáo ở Ba Tư, Mesopotamia, Bắc Phi, Syria, Lebanon, Xứ Israel, bán đảo Iberia.

https://thuviensach.vn

[537] Adler (1987, tr. 156-250) biên tập các bức thư và nhật ký hành trình của giáo sỹ Meshullam và giáo sỹ Obadiah được tóm tắt trong chương này.

https://thuviensach.vn

[538] Baron (1971b); DellaPergola (1992, 2001).

https://thuviensach.vn

[539] Nghị định thư Wannsee hay còn gọi là “Giải pháp cuối cùng cho vấn đề Do Thái” được trình bày tại một cuộc họp ở Berlin ngày 20 tháng 1 năm 1942 có sự tham dự của giới quân sự, chính trị hàng đầu ở Đức.

https://thuviensach.vn

[540] Hai cuốn sách gần đây đưa ra một giả thuyết tương tự để giải thích bài toán dân số này. Sand (2008) cho rằng sự gia tăng dân số Do Thái Đông Âu có liên quan đến sự kiện được cho là vương quốc Kuzaria – nằm giữa Biển Đen và Biển Caspian trên con đường tơ lụa từ châu Âu sang Trung Hoa – cải đạo sang Do Thái giáo từ thế kỷ 7-8. Brook (2006) cho rằng có khoảng 30.000 người Do Thái ở Kuzaria trước khi diễn ra cuộc chinh phạt của người Mông Cổ. Sau này, một số di cư tới phía Bắc, tới Ba Lan, Nga, Ucraina. Sự hiện diện của các cộng đồng Do Thái tương đối lớn ở khu vực này được ghi lại trong nhật ký hành trình của Benjamin xứ Tudela. Có ít nhất hai lý do để hoài nghi về lập luận trên. Thứ nhất, trong Chương 9 chúng tôi chỉ ra rằng người Mông Cổ xâm chiếm khu vực này vào những năm 1220, gây ngưng trệ thương mại và giết hại một tỷ lệ lớn người dân địa phương. Vào cuối thế kỷ 14, chỉ có vài nghìn người Do Thái còn sinh sống ở khu vực này. Sự suy giảm dân số Do Thái này không thể là nguyên nhân dẫn tới sự gia tăng dân số Do Thái ngoạn mục ở Đông Âu trong thế kỷ 18-19. Thứ hai, người Do Thái ở Đông Âu theo truyền thống tôn giáo, văn hóa Ashkenazi và nói tiếng Yiddish trong khi đó người Do Thái ở Kuzaria lại có liên hệ với người Do Thái ở Mesopotamia và Ba Tư vốn theo truyền thống Sephardic. Ví dụ, Eckstein, Epstein và Landau – những họ phổ biến của người Do Thái ở Đông Âu – là thành phố, làng mạc ở Đức. Những cái tên này chắc chắn được đặt cho người nhập cư Do Thái ở Ba Lan và Ucraina dựa trên nơi ở ban đầu của họ ở Đức.

https://thuviensach.vn

[541] Không có sự thống nhất trong giới học giả về nguồn gốc tên gọi này (xem M. A. Cohen 2007)

https://thuviensach.vn

[542] Phần tóm tắt rất ngắn gọn các sự kiện chính về lịch sử kinh tế người Do Thái thời cận đại, hiện đại trình bày trong phần này được dựa trên Reich (1949); Halpern (1960); Roth (1960a, 1960b); Baron, Kahan và Gross (1975); Ettinger (1976); Trivellato (2009).

https://thuviensach.vn

[543] Richman (2006)

https://thuviensach.vn

[544] Người Do Thái cũng làm những công việc đòi hỏi tay nghề và cho thu nhập cao ở Ireland thế kỷ 19-20 (Ó Gráda [2006]).

https://thuviensach.vn

[545] Heertje (2004). Sinh ở London năm 1772, Ricardo xuất thân từ một gia đình Do Thái chuyển tới London sau vài năm sinh sống ở Amsterdam. Cha của Ricardo làm nghề môi giới chứng khoán, kiếm được rất nhiều tiền từ thị trường chứng khoán London. Sau khi đi học ở London và sống một thời gian ngắn ở Amsterdam, năm 14 tuổi, Ricardo tham gia công việc làm ăn của cha. Sau khi làm việc cùng cha, anh lập ra doanh nghiệp môi giới chứng khoán của riêng mình và trong có vài năm đã thu về một khoản tiền đáng kinh ngạc. Năm 21 tuổi, anh cưới Priscilla Annne Wilkinson, thành viên Hội tôn giáo những người bạn (Quaker), và trở thành người theo thuyết nhất thể.

https://thuviensach.vn

[546] Mokyr (2011). Moses Mendelsohn, nhà triết học Do Thái Đức, có những đóng góp quan trọng cho thời Khai sáng. Tuy nhiên, hầu hết người Do Thái phản đối phong trào triết học, trí tuệ này.

https://thuviensach.vn

[547] Một vài con số giúp hình dung những thành tựu ấn tượng của người Do Thái đương thời. Ví dụ, ở Mỹ, người Do Thái chiếm 2% dân số nhưng chiếm 21% số sinh viên của các trường đại học thuộc nhóm Ivy, 26% số người đoạt giải của Trung tâm Kennedy, 38% số nhà từ thiện hàng đầu, 51% số người thắng giải Pulitzer dành cho sách (Pease [2009]; Brooks [2010]. Cochran, Hardy và Harpending (2005) tạo ra một cuộc tranh luận sôi nổi về việc liệu người Do Thái, nhất là người Do Thái Ashkenazi, có chỉ số IQ trung bình cao hơn phần còn lại của dân số, và nếu đúng như vậy thì đâu là lý do. Xem Murray (2007) bàn về cuộc tranh luận này.

https://thuviensach.vn

[548] B. Chiswick (2007, 2010) ghi chép cẩn thận lịch sử kinh tế, cấu trúc nghề nghiệp, thu nhập của người Do Thái ở Mỹ. Thông tin trong phần này tóm tắt những phát hiện chính của ông.

https://thuviensach.vn

[549] DellaPergola (1992, 2001)

https://thuviensach.vn

Table of Contents

Tựa sách
Foreword
Lời mở đầu
Lời tựa
Lời nói đầu
§1. 70 SAU CN – 1492: CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI DO THÁI? HỌ SỐNG Ở ĐÂU, SỐNG NHƯ THẾ NÀO?
Từ Jesus đến Muhammad (1-622): Thế giới của nông dân
Dân số Do Thái giảm mạnh
Xứ Israel
Ai Cập và Bắc Phi
Syria, Lebanon, Tiểu Á, vùng Balkan, Tây Âu
Mesopotamia và Ba Tư
Thế giới của nông dân
Tóm tắt
Từ Muhammad tới Húc Liệt Ngột (622-1258): Nông dân trở thành thương nhân
Sự xuất hiện của các vua Hồi
Chuyển dịch nghề nghiệp của người Do Thái (750-900)
Di cư bên trong Đế chế Hồi giáo (800-1200)
Người Do Thái Byzantine ở giữa Đông và Tây (600-1200)
Di cư tới châu Âu Cơ đốc giáo và di cư bên trong châu Âu Cơ đốc giáo (850-1250)
Nhân khẩu học Do Thái
Tóm tắt
Từ Húc Liệt Ngột tới Tomás De Torquemada (1258-1492): Chấm dứt kỷ nguyên vàng

https://thuviensach.vn

Cú sốc Mông Cổ ở Trung Đông
Người Do Thái ở châu Âu cuối thời Trung Cổ
Tóm tắt
Lịch sử Do Thái từ năm 70 sau CN đến năm 1492: Những câu hỏi
§2. NGƯỜI DO THÁI CÓ PHẢI LÀ DÂN TỘC THIỂU SỐ BỊ ĐÀN ÁP?
Hạn chế đối với các hoạt động kinh tế của người Do Thái
Các đế chế La Mã, Byzantine, Ba Tư
Các vương quốc Hồi giáo (622-1258)
Châu Âu Cơ đốc giáo thời Trung Cổ (850-1492)
Thuế má bất công
Vốn con người dễ mang theo hơn vốn vật chất
Cộng đồng tôn giáo thiểu số tự cô lập
Tính kinh tế của các nhóm thiểu số nhỏ
Tóm tắt
§3. NGƯỜI CỦA SÁCH (200 TRƯỚC CN – 200 SAU CN)
Hai trụ cột của Do Thái giáo từ Ezra tới Hillel (500-50 trước CN): Đền thờ và kinh Torah
Đòn bẩy của Do Thái Giáo: Giáo dục như là một chuẩn mực tôn giáo
Đền thờ thứ hai bị phá hủy: Từ Lễ Hiến Sinh tới đọc và nghiên cứu kinh Torah
Di sản của Do Thái giáo dòng Giáo Sỹ: Mishna và giáo dục tiểu học phổ cập, 10-200 Sau CN
Judah haNasi và thế giới Mishna
Giáo dục tiểu học Do Thái thời Tannaim
Do Thái giáo và giáo dục: Mối quan hệ độc đáo trong thế giới Mishna
§4. TÍNH KINH TẾ CỦA VIỆC BIẾT CHỮ HEBREW TRONG THẾ GIỚI CỦA NHỮNG NGƯỜI NÔNG DÂN
Tính hỗn tạp và các lựa chọn của người Do Thái khoảng năm 200
Lý thuyết kinh tế: Thiết lập cơ bản

https://thuviensach.vn

Lý thuyết kinh tế: Những dự đoán
Cuộc sống ở một ngôi làng ở Galilee khoảng năm 200 qua lăng kính lý thuyết này
Phụ chương 4.A: Mô hình giáo dục chính qui và hiện tượng cải đạo trong nông dân
Giáo dục
Cải đạo
§5. NGƯỜI DO THÁI THỜI TALMUD, 200-650 SỐ ÍT ĐƯỢC LỰA CHỌN
Xã hội nông nghiệp ngày càng có nhiều người biết chữ
Cam kết giáo dục
Bằng chứng từ kinh Talmud
Bằng chứng từ những phúc đáp thành văn đầu tiên của những người đứng đầu các học viện (gaon)
Giáo đường
Người Do Thái biết chữ trong thế giới mù chữ
Người Do Thái vô học (Ammei ha-Aretz)
Thực hiện cải cách giáo dục Do Thái: Tóm tắt
Cải đạo trong nông dân Do Thái
Biến động trong dân số Do Thái
Nguồn thông tin từ văn chương, bia đá
Giai đoạn từ năm 1 đến năm 325
Giai đoạn từ năm 325 đến năm 700
Tóm tắt
§6. TỪ NÔNG DÂN TỚI THƯƠNG NHÂN, 750-1150
Tính kinh tế của việc biết chữ Hebrew trong thế giới của các thương nhân
Lý thuyết kinh tế: Thiết lập cơ bản
Lý thuyết kinh tế: Những dự đoán
Thời kỳ vàng son của người Do Thái biết chữ ở các vương quốc Hồi giáo
Biết chữ Hebrew

https://thuviensach.vn

Các thiết chế thực thi giao ước
Thu nhập theo ngành nghề
Quá trình chuyển dịch chậm chạp sang các ngành nghề ở thành thị
Đô thị hóa, sự bành trướng của thương mại và quá trình chuyển dịch nghề nghiệp của người Do Thái
Giáo dục tiểu học phổ cập của người Do Thái
Tầm vóc trí tuệ: Người đứng đầu hai học viện Do Thái Sura và Pumbedita (Genoim)
Dân số Do Thái ổn định
Tóm tắt
Phụ chương 6.A: Mô hình giáo dục chính qui và cải đạo của các thương nhân
Giáo dục
Cải đạo
§7. NGƯỜI DO THÁI LANG THANG CÓ GIÁO DỤC, 800-1250
Người Do Thái lang thang trước thời Marco Polo
Các nhà buôn Radhanite thế kỷ 9
Lái buôn Do Thái ở Ấn Độ Dương: Abraham ben Yijū
Giáo sỹ Samuel ha-Nagid và kỷ nguyên vàng của người Do Thái ở bán đảo Iberia
Các nhà du hành Trung Cổ vĩ đại: Benjamin xứ Tudela
Di cư của người Do Thái bên trong các vương quốc Hồi giáo
Thái độ của người Hồi giáo đối với các cộng đồng thiểu số tôn giáo
Người Do Thái tự do, tự nguyện di cư
Sự biến động của dân số Do Thái
Ai Cập và vùng Maghreb
Bán đảo Iberia thời Hồi giáo cai trị

https://thuviensach.vn

Di cư của người Do Thái Byzantine
Người Do Thái nhập cư và di cư bên trong Châu Âu Cơ Đốc giáo
Nguồn gốc người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ
Châu Âu từ thời Charlemagne tới Frederick II (800-1250)
Hệ thống các vương quốc cạnh tranh nhau
Quyền lực của nhà thờ
Đô thị hóa và cuộc cách mạng thương mại
Không gian, thời gian của người Do Thái phiêu bạt
Người Do Thái ở bán đảo Iberia thời Cơ Đốc giáo
Người Do Thái ở Ý
Người Do Thái ở Pháp
Người Do Thái ở Đức
Người Do Thái ở Anh
Quyền của người Do Thái và việc kiểm soát người Do Thái
Mức sống
Nhập cư và di cư trong châu Âu: Đẩy hay Kéo?
Chuyển dịch trung tâm tôn giáo Do Thái
Tóm tắt
§8. PHÂN BIỆT HAY LỰA CHỌN? TỪ LÁI BUÔN TỚI NGƯỜI CHO VAY LÃI, 1000-1500
Tính kinh tế của tiền tệ và tín dụng ở châu Âu Trung Cổ
Đọc, viết, tính toán
Thông tin bất đối xứng, mạng lưới, đầu cơ
Tài chính chính phủ
Các thiết chế thực thi giao ước
Danh tiếng của người Do Thái trong nghề cho vay lãi: Các giả thuyết
Phường nghề và lệnh cấm cho vay nặng lãi

https://thuviensach.vn

Đàn áp và vốn con người dễ mang theo
Từ buôn rượu vang tới cho vay lãi
Động lực của nghề cho vay lãi của người Do Thái ở châu Âu Trung Cổ
Anh
Pháp
Đức, Áo, Trung và Đông Âu
Bán đảo Iberia
Nghề cho vay lãi của người Do Thái ở nước Ý thời Trung Cổ: Phân tích chi tiết
Thái độ đối với nghề cho vay lãi
Thái độ của người Do Thái đối với nghề cho vay lãi
Thái độ của người Cơ đốc giáo đối với việc cho vay lãi
Sự kiện và các giả thuyết cạnh tranh
Không được tham gia phường hội
Lệnh cấm người Hồi giáo và người Cơ đốc giáo cho vay nặng lãi
Đàn áp và vốn con người dễ mang theo
Tham gia buôn bán rượu vang
Từ lái buôn tới người cho vay lãi: Lợi thế so sánh trong công việc môi giới phức tạp
Phụ chương 8.A: Chính sách đặc quyền dành cho người Do Thái ở Vienna
§9. CÚ SỐC MÔNG CỔ DO THÁI GIÁO LIỆU CÓ THỂ SỐNG SÓT KHI THƯƠNG MẠI VÀ CÁC NỀN KINH TẾ ĐÔ THỊ SỤP ĐỔ?
Cuộc chinh phục Trung Đông Hồi giáo của người Mông Cổ
Tình hình kinh tế xã hội ở Trung Đông thời Mông Cổ cai trị
Dân số Do Thái thời Mông Cổ và Mamluk: Thí nghiệm
Ba Tư
Mesopotamia

https://thuviensach.vn

Ai Cập và Syria
Tại sao Do Thái giáo không thể tồn tại khi thương mại và các nền kinh tế đô thị sụp đổ?
Tóm tắt
§10. TỪ 1492 TỚI NAY: CÂU HỎI MỞ
Chân dung người Do Thái trên thế giới khoảng năm 1492
Lịch sử Do Thái, 70 sau CN – 1492: Hồi kết
Đường đi của dân tộc Do Thái trong 500 năm qua
Cấu trúc nghề nghiệp ổn định của người Do Thái
PHỤ LỤC
§1
§7
TÀI LIỆU THAM KHẢO
Tài liệu gốc
Tài liệu thứ cấp

https://thuviensach.vn